

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

大般涅槃經

TẬP II  
(QUYỂN 7 - QUYỂN 12)

TAM TẠNG PHÁP SƯ ĐÀM VÔ SẮM Hán dịch

ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch và chú giải

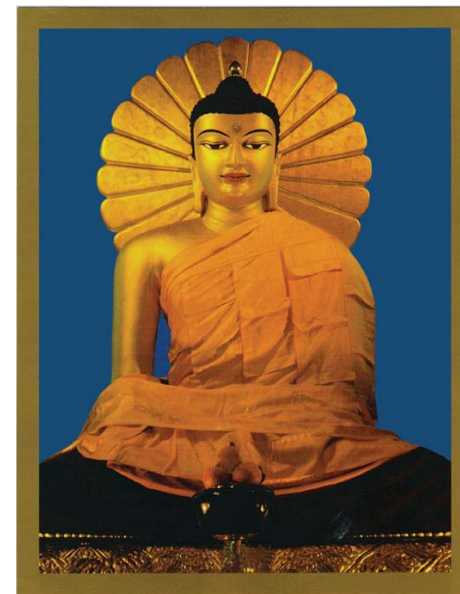
NGUYỄN MINH HIỂN hiệu đính Hán văn

TÀI BẢN CÓ CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

願  
解  
如  
來  
真  
實  
義

我  
今  
見  
聞  
得  
受  
持



無  
上  
甚  
深  
微  
妙  
法

百  
千  
萬  
劫  
難  
遭  
遇

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kinh Phật dạy rằng: “Thấy kinh như thấy Phật.”

Kinh điển Đại thừa hiện ở nơi đây, tức mười phương chư Phật đều hiện hữu nơi đây, chư Bồ Tát hộ pháp cũng tụ hội quanh đây. Người đọc kinh này nếu muốn hiểu được ý nghĩa nhiệm mầu sâu xa trong văn kinh, trước hết phải có lòng tin sâu như vậy, sau đó nên chí thành phát lời nguyện rằng:

“Chánh pháp Như Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được, dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được Kinh điển Đại thừa Đại Bát Niết-bàn này để tu tập hành trì, nguyện khai mở trí tuệ để thấu hiểu nghĩa lý sâu xa chân thật trong từng lời thuyết giảng của đức Như Lai.”

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

# 大般涅槃經

## 卷第七如來性品第四之四

爾時迦葉菩薩白佛言。世尊。如上所說四種人等應當依耶。

佛言。如是如是。善男子。如我所說應當依止。何以故。有四魔故。何等為四。一煩惱魔，二陰魔，三死魔，四他化自在天子魔。如魔所說諸餘經律能受持者。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說有四種魔。若魔所說及佛所說，我當云何而得分別。有諸衆生隨逐魔行，復有隨順佛所教者，如是等輩復云何知。

佛告迦葉。我般涅槃七百歲後。是魔波旬漸當沮壞我之正法。譬如獵師身服法衣。魔王波旬亦復如是。作比丘像比丘尼像優婆塞像優婆夷像。亦復化作須陀洹身。乃至化作阿羅漢身及佛色身。魔王以此有漏之形作無漏身壞我正法。是魔波旬壞正法時。當作是言。菩薩昔於兜率天上沒來在此迦毗羅城白淨王宮。依因父母愛欲和合生育是身。若言有人生於人中為諸世間天人大眾所恭敬者。無有是處。又復說言。往昔苦行種種布施頭目髓腦國城妻

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ THẤT - NHƯ LAI TÁNH PHẨM - Đệ tứ chi tứ

Nhĩ thời Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thượng sở thuyết, tứ chủng nhân đẳng ưng đương y da?

Phật ngôn: Như thị, như thị! Thiện nam tử! Như ngã sở thuyết ưng đương y chỉ. Hà dĩ cố? Hữu tứ ma cố. Hà đẳng vi tứ? Nhất phiền não ma, nhị ám ma, tam tử ma, tứ Tha hóa tự tại thiên tử ma. Như ma sở thuyết: chư dư kinh luật năng thọ trì giả.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết hữu tứ chủng ma. Nhược ma sở thuyết, cập Phật sở thuyết, ngã đương vân hà nhi đắc phân biệt? Hữu chư chúng sanh tùy trục ma hạnh, phục hữu tùy thuận Phật sở giáo giả, như thị đẳng bối phục vân hà tri?

Phật cáo Ca-diếp: Ngã bát Niết-bàn thất bách tuế hậu, thị Ma Ba-tuần tiêm đương tư hoại ngã chi Chánh pháp. Thí như liệt sư thân phục pháp y. Ma vương Ba-tuần diệt phục như thị, tác tỳ-kheo tượng, tỳ-kheo ni tượng, ưu-bà-tắc tượng, ưu-bà-di tượng. Diệt phục hóa tác Tu-đà-hoàn thân, nãi chí hóa tác A-la-hán thân cập Phật sắc thân. Ma vương dĩ thử hữu lậu chi hình, tác vô lậu thân hoại ngã Chánh pháp. Thị Ma Ba-tuần hoại Chánh pháp thời, đương tác thị ngôn: “Bồ Tát tích ư Đâu-suất thiên thượng, một lai tại thử Ca-tỳ-la thành, Bạch tịnh vương cung. Y nhân phụ mẫu ái dục hòa hiệp, sanh dục thị thân.” Nhược ngôn: “Hữu nhân sanh ư nhân trung, vi chư thế gian thiên nhân đại chúng sở cung kính giả, vô hữu thị xứ.” Hựu phục thuyết ngôn: “Vãng tích khổ hạnh, chủng chủng bố thí: dầu mục tuỷ não, quốc thành thê tử. Thị cố kim giả, đắc

子。是故今者得成佛道。以是因緣爲諸人，天，乾闥婆，阿修羅，迦樓羅，緊那羅，摩睺羅伽之所恭敬。若有經律作是說者。當知悉是魔之所說。

善男子。若有經律作如是言。如來正覺久已成佛。今方示現成佛道者。爲欲度脫諸衆生故。示有父母依因愛欲和合而生。隨順世間作是示現。如是經律當知真是如來所說。若有隨順魔所說者是魔眷屬。若能隨順佛說經律即是菩薩。

若有說言如來生時於十方面各行七步不可信者是魔所說。若復有說如來出世於十方面各行七步。此是如來方便示現。是名如來所說經律。若有隨順魔所說者是魔眷屬。若能隨順佛所說者。即是菩薩。

若有說言菩薩生已父王使人將詣天祠。諸天見已悉下禮敬。是故名佛。

復有難言天者先出。佛在於後。云何諸天禮敬於佛。作是難者。當知即是波旬所說。

若有經言佛到天祠。是諸天等摩醯首羅大梵天王釋提桓因。皆悉合掌敬禮其足。如是經律是佛所說。若有隨順魔所說者。是魔眷屬。若能隨順佛所說者即是菩薩。

thành Phật đạo. Dĩ thị nhân duyên vi chư nhân, thiên, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hâu-la-già chi sở cung kính.” Nhược hữu kinh luật tác thị thuyết giả, đương tri tất thị ma chi sở thuyết.

Thiện nam tử! Nhược hữu kinh luật tác như thị ngôn: “Như Lai chánh giác cửu dĩ thành Phật. Kim phương thị hiện thành Phật đạo giả. Vị dục độ thoát chư chúng sanh cố, thị hữu phụ mẫu, y nhân ái dục hòa hiệp nhi sanh. Tùy thuận thế gian, tác thị thị hiện.” Như thị kinh luật, đương tri chân thị Như Lai sở thuyết. Nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả, thị ma quyến thuộc. Nhược năng tùy thuận Phật thuyết kinh luật, tức thị Bồ Tát.

Nhược hữu thuyết ngôn: “Như Lai sanh thời ư thập phương diện, các hành thất bộ. Bất khả tín giả.” thị ma sở thuyết. Nhược phục hữu thuyết: “Như Lai xuất thế, ư thập phương diện, các hành thất bộ. Thủ thị Như Lai phương tiện thị hiện.” Thị danh Như Lai sở thuyết kinh luật. Nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả, thị ma quyến thuộc. Nhược năng tùy thuận Phật sở thuyết giả tức thị Bồ Tát.

Nhược hữu thuyết ngôn: “Bồ Tát sanh dĩ phụ vương sử nhân tương nghê thiên tử. Chư thiên kiến dĩ tất hạ lễ kính. Thị cố danh Phật.”

Phục hữu nạn ngôn: “Thiên giả tiên xuất Phật tại ư hậu. Vân hà chư thiên lễ kính ư Phật?” Tác thị nạn giả, đương tri tức thị Ba-tuần sở thuyết.

Nhược hữu kinh ngôn: “Phật đáo thiên tử, thị chư thiên đảnh, Ma-hê-thủ-la, Đại Phạm Thiên Vương, Thích-đề-hoàn-nhân giai tất hiệp chưởng, kính lễ kỳ túc.” Như thị kinh luật thị Phật sở thuyết. Nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả, thị ma quyến thuộc. Nhược năng tùy thuận Phật sở thuyết giả tức thị Bồ Tát.

若有經律說言。菩薩為太子時。以貪心故四方娉妻。處在深宮五欲自娛歡悅受樂。如是經律波旬所說。

若有說言菩薩久已捨離貪心妻息之屬。乃至不受三十三天上妙五欲如棄涕唾。何況人欲。剃除鬚髮出家修道。如是經律是佛所說。若有隨順魔經律者是魔眷屬。若有隨順佛經律者即是菩薩。

若有說言佛在舍衛祇陀精舍。聽諸比丘受畜奴婢僕使牛羊象馬驢騾鷄猪貓狗。金銀琉璃真珠玻璃磗磗瑪瑙珊瑚琥珀。珂貝璧玉銅鐵釜鍍大小銅盤。所須之物。耕田種植，販賣市易，儲積穀米，如是眾事。佛大慈故憐愍眾生皆聽畜之。如是經律悉是魔說。

若有說言佛在舍衛祇陀精舍。那梨樓鬼所住之處。爾時如來因婆羅門字殺羝德，及波斯匿王說言。比丘不應受畜金銀琉璃玻璃真珠磗磗瑪瑙珊瑚琥珀珂貝璧玉。奴婢僕使童男童女。牛羊象馬驢騾鷄猪貓狗等獸。銅鐵釜鍍。大小銅盤。種種雜色牀敷卧具。資生所須。所謂屋宅耕田種植販賣市易。自手作食自磨自舂。治身呪術調鷹方法。仰觀星宿

Nhược hữu kinh luật thuyết ngôn: “Bồ Tát vi Thái tử thời dĩ tham tâm cố, tứ phương sinh thê, xử tại thâm cung, ngũ dục tự ngu, hoan duyệt thọ lạc.” Như thị kinh luật Ba-tuần sở thuyết.

Nhược hữu thuyết ngôn: “Bồ Tát cửu dĩ xả ly tham tâm thê tức chi thuộc, nãi chí bất thọ tam thập tam thiên thượng diệu ngũ dục, như khí thế thóa hà hưởng nhân dục? Thế trừ tu phát, xuất gia tu đạo.” Như thị kinh luật thị Phật sở thuyết. Nhược hữu tùy thuận ma kinh luật giả thị ma quyến thuộc. Nhược hữu tùy thuận Phật kinh luật giả tức thị Bồ Tát.

Nhược hữu thuyết ngôn: “Phật tại Xá-vệ, Kỳ-đà tinh xá thính chư tỳ-kheo thọ súc nô tỳ, bộc sử, ngư, dương, tượng, mã, lư, loa, kê, trư, miêu, cầu, kim ngân, lưu ly, chân châu, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, khoa bối, bích ngọc, đồng thiết, phẫu phúc, đại tiểu đồng bàn, sở tu chi vật. Canh điền chủng thực, phán mại thị dịch, trừ tích cốc mễ, như thị chúng sự, Phật đại từ cố, lân mẫn chúng sanh, giai thính súc chi.” Như thị kinh luật tất thị ma thuyết.

Nhược hữu thuyết ngôn: “Phật tại Xá-vệ, Kỳ-đà tinh xá, Na-lê-lâu quĩ sở trụ chi xứ. Nhĩ thời, Như Lai nhân bà-la-môn tự Cổ-đê-đức cập Ba-tư-nặc vương, thuyết ngôn: tỳ-kheo bất ứng thọ súc kim ngân, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, khoa bối, bích ngọc, nô tỳ, bộc sử, đồng nam, đồng nữ, ngư, dương, tượng, mã, lư, loa, kê, trư, miêu, cầu đẳng thú, đồng thiết phẫu phúc, đại tiểu đồng bàn, chủng chủng tạp sắc sàng phu ngoại cụ. Tư sanh sở tu, sở vị ốc trạch, canh điền chủng thực, phán mại thị dịch, tự thủ tác thực, tự ma tự thung, trị thân chú thuật, điều ứng phương pháp, ngưỡng quan tinh tú, suy bộ doanh hư, chiêm tướng nam nữ, giải mộng kiết hung, thị nam thị nữ, phi nam phi nữ, lục thập tứ năng. Phục hữu thập bát hoặc nhân chú thuật, chủng

推步盈虛。占相男女解夢吉凶。是男是女非男非女，六十四能。復有十八惑人呪術種種工巧。或說世間無量俗事。散香末香塗香熏香。種種華鬘。治髮方術。姦偽諂曲貪利無厭。愛樂憤鬧戲笑談說。貪嗜魚肉和合毒藥治壓香油。捉持寶蓋及以革屣。造扇箱篋種種畫像。積聚穀米大小麥豆及諸果蔬。親近國王王子大臣及諸女人。高聲大笑或復默然。於諸法中多生疑惑。多語妄說長短好醜或善不善。好著妙衣。如是種種不淨之物。於施主前躬自讚歎。出入遊行不淨之處。所謂酤酒婬女博奕。如是之人我今不聽在比丘中。應當休道還俗役使。譬如稗糶悉滅無餘。當知是等經律所制。悉是如來之所說也。若有隨順魔所說者是魔眷屬。若有隨順佛所說者即是菩薩。

若有說言菩薩為欲供養天神故入天祠。所謂梵天大自在天。韋陀天迦梅延天。所以入者。為欲調伏諸天人故。若言不爾。無有是處。

若言菩薩不能入於外道邪論，知其威儀文章技藝。僕使鬪爭不能和合。不為男女國王大臣之所恭敬。又亦不知和合諸藥。以不知故乃名如來。如其知者是邪見輩。又復如來於怨親中其心平等。如以刀割及香塗身。於此二人不生增益損減之心。唯能處中故名如來。如是經律當知是魔之所說也。

chủng công xảo, hoặc thuyết thế gian vô lượng tục sự. Tán hương, mặc hương, đồ hương, huân hương, chủng chủng hoa man. Trị phát phương thuật, gian nguy xiểm khúc, tham lợi vô yểm, ái lạc hội náo, hí tiểu đàm thuyết, tham thị ngư nhục, hòa hiệp độc dục, trị áp hương du, tróc trì bảo cái, cập dĩ cách tử, tạo phiến, sương hiệp, chủng chủng họa tượng. Tích tụ cốc mễ, đại tiểu mạch đậu cập chư quả lã. Thân cận quốc vương, vương tử, đại thần cập chư nữ nhân, cao thỉnh đại tiểu, hoặc phục mặc nhiên. Ư chư pháp trung, đa sanh nghi hoặc, đa ngũ vọng thuyết trường, đoản, hảo, xú, hoặc thiện, bất thiện, háo trước diệu y. Như thị chủng chủng bất tịnh chi vật, ư thí chủ tiên, cung tự tán thán. Xuất nhập du hành bất tịnh chi xú, sở vị: cô tửu, dâm nữ, bác dịch. Như thị chi nhân, ngã kim bất thính tại tỳ-kheo trung. Ứng đương hưu đạo, hoàn tục dịch sử, thí như bái tú, tất diệt vô dư.” Đương tri thị đẳng kinh luật sở chế, tất thị Như Lai chi sở thuyết dã. Nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả, thị ma quyến thuộc. Nhược hữu tùy thuận Phật sở thuyết giả tức thị Bồ Tát.

Nhược hữu thuyết ngôn: “Bồ Tát vị dục cúng dường thiên thân, cố nhập thiên tử, sở vị: Phạm Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Vi-dà Thiên, Ca-chiên-diên Thiên. Sở dĩ nhập giả, vị dục điều phục chư thiên nhân cố. Nhược ngôn bất nhĩ, vô hữu thị xú.”

Nhược ngôn: “Bồ Tát bất năng nhập ư ngoại đạo tà luận, tri kỳ oai nghi, văn chương kỹ nghệ, bộc sử dẩu tránh, bất năng hòa hiệp, bất vi nam nữ quốc vương, đại thần chi sở cung kính, hựu diệt bất tri hòa hiệp chư dục. Dĩ bất tri cố, nãi danh Như Lai. Như kỳ tri giả, thị tà kiến bối. Hựu phục Như Lai ư oán thân trung, kỳ tâm bình đẳng, như dĩ đao cát cập hương đồ thân, ư thủ nhị nhân, bất sanh tăng ích tổn giảm chi tâm. Duy năng xử trung, cố danh Như Lai.” Như thị kinh luật, đương tri thị ma chi sở thuyết dã.

若有說言菩薩如是示入天祠，外學法中出家修道。示現知其威儀禮節。能解一切文章技藝。示入書堂技巧之處。能善和合僕使鬪爭。於諸大衆童男童女後宮妃后人民長者婆羅門等王及大臣貧窮等中最尊最上。復爲是等之所恭敬。亦能示現如是等事。雖處諸見不生愛心。猶如蓮華不受塵垢。爲度一切諸衆生故。善行如是種種方便隨順世法。如是經律當知即是如來所說。若有隨順魔所說者是魔眷屬。若能隨順佛所說者是大菩薩。

若有說言如來爲我解說經律。若惡法中輕重之罪及偷蘭遮其性皆重。我等律中終不爲之。我久忍受如是之法。汝等不信我當云何自捨己律就汝律耶。汝所有律是魔所說。我等經律是佛所制。如來先說九部法印。如是九印印我經律。初不聞有方等經典。一句一字如來所說。無量經律何處有說方等經耶。如是等中未曾聞有十部經名。如其有者。當知必定調達所作。調達惡人以滅善法造方等經我等不信。如是等經是魔所說。何以故。破壞佛法更相是非故。如是之言。汝經中有我經中無。我經律中如來說言。我涅槃後惡世當有不正經律。所謂大乘

Nhược hữu thuyết ngôn: “Bồ Tát như thị thị nhập thiên từ, ngoại học pháp trung xuất gia tu đạo, thị hiện tri kỳ oai nghi lễ tiết, năng giải nhất thiết văn chương kỹ nghệ, thị nhập thơ đường kỹ xảo chi xú, năng thiện hòa hiệp bộc sử đấu tranh. Ư chư đại chúng: đồng nam đồng nữ, hậu cung phi hậu, nhân dân, trưởng giả, bà-la-môn đẳng, vương cập đại thần, bản cùng đẳng trung, tối tôn tối thượng. Phục vi thị đẳng chi sở cung kính, diệc năng thị hiện như thị đẳng sự. Tuy xử chư kiến, bất sanh ái tâm, do như liên hoa bất thọ trần cấu. Vị độ nhất thiết chư chúng sanh cố, thiện hành như thị chủng chủng phương tiện, tùy thuận thế pháp.” Như thị kinh luật đương tri túc thị Như Lai sở thuyết. Nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả thị ma quyến thuộc. Nhược năng tùy thuận Phật sở thuyết giả thị đại Bồ Tát.

Nhược hữu thuyết ngôn: “Như Lai vị ngã giải thuyết kinh luật. Nhược ác pháp trung khinh trọng chi tội cập thân-lan-già kỳ tánh giai trọng. Ngã đẳng luật trung chung bất vi chi. Ngã cửu nhẫn thọ như thị chi pháp, nhữ đẳng bất tín. Ngã đương vân hà tự xử kỳ luật, tự nhữ luật da? Nhữ sở hữu luật thị ma sở thuyết. Ngã đẳng kinh luật thị Phật sở chế. Như Lai tiên thuyết cửu bộ pháp ấn. Như thị cửu ấn, ấn ngã kinh luật. Sơ bất văn hữu Phương đẳng kinh điển, nhất cú nhất tự. Như Lai sở thuyết vô lượng kinh luật, hà xú hữu thuyết Phương đẳng kinh da? Như thị đẳng trung vị tăng văn hữu thập bộ kinh danh. Như kỳ hữu giả đương tri tất định Điều-đạt sở tác. Điều-đạt ác nhân dĩ diệt thiện pháp, tạo Phương đẳng kinh. Ngã đẳng bất tín như thị đẳng kinh thị ma sở thuyết. Hà dĩ cố? Phá hoại Phật pháp cánh tương thị phi cố. Như thị chi ngôn nhữ kinh trung hữu, ngã kinh trung vô. Ngã kinh luật trung Như Lai thuyết ngôn: Ngã Niết-bàn hậu, ác thế đương hữu bất chánh kinh luật, sở vị Đại thừa Phương đẳng kinh

方等經典。未來之世當有如是諸惡比丘。我又說言。過九部經有方等典。若有人能了知其義。當知是人正了經律。遠離一切不淨之物。微妙清淨猶如滿月。

若有說言如來雖為一一經律說如恆河沙等義味。我律中無將知為無。如其有者。如來何故於我律中而不解說。是故我今不能信受。當知是人則為得罪。是人復言。如是經律我當受持。何以故。當為我作知足少欲斷除煩惱智慧涅槃善法因故。如是說者非我弟子。

若有說言如來為欲度眾生故說方等經。當知是人真我弟子。若有不受方等經者。當知是人非我弟子。不為佛法而出家也。即是邪見外道弟子。如是經律是佛所說。若不如是是魔所說。若有隨順魔所說者是魔眷屬。若有隨順佛所說者即是菩薩。

復次善男子。若有說言如來不為無量功德之所成就。無常變異以得空法。宣說無我不順世間。如是經律名魔所說。

若有人言如來正覺不可思議。亦為無量阿僧祇等功德所成。是故常住無有變異。如是經律是佛所說。若有隨順魔所說者是魔眷屬。若有隨順佛所說者即是菩薩。

điển. Vị lai chi thể, đương hữu như thị chư ác tỳ-kheo. Ngã hựu thuyết ngôn: Quá cửu bộ kinh hữu Phương đẳng điển. Nhược hữu nhân năng liễu tri kỳ nghĩa, đương tri thị nhân chánh liễu kinh luật, viễn ly nhất thiết bất tịnh chi vật, vi diệu thanh tịnh do như mãn nguyệt.”

Nhược hữu thuyết ngôn: “Như Lai tuy vị nhất nhất kinh luật, thuyết như hằng hà sa đẳng nghĩa vị, ngã luật trung vô, tương tri vi vô. Như kỳ hữu giả Như Lai hà cố ư ngã luật trung nhi bất giải thuyết? Thị cố ngã kim bất năng tín thọ.” Đương tri thị nhân tác vi đắc tội. Thị nhân phục ngôn: “Như thị kinh luật ngã đương thọ trì. Hà dĩ cố? Đương vị ngã tác tri túc, thiếu dục, đoạn trừ phiền não, trí huệ Niết-bàn, thiện pháp nhân cố.” Như thị thuyết giả phi ngã đệ tử.

Nhược hữu thuyết ngôn: “Như Lai vị dục độ chúng sanh cố thuyết Phương đẳng kinh.” Đương tri thị nhân chân ngã đệ tử. Nhược hữu bất thọ Phương đẳng kinh giả, đương tri thị nhân phi ngã đệ tử. Bất vị Phật pháp nhi xuất gia dã. Túc thị tà kiến ngoại đạo đệ tử. Như thị kinh luật thị Phật sở thuyết. Nhược bất như thị thị ma sở thuyết. Nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả thị ma quyến thuộc. Nhược hữu tùy thuận Phật sở thuyết giả tức thị Bồ Tát.

Phục thứ thiện nam tử! Nhược hữu thuyết ngôn: “Như Lai bất vi vô lượng công đức chi sở thành tựu. vô thường biến dị, dĩ đắc không pháp, tuyên thuyết vô ngã bất thuận thế gian.” Như thị kinh luật danh ma sở thuyết.

Nhược hữu nhân ngôn: “Như Lai chánh giác bất khả tư nghị, diệt vi vô lượng A-tăng-kỳ đẳng công đức sở thành. Thị cố thường trụ vô hữu biến dị.” Như thị kinh luật thị Phật sở thuyết. Nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả thị ma quyến thuộc. Nhược hữu tùy thuận Phật sở thuyết giả tức thị Bồ Tát.

復有人言。或有比丘實不毀犯波羅夷罪。衆人皆謂犯波羅夷。如斷多羅樹。而是比丘實無所犯。何以故。我常說言。四波羅夷。若犯一者。猶如析石不可還合。若有自說得過人法。是則名爲犯波羅夷。何以故。實無所得詐現得相故。如是之人退失人法。是名波羅夷。

所謂若有比丘少欲知足。持戒清淨住空閑處。若王大臣見是比丘。生心念言謂得羅漢。即前讚歎恭敬禮拜。復作是言。如是大師。捨是身已當得阿耨多羅三藐三菩提。比丘聞已即答王言。我實未得沙門道果。王莫稱我已得道果。唯願大王。勿爲我說不知足法。不知足者乃至謂得阿耨多羅三藐三菩提皆默然受。我今若當默然受者。當爲諸佛之所呵責。知足之行諸佛所讚。是故我欲終身歡樂奉修知足。又知足者。我定自知未得道果。王稱我得。我今不受。故名知足。時王答言。大師實得阿羅漢果如佛無異。爾時其王普皆宣告內外人民中宮妃后。悉令皆知得沙門果。是故咸令一切聞者。心生敬信供養尊重。如是比丘真是梵行清淨之人。以是因緣普令諸人得大福德。而是比丘實不毀犯波羅夷罪。何以故。前人自生歡喜之心讚歎供養故。如是比丘當有何罪。若有說言是人得罪。當知是經是魔所說。

Phục hữu nhân ngôn: “Hoặc hữu tỳ-kheo thật bất hủy phạm ba-la-di tội, chúng nhân giai vị phạm ba-la-di như đoạn đa-la thọ.” Nhi thị tỳ-kheo thật vô sở phạm. Hà dĩ cố? Ngã thường thuyết ngôn: “Tứ ba-la-di, nhược phạm nhất giả do như tích thạch bất khả hoàn hiệp.” Nhược hữu tự thuyết đắc quá nhân pháp, thị tắc danh vi phạm ba-la-di. Hà dĩ cố? Thật vô sở đắc trá hiện đắc tướng cố. Như thị chi nhân thối thất nhân pháp. Thị danh ba-la-di.

Sở vị nhược hữu tỳ-kheo thiếu dục tri túc, trì giới thanh tịnh, trụ không nhàn xứ. Nhược vương, đại thần kiến thị tỳ-kheo, sanh tâm niệm ngôn: “Vị đắc La-hán.” Túc tiên tán thán, cung kính lễ bái, phục tác thị ngôn: “Như thị đại sư xả thị thân dĩ, đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.” Tỳ-kheo văn dĩ, tức đáp vương ngôn: “Ngã thật vị đắc sa-môn đạo quả. Vương mặc xưng ngã dĩ đắc đạo quả. Duy nguyện đại vương vật vị ngã thuyết bất tri túc pháp. Bất tri túc giả nãi chí vị đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giai mặc nhiên thọ. Ngã kim nhược đương mặc nhiên thọ giả, đương vi chư Phật chi sở ha trách. Tri túc chi hạnh chư Phật sở tán. Thị cố ngã dục chung thân hoan lạc, phụng tu tri túc. Hựu tri túc giả, ngã định tự tri vị đắc đạo quả. Vương xưng ngã đắc, ngã kim bất thọ, cố danh tri túc.” Thời vương đáp ngôn: “Đại sư thật đắc A-la-hán quả như Phật vô dị.” Nhĩ thời kỳ vương phổ giai tuyên cáo nội ngoại nhân dân, trung cung phi hậu tất linh giai tri đắc sa-môn quả. Thị cố hàm linh nhất thiết văn giả tâm sanh kính tín, cúng dường tôn trọng. Như thị tỳ-kheo chân thị phạm hạnh thanh tịnh chi nhân. Dĩ thị nhân duyên phổ linh chư nhân đắc đại phước đức. Nhi thị tỳ-kheo thật bất hủy phạm ba-la-di tội. Hà dĩ cố? Tiên nhân tự sanh hoan hỷ chi tâm, tán thán cúng dường cố. Như thị tỳ-kheo đương hữu hà tội? Nhược hữu thuyết ngôn thị nhân đắc tội, đương tri thị kinh thị ma sở thuyết.



復有比丘說佛秘藏甚深經典。一切衆生皆有佛性。以是性故斷無量億諸煩惱結。即得成於阿耨多羅三藐三菩提。除一闍提。若王大臣作如是言。比丘汝當作佛不作佛耶。有佛性不。比丘答言。我今身中定有佛性。成以不成未能審之。王言。大德。如其不作一闍提者必成無疑。比丘言爾實如王言。是人雖言定有佛性。亦復不犯波羅夷也。

復有比丘。即出家時作是思惟。我今必定成阿耨多羅三藐三菩提。如是之人雖未得成無上道果。已爲得福無量無邊不可稱計。假使有人當言是人犯波羅夷。一切比丘無不犯者。何以故。我於往昔八十億劫。常離一切不淨之物。少欲知足威儀成就。善修如來無上法藏。亦自定知身有佛性。是故我今得成阿耨多羅三藐三菩提。得名爲佛有大慈悲。如是經律是佛所說。若有不能隨順是者是魔眷屬。若能隨順是大菩薩。

復有說言無四波羅夷十三僧殘二不定法三十捨墮九十單墮四懺悔法衆多學法七滅諍等。無偷蘭遮五逆等罪及一闍提。若有比丘犯如是等墮地獄者。外道之人悉應生天。何以故。諸外道等無戒可犯。

Phục hữu tỳ-kheo thuyết Phật bí tạng thậm thâm kinh điển: “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh. Dĩ thị tánh cố, đoạn vô lượng ức chư phiền não kết túc đắc thành ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, trừ nhất-xiển-đề.” Nhược vương đại thân tác như thị ngôn: “Tỳ-kheo! Nhữ đương tác Phật, bất tác Phật da? Hữu Phật tánh phủ?” Tỳ-kheo đáp ngôn: “Ngã kim thân trung định hữu Phật tánh. Thành dĩ bất thành vị năng thẩm chi.” Vương ngôn: “Đại đức! Như kỳ bất tác nhất-xiển-đề giả tất thành vô nghi?” Tỳ-kheo ngôn: “Nhĩ, thật như vương ngôn.” Thị nhân tuy ngôn định hữu Phật tánh, diệc phục bất phạm ba-la-di dã.

Phục hữu tỳ-kheo tức xuất gia thời tác thị tư duy: “Ngã kim tất định thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.” Như thị chi nhân tuy vị đắc thành vô thượng đạo quả, dĩ vi đắc phước vô lượng vô biên bất khả xưng kể. Giả sử hữu nhân đương ngôn thị nhân phạm ba-la-di, nhất thiết tỳ-kheo vô bất phạm giả. Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích bát thập ức kiếp thường ly nhất thiết bất tịnh chi vật, thiếu dục tri túc, oai nghi thành tựu, thiện tu Như Lai vô thượng pháp tạng, diệc tự định tri thân hữu Phật tánh. Thị cố ngã kim đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đắc danh vi Phật hữu đại từ bi. Như thị kinh luật thị Phật sở thuyết. Nhược hữu bất năng tùy thuận thị giả thị ma quyến thuộc. Nhược năng tùy thuận thị đại Bồ Tát.

Phục hữu thuyết ngôn: “Vô tứ ba-la-di, thập tam Tăng tàng, nhị Bát định pháp, tam thập Xả đạo, cửu thập Đơn đạo, tứ Sát hối pháp, chúng Đa học pháp, thất Diệt tránh đặng. Vô thâu-lan-già, Ngũ nghịch đặng tội cập nhất-xiển-đề. Nhược hữu tỳ-kheo phạm như thị đặng đạo địa ngục giả. Ngoại đạo chi nhân tất ứng sanh thiên. Hà dĩ cố? Chư ngoại đạo đặng vô giới khả phạm. Thị cố Như Lai thị hiện bố nhân cố thuyết tư giới.” Nhược ngôn: “Phật thuyết: Ngã chư tỳ-kheo nhược dục

是故如來示現怖人故說斯戒。若言佛說我諸比丘若欲行婬。應捨法服著俗衣裳然後行婬。復應生念婬欲因緣非我過咎。如來在世亦有比丘習行婬欲得正解脫。或命終後生於天上。古今有之非獨我作。或犯四重。或犯五戒。或行一切不淨律儀。猶故而得真正解脫。如來雖說犯突吉羅如忉利天日月歲數八百萬歲墮在地獄。是亦如來示現怖人。言波羅夷至突吉羅輕重無差。是諸律師妄作此言言是佛制。必定當知非佛所說。如是言說是魔經律。

若復說言。於諸戒中若犯小戒。乃至微細當受苦報無有齊限。如是知己防護自身如龜藏六。

若有律師復作是言。凡所犯戒都無罪報。如是之人不應親近。如佛所說。

若過一法  
是名妄語  
不見後世  
無惡不造

是故不應親近是人。我佛法中清淨如是。况復有犯偷蘭遮罪或犯僧殘及波羅夷而非罪耶。是故應當深自防護如是等法。若不守護更以何法名為禁戒。我於經中亦說有犯四波羅夷乃至微細突吉羅

hành dâm ung xả pháp phục, trước tục y thường nhiên hậu hành dâm.” Phục ưng sanh niệm: “Dâm dục nhân duyên phi ngã quá cứu. Như Lai tại thế diệt hữu tỳ-kheo tập hành dâm dục đắc chánh giải thoát, hoặc mạng chung hậu sanh ư thiên thượng. Cổ kim hữu chi phi độc ngã tác. Hoặc phạm Tứ trọng, hoặc phạm Ngũ giới, hoặc hành nhất thiết bất tịnh luật nghi, do cố nhi đắc chân chánh giải thoát! Như Lai tuy thuyết phạm đột-cát-la như Đao-lợi thiên, nhật nguyệt tuế số, bát bách vạn tuế đọa tại địa ngục, thị diệt Như Lai thị hiện bố nhân.” Ngôn ba-la-di chí đột-cát-la khinh trọng vô sai. Thị chư luật sư vọng tác thử ngôn, ngôn thị Phật chế. Tất định đương tri phi Phật sở thuyết.” Như thị ngôn thuyết thị ma kinh luật.

Nhược phục thuyết ngôn: “Ư chư giới trung, nhược phạm tiểu giới nãi chí vi tế, đương thọ khổ báo vô hữu tề hạn. Như thị tri dĩ phòng hộ tự thân như qui tạng lục.”

Nhược hữu luật sư phục tác thị ngôn: “Phàm sở phạm giới đô vô tội báo.” Như thị chi nhân bất ưng thân cận. Như Phật sở thuyết:

“Nhược quá nhất pháp,  
Thị danh vọng ngữ,  
Bất kiến hậu thế,  
Vô ác bất tạo.”

Thị cố bất ưng thân cận thị nhân. Ngã Phật pháp trung thanh tịnh như thị, huống phục hữu phạm thâu-lan-già tội? Hoặc phạm Tăng tàng cập ba-la-di nhi phi tội da? Thị cố ưng đương thâm tự phòng hộ như thị đẳng pháp. Nhược bất thủ hộ cánh dĩ hà pháp danh vi cấm giới? Ngã ư kinh trung diệt thuyết hữu phạm tứ ba-la-di, nãi chí vi tế đột-cát-la đẳng ưng đương khổ trị. Chúng sanh nhược bất hộ trì cấm giới, vân hà

等。應當苦治。衆生若不護持禁戒。云何當得見於佛性。一切衆生雖有佛性。要因持戒然後乃見。因見佛性得成阿耨多羅三藐三菩提。九部經中無方等經。是故不說有佛性也。經雖不說當知實有。若作是說。當知是人真我弟子。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如上所說一切衆生有佛性者。九部經中所未曾聞。如其說有。云何不犯波羅夷耶。

佛言。善男子。如汝所說。實不毀犯波羅夷也。善男子。譬如有人說言大海唯有七寶無八種者。是人無罪。若有說言九部經中無佛性者。亦復無罪。何以故。我於大乘大智海中說有佛性。二乘之人所不知見。是故說無不得罪也。如是境界諸佛所知。非是聲聞緣覺所及。

善男子。若人不聞如來甚深秘密藏者。云何當知有佛性耶。何等名爲秘密之藏。所謂方等大乘經典。

善男子。有諸外道。或說我常。或說我斷。如來不爾。亦說有我。亦說無我。是名中道。若有說言佛說中道一切衆生悉有佛性。煩惱覆故不知不見。是故應當勤修方便斷壞煩惱。若有能作如是說者。當知是人犯四重。若不能作如是說者。是則名爲犯波羅夷。

đương đắc kiến ư Phật tánh? Nhất thiết chúng sanh tuy hữu Phật tánh, yếu nhân trì giới nhiên hậu nãi kiến. Nhân kiến Phật tánh đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Cửu bộ kinh trung, vô Phương đẳng kinh, thị cố bất thuyết hữu Phật tánh dã. Kinh tuy bất thuyết đương tri thật hữu. Nhược tác thị thuyết đương tri thị nhân chân ngã đệ tử.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thượng sở thuyết, nhất thiết chúng sanh hữu Phật tánh giả. Cửu bộ kinh trung sở vị tàng văn. Như kỳ thuyết hữu vân hà bất phạm ba-la-di da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như nữ sở thuyết, thật bất hủy phạm ba-la-di dã. Thiện nam tử! Thí như hữu nhân thuyết ngôn: “Đại hải duy hữu thất bảo, vô bát chủng giả.” Thị nhân vô tội. Nhược hữu thuyết ngôn: “Cửu bộ kinh trung vô Phật tánh giả.” Diệc phục vô tội. Hà dĩ cố? Ngã ư đại thừa đại trí hải trung, thuyết hữu Phật tánh. Nhị thừa chi nhân sở bất tri kiến. Thị cố thuyết vô bất đắc tội dã. Như thị cảnh giới chư Phật sở tri, phi thị Thanh văn, Duyên giác sở cập.

Thiện nam tử! Nhược nhân bất văn Như Lai thậm thâm bí mật tạng giả, vân hà đương tri hữu Phật tánh da? Hà đẳng danh vi bí mật chi tạng? Sở vị Phương đẳng đại thừa kinh điển.

Thiện nam tử! Hữu chư ngoại đạo hoặc thuyết ngã thường, hoặc thuyết ngã đoạn. Như Lai bất nhĩ, diệc thuyết hữu ngã, diệc thuyết vô ngã. Thị danh trung đạo. Nhược hữu thuyết ngôn: “Phật thuyết trung đạo: nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Phiền não phú cố bất tri bất kiến. Thị cố ưng đương cần tu phương tiện, đoạn hoại phiền não.” Nhược hữu năng tác như thị thuyết giả, đương tri thị nhân bất phạm tứ trọng. Nhược bất năng tác như thị thuyết giả, thị tác danh vi phạm ba-la-di.

若有說言我已成就阿耨多羅三藐三菩提。何以故。以有佛性故。有佛性者必定當成阿耨多羅三藐三菩提。以是因緣我今已得成就菩提。當知是人則名為犯波羅夷罪。何以故。雖有佛性以未修習諸善方便。是故未見。以未見故不能得成阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。以是義故佛法甚深不可思議。

迦葉菩薩白佛言。世尊。有王問言。云何比丘墮過人法。

佛告迦葉。若有比丘。為利養故。為飲食故。作諸諛諂姦偽欺詐。云何當令諸世間人定實知我是乞士也。以是因緣令我大得利養名譽。如是比丘多愚癡故。長夜常念我實未得四沙門果。云何當令諸世間人謂我已得。復當云何令諸優婆塞優婆夷等。咸共指我作如是言。是人福德真是聖人。如是思惟。正為求利非為求法。行來入出進止安庠。執持衣鉢不失威儀。獨坐空處如阿羅漢。令世間人咸作是言。如是比丘善好第一。精勤苦行修寂滅法。以是因緣我當大得門徒弟子。諸人亦當大致供養衣服飲食卧具醫藥。令多女人敬念愛重。若有比丘及比丘尼。作如是事墮過人法。

Nhược hữu thuyết ngôn: “Ngã dĩ thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hà dĩ cố? Dĩ hữu Phật tánh cố. Hữu Phật tánh giả tất định đương thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ thị nhân duyên ngã kim dĩ đắc thành tựu bồ-đề. Đương tri thị nhân tác danh vi phạm ba-la-di tội. Hà dĩ cố? Tuy hữu Phật tánh, dĩ vị tu tập chư thiện phương tiện, thị cố vị kiến. Dĩ vị kiến cố, bất năng đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, Phật pháp thậm thâm bất khả tư nghị.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Hữu vương vấn ngôn: Vân hà tỳ-kheo đọa quá nhân pháp?

Phật cáo Ca-diếp: Nhược hữu tỳ-kheo vị lợi dưỡng cố, vị ẩm thực cố, tác chư du siểm, gian ngụy, khi trá: “Vân hà đương linh chư thế gian nhân định thật trí ngã thị khát sĩ dã? Dĩ thị nhân duyên, linh ngã đại đắc lợi dưỡng danh dự.” Như thị tỳ-kheo, đa ngu si cố, trường dạ thường niệm: “Ngã thật vị đắc tứ sa-môn quả. Vân hà đương linh chư thế gian nhân vị ngã dĩ đắc? Phục đương vân hà linh chư ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đẳng hàm cộng chỉ ngã, tác như thị ngôn: “Thị nhân phước đức, chân thị thánh nhân.” Như thị tư duy chánh vị câu lợi, phi vị câu pháp. Hành lai nhập xuất, tấn chỉ an tường, chấp trì y bát, bất thất oai nghi, độc tọa không xứ, như A-la-hán linh thế gian nhân hàm tác thị ngôn: “Như thị tỳ-kheo thiện hảo đệ nhất, tinh cần khổ hạnh, tu tịch diệt pháp. Dĩ thị nhân duyên, ngã đương đại đắc môn đồ đệ tử. chư nhân diệt đương đại trí cúng dường y phục, ẩm thực, ngoạ cụ, y dược, linh đa nữ nhân kính niệm ái trọng.” Nhược hữu tỳ-kheo cập tỳ-kheo ni tác như thị sự đọa quá nhân pháp.

復有比丘爲欲建立無上正法住空寂處。非阿羅漢而欲令人謂是羅漢。是好比丘。是善比丘。寂靜比丘。令無量人生於信心。以此因緣我得無量諸比丘等以爲眷屬。因是得教破戒比丘及優婆塞悉令持戒。以是因緣建立正法。光揚如來無上大事。開顯方等大乘法化。度脫一切無量衆生。善解如來所說經律輕重之義。復言我今亦有佛性。有經名曰如來秘藏。於是經中我當必定得成佛道。能盡無量億煩惱結。廣爲無量諸優婆塞。說言汝等盡有佛性。我之與汝俱當安住如來道地。成阿耨多羅三藐三菩提。盡無量億諸煩惱結。作是說者。是人不知墮過人法。名爲菩薩。

若言有犯突吉羅者。忉利天上日月歲數八百萬歲。墮地獄中受諸罪報。何況故犯偷蘭遮罪。此大乘中若有比丘犯偷蘭遮不應親近。何等名爲大乘經中偷蘭遮罪。若有長者造立佛寺。以諸華鬘用供養佛。有比丘見華貫中縷不問輒取犯偷蘭遮。若知不知亦如是犯。若以貪心破壞佛塔犯偷蘭遮。如是之人不應親近。

若王大臣見塔朽故。爲欲修補供養舍利。於是塔中或得珍寶即寄比丘。比丘得已自在而用。如是比丘名爲不淨多起鬪爭。善優婆塞不應親近供養恭

Phục hữu tỳ-kheo vị dục kiến lập vô thượng Chánh pháp, trụ không tịch xứ. Phi A-la-hán, nhi dục linh nhân vị thị La-hán, thị hảo tỳ-kheo, thị thiện tỳ-kheo, tịch tĩnh tỳ-kheo, linh vô lượng nhân sanh ư tín tâm. “Dĩ thủ nhân duyên, ngã đắc vô lượng chư tỳ-kheo đẳng dĩ vi quyến thuộc. Nhân thị đắc giáo phá giới tỳ-kheo cập ưu-bà-tắc tất linh trì giới. Dĩ thị nhân duyên kiến lập Chánh pháp, quang dương Như Lai vô thượng đại sự, khai hiển Phương đẳng đại thừa pháp hóa, độ thoát nhất thiết vô lượng chúng sanh, thiện giải Như Lai sở thuyết kinh luật khinh trọng chi nghĩa.” Phục ngôn: “Ngã kim diệt hữu Phật tánh, hữu kinh danh viết: Như Lai bí tạng. Ư thị kinh trung, ngã đương tất định đắc thành Phật đạo, năng tận vô lượng ức phiên não kết. Quảng vị vô lượng chư ưu-bà-tắc, thuyết ngôn: Nhữ đẳng tận hữu Phật tánh. Ngã chi dĩ nhữ câu đương an trụ Như Lai đạo địa, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tận vô lượng ức chư phiên não kết.” Tác thị thuyết giả thị nhân bất danh đạo quá nhân pháp. Danh vi Bồ Tát.

Nhược ngôn: “Hữu phạm đột-cát-la giả, Đạo-lợi thiên thượng, nhật nguyệt tuế số, bát bách vạn tuế, đạo địa ngục trung, thọ chư tội báo.” Hà hướng cố phạm thâm-lan-già tội? Thủ đại thừa trung, nhược hữu tỳ-kheo phạm thâm-lan-già bất ứng thân cận. Hà đẳng danh vi đại thừa kinh trung, thâm-lan-già tội? Nhược hữu trưởng giả tạo lập Phật tự, dĩ chư hoa man, dụng cúng dường Phật. Hữu tỳ-kheo kiến hoa quán trung lữ, bất vấn triếp thủ, phạm thâm-lan-già. Nhược tri, bất tri, diệt như thị phạm. Nhược dĩ tham tâm phá hoại Phật tháp, phạm thâm-lan-già. Như thị chi nhân bất ứng thân cận.

Nhược vương, đại thân, kiến tháp hủ cố, vị dục tu bổ cúng dường xá lợi. Ư thị tháp trung hoặc đắc trân bảo tức ký tỳ-kheo. Tỳ-kheo đắc dĩ tự tại nhi dụng. Như thị tỳ-kheo danh vi bất tịnh đa khởi đấu tranh. Thiện ưu-bà-tắc bất ứng thân

敬。如是比丘名為無根。名為二根。名不定根。不定根者欲貪女時身即為女。欲貪男時身即為男。如是比丘名為惡根。不名為男。不名為女。不名出家。不名在家。如是比丘不應親近供養恭敬。於佛法中沙門法者。應生悲心覆育衆生。乃至蟻子應施無畏。是沙門法。遠離飲酒乃至麝香。是沙門法。不得妄語乃至夢中不念妄語。是沙門法。不生欲心乃至夢中亦復如是。是沙門法。

迦葉菩薩白佛言。世尊。若有比丘夢行婬欲是犯戒不。

佛言。不也。應於婬欲生臭穢想。乃至不生一念淨想。遠離女人煩惱愛想。若夢行婬寤應生悔。比丘乞食受供養時。應如饑世食子肉想。若生婬欲應疾捨離。如是法門當知是佛所說經律。若有隨順魔所說者是魔眷屬。若能隨順佛所說者是名菩薩。

若有說言。佛聽比丘常翹一脚，寂默不言，投淵赴火，自墜高巖，不避險難，服毒斷食，卧灰土上，自縛手足，殺害衆生，方道呪術，旃陀羅子，無根，二根，及不定根，身根不具，如是等輩，如來悉聽出家為道。是名魔說。佛先聽食五種牛味及以油蜜憍奢耶衣革屣等物。除是之外。

cận, cúng dường cung kính. Như thị tỳ-kheo danh vi vô căn, danh vi nhị căn, danh bất định căn. Bất định căn giả dục tham nữ thời thân tức vi nữ, dục tham nam thời thân tức vi nam. Như thị tỳ-kheo danh vi ác căn, bất danh vi nam, bất danh vi nữ, bất danh xuất gia, bất danh tại gia. Như thị tỳ-kheo bất ứng thân cận, cúng dường, cung kính. Ư Phật pháp trung, sa-môn pháp giả, ứng sanh bi tâm, phú dục chúng sanh, nãi chí nghĩ tử ứng thí vô úy. Thị sa-môn pháp viễn ly ảm tửu, nãi chí khứ hương. Thị sa-môn pháp bất đắc vọng ngữ, nãi chí mộng trung bất niệm vọng ngữ. Thị sa-môn pháp bất sanh dục tâm, nãi chí mộng trung diệc phục như thị. Thị sa-môn pháp.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược hữu tỳ-kheo mộng hành dâm dục thị phạm giới phủ?

Phật ngôn: Phát dã. Ứng ư dâm dục sanh xú uế tưởng, nãi chí bất sanh nhất niệm tịnh tưởng, viễn ly nữ nhân phiến não ái tưởng. Nhược mộng hành dâm ngộ ứng sanh hối. tỳ-kheo khát thực, thọ cúng dường thời, ứng như cơ thể, thực tử nhục tưởng! Nhược sanh dâm dục ứng tạt xả ly. Như thị pháp môn đương tri thị Phật sở thuyết kinh luật. Nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả thị ma quyến thuộc. Nhược năng tùy thuận Phật sở thuyết giả thị danh Bồ Tát.

Nhược hữu thuyết ngôn: “Phật thính tỳ-kheo thường kiêu nhất cước, tịch mặc bất ngôn đầu uyên củ hỏa, tự trụ cao nham bất ty hiểm nạn, phục độc đoạn thực, ngọa khô thổ thượng, tự phược thủ túc sát hại chúng sanh phương đạo chú thuật. chiên-đà-la tử, vô căn, nhị căn cập bất định căn, thân căn bất cụ, như thị đẳng bối, Như Lai tất thính xuất gia vi đạo.” Thị danh ma thuyết. Phật tiên thính thực ngữ chúng ngữ vị cập dĩ du, mật, kiêu-xa-da y, cách tử đẳng vật, trừ thị chi ngoại.

若有說言聽著摩訶楞伽。一切種子悉聽貯蓄。草木之屬皆有壽命。佛說是已便入涅槃。若有經律作是說者。當知即是魔之所說。我亦不聽常翹一脚。常為法故聽行住坐卧。又亦不聽服毒斷食五熱炙身。繫縛手足殺害衆生方道呪術。珂貝象牙以為革屣。儲蓄種子草木有命。著摩訶楞伽。若言世尊作如是說。當知是為外道眷屬。非我弟子。

我唯聽食五種牛味及油蜜等。聽著革屣僑奢耶衣。我說四大無有壽命。若有經律作是說者。是名佛說若有隨順佛所說者。當知是等真我弟子。若有不隨佛所說者。是魔眷屬。若有隨順佛經律者。當知是人是大菩薩。

善男子。魔說佛說差別之相。今已為汝廣宣分別。

迦葉白佛言。世尊。我今始知魔說佛說差別之相。因是得入佛法深義。

佛讚迦葉。善哉善哉。善男子。汝能如是曉了分別。是名黠慧。

善男子。所言苦者不名聖諦。何以故。若言苦是苦聖諦者，一切牛羊驢馬及地獄衆生應有聖諦。

善男子。若復有人不知如來甚深境界常住不變微密法身。謂是食身非是法身。不知如來道德威

Nhược hữu thuyết ngôn: “Thính trước ma-ha-lăng-già. Nhất thiết chủng tử tất thính trừ súc. Thảo mộc chi thuộc giai hữu thọ mạng. Phật thuyết thị dĩ tiện nhập Niết-bàn.” Nhược hữu kinh luật tác thị thuyết giả, đương tri túc thị ma chi sở thuyết. Ngã diệc bất thính thường kiêu nhất cước. Thường vị pháp cố, thính, hành, trụ, tọa, ngoạ. Hựu diệc bất thính phục độc đoạn thực, ngũ nhiệt chá thân hệ phục thủ túc sát hại chúng sanh phương đạo chú thuật, khoa bối tượng nha dĩ vi cách tử, trừ súc chủng tử thảo mộc hữu mạng trước ma-ha-lăng-già. Nhược ngôn Thế Tôn tác như thị thuyết, đương tri thị vi ngoại đạo quyền thuộc phi ngã đệ tử.

Ngã duy thính thực ngũ chủng ngư vị cập du, mật đẳng, thính trước cách tử kiêu-xa-da y. Ngã thuyết tứ đại vô hữu thọ mạng. Nhược hữu kinh luật tác thị thuyết giả thị danh Phật thuyết. Nhược hữu tùy thuận Phật sở thuyết giả, đương tri thị đẳng chân ngã đệ tử. Nhược hữu bất tùy thuận Phật, kinh, luật giả, đương tri thị nhân thị Đại Bồ Tát.

Thiện nam tử! Ma thuyết Phật thuyết sai biệt chi tướng kim dĩ vị nữ quảng tuyên phân biệt.

Ca-diếp bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã kim thủy tri ma thuyết, Phật thuyết sai biệt chi tướng. Nhân thị đắc nhập Phật pháp thâm nghĩa.

Phật tán Ca-diếp: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nữ năng như thị hiểu liễu phân biệt thị danh hiệt huệ.

Thiện nam tử! Sở ngôn khổ giả bất danh thánh đế. Hà dĩ cố? Nhược ngôn khổ thị Khổ thánh đế giả nhất thiết ngư, dương, lư, mã cập địa ngục chúng sanh ưng hữu thánh đế!

Thiện nam tử! Nhược phục hữu nhân bất tri Như Lai thậm thâm cảnh giới, thường trụ bất biến, vi mật Pháp Thân, vị thị

力。是名為苦。何以故。以不知故法見非法非法見法。當知是人必墮惡趣輪轉生死。增長諸結多受苦惱。若有能知如來常住無有變易。或聞常住二字音聲。若一經耳即生天上。後解脫時乃能證知如來常住無有變易。既證知已而作是言。我於往昔曾聞是義。今得解脫方乃證知。我於本際以不知故輪轉生死週迴無窮。始於今日乃得真智。若如是知。真是修苦。多所利益。若不知者。雖復勤修無所利益。是名知苦名苦聖諦。若人不能如是修習。是名為苦非苦聖諦。

苦集諦者。於真法中不生真智受不淨物。所謂奴婢能以非法言是正法。斷滅正法不令久住。以是因緣不知法性。以不知故輪轉生死多受苦惱。不得生天及正解脫。若有深智不壞正法。以是因緣得生天上及正解脫。若有不知苦集諦處而言正法無有常住悉是滅法。以是因緣於無量劫流轉生死受諸苦惱。若能知法常住不異。是名知集名集聖諦。若人不能如是修習，是名為集，非集聖諦。

苦滅諦者。若有多修習學空法。是為不善。何以故。滅一切法故。壞於如來真法藏故。作是修

thực thân phi thị Pháp Thân, bát tri Như Lai đạo đức oai lực. Thị danh vi khổ. Hà dĩ cố? Dĩ bát tri cố pháp kiến phi pháp, phi pháp kiến pháp. Đương tri thị nhân tất đọa ác thú, luân chuyển sanh tử, tăng trưởng chư kết, đa thọ khổ não. Nhược hữu năng tri Như Lai thường trụ vô hữu biến dị, hoặc văn thường trụ nhị tự âm thanh, nhược nhất kinh nhĩ tức sanh thiên thượng. Hậu giải thoát thời nãi năng chứng tri Như Lai thường trụ vô hữu biến dị. Kỳ chứng tri dĩ nhi tác thị ngôn: “Ngã ư vãng tích tăng văn thị nghĩa. Kim đắc giải thoát phương nãi chứng tri. Ngã ư bốn tế dĩ bát tri cố luân chuyển sanh tử châu hồi vô cùng. Thủy ư kim nhật nãi đắc chân trí.” Nhược như thị tri chân thị tu khổ đa sở lợi ích. Nhược bát tri giả tuy phục cần tu vô sở lợi ích. Thị danh tri khổ, danh Khổ thánh đế. Nhược nhân bất năng như thị tu tập thị danh vi khổ, phi Khổ thánh đế.

Khổ tập đế giả, ư chân pháp trung bất sanh chân trí, thọ bất tịnh vật sở vị nô tỳ..., năng dĩ phi pháp ngôn thị Chánh pháp, đoạn diệt Chánh pháp bất linh cứu trụ. Dĩ thị nhân duyên bát tri pháp tánh. Dĩ bát tri cố luân chuyển sanh tử, đa thọ khổ não bất đắc sanh thiên cập chánh giải thoát. Nhược hữu thâm trí bất hoại Chánh pháp. Dĩ thị nhân duyên đắc sanh thiên thượng cập chánh giải thoát. Nhược hữu bát tri Khổ tập đế xử nhi ngôn Chánh pháp vô hữu thường trụ tất thị diệt pháp. Dĩ thị nhân duyên ư vô lượng kiếp lưu chuyển sanh tử thọ chư khổ não. Nhược năng tri pháp thường trụ bất dị thị danh tri tập, danh Tập thánh đế. Nhược nhân bất năng như thị tu tập, thị danh vi tập, phi Tập thánh đế.

Khổ diệt đế giả, nhược hữu đa tu tập học không pháp thị vi bất thiện. Hà dĩ cố? Diệt nhất thiết pháp cố, hoại ư Như Lai chân pháp tạng cố. Tác thị tu học thị danh tu không. Tu Khổ



學。是名修空。修苦滅者。逆於一切諸外道等。若言修空是滅諦者。一切外道亦修空法應有滅諦。

若有說言有如來藏雖不可見若能滅除一切煩惱爾乃得入。若發此心一念因緣。於諸法中而得自在。若有修習如來密藏無我空寂。如是之人於無量世。在生死中流轉受苦。若有不作如是修者。雖有煩惱疾能滅除。何以故。因知如來秘密藏故。是名苦滅聖諦。若能如是修習滅者。是我弟子。若有不能作如是修。是名修空非滅聖諦。

道聖諦者。所謂佛法僧寶及正解脫。有諸衆生顛倒心言無佛法僧及正解脫。生死流轉猶如幻化。修習是見。以此因緣輪轉三有久受大苦。若能發心見於如來常住無變。法僧解脫亦復如是。乘此一念於無量世自在果報隨意而得。何以故。我於往昔以四倒故非法計法受於無量惡業果報。我今已滅如是見故成佛正覺。是名道聖諦。

若有人言三寶無常。修習是見是虛妄修非道聖諦。若修是法為常住者。是我弟子。真見修習四聖諦法。是名四聖諦。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。我今始知修習甚深四聖諦法。

diệt giả nghịch ư nhất thiết chư ngoại đạo đẳng. Nhược ngôn tu không thị diệt đế giả, nhất thiết ngoại đạo diệt tu không pháp ưng hữu diệt đế.

Nhược hữu thuyết ngôn: “Hữu Như Lai tạng. Tuy bất khả kiến, nhược năng diệt trừ nhất thiết phiền não, nhĩ nãi đắc nhập.” Nhược phát thủ tâm nhất niệm nhân duyên ư chư pháp trung nhi đắc tự tại. Nhược hữu tu tập Như Lai mật tạng, vô ngã, không tịch, như thị chi nhân ư vô lượng thế tại sanh tử trung lưu chuyển thọ khổ. Nhược hữu bất tác như thị tu giả, tuy hữu phiền não tận năng diệt trừ. Hà dĩ cố? Nhân tri Như Lai bí mật tạng cố. Thị danh khổ diệt thánh đế. Nhược năng như thị tu tập diệt giả thị ngã đệ tử. Nhược hữu bất năng tác như thị tu, thị danh tu không phi Diệt thánh đế.

Đạo thánh đế giả sở vị Phật, Pháp, Tăng bảo cập chánh giải thoát. Hữu chư chúng sanh điên đảo tâm ngôn: “Vô Phật, Pháp, Tăng cập chánh giải thoát. Sanh tử lưu chuyển do như huyễn hóa.” Tu tập thị kiến dĩ thủ nhân duyên, luân chuyển tam hữu cứu thọ đại khổ. Nhược năng phát tâm kiến ư Như Lai thường trụ vô biến, Pháp Tăng giải thoát diệt phục như thị, thừa thủ nhất niệm ư vô lượng thế, tự tại quả báo tùy ý nhi đắc. Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích dĩ tứ đảo cố phi pháp kế pháp thọ ư vô lượng ác nghiệp quả báo. Ngã kim dĩ diệt như thị kiến cố thành Phật chánh giác. Thị danh Đạo thánh đế.

Nhược hữu nhân ngôn: “Tam bảo vô thường.” Tu tập thị kiến thị hư vọng tu phi đạo thánh đế. Nhược tu thị pháp vi thường trụ giả thị ngã đệ tử. Chân kiến tu tập tứ thánh đế pháp thị danh tứ thánh đế.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã kim thủy tri tu tập thậm thâm Tứ thánh đế pháp.

佛告迦葉。善男子。謂四倒者。於非苦中生於苦想。名曰顛倒。非苦者名為如來。生苦想者。謂於如來無常變異。若說如來是無常者。名大罪苦。若言如來捨此苦身入於涅槃如薪盡火滅。是名非苦而生苦想。是名顛倒。

我若說言如來常者，即是我見。以我見故有無量罪。是故應說如來無常。如是說者我則受樂。如來無常即為是苦。若是苦者云何生樂。

以於苦中生樂想故。名為顛倒。樂生苦想。名為顛倒。樂者即是如來。苦者如來無常。若說如來是無常者。是名樂中生於苦想。如來常住。是名為樂。我若說言如來是常。云何復得入於涅槃。若言如來非是苦者。云何捨身而取滅度。以於樂中生苦想故。名為顛倒。是名初倒。

無常常想，常無常想。是名顛倒。無常者，名不修空。不修空故壽命短促。若有說言不修空寂得長壽者。是名顛倒。是名第二顛倒。

無我，我想。我，無我想是名顛倒。世間之人亦說有我。佛法之中亦說有我。世間之人雖說有我無有佛性。是則名為於無我中而生我想。是名顛倒。佛法有我即是佛性。世間之人說佛法無我。是名我

Phật cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Vị tứ đảo giả ư phi khổ trung, sanh ư khổ tưởng danh viết điên đảo. Phi khổ giả danh vi Như Lai. Sanh khổ tưởng giả vị ư Như Lai vô thường biến dị. Nhược thuyết Như Lai thị vô thường giả danh đại tội khổ. Nhược ngôn Như Lai xả thủ khổ thân nhập ư Niết-bàn như tân tận hỏa diệt thị danh phi khổ nhi sanh khổ tưởng. Thị danh điên đảo.

Ngã nhược thuyết ngôn Như Lai thường giả tức thị ngã kiến. Dĩ ngã kiến cố hữu vô lượng tội. Thị cố ưng thuyết Như Lai vô thường. Như thị thuyết giả ngã tắc thọ lạc. Như Lai vô thường tức vi thị khổ? Nhược thị khổ giả vân hà sanh lạc?

Dĩ ư khổ trung sanh lạc tưởng cố danh vi điên đảo. Lạc sanh tưởng khổ danh vi điên đảo. Lạc giả tức thị Như Lai. Khổ giả Như Lai vô thường. Nhược thuyết Như Lai thị vô thường giả thị danh lạc trung sanh ư khổ tưởng. Như Lai thường trụ thị danh vi lạc. Ngã nhược thuyết ngôn Như Lai thị thường, vân hà phục đắc nhập ư Niết-bàn? Nhược ngôn Như Lai phi thị khổ giả, Vân hà xả thân nhi thủ diệt độ? Dĩ ư lạc trung sanh khổ tưởng cố danh vi điên đảo. Thị danh sơ đảo.

Vô thường, thường tưởng, thường vô thường tưởng, thị danh điên đảo. vô thường giả danh bất tu không. Bất tu không cố thọ mạng đoản xúc. Nhược hữu thuyết ngôn bất tu không tịch đắc trường thọ giả thị danh điên đảo. Thị danh đệ nhị điên đảo.

Vô ngã, ngã tưởng, ngã, vô ngã tưởng thị danh điên đảo. Thế gian chi nhân diệc thuyết hữu ngã. Thế gian chi nhân tuy thuyết hữu ngã vô hữu Phật tánh. Thị tác danh vi ư vô ngã trung nhi sanh ngã tưởng. Thị danh điên đảo. Phật pháp hữu ngã tức thị Phật tánh. Thế gian chi nhân thuyết Phật pháp vô ngã. Thị danh ngã trung sanh vô ngã tưởng. Nhược ngôn: Phật

中生無我想。若言佛法必定無我是故如來勅諸弟子修習無我。名為顛倒。是名第三顛倒。

淨不淨想不淨淨想。是名顛倒。淨者即是如來常住。非雜食身非煩惱身非是肉身。非是筋骨繫縛之身。若有說言如來無常是雜食身。乃至筋骨繫縛之身。法僧解脫是滅盡者。是名顛倒。不淨淨想名顛倒者。若有說言我此身中無有一法是不淨者。以無不淨定當得入清淨之處。如來所說修不淨觀。如是之言是虛妄說。是名顛倒。是則名為第四顛倒。

迦葉菩薩白佛言。世尊。我從今日始得正見。世尊。自是之前我等悉名邪見之人。世尊。二十五有有我不也。

佛言。善男子。我者即是如來藏義。一切衆生悉有佛性。即是我義。如是我義從本已來常為無量煩惱所覆。是故衆生不能得見。

善男子。如貧女人舍內多有真金之藏。家人大小無有知者。時有異人善知方便，語貧女人。我今顧汝，汝可為我耘除草穢。女即答言。我不能也。我若能示我子金藏，然後乃當速為汝作。是人復言。我知方便能示汝子。女人答言。我家大小尚

pháp tất định vô ngã, thị cố Như Lai sắc chử đệ tử tu tập vô ngã danh vi diên đảo. Thị danh đệ tam diên đảo.

Tịnh, bất tịnh tưởng, bất tịnh, tịnh tưởng thị danh diên đảo. Tịnh giả tức thị Như Lai thường trụ, phi tạp thực thân, phi phiền não thân, phi thị nhục thân, phi thị cân cốt hệ phược chi thân. Nhược hữu thuyết ngôn: “Như Lai vô thường thị tạp thực thân, nãi chí cân cốt hệ phược chi thân. Pháp, Tăng giải thoát thị diệt tận giả.” Thị danh diên đảo. Bất tịnh, tịnh tưởng danh diên đảo giả. Nhược hữu thuyết ngôn: “Ngã thủ thân trung vô hữu nhất pháp thị bất tịnh giả. Dĩ vô bất tịnh định đương đắc nhập thanh tịnh chi xứ. Như Lai sở thuyết tu bất tịnh quán như thị chi ngôn thị hư vọng thuyết.” Thị danh diên đảo. Thị tác danh vi đệ tứ diên đảo.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã từng kim nhật thủy đắc chánh kiến. Thế Tôn! Tự thị chi tiền ngã đẳng tất danh tà kiến chi nhân. Thế Tôn! Nhị thập ngũ hữu, hữu ngã phủ dã?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã giả tức thị Như Lai tạng nghĩa. Nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh tức thị ngã nghĩa. Như thị ngã nghĩa từng bốn dĩ lai, thường vi vô lượng phiền não sở phú, thị cố chúng sanh bất năng đắc kiến.

Thiện nam tử! Như bản nữ nhân xá nội đa hữu chân kim chi tạng. Gia nhân đại tiểu vô hữu tri giả. Thời hữu dị nhân thiện tri phương tiện ngữ bản nữ nhân: “Ngã kim cố nữ, nữ khả vi ngã vân trừ thảo uest.” Nữ tức đáp ngôn: “Ngã bất năng dã. Ngã nhược năng thị ngã tử kim tạng, nhiên hậu nãi đương tốc vị nữ tác.” Thị nhân phục ngôn: “Ngã tri phương tiện năng thị nữ tử.” Nữ nhân đáp ngôn: “Ngã gia đại tiểu thượng tự bất tri hướng nữ năng tri?” Thị nhân phục ngôn: “Ngã kim

自不知，况汝能知。是人復言。我今審能。女人答言。我亦欲見并可示我。是人即於其家掘出真金之藏。女人見已心生歡喜。生奇特想宗仰是人。

善男子。衆生佛性亦復如是。一切衆生不能見得。如彼寶藏貧女不知。

善男子。我今普示一切衆生所有佛性。爲諸煩惱之所覆蔽。如彼貧人有真金藏不能得見。如來今日普示衆生諸覺寶藏，所謂佛性。而諸衆生見是事已心生歡喜歸仰如來。善方便者即是如來。貧女人者即是一切無量衆生。真金藏者即是佛性也。

復次善男子。譬如女人生育一子，嬰孩得病。是女愁惱求覓醫師。醫師既來合三種藥。酥乳石蜜。與之令服因告女人。兒服藥已且莫與乳。須藥消已爾乃與之。是時女人即以苦物用塗其乳。母語兒言。我乳毒塗不可復觸。小兒渴乏欲得母乳。聞乳毒氣便遠捨去。遂至藥消母人以水淨洗其乳。喚其子言。來與汝乳。是時小兒雖復饑渴。先聞毒氣是故不來。母復語言。爲汝服藥故以毒塗。汝藥已消我已洗竟。汝便可來飲乳無苦。是兒聞已漸漸還飲。

thâm năng.” Nữ nhân đáp ngôn: “Ngã diệc dục kiến tinh khả thị ngã.” Thị nhân tức ư kỳ gia quật xuất chân kim chi tạng. Nữ nhân kiến dĩ tâm sanh hoan hỷ, sanh kỳ đặc tưởng tôn ngưỡng thị nhân.

Thiện nam tử! Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. Nhất thiết chúng sanh bất năng kiến đắc, như bỉ bảo tạng bản nữ bất tri.

Thiện nam tử! Ngã kim phổ thị nhất thiết chúng sanh sở hữu Phật tánh, vi chư phiền não chi sở phú tế, như bỉ bản nhân hữu chân kim tạng bất năng kiến đắc. Như Lai kim nhật phổ thị chúng sanh chư giác bảo tạng, sở vị Phật tánh. Nhi chư chúng sanh kiến thị sự dĩ, tâm sanh hoan hỷ, qui ngưỡng Như Lai. Thiện phương tiện giả tức thị Như Lai. Bản nữ nhân giả tức thị nhất thiết vô lượng chúng sanh. Chân kim tạng giả tức thị Phật tánh dã.

Phục thứ thiện nam tử! Thí như nữ nhân sanh dục nhất tử, anh hài đắc bệnh. Thị nữ sâu não cầu mịch y sư. Y sư ký lai hiệp tam chủng dược: tô, nhũ, thạch mật dĩ chi linh phục. Nhân cáo nữ nhân: “Nhi phục dược dĩ thả mịch dĩ nhũ. Tu dược tiêu dĩ nhĩ nãi dĩ chi.” Thị thời, nữ nhân tức dĩ khổ vật dụng đồ kỳ nhũ. Mẫu ngữ nhi ngôn: “Ngã nhũ độc đồ bất khả phục xúc.” Tiểu nhi khát phạp dục đắc mẫu nhũ, văn nhũ độc khí tiện viễn xả khứ. Toại chí dược tiêu mẫu nhân dĩ thủy tịnh tẩy kỳ nhũ, hoán kỳ tử ngôn: “Lai dĩ nhũ nhũ.” Thị thời tiểu nhi tuy phục cơ khát, tiên văn độc khí thị cố bất lai. Mẫu phục ngữ ngôn: “Vị nhũ phục dược cố dĩ độc đồ. Nhũ dược dĩ tiêu ngã dĩ tẩy cánh nhũ tiện khả lai ẩm nhũ vô khổ.” Thị nhi văn dĩ tiệm tiệm hoàn ẩm.

善男子。如來亦爾。為度一切教諸衆生修無我法。如是修已永斷我心入於涅槃。為除世間諸妄見故。示現出過世間法故。復示世間計我虛妄非真實故。修無我法清淨身故。喻如女人為其子故以苦味塗乳。如來亦爾。為修空故說言諸法悉無有我。如彼女人淨洗乳已而喚其子欲令還服。我今亦爾說如來藏。是故比丘不應生怖。如彼小兒聞母喚已漸還飲乳。比丘亦爾。應自分別如來秘藏不得不有。

迦葉菩薩白佛言。世尊。實無有我。何以故。嬰兒生時無所知曉。若有我者即生之日尋應有知。以是義故定知無我。若定有我。受生已後應無終沒。若使一切皆有佛性。是常住者應無壞相。若無壞相云何而有剎利婆羅門毗舍首陀及旃陀羅畜生差別。今見業緣種種不同諸趣各異。若定有我一切衆生應無勝負。以是義故定知佛性非是常法。若言佛性定是常者。何緣復說有殺盜婬兩舌惡口妄言綺語貪恚邪見。若我性常。何故酒後迷荒醉亂。若我性常。盲應見色。聾應聞聲。啞應能語。拘躄能行。若我性常。不應避於火坑大水毒藥刀劍惡人禽獸。若我常者本所更事不應忘失。若不忘失何緣復言我

Thiện nam tử! Như Lai diệc nhĩ, vị độ nhất thiết, giáo chú chúng sanh tu vô ngã pháp. Như thị tu dĩ vĩnh đoạn ngã tâm nhập ư Niết-bàn. Vị trừ thế gian chư vọng kiến cố thị hiện xuất quá thế gian pháp cố. Phục thị thế gian kế ngã hư vọng, phi chân thật cố, tu vô ngã pháp thanh tịnh thân cố. Dụ như nữ nhân vị kỳ tử cố dĩ khổ vị đồ nhũ. Như Lai diệc nhĩ vị tu không cố, thuyết ngôn chư pháp tất vô hữu ngã. Như bỉ nữ nhân tịnh tẩy nhũ dĩ nhi hoán kỳ tử dục linh hoàn phục. Ngã kim diệc nhĩ thuyết Như Lai tạng. Thị cố tỳ-kheo bất ưng sanh bố. Như bỉ tiểu nhi văn mẫu hoán dĩ tiệm hoàn ẩm nhũ. Tỳ-kheo diệc nhĩ ưng tự phân biệt Như Lai bí tạng bất đắc bất hữu.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thật vô hữu ngã. Hà dĩ cố? Anh nhi sanh thời vô sở tri hiểu. Nhược hữu ngã giả tức sanh chi nhật tâm ưng hữu tri. Dĩ thị nghĩa cố định tri vô ngã. Nhược định hữu ngã thọ sanh dĩ hậu ưng vô chung một. Nhược sử nhất thiết giai hữu Phật tánh, thị thường trụ giả ưng vô hoại tướng. Nhược vô hoại tướng vân hà nhi hữu sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà, cập chiên-đà-la súc sanh sai biệt? Kim kiến nghiệp duyên chủng chủng bất đồng chư thú các dị. Nhược định hữu ngã nhất thiết chúng sanh ưng vô thắng phụ. Dĩ thị nghĩa cố định tri Phật tánh phi thị thường pháp. Nhược ngôn Phật tánh định thị thường giả, hà duyên phục thuyết hữu sát, đạo, dâm, lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ, tham, nhuế, tà kiến? Nhược ngã tánh thường hà cố tửu hậu mê hoang túy loạn? Nhược ngã tánh thường manh ưng kiến sắc, lung ưng văn thanh, á ưng năng ngữ, câu tịch năng hành! Nhược ngã tánh thường bất ưng ty ư hỏa khanh, đại thủy, độc dược, đao kiếm, ác nhân, cầm thú! Nhược ngã thường giả bốn sở canh sự bất ưng vong thất. Nhược bất vong thất hà duyên

曾何處見是人耶。若我常者則不應有少壯老等衰盛力勢憶念往事。若我常者止住何處。為在涕唾青黃赤白諸色中耶。若我常者應徧身中如胡麻油間無空處。若斷身時我亦應斷。

佛告迦葉。善男子。譬如王家有大力士。其人眉間有金剛珠。與餘力士擲力相撲而彼力士以頭舐觸其額上珠尋沒膚中都不自知是珠所在。其處有瘡即命良醫欲自療治。

時有明醫善知方藥。即知是瘡因珠入體。是珠入皮即便停住。是時良醫尋問力士。卿額上珠為何所在。力士驚答大師醫王。我額上珠乃失去耶。是珠今者為何所在。將非幻化憂愁啼哭。

是時良醫慰喻力士。汝今不應生大愁苦。汝因鬪時寶珠入體今在皮裏影現於外。汝曹鬪時瞋恚毒盛珠陷入體故不自知。

是時力士不信醫言。若在皮裏膿血不淨何緣不出。若在筋裏不應可見。汝今云何欺誑於我。

時醫執鏡以照其面。珠在鏡中明了顯現。力士見已心懷驚怪生奇特想。

善男子。一切衆生亦復如是。不能親近善知識故。雖有佛性皆不能見。而為貪婬瞋恚愚癡之所覆

phục ngôn: “Ngã tăng hà xứ kiến thị nhân da?” Nhược ngã thường giả tắc bất ưng thiếu, tráng, lão đẳng, suy, thịnh lực thể, ức niệm vãng sự! Nhược ngã thường giả chỉ trụ hà xứ, vi tại thể thóa, thanh, hoàng, xích, bạch chư sắc trung da? Nhược ngã thường giả ưng biến thân trung như hồ ma du gian vô không xứ! Nhược đoạn thân thời ngã diệt ưng đoạn!

Phật cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Thí như vương gia hữu đại lực sĩ. Kỳ nhân my gian hữu kim cang châu. Dĩ dư lực sĩ giác lực tương phác nhi bỉ lực sĩ dĩ đầu để xúc. Kỳ ngạch thượng châu tầm một phu trung, đô bất tự tri thị châu sở tại. Kỳ xứ hữu sang, tức mạng lương y dục tự liệu trị.

Thời hữu minh y thiện tri phương dược tức tri thị sang nhân châu nhập thể. Thị châu nhập bì tức tiện đình trụ. Thị thời lương y tầm vấn lực sĩ: “Khanh ngạch thượng châu vi hà sở tại?” Lực sĩ kinh đáp: Đại sư y vương! Ngã ngạch thượng châu nãi thất khứ da? Thị châu kim giả vi hà sở tại? Tương phi huyền hóa?” Ưu sầu đề khóc.

Thị thời lương y ủy dụ lực sĩ: “Nhữ kim bất ưng sanh đại sầu khổ. Nhữ nhân đầu thời bảo châu nhập thể, kim tại bì lý, ảnh hiện ư ngoại. Nhữ tào đầu thời sân khuể độc thịnh, châu hãm nhập thể cố bất tự tri.”

Thị thời lực sĩ bất tín y ngôn: “Nhược tại bì lý nùng huyết bất tịnh hà duyên bất xuất? Nhược tại cân lý bất ưng khả kiến. Nhữ kim vân hà khi cống ư ngã?”

Thời y chấp kính dĩ chiếu kỳ diện: châu tại kính trung minh liễu hiển hiện. Lực sĩ kiến dĩ tâm hoài kinh quái sanh kỳ đặc tưởng.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh diệt phục như thị. Bát năng thân cận thiện tri thức cố, tuy hữu Phật tánh giai

蔽。故墮地獄畜生餓鬼阿修羅旃陀羅刹利婆羅門毗舍首陀。生如是等種種家中。因心所起種種業緣。雖受人身聾盲瘖瘂拘攣癱跛。於二十五有受諸果報。貪婬瞋恚愚癡覆心不知佛性。如彼力士寶珠在體謂呼失去。衆生亦爾不知親近善知識故。不識如來微密寶藏。修學無我。喻如非聖。雖說有我亦復不知我之真性我諸弟子亦復如是。不知親近善知識故。修學無我亦復不知無我之處。尚自不知無我真性。况復能知有我真性。

善男子。如來如是說諸衆生皆有佛性。喻如良醫示彼力士金剛寶珠。是諸衆生爲諸無量億煩惱等之所覆蔽不識佛性。若盡煩惱爾時乃得證知了了。如彼力士於明鏡中見其寶珠。

善男子。如來秘藏如是無量不可思議

復次善男子。譬如雪山有一味藥。名曰樂味。其味極甜在深叢下人無能見。有人聞香即知其地當有是藥。過去往世有轉輪王。於此雪山爲此藥故。在在處處造作木筒以接是藥。是藥熟時從地流出集木筒中。其味真正。王旣沒已其後是藥。或酢或醎或甜或苦或辛或淡。如是一味隨其流處有種種異。

bất năng kiến. Nhi vi tham dâm, sân khuê, ngu si chi sở phú tế cố đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, a-tu-la, chiên-đà-la, sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá, thú-đà sanh như thị đẳng chủng chủng gia trung, nhân tâm sở khởi chủng chủng nghiệp duyên. Tuy thọ nhân thân lung, manh, ám, á, câu tịch, long phả. Ư nhị thập ngũ hữu thọ chư quả báo. Tham dâm, sân khuê, ngu si phú tâm, bất tri Phật tánh. Như bỉ lực sĩ bảo châu tại thể vị hô thất khứ. Chúng sanh diệc nhĩ bất tri thân cận thiện tri thức cố, bất thức Như Lai vi mật bảo tạng. Tu học vô ngã dụ như phi thánh, tuy thuyết hữu ngã diệc phục bất tri ngã chi chân tánh. Ngã chư đệ tử diệc phục như thị bất tri thân cận thiện tri thức cố tu học vô ngã diệc phục bất tri vô ngã chi xứ. Thượng tự bất tri vô ngã chân tánh, huống phục năng tri hữu ngã chân tánh.

Thiện nam tử! Như Lai như thị thuyết chư chúng sanh giai hữu Phật tánh, dụ như lương y thị bỉ lực sĩ kim cang bảo châu. Thị chư chúng sanh vi chư vô lượng ức phiến não đẳng chi sở phú tế bất thức Phật tánh. Nhược tận phiến não, nhĩ thời nãi đắc chứng tri liễu liễu, như bỉ lực sĩ, ư minh kính trung kiến kỳ bảo châu.

Thiện nam tử! Như Lai bí tạng như thị vô lượng bất khả tư nghì!

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như Tuyết sơn hữu nhất vị dược danh viết lạc vị. Kỳ vị cực diêm tại thâm tông hạ nhân vô năng kiến. Hữu nhân văn hương tức tri kỳ địa đương hữu thị dược. Quá khứ vãng thế hữu chuyển luân vương, ư thủ Tuyết sơn vị thủ dược cố tại tại xứ xứ tạo tác mộc đồng dĩ tiếp thị dược. Thị dược thực thời tùng địa lưu xuất, tập mộc đồng trung kỳ vị chân chánh. Vương ký một dĩ kỳ hậu thị dược hoặc thổ, hoặc hàm, hoặc diêm, hoặc khổ, hoặc tân, hoặc đạm. Như

是藥真味停留在山猶如滿月。凡人薄福雖以鑿斲加功困苦而不能得。復有聖王出現於世。以福因緣即得是藥真正之味。

善男子。如來秘藏其味亦爾。為諸煩惱叢林所覆。無明衆生不能得見。一味藥者喻如佛性。以煩惱故出種種味。所謂地獄畜生餓鬼天人。男女非男非女。刹利婆羅門毗舍首陀。

佛性雄猛難可沮壞。是故無有能殺害者。若有殺者則斷佛性。如是佛性終不可斷，性若可斷，無有是處。如我性者即是如來秘密之藏。如是秘藏一切無能沮壞燒滅。雖不可壞然不可見。若得成就阿耨多羅三藐三菩提爾乃證知。以是因緣無能殺者。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。若無殺者應當無有不善之業。

佛告迦葉。實有殺生。何以故。善男子。衆生佛性住五陰中。若壞五陰名曰殺生。若有殺生即墮惡趣。以業因緣而有刹利婆羅門等毗舍首陀及旃陀羅。若男若女非男非女。二十五有差別之相流轉生死。非聖之人橫計於我大小諸相。猶如稗子或如米

thị nhất vị tùy kỳ lưu xú hữu chủng chủng dị. Thị dược chân vị đình lưu tại sơn do như mãn nguyệt. Phạm nhân bạc phước tuy dĩ quắc chúc gia công khốn khổ nhi bất năng đắc. Phục hữu thánh vương xuất hiện ưu thế, dĩ phước nhân duyên túc đắc thị dược chân chánh chi vị.

Thiện nam tử! Như Lai bí tạng kỳ vị diệt nhĩ. Vị chư phiền não tông lâm sở phú, vô minh chúng sanh bất năng đắc kiến. Nhất vị dược giả dụ như Phật tánh. Dĩ phiền não cố xuất chủng chủng vị. Sở vị: địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thiên, nhân, nam, nữ, phi nam, phi nữ, sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà.

Phật tánh hùng mãnh nan khả trở hoại, thị cố vô hữu năng sát hại giả. Nhược hữu sát giả tắc đoạn Phật tánh. Như thị Phật tánh chung bất khả đoạn, tánh nhược khả đoạn, vô hữu thị xứ. Như ngã tánh giả túc thị Như Lai bí mật chi tạng. Như thị bí tạng nhất thiết vô năng trở hoại, tiêu diệt. Tuy bất khả hoại nhiên bất khả kiến. Nhược đắc thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nhĩ nãi chứng tri. Dĩ thị nhân duyên vô năng sát giả.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược vô sát giả ưng đương vô hữu bất thiện chi nghiệp.

Phật cáo Ca-diếp: Thật hữu sát sanh. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Chúng sanh Phật tánh trụ ngũ ấm trung. Nhược hoại ngũ ấm danh viết sát sanh. Nhược hữu sát sanh tức đoạn ác thú. Dĩ nghiệp nhân duyên nhi hữu sát-ly, bà-la-môn đẳng, tỳ-xá, thủ-đà cập chiên-đà-la, nhược nam, nhược nữ, phi nam, phi nữ, nhị thập ngũ hữu sai biệt chi tướng, lưu chuyển sanh tử. Phi thánh chi nhân hoành kế ưu ngã, đại tiểu chư tướng do như bái tử, hoặc như mẽ, đậu nãi chí mẫu chỉ. Như thị chủng



豆乃至拇指。如是種種妄生憶想。妄想之相無有真實。出世我相名為佛性。如是計我是名最善。

復次善男子。譬如有人善知伏藏。即取利鑿斷地直下磐石沙礫直過無難。唯至金剛不能穿撤。夫金剛者所有刀斧不能沮壞。

善男子。衆生佛性亦復如是。一切論者天魔波旬及諸人天所不能壞。五陰之相即是起作。起作之相喻如石沙可穿可壞。佛性者喻如金剛不可沮壞。以是義故壞五陰者名為殺生。

善男子。必定當知佛法如是不可思議。

## 大般涅槃經卷第七

終

chủng vọng sanh úc tưởng. Vọng tưởng chi tướng vô hữu chân thật. Xuất thế ngã tướng danh vi Phật tánh. Như thị kế ngã thị danh tối thiện.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như hữu nhân thiện tri phục tạng tức thủ lợi quốc trác địa, trực hạ bàn thạch sa lịch, trực quá vô nan. Duy chí kim cang bất năng xuyên triệt. Phù kim cang giả sở hữu đao phủ bất năng tư hoại.

Thiện nam tử! Chúng sanh Phật tánh diệt phục như thị, nhất thiết luận giả, thiên Ma Ba-tuần cập chư nhân, thiên sở bất năng hoại. Ngũ ấm chi tướng tức thị khởi tác. Khởi tác chi tướng dụ như thạch sa, khả xuyên, khả hoại. Phật tánh giả dụ như kim cang bất khả tư hoại. Dĩ thị nghĩa cố hoại ngũ ấm giả danh vi sát sanh.

Thiện nam tử! Tất định đương tri Phật pháp như thị bất khả tư nghị.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh - Quyển đệ thất

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN BẢY

## PHẨM TÁNH NHƯ LAI

### Phẩm thứ tư - Phần bốn<sup>(1)</sup>

**L**úc ấy Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như vậy có phải là nên nương tựa, y theo bốn hạng người Phật đã nói trên?”

Phật dạy: “Đúng vậy, đúng vậy! Thiện nam tử! Như ta đã nói, nên nương tựa, y theo những người như thế. Vì sao vậy? Vì có bốn thứ ma. Bốn thứ ma ấy là gì? Là ma phiền não, ma năm ấm, ma chết, và ma của cảnh trời Tha hóa tự tại. Những kinh luật khác mà các loài ma ấy thuyết dạy cũng có người thọ trì.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Như Phật vừa nói có bốn thứ ma. Chúng con làm sao có thể phân biệt những điều Phật thuyết dạy với những điều ma thuyết dạy? Có những chúng sanh theo hạnh của ma, lại có những chúng sanh vâng lời Phật dạy, chúng con làm sao biết được?”

Phật dạy Bồ Tát Ca-diếp: “Bảy trăm năm sau khi ta nhập Niết-bàn, bọn ma Ba-tuần<sup>(2)</sup> sẽ dần dần làm hư hoại Chánh pháp. Ví như người thợ săn mặc vào y phục người tu hành, Ma vương Ba-tuần cũng vậy. Chúng giả dạng tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, lại hóa

hình từ các vị Tu-đà-hoàn đến A-la-hán,<sup>(3)</sup> cho đến sắc thân Phật. Với hình hài hữu lậu,<sup>(4)</sup> Ma vương giả làm thân vô lậu để phá hoại Chánh pháp. Đến lúc ma Ba-tuần phá hoại Chánh pháp, chúng sẽ nói rằng: “Thuở xưa Bồ Tát ở trên cung trời Đâu-suất,<sup>(5)</sup> chết đi rồi mới sanh về thành Ca-tỳ-la nơi cung vua Bạch Tịnh.<sup>(6)</sup> Đó là nhân chỗ cha mẹ ái dục hòa hợp mà sanh ra thân ấy.”

“Hoặc nói rằng: ‘Nếu ai sanh trong cõi người mà được đại chúng chư thiên và nhân loại thế gian cung kính, đó là sự vô lý.’

“Ma lại nói rằng: ‘Từ thuở xưa kia, ngài đã từng tu khổ hạnh và bố thí mọi thứ, như: đầu, mắt, tuỷ não, thành quách, giang sơn, cho đến vợ con. Nhờ vậy, nay ngài được thành Phật đạo. Bởi nhân duyên ấy, ngài được sự cung kính của các loài chúng sanh: loài người, chư thiên, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già.’

“Nếu có kinh luật nào thuyết dạy như thế, nên biết rằng đó là thuyết của ma.

“Thiện nam tử! Như có kinh luật nào nói rằng: ‘Như Lai Chánh giác thành Phật đã lâu rồi, nay mới thị hiện thành Phật đạo. Vì ngài muốn độ thoát các chúng sanh nên thị hiện có cha mẹ, nương theo chỗ ái dục hòa hợp của cha mẹ mà sanh ra. Ngài tùy thuận thế gian nên làm việc như vậy.’ Nên biết rằng kinh luật như thế thật là chỗ thuyết dạy của Như Lai.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyến thuộc của ma. Như ai có thể tùy thuận kinh luật mà Phật đã thuyết, tất nhiên đó là Bồ Tát.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Lúc mới sanh Như Lai hướng về mười phương đi bảy bước theo mỗi phương. Điều ấy không thể tin.’ Đó là thuyết của ma.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Lúc mới ra đời, Như Lai hướng về mười phương đi bảy bước theo mỗi phương, đó là phương tiện thị hiện của Như Lai.’ Như vậy gọi là kinh luật mà Như Lai đã thuyết.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyến thuộc của ma. Như ai có thể tùy thuận kinh luật mà Phật đã thuyết, tất nhiên đó là Bồ Tát.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Khi Bồ Tát sanh ra rồi, vua cha sai người đưa Ngài đến thiên từ.<sup>(7)</sup> Chư thiên được thờ phụng nơi đó thấy Ngài vào thấy đều bước xuống lễ kính Ngài. Vì vậy nên ai nấy đều tôn xưng ngài là Phật.’

“Lại có kẻ vấn nạn rằng: ‘Chư thiên xuất hiện trước, Phật ra đời sau; như vậy làm sao chư thiên lễ kính Phật?’ Nên biết rằng lời vấn nạn như vậy tức là thuyết của Ma Ba-tuần.

“Như có kinh nói rằng: ‘Khi Phật bước vào miếu thờ thiên thần, các tượng thần và chư thiên nơi ấy như Ma-hê-thủ-la, Đại Phạm thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân thấy đều chấp tay, kính lễ dưới chân Phật.’ Kinh luật như vậy là thuyết của Phật.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyến thuộc của ma. Như ai có thể tùy thuận kinh luật mà Phật đã thuyết, tất nhiên đó là Bồ Tát.

“Như có kinh luật nói rằng: ‘Khi Bồ Tát làm thái tử, vì lòng tham Ngài đi bốn phương tìm cưới vợ, rồi Ngài ở

nơi thâm cung hưởng thụ năm thứ dục lạc,<sup>(8)</sup> vui sướng đủ điều.’ Kinh luật như thế là do Ma Ba-tuần nói ra vậy.

“Như có thuyết nói rằng: ‘Bồ Tát đã lìa bỏ lòng tham đối với vợ con, gia thuộc từ lâu, cho đến đối với việc thụ hưởng năm thứ dục lạc thượng diệu ở cõi trời Ba mươi ba<sup>(9)</sup> ngài cũng chỉ cũng xem như đám dãi nhơ nhớp, huống chi là sự vui thích ở nhân gian? [Vì thế,] ngài cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu học đạo.’ Kinh luật như thế là do Phật thuyết.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyến thuộc của ma. Như ai có thể tùy thuận kinh luật mà Phật đã thuyết, tất nhiên đó là Bồ Tát.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Khi Phật ở tại thành Xá-vệ, trong tinh xá Kỳ-đà, ngài có cho phép các tỳ-kheo thu nhận và chứa trữ những thứ như nô tỳ, tôi tớ, bò, dê, voi, ngựa, lừa, la, gà, heo, mèo, chó, vàng, bạc, lưu ly, chân châu, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc thạch, ngọc bích, nồi đồng và nồi sắt, mâm đồng lớn và mâm đồng nhỏ, cùng mọi vật dụng...; có cho phép làm ruộng, làm vườn, buôn bán đổi chác, chứa trữ thóc lúa... Vì lòng đại từ thương xót chúng sanh, Phật cho chứa trữ mọi vật ấy và làm mọi việc như vậy.’ Kinh luật như thế là do ma thuyết.

“Như có người nói rằng: ‘Khi Phật ở tại thành Xá-vệ, trong tinh xá Kỳ-đà, xứ sở của quý Na-lê-lâu. Lúc ấy, nhân vì ông bà-la-môn Cổ-đê-đức cùng vua Ba-tư-nặc, Như Lai có dạy rằng: Tỳ-kheo chẳng nên thu nhận và chứa trữ vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc thạch, ngọc bích, nô tỳ, tôi

tổ, đồng nam, đồng nữ, các loại thú vật như: bò, dê, voi, ngựa, lừa, la, gà, heo, mèo, chó, nôi đồng và nôi sắt, mâm đồng lớn và mâm đồng nhỏ, và mọi thứ giường, mùng, chiếu, gối nhiều màu sắc...

“[Vi tỳ-kheo cũng không nên làm] những việc mà người đời cần đến để mưu sinh như làm nhà cửa, làm ruộng, làm vườn, buôn bán, đổi chác, tự làm thức ăn, xay gạo, giã gạo, luyện chú thuật giữ mình, tập luyện chim ưng dùng để đi săn, xem sao đoán mệnh, suy tính việc nên hư, xem tướng kẻ nam người nữ, theo chiêm bao mà đoán những việc lành dữ, [hoặc đoán thai nhi] là nam, là nữ, hay chẳng phải nam chẳng phải nữ... 64 nghề giỏi; lại có 18 phép chú thuật lừa dối người, các thứ nghề khéo léo, hoặc nói vô số việc thông tục của người đời; dùng hương tán, hương bột, hương phết, hương xông, mọi thứ hoa kết lại; làm nghề hớt tóc, sửa tóc, gian tà bợ đỡ, tham lợi không chán, vui thích chỗ náo nhiệt, nói chuyện giỡn cười, tham ăn cá thịt, pha chế thuốc độc, dầu thơm, dùng dù lọng quý, đi giày da, làm ra quạt lông, rương tráp, các thứ hình vẽ; chứa trữ lúa thóc, các loại lúa mạch, các loại đậu cùng các thứ dưa, trái...

“[Vi tỳ-kheo cũng không được] gần gũi thân mật với vua chúa, con vua, quan chức cao cấp cùng các phụ nữ, nói cười lớn tiếng hoặc nín lặng, không nói năng chi cả; thường nghi ngờ đối với các pháp, hay nói bậy bạ, chuyện dài, vắn, tốt, xấu, lành, dữ, ưa mặc áo đẹp...

“Nếu người xuất gia tự mình khen ngợi các việc bất tịnh như thế trước mặt thí chủ, lại vào ra, đi chơi đến những chỗ bất tịnh như tiệm bán rượu, nhà dâm nữ, chỗ cờ bạc... những người như vậy, Phật chẳng cho ở chung

với các tỳ-kheo. Họ nên ra khỏi tăng đoàn, hoàn tục mà làm hạng tôi tớ trong thế gian cho người khác sai khiến. Họ ví như cỏ dại lẫn trong đám lúa, cần phải loại bỏ đi.’

“Những kinh luật nào dạy như trên, nên biết rằng đều là thuyết của Như Lai.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyến thuộc của ma. Như ai tùy thuận thuyết của Phật, người ấy tức là Bồ Tát.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Bồ Tát vì muốn cúng dường thiên thần nên vào miếu thần, như những chỗ thờ Đại tự tại thiên, Vi-đà thiên, Ca-chiên-diên thiên...’ [Lời nói như vậy là không đúng, vì] sở dĩ Phật vào những nơi đó là để điều phục cả hàng trời, người. Nếu nói rằng không phải như vậy thì thật vô lý!

“Lại như có kẻ nói rằng: ‘Bồ Tát không thể vào nơi ngoại đạo tà luận để biết oai nghi của họ, văn chương và kỹ nghệ của họ, không thể hòa hợp với bọn đánh thuê, chẳng nhận sự cung kính của kẻ nam, người nữ, quốc vương, đại thần, cũng chẳng biết pha chế các món thuốc. Vì chẳng biết các việc như vậy mới xưng là Như Lai, nếu biết là thuộc về bọn tà kiến. Lại nữa, Như Lai có lòng bình đẳng đối với kẻ oán và người thân, như có người dùng dao cắt thịt ngài hay có người dùng hương thơm thoa phết lên thân ngài, đối với hai người ấy ngài đều không xem là có sự tốt hơn hay tổn hại gì cả. Ngài chỉ giữ mức khoảng giữa, cho nên mới được xưng là Như Lai.’ Kinh luật như vậy, nên biết rằng đó là chỗ thuyết của ma.

“Như có người nói rằng: ‘Bồ Tát thị hiện vào miếu thờ thiên thần và ở trong pháp ngoại đạo xuất gia tu đạo;

thị hiện biết oai nghi, lễ tiết của ngoại đạo và thế nhân, hiểu rõ tất cả văn chương, kỹ nghệ của họ, thị hiện vào thư đường, những chỗ kỹ xảo, khéo hòa hợp với bọn đánh thuê; đối với đại chúng, đồng nam, đồng nữ, hoàng hậu, cung phi, mỹ nữ, nhân dân, trưởng giả, bà-la-môn, vua chúa, đại thần, cho đến hạng bần cùng, ngài là bậc tối tôn tối thượng. Ngài lại được các hạng người ấy cung kính, Ngài cũng có thể thị hiện làm mọi việc vừa kể đó. Tuy ở nơi những người tà kiến, nhưng ngài chẳng có lòng luyến ái, như hoa sen không nhiễm bụi dơ. Vì độ tất cả chúng sanh, ngài khéo thi hành mọi phương tiện ấy, tùy thuận thế pháp.’ Kinh luật như vậy, nên biết chính là chỗ thuyết dạy của Như Lai.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyến thuộc của ma. Như ai có thể tùy thuận thuyết của Phật thì người ấy là Đại Bồ Tát.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Như Lai vì chúng tôi mà giảng thuyết kinh luật. Như nói rằng trong các pháp xấu ác, dù tội nặng, tội nhẹ hay tội thân-lan-già<sup>(10)</sup> thì tánh tội đều là nặng, trong giới luật của chúng tôi hoàn toàn không phạm vào. Từ lâu chúng tôi thọ lãnh và làm theo những pháp mà các ông chẳng tin. Chúng tôi lẽ nào lại bỏ giới luật của mình để theo giới luật của các ông sao? Giới luật của các ông là do ma thuyết; giới luật của chúng tôi mới là do Phật chế định. Đức Như Lai trước đã nói ra pháp ấn chín bộ.<sup>(11)</sup> Chín cái ấn ấy in sâu vào kinh luật của chúng tôi; chúng tôi chưa hề nghe một câu, một chữ nào về kinh điển Phương đẳng. Như Lai diễn thuyết vô lượng kinh luật, nhưng thuyết kinh Phương đẳng ở nơi nào? Trong kinh luật chúng tôi chưa từng nghe nhắc

đến tên mười bộ kinh!<sup>(12)</sup> Nếu có thì nên biết chắc chắn là do Điều-đạt<sup>(13)</sup> làm ra. Điều-đạt là người ác, vì muốn diệt pháp lành nên tạo ra kinh Phương đẳng. Chúng tôi chẳng tin những kinh như vậy, vì chính ma thuyết diễn kinh ấy. Tại sao vậy? Đã phá hoại Phật pháp, lại còn nói lời phải trái đảo điên. Những lời như vậy chỉ có trong kinh của các ông mà chẳng có trong kinh của chúng tôi. Trong kinh luật của chúng tôi, Như Lai có nói rằng: ‘Sau khi ta vào Niết-bàn, ở cõi đời xấu ác sẽ có kinh luật bất chánh gọi là kinh điển Đại thừa Phương đẳng.’

“Ở đời vị lai, sẽ có những tỳ-kheo xấu như vậy.

“Phật có dạy rằng: ‘Vượt hơn cả chín bộ kinh có kinh điển Phương đẳng.’ Như ai có thể thấu hiểu được nghĩa này, thì nên biết rằng người ấy thấu hiểu kinh luật một cách đúng đắn, lìa xa tất cả những sự vật bất tịnh, [luôn] nhiệm mầu trong sáng như vàng trắng tròn.

“Nếu có người nói rằng: ‘Như Lai đối với hết thảy kinh luật, thuyết dạy nghĩa lý nhiều như cát sông Hằng, nhưng trong luật của chúng tôi lại chẳng có những nghĩa lý ấy, nên chúng tôi biết là không có. Nếu là có, tại sao trong luật của chúng tôi không thấy Như Lai giảng thuyết? Vì vậy nên nay chúng tôi không thể tin nhận.’ Nên biết rằng những người nói như vậy là có tội.

“Kẻ ấy lại nói rằng: ‘Kinh luật [của chúng tôi] như thế này mới nên thọ trì. Vì sao vậy? Vì kinh luật ấy giúp tôi được ít tham muốn, biết đủ, dứt trừ phiền não; vì đó là trí huệ Niết-bàn, tạo được nhân pháp lành.’ Người nói như vậy chẳng phải là đệ tử của ta.

“Như có người nói rằng: ‘Vì muốn độ chúng sanh, Như Lai có thuyết giảng kinh Phương đẳng.’ Nên biết rằng, người nói như vậy thật là đệ tử của Phật. Nếu ai chẳng thọ trì kinh Phương đẳng, nên biết rằng người ấy chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải vì Phật pháp mà xuất gia, tức là đệ tử của bọn ngoại đạo tà kiến.

“Kinh luật đúng như [đã phân biệt trên đây] là do Phật thuyết dạy, bằng không phải như vậy tức là do ma thuyết. Nếu ai tùy thuận chỗ thuyết của ma, người ấy là quyến thuộc của ma. Nếu ai tùy thuận chỗ thuyết của Phật, tất nhiên người ấy là Bồ Tát.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có kẻ nói rằng: ‘Như Lai chẳng phải do vô lượng công đức mà thành tựu, ngài vẫn là vô thường, biến đổi, bởi ngài đạt được chỗ pháp Không nên tuyên thuyết lẽ vô ngã, nghịch với thế gian.’ Kinh luật như vậy gọi là chỗ thuyết của ma.

“Như có người nói rằng: ‘Như Lai Chánh giác không thể nghĩ bàn, lại do vô lượng công đức mà thành tựu, cho nên Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi.’ Kinh luật như vậy mới là chỗ thuyết dạy của Phật.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyến thuộc của ma. Nếu ai tùy thuận thuyết của Phật tức là Bồ Tát.

<sup>(14)</sup>“Như có tỳ-kheo thật chẳng phạm tội ba-la-di.<sup>(15)</sup> Mọi người đều cho rằng phạm tội ba-la-di là giống như cây đa-la bị chặt.<sup>(16)</sup> Nhưng tỳ-kheo ấy thật không có phạm tội chi cả. Vì sao vậy? Ta thường dạy rằng: ‘Trong bốn tội ba-la-di, nếu phạm một tội thì như hòn đá bị tách ra, không thể gắn liền lại nữa.’ Nếu ai tự nói rằng

mình chứng đắc quả thánh<sup>(17)</sup> thì kẻ ấy gọi là phạm ba-la-di. Vì sao vậy? Vì thật không có chỗ đắc pháp mà cố ý giả hiện hình tướng đắc pháp. Người như vậy là gây nhân tội lỗi, đời sau không được làm người.<sup>(18)</sup> Đó gọi là ba-la-di.

“Như có vị tỳ-kheo ít tham muốn, biết đủ, giữ giới thanh tịnh, ở nơi vắng vẻ yên tĩnh. Đức vua hoặc các quan đại thần nhìn thấy tỳ-kheo ấy, nghĩ rằng vị ấy đã đắc quả A-la-hán, liền đến trước vị ấy mà tán thán, cung kính lễ bái, nói rằng: ‘Vị đại sư như thế này, sau khi bỏ thân sẽ đạt được quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’

“Nghe được lời ấy, vị tỳ-kheo liền đáp rằng: ‘Thật tôi chưa được đạo quả sa-môn, xin đại vương đừng xưng tán rằng tôi đã chứng đắc đạo quả. Xin đại vương đừng nói lời [khiến tôi thành kẻ] không tự biết đủ.<sup>(19)</sup> Không tự biết đủ, đó là khi nghe người khác bảo rằng mình chứng đắc quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà lặng thinh chấp nhận. Nếu nay tôi lặng thinh chấp nhận điều ấy, chư Phật sẽ quở trách. Chư Phật thường khen ngợi hạnh tự biết đủ, nên tôi trọn đời vui vẻ tu tập theo hạnh tự biết đủ. Tự biết đủ, đó là tôi tự biết chắc mình chưa chứng đắc đạo quả, nay đại vương xưng tán rằng tôi đã đắc quả, tôi không dám nhận, đó gọi là tự biết đủ.’

“Đức vua nói rằng: ‘Đại sư [khiêm cung như thế] quả thật đã đắc quả A-la-hán, như Phật không khác.’ Liền tuyên cáo với tất cả nhân dân trong thành, ngoài thành, cùng các phi tần trong cung, rằng vị tỳ-kheo ấy đã đắc quả sa-môn. Nhờ vậy, những ai nghe biết thấy đều đem

lòng cung kính tin theo, cúng dường tôn trọng vị tỳ-kheo ấy.

“Như vị tỳ-kheo ấy mới thật là người đức hạnh thanh tịnh, là nhân duyên giúp cho nhiều người được phước đức lớn. Tỳ-kheo như vậy thật không hề phạm tội ba-la-di. Vì sao vậy? Vì những người đến trước mặt vị ấy đều tự sanh lòng hoan hỷ, tán thán, cúng dường. Vị tỳ-kheo như vậy sao lại phạm tội? Nếu như nói rằng tỳ-kheo ấy có tội, thì nên biết rằng đó là kinh điển do ma thuyết.

“Lại có tỳ-kheo giảng thuyết theo kinh điển trong kho tàng giáo pháp rất sâu xa của Phật rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; nhờ tánh Phật ấy có thể dứt trừ được các dây trói buộc của vô lượng phiền não, đắc thành quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, chỉ trừ hạng nhất-xiển-đề mà thôi.’ Nếu có đức vua hoặc đại thần thưa hỏi rằng: ‘Tỳ-kheo! Ông sẽ thành Phật hay không thành Phật? Ông có tánh Phật hay chăng?’ Tỳ-kheo ấy đáp rằng: ‘Hiện nay trong thân tôi quyết định có tánh Phật; còn việc thành Phật hay không chưa thể biết rõ.’ Vua nói: ‘Đại đức! Nếu không phải kẻ nhất-xiển-đề thì chắc chắn sẽ thành Phật.’ Tỳ-kheo ấy đáp rằng: ‘Đúng vậy, quả thật như lời đại vương!’ Dù vị ấy nói chắc rằng mình có tánh Phật, cũng chẳng phạm tội ba-la-di.

“Lại có vị tỳ-kheo, ngay lúc xuất gia, suy xét như thế này: ‘Nay tôi quyết định sẽ thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ Người như vậy, dù chưa đắc thành đạo quả vô thượng, nhưng cũng đã được phước vô lượng vô biên. Giả sử có ai nói rằng người ấy phạm ba-la-di, thì tất cả các tỳ-kheo không ai là chẳng phạm. Vì sao vậy? Ta đây thuở xưa trong tám mươi ức kiếp, thường

xa lìa tất cả mọi vật bất tịnh, ít tham muốn, biết đủ, trọn vẹn oai nghi, khéo tu theo Chánh pháp vô thượng của Như Lai, nên cũng tự biết chắc rằng mình có tánh Phật. Nhờ đó nay ta đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, được xưng là Phật, có đại từ bi.

“Kinh luật như trên là do Phật thuyết. Nếu những ai không thể tùy thuận theo đó, ấy là quyến thuộc của ma. Như ai tùy thuận theo đó tức là Đại Bồ Tát.

“Nếu có kẻ nói rằng: ‘Không có bốn tội ba-la-di, mười ba tội tăng tàn,<sup>(20)</sup> hai pháp bất định,<sup>(21)</sup> ba mươi tội xả đọa,<sup>(22)</sup> chín mươi đơn đọa,<sup>(23)</sup> bốn pháp sám hối,<sup>(24)</sup> một trăm điều phải học,<sup>(25)</sup> bảy pháp dứt sự tranh cãi<sup>(26)</sup>.v.v... không có cả tội thâm-lan-già, năm tội nghịch<sup>(27)</sup> cùng tội nhất-xiển-đề. Như tỳ-kheo phạm một trong những tội ấy thì phải đọa địa ngục, còn ngoại đạo thì được sanh cõi trời. Vì sao vậy? Vì ngoại đạo không có giới nào để phạm cả. Giới đó là do Như Lai vì muốn cho người ta khiếp sợ nên mới thị hiện thuyết dạy vậy thôi.’

“Lại có kẻ nói rằng: ‘Phật có dạy: Các tỳ-kheo nếu muốn hành dâm thì nên cởi pháp phục,<sup>(28)</sup> mặc y phục thế tục rồi hãy làm việc dâm dục. Lại nữa, nên nghĩ tưởng rằng: Nếu ta làm chuyện dâm dục thì không có tội lỗi. Lúc Như Lai còn tại thế, cũng có những tỳ-kheo quen làm chuyện dâm dục, nhưng cũng được giải thoát chân chánh, hoặc sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời. Xưa nay thường có những người làm như vậy chứ không chỉ một mình ta. Hoặc có người phạm bốn trọng giới, hoặc có kẻ phạm năm giới, hoặc có kẻ phạm vào tất cả luật nghi bất tịnh, mà còn đạt được giải thoát chân

chánh đó thôi! Mặc dù Như Lai có nói rằng kẻ phạm tội đột-cát-la<sup>(29)</sup> sẽ đọa địa ngục trong một thời gian bằng tám trăm vạn năm ở cõi trời Dao-lợi, nhưng đó cũng là cách Như Lai thị hiện để làm cho người ta khiếp sợ mà thôi. Nếu nói rằng các tội từ ba-la-di cho đến đột-cát-la, nặng nhẹ chẳng khác gì nhau, đó là lời sai trái của các luật sư, lại bảo rằng do Phật chế định. Vậy nên biết chắc rằng đó không phải là lời Phật thuyết dạy.’

“Những lời lẽ như trên chính là kinh luật của ma.

“Lại như có kẻ nói rằng: ‘Đối với giới luật, dù phạm giới nhỏ cho đến các giới rất nhỏ cũng sẽ bị quả báo khổ sở, kéo dài vô hạn.’

“Đã biết như vậy rồi, hãy khéo thận trọng phòng hộ lấy thân tâm, như con rùa thận trọng co rút vào trong mu rùa.<sup>(30)</sup>

“Nếu như có người dạy luật lại nói rằng: ‘Những việc phạm giới thấy đều không có tội báo gì cả.’ Không nên gần gũi với người như vậy. Như Phật có thuyết kệ rằng:

“Nếu phạm lỗi không nhận,<sup>(31)</sup>

Đều gọi là nói dối.

Không tin có đời sau,

Việc ác nào cũng làm.

“Cho nên đừng gần gũi với hạng người ấy.

“Trong Phật pháp luôn [giữ gìn sự] thanh tịnh như thế, huống chi phạm tội thân-lan-già, tội tăng-tàn hay tội ba-la-di mà nói là không có tội được sao? Cho nên cần phải phòng hộ giữ mình một cách nghiêm cẩn và

sâu sắc đối với những pháp như vậy. Nếu không cần phải giữ gìn phòng hộ thì còn gì gọi là giới cấm?

“Trong kinh điển ta có dạy rằng: Nếu có kẻ phạm từ bốn tội nặng ba-la-di cho đến các tội cực kỳ nhỏ nhặt như các tội đột-kiết-la, đều phải trừng trị một cách nghiêm khắc. Nếu chúng sanh chẳng nghiêm giữ giới cấm, làm sao thấy được tánh Phật? Tuy tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, nhưng nhất thiết phải nhờ sự trì giới mới thấy được tánh Phật. Nhờ thấy tánh Phật mới thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Trong chín bộ kinh [ta thuyết dạy trước] không có kinh Phương đẳng, cho nên không nói việc có tánh Phật. Mặc dù những kinh ấy không nói, nhưng phải biết rằng thật có tánh Phật. Nếu ai nói như vậy, nên biết rằng người ấy thật là đệ tử của ta.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Theo như lời dạy trên thì tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Nhưng trong chín bộ kinh, chưa từng nghe nói đến điều ấy. Nếu ai nói rằng có tánh Phật, há chẳng phải là phạm ba-la-di sao?”<sup>(32)</sup>

Phật dạy: “Thiện nam tử! Theo như ông vừa nói đó, thật không có việc phạm ba-la-di. Thiện nam tử! Ví như có người nói: ‘Biển cả chỉ có bảy vật báu mà thôi, không có tám thứ báu.’ Người ấy không có tội. Lại như có người nói: ‘Trong chín bộ kinh, không có [nói] tánh Phật.’ Người này cũng không có tội. Vì sao vậy? Trong biển đại trí Đại thừa, ta nói rằng có tánh Phật. Đó là lẽ mà người trong hai thừa [Thanh văn và Duyên giác] không thấy biết được. Cho nên nói không có tánh Phật là không có tội.



Cảnh giới ấy là chỗ thấy biết của chư Phật, hàng Thanh văn và Duyên giác không thể hiểu nổi.

“Thiện nam tử! Nếu ai chẳng nghe được pháp tạng hết sức sâu kín của Như Lai thì làm sao biết rằng có tánh Phật?

“Thế nào gọi là pháp tạng hết sức sâu kín? Đó là chỉ kinh điển Phương đẳng Đại thừa.

“Thiện nam tử! Có những kẻ ngoại đạo nói lý ngã thường, hoặc nói lý ngã đoạn. Như Lai chẳng phải thế, ngài nói lý hữu ngã mà cũng nói lý vô ngã. Đó gọi là Trung đạo. Như có kẻ nói rằng: ‘Phật nói lý Trung đạo: Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Bởi phiền não che lấp tánh Phật ấy nên chẳng thấy chẳng biết. Vì thế cần phải siêng tu phương tiện để dứt hết phiền não.’ Nếu ai thuyết được như vậy, nên biết rằng người ấy không phạm vào [một trong] bốn tội trọng.<sup>(33)</sup> Nếu ai không thuyết được như vậy thì gọi là phạm tội ba-la-di.

“Như có người nói rằng: ‘Tôi đã thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì sao vậy? Vì tôi có tánh Phật. Có tánh Phật, ắt phải thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bởi nhân duyên ấy, nay tôi đã thành tựu Bồ-đề.’ Nên biết rằng người nói như vậy là phạm tội ba-la-di. Vì sao vậy? Tuy có tánh Phật, nhưng vì chưa tu tập các phương tiện thiện pháp nên chưa thấy tánh Phật. Vì chưa thấy tánh Phật nên chưa được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên pháp Phật là thâm sâu, không thể nghĩ bàn.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Có vị vua hỏi

rằng: ‘Thế nào là tỳ-kheo phạm vào lỗi vọng xưng chúng thánh?’<sup>(34)</sup>

Phật dạy Ca-diếp: “Như có vị tỳ-kheo vì lợi dưỡng, vì món ăn vật uống mà làm theo những cách nịnh hót, gian ngụy, dối trá, nghĩ rằng: ‘Làm sao để khiến những người thế gian biết rõ rằng ta là bậc khát sĩ? Nhờ nhân duyên ấy, ta sẽ được lợi dưỡng lớn, danh dự lớn.’ Tỳ-kheo ấy vì rất ngu si, trong đêm thường suy nghĩ rằng: ‘Thật ta chưa chứng đắc bốn quả sa-môn.<sup>(35)</sup> Phải làm thế nào khiến người thế gian tin rằng ta đã chứng đắc bốn quả ấy? Lại làm thế nào để khiến những ưu-bà-tắc và ưu-bà-di cùng nói về ta rằng: Đó là người phước đức, thật là bậc thánh nhân.’ Vị tỳ-kheo suy nghĩ như vậy, chính là người cầu lợi dưỡng chứ không phải cầu pháp. Khi đi lại, lúc vào ra, tới lui, nghỉ ngơi, mặc áo, ôm bát... không để mất oai nghi, lại ngồi một mình nơi chỗ trống trải, vắng lặng, dường như bậc A-la-hán, khiến mọi người thế gian đều nói rằng: ‘Đó là vị tỳ-kheo xứng đáng bậc nhất, ông ấy tinh cần khổ hạnh, tu pháp tịch diệt.’ Người ấy luôn nghĩ rằng: ‘Nhờ nhân duyên ấy, ta sẽ được nhiều đệ tử. Mọi người cũng sẽ cúng dường cho ta nhiều áo quần, đồ ăn thức uống, thuốc men, và có nhiều nữ nhân sẽ kính trọng, yêu quý ta.’ Nếu tỳ-kheo hay tỳ-kheo ni nào có việc làm và suy nghĩ như vậy thì phạm vào tội vọng xưng chúng thánh.

“Lại có vị tỳ-kheo, vì muốn kiến lập Chánh pháp vô thượng liên ngôi yên nơi chỗ trống trải vắng lặng. Vị ấy chẳng phải là A-la-hán, nhưng muốn làm cho người ta gọi mình là A-la-hán, là vị tỳ-kheo tốt lành, là vị tỳ-kheo tịch tĩnh, khiến vô lượng người đời sanh lòng tin. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Nhờ nhân duyên ấy, ta sẽ được vô số tỳ-kheo

theo kê cận; nhân đó ta sẽ giáo hóa những tỳ-kheo phá giới cùng những ưu-bà-tắc, <sup>(36)</sup> khiến cho hết thảy đều giữ giới. Nhờ nhân duyên ấy, ta sẽ kiến lập Chánh pháp, mở mang sáng tỏ pháp Vô thượng của Như Lai, chỉ bày khai mở giáo pháp Phương đẳng Đại thừa, độ thoát hết thảy vô lượng chúng sanh, khéo giải nghĩa chỗ nặng, chỗ nhẹ trong kinh luật mà Như Lai đã thuyết.’

Vị tỳ-kheo ấy lại nói rằng: “Nay ta cũng có tánh Phật. Có kinh điển gọi là kho tàng sâu kín của Như Lai; theo kinh ấy thì ta chắc chắn sẽ được thành tựu Phật đạo, dứt hết các dây trói buộc là vô lượng phiền não. Ta sẽ thuyết giảng với vô số các vị ưu-bà-tắc rằng: ‘Các ông thảy đều có tánh Phật. Các ông và tôi đây, chúng ta đều có thể trụ yên trong cảnh giới của Như Lai, thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, dứt hết các dây trói buộc của vô lượng phiền não.’ Người nói ra lẽ đó theo cách như vậy không hề phạm vào lỗi vọng xưng chúng thánh. Đó gọi là Bồ Tát.”

“Nếu nói rằng phạm tội đột-cát-la đều sẽ đọa địa ngục trong một thời gian tám trăm vạn năm tính theo năm tháng ở cõi trời Đao-lợi, thọ các tội báo, vậy sao lại dám cố ý phạm tội thâm-lan-già? Trong pháp Đại thừa, nếu có tỳ-kheo phạm tội thâm-lan-già thì không nên gần gũi với tỳ-kheo ấy. Thế nào là tội thâm-lan-già theo kinh Đại thừa? Như có vị trưởng giả tạo lập chùa Phật, dùng những dây hoa mà cúng dường Phật. Kế đó, có thầy tỳ-kheo thấy trong chuỗi hoa có sợi dây kết, không hỏi xin mà [tự ý] lấy, đó là phạm tội thâm-lan-già. Dù [có người] biết đến hay không cũng đều là phạm tội.”

“Nếu vì lòng tham mà phá hoại tháp Phật cũng là phạm tội thâm-lan-già. Người như vậy không nên gần gũi.”

“Như vua, đại thần thấy những tháp thờ hư mục, ý muốn tu bổ, cúng dường xá-lợi. Ví như có người nhặt được trân bảo trong tháp ấy liền gửi cho tỳ-kheo gìn giữ. Được trân bảo rồi, thầy tỳ-kheo ấy tự do sử dụng. <sup>(37)</sup> Tỳ-kheo như vậy gọi là bất tịnh, thường gây ra nhiều sự tranh chấp. Người cư sĩ tốt không nên gần gũi cúng dường, cung kính tỳ-kheo như vậy. Hạng tỳ-kheo như vậy khác nào những kẻ vô căn, những kẻ lưỡng căn, những kẻ căn tánh không xác định.”

“Hạng người căn tánh không xác định thì khi ham muốn người nữ, [căn trong] thân liền biến ra nữ căn; khi ham muốn người nam, [căn trong] thân liền biến ra nam căn. <sup>(38)</sup> Hạng tỳ-kheo [phạm tội] như vậy cũng ví như kẻ căn tánh xấu xa, chẳng phải nam chẳng phải nữ, [vì tỳ-kheo ấy là] chẳng phải xuất gia cũng chẳng phải tại gia. Không nên gần gũi cúng dường, cung kính hạng tỳ-kheo như vậy.”

“Trong đạo Phật, pháp của sa-môn là nên sanh lòng từ bi che chở, nuôi dưỡng chúng sanh, cho đến đối với con kiến cũng nên thí cho sự an ổn không sợ sệt. Pháp của sa-môn là lìa xa việc uống rượu, cho đến chẳng ngửi mùi rượu. Pháp của sa-môn là không được nói dối, cho đến trong giấc mộng cũng không nghĩ đến sự nói dối. Pháp của sa-môn là không sanh lòng dâm dục, cho đến trong lúc nằm mộng cũng không sanh lòng dâm dục. Đó là pháp của sa-môn.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Như có tỳ-kheo nằm mơ thấy mình làm chuyện dâm dục, như vậy có phạm giới chăng?”

Phật dạy: “Không phạm. Nhưng đối với việc dâm dục, nên tưởng đó là việc ô uế như nhớp, cho đến không hề có ý tưởng cho đó là việc trong sạch, thường lìa xa mối phiền não lưu luyến người nữ. Nếu khi chiêm bao thấy mình làm chuyện dâm dục, lúc tỉnh giấc nên sanh lòng hối hận.

“Tỳ-kheo khát thực, trong khi [tiếp xúc] thọ nhận đồ cúng dường, nên có tư tưởng như đang gặp lúc đói kém phải ăn thịt con [để sống]! Nếu thấy lòng dâm dục phát sanh phải lìa bỏ ngay. Nên biết rằng pháp môn như vậy là kinh luật của Phật thuyết. Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, đó là quyến thuộc của ma. Như ai tùy thuận thuyết của Phật, đó gọi là Bồ Tát.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Phật cho phép tỳ-kheo thường đưa lên một chân, lặng thinh chẳng nói, gieo mình vào lửa dữ, từ trên núi cao mà nhảy xuống, chẳng tránh tai nạn hiểm nguy, uống thuốc độc, tuyệt thực, nằm trên tro trên đất, tự trói tay chân, sát hại chúng sanh, chuyên nghề bùa chú...<sup>(39)</sup> Những người dòng chiên-đà-la, những kẻ vô căn, lưỡng căn hoặc căn tánh không xác định, cùng những kẻ căn thân chẳng đủ... những hạng người như vậy, Như Lai thấy đều cho phép xuất gia tu đạo.’ Đó gọi là thuyết của ma.

“Phật chỉ cho phép dùng năm loại thức ăn lấy từ loài bò<sup>(40)</sup> cùng các thú dầu, đường... Phật cũng cho mặc áo bằng vải dệt từ tơ tằm và đi giày da.<sup>(41)</sup> Trừ những thứ ấy ra, như có người nói: ‘Phật cho phép mặc áo vải tốt đẹp đắt tiền,<sup>(42)</sup> Phật cho phép chứa trữ tất cả những hạt giống, cây cỏ đều là loài có mạng sống. Phật đã thuyết

như vậy rồi mới nhập Niết-bàn.’ Nếu có kinh luật nào nói như vậy, nên biết rằng đó là thuyết của ma.

“Ta chẳng hề cho phép tỳ-kheo thường đưa lên một chân [như bọn ngoại đạo]. Ta vì [truyền] pháp mà cho phép [tỳ-kheo] đi, đứng, ngồi, nằm. Ta cũng không hề cho phép tỳ-kheo uống thuốc độc, tuyệt thực, đốt mình trong đám lửa năm ngọn, trói buộc tay chân, sát hại chúng sanh, chuyên nghề bùa chú, dùng ngọc thạch, ngà voi, giày da, chứa trữ hạt giống, [ta cũng không nói rằng] cây cỏ đều có mạng sống, [ta cũng không cho phép] mặc áo vải tốt đắt giá... Nếu ai nói rằng Thế Tôn nói ra những điều như vậy, nên biết rằng người ấy là quyến thuộc của ngoại đạo, không phải đệ tử của ta.

“Ta chỉ cho phép ăn năm món lấy ở loài bò cùng là dầu, đường, ta cho phép đi giày da, mặc áo bằng vải dệt từ tơ tằm. Ta có dạy rằng bốn đại<sup>(43)</sup> đều không có thọ mạng. Nếu kinh luật nào nói những điều như vậy, đó là Phật thuyết. Nếu ai tùy thuận thuyết của Phật, nên biết rằng đó là đệ tử chân thật của ta. Nếu ai chẳng theo thuyết của Phật, đó là quyến thuộc của ma. Nếu ai tùy thuận kinh luật của Phật, nên biết rằng người ấy là Đại Bồ Tát.

“Thiện nam tử! Tướng trạng khác nhau giữa thuyết của ma và thuyết của Phật, nay ta đã vì ông mà phân biệt giảng rộng rõ ràng như vậy.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nay con mới biết rõ được tướng trạng khác nhau giữa thuyết của ma và thuyết của Phật. Nhờ đó con mới thâm nhập được vào những ý nghĩa sâu xa của pháp Phật.”

Phật khen Ca-diếp rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông đã có thể hiểu rõ và phân biệt được như vậy, đó gọi là thông minh trí huệ.”

“Thiện nam tử!<sup>(44)</sup> Nói về sự khổ, không gọi là thánh đế. Vì sao vậy? Nếu nói rằng khổ là khổ thánh đế, thì tất cả những loài bò, dê, lừa, ngựa cùng chúng sanh ở địa ngục, lẽ ra đều phải có thánh đế!<sup>(45)</sup>

“Thiện nam tử! Nếu có người không biết được cảnh giới thâm sâu của Như Lai, đối với pháp thân vi mật thường trụ chẳng biến đổi mà cho rằng đó là thân do ăn uống [mà thành] chứ không phải pháp thân, chẳng biết oai lực đại đức của Như Lai. Như vậy gọi là khổ. Vì sao vậy? Vì không biết nên pháp thấy là chẳng phải pháp, chẳng phải pháp thấy là pháp. Nên biết rằng người như vậy ắt phải đọa vào nẻo dữ, luân chuyển mãi trong sanh tử, nuôi lớn các mối phiền não trói buộc, chịu nhiều khổ não.

“Nếu ai biết được rằng Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi, hoặc nghe được hai tiếng thường trụ, dù chỉ nghe qua một lần cũng được sanh lên các cõi trời. Rồi về sau, đến lúc giải thoát rồi mới có thể chứng biết lẽ Như Lai thường trụ, không hề biến đổi. Khi chứng biết rồi liền nói: ‘Thuở xưa tôi đã từng nghe nghĩa ấy, nay được giải thoát mới thật sự chứng biết. Ngày trước vì không biết được vậy nên tôi phải luân chuyển mãi trong sanh tử, lăn lộn không cùng. Từ nay tôi mới có được trí huệ chân thật.’

Nếu biết được vậy, mới thật là tu tập lẽ khổ, được nhiều lợi ích. Nếu không biết vậy thì dù có chuyên cần tu học cũng không được ích lợi gì. Đó gọi là rõ biết lẽ

khổ, gọi là Khổ thánh đế. Nếu không thể tu tập như vậy thì gọi là khổ chứ không phải Khổ thánh đế.

“Nói về Khổ tập đế, người nào đối với pháp chân thật không phát sanh trí huệ chân thật, thọ nhận những vật bất tịnh, như tôi trai, tớ gái... thường đối với những việc không đúng pháp mà gọi là Chánh pháp, làm cho Chánh pháp phải dứt mất, không thể trụ thế lâu dài. Vì nhân duyên ấy nên không biết được tánh pháp. Vì không biết nên khi luân chuyển trong sanh tử thường chịu nhiều khổ não, không được sanh lên các cõi trời và không được giải thoát chân chánh. Nếu có sự rõ biết sâu xa, không phá hoại Chánh pháp, nhờ nhân duyên ấy liền được sanh lên các cõi trời và được giải thoát chân chánh. Nếu không rõ biết về Khổ tập đế mà nói rằng Chánh pháp là không thường trụ nên là pháp sanh diệt, do nhân duyên ấy trong vô số kiếp phải luân chuyển trong sanh tử, chịu mọi khổ não. Nếu rõ biết rằng pháp là thường trụ, không biến đổi, đó gọi là rõ biết lẽ tập, gọi là Tập thánh đế. Nếu không thể tu tập như vậy, đó gọi là tập chứ không phải Tập thánh đế.

“Nói về Khổ diệt đế, nếu ai thường tu tập, học theo pháp [chấp] không thì là bất thiện. Vì sao vậy? Vì dứt bỏ tất cả các pháp, phá hoại kho tàng giáo pháp chân thật của Như Lai. Tu học như vậy gọi là tu [chấp lẽ] không. Người tu tập [đúng lẽ] khổ diệt thì ngược với cách tu của tất cả ngoại đạo. Nếu nói rằng tu tập [chấp] lẽ không là Diệt đế thì hết thảy ngoại đạo đều tu pháp [chấp] không, lẽ ra đều phải có Diệt đế!

“Như có người nói rằng: ‘Thật có tạng Như Lai, dù không thể thấy được, nhưng nếu trừ dứt hết mọi phiền

não thì sẽ thể nhập vào tạng Như Lai.’ Nếu ai phát tâm như vậy, dù chỉ một niệm, nhờ nhân duyên đó đối với các pháp liền được tự tại.

“Nếu người tu tập [những tướng trạng] vô ngã, rỗng không vắng lặng [rời cho đó là] tạng sâu kín của Như Lai, thì trong vô số kiếp sẽ lưu chuyển trong sanh tử, chịu nhiều khổ não. Nếu ai không tu tập theo cách như vậy, thì dù có phiền não cũng mau chóng dứt trừ. Vì sao vậy? Nhờ rõ biết được tạng sâu kín của Như Lai.<sup>(46)</sup> Đó gọi là Khổ diệt thánh đế. Như ai tu tập lẽ diệt như vậy, ấy là đệ tử của ta. Như ai không tu tập như vậy, đó gọi là tu pháp [chấp] không, chẳng phải tu Diệt thánh đế.

“Nói về Đạo thánh đế, đó là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo cùng Chánh giải thoát. Có những chúng sanh vì lòng điên đảo nên nói rằng: ‘Không có Phật, Pháp, Tăng cùng Chánh giải thoát; sự luân chuyển trong sanh tử chỉ như huyễn hóa.’ Do nhân duyên tu tập kiến giải [sai lầm] như vậy nên phải luân chuyển trong Ba cõi, mãi mãi chịu sự khổ não nặng nề. Nếu có thể sanh tâm thấy rằng Như Lai là thường trụ, không biến đổi; Pháp, Tăng, Giải thoát cũng là như vậy; chỉ nhờ vào một niệm ấy mà trong vô số kiếp liền được những quả báo hoàn toàn theo ý muốn. Vì sao vậy? Thuở xưa chính ta đã vì bốn sự điên đảo, đối với việc không đúng pháp mà cho là Chánh pháp, nên phải chịu vô số quả báo ác nghiệp. Nay ta dứt hết những kiến giải [điên đảo] ấy nên thành Phật Chánh giác. Đó gọi là Đạo thánh đế.

“Như có người nói rằng: ‘Tam bảo<sup>(47)</sup> là vô thường.’ Tu tập theo kiến giải ấy là sai lầm, chẳng phải Đạo thánh đế. Nếu ai thường tu tập niệm tưởng rằng: ‘Tam bảo là thường trụ’ thì người ấy là đệ tử của ta.

“Dùng sự thấy biết chân chánh mà tu tập bốn pháp thánh đế, đó gọi là Tứ thánh đế.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nay con mới rõ biết được việc tu tập pháp Tứ thánh đế hết sức sâu xa.”

<sup>(48)</sup>Phật dạy Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Nói về Bốn điên đảo, đối với chỗ không phải khổ mà sanh ra tư tưởng khổ, đó gọi là điên đảo. Không phải khổ, đó là Như Lai; sanh ra tư tưởng khổ, là cho rằng Như Lai vô thường, biến đổi.

“Nếu nói rằng Như Lai là vô thường, đó là tội khổ rất lớn. Như nói rằng Như Lai bỏ thân khổ này mà vào Niết-bàn, dường như củi hết thì lửa tắt, đó gọi là không phải khổ mà sanh ra tư tưởng khổ. Như vậy là điên đảo.

“Giả sử ta nói rằng ‘Như Lai là thường’, như vậy tức là ngã kiến.<sup>(49)</sup> Do ngã kiến nên có vô lượng tội. Vì vậy nên phải nói rằng ‘Như Lai là vô thường’. Vậy nếu nói Như Lai là vô thường ắt ta phải được vui. Nhưng Như Lai là vô thường thì đó là khổ, nếu đã là khổ thì làm sao được vui? Vì đối với sự khổ mà sanh tư tưởng [cho là] vui nên gọi là điên đảo.

“Đối với sự vui mà sanh tư tưởng [cho là] khổ, đó là điên đảo. Sự vui đó, tức là Như Lai; sự khổ đó, là Như Lai vô thường. Nếu nói ‘Như Lai là vô thường’, đó là đối với sự vui mà sanh ra tư tưởng [cho là] khổ. Như Lai thường trụ, đó gọi là vui. Nếu ta nói rằng ‘Như Lai là thường’, vì sao Như Lai lại nhập Niết-bàn? Nếu nói rằng Như Lai không phải sự khổ, vì sao lại bỏ thân này mà thể nhập cảnh giới Diệt độ? Vì đối với sự vui mà sanh ra tư tưởng [cho là] khổ nên gọi là điên đảo.

“Như trên gọi là sự điên đảo thứ nhất.

“[Đối với sự] vô thường lại tưởng là thường; [đối với sự] thường tồn lại tưởng là vô thường, đó gọi là điên đảo. Vô thường đó, là không tu tập pháp không. Vì không tu tập pháp không nên thọ mạng ngắn ngủi. Nếu nói rằng không tu tập pháp không vắng lặng mà được trường thọ, đó là là điên đảo. Đây là sự điên đảo thứ nhì.

“[Đối với sự việc] vô ngã mà tưởng là ngã, [thật có] ngã mà tưởng là vô ngã, đó gọi là điên đảo. Người thế gian nói hữu ngã, pháp Phật cũng nói hữu ngã. Tuy người thế gian nói hữu ngã, nhưng không có tánh Phật. Như vậy gọi là đối với vô ngã mà sanh ra tư tưởng [cho là] có ngã. Đó gọi là điên đảo. Pháp Phật nói có ngã, ngã đó là tánh Phật. Người thế gian nói pháp Phật là vô ngã. Đó gọi là đối với ngã mà sanh ra tư tưởng [cho là] vô ngã. Nếu như nói rằng: ‘Pháp Phật nhất định là vô ngã, cho nên Như Lai dạy đệ tử tu tập vô ngã’, như vậy là điên đảo. Đó gọi là sự điên đảo thứ ba.

“[Đối với sự việc] tịnh mà tưởng là bất tịnh, bất tịnh lại tưởng là tịnh, đó gọi là điên đảo.

“Tịnh tức là Như Lai thường trụ. Như Lai thường trụ, đó chẳng phải là thân do ăn uống [mà thành], chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân xác thịt, chẳng phải thân [tồn tại nhờ] gân cốt chằng chịt. Như có người nói rằng: ‘Như Lai là vô thường, đó là thân do ăn uống [mà thành], là thân phiền não, là thân xác thịt, là cái thân [tồn tại nhờ] gân cốt chằng chịt. Pháp, Tăng, Giải thoát đều là dứt hết.’ Đó gọi là điên đảo.

“[Đối với sự việc] bất tịnh mà tưởng là tịnh, đó gọi là điên đảo. Như có người nói rằng: ‘Trong thân ta đây

không có gì là bất tịnh. Bởi không có gì là bất tịnh, nên chắc rằng sẽ vào được chỗ thanh tịnh. Như Lai dạy rằng phải tu phép quán bất tịnh, đó chỉ là hư vọng mà thôi.’ Như vậy là điên đảo. Đó gọi là sự điên đảo thứ tư.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Kể từ hôm nay con mới được chỗ thấy biết chân chánh. Bạch Thế Tôn! Con tự thấy rằng từ trước đến nay tất cả chúng con chỉ là kẻ tà kiến.

<sup>(50)</sup>“Bạch Thế Tôn! Trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu<sup>(51)</sup> có thật có cái ngã hay chăng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Cái ngã đó, tức là nghĩa của tạng Như Lai. Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, đó tức là ý nghĩa của ngã. Cái nghĩa của ngã đó, từ xưa đến nay thường bị vô lượng phiền não che lấp nên chúng sanh không thấy được.

“Thiện nam tử! Ví như người đàn bà nghèo khó, trong nhà chôn giấu một kho vàng ròng rất lớn, nhưng hết thảy mọi người trong gia đình đều không biết là ở chỗ nào. Lúc ấy có một người ngoài khéo biết phương tiện chỉ bày, liền nói với người đàn bà nghèo rằng: ‘Nay tôi muốn chị làm công, chị có thể cào dọn cỏ rác cho tôi chăng?’ Người đàn bà đáp: ‘Tôi không thể làm việc ấy. Nếu tôi có thể chỉ cho con tôi chỗ chôn giấu vàng rồi thì tôi sẽ lập tức đi làm việc cho ông.’ Người kia nói: ‘Tôi biết cách, có thể chỉ chỗ chôn vàng cho con chị.’ Người đàn bà nói: ‘Người trong nhà tôi còn không ai biết chỗ, huống chi ông làm sao biết được?’ Người kia nói: ‘Tôi quả thật biết được.’ Người đàn bà liền nói: ‘Tôi cũng muốn thấy, vậy ông hãy chỉ cho tôi.’ Người ấy liền đào ngay trong nhà, lộ ra kho chứa vàng ròng. Người đàn bà

thấy vậy hết sức vui mừng, cho là việc kỳ lạ, lấy làm tôn kính ngưỡng mộ người kia.

“Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh lại cũng như vậy. Tất cả chúng sanh đều chẳng thấy được tánh Phật ấy, cũng như người đàn bà nghèo khó kia chẳng biết kho báu của mình chôn ở chỗ nào.

“Thiện nam tử! Nay ta chỉ bày cho hết thấy chúng sanh cái tánh Phật mà họ sẵn có. Tánh Phật ấy bị các phiền não che lấp, cũng như người đàn bà nghèo khó kia có kho vàng ròng nhưng không thể thấy được. Nay Như Lai chỉ bày cho tất cả chúng sanh kho báu tánh giác của họ, ấy là tánh Phật. Thấy việc ấy rồi, lòng họ trở nên vui vẻ, quy ngưỡng Như Lai. Người có tài phương tiện chỉ bày tức là Như Lai. Người đàn bà nghèo khó tức là tất cả vô lượng chúng sanh. Kho vàng ròng ấy tức là tánh Phật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người đàn bà kia sanh dưỡng được một đứa con, thuở nhỏ mắc bệnh. Người mẹ buồn rầu, chạy đi tìm rước thầy thuốc. Thầy thuốc đến rồi, bèn trộn lẫn ba thứ thuốc: bơ, sữa và đường phèn rồi cho đứa trẻ uống, dặn dò rằng: ‘Đứa con của cô đã uống thuốc rồi, dừng cho nó bú. Phải đợi thuốc tiêu hết mới cho bú trở lại.’ Liên đó, người đàn bà liền lấy chất đắng bôi lên vú mình và nói với con: ‘Vú mẹ có bôi chất độc, con đừng đụng tới nữa.’ Đứa trẻ khát sữa muốn bú, nhưng nghe nói có độc bèn tránh xa. Đến khi thuốc đứa con uống vào đã tiêu hết, người mẹ mới dùng nước sạch rửa vú của mình, rồi gọi con rằng: ‘Lại đây, mẹ cho bú.’ Đứa trẻ ấy, mặc dù đói khát, nhưng trước đã nghe nói có độc nên không dám lại. Người mẹ lại nói rằng: ‘Vì con

uống thuốc nên mẹ phải bôi chất độc lên vú. Nay thuốc ấy đã tiêu, mẹ đã rửa vú sạch rồi, vậy con nên lại đây bú, không còn đáng nữa.’ Nghe như vậy rồi, đứa trẻ liền trở lại bú sữa.

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh nên ngài dạy tu pháp vô ngã. Tu như vậy rồi, dứt hẳn được tâm chấp ngã mà nhập Niết-bàn. Vì muốn dứt trừ các kiến giải sai lầm của thế gian nên ngài thị hiện pháp xuất thế. Lại vì muốn chỉ bày cho thế gian thấy sự chấp ngã là hư vọng, không chân thật, nên dạy tu pháp vô ngã để làm cho thân được thanh tịnh. Ví như người đàn bà kia, vì [bảo vệ] đứa con nên bôi chất đắng lên vú. Như Lai cũng thế, vì dạy tu pháp không nên nói rằng các pháp đều vô ngã. Lại như người đàn bà kia khi rửa sạch vú rồi bèn gọi con đến cho bú. Nay ta cũng thế, [đến lúc thích hợp nên] thuyết dạy về tạng Như Lai. Vì thế chư tỳ-kheo không nên sợ sệt. Như đứa trẻ kia, nghe mẹ gọi mà trở lại bú sữa. Chư tỳ-kheo cũng vậy, nên tự phân biệt: Tạng sâu kín của Như Lai không thể không có.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Thật không có cái ngã. Vì sao vậy? Lúc đứa trẻ mới sanh ra không hiểu biết chi cả. Nếu có cái ngã, tất nhiên lúc sanh ra phải tự có hiểu biết. Vì nghĩa đó mà biết chắc là không có cái ngã.

“Nếu nhất định có cái ngã, thì khi người ta đã sanh rồi lẽ ra không hề chết. Nếu nói tất cả chúng sanh đều có tánh Phật thường trụ, thì lẽ ra không có tướng trạng hư hoại. Nếu không có tướng trạng hư hoại, vì sao lại

có sự khác biệt nhau như sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà, với chiên-đà-la và súc vật?

“Nay thấy có rất nhiều nghiệp duyên khác nhau, nhiều cảnh giới khác nhau. Nếu nhất định có cái ngã, thì tất cả chúng sanh lẽ ra chẳng có kẻ hơn người kém. Vì nghĩa đó mà biết chắc là tánh Phật chẳng phải pháp thường còn. Nếu nói rằng tánh Phật nhất định là thường còn, vì duyên cố gì lại có những kẻ sát hại, trộm cướp, dâm dục, nói hai lưỡi, nói lời hung dữ, nói dối, nói thêu dệt, tham lam, sân khuể, tà kiến?

“Nếu tánh ngã là thường, tại sao khi uống rượu rồi người ta lại say sưa mê loạn? Nếu tánh ngã là thường, thì kẻ mù đáng lẽ phải thấy được hình sắc, kẻ điếc nghe được âm thanh, kẻ câm nói được ra lời, kẻ què có thể bước đi! Nếu tánh ngã là thường, thì người ta không nên tránh hầm lửa, nước lụt, thuốc độc, gươm đao, kẻ ác, cầm thú!

“Nếu cái ngã là thường, thì những việc đã trải qua rồi lẽ ra không quên! Nếu không quên, vì sao có người lại tự hỏi rằng: ‘Tôi đã từng gặp người này ở đâu?’ Nếu cái ngã là thường, lẽ ra chẳng có những việc như nhỏ tuổi, lớn tuổi, già nua... hoặc những khi thế lực suy vi, hưng thịnh, nhớ lại chuyện đã qua!

“Nếu cái ngã là thường thì nó trú ngụ ở đâu? Ở trong nước bọt, nước mũi, trong các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng đó chẳng? Nếu cái ngã là thường, lẽ ra phải ở khắp trong thân, cũng như chất dầu mè, lan tràn không có chỗ hở! Nếu thân bị chặt đứt, ngay lúc ấy lẽ ra cái ngã cũng phải đứt đoạn!”

Phật dạy Ca-diếp: “Thiện nam tử! Ví như vị vua kia có một đại lực sĩ. Khoảng giữa hai chân mày lực sĩ ấy có một hạt châu kim cương. Trong khi đấu sức với lực sĩ khác, người ấy lấy đầu mà húc kẻ địch. Nhân đó, hạt châu nơi trán bị lún vào phía trong lớp da, nhưng người ấy hoàn toàn không biết việc ấy. Rồi chỗ trán ấy lại sanh ra ghẻ độc, lực sĩ liền rước lương y đến điều trị cho mình.

“Lúc ấy, có vị thầy thuốc sáng suốt hiểu rành phương dược, liền biết rằng ghẻ độc ấy là do hạt châu nằm trong thân thể. Hạt châu lún xuống dưới da, nằm yên ở đó. Lúc ấy, vị lương y dò hỏi lực sĩ rằng: ‘Hạt châu gắn nơi trán ông bây giờ ở đâu?’ Lực sĩ kinh hãi, đáp rằng: ‘Đại sư y vương! Hóa ra hạt châu nơi trán tôi đã mất rồi sao? Hạt châu ấy hiện nay ở đâu? Chẳng phải đã có phép thuật ảo hóa gì đó chăng?’ Nói rồi buồn rầu, than khóc.

“Lúc ấy, vị lương y dùng lời êm dịu, khuyên lớn lực sĩ rằng: ‘Ông chớ nên buồn rầu khổ não thái quá. Nhân khi ông giao đấu, hạt bảo châu đã lún vào trong thân thể. Hiện nay nó ở dưới lớp da, ảnh hiện ra ngoài. Trong khi ông giao đấu, vì lòng sân khuể rất mạnh nên hạt châu bị ép vào thân thể mà ông không tự biết.’

“Lúc ấy, lực sĩ không tin lời lương y, nói rằng: ‘Nếu nó ở dưới da, máu mủ bất tịnh, vì sao nó chẳng trôi ra? Nếu nó ở tại trong gân, lẽ ra không thấy được nó. Nay vì sao ông dối gạt tôi?’

“Khi ấy vị lương y lấy kiếng soi trước mặt lực sĩ, hạt châu hiển hiện rõ ràng trong kiếng. Lực sĩ thấy vậy rồi lấy làm kinh quái, cho là việc lạ lùng đặc biệt.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh lại cũng như vậy.



Vì họ chẳng hay thân cận thiện tri thức, cho nên dù có tánh Phật nhưng chẳng thấy được. Tánh Phật bị che lấp bởi tham dâm, sân khuể, ngu si, cho nên đọa nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, chiêm-đà-la, sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá, thú-đà. Họ sanh vào bao nhiêu hoàn cảnh như vậy, là bởi lòng họ khởi ra mọi thứ nghiệp duyên. Tuy mang thân người, nhưng họ bị điếc, đui, câm, ngọng, què cụt... Trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu, họ nhận chịu mọi thứ quả báo. Vì tâm họ bị che lấp bởi tham dâm, sân khuể, ngu si, nên họ không biết đến tánh Phật. Như lực sĩ kia, trong khi hạt châu báu chôn khuất trong người thì cho là đã mất rồi. Chúng sanh cũng thế, vì không thân cận thiện tri thức nên không biết đến kho báu Như Lai vi diệu sâu kín. Họ tu học lẽ vô ngã chỉ như hạng phàm phu, tuy nói lẽ hữu ngã nhưng cũng chẳng biết chân tánh của ngã.<sup>(52)</sup> Các đệ tử của ta cũng như thế, vì chẳng biết thân cận thiện tri thức, cho nên tu học lẽ vô ngã mà chẳng biết chỗ của vô ngã. Đã không biết được chân tánh của vô ngã, nói chi đến việc có thể biết được chân tánh của hữu ngã?

“Thiện nam tử! Như Lai dạy rằng hết thảy chúng sanh đều có tánh Phật, cũng ví như vị lương y kia chỉ cho người lực sĩ hạt châu kim cương quý giá. Chúng sanh vì bị che lấp bởi vô lượng phiền não nên không thấy biết được tánh Phật. Nếu dứt hết phiền não, bấy giờ sẽ chúng biết rõ ràng tánh Phật, cũng như người lực sĩ kia khi soi trong gương sáng thấy được hạt châu quý báu.

“Thiện nam tử! Tạng Như Lai sâu kín như vậy, không thể suy lường, không thể thuyết giảng, nghĩ bàn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như ở Tuyết sơn<sup>(53)</sup> có một vị thuốc gọi là lạc vị. Vị thuốc ấy rất ngọt, nhưng nằm

khuất dưới lùm cây sâu không ai thấy được. Có người nghe mùi thơm, biết rằng ở chỗ đất ấy có món thuốc đó. Thuở xưa có vị vua Chuyển luân<sup>(54)</sup> vì món thuốc ấy mà tạo ra ở khắp nơi trong Tuyết sơn những cái ống tre để tiếp nhận nó. Cây thuốc ấy khi già chín, từ dưới đất trời lên chui vào ống tre, mùi vị vừa phải thích hợp. Sau khi vị vua Chuyển luân ấy qua đời, thuốc lại trở nên chua, mặn, ngọt, đắng, cay hoặc nhạt. Thuốc ấy vốn có một mùi vị, nhưng khi người ta mang nó đến xứ này hay xứ khác, nó lại biến thành những mùi vị khác. Khi thuốc ấy còn ở tại núi, mùi vị nó vẫn vừa phải thích hợp, nhưng kẻ phàm nhân ít phước, dù có dùng rìu búa mà chặt đốn, đào xới, tổn công khổ nhọc cũng chẳng được món thuốc ấy. Chỉ khi có Thánh vương xuất hiện ở đời, nhờ nhân duyên phước đức mới được món thuốc ấy với mùi vị vừa phải thích hợp.

“Thiện nam tử! Tạng Như Lai sâu kín, mùi vị cũng như thế. Vì bị rừng cây rậm rạp phiền não<sup>(55)</sup> che蔽, chúng sanh vô minh chẳng thể thấy được. Mùi vị duy nhất của món thuốc kia, ví với tánh Phật. Vì phiền não, cho nên từ nơi tánh Phật ấy, xuất hiện rất nhiều mùi vị khác, như địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, trời, người, nam, nữ, chẳng phải nam chẳng phải nữ, sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá, thú-đà.

Tánh Phật là hùng mãnh, không thể hư hoại, cho nên không ai phá hoại được. Như có kẻ phá hoại được, ắt phải làm đứt đoạn tánh Phật. Nhưng tánh Phật như vậy chẳng bao giờ có thể bị đứt đoạn. Nếu nói tánh ấy có thể đứt đoạn thì thật vô lý. Như tánh ngã ấy, chính là tạng Như Lai sâu kín. Tạng sâu kín như vậy không

gì có thể làm cho hư hoại, tiêu diệt. Tuy không thể làm hư hoại, nhưng [khi bị che lấp] lại không thể thấy được. Như đã thành tựu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, liền chứng biết được nó. Vì nhân duyên ấy, không ai có thể phá hoại được tánh Phật.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu không có kẻ hủy hoại được, lẽ ra không thể có những nghiệp bất thiện?”

Phật dạy Ca-diếp: “Thật có sự giết hại. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh vẫn ở trong năm ấm. Nếu làm hư hoại năm ấm, gọi là giết hại. Nếu có giết hại, tức đọa vào đường dữ. Do nghiệp báo nhân duyên nên có các dòng sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà cùng chiên-đà-la, hoặc nam, hoặc nữ, hay chẳng phải nam chẳng phải nữ, các tướng trạng khác nhau ở trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu của chúng sanh, luân chuyển trong vòng sanh tử. Những kẻ chưa đạt quả thánh cố chấp sai lầm rằng có ngã, tướng trạng của cái ngã ấy lớn nhỏ xê xích dường như hạt cỏ, hoặc như hạt gạo, hạt đậu, cho đến ngón tay cái hay ngón chân cái... Cứ như vậy mà hư vọng sinh ra đủ cách suy tưởng, ức đoán. Tướng trạng của vọng tưởng không hề chân thật. Tướng ngã của bậc xuất thế gọi là tánh Phật. Nhận biết cái ngã như vậy gọi là việc lành cao cả hơn hết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người khéo biết nơi chôn giấu kho tàng, bèn lấy dụng cụ sắc bén mà đào đất, xuyên qua những hòn đá, sạn, sỏi, một cách không khó khăn gì. Chỉ khi gặp phải kim cương thì không thể xuyên qua. Vì kim cương là chất mà dao búa không thể làm hư hoại.

“Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh cũng vậy. Tất cả các vị luận sư, thiên ma Ba-tuần, cùng loài người và chư thiên đều không thể hủy hoại được nó. Tướng trạng của năm ấm tức là sinh khởi và tạo tác. Tướng trạng sinh khởi và tạo tác ví như đá sỏi, có thể đâm thủng, phá hoại; tánh Phật ví như kim cương, không ai làm hư hoại được. Vì nghĩa ấy nên làm hư hoại năm ấm gọi là giết hại.

“Thiện nam tử! Nên biết chắc rằng pháp Phật như vậy là không thể nghĩ bàn!”

## **KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN**

### **HẾT QUYỂN BẢY**

## CHÚ GIẢI

1. Theo Nam bản thì từ đây là phẩm Tà chánh, thứ 7 (Tà chánh phẩm, đệ thất). Trong Đại Bát Nê-hoàn kinh thì đây là phẩm Phân biệt tà chánh, thứ 10 (Phân biệt tà chánh phẩm, đệ thập).
2. Ba-tuần, hay còn gọi là Ba-tuần-du, tên gọi của Ma vương. Ba-tuần (Sanskrit: *pāpīyas*) dịch nghĩa là sát giả, ác giả. Ma Ba-tuần là vị Thiên ma ở cảnh trời Tha hóa tự tại.
3. Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán: Đó là bốn Thánh quả. Từ thấp đến cao là: 1. Tu-đà-hoàn (Sanskrit: *śrotanni*) dịch nghĩa: Nhập lưu, Dự lưu, là bậc bắt đầu dự vào hàng Thánh quả. 2. Tư-đà-hàm (Sanskrit: *sakṛdāgāmin*), dịch nghĩa: Nhất lai, còn chia làm hai bậc là Nhất lai hướng, tức bậc mới chứng nhập, và Nhất lai quả, tức là bậc đã chứng quả trọn vẹn. Đây là quả vị chỉ còn tái sinh một lần nữa trước khi đạt giải thoát rốt ráo. 3. A-na-hàm (Sanskrit: *anāgāmin*), dịch nghĩa: Bất lai, Bất hoàn, là bậc không còn phải trở lại vòng sanh tử vì nghiệp quả. 4. A-la-hán (Sanskrit: *arhat*), dịch nghĩa là Bất sanh, là bậc đã diệt trừ hết các phiền não, đoạn diệt nghiệp sanh tử.
4. Hữu lậu, vô lậu: Thân hình hữu lậu là thân hình còn phiền não: Khi sáu căn đối với sáu trần thì có sự lậu tiết, rỉ ra, cảm xúc. Đó là nói những chúng sanh còn lưu chuyển trong ba cõi. Thân hình vô lậu là thân hình của bậc dứt phiền não, của Thánh nhân, thân tâm chẳng bị níu kéo bởi ngoại duyên.
5. Đâu-suất thiên: phiên âm từ Phạn ngữ *Tuṣita*, cũng đọc là Đâu-suất-đà, dịch nghĩa là Hỷ Túc hay Diệu Túc, là cõi trời nằm giữa Dạ-ma thiên (*Yāma*) và Lạc Biến hóa thiên. Phần Nội viện của cõi trời này là nơi Bồ Tát Di-lặc thuyết pháp, nên cũng được xem như một cõi Tịnh độ. Phần Ngoại viện là nơi chư thiên hưởng thụ mọi niềm vui, mọi sự khoái lạc, nên gọi là Hỷ Túc.
6. Bạch Tịnh: tên gọi tên khác chỉ vua Tịnh Phạn.
7. Thiên tử: Miếu, đền thờ các vị thiên thần trong đạo Bà-la-môn.
8. Năm thứ dục lạc (Ngũ dục): 1. Sắc dục: Mắt ưa thích, chạy theo hình sắc tốt đẹp. 2. Thanh dục: Tai ưa thích, chạy theo tiếng êm dịu, hài hòa. 3. Hương dục: Mũi ưa thích, chạy theo mùi thơm. 4. Vị dục: Lưỡi ưa thích, chạy theo món ngon. 5. Xúc dục: Thân thể ưa thích, chạy theo sự xúc chạm êm ái.
9. Cõi trời Ba mươi ba (Tam thập tam thiên): Tức là Đạo-lợi thiên (Sanskrit: *trāyastriṃśa*), thuộc Dục giới. Đạo-lợi thiên có 33 cảnh, nên gọi tên như thế. Đế Thích (Thích-đề-hoàn-nhân) là vị vua trời cai quản ngự ở cảnh giữa. Khi sanh lên cảnh trời ấy, chúng sanh đều hưởng mọi sự dục lạc do năm căn cảm xúc với năm trần.

10. Tội thâu-lan-già, phiên âm từ tiếng Phạn là *sthūlātyayaḥ*, cũng được đọc là tát-thâu-la hay thổ-la-già, Hán dịch nghĩa là đại tội, thô tội hay đại chương thiện đạo. Trong giới luật xếp đây là một tội nằm trong Lục tụ hoặc Thất tụ, không thuộc trong Ngũ thiện. Nói chung, người phạm các tội ba-la-di (*pārājika*) hoặc tăng-già bà-thi-sa (*saṅghāvāseṣa*) nhưng còn ở mức độ chưa cấu thành tội thì gọi chung là thâu-lan-già. Chẳng hạn, tội trộm cắp nhưng chỉ trộm được số tiền quá ít (ngày xưa là dưới 5 tiền), hoặc mượn đồ vật rồi không trả... hoặc tội giết người nhưng chỉ do cho người dùng thuốc quá liều.v.v... Vì thế, trong giới luật thì thâu-lan-già được xem là nhẹ hơn các tội ba-la-di và tăng tàn, nhưng nặng hơn tất cả các tội khác.
11. Pháp ấn chín bộ: Chín bộ kinh: 1. Tu-đa-la (*sūtra*), dịch nghĩa là Khế kinh. 2. Kỳ dạ (*geya*) dịch nghĩa là Ứng tụng, hay Trùng tụng, 3. Hòa-ca-la-na (*vyākaraṇa*), cũng đọc là Hoa-già-la-na, dịch nghĩa là Thọ ký. 4. Già-đà (*gāthā*), dịch nghĩa là Phúng tụng, Cô khởi tụng. 5. Ưu-đà-na (*udāna*), dịch nghĩa là Tự thuyết. 6. Y-đế-mục-đa-già (*itivṛttaka*) dịch nghĩa là Bốn sự. 7. Xà-đà-già (*jātaka*), dịch nghĩa là Bốn sanh. 8. Tỳ-phật-lược (*vaipulya*), dịch nghĩa là Phương quảng. 9. A-phù-đạt-ma (*addhutadharma*), dịch nghĩa là Vị tăng hũu.
12. Ý nói quyết định chỉ có 9 bộ kinh mà thôi, nhưng theo Đại thừa thì có mười hai bộ kinh, gồm 9 bộ đã kể trên và thêm ba bộ nữa là: 1. Ni-đà-na (*nidāna*), dịch nghĩa là Nhân duyên. 2. A-ba-đà-na (*avadana*), dịch nghĩa là Thí dụ. 3. Ưu-ba-đề-xá (*upadeśa*), dịch nghĩa là Luận nghĩa. Gọi chung là Mười hai bộ kinh, hay Mười hai bộ kinh Đại thừa, Phương đẳng kinh. Những người không tin nhận các kinh điển Đại thừa cho rằng chỉ có 9 bộ kinh đã kể trên mới là do Phật thuyết, còn những kinh Đại thừa, Phương đẳng chỉ là ngụy tạo!
13. Điều-đạt: tên khác của Đề-bà-đạt-đa, đệ tử phản nghịch của Phật. Ông vốn có tài năng, cũng đã theo Phật xuất gia, nhưng vì kiêu mạn, tự thấy mình tài giỏi, muốn thay Phật lãnh đạo tăng đoàn nên tìm mọi cách ám hại Phật, sau phải đọa vào địa ngục.
14. Nguyên bản có bốn chữ “phục hữu nhân ngôn” ở vị trí đầu câu này, nhưng chúng tôi xét thấy là thừa, vì cả đoạn này đều là lời Phật dạy.
15. Ba-la-di (*Pārājika*), Hán dịch là Khí, tức là dứt bỏ, cũng dịch là Cực ác. Đây là loại tội nặng nề nhất, người phạm vào phải bị trục xuất, không còn được sống chung trong chúng tăng (bất cộng trụ).
16. Cây đa-la khi bị chặt ngang rồi thì không thể đâm chồi được nữa, giống như cây dừa, nên ví với người phạm trọng tội ba-la-di, không còn cứu chữa gì được.
17. Nguyên bản dùng “quá nhân pháp”, nghĩa là pháp hơn người, đây được dùng để chỉ kẻ vọng xưng đã chứng thánh quả, thuộc tội đại vọng ngữ, vì lời nói dối những việc khác không được xem là đại vọng ngữ, không thuộc tội ba-la-di.
18. Nguyên bản dùng “thối thất nhân pháp”, chỉ trường hợp làm mất khả năng được tái sanh trong loài người, phải rơi vào các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

19. Bất tri túc: không biết đủ, nghĩa là mong cầu thái quá, dù được bao nhiêu cũng chẳng đủ. Biết đủ tức là biết hài lòng, thích nghi với hoàn cảnh của mình.
20. Tiếng Phạn là *Saṅghāvaśeṣa*, dịch âm là tăng-già-bà-thi-sa, còn gọi là Tăng tàn, là một tội danh trong giới luật nhà Phật được xếp dưới các tội trọng ba-la-di. Tỳ-kheo mắc tội này thì dựa vào chúng tăng mà thành tâm sám hối. Nếu không sám hối thì xem như mắc tội ba-la-di. Trong giới luật có 13 tội bị xếp vào loại này, nên gọi là mười ba tăng-tàn.
21. Nhị bất định pháp: Tức là trường hợp phạm tội không thể xác định rõ ràng. Có hai trường hợp không thể xác định được rõ ràng tội danh, do có những yếu tố không rõ, nên có thể bị ghép vào các tội khác nhau. Việc xác định các tội này do chúng tăng quyết định dựa vào ý kiến của một người thứ ba có đủ uy tín và biết rõ sự việc phạm tội.
22. Tiếng Phạn là *Naihsargik-pāṭayantika*, dịch âm là Ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Ni-tát-kỳ, Hán dịch nghĩa là Tận xả, nghĩa là từ bỏ hết tất cả; ba-dật-đề, Hán dịch nghĩa là đọa, nghĩa là rơi vào chỗ xấu ác. Người phạm tội này phải đọa vào địa ngục. Để trừ tội, trước hết phải mang tất cả tài vật liên quan đến chúng tăng mà xả bỏ hết, sau đó mới chân thành sám hối trước chúng tăng. Vì vậy, phép sám hối này cũng gọi là Xả đọa. Ba mươi trường hợp phạm loại tội này được gọi là Tam thập xả đọa.
23. Tiếng Phạn là *Pāṭayantika*, Hán dịch nghĩa là đọa, dịch âm là ba-dật-đề, nghĩa là rơi vào chỗ xấu ác. Nói chung, chín mươi pháp ba-dật-đề này khác với ba mươi pháp ni-tát-kỳ ba-dật-đề là không có liên quan đến tài vật để phải xả bỏ, nên chỉ cần chí thành sám hối trước chúng tăng. Nếu chúng tăng nhận cho sự sám hối đó thì người phạm tội chỉ cần tự xét lại tâm mình, quyết lòng hối cải là được.
24. Tiếng Phạn là *Pratideśanīya*, dịch âm là Ba-la-đề-đề-xá-ni, thường gọi tắt là Đề-xá-ni, Hán dịch nghĩa là Đối tha thuyết hướng bỉ hối, nghĩa là người phạm tội phải hướng về người khác để cầu sám hối.
25. Tiếng Phạn là *Śikṣākarāṇīya*, dịch âm là Thức-xoa-ca-la-ni, Hán dịch nghĩa là ứng dương học, hay ứng học tác, nghĩa là cần phải học. Còn gọi là độn-kiết-la (*Duṣkṛta*), dịch nghĩa là ác tác, nghĩa là những hành vi không tốt. Các giới này thường được gọi chung là Bách chúng học pháp, bởi vì pháp này có một trăm điều cần phải học hỏi và noi theo, quy định chi tiết cách ứng xử hằng ngày, tạo nên oai nghi tế hạnh của người xuất gia. Những pháp này rất chi ly, không nhất thiết mỗi khi phạm vào đều phải bị xử phạt, nhưng là khuôn mẫu rất quan trọng cho mỗi người để sống tốt đời sống tu tập. Người xuất gia phải luôn luôn ghi nhớ và mỗi khi có phạm vào phải tự mình bày tỏ ra và sám hối.
26. Là bảy phương pháp hòa giải phải được áp dụng khi có sự bất hòa hoặc tranh chấp giữa các tỳ-kheo. Nếu không tuân theo bảy phương pháp này để dứt sự tranh cãi thì xem là phạm giới.

27. Tiếng Phạn là *pañcanantaryakarmāṇi*, Hán dịch là Ngũ nghịch hay Ngũ vô gián nghiệp, nghĩa là năm tội nghịch, khi phạm vào phải đọa địa ngục vô gián, chịu sự khổ sở không gián đoạn. Đây là năm tội nặng nhất đối với mọi chúng sanh, bao gồm: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật chảy máu và phá hòa hợp tăng.
28. Pháp phục: y phục của người xuất gia, vì người xuất gia mặc y phục đúng theo lời Phật dạy nên gọi là pháp phục.
29. Đột-cát-la, phiên âm từ Phạn ngữ *Duṣkṛta*, dịch nghĩa là ác tác hoặc ác khẩu, tùy theo trường hợp phạm tội thuộc thân nghiệp hay khẩu nghiệp.
30. Câu này có phần không hợp văn cảnh, vì đoạn trước và đoạn sau đều đang trình bày những cách hiểu sai trái. Trong bản Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển, nội dung đoạn này có vẻ như hợp lý hơn, xin trích để quý độc giả tham khảo: 越比尼罪最為微細, 若有比丘犯此一一微細律儀, 知而藏覆如龜藏六, 當知是輩不可習近。(Việt tì-ni tội tối vi vi tế, nhược hữu tỳ-kheo phạm thử nhất nhất vi tế luật nghi, tri nhi tàng phủ như quy tàng lục, đương tri thị bối bất khả tập cận.) Tội việt tì-ni hết sức nhỏ nhặt khó thấy, nếu có tỳ-kheo nào phạm vào bất cứ điều nhỏ nhặt nào trong luật nghi, đã biết là phạm tội lại còn che giấu kỹ như con rùa che giấu đầu đuôi và tứ chi, nên biết rằng hạng người như vậy không thể gần gũi. - So sánh hai đoạn này thì thấy có những từ ngữ tương đồng, nhưng cách diễn đạt ý nghĩa lại khác hẳn nhau. Xin tùy độc giả cân nhắc.
31. Nguyên bản dùng “若過一法 - nhược quá nhất pháp”, bản Đại Bát Nê-hoàn dùng “若犯微細罪 - nhược phạm vi tế tội” đều không liên quan gì đến việc nói dối. Tham khảo sơ giải thì câu kệ này hàm ý: “Khi thuyết giới (bố-tát), nếu người có phạm giới mà được hỏi trong ba lần vẫn lặng thinh không đáp thì xem là phạm tội vọng ngữ.” Chính vì nghĩa này mà bản của ngài Pháp Hiển dịch câu thứ hai là “默然妄語者 - mặc nhiên vọng ngữ giả” chứ không phải “是名妄語 - thị danh vọng ngữ”. Tham khảo nghĩa này nên chúng tôi dịch như trên.
32. Ý câu hỏi này là xem việc “nhận có tánh Phật” đồng với việc “vọng xưng chứng thánh”, tức là tội đại vọng ngữ, một trong bốn tội ba-la-di.
33. Tức là bốn tội ba-la-di, cụ thể là giết người, trộm cắp, dâm dục và vọng ngôn chứng thánh.
34. Nguyên văn là “quá nhân pháp”. Đây là cách nói tắt, chỉ vị tỳ-kheo chưa đắc quả nhưng tự cho là mình đã chứng quả, đắc pháp hơn người.
35. Tức là bốn Thánh quả, từ A-na-hàm đến A-la-hán.
36. Tiếng Phạn là *Upāsaka*, dịch âm là Ưu-bà-tắc, dịch nghĩa là cư sĩ nam, tức là người đệ tử Phật nhưng chưa xuất gia, chỉ thọ giới và tu tập trong đời sống gia đình.
37. Lược ý đoạn này trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển thì hiểu là: “Vì cung kính nên giao phó tiền bạc cho một vị tỳ-kheo [để lo việc xây tháp], nhưng tỳ-kheo này lại dùng tiền bạc ấy để sử dụng riêng...”

38. Vì thế nên hạng người này tuy có ham muốn mà không thể hành dâm, ví như vị tỳ-kheo phạm tội kia không có khả năng tu tập Chánh pháp.
39. Đoạn này miêu tả những pháp tu của các phái ngoại đạo vào thời đức Phật.
40. Năm món lấy từ loài bò (ngũ chủng ngu vị): Năm món ăn do con bò cái cung cấp: 1. nhũ (sữa tươi). 2. lạc (kem). 3. sanh tô (bơ sống). 4. thực tô (bơ chín). 5. dê-hồ. Nay có thể hiểu là những sản phẩm được chế biến từ sữa.
41. Đoạn này ý nói những phẩm vật có nguồn gốc từ động vật được Phật cho phép dùng, và chỉ hạn chế trong các thứ này mà thôi.
42. Nguyên bản dùng ma-ha-lăng-già, phiên âm từ Phạn ngữ Mahāraṅga, dịch nghĩa là đại giá y, chỉ các loại áo tốt đẹp, đắt tiền.
43. Bốn đại, tức là Tứ đại, gồm đất, nước, gió và lửa. Theo quan điểm ngày xưa, bốn đại là bốn yếu tố căn bản tạo thành vật chất. Đất tượng trưng cho sự rắn chắc, nước tượng trưng cho sự ẩm ướt, gió tượng trưng cho sự chuyển động, và lửa tượng trưng cho hơi nóng, nhiệt năng hay năng lượng. Tất cả mọi vật chất trong vũ trụ đều hội đủ 4 yếu tố này với những tỷ lệ cân đối khác nhau.
44. Theo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển thì từ đây bắt đầu quyển thứ 5, phẩm Tứ đế thứ 11 (Tứ đế phẩm, đệ thập nhất). Có lẽ Nam bản căn cứ vào đây nên từ chỗ này cũng bắt đầu phẩm Tứ đế, thứ 10 (Tứ đế phẩm, đệ thập).
45. Từ đoạn này bắt đầu giảng về Tứ đế, cũng gọi là Tứ thánh đế, bao gồm Khổ đế (duḥkhasatya), Tập khổ đế (samudayasatya), Diệt khổ đế (duḥkhanirodhasatya) và Đạo đế (mārgasatya).
46. Chúng tôi đã tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển khi chuyển dịch đoạn này. Đây là đoạn văn tương đương: 若復修行於如來性作空無我相, 當知是輩如蛾投火。 Nhược phục tu hành ư Như Lai tánh tác không, vô ngã tướng, đương tri thị bối như nga đầu hỏa. (Nếu tu hành mà đối với tánh Như Lai lại khởi lên các tướng trạng không, vô ngã, nên biết những kẻ ấy giống như thiêu thân lao vào ngọn lửa.) Như vậy, hàm ý đoạn này là chỉ rõ những cách tu tập không dựa trên sự rõ biết chân thật về thể tánh Như Lai đều không thể đạt được kết quả.
47. Tam Bảo: Ba ngôi báu là Phật, Pháp và Tăng.
48. Theo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh thì từ đây bắt đầu phẩm Tứ đảo thứ 12 (Tứ đảo phẩm đệ thập nhị). Nam bản cũng phân chia tương tự, từ đây bắt đầu phẩm Tứ đảo thứ 11 (Tứ đảo phẩm đệ thập nhất).
49. Ngã kiến: kiến chấp cho rằng thực sự có một bản ngã tồn tại độc lập, đối lập với thực tại bên ngoài.
50. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 8, phẩm Tánh Như Lai thứ 12 (Như Lai tánh phẩm đệ thập nhị). Theo Đại Bát Nê-hoàn kinh thì từ đây cũng bắt đầu phẩm Tánh Như Lai, nhưng là phẩm thứ 13 (Như Lai tánh phẩm đệ thập tam).

51. Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu (Nhị thập ngũ hữu): Trong tam giới (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới) có tất cả 25 cảnh, mỗi cảnh đều có chúng sanh hữu tình, cho nên gọi là Nhị thập ngũ hữu. - Dục giới có 14 cảnh: 1. Địa ngục, 2. Súc sanh, 3. Ngạ quỷ, 4. A-tu-la, 5. Phát-bà-đê, 6. Cồ-da-ni, 7. Uất-đan-việt, 8. Diêm-phù-đề, 9. Tứ thiên vương, 10. Tam thập tam thiên, 11. Diêm ma thiên, 12. Đâu suất thiên, 13. Hóa lạc thiên, 14. Tha hóa tự tại thiên. - Sắc giới có 7 cảnh: 1. Sơ thiên, 2. Đại phạm vương, 3. Nhị thiên, 4. Tam thiên, 5. Tứ thiên, 6. Vô tưởng, 7. Tịnh cư A-na-hàm. - Vô sắc giới có 4 cảnh: 1. Không xứ, 2. Thức xứ, 3. Bất dụng xứ, 4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Cộng chung là 25 cảnh giới.
52. Tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển, đoạn này được dịch là: 於世俗我修無我想, 不解如來良醫方便密教, 作無我想而不能知真實之我。 - Ư thế tục ngã tu vô ngã tướng, bất giải Như Lai lương y phương tiện mật giáo, tác vô ngã tướng nhi bất năng tri chân thật chi ngã. (Đối với cái ngã của thế tục mà tu tập tư tưởng vô ngã, không hiểu rõ được phương tiện dạy dỗ sâu kín của vị lương y Như Lai, nên tuy khởi tư tưởng vô ngã mà không thể biết được cái ngã chân thật.) Dựa theo đây thì có thể hiểu là đoạn này đại lược muốn chỉ rõ sự khác biệt giữa cái ngã do phàm phu chấp giữ với cái ngã chân thật vô ngã, tức là tánh Phật, hay tánh Như Lai. Qua đó chỉ ra rằng việc tu tập pháp vô ngã nếu không được đặt trên một nhận thức đúng thật về thể tánh Như Lai thì cũng sẽ không khác gì với kẻ phàm phu chấp ngã.
53. Tuyết sơn: tức là núi Hy-mã-lạp sơn (Himalaya) ở phía bắc Ấn Độ. Dịch nghĩa là Tuyết sơn. Gọi như vậy là vì trên đỉnh núi quanh năm bốn mùa đều có tuyết phủ.
54. Vua Chuyển luân (Chuyển luân vương): vị vua có sức mạnh gồm thâu được tất cả các vua khác, cũng gọi là Chuyển luân thánh vương, vì khi vị vua này ra đời thì tự nhiên xuất hiện các báu vật để vua sử dụng, trong đó có bánh xe có ngàn cây cãm xe, giúp vua chinh phạt mọi nơi trong thiên hạ.
55. Rừng cây rậm rạp phiền não (Phiền não tông lâm) phiền não nhiều vô số, ví như cây cối mọc xen nhau trong rừng rậm, nên gọi là rừng cây rậm rạp phiền não (phiền não tông lâm). Cũng viết: Rừng phiền não (Phiền não lâm).

# 大般涅槃經

## 卷第八如來性品第四之五

善男子。方等經者，猶如甘露，亦如毒藥。

迦葉菩薩復白佛言。如來何緣說方等經譬如甘露，亦如毒藥。

佛言。善男子。汝今欲知如來秘藏真實義不。

迦葉言。爾，我今實欲得知如來秘藏之義。

爾時世尊而說偈言。

或有服甘露  
傷命而早夭  
或有服甘露  
壽命得長存  
或有服毒生  
有緣服毒死  
無礙智甘露  
所謂大乘典  
如是大乘典  
亦名雜毒藥  
如酥醍醐等  
及以諸石蜜  
服消則為藥

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ BÁT - NHƯ LAI TÁNH PHẨM - *Đệ tứ chi ngũ*

Thiện nam tử! Phương đẳng kinh giả do như cam lộ diệp như độc dược.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Như Lai hà duyên thuyết Phương đẳng kinh, thí như cam lộ diệp như độc dược?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ kim dục tri Như Lai bí tạng chân thật nghĩa phủ?

Ca-diếp ngôn: Nhĩ! Ngã kim thật dục đắc tri Như Lai bí tạng chi nghĩa.

Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn:

Hoặc hữu phục cam lộ  
Thương mạng nhi tảo yếu,  
Hoặc hữu phục cam lộ  
Thọ mạng đắc trường tồn.  
Hoặc hữu phục độc sanh,  
Hữu duyên phục độc tử.  
Vô ngại trí cam lộ,  
Sở vị Đại thừa điển.  
Như thị Đại thừa điển,  
Diệp danh tạp độc dược.  
Như tô, đề hồ đẳng,  
Cấp dĩ chư thạch mật.  
Phục tiêu tác vi dược,

不消則爲毒  
 方等亦如是  
 智者爲甘露  
 愚不知佛性  
 服之則成毒  
 聲聞及緣覺  
 大乘爲甘露  
 猶如諸味中  
 乳最爲第一  
 如是勤進者  
 依因於大乘  
 得至於涅槃  
 成人中象王  
 衆生知佛性  
 猶如迦葉等  
 無上甘露味  
 不生亦不死  
 迦葉汝今當  
 善分別三歸  
 如是三歸性  
 則是我之性  
 若能諦觀察  
 我性有佛性  
 當知如是人  
 得入秘密藏  
 知我及我所  
 是人已出世

Bất tiêu tắc vi độc.  
 Phương đẳng diệc như thị,  
 Trí giả vi cam lộ.  
 Ngu bất tri Phật tánh,  
 Phục chi tắc thành độc.  
 Thanh văn cập Duyên giác,  
 Đại thừa vi cam lộ.  
 Do như chử vị trung,  
 Nhũ tối vi đệ nhất.  
 Như thị cần tấn giả,  
 Y nhân ư đại thừa.  
 Đắc chí ư Niết-bàn,  
 Thành nhân trung tượng vương.  
 Chúng sanh tri Phật tánh,  
 Do như Ca-diếp đẳng.  
 Vô thượng cam lộ vị,  
 Bất sanh diệc bất tử.  
 Ca-diếp nhữ kim dương,  
 Thiện phân biệt tam quy.  
 Như thị tam quy tánh,  
 Tắc thị ngã chi tánh.  
 Nhược năng đế quán sát,  
 Ngã tánh hữu Phật tánh.  
 Dương tri như thị nhân,  
 Đắc nhập bí mật tạng.  
 Tri ngã cập ngã sở,  
 Thị nhân dĩ xuất thế.

佛法三寶性  
無上第一尊  
如我所說偈  
其性義如是

爾時迦葉復說偈言。

我今都不知  
歸依三寶處  
云何當歸趣  
無上無所畏  
不知三寶處  
云何作無我  
云何歸佛者  
而得於安穩  
云何歸依法  
唯願為我說  
云何得自在  
云何不自在  
云何歸依僧  
轉得無上利  
云何真實說  
未來成佛道  
未來若不成  
云何歸三寶  
我今無預知  
當行次第依  
云何未懷妊

Phật pháp Tam bảo tánh,  
Vô thượng đệ nhất tôn.  
Như ngã sở thuyết kệ,  
Kỳ tánh nghĩa như thị.

Nhĩ thời Ca-diếp phục thuyết kệ ngôn:

Ngã kim đô bất tri  
Quy y Tam bảo xứ:  
Vân hà đương quy thú,  
Vô thượng vô sở úy?  
Bất tri Tam bảo xứ,  
Vân hà tác vô ngã?  
Vân hà quy Phật giả  
Nhi đắc ư an ổn?  
Vân hà quy y Pháp?  
Duy nguyện vị ngã thuyết.  
Vân hà đắc tự tại?  
Vân hà bất tự tại?  
Vân hà quy y Tăng,  
Chuyển đắc vô thượng lợi.  
Vân hà chân thật thuyết,  
Vị lai thành Phật đạo.  
Vị lai nhược bất thành,  
Vân hà quy Tam bảo?  
Ngã kim vô dự tri,  
Đương hành thứ đệ y.  
Vân hà vị hoài nhâm,



而作生子想  
 若必在胎中  
 則名為有子  
 子若處胎中  
 定當生不久  
 是名為子義  
 衆生業亦然  
 如佛之所說  
 愚者不能知  
 以其不知故  
 輪迴生死獄  
 假名優婆塞  
 不知真實義  
 唯願廣分別  
 除斷我疑網  
 如來大智慧  
 唯垂哀分別  
 願說於如來  
 秘密之寶藏。  
 迦葉汝當知  
 我今當為汝  
 善開微密藏  
 令汝疑得斷  
 今當至心聽  
 汝於諸菩薩  
 則與第七佛  
 同其一名號

Nhi tác sanh tử tướng?  
 Nhược tất tại thai trung,  
 Tác danh vi hữu tử.  
 Tử nhược xử thai trung,  
 Định đương sanh bất cứu.  
 Thị danh vi tử nghĩa,  
 Chúng sanh nghiệp diệt nhiên.  
 Như Phật chi sở thuyết,  
 Ngu giả bất năng tri.  
 Dĩ kỳ bất tri cố,  
 Luân hồi sanh tử ngục.  
 Giả danh ưu-bà-tắc,  
 Bất tri chân thật nghĩa.  
 Duy nguyện quảng phân biệt,  
 Trừ đoạn ngã nghi vọng.  
 Như Lai đại trí huệ,  
 Duy thù ai phân biệt.  
 Nguyện thuyết ư Như Lai,  
 Bí mật chi bảo tạng.  
 Ca-diếp! Nhữ đương tri:  
 Ngã kim đương vị nhữ,  
 Thiện khai vi mật tạng,  
 Linh nhữ nghi đắc đoạn.  
 Kim đương chí tâm thính,  
 Nhữ ư chư Bồ Tát,  
 Tác dữ đệ thất Phật,  
 Đồng kỳ nhất danh hiệu.

歸依於佛者  
真名優婆塞  
終不更歸依  
其餘諸天神  
歸依於法者  
則離於殺害  
歸依聖僧者  
不求於外道  
如是歸三寶  
則得無所畏。

迦葉白佛言。

我亦歸三寶  
是名為正路  
諸佛之境界  
三寶平等相  
常有大智性  
我性及佛性  
無二無差別  
是道佛所讚  
正進安止處  
亦名正徧見  
故為佛所稱  
我亦趣善逝  
所讚無上道  
是最為甘露  
諸有所無有

Quy y ư Phật giả,  
Chân danh ưu-bà-tắc,  
Chung bất cánh quy y,  
Kỳ dư chư thiên thần.  
Quy y ư Pháp giả,  
Tắc ly ư sát hại.  
Quy y thánh tăng giả  
Bất cầu ư ngoại đạo.  
Như thị quy Tam bảo  
Tắc đắc vô sở úy.

Ca-diếp bạch Phật ngôn:

Ngã diệc quy Tam bảo,  
Thị danh vi chánh lộ,  
Chư Phật chi cảnh giới.  
Tam bảo bình đẳng tướng,  
Thường hữu đại trí tánh.  
Ngã tánh cập Phật tánh,  
Vô nhị vô sai biệt.  
Thị đạo, Phật sở tán,  
Chánh tấn an chỉ xứ,  
Diệc danh chánh biến kiến,  
Cố vi Phật sở xưng.  
Ngã diệc thú thiện thệ,  
Sở tán vô thượng đạo,  
Thị tối vi cam lộ,  
Chư hữu sở vô hữu.

爾時佛告迦葉菩薩。善男子。汝今不應如諸聲聞凡夫之人分別三寶於此大乘無有三歸分別之相。所以者何。於佛性中即有法僧。為欲化度聲聞凡夫故分別說三歸異相。

善男子。若欲隨順世間法者。則應分別有三歸依。善男子。菩薩應作如是思惟。我今此身歸依於佛。若即此身得成佛道。既成佛已不應恭敬禮拜供養於諸世尊。何以故。諸佛平等為眾生作歸依故。若欲尊重法身舍利。便應禮敬諸佛塔廟。所以者何。為欲化度諸眾生故。亦令眾生於我身即起塔廟想禮拜供養。如是眾生以我法身為歸依處。一切眾生皆依非真邪偽之法。我當次第為說真法。又有歸依非真僧者。我當為作依真僧處。若有分別三歸依者。我當為作一歸依處無三差別。於生盲眾為作眼目。復當為諸聲聞緣覺作真歸處。

善男子。如是菩薩。為無量惡諸眾生等及諸智者而作佛事。

善男子。譬如有人臨陣戰時即生心念。我於是最為第一。一切兵眾悉依恃我。亦如王子如是思惟。我當調伏其餘王子紹繼大王霸王之業而得自在。令諸王子悉見歸依。是故不應生下劣心。如王王子大臣亦爾。

Nhĩ thời Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát: Thiện nam tử! Nhũ kim bất ứng như chư Thanh văn, phàm phu chi nhân phân biệt Tam bảo. Ư thử đại thừa vô hữu Tam quy phân biệt chi tướng. Sở dĩ giả hà? Ư Phật tánh trung tức hữu Pháp, Tăng. Vị dục hoá độ Thanh văn, phàm phu cố phân biệt thuyết Tam quy dị tướng.

Thiện nam tử! Nhược dục tùy thuận thế gian pháp giả, tác ứng phân biệt hữu Tam quy y. Thiện nam tử! Bồ Tát ứng tác như thị tư duy: “Ngã kim thử thân quy y ư Phật. Nhược tức thử thân đắc thành Phật đạo. Ký thành Phật dĩ bất ứng cung kính lễ bái cúng dường ư chư Thế Tôn. Hà dĩ cố? Chư Phật bình đẳng, đẳng vị chúng sanh tác quy y cố. Nhược dục tôn trọng pháp thân xá-lợi, tiện ứng lễ kính chư Phật tháp miếu. Sở dĩ giả hà? Vị dục hoá độ chư chúng sanh cố, diệt linh chúng sanh ư ngã thân tức khởi tháp miếu tướng, lễ bái, cúng dường. Như thị chúng sanh dĩ ngã pháp thân vị quy y xứ. Nhất thiết chúng sanh giai y phi chân tà ngụy chi pháp, ngã đương thứ đệ vị thuyết chân pháp. Hựu hữu quy y phi chân tăng giả, ngã đương vị tác y chân tăng xứ. Nhược hữu phân biệt Tam quy y giả, ngã đương vị tác nhất quy y xứ vô tam sai biệt. Ư sanh manh chúng vị tác nhãn mục. Phục đương vị chư Thanh văn, Duyên giác tác chân quy xứ.”

Thiện nam tử! Như thị Bồ Tát vị vô lượng ác chư chúng sanh đẳng cập chư trí giả nhi tác Phật sự.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân lâm trận chiến thời tức sanh tâm niệm: “Ngã ư thị trung tối vi đệ nhất. Nhất thiết binh chúng tất y thị ngã.” Diệt như vương tử như thị tư duy: “Ngã đương điều phục kỳ dư vương tử, thiệu kế đại vương bá vương chi nghiệp nhi đắc tự tại, linh chư vương tử tất kiến quy y. Thị cố bất ứng sanh hạ liệt tâm. Như vương, vương tử, đại thần diệt nhĩ.

善男子。菩薩摩訶薩亦復如是。作是思惟。云何三事與我一體。善男子。我示三事即是涅槃。如來者名無上士。譬如人身頭最為上。非餘肢節手足等也。佛亦如是最為尊上。非法僧也。為欲化度諸世間故。種種示現差別之相如彼梯墜。是故汝今不應受持如凡愚人所知三歸差別之相。汝於大乘猛利決斷應如剛刀。

迦葉菩薩白佛言。世尊。我知故問非為不知。我為菩薩大勇猛者。問於無垢清淨行處。欲令如來為諸菩薩廣宣分別奇特之事。稱揚大乘方等經典。如來大悲今已善說。我亦如是安住其中。所說菩薩清淨行處。即是宣說大涅槃經。

世尊。我今亦當廣為眾生顯揚如是如來秘藏。亦當證知真三歸處。若有眾生能信如是大涅槃經。其人則能自然了達三歸依處。何以故。如來秘藏有佛性故。其有宣說是經典者。皆言身中盡有佛性。如是之人則不遠求三歸依處。何以故。於未來世我身即當成就三寶。是故聲聞緣覺之人及餘眾皆依於我恭敬禮拜。

善男子。以是義故應當善學大乘經典。

迦葉復言。佛性如是不可思議。三十二相八十種好亦不可思議。

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị tác thị tư duy: Vân hà tam sự dĩ ngã nhất thể? Thiện nam tử! Ngã thị tam sự tức thị Niết-bàn. Như Lai giả, danh vô thượng sĩ. Thí như nhân thân đầu tối vi thượng, phi dư chi tiết thủ túc đẳng dã. Phật diệc như thị tối vi tôn thượng, phi Pháp, Tăng dã. Vị dục hoá độ chư thế gian cố chủng chủng thị hiện sai biệt chi tướng như bỉ thể đặng. Thị cố nữ kim bất ưng thọ trì như phàm phu nhân sở tri Tam quy sai biệt chi tướng. Nhữ ư đại thừa mãnh lợi quyết đoán ưng như cương đao.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã tri cố vấn phi vi bất tri. Ngã vị Bồ Tát đại dũng mãnh giả, vấn ư vô cấu thanh tịnh hạnh xứ, dục linh Như Lai, vị Bồ Tát quảng tuyên phân biệt kỳ đặc chi sự, xưng dương đại thừa Phương đẳng kinh điển. Như Lai đại bi kim dĩ thiện thuyết. Ngã diệc như thị an trụ kỳ trung. Sở thuyết Bồ Tát thanh tịnh hạnh xứ, tức thị tuyên thuyết Đại Niết-bàn kinh.

Thế Tôn! Ngã kim diệc đương quảng vị chúng sanh, hiển dương như thị Như Lai bí tạng, diệc đương chứng tri chân Tam quy xứ. Nhược hữu chúng sanh năng tín như thị Đại Niết-bàn kinh, kỳ nhân tác năng tự nhiên liễu đạt Tam quy Y xứ. Hà dĩ cố? Như Lai bí tạng hữu Phật tánh cố. Kỳ hữu tuyên thuyết thị kinh điển giả, giai ngôn thân trung tận hữu Phật tánh. Như thị chi nhân, tác bất viễn cầu Tam quy y xứ. Hà dĩ cố? Ư vị lai thế ngã thân tức đương thành tựu Tam bảo. Thị cố Thanh văn, Duyên giác chi nhân cập dư chúng sanh, giai y ư ngã cung kính lễ bái.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố ưng đương thiện học Đại thừa kinh điển.

Ca-diếp phục ngôn: Phật tánh như thị bất khả tư nghì. Tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo diệc bất khả tư nghì.

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉，善哉。善男子。汝已成就深利智慧。我今當更善爲汝說入如來藏。

若我住者即是常法不離於苦。若無我者修行淨行無所利益。若言諸法皆無有我是即斷見。若言我住即是常見。若言一切行無常者。即是斷見。諸行常者復是常見。若言苦者即是斷見。若言樂者復是常見。修一切法常者墮於斷見。修一切法斷者墮於常見。如步屈蟲要因前脚得移後足。修常斷者亦復如是。要因斷常。以是義故。修餘法苦者皆名不善。修餘法樂者則名爲善。修餘法無我者是諸煩惱分。修餘法常者是則名曰如來秘藏。所謂涅槃無有窟宅。修餘法無常者即是財物。修餘法常者謂佛法僧及正解脫。

當知如是佛法中道遠離二邊而說真法。凡夫愚人於中無疑。如羸病人服食酥已氣力輕便。有無之法體性不定。譬如四大其性不同各相違反。良醫善知隨其偏發而消息之。

善男子。如來亦爾。於諸衆生猶如良醫。知諸煩惱體相差別而爲除斷。開示如來秘密之藏清淨佛性常住不變。若言有者智不應染。若言無者即是妄語。若言有者不應默然。亦復不應戲論諍訟。但求

Nhĩ thời Phật tán Ca-diếp Bồ Tát: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nhũ dĩ thành tựu thâm lợi trí huệ. Ngã kim đương cánh thiện vị nhũ thuyết nhập Như Lai tạng.

Nhược ngã trụ giả tức thị thường pháp bất ly ư khổ. Nhược vô ngã giả tu hành tịnh hạnh vô sở lợi ích. Nhược ngôn chư pháp giai vô hữu ngã thị tức đoạn kiến. Nhược ngôn ngã trụ tức thị thường kiến. Nhược ngôn nhất thiết hành vô thường giả tức thị đoạn kiến. Chư hạnh thường giả phục thị thường kiến. Nhược ngôn khổ giả tức thị đoạn kiến. Nhược ngôn lạc giả phục thị thường kiến. Tu nhất thiết pháp thường giả đọa ư đoạn kiến. Tu nhất thiết pháp đoạn giả đọa ư thường kiến. Như bộ khuất trùng yếu nhân tiền cước đắc di hậu túc. Tu thường, đoạn giả diệc phục như thị yếu nhân đoạn, thường. Dĩ thị nghĩa cố tu dư pháp khổ giả giai danh bất thiện. Tu dư pháp lạc giả tác danh vi thiện. Tu dư pháp vô ngã thị chư phiền não phần. Tu dư pháp thường giả thị tác danh viết Như Lai bí tạng. Sở vị Niết-bàn vô hữu quật trạch. Tu dư pháp vô thường giả tức thị tài vật. Tu dư pháp thường giả vị Phật, Pháp, Tăng cập chánh giải thoát.

Đương tri như thị Phật pháp trung đạo, viễn ly nhị biên nhi thuyết chân pháp. Phạm phu ngu nhân ư trung vô nghi, như luy bệnh nhân phục thực tô dĩ khí lực khinh tiện. Hữu vô chi pháp thể tánh bất định. Thí như tứ đại kỳ tánh bất đồng các tương vi phản. Lương y thiện tri tùy kỳ thiên phát nhi tiêu tức chi.

Thiện nam tử! Như Lai diệc nhĩ, ư chư chúng sanh do như lương y: tri chư phiền não thể tướng sai biệt, nhi vị trừ đoạn, khai thị Như Lai bí mật chi tạng, thanh tịnh Phật tánh thường trụ bất biến. Nhược ngôn hữu giả trí bất ưng nhiễm. Nhược ngôn vô giả tức thị vọng ngữ. Nhược ngôn hữu giả bất ưng mặc nhiên, diệc phục bất ưng hý luận tránh tụng, đăn

了知諸法真性。凡夫之人戲論爭訟不解如來微密藏故。若說於苦愚人便謂身是無常。說一切苦復不能知身有樂性。若說無常者凡夫之人計一切身皆是無常譬如瓦坏。有智之人應當分別。不應盡言一切無常。何以故。我身即有佛性種子。若說無我凡夫當謂一切佛法悉無有我。智者應當分別無我假名不實。如是知己不應生疑。若言如來秘藏空寂。凡夫聞之生斷滅見。有智之人應當分別如來是常無有變易。若言解脫喻如幻化。凡夫當謂得解脫者即是磨滅。有智之人應當分別人中師子雖有去來常住無變。若言無明因緣諸行。凡夫之人聞已分別生二法想。明與無明。智者了達其性無二。無二之性即是實性。若言諸行因緣識者。凡夫謂二行之與識。智者了達其性無二。無二之性即是實性。若言十善，十惡，可作，不可作，善道，惡道，白法，黑法。凡夫謂二。智者了達其性無二。無二之性即是實性。若言應修一切法苦。凡夫謂二。智者了達其性無二。無二之性即是實性。若言一切行無常者。如來秘藏亦是無常。凡夫謂二智者了達其性無二。無二之性即是實性。若言一切法無我。如來秘藏亦無有我。凡夫謂二。智者了達其性無二。無二之性即是實性。我與無我性無有二。如來秘藏其義如是。不可稱計

câu liễu tri chư pháp chân tánh. Phạm phu chi nhân hý luận tránh tụng, bất giải Như Lai vi mật tạng cố. Nhược thuyết ư khổ, ngu nhân tiện vị thân thị vô thường, thuyết nhất thiết khổ phục bất năng tri thân hữu lạc tánh. Nhược thuyết vô thường giả, phạm phu chi nhân kế nhất thiết thân giai thị vô thường, thí như ngôa phôi. Hữu trí chi nhân ưng đương phân biệt, bất ưng tận ngôn: nhất thiết vô thường. Hà dĩ cố? Ngã thân tức hữu Phật tánh chủng tử. Nhược thuyết vô ngã, phạm phu đương vị nhất thiết Phật pháp tất vô hữu ngã. Trí giả ưng đương phân biệt: vô ngã giả danh bất thật. Như thị tri dĩ bất ưng sanh nghi. Nhược ngôn Như Lai bí tạng không tịch, phạm phu văn chi sanh đoạn diệt kiến. Hữu trí chi nhân ưng đương phân biệt: Như Lai thị thường vô hữu biến dị. Nhược ngôn giải thoát dụ như huyễn hoá, phạm phu đương vị đắc giải thoát giả tức thị ma diệt. Hữu trí chi nhân ưng đương phân biệt: nhân trung sư tử tuy hữu khứ lai thường trụ bất biến. Nhược ngôn vô minh nhân duyên chư hành, phạm phu chi nhân văn dĩ phân biệt, sanh nhị pháp tướng: minh dữ vô minh. Trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị. Vô nhị chi tánh tức thị thật tánh. Nhược ngôn chư hành nhân duyên thức giả, phạm phu vị nhị: hành chi dữ thức. Trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị. Vô nhị chi tánh tức thị thật tánh. Nhược ngôn thập thiện, thập ác, khả tác, bất khả tác, thiện đạo, ác đạo, bạch pháp, hắc pháp, phạm phu vị nhị: Trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị. Vô nhị chi tánh tức thị thật tánh. Nhược ngôn ưng tu nhất thiết pháp khổ phạm phu vị nhị: Trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị. Vô nhị chi tánh tức thị thật tánh. Nhược ngôn nhất thiết hành vô thường giả, Như Lai bí tạng diệt thị vô thường phạm phu vị nhị: Trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị. Vô nhị chi tánh tức thị thật tánh. Nhược ngôn nhất thiết pháp vô ngã Như Lai bí tạng diệt vô hữu ngã, phạm phu vị nhị: Trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị. Vô nhị chi tánh tức thị thật tánh. Ngã dữ vô ngã tánh vô hữu nhị. Như Lai bí

無量無邊諸佛所讚。我今於是一切功德成就經中皆悉說已。

善男子。我與無我性相無二。汝應如是受持頂戴。

善男子。汝亦應當堅持憶念如是經典。如我先於摩訶般若波羅密經中說我無我無有二相。

善男子。如因乳生酪。因酪得生酥。因生酥得熟酥。因熟酥得醍醐。如是酪性為從乳生為從自生從他生耶。乃至醍醐亦復如是。若從他生即是他作非是乳生。若非乳生乳無所為。若自生者不應相似相續而生。若相續生則不俱生。若不俱生五種之味則不一時。雖不一時定復不從餘處來也。當知乳中先有酪相。甜味多故不能自變。乃至醍醐亦復如是。是牛食噉水草因緣。血脉轉變而得成乳。若食甘草其乳則甜。若食苦草乳則苦味。雪山有草名曰肥膩。牛若食者純得醍醐。無有青黃赤白黑色。穀草因緣，其乳則有色味之異。

是諸衆生以明無明業因緣故生於二相。若無明轉則變為明。一切諸法善不善等。亦復如是無有二相。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說乳中有酪是義云何。世尊。若言乳中定有酪相。以微細故不可

tạng kỳ nghĩa như thị, bất khả xưng kể vô lượng vô biên, chư Phật sở tán. Ngã kim ư thị nhất thiết công đức thành tựu kinh trung giai tất thuyết dĩ.

Thiện nam tử! Ngã dĩ vô ngã tánh tướng vô nhị. Nhữ ưng như thị thọ trì đỉnh đãi.

Thiện nam tử! Nhữ diệc ưng đương kiên trì ức niệm như thị kinh điển. Như ngã tiên ư Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật kinh trung, thuyết ngã, vô ngã vô hữu nhị tướng.

Thiện nam tử! Như nhân nữ sanh lạc, nhân lạc đắc sanh tô, nhân sanh tô đắc thực tô, nhân thực tô đắc đề hồ. Như thị lạc tánh vi từng nữ sanh, vi từng tự sanh, từng tha sanh da? Nãi chí đề hồ diệc phục như thị. Nhược từng tha sanh tức thị tha tác phi thị nữ sanh! Nhược phi nữ sanh nữ vô sở vi. Nhược tự sanh giả bất ưng tương tự tương tục nhi sanh! Nhược tương tục sanh tác bất câu sanh. Nhược bất câu sanh ngũ chủng chi vị tác bất nhất thời. Tuy bất nhất thời định phục bất từng dư xử lai dã. Đương tri nữ trung tiên hữu tô tướng, diêm vị đa cố bất năng tự biến. Nãi chí đề hồ diệc phục như thị. Thị ngư thực đạm, thủy thảo nhân duyên huyết mạch chuyển biến nhi đắc thành nữ. Nhược thực cam thảo kỳ nữ tác diêm. Nhược thực khổ thảo nữ tác khổ vị. Tuyết sơn hữu thảo danh viết phi nhị. Ngư nhược thực giả thuần đắc đề hồ, vô hữu thanh, hoàng, xích, bạch, hắc sắc. Cốc thảo nhân duyên kỳ nữ tác hữu sắc vị chi dị.

Thị chư chúng sanh dĩ minh, vô minh nghiệp nhân duyên cố sanh ư nhị tướng. Nhược vô minh chuyển tác biến vi minh. Nhất thiết chư pháp thiện bất thiện đẳng diệc phục như thị vô hữu nhị tướng.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết nữ trung hữu lạc. Thị nghĩa vân hà? Thế Tôn! Nhược

見者。云何說言從乳因緣而生於酪。法若本無則名為生。如其已有云何言生。若言乳中定有酪相。百草之中亦應有乳。如是乳中亦應有草。若言乳中定無酪者。云何因乳而得生酪。若法本無而後生者。何故乳中不生於草。

善男子。不可定言乳中有酪，乳中無酪。亦不可說從他而生。若言乳中定有酪者。云何而得體味各異。是故不可說言乳中定有酪性。若言乳中定無酪者。乳中何故不生兔角。置毒乳中酪則殺人。是故不可說言乳中定無酪性。若言是酪從他生者。何故水中不生於酪。是故不可說言酪從他生。

善男子。是牛食噉草因緣故。血則變白草血滅已。衆生福力變而成乳。是乳雖從草血而出不得言二。唯得名為從因緣生。酪至醍醐亦復如是。以是義故得名牛味。是乳滅已因緣成酪。何等因緣。若酪若煖。是故得名從因緣有。乃至醍醐亦復如是。是故不得定言乳中無有酪相。從他生者離乳而有。無有是處。

善男子。明與無明亦復如是。若與煩惱諸結俱者。名為無明。若與一切善法俱者。名之為明。是

ngôn nhũ trung định hữu lạc tướng, dĩ vi tế cố bất khả kiến giả, vân hà thuyết ngôn tùng nhũ nhân duyên nhi sanh ư lạc? Pháp nhược bốn vô tác danh vi sanh như kỳ dĩ hữu vân hà ngôn sanh? Nhược ngôn nhũ trung định hữu lạc tướng, bá thảo chi trung diệt ưng hữu nhũ. Như thị nhũ trung diệt ưng hữu thảo. Nhược ngôn nhũ trung định vô lạc giả, vân hà nhân nhũ nhi đắc sanh lạc? Nhược pháp bốn vô nhi hậu sanh giả, hà cố nhũ trung bất sanh ư thảo?

Thiện nam tử! Bất khả định ngôn: nhũ trung hữu lạc, nhũ trung vô lạc. Diệt bất khả thuyết: tùng tha nhi sanh. Nhược ngôn nhũ trung định hữu lạc giả, vân hà nhi đắc thể vị các dị? Thị cố bất khả thuyết ngôn: nhũ trung định hữu lạc tánh. Nhược ngôn nhũ trung định vô lạc giả, nhũ trung hà cố bất sanh thố giác? Trí độ nhũ trung lạc tác sát nhân. Thị cố bất khả thuyết ngôn nhũ trung định vô lạc tánh. Nhược ngôn thị lạc tùng tha sanh giả, hà cố thủy trung bất sanh ư lạc? Thị cố bất khả thuyết ngôn lạc tùng tha sanh.

Thiện nam tử! Thị ngư thực đạm thảo nhân duyên cố, huyết tác biến bạch, thảo huyết diệt dĩ, chúng sanh phước lực biến nhi thành nhũ. Thị nhũ tuy tùng thảo huyết nhi xuất, bất đắc ngôn nhị, duy đắc danh vi tùng nhân duyên sanh. Lạc chí đề hồ diệt phục như thị. Dĩ thị nghĩa cố đắc danh ngư vị. Thị nhũ diệt dĩ nhân duyên thành lạc. Hà đẳng nhân duyên? Nhược diếu, nhược noãn. Thị cố đắc danh tùng nhân duyên hữu. Nãi chí đề hồ diệt phục như thị. Thị cố bất đắc định ngôn nhũ trung vô hữu lạc tướng. Tùng tha sanh giả ly nhũ nhi hữu, vô hữu thị xứ.

Thiện nam tử! Minh dĩ vô minh diệt phục như thị. Nhược dĩ phiền não chư kết câu giả danh vi vô minh. Nhược dĩ nhất thiết thiện pháp câu giả danh chi vi minh. Thị cố ngã ngôn vô hữu nhị tướng. Dĩ thị nhân duyên ngã tiên thuyết ngôn:



故我言無有二相。以是因緣我先說言。雪山有草名曰肥膩。牛若食者即成醍醐。佛性亦爾。

善男子。衆生薄福不見是草。佛性亦爾。煩惱覆故衆生不見。譬如大海雖同一鹹其中亦有上妙之水味同於乳。喻如雪山雖復成就種種功德多生諸藥。亦有毒草。諸衆生身亦復如是。雖有四大毒蛇之種其中亦有妙藥大王。所謂佛性。非是作法。但爲煩惱客塵所覆。若刹利婆羅門毗舍首陀能斷除者。即見佛性成無上道。

譬如虛空震雷起雲。一切象牙上皆生華。若無雷震華則不生亦無名字。衆生佛性亦復如是。常爲一切煩惱所覆不可得見。是故我說衆生無我。若得聞是大般涅槃微妙經典則見佛性。如象牙華。雖聞契經一切三昧。不聞是經不知如來微妙之相。如無雷時象牙上華不可得見。聞是經已即知一切如來所說秘藏佛性。喻如天雷見象牙華。聞是經已即知一切無量衆生皆有佛性。以是義故說大涅槃。名爲如來秘密之藏。增長法身猶如雷時象牙上華。以能長養如是大義。故得名爲大般涅槃。若有善男子善女人。有能習學是大涅槃微妙經典。當知是人能報佛恩真佛弟子。

“Tuyết sơn hữu thảo danh viết phì nhĩ. Ngưu nhược thực giả tức thành đề hồ.” Phật tánh diệt nhĩ.

Thiện nam tử! Chúng sanh bạc phước bất kiến thị thảo. Phật tánh diệt nhĩ, phiền não phú cố chúng sanh bất kiến. Thí như đại hải tuy đồng nhất hàm, kỳ trung diệt hữu thượng diệu chi thủy vị đồng ư nhũ. Dụ như Tuyết sơn tuy phục thành tựu chủng chủng công đức, đa sanh chư dược diệt hữu độc thảo. Chư chúng sanh thân diệt phục như thị, tuy hữu tứ đại độc xà chi chủng, kỳ trung diệt hữu diệu dược đại vương, sở vị Phật tánh. Phi thị tác pháp dẫn vi phiền não khách trần sở phú. Nhược sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà năng đoạn trừ giả, tức kiến Phật tánh thành vô thượng đạo.

Thí như hư không chấn lôi khởi vân, nhất thiết tượng nha thượng giai sanh hoa. Nhược vô lôi chấn, hoa tác bất sanh diệt vô danh tự. Chúng sanh Phật tánh diệt phục như thị, thường vi nhất thiết phiền não sở phú bất khả đắc kiến. Thị cố ngã thuyết chúng sanh vô ngã. Nhược đắc văn thị Đại Bát Niết-bàn vi diệu kinh điển, tác kiến Phật tánh như tượng nha hoa. Tuy văn kế kinh nhất thiết Tam-muội, bất văn thị kinh, bất tri Như Lai vi diệu chi tướng, như vô lôi thời, tượng nha thượng hoa bất khả đắc kiến. Văn thị kinh dĩ tức tri nhất thiết Như Lai sở thuyết bí tạng Phật tánh, dụ như thiên lôi kiến tượng nha hoa. Văn thị kinh dĩ tức tri nhất thiết vô lượng chúng sanh giai hữu Phật tánh. Dĩ thị nghĩa cố thuyết Đại Niết-bàn danh vi Như Lai bí mật chi tạng, tăng trưởng pháp thân, do như lôi thời tượng nha thượng hoa dĩ năng trưởng dưỡng. Như thị đại nghĩa cố đắc danh vi Đại Bát Niết-bàn. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân hữu năng tập học thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, đương tri thị nhân năng báo Phật ân, chân Phật đệ tử.

迦葉菩薩復白佛言。甚奇世尊。所言佛性甚深甚深，難見，難入。聲聞緣覺所不能及。

佛言。善男子。如是如是。如汝所歎。不違我說。

迦葉菩薩白佛言。世尊。是佛性者云何甚深難見難入。

佛言。善男子。如百盲人爲治目故造詣良醫。是時良醫即以金篦抉其眼膜。以一指示問言見不。盲人答言。我猶未見。復以二指三指示之乃言少見。

善男子。是大涅槃微妙經典如來未說亦復如是。無量菩薩雖具足行諸波羅密乃至十住。猶未能見所有佛性。如來既說即便少見。是菩薩摩訶薩既得見已。咸作是言。甚奇世尊。我等流轉無量生死。常爲無我之所惑亂。

善男子。如是菩薩位階十地尚不了了知見佛性。何況聲聞緣覺之人能得見耶。

復次善男子。譬如仰觀虛空鵝鴈。爲是虛空爲是鵝鴈。諦觀不已髣髴見之。十住菩薩於如來性知見少分亦復如是。況復聲聞緣覺之人能得知見。

善男子。譬如醉人欲涉遠路朦朧見道。十住菩薩於如來性知見少分亦復如是。

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thâm kỳ Thế Tôn! Sở ngôn Phật tánh thậm thâm, thậm thâm, nan kiến, nan nhập, Thanh văn, Duyên giác sở bất năng cập.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như thị, như thị. Như nữ sở thân bất vi ngã thuyết.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thị Phật tánh giả, vân hà thậm thâm, nan kiến, nan nhập?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như bá manh nhân vị trị mục cố, thảo nghệ lương y. Thị thời lương y tức dĩ kim tỳ, quyết kỳ nhãn mạc. Dĩ nhất chỉ thị vấn ngôn: “Kiến phủ?” Manh nhân đáp ngôn: “Ngã du vị kiến.” Phục dĩ nhị chỉ, tam chỉ thị chi nãi ngôn thiếu kiến.

Thiện nam tử! Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, Như Lai vị thuyết diệc phục như thị. Vô lượng Bồ Tát tuy cụ túc hành chư Ba-la-mật, nãi chí thập trụ du vị năng kiến sở hữu Phật tánh. Như Lai ký thuyết tức tiện thiếu kiến. Thị Bồ Tát ma-ha-tát ký đắc kiến dĩ hàm tác thị ngôn: “Thâm kỳ Thế Tôn! Ngã đẳng lưu chuyển vô lượng sanh tử, thường vi vô ngã chi sở hoặc loạn.”

Thiện nam tử! Như thị Bồ Tát vị giai thập địa thượng bất liễu liễu tri kiến Phật tánh, hà hướng Thanh văn, Duyên giác chi nhân năng đắc kiến da?

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như ngưỡng quan hư không nga, nhận. Vị thị hư không? Vi thị nga, nhận? Đế quan bất dĩ phương phát kiến chi. Thập trụ Bồ Tát, ư Như Lai tánh, tri kiến thiếu phần diệc phục như thị, hướng phục Thanh văn, Duyên giác chi nhân năng đắc tri kiến?

Thiện nam tử! Thí như túy nhân dục thiệp viễn lộ mộng lung kiến đạo. Thập trụ Bồ Tát ư Như Lai tánh tri kiến thiếu phần diệc phục như thị.

善男子。譬如渴人行於曠野。是人渴逼遍行求水見有叢樹。樹有白鶴是人迷悶不能分別是樹是水。諦觀不已乃見白鶴及以叢樹。善男子。十住菩薩於如來性知見少分亦復如是。

善男子譬如有人在大海中乃至無量百千由旬。遠望大船樓櫓堂閣。即作是念。彼是樓櫓。為是虛空。久視乃生必定之心知是樓櫓。十住菩薩於自身中見如來性亦復如是。

善男子。譬如王子身極懦弱。通夜遊戲至明清旦。目視一切悉不明了。十住菩薩雖於己身見如來性亦復如是不大明了。

復次善男子。譬如臣吏王事所拘逼夜還家。電明暫發因見牛叢。即作是念。為是牛耶。叢雲屋舍。是人久視雖生牛想猶不審定。十住菩薩雖於己身見如來性未能審定亦復如是。

復次善男子。如持戒比丘觀無蟲水而見蟲相。即作是念。此中動者為是蟲耶是塵土耶。久視不已雖知是塵亦不明了。十住菩薩於己身中見如來性亦復如是不大明了。

復次善男子。譬如有人於陰闇中遠見小兒。即作是念。彼為是牛驚鳥人耶。久觀不已雖見小兒猶不明了。十住菩薩於己身分見如來性亦復如是不大明了。

Thiện nam tử! Thí như khát nhân hành ư khoáng dã. Thị nhân khát bức biến hành cầu thủy. Kiến hữu tùng thọ, thọ hữu bạch hạc. Thị nhân mê muộn bất năng phân biệt thị thọ, thị thủy. Đế quan bát dĩ nãi thị bạch hạc cập dĩ tùng thọ. Thiện nam tử! Thập trụ Bồ Tát ư Như Lai tánh, tri kiến thiểu phần diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân tại đại hải trung, nãi chí vô lượng bách thiên do tuần. Viễn vọng đại thuyền lâu lỗ đường các. Túc tác thị niệm: “Bỉ thị lâu lỗ vi thị hư không?” Cửu thị nãi sanh tất định chi tâm tri thị lâu lỗ. Thập trụ Bồ Tát ư tự thân trung kiến Như Lai tánh diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như vương tử thân cực nhu nhược. Thông dạ du hý chí minh thanh đán. Mục thị nhất thiết tất bất minh liễu. Thập trụ Bồ Tát tuy ư kỷ thân kiến Như Lai tánh diệc phục như thị bất đại minh liễu.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như thần lại vương sự sở câu bức dạ hoàn gia. Điện quang tạm phát nhân kiến ngư từng. Túc tác thị niệm: “Vị thị ngư da? Tùng vân, ốc xá?” Thị nhân cửu thị tuy sanh ngư tưởng du bất thẩm định. Thập trụ Bồ Tát tuy ư kỷ thân kiến Như Lai tánh vị năng thẩm định diệc phục như thị.

Phục thứ, thiện nam tử! Như trì giới tỳ-kheo quán vô trùng thủy, nhi kiến trùng tướng. Túc tác thị niệm: “Thử trung động giả vi thị trùng da? Thị trần thổ da?” Cửu thị bất dĩ, tuy tri thị trần diệc bất minh liễu. Thập trụ Bồ Tát ư kỷ thân trung kiến Như Lai tánh diệc phục như thị bất đại minh liễu.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như hữu nhân ư âm ám trung viễn kiến tiểu nhi. Túc tác thị niệm: “Bỉ vi thị ngư, thúu điều, nhân da?” Cửu thị bất dĩ, tuy kiến tiểu nhi du bất minh liễu. Thập trụ Bồ Tát ư kỷ thân phạm kiến Như Lai tánh diệc phục như thị bất đại minh liễu.

復次善男子。譬如有人於夜闇中見畫菩薩像。即作是念。是菩薩像自在天像大梵天像成染衣耶。是人久視雖復意謂是菩薩像亦不明了。十住菩薩於己身分見如來性亦復如是不大明了。

善男子。所有佛性如是甚深難得知見。唯佛能知。非諸聲聞緣覺所及。善男子。智者應作如是分別知如來性。

迦葉菩薩白佛言。世尊。佛性如是微細難見。云何肉眼而能得見。

佛告迦葉。善男子。如彼非想非非想天。亦非二乘所能得知。隨順契經以信故知。

善男子。聲聞緣覺信順如是大涅槃經。自知己身有如來性亦復如是。善男子。是故應當精勤修習大涅槃經。善男子。如是佛性唯佛能知。非諸聲聞緣覺所及。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。非聖凡夫，有衆生性皆說有我。

佛言。譬如二人共爲親友。一是王子，一是貧賤。如是二人互相往返。是時貧人見是王子有一好刀淨妙第一，心中貪著。王子後時捉持是刀逃至他國。於是貧人後於他家，寄卧止宿，即於眠中，寢語。刀，刀。傍人聞之收至王所。時王問言。汝言刀者何處得耶。是人具以上事答王。王今設使屠割

Phục thú, thiện nam tử! Thí như hữu nhân ư dạ ám trung, kiến họa Bồ Tát tượng. Túc tác thị niệm: “Thị Bồ Tát tượng, Tụ Tại Thiên tượng, Đại Phạm Thiên tượng thành nhiễm y da?” Thị nhân cứu thị, tuy phục ý vị thị Bồ Tát tượng diệc bát minh liễu. Thập trụ Bồ Tát ư kỷ thân phận kiến Như Lai tánh diệc phục như thị bát đại minh liễu.

Thiện nam tử! Sở hữu Phật tánh như thị thậm thâm nan đắc tri kiến. Duy Phật năng tri, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở cập. Thiện nam tử! Trí giả ưng tác như thị phân biệt tri Như Lai tánh.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phật tánh như thị vi tế nan kiến. Vân hà nhục nhãn nhi năng đắc kiến?.

Phật cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Như bỉ phi tướng phi phi tướng thiên, diệc phi nhị thừa sở năng đắc tri, tùy thuận khế kinh dĩ tín cố tri.

Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác tín thuận như thị Đại Niết-bàn kinh, tự tri kỷ thân hữu Như Lai tánh diệc phục như thị. Thiện nam tử! Thị cố ưng đương tinh cần tu tập Đại Niết-bàn Kinh. Thiện nam tử! Như thị Phật tánh duy Phật năng tri, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở cập.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phi thánh phàm phu, hữu chúng sanh tánh giai thuyết hữu ngã.

Phật ngôn: Thí như nhị nhân cộng vi thân hữu: nhất thị vương tử, nhất thị bần tiện. Như thị nhị nhân hổ tương vãng phản. Thị thời bần nhân kiến thị vương tử hữu nhất hảo đao tịnh diệu đệ nhất, tâm trung tham trước. Vương tử hậu thời tróc trì thị đao đào chí tha quốc. Ư thị bần nhân hậu ư tha gia, ký ngoạ chỉ túc, túc ư miên trung, nghê ngữ: “Đao! Đao!” Bàng nhân văn chi thân chí vương sở. Thời vương vấn ngôn: “Nhữ ngôn đao giả hà xứ đắc da?” Thị nhân cụ dĩ thượng sự,

臣身分張手足。欲得刀者實不可得。臣與王子素為親厚。先與一處雖曾眼見。乃至不敢以手振觸。況當故取。王復問言。卿見刀時相貌何類。答言。大王。臣所見者如殺羊角。王聞是已欣然而笑。語言。汝今隨意所至莫生憂怖。我庫藏中都無是刀。況汝乃於王子邊見。

時王即問諸羣臣言。汝等曾見如是刀不。言已崩背。尋立餘子紹繼王位。復問輔臣。卿等。曾於官庫藏中見是刀不。諸臣答言。臣等曾見。覆復問言。其狀何似答言。大王。如殺羊角。王言。我官藏中何處當有如是刀相。次第四王皆悉檢校求索不得。

却後數時。先逃王子從他國還來至本土。復得為王既登王位。復問諸臣。汝見刀不。答言。大王。臣等皆見。又復問言。其狀何似。答言。大王。其色清淨如優鉢羅華。復有答言。形如羊角。復有說言。其色紅赤猶如火聚。復有答言。猶如黑蛇。時王大笑。卿等皆悉不見我刀真實之相。

善男子。菩薩摩訶薩亦復如是。出現於世說我真相。說已捨去。喻如王子持淨妙刀逃至他國。凡夫愚人說言一切有我有我。如彼貧人止宿他舍寢語

đáp vương: “Vương kim thiết sử đồ cát thân thân, phân trương thủ túc, đục đắc đao giả thật bất khả đắc. Thân dữ vương tử tố vi thân hậu tiên dữ nhất xứ. Tuy tăng nhân kiến nãi chí bất cảm dĩ thủ chấn xúc, hướng đương cố thủ?” Vương phục vấn ngôn: “Khanh kiến đao thời tướng mạo hà loại?” Đáp ngôn: “Đại vương! Thân sở kiến giả như cổ dương giác.” Vương văn thị dĩ, hân nhiên nhi tiếu, ngữ ngôn: “Nhữ kim tùy ý sở chí, mạc sanh ưu bố. Ngã khố tạng trung đô vô thị đao, hướng nhữ nãi ư vương tử biên kiến?”

Thời vương tức vấn chư quần thân ngôn: “Nhữ đẳng tăng kiến như thị đao phủ?” Ngôn dĩ băng bối. Tâm lập dư tử thiệu kế vương vị. Phục vấn phụ thân: “Khanh đẳng tăng ư quan khố tạng trung, kiến thị đao phủ?” Chư thân đáp ngôn: “Thân đẳng tăng kiến.” Phúc phục vấn ngôn: “Kỳ trạng hà tự?” Đáp ngôn: “Đại vương! Như cổ dương giác.” Vương ngôn: “Ngã quan tạng trung, hà xứ hữu đương như thị đao tướng?” Thứ đệ tử vương giai tất kiếm giáo, cầu sách bất đắc.

Khước hậu sở thời, tiên đào vương tử, tùng tha quốc hoàn, lai chí bản thổ, phục đắc vi vương. Kỳ đẳng vương vị phục vấn chư thân: “Nhữ kiến đao phủ?” Đáp ngôn: Đại vương! Thân đẳng giai kiến.” Hựu phục vấn ngôn: “Kỳ trạng hà tự?” Đáp ngôn: “Đại vương! Kỳ sắc thanh tịnh như ưu-bát-la hoa.” Phục hữu đáp ngôn: “Hình như dương giác.” Phục hữu thuyết ngôn: “Kỳ sắc hồng xích do như hỏa tự.” Phục hữu đáp ngôn: “Do như hắc xà.” Thời vương đại tiếu: “Khanh đẳng giai tất bất kiến ngã đao chân thật chi tướng.”

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát diệt phục như thị, xuất hiện ư thế thuyết ngã chân tướng, thuyết dĩ xả khứ. Dụ như vương tử trì tịnh diệu đao, đào chí tha quốc. Phạm phu ngu nhân, thuyết ngôn: “Nhất thiết hữu ngã, hữu ngã.” Như bỉ bản nhân chỉ túc tha xá, nghệ ngữ: “Đao! Đao!” Thanh văn,

刀刀。聲聞緣覺問諸衆生我有何相。答言。我見我相大如拇指。或言如米。或如稗子。有言我相住在心中熾然如日。如是衆生不知我相。喻如諸臣不知刀相。菩薩如是說於我相。凡夫不知種種分別妄作我相。如問刀相。答似羊角。是諸凡夫次第相續而起邪見。爲斷如是諸邪見故。如來示現說於無我。喻如王子語諸臣言。我庫藏中無如是刀。

善男子。今日如來所說真我。名曰佛性。如是佛性。我佛法中喻如淨刀。善男子。若有凡夫能善說者。即是隨順無上佛法。若有善能分別隨順宣說是者。當知即是菩薩相貌。

善男子。所有種種異論呪術言語文字。皆是佛說非外道說。

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何如來說字根本。

佛言。善男子。說初半字以爲根本。持諸記論呪術文章諸陰實法。凡夫之人學是字本。然後能知是法非法。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。所言字者其義云何。

善男子。有十四音名爲字義。所言字者名曰涅槃。常故不流。若不流者則爲無盡。夫無盡者即是如來金剛之身。是十四音名曰字本。

Duyên giác vấn chư chúng sanh: “Ngã hữu hà tướng?” Đáp ngôn: “Ngã kiến ngã tướng đại như mẫu chỉ.” Hoặc ngôn: “Như mẽ, hoặc như bãi tử.” Hữu ngôn: “Ngã tướng trụ tại tâm trung xí nhiên như nhật.” Như thị chúng sanh bất tri ngã tướng, dụ như chư thân bất tri đao tướng. Bồ Tát như thị thuyết ư ngã tướng. Phạm phu bất tri, chủng chủng phân biệt, vọng tác ngã tướng. Như vấn đao tướng đáp tự dương giác. Thị chư phạm phu thứ đệ tương tục nhi khởi tà kiến. Vị đoạn như thị chư tà kiến cố Như Lai thị hiện thuyết ư vô ngã, dụ như vương tử ngữ chư thân ngôn: “Ngã khố tạng trung vô như thị đao.”

Thiện nam tử! Kim nhật Như Lai sở thuyết chân ngã danh viết Phật tánh. Như thị Phật tánh ngã Phật pháp trung dụ như tịnh đao. Thiện nam tử! Nhược hữu phạm phu năng thiện thuyết giả tức thị tùy thuận vô thượng Phật pháp. Nhược hữu thiện năng phân biệt tùy thuận tuyên thuyết thị giả, đương tri tức thị Bồ Tát tướng mạo.

Thiện nam tử! Sở hữu chủng chủng dị luận, chú thuật, ngôn ngữ, văn tự giai thị Phật thuyết, phi ngoại đạo thuyết.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà Như Lai thuyết tự căn bản?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thuyết sơ bán tự dĩ vi căn bản. Trì chư ký luận, chú thuật, văn chương, chư ấn thật pháp, phạm phu chi nhân học thị tự bốn, nhiên hậu năng tri thị pháp, phi pháp.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Sở ngôn tự giả kỳ nghĩa vân hà?

Thiện nam tử! Hữu thập tứ âm danh vi tự nghĩa. Sở ngôn tự giả danh viết Niết-bàn thường cố bất lưu. Nhược bất lưu giả tác vi vô tận. Phù vô tận giả tức thị Như Lai kim cang chi thân. Thị thập tứ âm danh viết tự bốn.

噉者不破壞故。不破壞者名曰三寶。喻如金剛。又復噉者名不流故。不流者即是如來。如來九孔無所流故是故不流。又無九孔是故不流。不流即常常即如來。如來無作是故不流。又復噉者名為功德。功德者即是三寶。是故名噉。

阿者名阿闍梨。阿闍梨者義何謂也。於世間中得名聖者。何謂為聖聖名無著。少欲知足亦名清淨。能度衆生於三有流生死大海是名為聖。又復阿者名曰制度。修持淨戒隨順威儀。又復阿者名依聖人。應學威儀進止舉動。供養恭敬禮拜三尊。孝養父母及學大乘。善男女等具持禁戒。及諸菩薩摩訶薩等是名聖人。又復阿者名曰教誨。如言汝等如是應作如是莫作。若有能遮非威儀法是名聖人。是故名阿。

億者即是佛性。梵行廣大清淨無垢。喻如滿月。汝等如是應作不作是義非義。此是佛說。此是魔說。是故名億。

伊者佛法微妙甚深難得。如自在天大梵天王。法名自在若能持者則名護法。又自在者名四護世。是四自在則能攝護大涅槃經。亦能自在敷揚宣說。又復伊者能為衆生自在說法。復次伊者為自在故說

Ố giả bất phá hoại cố. Bất phá hoại giả danh viết Tam bảo dụ như kim cang. Hựu phục ố giả danh bất lưu cố, bất lưu giả tức thị Như Lai. Như Lai cứu không vô sở lưu cố, thị cố bất lưu. Hựu vô cứu không thị cố bất lưu. Bất lưu tức thường. Thường tức Như Lai. Như Lai vô tác thị cố bất lưu. Hựu phục ố giả danh vi công đức. Công đức giả tức thị Tam bảo. Thị cố danh Ố.

A giả danh A-xà-lê. A-xà-lê giả nghĩa hà vị dã? Ư thế gian trung đắc danh thánh giả. Hà vị vi thánh? Thánh danh vô trước, thiếu dục, tri túc diệt danh thanh tịnh, năng độ chúng sanh ư tam hữu lưu sanh tử đại hải. Thị danh vi thánh. Hựu phục A giả danh viết chế độ tu trì tịnh giới tùy thuận oai nghi. Hựu phục A giả danh y thánh nhân, ứng học oai nghi tấn chỉ cử động, cúng dường, cung kính, lễ bái Tam Tôn, hiếu dưỡng phụ mẫu cập học đại thừa. Thiện nam nữ đẳng cụ trì cấm giới cập chư Bồ Tát ma-ha-tát đẳng thị danh thánh nhân. Hựu phục A giả danh viết giáo hối, như ngôn: Nhữ đẳng như thị ưng tác, như thị mạc tác. Nhược hữu năng già phi oai nghi pháp thị danh thánh nhân. Thị cố danh A.

Ức giả tức thị Phật tánh, Phạm hạnh quảng đại, thanh tịnh vô cấu dụ như mãn nguyệt. Nhữ đẳng như thị ưng tác, bất tác, thị nghĩa, phi nghĩa, thủ thị Phật thuyết, thủ thị ma thuyết. Thị cố danh Ức.

Y giả Phật pháp vi diệu thậm thâm nan đắc. Như Tự Tại Thiên, Đại Phạm Thiên vương pháp danh tự tại, nhược năng trì giả tác danh hộ pháp, hựu tự tại giả danh tứ hộ thế. Thị tứ tự tại tác năng nhiếp hộ Đại Niết-bàn kinh, diệt năng tự tại phu dương tuyên thuyết. Hựu phục Y giả năng vị chúng sanh tự tại thuyết pháp. Phục thứ Y giả vị tự tại cố thuyết hà đẳng

何等是也。所謂修習方等經典。復次伊者為斷嫉妬如除穢穢。皆悉能令變成吉祥。是故名伊。

郁者於諸經中最上最勝。增長上上謂大涅槃。復次郁者如來之性聲聞緣覺所未曾聞。如一切處北鬱單越最為殊勝。菩薩若能聽受是經於一切眾最為殊勝。以是義故是經得名最上最勝。是故名郁。

優者喻如牛乳諸味中上。如來之性亦復如是。於諸經中最尊最上。若有誹謗當知是人與牛無別。復次優者是人名為無慧正念。誹謗如來微密秘藏。當知是人甚可憐愍。遠離如來秘密之藏說無我法。是故名優。

啞<sup>(1)</sup>者即是諸佛法性涅槃。是故名啞。

黔<sup>(2)</sup>者謂如來義。復次黔者如來進止屈伸舉動。無不利益一切眾生。是故名黔。

烏者名煩惱義。煩惱者名曰諸漏。如來永斷一切煩惱。是故名烏。

炮者謂大乘義。於十四音是究竟義。大乘經典亦復如是。於諸經論最為究竟。是故名炮。

菴者能遮一切諸不淨物。於佛法中能捨一切金銀寶物。是故名菴。

阿者名勝乘義。何以故。此大乘典大涅槃經。於諸經中最高殊勝。是故名阿。

<sup>1</sup> Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh khắc chữ này là 啞 (yết)

<sup>2</sup> Nam bản dùng chữ 野野 (dã).

thị dã? Sở vị tu tập Phương đẳng kinh điển. Phục thứ Y giả vi đoạn tạt đố như trừ bái uế, giai tạt năng linh biến thành kiết tường. Thị cố danh Y.

Úc giả, ư chư kinh trung tối thượng, tối thắng, tăng trưởng thượng thượng, Vị Đại Niết-bàn. Phục thứ Úc giả Như Lai chi tánh, Thanh văn, Duyên giác sở vị tăng văn. Như nhất thiết xứ bắc Uất-đan-việt tối vi thù thắng. Bồ Tát nhược năng thính thọ thị kinh, ư nhất thiết chúng tối vi thù thắng. Dĩ thị nghĩa cố thị kinh đắc danh tối thượng, tối thắng. Thị cố danh Úc.

Ưu giả, dụ như ngưi nhũ chư vị trung thượng. Như Lai chi tánh diệc phục như thị, ư chư kinh trung tối tôn, tối thượng. Nhược hữu phỉ báng đương tri thị nhân dữ ngưi vô biệt. Phục thứ Ưu giả thị nhân danh vi vô huệ chánh niệm, phỉ báng Như Lai vi mật bí tạng. Đương tri thị nhân thậm khả lân mãn, viễn ly Như Lai bí mật chi tạng, thuyết vô ngã pháp. Thị cố danh Ưu.

Yên giả, tức thị chư Phật pháp tánh Niết-bàn. Thị cố danh Yên.

Huê giả, vị Như Lai nghĩa. Phục thứ Huê giả Như Lai tấn chỉ khuất thân cử động, vô bất lợi ích nhất thiết chúng sanh. Thị cố danh Huê.

Ô giả, danh phiên não nghĩa. Phiên não giả danh viết chư lậu. Như Lai vĩnh đoạn nhất thiết phiên não. Thị cố danh Ô.

Bào giả, vị đại thừa nghĩa, ư thập tứ âm thị cứu cánh nghĩa. Đại thừa kinh điển diệc phục như thị, ư chư kinh luận tối vi cứu cánh. Thị cố danh Bào.

Am giả, năng già nhất thiết chư bất tịnh vật, ư Phật pháp trung năng xả nhất thiết kim, ngân, bảo vật. Thị cố danh Am.

A giả danh thắng thừa nghĩa. Hà dĩ cố? Thủ đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh ư chư kinh trung tối vi thù thắng. Thị cố danh A.



迦者於諸衆生起大慈悲。生於子想如羅睺羅作妙善義。是故名迦。

呿者名非善友。非善友者名曰雜穢。不信如來秘密之藏。是故名呿。

伽者名藏。藏者即是如來秘藏。一切衆生皆有佛性。是故名伽。

𡇗者如來常音。何等名爲如來常音。所謂如來常住不變。是故名𡇗。

俄者一切諸行破壞之相。是故名俄。

遮者即是修義。調伏一切諸衆生故名爲修義。是故名遮。

車者如來覆蔭一切衆生。喻如大蓋。是故名車。

闍者。是正解脫。無有老相。是故名闍。

瞋者煩惱繁茂。喻如稠林。是故名瞋。

若者是智慧義。知真法性。是故名若。

吒者於闍浮提示現半身而演說法。喻如半月。是故名吒。

𡇗者法身具足。喻如滿月。是故名𡇗。

茶者，是愚癡僧不知常與無常，喻如小兒。是故名茶。

祖者，不知師恩，喻如羝羊。是故名祖。

拏者，非是聖義，喻如外道。是故名拏。

Ca giả, ư chư chúng sanh khởi đại từ bi, sanh ư tử tưởng, như La-hầu-la tác diệu thiện nghĩa. Thị cố danh Ca.

Khư giả, danh phi thiện hữu. Phi thiện hữu giả danh viết tạp uế, bất tín Như Lai bí mật chi tạng. Thị cố danh Khư.

Già giả, danh tạng. Tạng giả tức thị Như Lai bí tạng: Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh. Thị cố danh Già.

Kính giả, Như Lai thường âm. Hà đẳng danh vi Như Lai thường âm? Sở vị Như Lai thường trụ bất biến. Thị cố danh Kính.

Nga giả, nhất thiết chư hành phá hoại chi tướng. Thị cố danh Nga.

Già giả, tức thị tu nghĩa. Điều phục nhất thiết chư chúng sanh cố danh vi tu nghĩa. Thị cố danh Già.

Xa giả, Như Lai phú âm nhất thiết chúng sanh, dụ như đại cái. Thị cố danh Xa.

Xà giả, thị chánh giải thoát vô hữu lão tướng. Thị cố danh Xà.

Thiện giả, phiền não phiền mậu, dụ như trù lâm. Thị cố danh Thiện.

Nhã giả, thị trí huệ nghĩa tri chân pháp tánh. Thị cố danh Nhã.

Trá giả, ư Diêm-phù-đề thị hiện bán thân, nhi diễn thuyết pháp, dụ như bán nguyệt. Thị cố danh Trá.

Thoa giả, pháp thân cụ túc dụ như mãn nguyệt. Thị cố danh Thoa.

Trà giả, thị ngu si tăng bất tri thường dữ vô thường, dụ như tiểu nhi. Thị cố danh Trà.

Tổ giả, bất tri sư ân dụ như dê dương. Thị cố danh Tổ.

Noa giả, phi thị thánh nghĩa, dụ như ngoại đạo. Thị cố danh Noa.

多者，如來於彼告諸比丘。宜離驚畏。當為汝等說微妙法。是故名多。

他者名愚癡義。衆生流轉生死纏裹如蠶蜣娘。是故名他。

陀者名曰大施。所謂大乘是故名陀。

彈者稱讚功德。所謂三寶如須彌山高峻廣大無有傾倒。是故名彈。

那者三寶安住無有傾動。喻如門閫。是故名那。

波者名顛倒義。若言三寶悉皆滅盡。當知是人為自疑惑是故名波。

頗者是世間災。若言世間災起之時三寶亦盡。當知是人愚癡無智違失聖旨。是故名頗。

婆者名佛十力。是故名婆。

澆者名為重擔，堪任荷負無上正法。當知是人是大菩薩。是故名澆。

摩者是諸菩薩嚴峻制度。所謂大乘大般涅槃。是故名摩。

耶者是諸菩薩在在處處為諸衆生說大乘法。是故名耶。

囉者能壞貪欲瞋恚愚癡說真實法。是故名囉。

羅者名聲聞乘動轉不住。大乘安固無有傾動。捨聲聞乘精勤修習無上大乘。是故名羅。

Đa giả, Như Lai ư bỉ cáo chư tỳ-kheo: Nghi ly kinh úy. Đương vị nhữ đẳng thuyết vi diệu pháp. Thị cố danh Đa.

Tha giả, danh ngu si nghĩa, chúng sanh lưu chuyển sanh tử triền lý như tầm khung lang. Thị cố danh Tha.

Đà giả, danh viết đại thí, sở vị Đại thừa. Thị cố danh Đà.

Đàn giả, xưng tán công đức, sở vị Tam bảo, như Tu-di sơn cao tuấn quảng đại, vô hữu khuynh đảo. Thị cố danh Đàn.

Na giả, Tam bảo an trụ vô hữu khuynh động, dụ như môn khởn. Thị cố danh Na.

Ba giả danh điên đảo nghĩa, nhược ngôn: “Tam bảo tất giai diệt tận.” Đương tri thị nhân vi tự nghi hoặc. Thị cố danh Ba.

Pha giả thị thế gian tai. Nhược ngôn: “Thế gian tai khởi chi thời, Tam bảo diệt tận.” Đương tri thị nhân ngu si vô trí vi thất thánh chỉ. Thị cố danh Pha.

Bà giả, danh Phật thập lực. Thị cố danh Bà.

Phạm giả, danh vi trọng đảm, kham nhiệm hà phụ vô thượng chánh pháp. Đương tri thị nhân thị đại Bồ Tát. Thị cố danh Phạm.

Ma giả, thị chư Bồ Tát nghiêm tuấn chế độ, sở vị đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Thị cố danh Ma.

Da giả, thị chư Bồ Tát, tại tại xứ xứ vị chư chúng sanh thuyết đại thừa pháp. Thị cố danh Da.

Ra giả, năng hoại tham dục, sân khuể, ngu si, thuyết chân thật pháp. Thị cố danh Ra.

La giả, danh Thanh văn thừa động chuyển bất trụ, Đại thừa an cố vô hữu khuynh động. Xả Thanh văn thừa, tinh cần tu tập vô thượng Đại thừa. Thị cố danh La.

唵者如來世尊。為諸衆生雨大法雨。所謂世間呪術經書。是故名唵。

奢者遠離三箭。是故名奢。

沙者名具足義若能聽是大涅槃經。則為已得聞持一切大乘經典。是故名沙。

娑者為諸衆生演說正法令心歡喜。是故名娑。

訶者名心歡喜。奇哉世尊離一切行。怪哉如來入般涅槃。是故名訶。

荼者名曰魔義。無量諸魔不能毀壞如來秘藏。是故名荼。復次荼者乃至示現隨順世間有父母妻子。是故名荼。

魯，流，盧，樓，如是四字說有四義。謂佛法僧及以對法。言對法者隨順世間。如調婆達示現壞僧。化作種種形貌色像為制戒故，智者了達不應於此而生畏怖。是名隨順世間之行。以是故名魯流盧樓。

吸氣舌根隨鼻之聲。長短超聲隨音解義。皆因舌齒而有差別。如是字義能令衆生口業清淨。衆生佛性則不如是假於文字然後清淨。何以故。性本淨故雖復處在陰入界中。則不同於陰入界也。是故衆生悉應歸依。

諸菩薩等。以佛性故等視衆生無有差別。是故半字於諸經書記論文章而為根本。又半字義者皆是

Hòa giả, Như Lai Thế Tôn vị chư chúng sanh vũ đại pháp vũ, sở vị thế gian chú thuật kinh thư. Thị cố danh Hòa.

Xa giả, viễn ly tam tiền. Thị cố danh Xa.

Sa giả, danh cụ túc nghĩa. Nhược năng thính thị Đại Niết-bàn kinh, tắc vi dĩ đắc văn trì nhất thiết Đại thừa kinh điển. Thị cố danh Sa.

Ta giả, vị chư chúng sanh diễn thuyết chánh pháp, linh tâm hoan hỷ. Thị cố danh Ta.

Ha giả, danh tâm hoan hỷ: Kỳ tai Thế Tôn! Ly nhất thiết hành. Quái tai! Như Lai nhập Bát Niết-bàn. Thị cố danh Ha.

Trà giả, danh viết ma nghĩa. Vô lượng chư ma bất năng hủy hoại Như Lai bí tạng. Thị cố danh Trà. Phục thứ Trà giả nãi chí thị hiện tùy thuận thế gian hữu phụ mẫu thê tử. Thị cố danh Trà.

Lỗ, Lưu, Lư, Lâu như thị tứ tự thuyết hữu tứ nghĩa, vị: Phật, Pháp, Tăng cập dĩ đối pháp. Ngôn đối pháp giả tùy thuận thế gian. Như Điều-bà-đạt thị hiện hoại tăng, hoá tác chủng chủng hình mạo sắc tượng vị chế giới cố. Trí giả liễu đạt bất ưng ư thử nhi sanh bố úy. Thị danh tùy thuận thế gian chi hạnh. Dĩ thị cố danh Lỗ, Lưu, Lư, Lâu.

Hấp khí thiết căn tùy tự chi thanh, trường đoản siêu thanh, tùy âm giải nghĩa, giai nhân thiết xỉ nhi hữu sai biệt. Như thị tự nghĩa năng linh chúng sanh khẩu nghiệp thanh tịnh. Chúng sanh Phật tánh tắc bất như thị, giả ư văn tự nhiên hậu thanh tịnh. Hà dĩ cố? Tánh bản tịnh cố. Tuy phục xử tại ấm, nhập, giới trung, tắc bất đồng ư ấm, nhập, giới dã. Thị cố chúng sanh tất ưng quy y.

Chư Bồ Tát đẳng dĩ Phật tánh cố, đẳng thị chúng sanh vô hữu sai biệt. Thị cố bán tự ư chư kinh thư, ký luận, văn chương nhi vi căn bản. Hựu bán tự nghĩa giả giai thị phiền não ngôn

煩惱言說之本。故名半字。滿字者乃是一切善法言說之根本也。

譬如世間為惡之者名為半人。修善之者名為滿人。如是一切經書記論皆因半字而為根本。若言如來及正解脫入於半字。是事不然。何以故。離文字故。是故如來於一切法無礙無著真得解脫。

何等名為解了字義。有知如來出現於世能滅半字。是故名為解了字義。若有隨逐半字義者。是人不知如來之性。

何等名為無字義也。親近修習不善法者是名無字。又無字者雖能親近修習善法。不知如來常與無常恆與非恆。及法僧二寶律與非律。經與非經魔說佛說。若有不能如是分別。是名隨逐無字義也。我今已說如是隨逐無字之義。

善男子。是故汝今應離半字善解滿字。

迦葉菩薩白佛言。世尊。我等應當善學字數。今我值遇無上之師。已受如來慇懃誨勅。

佛讚迦葉。善哉善哉。樂正法者應如是學。

爾時佛告迦葉菩薩。善男子。鳥有二種。一名迦隣提。二名鴛鴦。遊止共俱不相捨離。是苦無常無我等法。亦復如是不得相離。

thuyết chi bản cố danh bán tự. Mãn tự giả nãi thị nhất thiết thiện pháp ngôn thuyết chi căn bản dã.

Thí như thế gian vi ác chi giả danh vi bán nhân, tu thiện chi giả danh vi mãn nhân. Như thị nhất thiết kinh thơ ký luận giai nhân bán tự nhi vi căn bản. Nhược ngôn Như Lai cập chánh giải thoát nhập ư bán tự thị sự bất nhiên. Hà dĩ cố? Ly văn tự cố. Thị cố Như Lai ư nhất thiết pháp, vô ngại, vô trước, chân đắc giải thoát.

Hà đẳng danh vi giải liễu tự nghĩa? Hữu tri Như Lai xuất hiện ư thế, năng diệt bán tự. Thị cố danh vi giải liễu tự nghĩa. Nhược hữu tùy trực bán tự nghĩa giả, thị nhân bất tri Như Lai chi tánh.

Hà đẳng danh vi vô tự nghĩa dã? Thân cận tu tập bất thiện pháp giả thị danh vô tự. Hựu vô tự giả tuy năng thân cận tu tập thiện pháp, bất tri Như Lai thường dĩ vô thường, hằng dĩ phi hằng, cập pháp, tăng nhị bảo, luật dĩ phi luật, kinh dĩ phi kinh, ma thuyết, Phật thuyết. Nhược hữu bất năng như thị phân biệt thị danh tùy trực vô tự nghĩa dã. Ngã kim dĩ thuyết như thị tùy trực vô tự chi nghĩa.

Thiện nam tử! Thị cố nữ kim ưng ly bán tự thiện giải mãn tự.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đẳng ưng đương thiện học tự số. Kim ngã trị ngộ vô thượng chi sư dĩ thọ Như Lai ân cần hồi sắc.

Phật tán Ca-diếp: Thiện tai, thiện tai! Nhạo chánh pháp giả ưng như thị học.

Nhĩ thời Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát: Thiện nam tử! Điều hữu nhị chủng: nhất danh ca-lân-đề, nhị danh uyên ương, du chỉ cộng câu bất tương xả ly. Thị khổ, vô thường, vô ngã đẳng pháp diệt phục như thị bất đắc tương ly.

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何是苦無常無我。如彼鴛鴦迦隣提鳥。

佛言。善男子。異法是苦異法是樂。異法是常異法無常。異法是我異法無我。譬如稻米異於麻麥。麻麥復異豆粟甘蔗。如是諸種從其萌芽乃至葉華皆是無常。果實成熟人受用時乃名為常。何以故。性真實故。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如是等物若是常者同如來耶。

佛言。善男子。汝今不應作如是說。何以故。若言如來如須彌山。劫壞之時須彌崩倒。如來爾時豈同壞耶。

善男子。汝今不應受持是義。善男子。一切諸法唯除佛性涅槃。更無一法而是常者。直以世諦言果實常。

迦葉菩薩白佛言。世尊。善哉善哉。如佛所說。

佛告迦葉。如是如是。善男子。雖修一切契經諸定。乃至未聞大般涅槃。皆言一切悉是無常。聞是經已雖有煩惱如無煩惱。即能利益一切人天。何以故。曉了己身有佛性故。是名為常。

復次善男子。譬如菴羅樹其華始敷名無常相。若成果實多所利益乃名為常。如是善男子。雖修一

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà thị khổ, vô thường, vô ngã như bỉ uyên ương, ca-lân-đề điểu?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Dị pháp thị khổ, dị pháp thị lạc, dị pháp thị thường, dị pháp vô thường, dị pháp thị ngã, dị pháp vô ngã. Thí như đạo mẽ dị ư ma mạch, ma mạch phục dị đậu, túc cam giá. Như thị chư chủng tùng kỳ manh nha nãi chí diệp hoa, giai thị vô thường. Quả thật thành thực nhân thọ dụng thời nãi danh vi thường. Hà dĩ cố? Tánh chân thật cố.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thị đẳng vật nhược thị thường giả đồng Như Lai da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ kim bất ưng tác như thị thuyết. Hà dĩ cố? Nhược ngôn Như Lai như Tu-di sơn, kiếp hoại chi thời Tu-di băng đảo, Như Lai nhĩ thời khởi đồng hoại da?

Thiện nam tử! Nhữ kim bất ưng thọ trì thị nghĩa. Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp duy trừ Phật tánh, Niết-bàn cánh vô nhất pháp nhi thị thường giả. Trục dĩ thế đế ngôn quả thật thường.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thiện tai, thiện tai! Như Phật sở thuyết.

Phật cáo Ca-diếp: Như thị, như thị! Thiện nam tử! Tuy tu nhất thiết khế kinh chư định, nãi chí vị văn Đại Bát Niết-bàn, giai ngôn nhất thiết tất thị vô thường. Văn thị kinh dĩ tuy hữu phiền não như vô phiền não, túc năng lợi ích nhất thiết nhân thiên. Hà dĩ cố? Hiểu liễu kỷ thân hữu Phật tánh cố. Thị danh vi thường.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như am-la thọ kỳ hoa thủy phu danh vô thường tướng. Nhược thành quả thật đa hữu lợi ích nãi danh vi thường. Như thị thiện nam tử! Tuy tu nhất

切契經諸定。未聞如是大涅槃經時。咸言一切悉是無常。聞是經已雖有煩惱如無煩惱。即能利益一切人天。何以故。曉了自身有佛性故。是名為常。

復次善男子。譬如金鑛銷鎔之時。是無常相鎔已成金多所利益。乃名為常。如是善男子。雖修一切契經諸定。未聞如是大涅槃經時。咸言一切悉是無常。聞是經已雖有煩惱如無煩惱。即能利益一切人天。何以故。曉了自身有佛性故。是名為常。

復次善男子。譬如胡麻未被壓時名曰無常。既壓成油多有利益。乃名為常。善男子。雖修一切契經諸定。未聞如是大涅槃經時。咸言一切悉是無常。聞是經已雖有煩惱如無煩惱。即能利益一切人天。何以故。曉了己身有佛性故。是名為常。

復次善男子。譬如衆流皆歸于海。一切契經諸定三昧皆歸大乘大涅槃經。何以故。究竟善說有佛性故。

善男子。是故我言。異法是常，異法無常，乃至無我亦復如是。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來已離憂悲毒箭。

夫憂悲者，名之為天。如來非天。有憂悲者名之

thiết kế kinh chư định, vị văn như thị Đại Niết-bàn kinh thời, hàm ngôn nhất thiết tất thị vô thường. Văn thị kinh dĩ tuy hữu phiền não như vô phiền não, tức năng lợi ích nhất thiết nhân thiên. Hà dĩ cố? Hiểu liễu tự thân hữu Phật tánh cố. Thị danh vi thường.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như kim khoáng tiêu dung chi thời thị vô thường tướng. Dung dĩ thành kim đa sở lợi ích nãi danh vi thường. Như thị thiện nam tử! Tuy tu nhất thiết kế kinh chư định, vị văn như thị Đại Niết-bàn kinh thời, hàm ngôn nhất thiết tất thị vô thường. Văn thị kinh dĩ tuy hữu phiền não như vô phiền não, tức năng lợi ích nhất thiết nhân thiên. Hà dĩ cố? Hiểu liễu tự thân hữu Phật tánh cố. Thị danh vi thường.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như hồ ma vị bị áp thời danh viết vô thường. Ký áp thành du đa hữu lợi ích nãi danh vi thường. Thiện nam tử! Tuy tu nhất thiết kế kinh chư định, vị văn như thị Đại Niết-bàn kinh thời, hàm ngôn nhất thiết tất thị vô thường. Văn thị kinh dĩ tuy hữu phiền não như vô phiền não, tức năng lợi ích nhất thiết nhân thiên. Hà dĩ cố? Hiểu liễu tự thân hữu Phật tánh cố. Thị danh vi thường.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như chúng lưu giai quy vu hải. Nhất thiết kế kinh chư định Tam-muội giai quy đại thừa Đại Niết-bàn kinh. Hà dĩ cố? Cứu cánh thiện thuyết hữu Phật tánh cố.

Thiện nam tử! Thị cố ngã ngôn: dị pháp thị thường, dị pháp vô thường, nãi chí vô ngã diệt phược như thị.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai dĩ ly ưu bi độc tiền.

Phù ưu bi giả, danh chi vi thiên. Như Lai phi thiên. Hữu ưu bi giả, danh chi vi nhân. Như Lai phi nhân. Thị ưu bi giả,

爲人如來非人。是憂悲者名二十五有。如來非二十五有。是故如來無有憂悲。何故稱言如來憂悲。

善男子。無想天者名爲無想。若無想者則無壽命。若無壽命云何而有陰界諸入。以是義故。無想天壽不可說言有所住處。

善男子。譬如樹神依樹而住。不得定言依枝依節依莖依葉。雖無定所不得言無。無想天壽亦復如是。

善男子。佛法亦爾。甚深難解。如來實無憂悲苦惱。而於衆生起大慈悲現有憂悲。視諸衆生如羅睺羅。

復次善男子。無想天中所有壽命唯佛能知非餘所及。乃至非想非非想處亦復如是。

迦葉。如來之性清淨無染。猶如化身。何處當有憂悲苦惱。若言如來無憂悲者。云何能利一切衆生弘廣佛法。若言無者云何而言等視衆生如羅睺羅。若不等視如羅睺羅。如是之言則爲虛妄。以是義故。善男子。佛不可思議法不可思議衆生佛性不可思議。無想天壽不可思議。如來有憂及以無憂。是佛境界非諸聲聞緣覺所知。

善男子。譬如空中舍宅微塵不可住立。若言舍宅不因空住無有是處。以是義故。不可說舍住於虛

danh nhị thập ngũ hữu. Như Lai phi nhị thập ngũ hữu. Thị cố Như Lai vô hữu ưu bi. Hà cố xưng ngôn Như Lai ưu bi?

Thiện nam tử! Vô tướng thiên giả danh vi vô tướng. Nhược vô tướng giả tác vô thọ mạng. Nhược vô thọ mạng vân hà nhị hữu ám, giới, chư nhập? Dĩ thị nghĩa cố vô tướng thiên thọ, bất khả thuyết ngôn hữu sở trụ xứ.

Thiện nam tử! Thí như thọ thân y thọ nhi trụ. Bất đắc định ngôn y chi, y tiết, y hành, y diệp. Tuy vô định sở bất đắc ngôn vô. Vô tướng thiên thọ diệp phục như thị.

Thiện nam tử! Phật pháp diệc nhĩ thậm thâm nan giải. Như Lai thật vô ưu bi khổ não, nhi ư chúng sanh khởi đại từ bi, hiện hữu ưu bi thị chư chúng sanh như La-hầu-la.

Phục thứ, thiện nam tử! Vô tướng thiên trung sở hữu thọ mạng duy Phật năng tri phi dư sở cập. Nãi chí Phi tướng phi phi tướng xứ diệc phục như thị.

Ca-diếp! Như Lai chi tánh thanh tịnh vô nhiễm do như hoá thân. Hà xứ đương hữu ưu bi khổ não? Nhược ngôn Như Lai vô ưu bi giả vân hà năng lợi nhất thiết chúng sanh, hoàng quảng Phật pháp? Nhược ngôn vô giả vân hà nhị ngôn đẳng thị chúng sanh như La-hầu-la? Nhược bất đẳng thị như La-hầu-la, như thị chi ngôn tác vi hư vọng. Dĩ thị nghĩa cố, thiện nam tử! Phật bất khả tư nghị, Pháp bất khả tư nghị, chúng sanh Phật tánh bất khả tư nghị, Vô tướng thiên thọ bất khả tư nghị. Như Lai hữu ưu cập dĩ vô ưu, thị Phật cảnh giới phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri.

Thiện nam tử! Thí như không trung, xá trạch vi trần bất khả trụ lập. Nhược ngôn xá trạch bất nhân không trụ, vô hữu thị xứ. Dĩ thị nghĩa cố bất khả thuyết xá trụ ư hư không, bất

空不住虛空。凡夫之人雖復說言舍住虛空。而是虛空實無所住。何以故。性無住故。

善男子。心亦如是。不可說言住陰界入及以不住。無想天壽亦復如是。如來憂悲亦復如是。若無憂悲云何說言等視衆生如羅睺羅。若言有者復云何言性同虛空。

善男子。譬如幻師雖復化作種種宮殿。殺生長養繫縛放捨。及作金銀琉璃寶物叢林樹木都無實性。如來亦爾。隨順世間示現憂悲無有真實。

善男子。如來已入於般涅槃。云何當有憂悲苦惱。若謂如來入於涅槃是無常者。當知是人則有憂悲。若謂如來不入涅槃常住不變。當知是人無有憂悲。如來有憂及以無憂無能知者。

復次善男子。譬如下人能知下法不知中上。中者知中不知於上。上者知上及知中下。聲聞緣覺亦復如是。齊知自地。如來不爾悉知自地及以他地。是故如來名無礙智。示現幻化隨順世間凡夫肉眼謂是真實。而欲盡知如來無礙無上智者無有是處。有憂無憂唯佛能知。以是因緣異法有我異法無我。是名鴛鴦迦隣提鳥性。

trụ hư không. Phạm phu chi nhân tuy phục thuyết ngôn xá trụ hư không, nhi thị hư không thật vô sở trụ. Hà dĩ cố? Tánh vô trụ cố.

Thiện nam tử! Tâm diệc như thị bất khả thuyết ngôn trụ ấm, giới, nhập cập dĩ bất trụ. Vô Tướng Thiên thọ diệc phục như thị, Như Lai ưu bi diệc phục như thị. Nhược vô ưu bi vân hà thuyết ngôn đẳng thị chúng sanh như La-hầu-la? Nhược ngôn hữu giả phục vân hà ngôn tánh đồng hư không?

Thiện nam tử! Thí như huyễn sư tuy phục hoá tác chủng chủng cung điện, sát sanh, trưởng dưỡng, hệ phục, phóng xả, cập tác kim, ngân, lưu ly, bảo vật, tùng lâm thọ mộc, đô vô thật tánh. Như Lai diệc nhĩ tùy thuận thế gian thị hiện ưu bi vô hữu chân thật.

Thiện nam tử! Như Lai dĩ nhập ư Bát Niết-bàn, vân hà đương hữu ưu bi khổ não? Nhược vị Như Lai nhập ư Niết-bàn thị vô thường giả, đương tri thị nhân tác hữu ưu bi. Nhược vị Như Lai bất nhập Niết-bàn thường trụ bất biến, đương tri thị nhân vô hữu ưu bi. Như Lai hữu ưu cập dĩ vô ưu, vô năng tri giả.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như hạ nhân năng tri hạ pháp, bất tri trung, thượng. Trung giả tri trung bất tri ư thượng. Thượng giả tri thượng cập tri trung, hạ. Thanh văn, Duyên giác diệc phục như thị, tề tri tự địa. Như Lai bất nhĩ tất tri tự địa cập dĩ tha địa. Thị cố Như Lai danh vô ngại trí, thị hiện huyễn hoá tùy thuận thế gian. Phạm phu nhục nhân vị thị chân thật nhi dục tận tri Như Lai vô ngại vô thượng trí giả, vô hữu thị xứ. Hữu ưu, vô ưu duy Phật năng tri. Dĩ thị nhân duyên dị pháp hữu ngã, dị pháp vô ngã. Thị danh uyên ương, ca-lân-đề điều tánh.



復次善男子。佛法猶如鴛鴦共行。是迦隣提及鴛鴦鳥。盛夏水漲選擇高原安處其子為長養故。然後隨本安隱而遊。如來出世亦復如是。化無量衆生令住正法。如彼鴛鴦迦隣提鳥選擇高原安置其子。如來亦爾。令諸衆生所作已辦即便入於大般涅槃。

善男子。是名異法是苦，異法是樂。諸行是苦。涅槃是樂，第一微妙壞諸行故。

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何衆生得涅槃者名第一樂。

佛言。善男子。如我所說，諸行和合名為老，死。

謹慎不放逸  
是處名甘露  
放逸不謹慎  
是名為死句  
若不放逸者  
則得不死處  
如其放逸者  
常趣於死路

若放逸者名有為法。是有為法為第一苦。若不放逸者則名涅槃。彼涅槃者名為甘露第一最樂。若趣諸行是名死處受第一苦。若至涅槃則名不死受最妙樂。若不放逸雖集諸行。是亦名為常樂不死不破

Phục thứ, thiện nam tử! Phật pháp do như uyên ương cộng hành. Thị ca-lân-đề cập uyên ương điểu, thanh hạ thủy trưởng tuyển trạch cao nguyên, an xử kỳ tử vị trưởng dưỡng cố. Nhiên hậu tùy bản an ổn nhi du. Như Lai xuất thế diệc phục như thị, hoá vô lượng chúng sanh linh trụ chánh pháp. Như bỉ uyên ương, ca-lân-đề điểu tuyển trạch cao nguyên, an trí kỳ tử, Như Lai diệc nhĩ linh chư chúng sanh sở tác dĩ biện, tức tiện nhập ư Đại Bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thị danh dị pháp thị khổ, dị pháp thị lạc. Chư hành thị khổ. Niết-bàn thị lạc, đệ nhất vi diệu hoại chư hành cố.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà chúng sanh đắc Niết-bàn giả danh đệ nhất lạc?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như ngã sở thuyết, chư hành hòa hiệp danh vi lão, tử.

Cẩn thận bất phóng dật,  
Thị xứ danh cam lộ,  
Phóng dật bất cẩn thận,  
Thị danh vi tử cú.  
Nhược bất phóng dật giả,  
Tắc đắc bất tử xứ,  
Như kỳ phóng dật giả,  
Thường thú ư tử lộ.

Nhược phóng dật giả danh hữu vi pháp. Thị hữu vi pháp vi đệ nhất khổ. Nhược bất phóng dật giả tắc danh Niết-bàn. Bỉ Niết-bàn giả danh vi cam lộ đệ nhất tối lạc. Nhược thú chư hành thị danh tử xứ thọ đệ nhất khổ. Nhược chí Niết-bàn tắc danh bất tử thọ tối diệu lạc. Nhược bất phóng dật tuy tập chư

壞身。云何放逸云何不放逸。非聖凡夫是名放逸常死之法。出世聖人是不放逸無有老死。何以故。入於第一常樂涅槃。以是義故。異法是苦異法是樂。異法是我異法無我。

如人在地仰觀虛空不見鳥迹。善男子。衆生亦爾無有天眼。在煩惱中而不自見有如來性。是故我說無我密教。所以者何。無天眼者不知真我橫計我故。因諸煩惱所造有爲即是無常。是故我說異法是常異法無常。

精進勇猛者  
若處於山頂  
平地及曠野  
常見諸凡夫  
昇大智慧殿  
無上微妙臺  
既自除憂患  
亦見衆生憂

如來悉斷無量煩惱住智慧山。見諸衆生常在無量億煩惱中。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。如偈所說是義不然。何以故。入涅槃者無憂無喜。云何得昇智慧臺殿。復當云何住在山頂而見衆生。

hành thị diệt danh vi thường, lạc, bất tử, bất phá hoại thân. Vân hà phóng dật? Vân hà bất phóng dật? Phi thánh phạm phu thị danh phóng dật thường tử chi pháp. Xuất thế thánh nhân thị bất phóng dật vô hữu lão tử. Hà dĩ cố? Nhập ư đệ nhất thường lạc Niết-bàn. Dĩ thị nghĩa cố dị pháp thị khổ, dị pháp thị lạc, dị pháp thị ngã, dị pháp vô ngã.

Như nhân tại địa ngưỡng quan hư không, bất kiến điều tích. Thiện nam tử! Chúng sanh diệt nhĩ vô hữu thiên nhân, tại phiền não trung nhi bất tự kiến hữu Như Lai tánh. Thị cố ngã thuyết vô ngã mật giáo. Sở dĩ giả hà? Vô thiên nhân giả bất tri chân ngã, hoành kế ngã cố. Nhân chư phiền não sở tạo hữu vi tức thị vô thường. Thị cố ngã thuyết dị pháp thị thường, dị pháp vô thường.

Tinh cần dũng mãnh giả,  
Nhược xử ư sơn đỉnh,  
Bình địa cập khoáng dã,  
Thường kiến chư phạm phu.  
Thăng đại trí huệ điện,  
Vô thượng vi diệu đài,  
Ký tự trừ ưu hoạn,  
Diệt kiến chúng sanh ưu.

Như Lai tất đoạn vô lượng phiền não trụ trí huệ sơn, kiến chư chúng sanh thường tại vô lượng ức phiền não trung.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như kệ sở thuyết thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhập Niết-bàn giả vô ưu, vô hỷ. Vân hà đắc thăng trí huệ đài điện? Phục đương vân hà trụ tại sơn đỉnh nhi kiến chúng sanh?

佛言。善男子。智慧殿者即名涅槃。無憂愁者謂如來也。有憂愁者名凡夫人。以凡夫憂故如來無憂。須彌山頂者謂正解脫。勤精進者喻須彌山無有動轉。地謂有為行也。是諸凡夫安住是地造作諸行。其智慧者則名正覺。離有常住故名如來。如來愍念無量衆生。常為諸有毒箭所中。是故名為如來有憂。

迦葉菩薩白佛言。世尊。若使如來有憂感者。則不得稱為等正覺。

佛言迦葉。皆有因緣隨有衆生應受化處。如來於中示現受生雖現受生而實無生。是故如來名常住法。如迦隣提鴛鴦等鳥。

## 大般涅槃經卷第八

終

Phật ngôn: Thiện nam tử! Trí huệ điện giả tức danh Niết-bàn. Vô ưu sâu giả vị Như Lai dã. Hữu ưu sâu giả danh phàm phu nhân. Dĩ phàm phu ưu cố Như Lai vô ưu. Tu-di sơn đỉnh giả vị chánh giải thoát. Cần tinh tấn giả dụ Tu-di sơn vô hữu động chuyển. Địa vị hữu vi hạnh dã. Thị chư phàm phu an trụ thị địa tạo tác chư hành. Kỳ trí huệ giả tức danh chánh giác ly hữu thường trụ cố danh Như Lai. Như Lai mãn niệm vô lượng chúng sanh thường vi chư hữu độc tiễn sở trúng, thị cố danh vi Như Lai hữu ưu.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược sử Như Lai hữu ưu thích giả tức bất đắc xưng vi Đẳng chánh giác.

Phật ngôn: Ca-diếp! Giai hữu nhân duyên tùy hữu chúng sanh ứng thọ hoá xú, Như Lai ư trung thị hiện thọ sanh. Tuy hiện thọ sanh nhi thật vô sanh. Thị cố Như Lai danh thường trụ pháp, như ca-lân-đề, uyên ương đẳng điểu.

Đại Bát Niết-bàn Kinh - Quyển đệ bát

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN TÁM

## PHẨM TÁNH NHƯ LAI

### Phẩm thứ tư - Phần năm

**T**hiện nam tử! Kinh Phương đẳng như chất cam lộ,  
mà cũng như thuốc độc.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Vì sao Như Lai nói rằng  
kinh Phương đẳng ví như cam lộ mà cũng như thuốc  
độc?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông có muốn biết nghĩa  
chân thật của tạng Như Lai sâu kín hay chăng?”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Nay con quả thật muốn biết  
nghĩa chân thật của tạng Như Lai sâu kín.”

Lúc ấy, đức Phật liền thuyết kệ rằng:

Có kẻ uống cam lộ,  
Hại mạng mà chết yếu,  
Có kẻ uống cam lộ,  
Đời sống được lâu dài.  
Kẻ uống thuốc độc, sống,  
Người uống thuốc độc, chết.  
Vô ngại trí cam lộ,  
Ấy là kinh Đại thừa.  
Kinh Đại thừa như vậy,  
Cũng gọi là độc dược.

Như bơ sữa, đê-hồ,  
Cùng các món đường phèn.  
Tiêu hóa được là thuốc,  
Không tiêu hóa thành độc.

Kinh Phương đẳng cũng thế:  
Cam lộ với người trí,  
Kẻ ngu mê tánh Phật,  
Nếu dùng hóa thành độc.  
Với Thanh văn, Duyên giác,  
Đại thừa là cam lộ.

Như trong các món ăn,  
Sữa là ngon hơn hết.  
Cũng vậy người tinh tấn,  
Nhờ nương theo Đại thừa,  
Đạt cảnh giới Niết-bàn,  
Thành bậc thánh kiệt xuất.

Chúng sanh rõ tánh Phật,  
Đều như Ca-diếp đây,  
Uống cam lộ vô thượng:  
Không sanh cũng không chết.

Ca-diếp! Các ông nên,  
Khéo phân biệt Tam quy.  
Tánh của Tam quy đó,  
Thật là tánh của ngã.  
Nếu biết quán sát kỹ:  
Tánh ngã có tánh Phật.

Nên biết người như vậy,  
Được vào tạng sâu kín,  
Biết ngã và ngã sở,<sup>(1)</sup>  
Người ấy đã xuất thế.

Tánh Tam bảo, Phật pháp  
Đáng tôn kính hơn hết.  
Như ta vừa thuyết kệ,  
Tánh ấy nghĩa như vậy.

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp liền đọc kệ rằng:

Con quả thật không biết,  
Chỗ quy y Tam bảo.  
Làm cách nào quy ngưỡng,  
Bậc cao nhất chẳng sợ?<sup>(2)</sup>  
Chẳng biết chỗ Tam bảo,  
Làm sao tu vô ngã?  
Nương Phật như thế nào,  
Cho được sự an ổn?  
Nương theo pháp thế nào?  
Xin vì con giảng rõ.  
Làm sao được tự tại?  
Làm sao không tự tại?  
Quy y Tăng thế nào,  
Được lợi ích cao nhất?  
Thuyết chân thật thế nào,  
Đời sau thành Phật đạo?  
Nếu đời sau chẳng thành,  
Làm sao nương Tam bảo?  
Con nay chưa dự biết,  
Thú tự việc quy y.  
Vì sao chưa mang thai,  
Đã khởi ý có con?  
Nếu đang khi có thai,  
Gọi đó là có con.

Như con ở trong thai,  
Ngày sanh còn không lâu,  
Đó là nghĩa có con.  
Nghệp chúng sanh cũng thế.

Theo như lời Phật thuyết,  
Kẻ ngu không hiểu nổi.  
Do chỗ không hiểu đó,  
Chịu sanh tử luân hồi.

Giả danh ưu-bà-tắc,  
Chẳng biết nghĩa chân thật.  
Xin Phật rộng phân biệt,  
Trừ dứt sạch lòng nghi.

Như Lai đại trí huệ,  
Xin xót thương phân biệt.  
Thuyết dạy tạng Như Lai,  
Quý báu và sâu kín.

Đức Phật liền nói kệ đáp rằng:

Ca-diếp! Ông nên biết:  
Nay vì ông khai mở,  
Tặng vi diệu sâu kín,  
Khiến ông dứt lòng nghi.

Hãy hết lòng lắng nghe.  
Ông và chư Bồ Tát,  
Cùng đức Phật thứ bảy,  
Là đồng một danh hiệu.

Người quy y nơi Phật,  
Ưu-bà-tắc chân chánh,  
Suốt đời chẳng quy y,  
Với các vị thiên thần.

Người quy y nơi Pháp,  
 Liền bỏ việc giết hại.  
 Người quy y Thánh tăng,  
 Chẳng cầu nơi ngoại đạo.  
 Nương Tam bảo như vậy,  
 Được chỗ không sợ sệt.

Bồ Tát Ca-diếp liền đọc kệ bạch Phật rằng:

Con nương theo Tam bảo,  
 Gọi đó là đường chánh.  
 Cảnh giới của chư Phật,  
 Tam bảo đều như nhau.  
 Thường có tánh đại trí.  
 Tánh ngã cùng tánh Phật,  
 Vốn không hai, không khác.  
 Đạo này, Phật khen ngợi,  
 Chỗ chánh tấn ở yên,  
 Cũng gọi Chánh biến kiến,  
 Nên được Phật ngợi khen.  
 Con theo đường Vô thượng,  
 Bạc Thiệt thệ ngợi khen,  
 Là cam lộ bậc nhất,  
 Vạn hữu thật không có!

Khi ấy, Phật dạy Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên phân biệt Tam bảo [theo cách] như hàng Thanh văn và phàm phu. Trong pháp Đại thừa không có tướng phân biệt Ba pháp quy y. Vì sao vậy? Ở trong tánh Phật vốn đã có Pháp, có Tăng. Vì muốn hóa độ hàng Thanh văn, phàm phu nên mới phân biệt nói các tướng khác nhau giữa Ba quy y.

“Thiện nam tử! Nếu muốn tùy thuận pháp thế gian thì phải phân biệt có Ba pháp quy y. Thiện nam tử! Bồ Tát nên suy xét như thế này: ‘Nay ta đem thân này quy y với Phật. Ví như với thân này ta được thành Phật đạo, khi thành Phật rồi ta chẳng nên cung kính lễ bái, cúng dường chư Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì chư Phật đều bình đẳng như nhau, đều là chỗ quy y của chúng sanh.

“Nếu muốn tôn trọng pháp thân xá-lợi,<sup>(3)</sup> thì nên cung kính các tháp miếu Phật. Vì sao vậy? Vì muốn hóa độ chúng sanh, ta cũng khiến cho chúng sanh đối với thân ta tưởng là tháp miếu mà lễ bái cúng dường. Những chúng sanh như vậy lấy pháp thân ta làm chỗ quy y. Tất cả chúng sanh đều quy y pháp tà ngụy chẳng chân, ta sẽ lần lượt thuyết cho họ nghe những pháp chân thật. Lại có những kẻ quy y tăng không chân thật, ta sẽ làm vị tăng chân chánh cho họ quy y.

“Như có những ai phân biệt Ba chỗ quy y, ta sẽ là chỗ quy y duy nhất cho họ, không có ba chỗ khác nhau.

“Đối với kẻ mù từ thuở mới sanh, ta sẽ là mắt của họ.

“Đối với hàng Thanh văn, Duyên giác, ta cũng sẽ là chỗ quy y chân thật của họ.

“Thiện nam tử! Vị Bồ Tát như vậy, vì muốn cứu độ vô lượng chúng sanh tà ác cũng như hàng trí giả cho nên làm mọi Phật sự.

“Thiện nam tử! Ví như có người khi vào trận chiến đấu khởi lên ý nghĩ rằng: ‘Ở đây ta là người tài giỏi nhất, tất cả quân lính đều nương cậy nơi ta.’

“Lại như có vị vương tử suy nghĩ rằng: ‘Ta sẽ khuất phục tất cả các vương tử khác, ta sẽ nối nghiệp bá

vương của Đại vương mà được tùy ý hành xử, làm cho các vị vương tử khác đều phải nương tựa theo ta. Bởi vậy không nên sanh tâm thấp hèn yếu kém.’ Như các vị vua, vương tử, đại thần cũng đều như thế.<sup>(4)</sup>

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại cũng như thế, khởi ý nghĩ này: ‘Làm sao đem cả ba việc đồng vào một thể với ta?’ Thiện nam tử! Ta chỉ bày ba việc, tức là Niết-bàn. Như Lai đó, gọi là bậc Vô thượng sĩ. Ví như thân người ta, cái đầu là cao nhất, chẳng phải các chi tiết khác như tay, chân... Phật cũng như thế, là bậc cao trội hơn hết, chẳng phải là Pháp, là Tăng. Vì muốn hóa độ hết thảy chúng sanh trong thế gian nên thị hiện các tướng trạng khác nhau, ví như các nấc trong một cái thang vậy. Vì thế nay ông chớ nên thọ trì [theo cách] như kẻ phàm phu ngu si, hiểu biết [phân biệt các] tướng khác nhau của Tam quy. Ở trong Đại thừa, ông hãy quyết đoán một cách mạnh mẽ, nhanh lẹ, như con dao cứng rắn sắc bén vậy.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con vốn đã biết mà thưa hỏi chứ chẳng phải không biết. Đó là con vì hàng Bồ Tát rất dũng mãnh mà thưa hỏi về chỗ hạnh thanh tịnh không uế nhiễm, muốn được Như Lai vì chư Bồ Tát mà phân biệt rộng thuyết sự việc lạ lùng đặc biệt, xưng dương kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Nay Như Lai đem lòng đại bi khéo thuyết giảng, con cũng được trụ yên như vậy trong đó. Chỗ hạnh thanh tịnh của Bồ Tát mà Như Lai thuyết giảng, tức là tuyên thuyết kinh Đại Niết-bàn này vậy.

“Bạch Thế Tôn! Nay con cũng sẽ vì chúng sanh mà hiển dương tạng Như Lai sâu kín ấy, con cũng sẽ rõ biết Ba chỗ quy y chân thật. Nếu chúng sanh nào có

thể tin nhận kinh Đại Niết-bàn này, liền tự nhiên thấu rõ được Ba chỗ quy y. Vì sao vậy? Vì tạng Như Lai sâu kín vốn có tánh Phật. Những ai tuyên thuyết kinh điển này, thảy đều nói rằng: ‘Trong thân chúng ta đây đều có tánh Phật.’ Những người như vậy, ắt chẳng tìm cầu ba chỗ quy y ở đâu xa. Vì sao vậy? Trong tương lai, tự thân mình sẽ thành tựu Tam bảo. Vì thế mà hàng Thanh văn, Duyên giác và những chúng sanh khác thảy đều nương theo mình, cung kính lễ bái.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chính vì nghĩa ấy nên phải khéo học hỏi tu tập kinh điển Đại thừa.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch rằng: “Tánh Phật như vậy không thể nghĩ bàn! Ba mươi hai tướng tốt với tám mươi vẻ đẹp cũng không thể nghĩ bàn!”

Lúc ấy, Phật ngợi khen Bồ Tát Ca-diếp: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông đã thành tựu trí huệ sâu xa sáng suốt. Nay ta lại sẽ vì ông giảng rõ sự thể nhập vào tạng Như Lai.

“Nếu ngã là tồn tại, vậy là pháp thường còn chẳng lìa sự khổ. Nếu không có ngã thì việc tu hành thanh tịnh thật chẳng có ích lợi gì.

“Nếu nói các pháp thảy đều không có ngã tức là đoạn kiến. Nếu nói rằng có cái ngã tồn tại, tức là thường kiến.

“Nếu nói rằng hết thảy các hành đều không thường còn tức là đoạn kiến. Nếu nói rằng các hành đều thường còn, lại cũng là thường kiến.

“Nếu nói [tất cả các pháp đều là] khổ tức là đoạn kiến, nếu nói [tất cả các pháp đều là] vui, lại cũng là thường kiến.<sup>(5)</sup>

“Tu tập [theo tư tưởng] tất cả các pháp đều thường tồn sẽ rơi vào đoạn kiến. Tu tập [theo tư tưởng] tất cả các pháp đều đoạn diệt sẽ rơi vào thường kiến. Ví như con sâu đo, phần thân sau phải di chuyển nương theo phần thân trước. Người tu tập [theo các tư tưởng] thường hay đoạn cũng giống như vậy, phải phụ thuộc vào nhân đoạn hay nhân thường.

“Vì nghĩa ấy, tu tập các pháp [môn] khác, khổ gọi là bất thiện,<sup>(6)</sup> tu tập các pháp [môn] khác, lạc gọi là thiện; tu tập các pháp [môn] khác, vô ngã là phiền não; tu tập các pháp [môn] khác, thường gọi là tạng sâu kín của Như Lai, đó là nói Niết-bàn không có nơi nương náu trú ngụ; tu tập các pháp vô thường khác tức là tiền của; tu tập các pháp thường khác là nói Phật, Pháp, Tăng và giải thoát chân chánh.

“Nên rõ biết chỗ trung đạo của Phật pháp là như vậy, lìa xa cả hai bên [chấp thường và chấp đoạn] để thuyết pháp chân thật.<sup>(7)</sup> Những kẻ phàm phu ngu si, nếu đối với pháp này không sanh nghi ngại thì như người bệnh gầy yếu được ăn váng sữa, khí lực liền trở nên nhẹ nhàng, nhanh nhẹn.

“Các pháp hữu, vô thể tánh không nhất định, ví như bốn đại, tánh chẳng giống nhau, thường trái ngược nhau. Người thầy thuốc khéo biết được yếu tố nào thái quá thì làm cho nó suy yếu đi.<sup>(8)</sup>

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, đối với chúng sanh cũng như người thầy thuốc, biết được thể tướng khác nhau của các phiền não, bèn vì chúng sanh mà dứt trừ, khai mở chỉ bày tạng Như Lai sâu kín, tánh Phật thanh tịnh thường còn không biến đổi.

“Nếu nói [tánh Phật] là có, trí huệ lẽ ra không thể nhiệm ô. Nếu nói [tánh Phật] là không tức là nói dối.

“Nếu nói [tánh Phật] là có, lẽ ra chẳng nên lặng thinh, cũng chẳng cần tranh luận biện giải, chỉ cần hiểu thấu được tánh chân thật của các pháp.

“Người phàm phu thường tranh luận biện giải nên không hiểu được tạng Như Lai vi diệu sâu kín. Nếu nói lẽ khổ, người ngu liền cho rằng thân này là vô thường, rằng hết thảy đều là khổ, nhưng không biết rằng trong thân vẫn có tánh lạc.

“Nếu nói lẽ vô thường, người phàm phu lại cho rằng hết thảy các thân đều là vô thường, ví như ngói gạch, đồ gốm chưa nung. Người có trí nên phân biệt, chẳng nên cố chấp rằng hết thảy là vô thường. Vì sao vậy? Vì trong thân ta vốn có hạt giống tánh Phật.

“Nếu nói lẽ vô ngã, kẻ phàm phu sẽ cho rằng hết thảy pháp Phật đều không có ngã. Người có trí nên phân biệt, nói vô ngã đó chỉ là tên gọi không thật. Biết như vậy rồi, chẳng nên sanh lòng nghi ngại.

“Nếu nói rằng tạng Như Lai sâu kín là rỗng không, vắng lặng, người phàm phu nghe vậy bèn nảy sanh quan niệm đoạn diệt. Người có trí nên phân biệt, [rõ biết] Như Lai là thường tồn, không hề biến đổi.

“Nếu nói rằng giải thoát ví như ảo hóa, kẻ phàm phu sẽ cho rằng đạt được giải thoát chân thật là dần dần diệt mất. Người có trí nên phân biệt, bậc Sư tử trong loài người<sup>(9)</sup> tuy có đến có đi nhưng vẫn thường trụ không biến đổi.



“Nếu nói rằng vô minh là nhân duyên của các hành, kẻ phàm phu nghe rồi liền phân biệt, nảy sanh ý tưởng [phân biệt] hai pháp minh và vô minh. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là tánh thật.

“Nếu nói rằng các hành là nhân duyên của thức, kẻ phàm phu liền cho rằng đó là hai pháp: hành và thức.<sup>(10)</sup> Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là tánh thật.

“Nếu nói các pháp thập thiện, thập ác, nên làm, chẳng nên làm, nẻo lành, nẻo dữ, thiện pháp, ác pháp, kẻ phàm phu sẽ cho rằng đó đều là những pháp đối đãi. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là tánh thật.

“Nếu nói rằng nên tu hết thảy các pháp khổ, kẻ phàm phu sẽ cho rằng có hai pháp phân biệt. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là tánh thật.

“Nếu nói rằng hết thảy các hành đều là vô thường, tạng Như Lai sâu kín cũng là vô thường, kẻ phàm phu sẽ cho đó là hai pháp đối đãi. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là tánh thật.

“Nếu nói rằng hết thảy các pháp đều không có ngã, tạng Như Lai sâu kín cũng không có ngã, kẻ phàm phu sẽ cho đó là hai pháp đối đãi. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là tánh thật.

“Ngã và vô ngã, tánh chẳng phải hai. Ý nghĩa của tạng Như Lai sâu kín cũng là như vậy, không thể suy

lường, vô lượng vô biên, chư Phật thường khen ngợi. Nay trong kinh này ta đã thuyết dạy hết thảy mọi công đức thành tựu.

“Thiện nam tử! Ngã và vô ngã, thể tánh với tướng trạng chẳng phân hai pháp, ông nên cung kính thọ trì như vậy.

“Thiện nam tử! Ông cũng nên bên chí thọ trì, niệm tưởng những kinh điển như thế này. Như trước đây trong kinh Đại Bát-nhã Ba-la mật ta cũng đã có thuyết dạy rằng ngã và vô ngã không có hai tướng trạng.

“Thiện nam tử! Cũng như do nơi sữa mà sanh ra kem sữa, do nơi kem sữa mà có bơ sống, do nơi bơ sống mà có bơ chín, do nơi bơ chín mà có được đề-hồ. Như vậy, kem sữa là do nơi sữa mà sanh ra, hay là tự nó sanh ra, hay là do món khác mà sanh ra? Cho đến đề-hồ, cũng lại như vậy. Nếu do món khác mà sanh ra, tức là do món ấy làm ra, chẳng phải do nơi sữa mà sanh ra. Nếu chẳng phải do sữa mà sanh ra, thì sữa chẳng có tác dụng gì. Nếu như tự nó sanh ra được, lẽ ra không có việc tuần tự nối tiếp nhau từng món sanh ra! Nếu nối tiếp nhau mà sanh ra, ắt là chẳng sanh ra cùng nhau. Nếu chẳng sanh ra cùng nhau thì năm món ấy ắt chẳng sanh ra cùng lúc. Dù chẳng sanh ra cùng lúc, nhưng nhất định là không phải từ nơi khác mà đến.

“Nên biết rằng trong sữa trước đã có sẵn tướng bơ, nhưng vì chất ngọt ở trong đó nhiều nên tướng ấy tự nó chẳng hiện ra được. Cho đến món đề-hồ cũng lại như vậy. Con bò cái kia nhờ ăn uống, nhờ nhân duyên là nước và cỏ, huyết mạch trong thân chuyển biến mà thành sữa. Nếu nó ăn cỏ ngọt, sữa liền trở nên ngọt. Như nó

ăn nhằm cở đắng, sữa của nó ắt phải đắng. Ở Tuyết Sơn có một thứ cở tên là phì-nhị, nếu con bò cái ăn thứ cở đó thì sữa liền hóa toàn đề-hồ, chẳng có những màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Do nhân duyên là lúa và cở, nên màu sắc và mùi vị của sữa có khác.

“Các chúng sanh ở đây, vì nghiệp nhân duyên là sáng suốt và vô minh nên mới phát sanh hai tướng. Nếu vô minh được chuyển hóa thì biến thành sáng suốt. Tất cả các pháp thiện và bất thiện cũng đều như vậy, [thật] không có hai tướng [phân biệt].”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa nói: ‘Trong sữa có kem sữa.’ Nghĩa ấy là thế nào? Thế Tôn nếu nói rằng trong sữa nhất định có tướng kem, nhưng vì tướng ấy tinh tế nên không thể thấy, vì sao lại nói do nhân duyên là sữa mà sanh ra kem sữa? Như pháp vốn không có, mới gọi là sanh; nếu đã sẵn có, sao gọi là sanh? Nếu nói rằng trong sữa nhất định có tướng kem, thì ở trong hết thảy các loại cở, lẽ ra cũng sẵn có chất sữa. Cũng vậy, trong sữa lẽ ra cũng sẵn có cở. Như nói rằng trong sữa nhất định không có kem sữa, vì sao nhờ nơi sữa lại sanh ra kem? Nếu [kem sữa] là pháp vốn không có, sau đó mới sanh ra, vậy sao trong sữa lại chẳng sanh ra cở?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Không thể nói nhất định rằng trong sữa có kem hay trong sữa không có kem. Cũng không thể nói rằng do thứ khác mà sanh ra. Nếu nói rằng trong sữa nhất định có kem, tại sao hai món ấy hình thể và mùi vị khác nhau? Vậy nên không thể nói chắc rằng trong sữa đã có sẵn tánh chất kem. Nếu nói rằng trong sữa nhất định không có kem, tại sao từ nơi sữa chẳng sanh ra [những thứ khác như] sừng thỏ? Khi

người ta bỏ chất độc vào sữa thì món kem có thể làm chết người. Vậy nên không thể nói rằng trong sữa nhất định không có tánh chất kem. Nếu nói rằng kem do thứ khác mà sanh ra, tại sao nước lã chẳng sanh ra kem? Vậy nên không thể nói rằng kem do thứ khác sanh ra.

“Thiện nam tử! Do nhân duyên là cở mà con bò cái đã ăn vào, máu của nó chuyển hóa ra màu trắng; khi cở và máu đã không còn nữa, nhờ phước lực của chúng sanh mà [chúng] chuyển hóa thành sữa. Sữa ấy do nơi cở và máu [bò] mà ra, nhưng không thể nói là hai [thứ khác biệt], chỉ có thể nói là do nhân duyên mà sanh ra thôi. Từ món kem cho tới món đề-hồ cũng đều như vậy. Vì nghĩa ấy cho nên gọi là món ăn do loài bò cung cấp. Món sữa ấy không còn nữa khi có đủ nhân duyên chuyển thành món kem. Nhân duyên là những gì? Như men, như hơi ấm... Vậy nên gọi là do nhân duyên mà có. Cho đến món đề-hồ cũng là như vậy. Cho nên không thể nói nhất định rằng trong sữa không có tướng kem. Nếu nói ngoài món sữa mà có thể do nơi món khác sanh ra từ món kem cho đến món đề-hồ thì thật là vô lý!

“Thiện nam tử! Sự sáng suốt với vô minh cũng vậy. Nếu kết hợp với các mối phiền não trói buộc, đó gọi là vô minh. Nếu kết hợp với tất cả pháp lành, đó gọi là sáng suốt. Cho nên ta nói rằng không có hai tướng. Bởi nhân duyên ấy, trước đây ta có nói rằng: Tuyết sơn có thứ cở tên là phì-nhị, nếu bò cái ăn thứ cở ấy thì sữa của nó biến thành đề-hồ. Tánh Phật cũng là như thế.

“Thiện nam tử! Vì chúng sanh bạc phước nên chẳng thấy loài cở ấy. Tánh Phật cũng vậy, do phiền não che lấp nên chúng sanh chẳng thấy được. Ví như biển cả, tuy cùng một vị mặn, nhưng trong đó lại có một thứ nước

ngon quý có vị như sữa. Ví như Tuyết sơn, tuy thành tựu đủ các công đức, sanh ra nhiều loại thuốc, nhưng cũng có loài cỏ độc. Thân chúng sanh cũng vậy, tuy có bốn đại như loài rắn độc, nhưng trong thân ấy cũng có loài thuốc cực kỳ hay quý: đó là tánh Phật, chẳng phải là pháp do người làm ra, chỉ vì phiền não từ bên ngoài che lấp mất mà thôi. Nếu người dù thuộc hàng sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá hay thú-đà, có thể dứt trừ những phiền não ấy thì đều thấy được tánh Phật, thành đạo Vô thượng.

“Giống như khi trời có sấm sét chuyển mưa thì trên tất cả ngà voi đều sanh ra những vân hoa.<sup>(11)</sup> Nếu chẳng có sấm sét, vân hoa ấy tất không sanh ra, cũng chẳng có tên gọi. Tánh Phật của chúng sanh cũng vậy, thường bị hết thảy phiền não che lấp, không thể thấy được. Cho nên ta nói rằng chúng sanh không có ‘ngã’.

“Nếu được nghe kinh điển vi diệu Đại Bát Niết-bàn này, ắt sẽ thấy được tánh Phật, như vân hoa trên ngà voi. Tuy được nghe hết thảy Tam-muội của kệ kinh<sup>(12)</sup> nhưng chẳng nghe được kinh này thì chẳng biết được tướng vi diệu Như Lai, cũng như không có sấm sét thì chẳng thấy được vân hoa trên ngà voi.

“Nếu nghe được kinh này tức là biết được tánh Phật trong tạng sâu kín mà hết thảy các vị Như Lai đều thuyết dạy, cũng như khi trời có sấm sét liền thấy vân hoa trên ngà voi.

“Nếu nghe được kinh này liền rõ biết hết thảy vô lượng chúng sanh đều có tánh Phật. Vì nghĩa ấy nên nói rằng Đại Niết-bàn gọi là tạng sâu kín của Như Lai, làm cho pháp thân tăng trưởng, cũng như khi có sấm sét thì những vân hoa trên ngà voi có thể phát triển.

“Vì nghĩa lớn lao ấy nên gọi là Kinh Đại Bát Niết-bàn. Như có kẻ nam người nữ nào có thể học hỏi làm theo kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này, nên biết rằng những người ấy có thể báo đáp ơn Phật, thật là đệ tử Phật.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Kỳ lạ thay, Thế Tôn! Tánh Phật mà Phật thuyết dạy đó rất thâm sâu, khó thấy, khó thể nhập, như sức của hàng Thanh văn, Duyên giác thật chẳng thấu nổi.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đúng vậy, đúng vậy! Như chỗ xưng tán của ông đó không trái lời dạy của ta.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Tánh Phật ấy thế nào là rất thâm sâu, khó thấy, khó thể nhập?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như có trăm người mù, vì trị bệnh mắt nên tìm đến lương y. Lúc ấy, vị lương y dùng mũi kim vàng mà khơi vào màng mắt, rồi đưa lên một ngón tay, hỏi rằng: ‘Thấy không?’ Người mù nói: ‘Tôi còn chưa thấy.’ Lại đưa lên hai ngón, ba ngón, người mù mới nói rằng đã thấy chút ít.

“Thiện nam tử! Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng như vậy đó, khi Như Lai chưa thuyết dạy, vô lượng Bồ Tát tuy đã thực hành đủ các hạnh ba-la-mật,<sup>(13)</sup> cho đến hàng Thập trụ<sup>(14)</sup> vẫn còn chưa thấy được tánh Phật sẵn có. Đến khi Như Lai thuyết dạy rồi, họ liền thấy được đôi chút. Các vị Đại Bồ Tát ấy được thấy [tánh Phật] rồi, thảy đều nói rằng: ‘Lạ thay, Thế Tôn! Chúng con lưu chuyển biết bao lần trong sanh tử, thường bị lẽ vô ngã làm cho lầm lạc, mê loạn.’

“Thiện nam tử! Các vị Bồ Tát như vậy, chúng đấng Thập địa còn chưa thấy rõ được tánh Phật, huống chi hàng Thanh văn, Duyên giác lại có thể thấy được hay sao?

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người nhìn lên con ngỗng trời, con nhận đang bay trên không. Đó là hư không chăng? Là ngỗng trời, là nhận chăng? Nhìn kỹ hồi lâu mới thấy phẳng phát hình con ngỗng trời, con nhận. Hàng Bồ Tát Thập trụ lại cũng như thế, đối với tánh Như Lai, chỉ thấy biết đôi chút mà thôi, huống chi người trong hàng Thanh văn, Duyên giác lại thấy biết được sao?”

“Thiện nam tử! Ví như người say rượu kia, chân muốn đi xa, nhưng mắt chỉ thấy mập mờ đường đi. Hàng Bồ Tát Thập trụ cũng vậy, đối với tánh Như Lai chỉ thấy biết đôi chút mà thôi.

“Thiện nam tử! Ví như người khát nước đi giữa đồng hoang. Người ấy khổ bức vì khát, đi khắp nơi tìm nước, thấy một đám cây, trên có những con hạc trắng. Tinh thần người ấy đang mê loạn, không phân biệt được ấy là cây hay là nước. Nhìn kỹ hồi lâu mới biết là hạc trắng với đám cây. Thiện nam tử! Hàng Bồ Tát Thập trụ cũng vậy, đối với tánh Như Lai chỉ thấy biết một phần rất nhỏ mà thôi.

“Thiện nam tử! Ví như có người ở giữa biển cả, rộng đến vô lượng trăm ngàn do-tuần. Người ấy từ xa trông thấy một chiếc thuyền lớn, có đủ lầu gác và những mái chèo, liền nghĩ rằng: ‘Đó là lầu gác, mái chèo hay là hư không?’ Nhìn hồi lâu mới chắc quyết trong lòng, biết đó là lầu gác và những mái chèo. Hàng Bồ Tát Thập trụ, tự trong thân mình thấy được tánh Như Lai cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như có vị vương tử thân thể rất yếu đuối, suốt đêm đi chơi bờ, thức cho đến sáng trắng. Bấy giờ, mắt nhìn tất cả chẳng thấy gì tỏ rõ. Hàng Bồ Tát

Thập trụ, tuy nơi thân mình thấy được tánh Như Lai nhưng cũng như vậy, không được tỏ rõ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một người thư lại<sup>(15)</sup> của vua, vì bận việc giúp vua đến giữa đêm mới trở về nhà. Nhân khi trời chợp lóe, nhìn thấy một bầy bò, liền nghĩ rằng: ‘Đó là bò chăng? Hay là đám mây, nhà cửa?’ Nhìn một hồi lâu, rồi tuy cũng cho đó là bò nhưng vẫn còn chưa chắc quyết. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy nơi thân mình thấy được tánh Như Lai, nhưng cũng như vậy, vẫn còn chưa chắc quyết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như vị tỳ-kheo trì giới, nhìn vào bát nước không có trùng nhưng lại thấy tướng trùng. Bèn nghĩ rằng: ‘Trong này có vật lay động, đó là trùng chăng? Hay là bụi đất?’ Nhìn một hồi lâu, tuy biết đó là bụi nhưng cũng không biết một cách thật tỏ rõ. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy nơi thân mình thấy được tánh Như Lai, nhưng cũng giống như vậy, chẳng thấy thật tỏ rõ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một người ở trong bóng tối, thoáng thấy đứa trẻ liền nghĩ rằng: ‘Đó là con bò, chim thú, hay là người ta?’ Nhìn một hồi lâu, mặc dù thấy là đứa trẻ nhưng cũng không thấy được một cách tỏ rõ. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy ở nơi thân mình thấy được tánh Như Lai, nhưng cũng như thế, không thấy được một cách tỏ rõ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có người ở trong đêm tối, thấy bức tượng vẽ Bồ Tát liền nghĩ rằng: ‘Đó là tượng Bồ Tát, tượng Tự Tại Thiên hay là tượng Đại Phạm Thiên mặc áo nhuộm vậy?’ Nhìn một hồi lâu, tuy trong ý biết là tượng Bồ Tát, nhưng cũng không quyết định một cách tỏ rõ. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy ở nơi

thân mình thấy được tánh Như Lai, nhưng cũng như thế, không thấy được một cách tỏ rõ.

“Thiện nam tử! Tánh Phật sẵn có như vậy rất thâm sâu, khó thấy biết được, chỉ có Phật thấy biết rõ được, còn hàng Thanh văn, hàng Duyên giác không thể đạt tới. Thiện nam tử! Người có trí nên biết phân biệt hiểu tánh Như Lai như thế.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Tánh Phật như vậy thật vi tế, khó thấy. Làm sao mắt phàm có thể thấy được?”

Phật bảo Ca-diếp: “Thiện nam tử! Như cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng kia, người trong Hai thừa cũng không biết nổi, nhưng nhờ có lòng tin theo [những điều thuyết dạy trong] Khế kinh mà có thể biết được.

“Thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác nhờ tin theo kinh Đại Niết-bàn này mà tự biết trong thân mình có tánh Như Lai, việc này cũng vậy. Thiện nam tử! Vậy nên phải tinh cần tu tập kinh Đại Niết-bàn. Thiện nam tử! Tánh Phật như vậy chỉ có Phật mới biết được, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể đạt tới.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Hàng phàm phu có tánh chúng sanh chưa chứng thánh thấy đều nói là có ngã. [Nghĩa ấy là thế nào?”

Phật dạy: “Ví như có hai người bạn thân, một người là con vua, người kia con nhà nghèo hèn. Hai người ấy cùng qua lại chơi thân với nhau. Bấy giờ, người nghèo thấy vị vương tử có một con dao rất tốt, xinh đẹp vô cùng, trong lòng luyến làm ham thích. Về sau, vương tử mang dao ấy trốn sang nước khác. Người nghèo lại đến nhà khác ngủ nhờ một đêm, khi nằm mộng nói mê rằng: ‘Dao! Dao!’

Người gần bên nghe vậy, liền bắt mang đến chỗ vua. Lúc ấy, vua hỏi người ấy rằng: ‘Nhà ngươi nói dao, vậy dao đó người được ở đâu?’ Người ấy đem việc trước thuật lại đầy đủ, tâu rằng: ‘Như nay bệ hạ có cắt xẻo thân thể tôi, phân rã tay chân tôi để tìm dao ấy, thật cũng chẳng có. Vị vương tử kia với tôi vốn là bạn thân, trước cùng nhau chung sống. Tuy mắt tôi thường trông thấy dao, nhưng chẳng dám sờ đến, huống chi là giữ lấy?’ Vua lại hỏi: ‘Trong lúc ngươi nhìn thấy dao, hình dạng nó giống như cái gì?’ Đáp rằng: ‘Đại vương! Thần trông thấy giống như cái sừng dê đen.’ Vua nghe vậy rồi, vui cười nói rằng: ‘Nay ngươi có thể tùy ý ra đi, đừng lo sợ chi cả. Trong kho tàng của ta còn không có con dao như vậy, huống chi người lại thấy nó khi ở bên vương tử?’

“Lúc ấy, vua liền hỏi quần thần rằng: ‘Các khanh có từng thấy con dao như thế không?’ Vua vừa hỏi xong thì băng hà. Triều đình lập một vị vương tử khác lên nối ngôi vua. Vua mới lại hỏi các quan triều thần rằng: ‘Các khanh có từng thấy con dao như thế trong kho chưởng?’ Các quan đáp: ‘Chúng tôi đã từng thấy.’ Vua lại hỏi: ‘Hình dạng nó giống như cái gì?’ Đáp rằng: ‘Đại vương! Nó giống như cái sừng dê đen.’ Vua nói: ‘Trong kho tàng của ta, chỗ nào lại có con dao hình dạng như thế?’ Lần lượt bốn vị vua nối tiếp nhau đều tra tìm nhưng không biết được gì.

“Sau đó một thời gian, vị vương tử đã trốn đi ngày trước lại từ nước ngoài trở về, được lập làm vua. Khi đã lên ngôi vua rồi lại hỏi các quan rằng: ‘Các khanh có thấy con dao ấy chưởng?’ Đáp rằng: ‘Đại vương! Chúng tôi đều có thấy.’ Vua lại hỏi: ‘Nó giống như vật chi?’ Đáp rằng: ‘Đại vương! Màu sắc nó trong sạch như hoa ưu-

bát-la.” Lại có người nói: ‘Nó như cái sừng dê.’ Lại có người khác nói: ‘Màu sắc nó đỏ hồng như lửa.’ Lại có kẻ nói: ‘Nó giống như con rắn đen.’ Lúc ấy vua bật cười lớn, nói rằng: ‘Các khanh thấy đều chẳng thấy được hình dạng thật con dao của ta.’

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại cũng như vậy, xuất hiện ở đời thuyết dạy tướng thật của cái ngã. Thuyết xong liền rời đi, cũng ví như vị vương tử cầm con dao quý đẹp mà trốn sang nước khác. Kẻ phàm phu ngu si nói rằng: ‘Tất cả đều có ngã, có ngã’, cũng ví như người nghèo ngủ ở nhà người khác nói mê rằng: ‘Dao! Dao!’ Hàng Thanh văn, Duyên giác hỏi chúng sanh rằng: ‘Tướng của cái ngã như thế nào?’ Đáp rằng: ‘Tôi thấy tướng cái ngã lớn bằng ngón tay cái.’ Có kẻ lại nói: ‘Nó như hạt gạo, hoặc như hạt lúa lép.’ Cũng có kẻ nói: ‘Cái ngã ở trong tim, chiếu sáng như mặt trời.’ Những chúng sanh ấy chẳng biết tướng của cái ngã, cũng như các vị quan kia chẳng biết hình dạng của con dao. Bồ Tát thuyết dạy tướng ngã như vậy, kẻ phàm phu chẳng hiểu biết, phân biệt ra nhiều cách, tự tạo ra tướng ngã, cũng như hỏi về hình dạng con dao mà đáp rằng giống như sừng dê! Những kẻ phàm phu ấy nối tiếp nhau mà khởi lên các tà kiến. Vì muốn dứt trừ các tà kiến ấy, nên Như Lai mới thị hiện thuyết dạy lẽ vô ngã, cũng như vua kia nói với các quan rằng: ‘Trong kho tàng của ta chẳng hề có con dao như vậy.’

“Thiện nam tử! Cái ngã chân thật mà hôm nay Như Lai thuyết dạy gọi là tánh Phật. Tánh Phật như vậy trong Phật pháp ví như con dao quý đẹp. Thiện nam tử! Như có kẻ phàm phu có thể khéo giảng nói tánh Phật, tức là tùy thuận pháp Phật vô thượng. Nếu có kẻ

khéo phân biệt, tùy thuận tuyên thuyết giảng giải tánh Phật, nên biết rằng đó chính là Bồ Tát hiện tướng.”

[Phật bảo Bồ Tát Ca-diếp]:<sup>(16)</sup> “Thiện nam tử! Hết thấy các môn luận khác, cùng những chú thuật, ngôn ngữ, văn tự, đều là thuyết của Phật, chẳng phải của ngoại đạo.”<sup>(17)</sup>

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là Như Lai thuyết dạy căn bản của chữ?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ban sơ ta thuyết dạy nửa chữ, lấy đó làm căn bản. Thọ trì các sách luận, chú thuật, văn chương, pháp thật của các âm. Kẻ phàm phu học căn bản của chữ như vậy, rồi sau mới có thể phân biệt được là đúng pháp hay không đúng pháp.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Chữ mà Phật dạy đó ý nghĩa như thế nào?”

“Thiện nam tử! Có mười bốn âm, gọi là nghĩa của chữ. Chữ được nói ở đây gọi là Niết-bàn, thường trụ nên không lưu chuyển. Nếu không lưu chuyển ắt là không dứt mất. Nếu là không dứt mất tức là thân kim cang của Như Lai. Mười bốn âm này gọi là căn bản của chữ.”<sup>(18)</sup>

“Âm ác<sup>(19)</sup> nghĩa là không bị phá hoại. Không bị phá hoại gọi là Tam bảo, ví như chất kim cang. Lại nữa, ác nghĩa là không lưu chuyển, rỉ chảy. Không lưu chuyển, rỉ chảy, tức là Như Lai. Chín lỗ<sup>(20)</sup> của Như Lai không có những chất rỉ chảy, cho nên gọi là không rỉ chảy. Lại nữa, không có chín lỗ nên không lưu chuyển. Không lưu chuyển tức là thường. Thường tức là Như Lai. Như Lai không tạo tác cho nên không lưu chuyển. Lại nữa, ác nghĩa là công đức. Công đức tức là Tam bảo. Vì thế nên gọi là ác.

“Âm a tức là A-xà-lê. A-xà-lê nghĩa là gì? Nghĩa là ở trong thế gian được xưng là thánh. Sao gọi là thánh? Thánh, gọi là không dính mắc, ít ham muốn, biết đủ, cũng gọi là trong sạch, có thể cứu độ chúng sanh vượt ra ngoài Ba cõi, <sup>(21)</sup> vượt khỏi biển lớn sanh tử. Đó gọi là thánh.

“Lại nữa, a <sup>(22)</sup> nghĩa là tiết chế điều độ, tu trì giới hạnh trong sạch, thuận theo oai nghi. Lại nữa, a nghĩa là nương theo bậc thánh, nên học mọi oai nghi trong việc tới lui, cử động, cúng dường, cung kính lễ bái Tam Tôn, <sup>(23)</sup> hiếu dưỡng cha mẹ, tu học Đại thừa. Những kẻ nam người nữ lòng lành giữ đủ các giới cấm cùng các vị đại Bồ Tát đều gọi là bậc thánh. Lại nữa, a gọi là răn dạy, như nói rằng: ‘Các ông nên làm việc như thế này, đừng làm việc như thế này.’ Như ai có thể ngăn chặn những pháp trái oai nghi, gọi là bậc thánh. Vì thế nên gọi là a.

“Âm úc <sup>(24)</sup> tức là tánh Phật, <sup>(25)</sup> là hạnh trong sạch rộng lớn không nhơ bợn, dường như vàng trắng tròn. [Đó là nghĩa phân biệt] các ông nên làm như thế này, không nên làm như thế này; thế này là đúng nghĩa, thế này là trái nghĩa; thế này là Phật thuyết, thế này là ma thuyết. Vì thế nên gọi là úc.

“Âm y <sup>(26)</sup> tức là pháp Phật vi diệu, thâm sâu khó được. Như pháp của các vị vua trời Tự Tại, vua trời Đại Phạm thì gọi là tự tại. Như có thể gìn giữ pháp tất được xưng là hộ pháp. Lại nữa, tự tại cũng gọi là bốn vị hộ thế. Bốn vị tự tại <sup>(27)</sup> như vậy ắt có thể gìn giữ bảo vệ kinh Đại Niết-bàn, lại cũng có thể tuyên thuyết giảng rộng một cách tự tại.

“Lại nữa, y nghĩa là có thể vì chúng sanh thuyết pháp một cách tự tại. Nhưng y nghĩa là tự tại mà thuyết những gì? Đó là thuyết việc tu tập kinh điển Phương đẳng. Lại nữa, y nghĩa là dứt trừ tật đố, cũng như người ta nhổ bỏ cỏ xấu, khiến cho tất cả đều trở nên tốt lành. Vì thế nên gọi là y.

“Âm úc <sup>(28)</sup> nghĩa là cao quý nhất, vượt hơn tất cả, phát triển cao nhất trong hết thảy các kinh là Đại Niết-bàn. Lại nữa, úc nghĩa là tánh Như Lai, hàng Thanh văn, Duyên giác chưa từng được nghe. Ví như trong khắp thảy các chốn, cõi Uất-đan-việt về phương bắc là vượt trội hơn hết; nếu Bồ Tát được nghe và thọ trì kinh này thì vượt trội hơn hết trong tất cả chúng. Vì nghĩa ấy, kinh này được gọi là cao quý nhất, vượt trội hơn hết. Vì thế nên gọi là úc.

“Âm ưu, <sup>(29)</sup> ví như vị của sữa bò là hơn hết trong các vị. Tánh Như Lai lại cũng như thế, là cao quý nhất, hơn hết trong tất cả các kinh, nếu có ai phỉ báng thì nên biết rằng người ấy chẳng khác chi loài bò. Lại nữa, ưu nghĩa là người như thế không có trí huệ, chánh niệm, phỉ báng tạt vi diệu sâu kín của Như Lai. Nên biết rằng người này rất đáng thương xót, lìa xa tạng sâu kín của Như Lai mà nói pháp vô ngữ. Vì thế nên gọi là ưu.

“Âm yên <sup>(30)</sup> tức là Niết-bàn, tánh pháp của chư Phật. Vì thế nên gọi là yên.

“Âm huê là nghĩa Như Lai. Lại nữa, huê tức là trong mọi việc tới lui dừng nghỉ, co lại duỗi ra, mọi cử động của Như Lai không gì là không lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Vì thế nên gọi là huê.

“Âm ô gọi là nghĩa phiến não. Phiến não gọi là các lậu. Như Lai đã vĩnh viễn đoạn trừ hết thủy phiến não. Vì thế nên gọi là ô.

“Âm bào là nghĩa Đại thừa, là nghĩa rất ráo trong mười bốn âm. Kinh điển Đại thừa lại cũng như vậy, là rất ráo trong các kinh luật. Vì thế nên gọi là bào.

“Âm am là có thể ngăn che hết thủy những vật bất tịnh, ở trong Phật pháp có thể xả bỏ hết thủy vàng bạc, vật báu. Vì thế nên gọi là am.

“Âm a là nghĩa thừa vượt trội hơn hết. Vì sao vậy? Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này là vượt trội hơn hết trong các kinh. Vì thế nên gọi là a.

“Âm ca là khởi lòng đại từ bi đối với chúng sanh, xem như con ruột của mình, như Phật đối với La-hầu-la, tạo nên ý nghĩa mâu nhiệm hiền thiện. Vì thế nên gọi là ca.

“Âm khư gọi là chẳng phải bạn hiền. Chẳng phải bạn hiền gọi là dơ xấu, tạp nhạp, chẳng tin vào tạng sâu kín của Như Lai. Vì thế nên gọi là khư.

“Âm già gọi là kho chứa. Kho chứa đó là tạng Như Lai sâu kín: Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Vì thế nên gọi là già.

“Âm kính là âm thanh thường còn của Như Lai. Cái gì gọi là âm thanh thường còn của Như Lai? Đó là Như Lai thường trụ chẳng biến đổi. Vì thế nên gọi là kính.

“Âm nga là tướng hư hoại của tất cả các hành. Vì thế nên gọi là nga.

“Âm già tức là nghĩa tu sửa. Điều phục hết thủy chúng sanh nên gọi là nghĩa tu sửa. Vì thế nên gọi là già.

“Âm xa là Như Lai che mát hết thủy chúng sanh, ví như cái lọng lớn. Vì thế nên gọi là xa.

“Âm xà là giải thoát chân chánh, không có tướng già yếu. Vì thế nên gọi là xà.

“Âm thiện là phiến não bao che rậm rạp, ví như rừng rậm. Vì thế nên gọi là thiện.

“Âm nhã là nghĩa trí huệ, biết tánh pháp chân thật. Vì thế nên gọi là nhã.

“Âm trá là trong cõi Diêm-phù-đề thị hiện một nửa thân mà diễn thuyết pháp, ví như một nửa mặt trăng. Vì thế nên gọi là trá.

“Âm thoa là pháp thân đầy đủ, ví như trăng tròn. Vì thế nên gọi là thoa.

“Âm trà, ấy là hạng tăng ngu si, chẳng biết những lẽ thường, vô thường, ví như trẻ con. Vì thế nên gọi là trà.

“Âm tổ là chẳng biết ơn thầy, ví như con dê đực. Vì thế nên gọi là tổ.

“Âm noa là chẳng phải nghĩa thánh, ví như ngoại đạo. Vì thế nên gọi là noa.

“Âm đa là nghĩa Như Lai ở nơi đó bảo các vị tỳ-kheo rằng: ‘Nên lìa sự kinh sợ, ta sẽ vì các ông mà thuyết pháp vi diệu.’ Vì thế nên gọi là đa.

“Âm tha gọi là nghĩa ngu si. Chúng sanh lưu chuyển sanh tử, quay lộn như con tầm, con bọ hung.<sup>(31)</sup> Vì thế nên gọi là tha.

“Âm đà gọi là bố thí lớn, là nói Đại thừa. Vì thế nên gọi là đà.



“Âm đàn là xưng tán công đức, đó là nói Tam bảo, như núi Tu-di cao ngất, rộng lớn, không thể nghiêng ngã. Vì thế nên gọi là đàn.

“Âm na là Tam bảo trụ yên, không nghiêng ngã lay động, ví như cái then cửa. Vì thế nên gọi là na.

“Âm ba gọi là nghĩa điên đảo. Như nói rằng: ‘Tam bảo thủy đều diệt hết’, nên biết rằng người này tự sanh nghi hoặc. Vì thế nên gọi là ba.

“Âm pha là tai ương của thế gian. Như nói rằng: ‘Lúc thế gian khởi tai ương, Tam bảo cũng diệt mất.’ Nên biết rằng người này ngu si không trí huệ, trái nghịch ý thánh. Vì thế nên gọi là pha.

“Âm bà gọi là Mười sức<sup>(32)</sup> của Phật. Vì thế gọi là bà.

“Âm phạm gọi là gánh vác việc nặng nề, có thể nhận lãnh gánh vác Chánh pháp vô thượng. Nên biết người này là Đại Bồ Tát. Vì thế nên gọi là phạm.

“Âm ma là sự tiết chế, điều độ nghiêm ngặt và cao cả của các vị Bồ Tát, đó là nói Đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Vì thế nên gọi là ma.

“Âm da là nghĩa các vị Bồ Tát bất kỳ ở đâu cũng vì chúng sanh giảng nói pháp Đại thừa. Vì thế nên gọi là da.

“Âm ra là nghĩa có thể phá trừ tham dục, sân khuê, ngu si, giảng nói pháp chân thật. Vì thế nên gọi là ra.

“Âm la gọi là Thanh văn thừa chuyển động chẳng dừng, còn Đại thừa trụ yên nên không nghiêng ngã lay động. Là bỏ thừa Thanh văn, tinh cần tu tập Đại thừa vô thượng. Vì thế nên gọi là la.

“Âm hòa là nghĩa Như Lai Thế Tôn vì chúng sanh tuôn mưa pháp lớn, đó là nói các loại chú thuật, kinh sách của thế gian. Vì thế nên gọi là hòa.

“Âm xa là nghĩa lia xa ba mũi tên.<sup>(33)</sup> Vì thế nên gọi là xa.

“Âm sa gọi là nghĩa đầy đủ. Như ai nghe được kinh Đại Niết-bàn này, hẳn là đã được nghe và thọ trì hết thủy kinh điển Đại thừa. Vì thế nên gọi là sa.

“Âm ta là nghĩa vì chúng sanh diễn thuyết Chánh pháp, khiến cho trong lòng vui vẻ. Vì thế nên gọi là ta.

“Âm ha gọi là nghĩa trong lòng vui vẻ. Lại thay, đức Thế Tôn lia tất cả các hành. Lại thay! Như Lai nhập đại Niết-bàn! Vì thế nên gọi là ha.

“Âm trà gọi là nghĩa của ma. Vô số các ma không thể hủy hoại tạng Như Lai sâu kín. Vì thế nên gọi là trà. Lại nữa, trà là nghĩa cho đến việc tùy thuận thế gian, thị hiện có cha mẹ, vợ con. Vì thế nên gọi là trà.

“Về bốn chữ ‘lỗ, lưu, lư, lâu’ có bốn nghĩa: Phật, Pháp, Tăng và pháp đối đãi. Nói pháp đối đãi tức là tùy thuận thế gian. Ví như Điều-bà-đạt<sup>(34)</sup> thị hiện phá hoại chúng tăng, hóa ra mọi thứ hình sắc tướng mạo [xấu ác] vì [để nhân đó Phật mới] chế định giới luật. Người có trí huệ thông suốt chẳng nên sanh lòng sợ sệt đối với việc ấy. Đó gọi là hạnh tùy thuận thế gian. Vì thế nên gọi là lỗ, lưu, lư, lâu.

“[Khi người ta phát âm thì] không khí được đưa vào, lưỡi lại [chuyển động kết hợp] với khoang mũi tạo thành âm thanh khác nhau có dài, có ngắn, tùy theo đó mà hiểu nghĩa. Đều là do ở lưỡi và răng mà có sự khác

biệt nhau. Nghĩa của chữ như thế có thể làm cho khẩu nghiệp của chúng sanh trở nên trong sạch. Tánh Phật của chúng sanh chẳng phải như vậy, chẳng phải nhờ ở văn tự rồi sau mới trở nên trong sạch. Vì sao vậy? Vì tánh vốn là trong sạch. Tuy ở trong các âm, nhập, giới,<sup>(35)</sup> nhưng chẳng đồng với âm, nhập, giới. Vì thế mà chúng sanh đều nên quy y nơi tự tánh.

“Các vị Bồ Tát do nơi tánh Phật nên nhìn tất cả chúng sanh không có sự khác biệt nhau. Do đó mà nửa chữ là căn bản của kinh thư, ký luận, văn chương. Lại nữa, nghĩa của nửa chữ tức là căn bản của những lời thuyết dạy về phiền não. Vì thế nên gọi là nửa chữ. Còn trọn chữ mới là căn bản của tất cả những lời thuyết dạy về thiện pháp.

“Ví như ở thế gian, kẻ làm điều ác thì gọi là ‘chẳng nên người’, kẻ tu điều thiện được gọi là ‘nên người’. Hết thảy kinh thư, ký luận như vậy đều là do nơi nửa chữ là căn bản. Nếu nói rằng Như Lai và giải thoát chân chánh đều ở trong nửa chữ thì thật vô lý. Vì sao vậy? Vì liả khỏi văn tự. Cho nên Như Lai đối với hết thảy các pháp đều không ngăn ngại, không vướng mắc, thật được giải thoát.

“Sao gọi là hiểu rõ nghĩa của chữ? Có người biết rằng Như Lai xuất hiện ở thế gian có thể trừ bỏ nửa chữ, nên gọi là hiểu rõ nghĩa chữ. Như có người chấp chặt nơi nghĩa của nửa chữ, người này chẳng hiểu được tánh Như Lai.

“Sao gọi là nghĩa không có chữ? Người thân cận, tu tập các pháp chẳng lành, đó gọi là không có chữ. Lại nữa, người không có chữ tuy thân cận và tu tập các pháp

lành nhưng không biết được Như Lai là thường còn hay không thường còn, lâu dài hay chẳng lâu dài, cùng hai ngôi báu là Pháp và Tăng, đúng luật hay không đúng luật, là kinh hay chẳng phải kinh, là ma thuyết hay Phật thuyết. Nếu không thể phân biệt như vậy thì gọi là chạy theo nghĩa không có chữ. Nay ta đã thuyết xong việc chạy theo nghĩa không có chữ.

“Thiện nam tử! Vậy các ông nên liả khỏi nửa chữ, khéo hiểu được trọn chữ.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con thật nên học rành số chữ. Nay chúng con đã được gặp bậc thầy vô thượng, được đức Như Lai ân cần khuyên dạy.”

Phật khen Ca-diếp rằng: “Lành thay, lành thay! Kẻ hâm mộ Chánh pháp nên học hỏi như vậy.”

Bấy giờ, Phật bảo Bồ Tát Ca-diếp:<sup>(36)</sup> “Thiện nam tử! Có hai loài chim, một loài tên ca-lân-đê,<sup>(37)</sup> một loài tên uyên ương, dù khi bay đi hay ngừng đậu đều theo cùng với nhau, chẳng liả được nhau. Những pháp: khổ, vô thường, vô ngã lại cũng như vậy, chẳng liả được nhau.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Vì sao những pháp khổ, vô thường, vô ngã này lại giống như chim uyên ương và chim ca-lân-đê kia?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có những pháp khổ, vui khác nhau; có những pháp là thường, vô thường khác nhau; có những pháp khác là ngã, vô ngã khác nhau.

“Cũng ví như hạt nếp khác với hạt mè, hạt mè lại khác với hạt đậu, hạt lúa và cây mía... Các loại ấy, từ phôi mầm cho đến lá hoa đều là vô thường. Đến khi hạt

trái khô chín, dùng được mới gọi là thường. Vì sao vậy? Vì là tánh thật.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu những vật ấy là thường thì đồng với Như Lai hay sao?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên nói ra lời ấy. Vì sao vậy? Như nói [ví dụ rằng] đức Như Lai [lớn lao] như núi Tu-di, nhưng có lẽ nào đến lúc kiếp hoại núi Tu-di sụp đổ, Như Lai lại cũng hư hoại như vậy sao?”

“Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên nhận giữ ý nghĩa như vậy. Thiện nam tử! Trong tất cả các pháp, chỉ trừ tánh Phật và Niết-bàn, ngoài ra không một pháp nào là thường cả. Chỉ vì thuận theo lẽ thế gian nên mới nói hạt trái là thường.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đúng như lời Phật dạy.”

Phật bảo Ca-diếp: “Đúng vậy, đúng vậy! Thiện nam tử! Tuy là tu tập hết thảy các phép định trong Khế kinh mà chưa nghe được kinh Đại Bát Niết-bàn, đều nói rằng hết thảy là vô thường. Nghe kinh này rồi thì dù có phiền não cũng như không phiền não, liền có thể làm lợi ích cho hết thảy trời, người. Vì sao vậy? Rõ biết thân mình vốn có tánh Phật. Đây mới gọi là thường.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây am-la, khi vừa trở hoa gọi là tướng vô thường. Đến khi có hạt trái, được nhiều lợi ích, mới gọi là thường. Như vậy đó, thiện nam tử! Tuy là tu tập hết thảy các phép định trong Khế kinh nhưng lúc chưa nghe kinh Đại Bát Niết-bàn đều nói rằng hết thảy là vô thường. Nghe kinh này rồi thì dù có phiền não cũng như không phiền não, liền có thể làm lợi

ích cho hết thảy trời, người. Vì sao vậy? Rõ biết tự thân vốn có tánh Phật. Đây mới gọi là thường.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như chất khoáng vàng, khi nung chảy ra gọi là tướng vô thường. Nung chảy xong đã [tinh luyện] thành vàng ròng, được nhiều lợi ích, mới gọi là thường. Như vậy đó, thiện nam tử! Tuy là tu tập hết thảy các phép định trong Khế kinh, nhưng lúc chưa nghe kinh Đại Bát Niết-bàn đều nói rằng hết thảy là vô thường. Nghe kinh này rồi thì dù có phiền não cũng như không phiền não, liền có thể làm lợi ích cho hết thảy trời, người. Vì sao vậy? Rõ biết tự thân vốn có tánh Phật. Đây mới gọi là thường.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như những hạt mè khi chưa mang đi ép gọi là vô thường. Khi ép xong thành dầu mè, được nhiều lợi ích, mới gọi là thường. Như vậy đó, thiện nam tử! Tuy là tu tập hết thảy các phép định trong Khế kinh, nhưng lúc chưa nghe kinh Đại Bát Niết-bàn đều nói rằng hết thảy là vô thường. Nghe kinh này rồi thì dù có phiền não cũng như không phiền não, liền có thể làm lợi ích cho hết thảy trời, người. Vì sao vậy? Rõ biết tự thân vốn có tánh Phật. Đây mới gọi là thường.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như các dòng sông đều chảy về nơi biển. Hết thảy các phép định Tam-muội trong Khế kinh đều quy về kinh Đại thừa Đại Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì rốt ráo khéo dạy rằng có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Vì vậy nên ta nói rằng: Có những pháp là thường, vô thường khác nhau, cho đến [ngã], vô ngã cũng là như vậy.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai đã lìa xa mũi tên độc là sự lo nghĩ thương tưởng.

“Lo nghĩ thương tưởng gọi là chư thiên; Như Lai chẳng phải hàng chư thiên. Có lo nghĩ thương tưởng gọi là người; Như Lai chẳng phải là người. Lo nghĩ thương tưởng gọi là hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Như Lai chẳng phải [thuộc về] hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Vì vậy Như Lai không có lo nghĩ thương tưởng. Vì sao [con từng nghe Phật] nói rằng Như Lai có lo nghĩ thương tưởng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! [Ví như] cõi trời Vô tưởng gọi là không có sự nghĩ tưởng.<sup>(38)</sup> Nếu không có sự nghĩ tưởng, ắt là không có thọ mạng. Nếu không có thọ mạng, làm sao có ấm, giới, nhập? Vì nghĩa ấy nên mạng sống ở cõi trời Vô tưởng không thể nói là có chỗ xác định.

“Thiện nam tử! Ví như vị thân cây, nương theo cây mà ở. Người ta không thể nói nhất định rằng vị ấy nương theo cành cây, lóng cây, thân cây hoặc lá cây. Tuy không có chỗ xác định, nhưng không thể nói là không có. Mạng sống ở cõi trời Vô tưởng cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! Pháp Phật cũng như thế, rất sâu xa khó hiểu. Như Lai thật không có sự lo buồn, khổ não, nhưng đối với chúng sanh khởi lòng đại từ bi, thị hiện có lo nghĩ thương tưởng, xem tất cả chúng sanh như La-hầu-la, [như đứa con duy nhất của ngài.]

“Lại nữa, thiện nam tử! Mạng sống ở cõi trời Vô tưởng chỉ riêng Phật mới có thể biết rõ mà thôi, ngoài ra không ai biết được. Cho đến ở cõi Phi tưởng phi phi tưởng<sup>(39)</sup> cũng vậy.

“Ca-diếp! Tánh Như Lai là thanh tịnh, không nhiễm ô, như thân biến hóa, sao lại có sự lo buồn, khổ não ở nơi nào? Nhưng nếu nói rằng Như Lai không có sự lo

nghĩ thương tưởng, làm sao Ngài có thể làm lợi ích hết thảy chúng sanh, rộng truyền pháp Phật? Nếu nói là không có [sự lo nghĩ thương tưởng], sao có thể nói rằng Như Lai xem tất cả chúng sanh đồng như La-hầu-la? Nếu [nói Như Lai] không xem chúng sanh đồng như La-hầu-la thì đó ắt là lời nói dối trá.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên Phật không thể nghĩ bàn, Pháp cũng không thể nghĩ bàn; tánh Phật của chúng sanh không thể nghĩ bàn, mạng sống ở cõi trời Vô tưởng cũng không thể nghĩ bàn. Như Lai có lo nghĩ hay không lo nghĩ, đó là cảnh giới của Phật, không phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.

“Thiện nam tử! Ví như ở giữa không trung thì nhà cửa, bụi đất không thể đứng vững, nhưng nếu nói rằng nhà cửa không nương nơi hư không mà trụ thì thật vô lý. Vì nghĩa ấy, không thể nói rằng nhà cửa trụ nơi hư không hoặc chẳng trụ nơi hư không. Những kẻ phàm phu tuy nói rằng nhà cửa trụ nơi hư không, nhưng hư không ấy thật không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì tánh [thật vốn] là không trụ.

“Thiện nam tử! Cái tâm cũng thế, không thể nói rằng có trụ nơi ấm, giới, nhập hoặc là không trụ. Mạng sống ở cõi trời Vô tưởng cũng là như vậy, sự lo nghĩ thương tưởng của Như Lai cũng là như vậy. Nếu không có lo nghĩ thương tưởng, sao lại nói rằng xem tất cả chúng sanh đồng như La-hầu-la? Còn nếu nói rằng có, sao có thể nói rằng tánh [Như Lai] đồng với hư không?

“Thiện nam tử! Ví như một ảo thuật gia, dùng phép hóa ra mọi thứ cung điện, các việc như giết hại, nuôi dưỡng, trói buộc, buông thả, cùng là hóa ra vàng, bạc, lưu ly, vật

báu, rừng rậm, cây cối... thấy đều không có tánh thật. Như Lai cũng thế, tùy thuận thế gian mà thị hiện sự lo nghĩ thương tưởng, nhưng [đều là] không thật có.

“Thiện nam tử! Như Lai đã vào Đại Niết-bàn, làm sao lại có sự lo buồn, khổ não? Nếu [ai] cho rằng Như Lai vào Niết-bàn là vô thường, nên biết rằng người ấy ắt có sự lo buồn. Nếu [ai] nói rằng Như Lai chẳng vào Niết-bàn, thường trụ không biến đổi, nên biết rằng người ấy không có sự lo buồn. Như Lai có lo buồn hay không, thật không ai có thể biết được.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người hạ lưu chỉ có thể biết việc hạ lưu, không biết được việc của hàng trung lưu, thượng lưu. Người trung lưu biết việc trung lưu, chẳng biết được việc của hàng thượng lưu. Còn người thượng lưu chẳng những biết việc thượng lưu, lại còn biết luôn các việc của hàng trung lưu và hạ lưu.

“Những người trong hàng Thanh văn, Duyên giác cũng vậy, đều chỉ hiểu biết trong phạm vi của mình mà thôi. Như Lai không phải thế, ngài biết được cả phạm vi của mình và phạm vi của mọi người khác. Cho nên Như Lai gọi là trí huệ không ngăn ngại, tùy thuận thế gian mà thị hiện mọi sự ảo hóa. Phàm phu mắt thịt cho [sự ảo hóa] đó là chân thật nhưng lại muốn biết được hết trí vô ngại vô thượng của Như Lai, việc ấy thật vô lý. Có lo buồn hay không, chỉ riêng Phật có thể biết mà thôi. Bởi nhân duyên này, [ta nói] có những pháp hữu ngã, vô ngã khác nhau. Vì thế nói là như tánh của chim uyên ương và chim ca-lân-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Phật pháp ví như [đôi] chim uyên ương cùng đi với nhau. Chim ca-lân-đề và chim

uyên ương, vào giữa mùa hạ, lúc nước dâng lên thì chọn vùng đất cao mà đặt chim con để tiện việc nuôi dưỡng. Sau đó mới trở lại chốn cũ mà yên ổn dạo chơi. Như Lai xuất hiện ở đời cũng vậy, giáo hóa vô lượng chúng sanh, làm cho trụ nơi Chánh pháp. Cũng như chim uyên ương và ca-lân-đề kia chọn vùng đất cao mà đặt chim con, Như Lai cũng vậy, khiến cho chúng sanh làm xong công việc của họ rồi, ngài mới nhập Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Đây gọi là có những pháp khổ, vui khác nhau. Các hành đều là khổ, Niết-bàn là vui, nhiệm mầu bậc nhất vì đã phá trừ hết thảy các hành.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Vì sao chúng sanh được Niết-bàn gọi là vui nhất?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như ta có dạy, các hành hòa hợp gọi là già chết.<sup>(40)</sup>

Cẩn thận không phóng dật,  
Chính là thuốc trường sanh.  
Phóng dật, không cẩn thận,  
Là đi vào cõi chết.

Nếu ai không phóng dật,  
Sẽ đạt sự bất tử,  
Những ai thường phóng dật,  
Luôn đi theo đường chết.

“Nếu người phóng dật thì gọi là pháp hữu vi; pháp hữu vi đó là khổ bậc nhất. Nếu người không phóng dật thì gọi là Niết-bàn, Niết-bàn ấy gọi là cam lộ, an vui bậc nhất. Nếu chạy theo các hành thì gọi là chỗ chết, chịu khổ bậc nhất. Nếu đạt tới Niết-bàn thì gọi là bất tử, thọ hưởng sự an vui mầu nhiệm bậc nhất. Nếu không phóng dật,

tuy có gồm tụ các hành cũng gọi là thường, vui, bất tử, thân không bị phá hoại. Thế nào là phóng dật? Thế nào là không phóng dật? Những kẻ phàm phu chưa chứng thánh gọi là phóng dật, là pháp thường [chịu sự già] chết. Thánh nhân xuất thế là không phóng dật, không có sự già chết. Vì sao vậy? Vì vào cảnh Niết-bàn thường tồn, an vui bậc nhất. Vì nghĩa ấy nên có những pháp khổ, vui khác nhau; có những pháp ngã, vô ngã khác nhau.

“Ví như người đứng ở mặt đất ngược nhìn trên không, chẳng thấy dấu chân chim. Thiện nam tử! Chúng sanh cũng thế, [vì] không có thiên nhãn [nên] ở trong phiền não không tự thấy có tánh Như Lai. Cho nên ta mới chỉ dạy lẽ vô ngã sâu kín. Vì sao vậy? Những kẻ không có thiên nhãn chẳng biết được cái ngã chân thật, nên cố chấp sai lầm là có ngã. Do nơi các phiền não tạo ra những việc hữu vi, tức là vô thường. Cho nên ta nói rằng có những pháp thường, vô thường khác nhau.

Bậc tinh cần dũng mãnh,  
 Khi ở tại đỉnh núi,  
 Đất bằng hay đồng hoang,  
 Thường thấy hàng phàm phu.  
 Lên điện trí huệ lớn,  
 Đài vô thượng vi diệu,  
 Tự dứt trừ buồn khổ,  
 Còn thấy chúng sanh khổ.

“Như Lai đã dứt hết vô lượng phiền não, vững vàng trên núi trí huệ, nhìn thấy chúng sanh thường ở trong vô lượng phiền não.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Như bài kệ Phật vừa thuyết dạy đó, nghĩa lý không hợp. Vì sao vậy?

Vào Niết-bàn rồi thì không có lo buồn, không có vui vẻ. Làm sao lại lên điện đài trí huệ? Làm sao lại vững vàng trên đỉnh núi mà nhìn thấy chúng sanh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Điện trí huệ đó tức là Niết-bàn. Người không lo buồn ấy là Như Lai. Người có lo buồn gọi là phàm phu. Vì phàm phu có lo buồn nên Như Lai không lo buồn. Đỉnh núi Tu-di là nói giải thoát chân chánh. Người chuyên cần tinh tấn ví như núi Tu-di không hề động chuyển. Mặt đất là hạnh hữu vi. Những người phàm phu ở yên trên đất ấy mà tạo tác các hành. Người trí huệ gọi là Chánh giác, lìa khỏi chấp hữu,<sup>(41)</sup> thường trụ nên gọi là Như Lai. Như Lai thương xót vô lượng chúng sanh thường bị trúng tên độc chấp hữu, cho nên nói là Như Lai có sự lo nghĩ thương tưởng.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu nói Như Lai có sự lo nghĩ thương tưởng thì không thể xưng là bậc Chánh giác!”

Phật dạy: “Ca-diếp! Đó đều là có nhân duyên, tùy nơi nào chúng sanh muốn được giáo hóa, Như Lai thị hiện thọ sanh nơi đó. Tuy thị hiện thọ sanh, nhưng thật không có sanh. Vì vậy Như Lai gọi là pháp thường trụ, như các loài chim ca-lân-đề, uyên ương.<sup>(42)</sup>

**KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN****HẾT QUYỂN TÁM**

## CHÚ GIẢI

1. Ngã và ngã sở: ngã là ta, ngã sở là những gì thuộc về ta, những gì mà ta sở hữu. Nếu biết cái ta (ngã) vốn đã là không thật, thì những vật do ta sở hữu (ngã sở) cũng không thật có.
2. Bậc cao nhất chẳng sợ (Vô thượng vô sở úy): tôn xưng đức Phật, là bậc cao thượng hơn hết, chẳng ai bằng, đã trừ hết mọi lo âu, sầu não, không còn có sự sợ sệt đối với muôn pháp.
3. Pháp thân Xá-lợi. Xá-lợi của Phật có hai loại: - Sanh thân Xá-lợi: Tro cốt của Phật sau khi thiêu nhục thân của ngài còn lại, được thờ trong các chùa tháp. - Pháp thân Xá-lợi: Diệu pháp mà Phật để lại, tức là giáo pháp thường trụ mà Phật đã thuyết dạy trong kinh điển.
4. Câu cuối đoạn này có vẻ như thừa. Tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển không có câu này.
5. Chúng tôi đã tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh để hiểu rõ ý câu này: 一切法是苦 是則斷滅說 一切法是樂 是則計常說. Nhất thiết pháp thị khổ, thị tắc đoạn diệt thuyết; nhất thiết pháp thị lạc, thị tắc kế thường thuyết.
6. Nguyên bản câu này là: Tu dư pháp khổ giả giai danh bất thiện - 修餘法苦者皆名不善。 Bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch câu tương đương là: Dị pháp tu khổ giả tắc thuyết bất thiện phần. - 異法修苦者 則說不善分。 So sánh hai bản và tham khảo thêm văn số giải thì hiểu rằng “dư pháp” hay “dị pháp” ở đây chỉ đến các pháp [quyền thừa phương tiện] khác với pháp môn đang được thuyết giảng, tức là pháp trung đạo, pháp Đại thừa.
7. Trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển có thêm một câu giúp rõ nghĩa hơn: 計常及斷滅, 是見二俱離。 - Kế thường cập đoạn diệt, thị kiến nhị câu ly. (Lìa bỏ cả hai quan điểm chấp thường và chấp đoạn.)
8. Đoạn này dựa theo quan điểm cho rằng con người sở dĩ có bệnh là do sự tương khắc, không đồng đều của bốn đại, làm cho cơ thể phát triển không hài hòa. Vì thế, vị thầy thuốc chỉ cần điều chỉnh được sự mất cân đối đó là có thể làm cho bệnh tật mất đi.
9. Nhân trung sư tử (sư tử trong loài người) một tôn hiệu để xưng tán đức Phật, là bậc dũng mãnh hơn hết trong loài người, như sư tử là loài thú oai mãnh hơn hết trong các loài thú. Có khi cũng dùng Nhân hùng sư tử.

10. Vô minh, hành, thức... là những yếu tố trong Mười hai nhân duyên (Thập nhị nhân duyên), giải thích về sự hình thành và vận hành của tất cả các pháp.
11. Nguyên văn là “一切象牙上皆生華” (nhất thiết tượng nha giai sanh hoa). Có ba cách giải thích. Một thuyết cho rằng ở đây chỉ loài cỏ ngà voi (tượng nha thảo), khi trời có sấm sét thì trở hoa. Thuyết thứ hai cho rằng trong kinh có nói đến loài voi khi nghe tiếng sấm thì trên ngà của chúng trở ra hoa. Thuyết thứ ba nói rằng không có hoa được sanh ra, nhưng là trên các ngà voi hiện lên những đường vân có hình như vân hoa. Chúng tôi xét rằng: Thuyết thứ nhất vô đoán chữ thảo (cỏ), trong kinh văn không có; thuyết thứ hai nói là “trong kinh nói” nhưng không nói là kinh nào, đã thử tìm cũng không thấy. Vì thế, chúng tôi chọn tin theo thuyết thứ ba. Tuy nhiên, tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển thì ở chỗ này thấy dịch là: 譬如春月興大雲雷而未降雨, 草木華果皆未萌芽, 夏時大雨一切扶疏。 Thí như xuân nguyệt hưng đại vân lôi nhi vị hàng vũ, thảo mộc hoa quả giai vị manh nha, hạ thời đại vũ nhất thiết phù sở. (Ví như vào mùa xuân sấm sét nổi lên nhưng chưa đổ mưa, cây cỏ hoa trái đều chưa nảy mầm, đến mùa hạ trời đổ mưa lớn thì mới giúp ích cho tất cả.) Mặc dù vậy, khi so với bản dịch của ngài Đàm-vô-sấm thì những đoạn tiếp theo thiếu rất nhiều chi tiết nên ở chỗ này chúng tôi vẫn tin vào bản dịch của ngài Đàm-vô-sấm hơn.
12. Khế kinh (Sanskrit: sūtra), dịch âm là Tu-đa-la (修多羅), còn gọi là Khế phạm, Khế tuyền, tức là những kinh văn khế hợp theo căn cơ chúng sanh mà Phật thuyết giảng. Vì tùy theo mỗi hạng chúng sanh đều được phù hợp nên gọi là khế. Cũng hiểu theo hai nghĩa là khế lý (phù hợp về lý lẽ) và khế cơ (phù hợp về căn cơ). Khế kinh chỉ cho hầu hết kinh điển do đức Phật tùy căn cơ của chúng sanh mà thuyết ra, nên cũng thường gọi tất là kinh.
13. Các hạnh ba-la-mật (Sanskrit: pāramitā): dịch âm là Ba-la-mật-đa, gọi tắt là Ba-la-mật, Hán dịch nghĩa là đáo bỉ ngạn, nghĩa là “đến bờ bên kia”. Đây là sáu hạnh lớn của hàng Bồ Tát, bao gồm: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí huệ.
14. Thập trụ: Hàng Bồ Tát ở trụ ở địa vị thứ mười là địa vị cao nhất trong mười địa vị, bao gồm: 1. Phát tâm trụ, 2. Trì địa trụ, 3. Tu hành trụ, 4. Sanh quý trụ, 5. Phương tiện cụ túc trụ, 6. Chánh tâm trụ, 7. Bất thối trụ, 8. Đồng chân trụ, 9. Pháp vương tử trụ, 10. Quán đỉnh trụ.
15. Thư lại: người làm công việc ghi chép, giống như thư ký ngày nay.
16. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu phẩm Văn tự thứ 13 (Văn tự phẩm đệ thập tam). Bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh cũng phân chia và gọi tên giống như vậy, nhưng đây là phẩm thứ 14 (Văn tự phẩm đệ thập tứ).
17. Câu này trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển có nội dung khác hẳn: 一切言說咒術記論。如來所說為一切本。 Nhất thiết ngôn thuyết chú thuật ký luận, Như Lai sở thuyết vi nhất thiết bản. (Tất cả những ngôn thuyết, chú thuật, ký luận... đều lấy chỗ thuyết dạy của Như Lai làm căn bản.)

18. Từ đoạn này trở đi, Phật lần lượt giảng nghĩa các âm của chữ viết. Chữ viết đang nói ở đây là chữ Phạn (Sanskrit).
19. Túc chữ a giọng ngắn trong âm tiếng Phạn, có độ ngân ngắn nên gọi là a ngắn. Trong Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh đều dịch là đoản a (短阿). Ở đây dùng chữ ác (噉) có lẽ vì cách phát âm a tắt giọng lại gần giống như chữ ác.
20. Chín lỗ (cửu khổng): chỉ chín lỗ thông giữa cơ thể với môi trường bên ngoài, gồm 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, 2 lỗ con mắt, miệng và 2 lỗ đại, tiểu tiện.
21. Tam hữu : Ba cõi có những chúng sanh quay đi lộn lại, sanh tử luân hồi. Ấy là: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.
22. Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh đều dịch là trường a (長阿) để phân biệt với chữ a ngắn ở trước.
23. Tam Tôn: Ba bậc đáng tôn kính: Phật, Pháp, Tăng. Thường gọi là Tam bảo.
24. Túc âm y giọng ngắn. Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch là đoản y (短伊).
25. Các bản khác hiện nay đều khắc chữ “Phật pháp”, nhưng chúng tôi tin theo cổ bản. Hơn nữa, đoạn tiếp theo sẽ nói về pháp Phật, nên đoạn này nói tánh Phật cũng là hợp lý.
26. Trong Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch là trường y (長伊).
27. Bốn vị Tự Tại: Tức bốn vị Hộ Thế Thiên vương, ở lưng chừng núi Tu-di, có phạm sự hộ pháp ở bốn phương trong thế giới: 1. Trì Quốc Thiên vương, quản lãnh phương đông 2. Quảng Mục Thiên vương, quản lãnh phương tây 3. Tăng Trưởng Thiên vương, quản lãnh phương nam 4. Đa Văn Thiên vương, quản lãnh phương bắc.
28. Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh đều dịch là đoản ưu (短憂), tức là chữ ưu ngắn.
29. Trong Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch là trường ưu (長憂).
30. Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh đều dịch là yết (咽).
31. Con tầm làm kén, không thể ra ngoài cái kén; con bọ hung chui vào đống phân, loay hoay mãi cũng không ra khỏi đống phân.
32. Mười sức của Phật (Thập lực), cũng gọi là Mười trí lực (Thập trí lực), bao gồm: 1. Tri thị xứ phi xứ trí lực, 2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực, 3. Tri chư thiên giải thoát tam-muội trí lực, 4. Tri chúng sanh tâm tánh trí lực, 5. Tri chủng chủng giải trí lực, 6. Tri chủng chủng giới trí lực, 7. Tri nhất thiết sở đạo trí lực, 8. Tri thiên nhân vô ngại trí lực, 9. Tri túc mạng vô lậu trí lực, 10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực.
33. Ba mũi tên (Tam tiễn): Ba mũi tên độc giết hại người, chỉ Ba độc: tham, sân, si.
34. Điều-bà-đạt: tên gọi khác của Đề-bà-đạt-đa.
35. Ấm, nhập, giới: Ba phần cấu tạo nên sự hiện hữu của con người, của chúng sanh. Ấm là Năm ấm (hay Năm uẩn): sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhập là mười hai

- nhập: sáu căn nhập với sáu trần, sáu trần nhập với sáu căn. Giới là mười tám giới: do sáu căn hợp với sáu trần và sáu thức.
36. Theo Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh thì từ đây bắt đầu phẩm Điều dụ. Nam bản là phẩm 14, còn trong Đại Bát Nê-hoàn kinh là phẩm 15.
37. Ca-lân-đề, phiên âm từ Phạn ngữ *Kācalindikāka*, cũng đọc là ca-già-lân-địa, là một loài chim biển rất đẹp, cùng họ với chim uyên ương. Các loài chim này con trống và con mái luôn theo sát nhau, không lúc nào rời xa. Vì thế trong văn chương thường dùng hình ảnh uyên ương để ví những cặp vợ chồng hay tình nhân luôn gắn bó quấn quýt nhau.
38. Vô tướng thiên: tức là cảnh giới Vô sở hữu xứ (*Asamjñisattvāh*), thuộc cõi Vô sắc giới, nằm dưới cảnh trời cao nhất là Phi tướng phi phi tướng xứ. Người tu hành đạt đến Vô tướng định thì thần thức vượt đến cảnh giới Vô tướng thiên.
39. Phi tướng phi phi tướng xứ (*Naiva-samjñānāsamjñā-yatana*): Chư thiên thần ở cảnh trời này chẳng phải tướng chẳng phải không tướng. Cũng gọi là Hữu đỉnh thiên, là cảnh trời cao nhất trong cõi Vô sắc giới (*Arūpya-dhātu*), cũng là cao nhất trong Ba cõi. Người tu hành đạt đến Phi tướng phi phi tướng định thì thần thức vượt đến cảnh giới Phi tướng phi phi tướng xứ.
40. Đây chỉ sự già chết (lão tử) là một trong 12 nhân duyên, vốn sanh khởi do sự hiện hữu hòa hợp của các hành. Vì thế, nếu hành giả đạt đến cảnh giới “phá trừ hết thấy các hành” như vừa nói ở đoạn trên thì không còn có sự già chết.
41. Chấp hữu: kiến chấp sai lầm cho rằng thật có sự hiện hữu của những yếu tố thật ra là hư huyền.
42. Đây nói pháp thường trụ và pháp thị hiện của Như Lai vốn thật không tách rời nhau, như các loài chim uyên ương, ca-lân-đề luôn đi với nhau thành cặp.



# 大般涅槃經

## 卷第九如來性品第四之六

復次善男子。譬如有人見月不現。皆言月沒而作沒想。而此月性實無沒也。轉現他方彼處衆生復謂月出。而此月性實無出也。何以故。以須彌山障故不現。其月常生性無出沒。如來應正徧知亦復如是。出於三千大千世界。或閻浮提有父母。衆生皆謂如來生於閻浮提內。或閻浮提現涅槃。而如來性實無涅槃。而諸衆生皆謂如來實般涅槃喻如月沒。

善男子。如來之性實無生滅。爲化衆生故示生滅。

善男子。如此滿月餘方見半。此方半月餘方見滿。閻浮提人若見月初皆謂一日起初月想。見月盛滿謂十五日生盛滿想。而此月性實無虧盈。因須彌山而有增減。

善男子。如來亦爾於閻浮提或現初生或現涅槃。現始生時猶如月初一切皆謂童子初生。行於七步如二日月。或復示現入於書堂如三日月。示現出家如八日月。放大智慧微妙光明。能破無量衆生魔

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ CỬU - NHƯ LAI TÁNH PHẨM - *Đệ tứ chi lục*

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như hữu nhân kiến nguyệt bất hiện giai ngôn nguyệt một, nhi tác một tưởng. Nhi thủ nguyệt tánh thật vô một dã. Chuyển hiện tha phương bỉ xứ chúng sanh phục vị nguyệt xuất. Nhi thủ nguyệt tánh thật vô xuất dã. Hà dĩ cố? Dĩ Tu-di sơn chướng, cố bất hiện. Kỳ nguyệt thường sanh tánh vô xuất một. Như Lai, Ứng, Chánh Biến Tri diệc phục như thị, xuất ư tam thiên đại thiên thế giới. Hoặc Diêm-phù-đề thị hữu phụ mẫu. Chúng sanh giai vị Như Lai sanh ư Diêm-phù-đề nội. Hoặc Diêm-phù-đề thị hiện Niết-bàn. Nhi Như Lai tánh thật vô Niết-bàn. Nhi chư chúng sanh giai vị Như Lai thật Bát Niết-bàn dụ như nguyệt một.

Thiện nam tử! Như Lai chi tánh thật vô sanh diệt. Vị hoá chúng sanh cố thị sanh diệt.

Thiện nam tử! Như thủ mãn nguyệt dư phương kiến bán, thủ phương bán nguyệt, dư phương kiến mãn. Diêm-phù-đề nhân nhược kiến nguyệt sơ giai vị nhất nhật khởi sơ nguyệt tưởng. Kiến nguyệt thạnh mãn vị thập ngũ nhật sanh thạnh mãn tưởng. Nhi thủ nguyệt tánh thật vô khuy doanh. Nhân Tu-di sơn nhi hữu tăng, giảm.

Thiện nam tử! Như Lai diệc nhĩ ư Diêm-phù-đề hoặc hiện sơ sanh, hoặc hiện Niết-bàn. Hiện thủy sanh thời do như nguyệt sơ, nhất thiết giai vị đồng tử sơ sanh. Hành ư thất bộ như nhị nhật nguyệt. Hoặc phục thị hiện nhập ư thơ đường như tam nhật nguyệt. Thị hiện xuất gia như bát nhật nguyệt. Phóng đại trí huệ vi diệu quang minh, năng phá vô lượng chúng sanh, ma chúng, như thập ngũ nhật thạnh mãn chi nguyệt.

衆。如十五日盛滿之月。或復示現三十二相八十種好。以自莊嚴而現涅槃喻如月蝕。如是衆生所見不同。或見半月或見滿月或見月蝕。而此月性實無增減蝕暎之者常是滿月。如來之身亦復如是。是故名爲常住不變。

復次善男子。喻如滿月一切悉現。在在處處城邑聚落山澤水中若井若池若瓮若鏡一切皆現。有諸衆生行百由旬百千由旬見月常隨。凡夫愚人妄生憶想言。我本於城邑屋宅見如是月今復於此空澤而見。爲是本月爲異於本。各作是念月形大小或如鏡口。或復有言大如車輪。或言猶如四十九由旬。一切皆見月之光明。或見團圓喻如金槃。是月性一種衆生各見異相。

善男子。如來亦爾出現於世。或有人天而作是念。如來今者在我前住。復有衆生亦生是念如來今者在我前住。或有聾瘂亦見如來有聾瘂相。衆生雜類言音各異皆謂如來悉同己語。亦各生念在我舍宅受我供養。或有衆生見如來身廣大無量。有見微小或有見佛是聲聞像。或復有見爲緣覺像。有諸外道復各念言。如來今者在我法中出家學道。或有衆生

Hoặc phục thị hiện tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo dĩ tự trang nghiêm, nhi hiện Niết-bàn dụ như nguyệt thực. Như thị chúng sanh sở kiến bất đồng: hoặc kiến bán nguyệt, hoặc kiến mãn nguyệt, hoặc kiến nguyệt thực. Nhi thủ nguyệt tánh thật vô tăng, giảm, thực hám chi giả, thường thị mãn nguyệt. Như Lai chi thân diệc phục như thị. Thị cố danh vi thường trụ bất biến.

Phục thứ, thiện nam tử! Dụ như mãn nguyệt nhất thiết tất hiện, tại tại xứ xứ thành ấp tụ lạc sơn trạch thủy trung, nhược tỉnh, nhược trì, nhược bồn, nhược phúc nhất thiết giai hiện. Hữu chư chúng sanh hành bách do-tuần, bách thiên do-tuần kiến nguyệt thường tùy. Phạm phu ngu nhân vọng sanh ức tưởng, ngôn: “Ngã bốn ư thành ấp ốc trạch kiến như thị nguyệt. Kim phục ư thủ không trạch nhi kiến. Vị thị bốn nguyệt vị dị ư bốn?” Các tác thị niệm. Nguyệt hình đại tiểu hoặc như phúc khẩu. Hoặc phục hữu ngôn: đại như xa luân. Hoặc ngôn: do như tứ thập cửu do-tuần. Nhất thiết giai kiến nguyệt chi quang minh, hoặc kiến đoàn viên dụ như kim bàn. Thị nguyệt tánh nhất, chủng chủng chúng sanh các kiến dị tướng.

Thiện nam tử! Như Lai diệc nhĩ xuất hiện ư thế. Hoặc hữu nhân thiên nhi tác thị niệm: “Như Lai kim giả tại ngã tiền trụ.” Phục hữu chúng sanh diệc sanh thị niệm: “Như Lai kim giả tại ngã tiền trụ.” Hoặc hữu lung á diệc kiến Như Lai hữu lung á tướng. Chúng sanh tạp loại ngôn âm các dị giai vị Như Lai tất đồng kỷ ngữ, diệc các sanh niệm: “Tại ngã xá trạch thọ ngã cúng dường.” Hoặc hữu chúng sanh kiến Như Lai thân quảng đại vô lượng. Hữu kiến vi tiểu. Hoặc hữu kiến Phật thị Thanh văn tượng. Hoặc phục hữu kiến vi Duyên giác tượng. Hữu chư ngoại đạo phục các niệm ngôn: “Như Lai kim giả tại ngã pháp trung xuất gia học đạo.” Hoặc hữu chúng sanh phục tác thị niệm: “Như Lai kim giả độc vị ngã cố xuất hiện ư thế.”

復作是念。如來今者獨爲我故出現於世。如來實性喻如彼月即是法身是無生身。方便之身隨順於世示現無量本業因緣。在在處處示現有生猶如彼月。以是義故如來常住無有變異。

復次善男子。如羅睺羅，阿脩羅王以手遮月。世間諸人咸謂月蝕。阿脩羅王實不能蝕以阿脩羅障其明故。是月團圓無有虧損。但以手障故使不現。若攝手時世間咸謂月已還生皆言是月多受苦惱。假使百千阿脩羅王不能惱之。如來亦爾。示有衆生於如來所生麤惡心出佛身血起五逆罪至一闍提。爲未來世諸衆生故如是示現壞僧斷法而作留難。假使百千無量諸魔不能得出如來身血。所以者何。如來之身無有肉血筋脉骨髓。如來真實實無惱壞。衆生皆謂法僧毀壞如來滅盡。而如來性真實無變無有破壞隨順世間如是示現。

復次善男子。如二人鬪若以刀杖傷身出血雖至於死不起殺想。如是業相輕而不重。於如來所本無殺心雖出身血是業亦爾輕而不重。如來如是於未來世爲化衆生示現業報。

復次善男子。猶如良醫勤教其子醫方根本。此是根藥此是莖藥此是華藥種種相貌汝當善知。其子敬奉父之所勅精勤習學善解諸藥。是醫後時壽盡命

Như Lai thật tánh dụ như bử nguyệt tức thị pháp thân, thị vô sanh thân, phương tiện chi thân, tùy thuận ư thể thị hiện vô lượng bản nghiệp nhân duyên. Tại tại xứ xứ thị hiện hữu sanh do như bử nguyệt. Dĩ thị nghĩa cố Như Lai thường trụ vô hữu biến dị.

Phục thứ, thiện nam tử! Như La-hầu-la A-tu-la vương dĩ thủ già nguyệt, thế gian chi nhân hàm vị nguyệt thực. A-tu-la vương thật bất năng thực, dĩ A-tu-la chướng kỳ minh cố. Thị nguyệt đoàn viên vô hữu khuy tổn, đản dĩ thủ chướng cố sử bất hiện. Nhược nhiếp thủ thời thế gian hàm vị nguyệt dĩ hoàn sanh, giai ngôn: Thị nguyệt đa thọ khổ não. Giả sử bách thiên A-tu-la vương bất năng não chi. Như Lai diệt nhĩ thị hữu chúng sanh ư Như Lai sở sanh thô ác tâm xuất Phật thân huyết, khởi ngũ nghịch tội, chí nhất-xiển-đề. Vị vị lai thế chư chúng sanh cố như thị thị hiện, hoại tăng đoạn pháp nhi tác lưu nạn. Giả sử bách thiên vô lượng chư ma, bất năng đắc xuất Như Lai thân huyết. Sở dĩ giả hà? Như Lai chi thân vô hữu nhục huyết cân mạch cốt tuỷ. Như Lai chân thật, thật vô não hoại. Chúng sanh giai vị: Pháp, Tăng hủy hoại, Như Lai diệt tận. Nhi Như Lai tánh chân thật vô biến vô hữu phá hoại. Tùy thuận thế gian như thị thị hiện.

Phục thứ, thiện nam tử! Như nhị nhân đấu. Nhược dĩ đao trượng thương thân xuất huyết, tuy chí ư tử bất khởi sát tưởng. Như thị nghiệp tướng khinh nhi bất trọng. Ư Như Lai sở bản vô sát tâm, tuy xuất thân huyết thị nghiệp diệt nhĩ khinh nhi bất trọng. Như Lai như thị ư vị lai thế, vị hoá chúng sanh thị hiện nghiệp báo.

Phục thứ, thiện nam tử! Do như lương y cần giáo kỳ tử y phương căn bản: “Thủ thị căn dược, thủ thị hành dược, thủ thị hoa dược. Chủng chủng tướng mạo nhữ đương thiện tri.” Kỳ tử kính phụng phụ chi sở sắc, tinh cần học tập thiện giải chư

終。其子號咷而作是言。父本教我根藥如是莖藥如是華藥如是色相如是。如來亦爾為化衆生示現制戒。應當如是受持莫犯。作五逆罪誹謗正法及一闍提。為未來世起是事者是故示現。欲令比丘於佛滅後作如是知。此是契經甚深之義。此是戒律輕重之相。此是阿毗曇分別法句。如彼醫子。

復次善男子。如人見月六月一蝕。而上諸天須臾之間頻見月蝕。何以故。彼天日長人間短故。

善男子。如來亦爾天人咸謂如來壽短。如彼天人須臾之間頻見月蝕。如來又於須臾之間示現百千萬億涅槃。斷煩惱魔陰魔死魔。是故百千萬億天魔悉知如來入般涅槃。又復示現無量百千先業因緣。隨順世間種種性故。示現如是無量無邊不可思議。是故如來常住無變。

復次善男子。譬如明月衆生樂見。是故稱月號為樂見。衆生若有貪恚愚癡。則不得稱為樂見也。如來如其性純善清淨無垢。是最可稱為樂見也。樂法衆生視之無厭。惡心之人不喜瞻視。以是義故故言如來喻如明月。

復次善男子。譬如日出有三時異。謂春夏冬。冬日則短春日處中夏日極長。如來亦爾於此三千大千世界為短壽者。及諸聲聞示現壽短。斯等見已咸

dược. Thị y hậu thời thọ tận mạng chung. Kỳ tử hào đào nhi tác thị ngôn: “Phụ bốn giáo ngã căn dược như thị, hành dược như thị, hoa dược như thị, sắc tướng như thị.” Như Lai diệt nhĩ, vị hoá chúng sanh thị hiện chế giới. Ứng đương như thị thọ trì, mặc phạm, tác ngũ nghịch tội, phỉ báng chánh pháp cập nhất-xiển-đề. Vị vị lai thế khởi thị sự giả. Thị cố thị hiện dục linh tỳ-kheo, ư Phật diệt hậu tác như thị tri: “Thử thị kế kinh thậm thâm chi nghĩa. Thử thị giới luật khinh trọng chi tướng. Thử thị A-tỳ-đàm phân biệt pháp cú. Như bỉ y tử.

Phục thứ, thiện nam tử! Như nhân kiến nguyệt, lục nguyệt nhất thực. Nhi thượng chư thiên tu du chi gian tần kiến nguyệt thực. Hà dĩ cố? Bỉ thiên nhật trường nhân gian đoản cố.

Thiện nam tử! Như Lai diệt nhĩ, thiên nhân hàm vị Như Lai thọ đoản. Như bỉ thiên nhân tu du chi gian tần kiến nguyệt thực. Như Lai hựu ư tu du chi gian thị hiện bách thiên vạn ức Niết-bàn, đoạn phiền não ma, ám ma, tử ma. Thị cố bách thiên vạn ức thiên ma tất tri Như Lai nhập bát Niết-bàn. Hựu phục thị hiện vô lượng bách thiên tiên nghiệp nhân duyên. Tùy thuận thế gian chủng chủng tánh cố, thị hiện như thị vô lượng vô biên bất khả tư nghị. Thị cố Như Lai thường trụ vô biến.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như minh nguyệt chúng sanh nhạo kiến, thị cố xưng nguyệt hiệu vi “nhạo kiến”. Chúng sanh nhược hữu tham, nhuế, ngu si, tác bất đắc xưng vi “nhạo kiến” dã. Như Lai như thị kỳ tánh thuần thiện, thanh tịnh vô cấu thị tối khả xưng vi nhạo kiến dã. Nhạo pháp chúng sanh thị chi vô yểm, ác tâm chi nhân bất hỷ chiêm thị. Dĩ thị nghĩa cố, cố ngôn: Như Lai dụ như minh nguyệt.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như nhật xuất hữu tam thời dị, vị: xuân, hạ, đông. Đông nhật tác đoản, xuân nhật xử trung, hạ nhật cực trường. Như Lai diệt nhĩ ư thử tam thiên

謂如來壽命短促喻如冬日。為諸菩薩示現中壽若至一切若減一切喻如春日。唯佛觀佛其壽無量喻如夏日。

善男子。如來所說方等大乘微密之教示現世間。雨大法雨於未來世。若有人能護持是典開示分別利益衆生。當知是輩真是菩薩喻如盛夏天降甘雨。若有聲聞緣覺之人聞佛如來微密之教。喻如冬日多遇冷患。菩薩之人若聞如是微密教誨如來常住性無變易。喻如春日萌芽開敷。而如來性實無長短為世間故示現如是。即是諸佛真實法性。

復次善男子。譬如衆星晝則不現。而人皆謂晝星滅沒其實不沒。所以不現日光暎故。如來亦爾聲聞緣覺不能得見。喻如世人不見晝星。

復次善男子。譬如陰闇日月不現。愚夫謂言日月失沒。而是日月實不失沒。如來正法滅盡之時三寶現沒。亦復如是非為永滅。是故當知如來常住無有變易。何以故。三寶真性不為諸垢之所染故。

復次善男子。譬如黑月彗星夜現。其明燄熾暫出還沒。衆生見已生不祥想。諸辟支佛亦復如是出

đại thiên thế giới, vi đoản thọ giả cập chư Thanh văn thị hiện thọ đoản. Tư đẳng kiến dĩ hàm vị Như Lai thọ mạng đoản xúc dụ như đông nhật. Vị chư Bồ Tát thị hiện trung thọ, nhược chí nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp dụ như xuân nhật. Duy Phật đồ Phật kỳ thọ vô lượng dụ như hạ nhật.

Thiện nam tử! Như Lai sở thuyết Phương đẳng Đại thừa vi mật chi giáo, thị hiện thế gian vũ đại pháp vũ. Ư vị lai thế nhược hữu nhân năng thọ trì thị điển, khai thị phân biệt lợi ích chúng sanh, đương tri thị bối chân thị Bồ Tát dụ như thanh hạ thiên giáng cam vũ. Nhược hữu Thanh văn, Duyên giác chi nhân văn Phật Như Lai vi mật chi giáo dụ như đông nhật đa ngộ lãnh hoạn. Bồ Tát chi nhân, nhược văn như thị vi mật giáo hối: Như Lai thường trụ, tánh vô biến dị dụ như xuân nhật mạnh nha khai phu. Nhi Như Lai tánh thật vô trường, đoản, vị thế gian cố thị hiện như thị. Tức thị chư Phật chân thật pháp tánh.

Phục thứ thiện nam tử! Thí như chúng tinh trú tắc bất hiện. Nhi nhân giai vị: trú, tinh diệt một. Kỳ thật bất một. Sở dĩ bất hiện nhật quang ánh cố. Như Lai diệt nhĩ, Thanh văn, Duyên giác bất năng đắc kiến, dụ như thế nhân bất kiến trú tinh.

Phục thứ thiện nam tử! Thí như âm âm nhật nguyệt bất hiện. Ngu phu vị ngôn: nhật nguyệt thất một. Nhi thị nhật nguyệt thật bất thất một. Như Lai chánh pháp diệt tận chi thời, Tam bảo hiện một diệt phục như thị phi vi vĩnh diệt. Thị cố đương tri Như Lai thường trụ vô hữu biến dị. Hà dĩ cố? Tam bảo chân tánh bất vi chư cấu chi sở nhiễm cố.

Phục thứ thiện nam tử! Thí như hắc nguyệt tuệ tinh dạ hiện, kỳ minh diễm xí tạm xuất hoàn một. Chúng sanh kiến dĩ sanh bất tường tưởng. Chư Bích Chi Phật diệt phục như thị xuất vô Phật thế. Chúng sanh kiến dĩ giai vị Như Lai chân

無佛世。衆生見已皆謂如來真實滅度生憂悲想。而如來身實不滅沒。如彼日月無有滅沒。

復次善男子。譬如日出衆霧悉除。此大涅槃微妙經典亦復如是出興於世。若有衆生一經耳者悉能滅除一切諸惡無間罪業。是大涅槃甚深境界不可思議。善說如來微密之性。以是義故諸善男子善女人等。應於如來生常住心無有變易正法不斷僧寶不滅。是故應當多修方便勤學是典。是人不久當得成於阿耨多羅三藐三菩提。是故此經名為無量功德所成。亦名菩提不可窮盡。以不盡故故得稱為大般涅槃。有善光故猶如夏日。身無邊故名大涅槃。

復次善男子。如日月光諸明中最。一切諸明所不能及。大涅槃光亦復如是。於諸契經三昧光明最為殊勝。諸經三昧所有光明所不能及。何以故。大涅槃光能入衆生諸毛孔故。衆生雖無菩提之心而能為作菩提因緣。是故復名大般涅槃。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說大涅槃光入於一切衆生毛孔。衆生雖無菩提之心。而能為作菩提因者。是義不然。何以故。

世尊。犯四重禁作五逆人及一闍提。光明入身

thật diệt độ sanh ưu bi tưởng. Nhi Như Lai thân thật bất diệt một, như bỉ nhật nguyệt vô hữu diệt một.

Phục thứ thiện nam tử! Thí như nhật xuất chúng vụ tất trừ. Thủ Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển diệt phục như thị, xuất hưng ư thế. Nhược hữu chúng sanh nhất kinh nhĩ giả, tất năng diệt trừ nhất thiết chư ác vô gián tội nghiệp. Thị Đại Niết-bàn thậm thâm cảnh giới bất khả tư nghị, thiện thuyết Như Lai vi mật chi tánh. Dĩ thị nghĩa cố chư thiện nam tử thiện nữ nhân đẳng, ưng ư Như Lai sanh thường trụ tâm, vô hữu biến dị chánh pháp bất đoạn, Tăng bảo bất diệt. Thị cố ưng đương đa tu phương tiện cần học thị điển. Thị nhân bất cử đương đắc thành ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị cố thủ kinh danh vi vô lượng công đức sở thành, diệt danh Bồ-đề bất khả cùng tận. Dĩ bất tận cố, cố đắc xưng vi Đại Bát Niết-bàn. Hữu thiện quang cố do như hạ nhật, thân vô biên cố danh Đại Niết-bàn.

Phục thứ thiện nam tử! Như nhật nguyệt quang chư minh trung tối, nhất thiết chư minh sở bất năng cập. Đại Niết-bàn quang diệt phục như thị, ư chư kế kinh Tam-muội quang minh tối vi thù thắng. Chư kinh Tam-muội sở hữu quang minh sở bất năng cập. Hà dĩ cố? Đại Niết-bàn quang năng nhập chúng sanh chư mao khổng cố. Chúng sanh tuy vô Bồ-đề chi tâm, nhi năng vị tác Bồ-đề nhân duyên. Thị cố phục danh Đại Bát Niết-bàn.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết Đại Niết-bàn quang nhập ư nhất thiết chúng sanh mao khổng, chúng sanh tuy vô Bồ-đề chi tâm, nhi năng vị tác Bồ-đề nhân giả. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố?

Thế Tôn! Phạm tứ trọng cấm, tác ngũ nghịch nhân cập nhất-xiển-đề, quang minh nhập thân tác Bồ-đề nhân giả, như

作菩提因者。如是等輩與淨持戒修習諸善有何差別。若無差別如來何故說四依義。

世尊。又如佛言若有衆生聞大涅槃一經於耳。則得斷除諸煩惱者。如來云何先說有人於恆河沙等佛所發心。聞大涅槃不解其義。若不解義云何能斷一切煩惱。

佛言善男子。除一闍提。其餘衆生聞是經已。悉皆能作菩提因緣。法聲光明入毛孔者必定當得阿耨多羅三藐三菩提。何以故。若有人能供養恭敬無量諸佛。方乃得聞大涅槃經。薄福之人則不得聞。所以者何。大德之人乃能得聞。如是大事廝下小人則不得聞。何等爲大。所謂諸佛甚深秘藏謂佛性是。以是義故名爲大事。

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何未發菩提心者作菩提因。

佛告迦葉。若有聞是大涅槃經。言我不用發菩提心誹謗正法。是人即時於夜夢中見羅刹像心中怖懼。羅刹語言咄善男子。汝今若不發菩提心當斷汝命。是人惶怖覺已即發菩提之心。是人命終若在三惡及在人天。續復憶念菩提之心。當知是人是大菩薩摩訶薩也。以是義故。是大涅槃威神力故。能令未發菩提心者作菩提因。

thị đẳng bối dữ tịnh trì giới, tu tập chư thiện hữu hà sai biệt? Nhược vô sai biệt Như Lai hà cố thuyết tứ y nghĩa?

Thế Tôn! Hựu như Phật ngôn: “Nhược hữu chúng sanh văn Đại Niết-bàn nhất kinh ư nhĩ, tắc đắc đoạn trừ chư phiền não giả.” Như Lai vân hà tiên thuyết: “Hữu nhân ư hằng hà sa đẳng Phật sở phát tâm, văn Đại Niết-bàn bất giải kỳ nghĩa?” Nhược bất giải nghĩa vân hà năng đoạn nhất thiết phiền não?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Trừ nhất-xiển-đề kỳ dư chúng sanh văn thị kinh dĩ, tất giai năng tác Bồ-đề nhân duyên. Pháp thanh quang minh nhập mao khổng giả, tất định đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hà dĩ cố? Nhược hữu nhân năng cúng dường cung kính vô lượng chư Phật, phương nãi đắc văn Đại Niết-bàn kinh. Bạc phước chi nhân tắc bất đắc văn. Sở dĩ giả hà? Đại đức chi nhân nãi năng đắc văn như thị đại sự. Tư hạ tiểu nhân tắc bất đắc văn. Hà đẳng vi đại? Sở vị chư Phật thậm thâm bí tạng vị Phật tánh thị. Dĩ thị nghĩa cố danh vi đại sự.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! vân hà vị phát Bồ-đề tâm giả, tác Bồ-đề nhân?

Phật cáo Ca-diếp: Nhược hữu văn thị Đại Niết-bàn kinh, ngôn ngã bất dụng phát Bồ-đề tâm, phỉ báng chánh pháp. Thị nhân túc thời ư dạ mộng trung kiến La-sát tượng tâm trung bố cử. La-sát ngữ ngôn: “Đốt! Thiện nam tử! Nhữ kim nhược bất phát Bồ-đề tâm đương đoạn nhữ mạng.” Thị nhân hoàng bố. Giác dĩ, tức phát Bồ-đề chi tâm. Thị nhân mạng chung, nhược tại tam ác cập tại nhân, thiên, tục phục ức niệm Bồ-đề chi tâm, đương tri thị nhân thị Đại Bồ Tát ma-ha-tát dã. Dĩ thị nghĩa cố thị Đại Niết-bàn oai thần lực cố, năng linh vị phát Bồ-đề tâm giả tác Bồ-đề nhân.

善男子。是名菩薩發心因緣非無因緣。以是義故。大乘妙典真佛所說。

復次善男子。如虛空中興大雲雨霑於大地。枯木石山高原堆阜水所不住。流霑下田陂池悉滿利益無量一切衆生。是大涅槃微妙經典亦復如是。雨大法雨普潤衆生。於一闍提發菩提心無有是處。

復次善男子。譬如焦種雖遇甘雨百千萬劫終不生芽。芽若生者亦無是處。一闍提輩亦復如是。雖聞如是大般涅槃微妙經典。終不能發菩提心芽。若能發者無有是處。何以故。是人斷滅一切善根。如彼焦種不能復生菩提根芽。

復次善男子。譬如明珠置濁水中以珠威德水即為清。投之淤泥不能令清。是大涅槃微妙經典亦復如是。置餘衆生五無間罪四重禁法濁水之中。猶可澄清發菩提心。投一闍提淤泥之中。百千萬歲不能令清起菩提心。何以故。是一闍提滅諸善根非其器故。假使是人百千萬歲聽受如是大涅槃經。終不能發菩提之心。所以者何。無善心故。

復次善男子。譬如藥樹名曰藥王。於諸藥中最為殊勝。若和酪漿若蜜若酥若水若乳若末若丸。若以塗瘡熏身塗目若見若嗅。能滅衆生一切諸病。如

Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát phát tâm nhân duyên, phi vô nhân duyên. Dĩ thị nghĩa cố Đại thừa diệu điển chân Phật sở thuyết.

Phục thứ, thiện nam tử! Như hư không trung, hưng đại vân vũ chú ư đại địa. Khô mộc thạch sơn, cao nguyên đôi phụ, thủy sở bất trụ, lưu chú há điền, bi trì tất mãn, lợi ích vô lượng nhất thiết chúng sanh. Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển diệc phục như thị, vũ đại pháp vũ, phổ nhuận chúng sanh. Ư nhất-xiển-đề phát Bồ-đề tâm vô hữu thị xứ.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như tiêu chủng, tuy ngộ cam vũ bách thiên vạn kiếp chung bất sanh nha. Nha nhược sanh giả diệc vô thị xứ. Nhất-xiển-đề bối diệc phục như thị, tuy văn như thị Đại Bát Niết-bàn vi diệu kinh điển, chung bất năng phát Bồ-đề tâm nha. Nhược năng phát giả vô hữu thị xứ. Hà dĩ cố? Thị nhân đoạn diệt nhất thiết thiện căn, như bỉ tiêu chủng bất năng phục sanh Bồ-đề căn nha.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như minh châu trí trước thủy trung. Dĩ châu oai đức thủy tức vi thanh. Dầu chi ử nê bất năng linh thanh. Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển diệc phục như thị, trí dư chúng sanh: ngũ vô gián tội, tứ trọng cấm pháp, trước thủy chi trung du khả trừng thanh, phát Bồ-đề tâm. Dầu nhất-xiển-đề ử nê chi trung bách thiên vạn tuế bất năng linh thanh khởi Bồ-đề tâm. Hà dĩ cố? Thị nhất-xiển-đề diệt chư thiện căn phi kỳ khí cố. Giả sử thị nhân bách thiên vạn tuế, thính thọ như thị Đại Niết-bàn kinh, chung bất năng phát Bồ-đề chi tâm. Sở dĩ giả hà? Vô thiện tâm cố.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như dược thọ danh viết dược vương, ư chư dược trung tối vi thù thắng. Nhược hòa lạc tương, nhược mật, nhược tô, nhược thủy, nhược nữ, nhược mật, nhược hoàn, nhược dĩ đồ sang huân thân đồ mục, nhược kiến, nhược khứu năng diệt chúng sanh nhất thiết chư bệnh. Như thị dược thọ bất tác thị niệm: “Nhất thiết chúng sanh nhược



是藥樹不作是念。一切衆生若取我根不應取葉。若取葉者不應取根。若取身者不應取皮。若取皮者不應取身。是樹雖復不生是念而能除滅一切病苦。

善男子。是大涅槃微妙經典亦復如是。能除一切衆生惡業四波羅夷五無間罪。若內若外所有諸惡諸有未發菩提心者。因是則得發菩提心。何以故。是妙經典諸經中王。如彼藥樹諸藥中王。若有修習是大涅槃及不修者。若聞有是經典名字。聞已敬信所有一切煩惱重病皆悉除滅。唯不能令一闍提輩安止住於阿耨多羅三藐三菩提。如彼妙藥雖能療治種種重病。而不能治必死之人。

復次善男子。如人手瘡捉持毒藥毒則隨入。若無瘡者毒則不入。一闍提輩亦復如是。無菩提因如無瘡者毒不得入。所謂瘡者即是無上菩提因緣。毒者即是第一妙藥。完無瘡者謂一闍提。

復次善男子。譬如金剛無能壞者。而能破壞一切之物。唯除龜甲及白羊角。是大涅槃微妙經典亦復如是。悉能安止無量衆生於菩提道。唯不能令一闍提輩立菩提因。

復次善男子。如馬齒草娑羅翅樹尼迦羅樹。雖斷枝莖續生如故。不如多羅斷已不生是諸衆生亦復如是。若得聞是大涅槃經雖犯四禁及五無間。猶故

thủ ngã căn, bất ưng thủ diệp, nhược thủ diệp giả bất ưng thủ căn. Nhược thủ thân giả bất ưng thủ bì, nhược thủ bì giả bất ưng thủ thân.” Thị thọ tuy phục bất sanh thị niệm, nhi năng trừ diệt nhất thiết bệnh khổ.

Thiện nam tử! Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển diệc phục như thị, năng trừ nhất thiết chúng sanh ác nghiệp, tứ ba-la-di, ngũ vô gián tội, nhược nội nhược ngoại, sở hữu chư ác. Chư hữu vị phát Bồ-đề tâm giả, nhân thị tắc đắc phát Bồ-đề tâm. Hà dĩ cố? Thị diệu kinh điển chư kinh trung vương, như bỉ dục thọ chư dục trung vương. Nhược hữu tu tập thị Đại Niết-bàn cập bất tu giả, nhược văn hữu thị kinh điển danh tự, văn dĩ kính tín sở hữu nhất thiết phiền não trọng bệnh giai tất trừ diệt. Duy bất năng linh nhất-xiển-đề bối an chỉ trụ ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Như bỉ diệu dục tuy năng trị liệu chúng chủng trọng bệnh, nhi bất năng trị tất tử chi nhân.

Phục thứ, thiện nam tử! Như nhân thủ sang tróc trì độc dục, độc tắc tùy nhập. Nhược vô sang giả độc tắc bất nhập. Nhất-xiển-đề bối diệc phục như thị, vô Bồ-đề nhân như vô sang giả độc bất đắc nhập. Sở vị sang giả tức thị vô thượng Bồ-đề nhân duyên. Độc giả tức thị đệ nhất diệu dục. Hoàn vô sang giả vị nhất-xiển-đề.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như kim cang vô năng hoại giả, nhi năng phá hoại nhất thiết chi vật, duy trừ qui giáp cập bạch dương giác. Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển diệc phục như thị, tất năng an chỉ vô lượng chúng sanh ư Bồ-đề đạo, duy bất năng linh nhất-xiển-đề bối lập Bồ-đề nhân.

Phục thứ, thiện nam tử! Như mã xỉ thảo, ta-la-sí thọ, ni-ca-la thọ, tuy đoạn chi hành tục sanh như cố. Bất như đa-la đoạn dĩ bất sanh. Thị chư chúng sanh diệc phục như thị, nhược đắc văn thị Đại Niết-bàn kinh, tuy phạm tứ cấm cập ngũ vô gián, du cố năng sanh Bồ-đề nhân duyên. Nhất-xiển-đề bối

能生菩提因緣。一闍提輩則不如是。雖得聽受是妙經典而不能生菩提道因。

復次善男子。如去陀羅樹鎮頭迦樹斷已不生及諸焦種。一闍提輩亦復如是。雖得聞是大涅槃經而不能發菩提因緣猶如焦種。

復次善男子。譬如大雨終不住空是大涅槃微妙經典亦復如是。普雨法雨於一闍提則不能住。是一闍提周體密緻。猶如金剛不容外物。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛說偈。

不見善不作  
唯見惡可作  
是處可怖畏  
猶如險惡道

世尊。如是所說有何等義。

佛言善男子。不見者謂不見佛性。善者即是阿耨多羅三藐三菩提。不作者所謂不能親近善友。唯見者見無因果。惡者謂謗方等大乘經典。可作者謂一闍提說無方等。以是義故一闍提輩無心趣向清淨善法。何等善法謂涅槃也。趣涅槃者謂能修習賢善之行。而一闍提無賢善行。是故不能趣向涅槃。是處可畏謂謗正法。誰應怖畏所謂智者。何以故。以謗法者無有善心及方便故。險惡道者謂諸行也。

迦葉復言。如佛所說。

tác bất như thị, tuy đắc thính thọ thị diệu kinh điển, nhi bất năng sanh Bồ-đề đạo nhân.

Phục thứ, thiện nam tử! Như khu-đa-la thọ, trán-đầu-ca thọ đoạn dĩ bất sanh cập chư tiêu chủng. Nhất-xiển-đề bồi diệc phục như thị, tuy đắc văn thị Đại Niết-bàn kinh nhi bất năng phát Bồ-đề nhân duyên do như tiêu chủng.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như đại vũ chung bất trụ không. Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển diệc phục như thị, phổ vũ pháp vũ ư nhất-xiển-đề tác bất năng trụ. Thị nhất-xiển-đề châu thể mật trí, do như kim cang bất dung ngoại vật.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật thuyết kệ:

Bất kiến thiện bất tác,  
Duy kiến ác khả tác,  
Thị xứ khả bố úy,  
Do như hiểm ác đạo.

Thế Tôn! Như thị sở thuyết hữu hà đẳng nghĩa?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Bất kiến giả vị bất kiến Phật tánh. Thiện giả tức thị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bất tác giả sở vị bất năng thân cận thiện hữu. Duy kiến giả kiến vô nhân quả. Ác giả vị bàng Phương đẳng Đại thừa kinh điển. Khả tác giả vị nhất-xiển-đề thuyết vô Phương đẳng. Dĩ thị nghĩa cố nhất-xiển-đề bồi, vô tâm thú hướng thanh tịnh thiện pháp. Hà đẳng thiện pháp? Vị Niết-bàn dã. Thú Niết-bàn giả vị năng tu tập hiền thiện chi hạnh. Nhi nhất-xiển-đề vô hiền thiện hạnh. Thị cố bất năng thú hướng Niết-bàn. Thị xứ khả úy vị bàng chánh pháp. Thùy ứng bố úy? Sở vị trí giả. Hà dĩ cố? Dĩ bàng pháp giả vô hữu thiện tâm cập phương tiện cố. Hiểm ác đạo giả vị chư hành dã.

Ca-diếp phục ngôn: Như Phật sở thuyết:

云何見所作  
云何得善法  
何處不怖畏  
如王夷坦道

是義何謂。

佛言善男子。見所作者。發露諸惡從生死際所作諸惡悉皆發露。至無至處。以是義故是處無畏。喻如人王所遊正路。其中盜賊悉皆逃走。如是發露一切諸惡悉滅無餘。復次不見所作者。謂一闍提所作衆惡而不自見。是一闍提憍慢心故。雖多作惡於是事中初無怖畏。以是義故不得涅槃。喻如獼猴捉水中月。

善男子。假使一切無量衆生一時成於阿耨多羅三藐三菩提已。此諸如來亦復不見彼一闍提成於菩提。以是義故名不見所作。又復不見誰之所作。所謂不見如來所作。佛爲衆生說有佛性。一闍提輩流轉生死不能知見。以是義故名爲不見如來所作。又一闍提見於如來畢竟涅槃謂真無常。猶如燈滅膏油俱盡。何以故。是人惡業不虧損故。若有菩薩所作善業迴向阿耨多羅三藐三菩提時。一闍提輩雖復毀些破壞不信。然諸菩薩猶故施與。欲共成於無上之道。何以故。諸佛法爾。

作惡不即受  
如乳即成酪  
猶灰覆火上  
愚者輕蹈之。

“Vân hà kiến sở tác?  
Vân hà đắc thiện pháp?  
Hà xứ bất bố úy?  
Như vương di thân đạo.”

Thị nghĩa hà vị?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Kiến sở tác giả phát lộ chư ác. Tùng sanh tử tế sở tác chư ác. Tất giai phát lộ chí vô chí xứ. Dĩ thị nghĩa cố thị xứ vô úy. Dụ như nhân vương sở du chánh lộ, kỳ trung đạo tặc tất giai đào tẩu. Như thị phát lộ nhất thiết chư ác tất diệt vô dư. Phục thứ bất kiến sở tác giả vị nhất-xiển-đề sở tác chúng ác nhi bất tự kiến. Thị nhất-xiển-đề kiêu mạn tâm cố. Tuy đa tác ác ư thị sự trung sơ vô bố úy. Dĩ thị nghĩa cố bất đắc Niết-bàn. Dụ như di hầu tróc thủy trung nguyệt.

Thiện nam tử! Giả sử nhất thiết vô lượng chúng sanh, nhất thời thành ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, thủ chư Như Lai diệc phục bất kiến bỉ nhất-xiển-đề thành ư Bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố danh bất kiến sở tác. Hựu phục bất kiến thù chi sở tác, sở vị bất kiến Như Lai sở tác. Phật vị chúng sanh thuyết hữu Phật tánh. Nhất-xiển-đề bồi lưu chuyển sanh tử, bất năng tri kiến. Dĩ thị nghĩa cố danh vi bất kiến Như Lai sở tác. Hựu nhất-xiển-đề kiến ư Như Lai tất cánh Niết-bàn, vị chân vô thường do như đăng diệt, cao du câu tận. Hà dĩ cố? Thị nhân ác nghiệp bất khuy tổn cố. Nhược hữu Bồ Tát sở tác thiện nghiệp hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thời, nhất-xiển-đề bồi tuy phục hủy tử, phá hoại, bất tín. Nhiên chư Bồ Tát du cố thí dĩ, dục cộng thành ư vô thượng chi đạo. Hà dĩ cố? Chư Phật pháp nhĩ.

Tác ác bất tức thọ  
Như nhũ tức thành lạc  
Du hôi phúc hỏa thượng  
Ngu giả khinh đạp chi.

一闍提者名為無目。是故不見阿羅漢道。如阿羅漢不行生死險惡之道。以無目故誹謗方等。不欲修習如阿羅漢勤修慈心。一闍提輩不修方等亦復如是。

若人說言我今不信聲聞經典。信受大乘讀誦解說。是故我今即是菩薩。一切衆生悉有佛性。以佛性故衆生身中即有十力三十二相八十種好。我之所說不異佛說。汝今與我俱破無量諸惡煩惱如破水瓶。以破結故即得見於阿耨多羅三藐三菩提。是人雖作如是演說。其心實不信有佛性。為利養故隨文而說。如是說者名為惡人。如是惡人不速受果如乳成酪。

譬如王使善能談論，巧於方便奉命他國。寧喪身命終不匿王所說言教。智者亦爾於凡夫中不惜身命。要必宣說大乘方等如來秘藏。一切衆生皆有佛性。

善男子。有一闍提作羅漢像。住於空處誹謗方等大乘經典。諸凡夫人見已皆謂真阿羅漢是大菩薩摩訶薩。是一闍提惡比丘輩住阿蘭若處。壞阿蘭若法見他得利心生嫉妬。作如是言所有方等大乘經典悉是天魔波旬所說。亦說如來是無常法。毀滅正法破壞衆僧。復作是言波旬所說非善順說。作是宣說邪惡之法。是人作惡不即受報。如乳成酪灰覆火上愚輕蹈之。如是人者謂一闍提。是故當知大乘方等

Nhất-xiển-đề giả danh vi vô mục, thị cố bất kiến A-la-hán đạo. Như A-la-hán bất hành sanh tử hiểm ác chi đạo. Dĩ vô mục cố phỉ báng Phương đẳng bất dục tu tập. Như A-la-hán cần tu từ tâm. Nhất-xiển-đề bối bất tu Phương đẳng diệc phục như thị.

Nhược nhân thuyết ngôn: “Ngã kim bất tín Thanh văn kinh điển, tín thọ Đại thừa, độc tụng giải thuyết. Thị cố ngã kim tức thị Bồ Tát. Nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Dĩ Phật tánh cố, chúng sanh thân trung tức hữu thập lực, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo. Ngã chi sở thuyết bất dị Phật thuyết. Nhữ kim dĩ ngã câu phá vô lượng chư ác phiền não như phá thủy bình. Dĩ phá kết cố tức đắc kiến ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.” Thị nhân tuy tác như thị diễn thuyết, kỳ tâm thật bất tín hữu Phật tánh. Vị lợi dưỡng cố tùy văn nhi thuyết. Như thị thuyết giả danh vi ác nhân. Như thị ác nhân bất tốc thọ quả như nhũ thành lạc.

Thí như vương sứ thiện năng đàm luận, xảo ư phương tiện phụng mạng tha quốc. Ninh tán thân mạng chung bất nặc vương sở thuyết ngôn giáo. Trí giả diệc nhĩ, ư phạm phu trung bất tích thân mạng, yếu tất tuyên thuyết Đại thừa Phương đẳng Như Lai bí tạng: nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh.

Thiện nam tử! Hữu nhất-xiển-đề tác La-hán tượng trụ ư không xứ phỉ báng Phương đẳng Đại thừa kinh điển. Chư phạm phu nhân kiến dĩ, giai vị chân A-la-hán thị Đại Bồ Tát ma-ha-tát. Thị nhất-xiển-đề ác tỳ-kheo bối, trụ a-lan-nhã xứ, hoại a-lan-nhã pháp. Kiến tha đắc lợi tâm sanh tật đố, tác như thị ngôn: “Sở hữu Phương đẳng Đại thừa kinh điển tất thị thiên ma Ba-tuần sở thuyết.” Diệc thuyết: “Như Lai thị vô thường pháp.” Hủy diệt chánh pháp, phá hoại chúng tăng. Phục tác thị ngôn: “Ba tuần sở thuyết, phi thiện thuận thuyết.” Tác thị tuyên thuyết tà ác chi pháp. Thị nhân tác ác bất tức thọ báo, như nhũ thành lạc, hôi phúc hỏa thượng ngu khinh đạp chi. Như thị nhân giả vị nhất-xiển-đề. Thị cố đương tri Đại thừa Phương đẳng vi diệu kinh điển tất định thanh

微妙經典必定清淨。如摩尼珠投之濁水水即為清。大乘經典亦復如是。

復次善男子。譬如蓮華為日所照無不開敷。一切衆生亦復如是。若得見聞大涅槃日。未發心者皆悉發心為菩提因。是故我說大涅槃光所入毛孔必為妙因。彼一闍提雖有佛性而為無量罪垢所纏。不能得出如蠶處繭。以是業緣不能生於菩提妙因。流轉生死無有窮已。

復次，善男子。如優鉢羅華，鉢頭摩華，拘物頭華，分陀利華，生於淤泥，而終不為淤泥所汙。若有衆生修大涅槃微妙經典亦復如是，雖有煩惱，終不為彼煩惱所汙。何以故。以知如來性，相，力故。

善男子。譬如有國多清冷風。若觸衆生身諸毛孔能除一切鬱蒸之惱。此大乘典大涅槃經亦復如是。遍入一切衆生毛孔為作菩提微妙因緣。除一闍提。何以故非法器故。

復次善男子。譬如良醫解八種藥滅一切病唯除必死。一切契經禪定三昧亦復如是。能治一切貪恚愚癡諸煩惱病。能拔煩惱毒刺等箭。而不能治犯四重禁五無間罪。

善男子。復有良醫過八種術能除衆生所有病

tịnh. Như ma ni châu đầu chi trực thủy, thủy tức vi thanh. Đại thừa kinh điển diệt phục như thị.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như liên hoa vi nhật sở chiếu vô bất khai phu. Nhất thiết chúng sanh diệt phục như thị, nhược đắc kiến văn Đại Niết-bàn nhật vị phát tâm giả giai tất phát tâm vi Bồ-đề nhân. Thị cố ngã thuyết Đại Niết-bàn quang, sở nhập mao khổng tất vi diệu nhân. Bỉ Nhất-xiển-đề tuy hữu Phật tánh, nhi vị vô lượng tội cấu sở triền, bất năng đắc xuất như tầm xử kiến. Dĩ thị nghiệp duyên bất năng sanh ư Bồ-đề diệu nhân, lưu chuyển sanh tử vô hữu cùng dĩ.

Phục thứ, thiện nam tử! Như ưu-bát-la hoa, bát-đầu-ma hoa, câu-vật-đầu hoa, phân-đà-ly hoa sanh ư ứ nê, nhi chung bất vi ứ nê sở ô. Nhược hữu chúng sanh tu Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển diệt phục như thị, tuy hữu phiền não, chung bất vi bỉ phiền não sở ô. Hà dĩ cố? Dĩ tri Như Lai tánh, tướng, lực cố.

Thiện nam tử! Thí như hữu quốc đa thanh lãnh phong. Nhược xúc chúng sanh thân chư mao khổng, năng trừ nhất thiết uất chùng chi não. Thủ Đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh diệt phục như thị biến nhập nhất thiết chúng sanh mao khổng, vị tác Bồ-đề vi diệu nhân duyên trừ nhất-xiển-đề. Hà dĩ cố? Phi pháp khí cố.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như lương y giải bát chủng dược, diệt nhất thiết bệnh duy trừ tất tử. Nhất thiết kế kinh, thiên định Tam-muội diệt phục như thị, năng trị nhất thiết tham, nhuế, ngu si, chư phiền não bệnh, năng bạt phiền não độc thích đẳng tiễn, nhi bất năng trị phạm tứ trọng cấm, ngũ vô gián tội.

Thiện nam tử! Phục hữu lương y quá bát chủng thuật, năng trừ chúng sanh sở hữu bệnh khổ, duy bất năng trị tất tử

苦。唯不能治必死之病。是大涅槃大乘經典亦復如是。能除衆生一切煩惱。安住如來清淨妙因。未發心者令得發心。唯除必死一闡提輩。

復次善男子。譬如良醫能以妙藥治諸盲人。令見日月星宿諸明一切色像。唯不能治生盲之人。是大乘典大涅槃經亦復如是。能爲聲聞緣覺之人開發慧眼。令其安住無量無邊大乘經典。未發心者謂犯四禁五無間罪悉能令發菩提之心。唯除生盲一闡提輩。

復次善男子。譬如良醫善解八術爲治衆生一切病苦。與種種方吐下諸藥。及以塗身薰藥灌鼻散藥丸藥。若貧愚人不欲服之。良醫愍念即將是人還其舍宅彊與令服。以藥力故所患得除。女人產時兒衣不出與之令服服已即出。并令嬰兒安樂無患。是大乘典大涅槃經亦復如是。所至之處若至舍宅能除衆生無量煩惱。犯四重禁五無間罪未發心者悉令發心，除一闡提。

迦葉菩薩白佛言。世尊。犯四重禁及五無間名極重惡。譬如斷截多羅樹頭更不復生。是等未發菩提之心云何能與作菩提因。

chi bệnh. Thị Đại Niết-bàn Đại thừa kinh điển diệc phục như thị năng trừ chúng sanh nhất thiết phiền não, an trụ Như Lai thanh tịnh diệu nhân. Vị phát tâm giả linh đắc phát tâm duy trừ tất tử: nhất-xiển-đề bối.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như lương y năng dĩ diệu dược trị chư manh nhân, linh kiến nhật nguyệt, tinh tú chư minh nhất thiết sắc tượng, duy bất năng trị sanh manh chi nhân. Thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh diệc phục như thị năng vị Thanh văn, Duyên giác chi nhân, khai phát huệ nhân linh kỳ an trụ vô lượng vô biên Đại thừa kinh điển. Vị phát tâm giả, vị phạm tứ cấm, ngũ vô gián tội, tất năng linh phát Bồ-đề chi tâm, duy trừ sanh manh: nhất-xiển-đề bối.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như lương y thiện giải bát thuật, vị trị chúng sanh nhất thiết bệnh khổ, dĩ chủng chủng phương thổ hạ chư dược cập dĩ đồ thân, huân dược quán tỳ, tán dược, hoàn dược. Nhược bản ngu nhân bất dục phục chi, lương y mẫn niệm tức tương thị nhân hoàn kỳ xá trạch, cưỡng dĩ linh phục. Dĩ dược lực cố sở hoạn đắc trừ. Nữ nhân sản thời nhi y bất xuất dĩ chi linh phục. Phục dĩ tức xuất tinh linh anh nhi an lạc vô hoạn. Thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh diệc phục như thị sở chí chi xứ, nhược chí xá trạch năng trừ chúng sanh vô lượng phiền não. Phạm tứ trọng cấm, ngũ vô gián tội vị phát tâm giả, tất linh phát tâm, trừ nhất-xiển-đề.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phạm tứ trọng cấm cập ngũ vô gián danh cực trọng ác, thí như đoạn tiết đa-la thọ đầu cánh bất phục sanh. Thị đẳng vị phát Bồ-đề chi tâm, vân hà năng dĩ tác Bồ-đề nhân?

佛言善男子。是諸衆生若於夢中夢墮地獄。受諸苦惱即生悔心哀哉我等自招此罪。若我今得脫是罪者必定當發菩提之心。我今所見最是極惡。從是寤已即知正法有大果報。

如彼嬰兒漸漸長大。常作是念是醫最良善解方藥。我本處胎與我母藥。母以藥故身得安隱。以是因緣我命得全。奇哉我母受大苦惱。滿足十月懷抱我胎。既生之後推乾去濕。除去不淨大小便利。乳哺長養將護我身。以是義故我當報恩。色養侍衛隨順供養。犯四重禁及無間罪臨命終時念是大乘大涅槃經。雖墮地獄畜生餓鬼天上人中。如是經典亦爲是人作菩提因。除一闍提。

復次善男子。譬如良醫及良醫子。所知深奧出過諸醫。善知除毒無上呪術。若惡毒蛇若龍若蝮以諸呪術呪藥令良。復以此藥用塗革屣。以此革屣觸諸毒蟲毒爲之消。唯除一毒名曰大龍。是大乘典大涅槃經亦復如是。若有衆生犯四重禁五無間罪。悉能消滅令住菩提。如藥革屣能消衆毒。未發心者悉令發心安止住於菩提之道。是彼大乘大涅槃經威神藥故。令諸衆生生於安樂。唯除大龍一闍提輩。

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị chư chúng sanh nhược ư mộng trung, mộng dọa địa ngục thọ chư khổ não, tức sanh hối tâm “Ai tai ngã đấng! Tự chiêu thủ tội. Nhược ngã kim đắc thoát thị tội giả tất định đương phát Bồ-đề chi tâm. Ngã kim sở kiến tối thị cực ác!” Tùng thị ngộ dĩ tức tri chánh pháp hữu đại quả báo.

Như bỉ anh nhi tiêm tiêm trưởng đại thường tác thị niệm: “Thị y tối lương thiện giải phương dược. Ngã bổn xử thai dữ ngã mẫu dược. Mẫu dĩ dược cố thân đắc an ổn. Dĩ thị nhân duyên ngã mạng đắc toàn. Kỳ tai ngã mẫu! Thọ đại khổ não mãn tức thập nguyệt hoài bảo ngã thai. Ký sanh chi hậu thôi càn khứ thấp, trừ khử bất tịnh đại tiểu tiện lợi, nhũ bộ trưởng dưỡng tương hộ ngã thân. Dĩ thị nghĩa cố ngã đương báo ân: sắc dưỡng thị vệ tùy thuận cúng dường.” Phạm tứ trọng cấm cập vô gián tội, lâm mạng chung thời niệm thị Đại thừa Đại Niết-bàn kinh, tuy dọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thiên thượng, nhân trung, như thị kinh điển diệt vị thị nhân tác Bồ-đề nhân trừ nhất-xiển-đề.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như lương y cập lương y tử sở tri thâm áo, xuất quá chư y thiện tri trừ độc vô thượng chú thuật. Nhược ác độc xà, nhược long, nhược phúc dĩ chư chú thuật, chú dược linh lương. Phục dĩ thủ dược dụng đồ cách tử, dĩ thủ cách tử xúc chư độc trùng độc vi chi tiêu, duy trừ nhất độc danh viết đại long. Thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh diệt phục như thị. Nhược hữu chúng sanh phạm tứ trọng cấm, ngũ vô gián tội tất năng tiêu diệt, linh trụ Bồ-đề như dược cách tử năng tiêu chúng độc. Vị phát tâm giả tất linh phát tâm, an chỉ trụ ư Bồ-đề chi đạo. Thị bỉ Đại thừa Đại Niết-bàn kinh oai thần dược cố linh chư chúng sanh, sanh ư an lạc duy trừ đại long: nhất-xiển-đề bối.

復次善男子。譬如有人以雜毒藥用塗大鼓。於大眾中擊之發聲。雖無心欲聞聞之皆死。唯除一人不橫死者。是大乘典大涅槃經亦復如是。在在處處諸行衆中有聞聲者。所有貪欲瞋恚愚癡悉皆滅盡。其中雖有無心思念。是大涅槃因緣力故能滅煩惱而結自滅。犯四重禁及五無間聞是經已。亦作無上菩提因緣漸斷煩惱。除不橫死一闍提也。

復次善男子。譬如闇夜諸所營作一切皆息若未訖者要待日明。學大乘者雖修契經一切諸定。要待大乘大涅槃日。聞於如來微密之教。然後乃能造菩提業安住正法。猶如天雨潤益增長一切諸種成就果實。悉除饑饉多受豐樂。如來秘藏無量法雨亦復如是。悉能除滅八種熱病。是經出世如彼果實多所利益安樂一切。能令衆生見於佛性。如法華中八千聲聞得受記莚成大果實。如秋收冬藏更無所作。一闍提輩亦復如是於諸善法無所營作。

復次善男子。譬如良醫聞他人子非人所持。尋以妙藥并遣一使勅語使言。卿持此藥速與彼人。彼人若遇諸惡鬼神以藥力故悉當遠去。卿若遲晚吾當自往終不令彼枉橫死也。若彼病人得見使者及吾威德。諸苦當除得安隱樂。是大乘典大涅槃經亦復如

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như hữu nhân dĩ tạp độc dược, dụng đồ đại cổ, ư chúng nhân trung kích chi phát thanh. Tuy vô tâm dục văn, văn chi giai tử, duy trừ nhất nhân bất hoạnh tử giả. Thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh diệc phục như thị. Tại tại xứ xứ chư hàng chúng trung, hữu văn thanh giả sở hữu tham dục, sân khuể, ngu si tất giai diệt tận. Kỳ trung tuy hữu vô tâm tư niệm thị Đại Niết-bàn nhân duyên lực cố, năng diệt phiền não nhi kết tự diệt. Phạm tứ trọng cấm cập ngũ vô gián, văn thị kinh dĩ diệc tác vô thượng Bồ-đề nhân duyên, tiệm đoạn phiền não, trừ bất hoạnh tử nhất-xiển-đề dã.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như ám dạ chư sở dinh tác nhất thiết giai tức. Nhược vị ngật giả yếu dĩ nhật minh. Học Đại thừa giả tuy tu kế kinh nhất thiết chư định yếu dĩ Đại thừa Đại Niết-bàn nhật, văn ư Như Lai vi mật chi giáo, nhiên hậu nãi năng tạo Bồ-đề nghiệp an trụ chánh pháp. Do như thiên vũ nhuận ích tăng trưởng nhất thiết chư chủng, thành tựu quả thật tất trừ cơ căn đa thọ phong lạc. Như Lai bí tạng vô lượng pháp vũ diệc phục như thị tất năng trừ diệt bất chủng nhiệt bệnh. Thị kinh xuất thế như bỉ quả thật đa sở lợi ích an lạc nhất thiết, năng linh chúng sanh kiến ư Phật tánh, như Pháp Hoa trung bát thiên Thanh văn đắc thọ ký biệt thành đại quả thật. Như thu thu đông tàng, cánh vô sở tác. Nhất-xiển-đề bối diệc phục như thị ư chư thiện pháp vô sở dinh tác.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như lương y văn tha nhân tử phi nhân sở trì tâm dĩ diệu dược, tinh khiển nhất sứ sắc ngũ sứ ngôn: “Khanh trì thủ dược tốc dĩ bỉ nhân. Bỉ nhân nhược ngộ chư ác quỷ thần dĩ dược lực cố tất đương viễn khứ. Khanh nhược trì văn ngô đương tự vãng, chung bất linh bỉ uổng hoạnh tử dã. Nhược bỉ bệnh nhân đắc kiến sứ giả cập ngô oai đức, chư khổ đương trừ đắc an ổn lạc.” Thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh diệc phục như thị. Nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo



是。若比丘比丘尼優婆塞優婆夷及諸外道。有能受持如是經典。讀誦通利。復為他人分別廣說若自書寫令他書寫。斯等皆為菩提因緣。若犯四禁及五逆罪。若為邪鬼毒惡所持。聞是經典所有諸惡悉皆消滅。如見良醫惡鬼遠去。當知是人真菩薩摩訶薩也。何以故。暫得聞是大涅槃故亦以生念如來常故。暫得聞者尚得如是。何況書寫受持讀誦。除一闍提其餘皆是菩薩摩訶薩。

復次善男子。譬如聾人不聞音聲。一闍提輩亦復如是。雖復欲聽是妙經典而不得聞。所以者何。聾因緣故。

復次善男子。譬如良醫一切醫方無不通達。兼復廣知無量呪術。是醫見王作如是言。大王今者有必死病。其王答言。卿不見我腹內之事。云何而言有必死病。醫即答言。若不見信應服下藥。既下之後王自驗之。王不肯服。爾時良醫以呪術力令王糞門徧生瘡疤。兼復臍下蟲血雜出。王見是已生大怖懼。讚彼良醫善哉善哉。卿先所白吾不用之。今乃知卿於吾此身作大利益。恭敬是醫猶如父母。是大乘典大涅槃經亦復如是。於諸衆生有欲無欲悉能令彼煩惱崩落。是諸衆生乃至夢中夢見是經恭敬供養。喻如大王恭敬良醫。是大良醫知必死者終不治之。是大乘典大涅槃經亦復如是。終不能治一闍提輩。

Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cập chư ngoại đạo hữu năng thọ trì như thị kinh điển, đọc tụng thông lợi phục vị tha nhân phân biệt quảng thuyết, nhược tự thọ tả linh tha thọ tả, tư đẳng giai vi Bồ-đề nhân duyên. Nhược phạm tứ cấm cập ngũ nghịch tội, nhược vi tà quỷ độc ác sở trì, văn thị kinh điển sở hữu chư ác tất giai tiêu diệt, như kiến lương y ác quỷ viễn khứ. Đương tri thị nhân thị chân Bồ Tát ma-ha-tát dã. Hà dĩ cố? Tạm đắc văn thị Đại Niết-bàn cố diệt dĩ sanh niệm Như Lai thường cố. Tạm đắc văn giả, thượng đắc như thị hà hưởng thọ tả, thọ trì, đọc tụng? Trừ nhất-xiển-đề kỳ dư giai thị Bồ Tát ma-ha-tát.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như lung nhân bất văn âm thanh. Nhất-xiển-đề bối diệt phục như thị, tuy phục dục thính thị diệu kinh điển nhi bất đắc văn. Sở dĩ giả hà? Lung nhân duyên cố.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như lương y nhất thiết y phương vô bất thông đạt, kiêm phục quảng tri vô lượng chú thuật. Thị y kiến vương tác như thị ngôn: “Đại vương kim giả hữu tất tử bệnh.” Kỳ vương đáp ngôn: “Khanh bất kiến ngã phúc nội chi sự vân hà nhi ngôn hữu tất tử bệnh?” Y tức đáp ngôn: “Nhược bất kiến tín ưng phục hạ dược. Kỳ hạ chi hậu vương tự nghiệm chi.” Vương bất khảng phục. Nhĩ thời lương y dĩ chú thuật lực, linh vương phẩn môn biến sanh sang pháo, kiêm phục đái hạ trùng huyết tạp xuất. Vương kiến thị dĩ sanh đại bố cụ tán bỉ lương y: “Thiện tai, thiện tai! Khanh tiên sở bạch ngô bất dụng chi. Kim nãi tri khanh ư ngô thủ thân tác đại lợi ích.” Cung kính thị y do như phụ mẫu. Thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh diệt phục như thị, ư chư chúng sanh hữu dục, vô dục tất năng linh bỉ phiến não băng lạc. Thị chư chúng sanh nãi chí mộng trung, mộng kiến thị kinh, cung kính cúng dường, dụ như đại vương cung kính lương y. Thị đại lương y tri tất tử giả chung bất trị chi. Thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh diệt phục như thị chung bất năng trị nhất-xiển-đề bối.

復次善男子。譬如良醫善知八種悉能療治一切諸病。唯不能治必死之人。諸佛菩薩亦復如是悉能療救一切有罪。唯不能治必死之人一闍提輩。

復次善男子。譬如良醫善知八種微妙經術。復能博達過於八種。以己所知先教其子。若水若陸山間藥草悉令識知。如是漸漸教八事已。次復教餘最上妙術。如來應正徧知亦復如是。先教其子諸比丘等方便除滅一切煩惱。修學淨身不堅固想。謂水陸山間。水者，喻身受苦如水上泡。陸者，喻身不堅如芭蕉樹。其山間者，喻煩惱中修無我想。以是義故身名無我。如來如是於諸弟子漸漸教學九部經法令善通利。然後教學如來秘藏。為其子故說如來常。如來如是說大乘典大涅槃經。為諸衆生已發心者及未發心作菩提因。除一闍提。

如是善男子。是大乘典大涅槃經無量無數不可思議未曾有也。當知即是無上良醫。最尊最勝衆經中王。

復次善男子。譬如大船從海此岸至於彼岸。復從彼岸還至此岸。如來應正徧知亦復如是。乘大涅槃大乘寶船。周旋往返濟渡衆生。在在處處有應度

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như lương y thiện tri bát chủng tất năng liệu trị nhất thiết chư bệnh duy bất năng trị tất tử chi nhân. Chư Phật Bồ Tát diệc phục như thị, tất năng liệu cứu nhất thiết hữu tội, duy bất năng trị tất tử chi nhân: nhất-xiển-đề bối.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như lương y thiện tri bát chủng vi diệu kinh thuật phục năng bác đạt quá ư bát chủng. Dĩ kỹ sở tri tiên giáo kỳ tử, nhược thủy nhược lục sơn gian dược thảo tất linh thức tri. Như thị tiệm tiệm giáo bát sự dĩ, thứ phục giáo dư tối thượng diệu thuật. Như Lai, Ứng Chánh Biến Tri diệc phục như thị tiên giáo kỳ tử chư tỳ-kheo đẳng phương tiện trừ diệt nhất thiết phiền não, tu học tịnh thân bất kiên cố tưởng, vị thủy, lục, sơn gian. Thủy giả, dụ thân thọ khổ như thủy thượng bào. Lục giả, dụ thân bất kiên như ba tiêu thọ. Kỳ sơn gian giả, dụ phiền não trung tu vô ngã tưởng. Dĩ thị nghĩa cố thân danh vô ngã. Như Lai như thị ư chư đệ tử tiệm tiệm giáo học cửu bộ kinh pháp linh thiện thông lợi, nhiên hậu giáo học Như Lai bí tạng. Vị kỳ tử cố thuyết Như Lai thường. Như Lai như thị thuyết Đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh vị chư chúng sanh dĩ phát tâm giả cập vị phát tâm, tác Bồ-đề nhân trừ nhất-xiển-đề.

Như thị Thiện nam tử! Thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh vô lượng vô số, bất khả tư nghị vị tăng hữu dã. Đương tri túc thị vô thượng lương y, tối tôn tối thắng chúng kinh trung vương.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như đại thuyền tòng hải thử ngạn chí ư bỉ ngạn, phục tòng bỉ ngạn hoàn chí thử ngạn. Như Lai, Ứng, Chánh biến tri diệc phục như thị, thừa Đại Niết-bàn Đại thừa bảo thuyền châu triển vãng phản tế độ chúng sanh. Tại tại xứ xứ hữu ứng độ giả tất linh đắc kiến Như Lai chi thân. Dĩ thị nghĩa cố Như Lai danh viết vô thượng thuyền

者。悉令得見如來之身。以是義故如來名曰無上船師。譬如有船則有船師。以有船師則有衆生渡於大海。如來常住化度衆生亦復如是。

復次善男子。譬如有人在大海中乘船欲渡。若得順風須臾之間。則能得過無量由旬。若不得者雖復久住經無量歲不離本處。有時船壞沒水而死。衆生如是在於愚癡生死大海乘諸行船。若得值遇大般涅槃猛利之風。則能疾到無上道岸。若不值遇當久流轉無量生死。或時破壞墮於地獄畜生餓鬼。

復次善男子。譬如有人不遇風王久住大海。作是思惟我等今者必在此死。如是念時忽遇利風隨順渡海。復作是言快哉是風未曾有也。令我等輩安隱得過大海之難。衆生如是久處愚癡生死大海困苦窮悴。未遇如是大涅槃風。則應生念我等必定墮於地獄畜生餓鬼。是諸衆生思惟是時忽遇大乘大涅槃風。隨順吹向入於阿耨多羅三藐三菩提。方知真實生奇特想歎言快哉。我從昔來未曾見聞如是如來微密之藏。爾乃於是大涅槃經生清淨信。

復次善男子。如蛇蛻皮爲死滅耶。

不也世尊。

sư. Thí như hữu thuyền tác hữu thuyền sư. Dĩ hữu thuyền sư tác hữu chúng sanh độ ư đại hải. Như Lai thường trụ hoá độ chúng sanh diệt phục như thị.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như hữu nhân tại đại hải trung thừa thuyền dục độ. Nhược đắc thuận phong tu du chi gian tác năng đắc quá vô lượng do-tuần. Nhược bất đắc giả tuy phục cứu trụ kinh vô lượng tuế bất ly bản xứ. Hữu thời thuyền hoại một thủy nhi tử. Chúng sanh như thị tại ư ngu si sanh tử đại hải thừa chư hành thuyền. Nhược đắc trị ngộ Đại Bát Niết-bàn mãnh lợi chi phong tác năng tạt đảo vô thượng đạo ngạn. Nhược bất trị ngộ đương cứu lưu chuyển vô lượng sanh tử. Hoặc thời phá hoại đọa ư địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như hữu nhân bất ngộ phong vương cứu trụ đại hải, tác thị tư duy: “Ngã đẳng kim giả tạt tại thủy tử.” Như thị niệm thời hốt ngộ lợi phong tùy thuận độ hải. Phục tác thị ngôn: “Khoái tai thị phong! Vị tầng hữu giả! Linh ngã đẳng bối an ổn đắc quá đại hải chi nạn.” Chúng sanh như thị, cứu xử ngu si sanh tử đại hải khốn khổ cùng tụy. Vị ngộ như thị Đại Niết-bàn phong, tác ưng sanh niệm: “Ngã đẳng tạt định đọa ư địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.” Thị chư chúng sanh tư duy thị thời, hốt ngộ Đại thừa Đại Niết-bàn phong tùy thuận xuy hướng, nhập ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, phương tri chân thật sanh kỳ đặc tướng, thán ngôn: “Khoái tai! Ngã từng tích lai vị tầng kiến văn như thị Như Lai vi mật chi tạng.” Nhĩ nãi ư thị Đại Niết-bàn kinh sanh thanh tịnh tín.

Phục thứ, thiện nam tử! Như xà thuế bì vi tử diệt da?

Phát dã Thế Tôn!

善男子。如來亦爾方便示現棄捨毒身。可言如來無常滅耶。

不也世尊。

如來於此閻浮提中方便捨身。如彼毒蛇捨於故皮。是故如來名為常住。

復次善男子。譬如金師得好真金隨意造作種種諸器。如來亦爾於二十五有悉能示現種種色身。為化衆生拔生死故。是故如來名無邊身。雖復示現種種諸身亦名常住無有變易。

復次善男子。如菴羅樹及閻浮樹一年三變。有時生華光色敷榮。有時生葉滋茂蒼鬱。有時凋落狀似枯死。

善男子。於意云何是樹實為枯滅不耶。

不也世尊。

善男子。如來亦爾於三界中示三種身。有時初生有時長大有時涅槃。而如來身實非無常。

迦葉菩薩讚言。善哉。誠如聖教，如來常住無有變易。

善男子。如來密語甚深難解。譬如大王告諸群臣先陀婆來。先陀婆者一名四寶。一者鹽。二者器。三者水。四者馬。如是四法皆同此名。有智之臣善知此名。若王洗時索先陀婆即便奉水。若王食

Thiện nam tử! Như Lai diệt nhĩ, phương tiện thị hiện khí xả độc thân. Khả ngôn Như Lai vô thường diệt da?

Phát dā Thế Tôn!

Như Lai ư thử Diêm-phù-đê trung phương tiện xả thân như bỉ độc xà xả ư cố bì. Thị cố Như Lai danh vi thường trụ.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như kim sư đắc hảo chân kim, tùy ý tạo tác chủng chủng chư khí. Như Lai diệt nhĩ, ư nhị thập ngũ hữu tất năng thị hiện chủng chủng sắc thân, vị hoá chúng sanh bạt sanh tử cố. Thị cố Như Lai danh vô biên thân. Tuy phục thị hiện chủng chủng chư thân, diệt danh thường trụ vô hữu biến dị.

Phục thứ, thiện nam tử! Như am-la thọ cập diêm-phù thọ nhất niên tam biến: hữu thời sanh hoa quang sắc phu vinh, hữu thời sanh diệp tứ mậu ổng uất, hữu thời điêu lạc trạng tự khô tử.

Thiện nam tử! Ư ý vân hà? Thị thọ thật vi khô diệt phủ da?

Phát dā, Thế Tôn!

Thiện nam tử! Như Lai diệt nhĩ, ư tam giới trung thị tam chủng thân: hữu thời sơ sanh, hữu thời trưởng đại, hữu thời Niết-bàn. Nhi Như Lai thân thật phi vô thường.

Ca-diếp Bồ Tát tán ngôn: Thiện tai! Thành như thánh giáo, Như Lai thường trụ vô hữu biến dị.

Thiện nam tử! Như Lai mật ngữ thậm thâm nan giải. Thí như đại vương cáo chư quần thần: “Tiên-đà-bà lai.” Tiên-đà-bà giả nhất danh tứ thật: nhất giả diêm, nhị giả khí, tam giả thủy, tứ giả mã. Như thị tứ pháp giai đồng thử danh. Hữu trí chi thân thiện tri thử danh. Nhược vương tẩy thời sách tiên-đà-bà tức tiện phụng thủy. Nhược vương thực thời sách tiên-

時索先陀婆即便奉鹽。若王食已將欲飲漿索先陀婆即便奉器。若王欲遊索先陀婆即便奉馬。如是智臣善解大王四種密語。

是大乘經亦復如是有四無常。大乘智臣應當善知。若佛出世為衆生說如來涅槃。智臣當知此是如來為計常者說無常想。欲令比丘修無常想。

或復說言正法當滅。智臣應知此是如來為計樂者說於苦想。欲令比丘多修苦想。

或復說言我今病苦衆僧破壞。智臣當知此是如來為計我者說無我想。欲令比丘修無我想。

或復說言所謂空者是正解脫。智臣當知此是如來說正解脫無二十五有。欲令比丘修學空想。以是義故。是正解脫則名為空亦名不動。謂不動者是解脫中無有苦故是故不動。是正解脫為無有相。謂無相者無有色聲香味觸等故名無相。是正解脫常不變易。是解脫中無有無常熱惱變易。是故解脫名曰常住不變清涼。

或復說言一切衆生有如來性。智臣當知此是如來說於常法欲令比丘修正常法。是諸比丘若能如是隨順學者。當知是人真我弟子善知如來微密之藏。如彼大王智慧之臣善知王意。

đà-bà tức tiện phụng diêm. Nhược vương thực dĩ tương dục ẩm tương sách tiên-đà-bà tức tiện phụng khí. Nhược vương dục du, sách tiên-đà-bà tức tiện phụng mã. Như thị trí thần thiện giải đại vương tứ chủng mật ngữ.

Thị Đại thừa kinh diệc phục như thị, hữu tứ vô thường. Đại thừa trí thần ưng đương thiện tri. Nhược Phật xuất thế vị chúng sanh thuyết Như Lai Niết-bàn. Trí thần đương tri thử thị Như Lai vị kế thường giả, thuyết vô thường tướng dục linh tỳ-kheo tu vô thường tướng.

Hoặc phục thuyết ngôn: chánh pháp đương diệt. Trí thần đương tri thử thị Như Lai, vị kế lạc giả thuyết ưu khổ tướng dục linh tỳ-kheo đa tu khổ tướng.

Hoặc phục thuyết ngôn: Ngã kim bệnh khổ chúng tăng phá hoại. Trí thần đương tri thử thị Như Lai vị kế ngã giả, thuyết vô ngã tướng dục linh tỳ-kheo tu vô ngã tướng.

Hoặc phục thuyết ngôn: Sở vị không giả thị chánh giải thoát. Trí thần đương tri thử thị Như Lai thuyết chánh giải thoát, vô nhị thập ngũ hữu dục linh tỳ-kheo tu học không tướng. Dĩ thị nghĩa cố thị chánh giải thoát tặc danh vi không, diệc danh bất động. Vị bất động giả thị giải thoát trung vô hữu khổ cố. Thị cố bất động thị chánh giải thoát vi vô hữu tướng. Vị vô tướng giả vô hữu sắc, thanh, hương, vị, xúc, đẳng. Cố danh vô tướng. Thị chánh giải thoát thường bất biến dị. Thị giải thoát trung vô hữu vô thường, nhiệt não, biến dị. Thị cố giải thoát danh viết thường trụ, bất biến, thanh lương.

Hoặc phục thuyết ngôn: nhất thiết chúng sanh hữu Như Lai tánh. Trí thần đương tri thử thị Như Lai thuyết ưu thường pháp, dục linh tỳ-kheo tu chánh thường pháp. Thị chư tỳ-kheo nhược năng như thị tùy thuận học giả, đương tri thị nhân chân ngã đệ tử, thiện tri Như Lai vi mật chi tạng, như bỉ đại vương trí huệ chi thần thiện tri vương ý.

善男子。如是大王亦有如是密語之法。何況如來而當無也。善男子。是故如來微密之教難可得知。唯有智者乃能解我甚深佛法。非是世間凡夫品類所能信也。

復次善男子。如波羅奢樹迦尼迦樹阿叔迦樹。值天亢旱不生華實。及餘水陸所生之物。皆悉枯悴無有潤澤不能增長。一切諸藥無復勢力。

善男子。是大乘典大涅槃經亦復如是。於我滅後有諸衆生不能恭敬無有威德。何以故。是諸衆生不知如來微密藏故。所以者何。以是衆生薄福德故。

復次善男子。如來正法將欲滅盡。爾時多有行惡比丘。不知如來微密之藏。懶惰懈怠不能讀誦宣揚分別如來正法。譬如癡賊棄捨真寶擔負草藪。不解如來微密藏故。於是經中懈怠不勤。哀哉大險當來之世甚可怖畏。苦哉衆生不勤聽受是大乘典大涅槃經。唯諸菩薩摩訶薩等能於是經取真實義。不著文字隨順不逆爲衆生說。

復次善男子。如牧牛女爲欲賣乳。貪多利故加二分水。轉賣與餘牧牛女人。彼女得已復加二分。轉復賣與近城女人。彼女得已復加二分。轉復賣與城中女人。彼女得已復加二分詣市賣之。時有一人爲子納婦。當須好乳以贍賓客。至市欲買是賣乳者

Thiện nam tử! Như thị đại vương diệc hữu như thị mật ngữ chi pháp, hà huống Như Lai nhi đương vô dã? Thiện nam tử! Thị cố Như Lai vi mật chi giáo nan khả đắc tri. Duy hữu trí giả nãi năng giải ngã thậm thâm Phật pháp, phi thị thế gian phàm phu phẩm loại sở năng tín dã.

Phục thứ, thiện nam tử! Như ba-la-xa thọ, ca-ni-ca thọ, a-thúc-ca thọ trị thiên cang hạn bất sanh hoa thật. Cập dư thủy lục sở sanh chi vật, giai tất khô tuy vô hữu nhuận trạch bất năng tăng trưởng. Nhất thiết chư dược vô phục thể lực.

Thiện nam tử! Thị đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh diệc phục như thị. Ư ngã diệt hậu hữu chư chúng sanh bất năng cung kính vô hữu oai đức. Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh bất tri Như Lai vi mật tạng cố. Sở dĩ giả hà? Dĩ thị chúng sanh bạc phước đức cố.

Phục thứ, thiện nam tử! Như Lai chánh pháp tương dục diệt tận, nhĩ thời đa hữu hành ác tỳ-kheo bất tri Như Lai vi mật chi tạng, lại nọa giải đãi, bất năng độc tụng, tuyên dương, phân biệt Như Lai chánh pháp. Thí như si tặc, khí xả chân bảo đảm phụ thảo dục! Bất giải Như Lai vi mật tạng cố, ư thị kinh trung giải đãi bất cần. Ai tai đại hiểm! Đương lai chi thế thậm khả bố úy! Khổ tai chúng sanh! Bất cần thính thọ thị đại thừa điển đại Niết-bàn kinh. Duy chư Bồ Tát ma-ha-tát đẳng năng ư thị kinh thủ chân thật nghĩa, bất trước văn tự tùy thuận bất nghịch vị chúng sanh thuyết.

Phục thứ, thiện nam tử! Như mục ngư nữ vị dục mại nhũ, tham đa lợi cố gia nhị phần thủy, chuyển mại dĩ dư mục ngư nữ nhân. Bĩ nữ đắc dĩ phục gia nhị phần chuyển phục mại dĩ cận thành nữ nhân. Bĩ nữ đắc dĩ phục gia nhị phần chuyển phục mại dĩ thành trung nữ nhân. Bĩ nữ đắc dĩ phục gia nhị phần nghệ thị mại chi. Thời hữu nhất nhân vị tử nạp phụ đương tu hảo nhũ dĩ thiêm tân khách. Chí thị dục mại thị mại

多索價數。是人答言汝乳多水不直爾許。正值我今  
 瞻待賓客是故當取。取已還家煮用作麩都無乳味。  
 雖復無味於苦味中千倍為勝。何以故。乳之為味諸  
 味中最勝。

善男子。我涅槃後正法未滅餘八十年。爾時是  
 經於閻浮提當廣流布。是時當有諸惡比丘。抄掠是  
 經分作多分能滅正法色香美味。是諸惡人雖復誦讀  
 如是經典。滅除如來深密要義。安置世間莊嚴文飾  
 無義之語。抄前著後抄後著前。前後著中中著前  
 後。當知如是諸惡比丘是魔伴侶。受畜一切不淨之  
 物。而言如來悉聽我畜。如牧牛女多加水乳。諸惡  
 比丘亦復如是。雜以世語錯定是經。令多衆生不得  
 正說正寫正取尊重讚歎供養恭敬。是惡比丘為利養  
 故。不能廣宣流布是經。所可分流少不足言。

如彼牧牛貧窮女人展轉賣乳。乃至成麩而無乳  
 味。是大乘典大涅槃經亦復如是。展轉薄淡無有氣  
 味。雖無氣味猶勝餘經足一千倍。如彼乳味於諸苦味  
 為千倍勝。何以故。是大乘典大涅槃經於聲聞經最為  
 上首。喻如牛乳味中最勝。以是義故名大涅槃。

復次善男子。若善男子善女人等。無有不求男  
 子身者。何以故。一切女人皆是衆惡之所住處。

nhũ giả đa sách giá số. Thị nhân đáp ngôn: “Nhũ nhũ đa thủy  
 bất trực nhĩ hứa. Chánh trị ngã kim thiêm đãi tân khách, thị  
 cố đương thủ.” Thủ dĩ, hoàn gia, chủ dụng tác my đô vô nhũ  
 vị. Tuy phục vô vị ư khổ vị trung thiên bội vi thắng. Hà dĩ cố?  
 Nhũ chi vi vị chư vị trung tối thắng.

Thiện nam tử! Ngã Niết-bàn hậu chánh pháp vị diệt dư  
 bát thập niên, nhĩ thời thị kinh ư Diêm-phù-đề đương quảng  
 lưu bố. Thị thời đương hữu chư ác tỳ-kheo sao lược thị kinh  
 phân tác đa phần, năng diệt chánh pháp sắc hương mỹ vị. Thị  
 chư ác nhân tuy phục độc tụng như thị kinh điển diệt trừ Như  
 Lai thâm mật yếu nghĩa, an trí thế gian trang nghiêm văn súc  
 vô nghĩa chi ngữ. Sao tiền trước hậu, sao hậu trước tiền, tiền  
 hậu trước trung, trung trước tiền hậu. Đương tri như thị chư  
 ác tỳ-kheo thị ma bạn lữ, thọ súc nhất thiết bất tịnh chi vật,  
 nhi ngôn: “Như Lai tất thính ngã súc.” Như mục ngư nữ gia  
 đa thủy nhũ chư ác tỳ-kheo diệt phục như thị, tạp dĩ thế ngữ  
 thác định thị kinh, linh đa chúng sanh bất đắc chánh thuyết,  
 chánh tả, chánh thủ, tôn trọng, tán thán, cúng dường, cung  
 kính. Thị ác tỳ-kheo vị lợi dưỡng cố bất năng quảng tuyên lưu  
 bố thị kinh. Sở khả phân lưu thiếu bất túc ngôn.

Như bỉ mục ngư bản cùng nữ nhân, triển chuyển mại nhũ  
 nãi chí thành my nhi vô nhũ vị. Thị đại thừa điển Đại Niết-  
 bàn kinh diệt phục như thị, triển chuyển bạc đạm vô hữu khí  
 vị. Tuy vô khí vị du thắng dư kinh túc nhất thiên bội. Như bỉ  
 nhũ vị ư chư khổ vị vi thiên bội thắng. Hà dĩ cố? Thị đại thừa  
 điển Đại Niết-bàn kinh ư Thanh văn kinh, tối vi thượng thủ,  
 dụ như ngư nữ vị trung tối thắng. Dĩ thị nghĩa cố danh Đại  
 Niết-bàn.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Thiện nam tử, thiện nữ  
 nhân đẳng vô hữu bất cầu nam tử thân giả. Hà dĩ cố? Nhất  
 thiết nữ nhân giai thị chúng ác chi sở trụ xứ.

復次善男子。如蚊子尿不能令此大地潤洽。其女人者姪欲難滿亦復如是。譬如大地一切作丸如葶藶子。如是等男與一女人共為慾事猶能不足。假使男子數如恆沙與一女人共為慾事猶不能足。

善男子。譬如大海一切天雨百川衆流皆悉投歸。而彼大海未曾滿足。女人之法亦復如是。假使一切悉為男者與一女人共為慾事而亦不足。

復次善男子。如阿叔迦樹波吒羅樹迦尼迦樹。春華開敷。有蜂啜取色香細味不知厭足。女人欲男亦復如是不知厭足。

善男子。以是義故。諸善男子善女人等聽是大乘大涅槃經。常應呵責女人之相求於男子。何以故。是大乘經典有丈夫相。所謂佛性。若人不知是佛性者則無男相。所以者何。不能自知有佛性故。若有不能知佛性者。我說是等名為女人。若能自知有佛性者。我說是人為丈夫相。若有女人能知自身定有佛性。當知是等即為男子。

善男子。是大乘典大涅槃經。無量無邊不可思議功德之聚。何以故。以說如來秘密藏故。是故善男子善女人。若欲速知如來秘藏。應當方便勤修此經。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如是如是。如佛所

Phục thứ, thiện nam tử! Như mân tử niệu bất năng linh thử đại địa nhuậu hiệp. Kỳ nữ nhân giả dâm dục nan mãn diệc phục như thị. Thí như đại địa nhất thiết tác hoàn như đing lịch tử. Như thị đảng nam dĩ nhất nữ nhân cộng vi dục sự du năng bất túc. Giả sử nam tử số như hằng sa dĩ nhất nữ nhân cộng vi dục sự du bất năng túc.

Thiện nam tử! Thí như đại hải nhất thiết thiên vũ bá xuyên chúng lưu giai tất đầu qui, nhi bỉ đại hải vị tăng mãn túc. Nữ nhân chi pháp diệc phục như thị. Giả sử nhất thiết tất vi nam giả dĩ nhất nữ nhân cộng vi dục sự nhi diệc bất túc.

Phục thứ, thiện nam tử! Như a-thúc-ca thọ, ba-trá-la thọ, ca-ni-ca thọ xuân hoa khai phu, hữu phong táp thủ sắc hương tế vị bất tri yếm túc. Nữ nhân dục nam diệc phục như thị bất tri yếm túc.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố chư thiện nam tử, thiện nữ nhân đảng thính thị Đại thừa Đại Niết-bàn kinh thường ưng ha trách nữ nhân chi tướng cầu ư nam tử. Hà dĩ cố? Thị đại thừa kinh điển hữu trượng phu tướng sở vị Phật tánh. Nhược nhân bất tri thị Phật tánh giả, tác vô nam tướng. Sở dĩ giả hà? Bất năng tự tri hữu Phật tánh cố. Nhược hữu bất năng tri Phật tánh giả, ngã thuyết thị đảng danh vi nữ nhân. Nhược năng tự tri hữu Phật tánh giả, ngã thuyết thị nhân vi trượng phu tướng. Nhược hữu nữ nhân năng tri tự thân định hữu Phật tánh, đương tri thị đảng túc vi nam tử.

Thiện nam tử! Thị đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh vô lượng, vô biên bất khả tư nghị công đức chi tụ. Hà dĩ cố? Dĩ thuyết Như Lai bí mật tạng cố. Thị cố thiện nam tử, thiện nữ nhân nhược dục tốc tri Như Lai bí tạng, ưng đương phương tiện cần tu thủ kinh.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thị, như thị! Như Phật sở thuyết ngã kim dĩ hữu trượng phu chi tướng,



說。我今已有丈夫之相。得入如來微密藏故。如來今日始覺悟我。因是即得決定通達。

佛言。善哉善哉。善男子。汝今隨順世間之法而作是說。

迦葉復言。我不隨順世間法也。

佛讚迦葉。善哉善哉。汝今所知無上法味甚深難知而能得知。如蜂採味。汝亦如是。

復次善男子。如蚊子尿不能令此大地霑洽。當來之世是經流布亦復如是。如彼蚊尿。正法欲滅。是經先當沒於此地。當知即是正法衰相。

復次善男子。譬如過夏初月名秋秋雨連霖。此大乘典大涅槃經亦復如是。為於南方諸菩薩故。當廣流布降霖法雨彌滿其處。正法欲滅當至罽賓具足無缺潛沒地中。或有信者或不信者。如是大乘方等經典甘露法味悉沒於地。是經沒已一切諸餘大乘經典皆悉滅沒。若得是經具足無缺人中象王。諸菩薩等當知如來無上正法將滅不久。

## 大般涅槃經卷第九

終

đắc nhập Như Lai vi mật tạng cố. Như Lai kim nhật thủy giác ngộ ngã, nhân thị tức đắc quyết định thông đạt.

Phật ngôn: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim tùy thuận thế gian chi pháp nhi tác thị thuyết.

Ca-diếp phục ngôn: Ngã bất tùy thuận thế gian pháp dã.

Phật tán Ca-diếp: Thiện tai, thiện tai! Nhữ kim sở tri vô thượng pháp vị thậm thâm nan tri, nhi năng đắc tri. Như phong thái vị nhữ diệc như thị.

Phục thứ, thiện nam tử! Như mân tử niệu bất năng linh thử đại địa triêm hiệp. Đương lai chi thế thị kinh lưu bố diệc phục như thị. Như bỉ mân niệu chánh pháp dục diệt thị kinh tiên đương một ư thử địa. Đương tri tức thị chánh pháp suy tướng.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như quá hạ sơ ngoạt danh thu, thu vũ liên chú. Thử đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh diệc phục như thị, vị ư nam phương chư Bồ Tát cố, đương quảng lưu bố giảng chú pháp vũ di mãn kỳ xứ. Chánh pháp dục diệt đương chí Kế Tân, cụ túc vô khuyết tiêm một địa trung. Hoặc hữu tín giả, hữu bất tín giả như thị Đại thừa Phương đẳng kinh điển cam lộ pháp vị tất một ư địa. Thị kinh một dĩ nhất thiết chư dư Đại thừa kinh điển giai tất diệt một. Nhược đắc thị kinh, cụ túc vô khuyết nhân trung tượng vương. Chư Bồ Tát đẳng đương tri Như Lai vô thượng chánh pháp tương diệt bất cửu.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ cửu

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN CHÍN

## PHẨM TÁNH NHƯ LAI

### Phẩm thứ tư - Phần sáu<sup>(1)</sup>

**P**hật dạy: “Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có những người thấy mặt trăng không hiện ra đều nói rằng trăng lặn, liền sanh ý tưởng rằng trăng đã lặn mất. Nhưng tánh của mặt trăng ấy thật không có lặn mất. Khi chuyển hiện ra ở nơi khác, chúng sanh nơi đó lại bảo rằng trăng mọc. Nhưng tánh của mặt trăng ấy thật không có mọc lên. Vì sao vậy? Vì núi Tu-di che khuất, nên chẳng hiện ra. Mặt trăng ấy thường có, tánh nó không có mọc lên hay lặn mất.

“Đức Như Lai, Ứng, Chánh biến tri cũng vậy, xuất hiện trong cõi Tam thiên Đại thiên thế giới này; hoặc ở Diêm-phù-đề thị hiện có cha mẹ, chúng sanh đều bảo rằng Như Lai sanh trong cõi Diêm-phù-đề. Hoặc ở Diêm-phù-đề thị hiện Niết-bàn, tánh Như Lai ấy thật không có Niết-bàn, nhưng chúng sanh đều nói rằng Như Lai thật có vào Đại Niết-bàn, ví như mặt trăng lặn mất.

“Thiện nam tử! Tánh Như Lai thật không có sanh diệt. Vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện sanh diệt.

“Thiện nam tử! Ví như mặt trăng tròn ở đây, nơi khác thấy là khuyết; mặt trăng khuyết ở đây, nơi khác thấy là tròn.<sup>(2)</sup> Người ở Diêm-phù-đề khi thấy trăng non đều nói là ngày mỏng một, liền sanh ý tưởng rằng trăng non. Khi

thấy trăng tròn đều nói là ngày rằm, liền sanh ý tưởng rằng trăng tròn đầy. Nhưng tánh của trăng ấy thật không có tròn khuyết. Do núi Tu-di nên có sự tròn, khuyết.

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, ở Diêm-phù-đề thị hiện vừa sanh ra, hoặc thị hiện Niết-bàn. Lúc thị hiện mới sanh, ví như trăng non, ai nấy đều bảo đó là đồng tử mới sanh. Ngài đi bảy bước, ví như mặt trăng đêm mỏng hai. Rồi lại thị hiện vào thư đường học tập, ví như mặt trăng đêm mỏng ba. Thị hiện xuất gia, ví như mặt trăng đêm mỏng tám. Ngài phóng ánh sáng vi diệu của đại trí huệ, có thể phá dẹp vô lượng chúng ma, ví như mặt trăng tròn đầy đêm rằm. Hoặc thị hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân mình, rồi thị hiện Niết-bàn, ví như nguyệt thực.

“Như vậy, chỗ thấy của chúng sanh chẳng đồng. Khi thấy trăng khuyết, khi thấy trăng tròn, hoặc có khi thấy nguyệt thực. Nhưng tánh của mặt trăng ấy thật không có tăng, giảm, không bị che khuất, vẫn luôn tròn đầy. Thân Như Lai cũng vậy, cho nên gọi là thường trụ, không biến đổi.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như trăng tròn, hiện ra ở khắp mọi nơi, từ thành ấp, làng xóm, núi non, đầm nước, giếng, ao hồ, bồn chậu... hết thấy đều có trăng hiện. Có những chúng sanh đi được trăm do-tuần, trăm ngàn do-tuần, đều thấy mặt trăng thường đi theo mình. Kẻ phàm phu ngu si sanh ra ý tưởng sai lầm, nói rằng: ‘Khi ta còn ở nơi thành ấp nhà cửa, đã thấy mặt trăng ấy. Nay đến chỗ đồng hoang trống vắng này cũng thấy. Đó là mặt trăng trước, hay là mặt trăng khác?’ Có những kẻ nghĩ rằng mặt trăng có lớn, có nhỏ, hoặc như cái miệng chậu... Lại có kẻ khác nói rằng: ‘Nó lớn

bằng bánh xe.’ Hoặc nói rằng: ‘Nó rộng bốn mươi chín do-tuần.’ Ai nấy đều thấy mặt trăng chiếu sáng, hoặc có kẻ thấy nó tròn tria như cái mâm vàng. Tánh của mặt trăng ấy là duy nhất, nhưng chúng sanh mỗi người đều thấy tướng trạng của nó khác nhau.

“Thiện nam tử! Như Lai xuất hiện ở thế gian cũng vậy. Hoặc có người hay chư thiên nghĩ rằng: ‘Hiện nay, Như Lai ở trước mặt ta.’ Lại có những chúng sanh khác cũng nghĩ tưởng rằng: ‘Hiện nay, Như Lai ở trước mặt ta.’ Hoặc có những kẻ cầm điếu thấy Như Lai cũng cầm điếu như họ. Các loài chúng sanh khác nhau, tiếng nói khác nhau, thấy đều bảo rằng Như Lai nói cùng thứ tiếng với họ, ai nấy cũng đều nghĩ rằng: ‘Như Lai ở tại nhà tôi, thọ nhận sự cúng dường của tôi.’ Hoặc có những chúng sanh thấy Như Lai thân tướng rộng lớn vô lượng. Lại có kẻ thấy Như Lai hình tướng nhỏ bé. Hoặc có kẻ thấy Phật có hình tượng Thanh văn. Cũng có kẻ thấy Phật mang hình tượng Duyên giác. Lại có những kẻ ngoại đạo nói rằng: ‘Hiện nay Như Lai xuất gia học đạo ở trong pháp của chúng tôi.’ Hoặc có những chúng sanh lại nghĩ rằng: “Hiện nay Như Lai chỉ riêng vì tôi mà xuất hiện ở thế.”

“Tánh thật của Như Lai ví như mặt trăng kia, tức là pháp thân, là thân không sanh, là thân phương tiện, tùy thuận thế gian mà thị hiện vô số nhân duyên căn bản của nghiệp... Ngài ở khắp mọi nơi thị hiện có sanh ra, như mặt trăng kia. Vì nghĩa ấy cho nên Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như vị vua loài a-tu-la là La-hầu-la lấy tay che khuất mặt trăng, người thế gian đều bảo đó là nguyệt thực. Vua a-tu-la ấy thật không thể nuốt mất mặt trăng, chỉ che khuất ánh sáng thôi.

Mặt trăng ấy vẫn tròn đầy không hao khuyết, chỉ vì bàn tay của vua a-tu-la che khuất nên chẳng hiện ra. Nếu bàn tay ấy rút đi, thế gian sẽ cho rằng mặt trăng lại sanh ra, đều nói rằng: ‘Mặt trăng chịu nhiều khổ não.’ Nhưng dù cho trăm ngàn vị vua a-tu-la cũng không thể làm cho mặt trăng khổ não!

“Như Lai cũng thế, ngài thị hiện có những chúng sanh đối với Như Lai sanh lòng thô ác, làm thân Phật chảy máu, phát khởi Năm tội nghịch,<sup>(3)</sup> cho đến thành kẻ nhất-xiên-đề.<sup>(4)</sup> Ngài vì các chúng sanh đời vị lai mà thị hiện những việc phá hoại Chúng tăng, đoạn dứt Chánh pháp và gây ra những khó khăn chướng ngại... [Thật ra, dù] có trăm ngàn vô lượng chúng ma cũng không thể làm cho thân Như Lai chảy máu. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai không có máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy. Như Lai là chân thật, không thể quấy nhiễu, phá hoại. Chúng sanh đều cho rằng Pháp, Tăng bị hủy hoại, Như Lai có diệt mất. Nhưng tánh Như Lai chân thật, không biến đổi, không thể phá hoại. Vì tùy thuận thế gian nên thị hiện như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hai người giao đấu tranh tài. Nếu dùng dao gậy gây ra thương tích, làm chảy máu đối phương, tuy có làm chết người nhưng không hề khởi ý tưởng giết hại. Hình thức tạo nghiệp như vậy là nhẹ chứ không phải nặng. Người đối với Như Lai vốn không có tâm giết hại, tuy làm cho thân Phật chảy máu thì nghiệp này cũng như trên, nhẹ chứ không nặng. Như Lai vì giáo hóa chúng sanh đời vị lai nên thị hiện nghiệp báo như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có vị lương y cố sức dạy cho con những phương thuốc căn bản, dạy rằng: ‘Đây là rễ cây thuốc, đây là thân cây thuốc, đây là hoa cây

thuốc... Con nên biết rành mọi thứ hình dáng.’ Người con kính vâng lời cha truyền dạy, tinh cần học tập, hiểu rành các thứ thuốc. Về sau, vị lương y ấy chết đi. Người con khóc kể và nói rằng: ‘Cha tôi từng dạy tôi: rễ thuốc như thế này, thân cây thuốc như thế này, hoa cây thuốc như thế này, màu sắc hình dáng như thế này.’

“Như Lai cũng thế, vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện chế định giới luật: ‘Nên thọ trì như thế này, đừng phạm vào tội Ngũ nghịch, phỉ báng Chánh pháp cùng là nhất-xiển-đề.’ Vì đời vị lai nên khởi ra những việc ấy. Cho nên thị hiện để khiến cho sau khi Phật nhập diệt, các vị tỳ-kheo đều biết như thế này: ‘Đây là Khế kinh, nghĩa lý thâm sâu. Đây là giới luật, có các hình thức nặng nhẹ khác nhau; đây là A-tì-đàm,<sup>(5)</sup> phân biệt rõ ràng các pháp.’ Cũng như đứa con của vị lương y kia.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như loài người xem mặt trăng, cứ sáu tháng có một lần nguyệt thực. Nhưng trên cõi trời kia, chỉ trong một thời gian ngắn mà chư thiên đã thấy nhiều lần nguyệt thực. Vì sao vậy? Vì ngày ở cõi trời ấy rất dài, còn ngày ở cõi người thì ngắn.

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, chư thiên thấy đều bảo rằng tuổi thọ của Như Lai là ngắn. Cũng như chư thiên kia trong một thời gian ngắn đã thấy nhiều lần nguyệt thực; Như Lai cũng thế, trong một thời gian ngắn đã thị hiện trăm ngàn vạn ức lần Niết-bàn, dứt trừ ma phiền não, ma ám, ma chết. Cho nên trăm ngàn vạn ức thiên ma<sup>(6)</sup> thấy đều biết rằng Như Lai vào Đại Niết-bàn. Lại còn thị hiện vô lượng trăm ngàn nhân duyên nghiệp đời trước, tùy thuận mọi tánh của thế gian mà thị hiện vô lượng vô biên như vậy, không thể nghĩ bàn. Cho nên Như Lai là thường trụ, không biến đổi.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như mặt trăng sáng, chúng sanh đều muốn nhìn ngắm, nên khen mặt trăng là đáng nhìn. Chúng sanh nếu có tham lam, sân khú, ngu si, thì chẳng được khen là đáng nhìn. Tánh Như Lai cũng như mặt trăng sáng ấy, thuần thiện, trong sạch không nhơ bợn, nên rất đáng xưng là đáng nhìn. Những chúng sanh hăm mộ Chánh pháp đều ngắm nhìn ngài không chán, những kẻ ác tâm chẳng thích ngắm mặt nhìn ngài. Vì nghĩa ấy cho nên nói rằng: ‘Như Lai ví như trăng sáng.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như khi mặt trời xuất hiện, có ba mùa khác nhau: mùa xuân, mùa hạ, mùa đông.<sup>(7)</sup> Ngày mùa đông ngắn, ngày mùa xuân vừa phải, ngày mùa hạ rất dài. Như Lai cũng thế, ở trong cõi Tam thiên đại thiên này, vì những người có đời sống ngắn ngủi và các vị Thanh văn nên thị hiện đời sống ngắn ngủi. Những người này thấy vậy đều nói rằng đời sống của Phật rất ngắn, ví như ngày mùa đông. Phật lại vì chư Bồ Tát mà thị hiện đời sống vừa phải, như trọn một kiếp hoặc một kiếp giảm, ví như ngày mùa xuân. Duy chỉ có [chư] Phật nhìn thấy Phật có đời sống vô lượng, ví như ngày mùa hạ.

“Thiện nam tử! Giáo lý sâu kín mầu nhiệm của kinh phương đẳng Đại thừa do Như Lai thuyết giảng, thị hiện nơi thế gian để đổ trận mưa pháp lớn. Trong tương lai, nếu có những người có thể thọ trì kinh điển này, mở bày chỉ bảo, phân biệt làm lợi ích chúng sanh, nên biết rằng những người ấy thật là Bồ Tát, ví như đang mùa hạ nóng bức được cơn mưa mát mẻ! Nếu có hàng Thanh văn, Duyên giác nghe được giáo pháp sâu kín mầu nhiệm của Phật Như Lai, ví như trong ngày mùa đông phải chịu nhiều khổ nạn buốt giá. Hàng Bồ Tát

nếu nghe được lời dạy bảo sâu kín mâu nhiệm như thế này: ‘Như Lai là thường trụ, tánh không biến đổi, ví như ngày xuân cây cối đâm chồi nảy lộc. Nhưng tánh Như Lai vốn không dài ngắn, chỉ vì thế gian nên thị hiện như vậy, đó là tánh pháp chân thật của chư Phật.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như các ngôi sao, ban ngày chẳng hiện ra. Người ta đều cho rằng ban ngày sao lặn mất. Kỳ thật, sao ấy không có lặn mất. Sở dĩ không hiện ra là vì mặt trời chói sáng. Như Lai cũng thế, Thanh văn, Duyên giác không thể nhìn thấy được, cũng như người đời không nhìn thấy được các ngôi sao ban ngày.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như đang khi trời u ám, mặt trời, mặt trăng không hiện ra. Người ngu bảo rằng: ‘Mặt trời, mặt trăng đã mất.’ Nhưng mặt trời, mặt trăng thật không mất! Vào lúc Chánh pháp Như Lai diệt mất, Tam bảo cũng hiện ra tướng lặn khuất như vậy, thật không phải diệt mất hẳn. Vậy nên biết rằng Như Lai là thường trụ, không có biến đổi. Vì sao vậy? Vì tánh chân thật của Tam bảo chẳng bị những điều nhơ xấu làm nhiễm ô.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vào tuần trăng tối,<sup>(8)</sup> sao chổi hiện ra lúc ban đêm, ánh sáng chói lòa, trong chốc lát rồi lặn mất. Chúng sanh thấy vậy rồi sanh ra ý tưởng cho là điềm chẳng lành. Các vị Phật Bích-chi<sup>(9)</sup> lại cũng như vậy, ra đời vào lúc không có Phật. Chúng sanh thấy vậy rồi, thấy đều cho rằng Như Lai hẳn thật diệt độ, nên sanh lòng lo buồn. Nhưng thân Như Lai thật không có diệt mất, cũng như mặt trời và mặt trăng kia không hề lặn mất.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như khi mặt trời hiện, sương mù đều tan mất. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này lại

cũng như vậy, hiện ra mạnh mẽ trong đời. Nếu như có chúng sanh nào tai nghe qua kinh này một lần, liền có thể diệt trừ được tất cả nghiệp ác vô gián.<sup>(10)</sup> Cảnh giới rất thâm sâu của Đại Niết-bàn này không thể nghĩ bàn, khéo giảng bày tánh nhiệm mâu sâu kín của Như Lai.

“Vì nghĩa ấy, các thiện nam tử, thiện nữ nhân nên đối với Như Lai sanh tâm thường trụ, không biến đổi, Chánh pháp không dứt mất, Tăng bảo chẳng hề tiêu diệt. Vậy nên phải tu nhiều phương tiện, siêng học kinh điển này. Người như vậy không lâu sẽ thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Vì vậy nên kinh này gọi là chỗ thành tựu của vô lượng công đức, cũng gọi là Bồ-đề không thể cùng tận. Vì không cùng tận, nên mới xưng là Đại Bát Niết-bàn. Bởi có ánh sáng lành, nên ví như ngày mùa hạ,<sup>(11)</sup> và bởi thân không hạn lượng nên gọi là Đại Niết-bàn.

<sup>(12)</sup>“Lại nữa, thiện nam tử! Như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng là hơn hết, tất cả các loại ánh sáng khác đều không sánh được; hào quang của kinh Đại Niết-bàn lại cũng như vậy, vượt trội hơn hết so với hào quang Tam-muội của các Khế kinh, tất cả đều không sánh được. Vì sao vậy? Vì hào quang của kinh Đại Niết-bàn có thể vào trong các lỗ chân lông của chúng sanh. Dù chúng sanh chẳng có tâm Bồ-đề, nhưng có thể vì họ mà tạo ra nhân duyên Bồ-đề. Vì vậy nên gọi là Đại Bát Niết-bàn.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật nói rằng hào quang của kinh Đại Niết-bàn vào tất cả những lỗ chân lông của chúng sanh, dù họ chẳng có tâm Bồ-đề cũng có thể vì họ tạo ra nhân Bồ-đề. Nghĩa ấy chẳng đúng! Vì sao vậy? Thế Tôn! Những kẻ phạm Bốn giới cấm nặng, những người làm Năm tội nghịch, những kẻ

nhất-xiển-đề, nếu hào quang vào trong thân họ tạo ra được nhân Bồ-đề, thì những hạng người như vậy so với những người giữ gìn giới hạnh trong sạch, tu tập các điều lành có khác gì nhau? Nếu chẳng khác nhau, vì sao Như Lai lại giảng nghĩa Bốn pháp nương theo?<sup>(13)</sup>

“Thế Tôn! Lại như Phật nói rằng: ‘Nếu có những chúng sanh, tai nghe qua kinh Đại Niết-bàn một lần, ắt dứt trừ được các phiền não.’ Vì sao trước đó Như Lai dạy rằng: ‘Có người đã phát tâm ở trước chư Phật nhiều như cát sông Hằng, khi nghe kinh Đại Niết-bàn cũng chẳng hiểu được nghĩa?’ Nếu chẳng hiểu nghĩa, làm sao dứt trừ được tất cả phiền não?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chỉ trừ những kẻ nhất-xiển-đề, ngoài ra những chúng sanh khác khi nghe được kinh này rồi, thấy đều có thể tạo được nhân duyên Bồ-đề. Tiếng giảng pháp phát ra hào quang, vào nơi lỗ chân lông rồi thì nhất định người ấy sẽ đắc quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì sao vậy? Nếu ai có thể cúng dường cung kính vô lượng chư Phật, mới được nghe kinh Đại Niết-bàn. Những kẻ bậc phước ắt chẳng được nghe. Vì sao vậy? Người có phước đức lớn mới có thể được nghe việc lớn như thế này. Kẻ tiểu nhân hạ tiện ắt chẳng được nghe. Sao gọi là việc lớn? Đó là tạng rất sâu kín của chư Phật, đó là tánh Phật. Vì nghĩa ấy, cho nên gọi là việc lớn.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Vì sao người chưa phát tâm Bồ-đề có thể tạo nhân Bồ-đề?”

Phật dạy: “Như ai có nghe kinh Đại Niết-bàn này rồi nói rằng mình chẳng cần phát tâm Bồ-đề, và phỉ báng Chánh pháp. Tức thời người ấy đến đêm nằm ngủ mộng thấy hình tượng La-sát, trong lòng kinh sợ. La-sát nói

với người ấy rằng: ‘Này thiện nam tử! Nay nếu ông chẳng phát tâm Bồ-đề, tôi sẽ lấy mạng ông.’ Người ấy hoảng sợ, khi tỉnh giấc liền phát tâm Bồ-đề. Người ấy sau khi mạng chung, nếu ở trong Ba đường dữ<sup>(14)</sup> cũng như ở các cõi trời, người, vẫn tiếp tục nhớ tưởng tâm Bồ-đề. Nên biết rằng đó là bậc Đại Bồ Tát ma-ha-tát. Vì nghĩa ấy, sức oai thần của kinh Đại Niết-bàn này có thể khiến người chưa phát tâm Bồ-đề tạo nên nhân Bồ-đề.

“Thiện nam tử! Đó gọi là nhân duyên phát tâm của Bồ Tát, chẳng phải không có nhân duyên. Vì nghĩa ấy, kinh điển Đại thừa mâu nhiệm này quả thật là do Phật thuyết dạy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như giữa hư không, khi kéo mây mưa lớn thì nước mưa trút xuống mặt đất. Trên những cây khô, núi đá, gò nong, cao nguyên... nước chẳng đọng lại mà chảy dồn xuống nơi ruộng vườn, ao hồ, làm cho đầy tràn, lợi ích vô lượng chúng sanh. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng như vậy đó, tưới tràn mưa pháp lớn, thấm nhuần khắp chúng sanh.

“Nhưng kẻ nhất-xiển-đề mà phát tâm Bồ-đề là việc không thể có! Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hạt giống đã hư hỏng, dù gặp mưa xuống cho đến trăm, ngàn, vạn kiếp cũng không thể nảy mầm. Nếu mầm sanh ra được, đó là việc không thể có.

“Những kẻ nhất-xiển-đề cũng vậy, dù có được nghe kinh điển vi diệu Đại Bát Niết-bàn này, cũng không hề nảy sanh cái mầm tâm Bồ-đề. Nếu họ nảy sanh ra được, đó là việc không thể có! Vì sao vậy? Những người ấy đã dứt mất hết thấy căn lành, như hạt giống đã hư hỏng, không thể nảy sanh những mầm rễ là tâm Bồ-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hạt minh châu đặt vào chỗ nước đục. Nhờ công năng của hạt châu, nước liền lắng trong. Nhưng nếu ném xuống chỗ bùn lầy, hạt châu cũng không thể làm cho bùn lầy trở nên trong sạch. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng vậy, đối với những chúng sanh phạm Năm tội vô gián cùng Bốn giới cấm nặng, cũng như nước đục, còn có thể lắng trong, [khiến họ] phát tâm Bồ-đề. Nhưng đối với bùn lầy như những kẻ nhất-xiển-đề, dù cho đến trăm ngàn vạn năm cũng không thể làm cho trong sạch, phát tâm Bồ-đề. Vì sao vậy? Những kẻ nhất-xiển-đề này đã dứt hết căn lành, không thể đón nhận giáo pháp. Ví như họ được nghe kinh Đại Niết-bàn này trong trăm ngàn vạn năm, rốt cùng cũng không thể phát tâm Bồ-đề. Vì sao vậy? Vì chẳng có tâm lành.

“Thiện nam tử! Ví như có loại cây thuốc gọi là cây thuốc chúa, vượt trội hơn hết trong tất cả các loại thuốc. Nếu đem hòa với kem sữa, hoặc với mật, với bơ, với nước, với sữa, làm thành thuốc tán, thuốc hoàn, rồi bôi những chỗ ghẻ, xông mình, thoa mắt... khi nhìn thấy hoặc ngửi mùi [thuốc ấy] đều có thể trừ được hết thảy bệnh tật của chúng sanh. Nhưng cây thuốc ấy chẳng hề nghĩ rằng: ‘Tất cả chúng sanh, như ai muốn lấy rễ của ta thì chẳng nên lấy lá, như lấy lá thì đừng lấy rễ. Như ai lấy thân ta thì chẳng nên lấy vỏ, như lấy vỏ thì đừng lấy thân.’ Tuy cây ấy chẳng khởi ý nghĩ như vậy, nhưng nó có thể trừ diệt tất cả bệnh khổ.

“Thiện nam tử! Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng vậy, có thể dứt trừ tất cả nghiệp ác của chúng sanh, như bốn tội ba-la-di, năm tội vô gián, mọi điều ác của người ta, dù là ở trong hay ở ngoài. Những ai chưa phát tâm Bồ-đề, nhân đây liền phát tâm. Vì sao vậy? Vì

kinh điển vi diệu này là vua trong các kinh, cũng như cây thuốc kia là vua trong các cây thuốc. Dù ai có tu tập kinh Đại Niết-bàn này hay là chẳng tu, nhưng nếu nghe được danh hiệu của kinh này rồi đem lòng kính tin, thì người ấy dù có bao nhiêu phiền não trọng bệnh cũng đều trừ hết. Chỉ là không thể làm cho những kẻ nhất-xiển-đề ở yên nơi A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ví như món thuốc hay kia, dù trị được mọi thứ bệnh nặng, nhưng không thể chữa trị cho những kẻ nhất định phải chết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người có ghẻ nơi bàn tay, cầm nắm thuốc độc, chất độc liền theo chỗ ghẻ mà vào trong người. Nếu không có ghẻ thì chất độc chẳng thể vào. Những kẻ nhất-xiển-đề cũng vậy, họ không có nhân Bồ-đề, cũng như người không có ghẻ, chất độc không vào được. Ghẻ đó là ví cho nhân duyên Bồ-đề vô thượng. Chất độc đó là ví cho thuốc hay bậc nhất. Người không có ghẻ đó là ví cho kẻ nhất-xiển-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như kim cương, không gì có thể phá hoại nó được, nhưng nó lại có thể phá hoại tất cả mọi vật, chỉ trừ ra mu rùa và sừng dê trắng. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng vậy, có thể đặt yên vô lượng chúng sanh nơi đạo Bồ-đề, duy không thể khiến cho kẻ nhất-xiển-đề tạo lập nhân Bồ-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như loài cỏ răng ngựa, cây ta-la-sí, cây ni-ca-la, dù cho chặt đứt thân cây vẫn tiếp tục mọc lên như cũ, không phải như cây đa-la, bị chặt rồi thì không mọc lại được. Chúng sanh cũng vậy, nếu được nghe kinh Đại Niết-bàn, dù cho có phạm Bốn giới cấm nặng cùng Năm tội vô gián vẫn có thể phát sanh nhân duyên Bồ-đề. Những kẻ nhất-xiển-đề không phải

như vậy, dù có được nghe kinh điển mầu nhiệm này cũng không thể phát sanh nhân duyên đạo Bồ-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây khư-đà-la, cây trần-đâu-ca, nếu bị chặt ngang rồi chì chẳng mọc lên được nữa, cũng như những hạt giống đã bị hư hỏng. Những kẻ nhất-xiển-đề cũng vậy, dù có được nghe kinh Đại Niết-bàn này nhưng vẫn không thể phát sanh nhân duyên Bồ-đề, như những hạt giống bị hư hỏng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như mưa lớn, nước chẳng đọng lại giữa không trung. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng vậy, rưới cơn mưa pháp xuống khắp nơi, nhưng nước mưa pháp ấy chẳng đọng lại được nơi kẻ nhất-xiển-đề. Kẻ nhất-xiển-đề ấy toàn thể kín chặt, ví như kim cang không cho vật thể bên ngoài xen vào.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có thuyết kệ:

“Chẳng thấy thiện không làm,  
Chỉ thấy ác nên làm,  
Chỗ ấy là đáng sợ,  
Như đường hiểm xấu ác.”

“Bạch Thế Tôn! Bài kệ đó có nghĩa thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chẳng thấy, đó là chẳng thấy tánh Phật. Thiện, tức là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Chẳng làm, nghĩa là không gần gũi bạn hiền. Chỉ thấy, là thấy không có nhân quả. Ác, nghĩa là phỉ báng kinh điển phương đẳng Đại thừa. Nên làm, là kẻ nhất-xiển-đề nói không có kinh Phương đẳng. Vì nghĩa ấy cho nên kẻ nhất-xiển-đề không có lòng hướng về thiện pháp thanh tịnh. Thiện pháp là gì? Đó là Niết-

bàn. Người hướng đến Niết-bàn là người có thể tu tập các hạnh hiền thiện. Nhưng kẻ nhất-xiển-đề không có hạnh hiền thiện. Vì vậy, kẻ ấy không thể hướng đến Niết-bàn. Chỗ ấy là đáng sợ, đó là nói sự phỉ báng Chánh pháp. Những ai nên sợ? Là những người có trí tuệ. Vì sao vậy? Vì kẻ phỉ báng Chánh pháp thì không có thiện tâm và không có phương tiện. Đường hiểm xấu ác, đó là nói các hành.”

Ca-diếp lại bạch Phật: “Như Phật có thuyết kệ:

“Sao biết việc đã làm?  
Làm sao được pháp lành?  
Ở đâu không sợ sệt,  
Như đường lớn vua đi?”

“Ý nghĩa bài kệ này như thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Biết việc đã làm, nghĩa là bày tỏ, phát lộ các điều ác. Trải qua bao đời sanh tử đã làm các điều ác, nay bày tỏ phát lộ tất cả, cho đến chỗ không cùng tận. Vì nghĩa ấy, ở chỗ ấy là không sợ sệt. Ví như một vị vua, khi dạo chơi trên đường thì bọn trộm cướp ở đó đều chạy trốn hết. Phát lộ như vậy thì các điều ác sẽ dứt tuyệt. Lại nữa, không biết việc đã làm là nói kẻ nhất-xiển-đề đã làm mọi điều ác nhưng chẳng thấy việc họ đã làm. Đó là lòng kiêu mạn của kẻ nhất-xiển-đề. Tuy họ làm nhiều việc ác, nhưng đối với những việc ấy không hề sợ sệt. Vì lẽ ấy nên họ không thể chứng đắc Niết-bàn, ví như những con khỉ bắt lấy mặt trăng dưới nước.

“Thiện nam tử! Ví như có vô lượng chúng sanh cùng lúc đạt được quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, các đức Như Lai cũng không thấy kẻ nhất-xiển-đề kia thành đạo Bồ-đề. Vì nghĩa ấy, nên gọi là không biết việc đã làm.



Lại nữa, không biết việc của ai đã làm? Đó là không thấy biết những việc mà Phật đã làm. Phật vì chúng sanh thuyết dạy có tánh Phật. Những kẻ nhất-xiển-đề lẫn lộn trong vòng sanh tử, không thể thấy biết. Vì nghĩa ấy nên gọi là chẳng thấy những việc mà Phật đã làm.

Lại nữa, kẻ nhất-xiển-đề thấy Như Lai buông bỏ tất cả mà vào Niết-bàn, bèn cho rằng đó thật là vô thường, như dầu hết thì đèn phải tắt. Vì sao vậy? Vì nghiệp ác của kẻ ấy chẳng hề giảm bớt chút nào. Như có các vị Bồ Tát tạo những nghiệp lành, hồi hướng về quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tuy những kẻ nhất-xiển-đề chê bai, phá hoại, chẳng tin, nhưng các vị Bồ Tát vẫn bố thí cho họ, muốn họ cùng được thành đạo vô thượng. Vì sao vậy? Vì pháp của chư Phật là như thế!

“Làm ác, chẳng thọ liên,  
Như sữa thành ra kem.  
Như tro che phủ lửa,  
Kẻ ngu khinh dễ đạp.”

“Nhất-xiển-đề, gọi là không có mắt, nên không thấy con đường của bậc A-la-hán; như bậc A-la-hán thì chẳng đi theo đường sanh tử hiểm ác. Vì không có mắt nên phải báng kinh Phương đẳng, chẳng muốn tu tập; như bậc A-la-hán thì chuyên cần tu tập tâm từ. Những kẻ nhất-xiển-đề lại không tu tập kinh Phương đẳng như vậy.

“Như có người nói: ‘Nay tôi chẳng tin kinh điển Thanh văn, chỉ tin nhận Đại thừa, đọc tụng, giảng nói, như vậy tôi chính là Bồ Tát. Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Vì có tánh Phật nên trong thân chúng sanh có đủ mười sức, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Chỗ tôi thuyết dạy cũng chẳng khác gì Phật thuyết. Nay

ông và tôi cùng phá vô lượng phiền não độc dữ, ví như người ta đập bể cái bình đựng nước. Phá xong các mối trói buộc ấy rồi<sup>(15)</sup> tất sẽ được thấy A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ Tuy kẻ ấy giảng nói như vậy, nhưng tự tâm lại chẳng tin rằng mình có tánh Phật. Chỉ vì lợi dưỡng nên theo những gì được nghe mà nói lại thế thôi. Kẻ giảng thuyết như vậy gọi là ác nhân. Nhưng kẻ ác ấy không thọ nhận quả báo nhanh chóng, [mà cần có thời gian] như sữa biến thành kem.

“Ví như vị sứ giả của vua, có tài đàm luận, khéo léo về phương tiện, vâng lệnh đến nước khác. Thà chịu mất mạng chứ không quên nói những điều vua đã căn dặn. Người có trí tuệ cũng thế, ở giữa những người phạm phu, không tiếc thân mạng, chỉ cốt tuyên thuyết cho được kinh Đại thừa Phương đẳng, tạng sâu kín của Như Lai: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’

“Thiện nam tử! Có những kẻ nhất-xiển-đề giả hình dạng như A-la-hán, ở nơi trống trải vắng vẻ mà phải báng kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Những kẻ phạm phu thấy vậy đều cho rằng họ thật là A-la-hán, là Đại Bồ Tát ma-ha-tát. Những tỳ-kheo xấu nhất-xiển-đề ấy, ở nơi a-lan-nhã<sup>(16)</sup> nhưng phá hoại pháp a-lan-nhã. Thấy người khác được lợi, họ liền sanh lòng ganh ghét, nói rằng: ‘Những kinh điển Phương đẳng Đại thừa thầy đều do thiên ma Ba-tuần thuyết dạy.’ Họ cũng nói rằng: ‘Như Lai là pháp vô thường.’ Họ hủy diệt Chánh pháp, phá hoại Chúng tăng, lại nói rằng: ‘Đó là thuyết của Ba-tuần, chẳng phải thuyết thuận theo điều lành.’ Họ tuyên thuyết những pháp tà ác như vậy. Họ làm ác nhưng không chịu quả báo tức thì, [cần có thời gian] cũng như sữa hóa thành kem; như đồng lửa phủ tro kín, kẻ ngu [không biết nên] khinh dễ giẫm lên. Những kẻ như vậy,

gọi là nhất-xiển-đề. Cho nên phải biết rằng kinh điển vi diệu Phương đẳng Đại thừa chắc chắn thanh tịnh, ví như hạt châu ma-ni,<sup>(17)</sup> ném vào nước đục thì nước liền lắng trong. Kinh điển Đại thừa lại cũng như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hoa sen, khi ánh nắng soi chiếu thì nở ra. Tất cả chúng sanh lại cũng như vậy, nếu được nghe thấy mặt trời Đại Niết-bàn, người chưa phát tâm cũng sẽ phát tâm, tạo nhân Bồ-đề. Vì vậy nên ta nói rằng hào quang của kinh Đại Niết-bàn vào nơi lỗ chân lông rồi át tạo thành nhân duyên mâu nhiệm. Kẻ nhất-xiển-đề kia, dù có tánh Phật, nhưng bị vô số tội lỗi như nhóp buộc trời, không thể ra khỏi, ví như con tằm ở trong cái kén. Vì nghiệp duyên ấy không thể phát sanh nhân Bồ-đề mâu nhiệm, phải xoay chuyển mãi trong vòng sanh tử, không lúc nào dứt được!

“Lại nữa, thiện nam tử! Như những loại hoa sen ưu-bát-la, bát-đầu-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-ly<sup>(18)</sup> thảy đều từ nơi bùn lầy mà sanh ra, nhưng chẳng hề bị bùn lầy làm nhiễm ô. Chúng sanh tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn lại cũng như vậy, tuy có phiền não, nhưng rốt cùng chẳng bị phiền não nhiễm ô. Vì sao vậy? Vì biết được tánh, tướng và lực của Như Lai.

“Thiện nam tử! Ví như ở xứ kia thường có nhiều luồng gió trong lành mát mẻ. Khi gió ấy chạm đến lỗ chân lông của chúng sanh thì có thể trừ được mọi sự bức rút nóng nẩy. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, vào khắp các lỗ chân lông của chúng sanh, tạo ra nhân duyên vi diệu Bồ-đề, chỉ trừ đối với những kẻ nhất-xiển-đề. Vì sao vậy? Vì họ chẳng phải là pháp khí.<sup>(19)</sup>

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có vị lương y hiểu rõ tám loại thuốc, trị được tất cả các bệnh, chỉ trừ những

kẻ nhất định phải chết. Các phép thiên định Tam-muội trong tất cả khế kinh lại cũng như vậy, có thể trị tất cả các bệnh phiền não như tham dục, sân hận, ngu si, có thể nhổ bật những mũi tên độc phiền não, nhưng không trị được những kẻ phạm Bốn giới cấm nặng và Năm tội vô gián.

“Thiện nam tử! Lại ví như vị lương y thông thạo cách dùng tám loại thuốc, có thể trừ mọi thứ bệnh khổ của chúng sanh, duy không thể trị cho kẻ nhất định phải chết.<sup>(20)</sup> Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, có thể trừ diệt tất cả phiền não của chúng sanh, khiến họ trụ yên nơi nhân mâu nhiệm thanh tịnh của Như Lai, khiến những kẻ chưa phát tâm liền được phát tâm, duy trừ những kẻ nhất định phải chết là nhất-xiển-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vị lương y có thể dùng thuốc hay mà trị các người bệnh mù, khiến họ trông thấy được ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú và tất cả hình sắc, chỉ không thể trị cho những kẻ mù bẩm sinh. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, có thể khai mở mắt huệ cho người trong hàng Thanh văn, Duyên giác, khiến họ trụ yên nơi kinh điển Đại thừa vô lượng vô biên; đối với người chưa phát tâm, người phạm Bốn giới cấm nặng, Năm tội vô gián, đều có thể khiến cho phát tâm Bồ-đề, duy trừ ra kẻ mù bẩm sinh là nhất-xiển-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vị lương y thông thạo tám cách dùng thuốc, muốn trị tất cả bệnh khổ của chúng sanh, bèn dùng đủ mọi phương thuốc như thuốc gây nôn, thuốc xổ, thuốc xoa, thuốc xông hơi, thuốc nhỏ vào mũi, thuốc tán, thuốc hoàn. Như có người ngu không muốn uống thuốc, vị lương y đem lòng thương xót liền đưa người ấy về nhà, ép phải uống thuốc. Nhờ sức thuốc nên bệnh được dứt. Như có người đàn bà đang lúc sanh con

nhưng đứa bé chẳng lọt lòng, liền cho uống thuốc. Uống xong liền sanh con được, và đứa con cũng an ổn không bệnh. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, dù đến nơi nào, vào nhà nào cũng trừ được vô lượng phiền não của chúng sanh. Đối với những kẻ chưa phát tâm, phạm Bốn giới cấm nặng, Năm tội vô gián, đều có thể khiến cho phát tâm, chỉ trừ ra những kẻ nhất-xiển-đề.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Những kẻ phạm Bốn giới cấm nặng và Năm tội vô gián, gọi là phạm những điều ác nặng nhất, như cây đa-la bị chặt đứt ngọn, vĩnh viễn không mọc trở lại. Nếu những kẻ ấy chưa phát tâm Bồ-đề, làm sao có thể khiến họ tạo nhân Bồ-đề?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những chúng sanh ấy, như trong giấc mộng thấy mình đọa địa ngục, chịu các khổ não, liền sanh lòng hối hận: ‘Buồn thay cho chúng ta! Tự mình chuốc lấy tội này! Nếu nay tôi được thoát khỏi tội này, nhất định sẽ phát tâm Bồ-đề. Nay tự mắt tôi nhìn thấy, thật là nguy khổ quá mức!’ Sau khi tỉnh mộng, những kẻ ấy liền biết Chánh pháp, được quả báo lớn.

“Như đứa trẻ kia, dần dần lớn lên thường suy nghĩ rằng: ‘Vị thầy thuốc ấy rất hay, hiểu rõ các phương thuốc. Khi ta còn ở trong thai, ông ấy cho mẹ ta uống thuốc. Nhờ thuốc ấy, mẹ ta được an ổn. Nhờ nhân duyên ấy ta được toàn mạng. Lạ thay cho mẹ ta! Bà chịu khổ não lớn, mang ta trong thai trọn đủ mười tháng. Sau khi sanh ta ra rồi, bà đặt ta ở chỗ khô, tự bà nằm chỗ ướt, dọn bỏ những chất đại tiểu tiện dơ dáy của ta, cho ta bú mớm, nuôi dưỡng ta, chăm sóc ta. Vì lẽ ấy, ta phải báo ân, hết lòng nuôi mẹ, hầu hạ đêm ngày, tùy thuận phụng dưỡng.’ Những kẻ phạm Bốn giới cấm nặng và Năm tội vô gián, đến lúc lâm chung, nếu họ nhớ tới kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này, dù có phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ

hay sanh lên cõi trời, cõi người, kinh điển này đều sẽ tạo nhân Bồ-đề cho họ, chỉ trừ bọn nhất-xiển-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có vị lương y và người con của ông đều hiểu biết sâu sắc, giỏi hơn các vị lương y khác, thông thạo chú thuật vô thượng trừ độc. Như có rắn độc, rồng hay bò cạp, họ liền dùng chú thuật, niệm chú vào thuốc làm cho chúng trở nên hiền lành. Nếu dùng thuốc ấy mà bôi lên giày da, khi giày ấy chạm phải trùng độc thì chất độc tiêu tan, duy trừ một thứ độc gọi là nọc rồng lớn. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, như có chúng sanh phạm Bốn giới cấm nặng, Năm tội vô gián, kinh này có thể tiêu diệt tội báo, khiến các chúng sanh ấy trụ yên nơi Bồ-đề, cũng như thuốc bôi ở giày da làm tiêu các thứ độc. Đối với những chúng sanh chưa phát tâm, kinh này liền khiến cho phát tâm và trụ yên nơi đạo Bồ-đề. Món thuốc oai thần kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này có thể diệt trừ các độc, khiến chúng sanh được an vui, chỉ không trừ được một thứ độc nọc rồng lớn: đó là những kẻ nhất-xiển-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có người kia, đem món thuốc độc còn mới, bôi lên một cái trống lớn, rồi đánh trống ấy lên giữa đám đông người. Mọi người tuy vô tình nghe tiếng trống ấy nhưng đều phải chết, chỉ trừ một người là không thể chết đột ngột. Kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, bất kỳ ở nơi đâu, giữa các chúng sanh, có ai nghe tiếng giảng kinh này thì các tham dục, sân khuể, ngu si thấy đều tiêu diệt. Trong đó tuy có người vô tình mà nghĩ tưởng đến kinh Đại Niết-bàn này, nhờ sức nhân duyên ấy vẫn có thể trừ diệt phiền não, làm cho các mối trói buộc phải tự tan biến. Cho đến những kẻ phạm Bốn giới cấm nặng và Năm tội vô gián, khi nghe kinh này rồi cũng tạo ra được nhân duyên Bồ-

đề vô thượng, dần dần sẽ dứt hết phiền não, chỉ trừ kẻ không thể chết đột ngột là hạng nhất-xiển-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như đêm tối, tất cả mọi công việc thấy đều ngừng nghỉ. Nếu công việc nào chưa xong, phải chờ đến trời sáng. Người học Đại thừa, tuy tu tất cả pháp thiên định trong Khế kinh, nhưng phải chờ đợi mặt trời Đại thừa Đại Niết-bàn, nghe giáo lý sâu kín của Như Lai, rồi mới có thể tạo nghiệp Bồ-đề, trụ yên nơi Chánh pháp. Ví như trời mưa thấm nhuần và làm nảy nở tất cả các hạt giống lớn lên kết thành trái ngọt, trừ dứt nạn đói, mọi người được no đủ, vui vẻ. Mưa pháp vô lượng của tạng Như Lai sâu kín cũng vậy, có thể trừ được tám thứ bệnh nhiệt.<sup>(21)</sup> Kinh này ra đời, ví như trái cây kia, có nhiều lợi ích, làm cho tất cả được an lạc, khiến chúng sanh thấy được tánh Phật, như trong hội Pháp hoa có tám ngàn Thanh văn riêng được Phật thọ ký, sẽ được quả lớn.

“Ví như mùa thu thu hoạch, mùa đông chứa trữ, rồi không còn công việc gì nữa cả. Những kẻ nhất-xiển-đề cũng vậy, đối với các pháp lành họ chẳng có công việc gì để làm nữa cả.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một vị lương y, nghe có con nhà kia bị loài phi nhân<sup>(22)</sup> bắt, bèn lấy thuốc hay rồi sai bảo một người rằng: ‘Ông mau đem thuốc này cho người ấy. Nếu người ấy gặp các quỷ thần dữ, nhờ sức thuốc này chúng sẽ lánh xa. Nếu ông chậm trễ, tôi sẽ tự đi, chớ nên để người ấy phải chết uổng mạng. Nếu bệnh nhân ấy được thấy sứ giả và oai đức của tôi, thì liền dứt được khổ não, vui vẻ an ổn.’ Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy. Nếu trong hàng tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cùng các ngoại

đạo, có những người đủ sức thọ trì kinh điển này, đọc tụng thông thạo, lại vì người khác phân biệt giảng rộng, như tự mình sao chép hay nhờ người khác sao chép, thì những người ấy đều tạo ra nhân duyên Bồ-đề. Như những kẻ phạm Bốn giới cấm, Năm tội nghịch, hoặc bị tà quỷ độc ác bắt giữ, nếu nghe được kinh điển này thì tất cả những điều ác đều tiêu diệt, cũng như tà ma ác quỷ khi gặp lương y liền phải tránh xa. Nên biết rằng những người ấy thật là Đại Bồ Tát. Vì sao vậy? Nhờ được nghe kinh Đại Niết-bàn này trong chốc lát, lại sanh ra ý tưởng Như Lai là thường tồn.

“Được nghe kinh này trong chốc lát còn như vậy, huống chi là sao chép, thọ trì, đọc tụng? [Cho nên những người được nghe kinh này], chỉ trừ những kẻ nhất-xiển-đề, còn lại đều là Đại Bồ Tát.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như những kẻ điếc chẳng nghe được âm thanh. Những kẻ nhất-xiển-đề cũng vậy, dù muốn lắng nghe kinh điển vi diệu này cũng không nghe được. Vì sao vậy? Là vì bị điếc.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một vị lương y thông đạt hết các phương thuốc, lại thêm biết rộng vô số chú thuật. Vị lương y ấy đến gặp vua, tâu rằng: ‘Đại vương! Nay ngài đang có bệnh phải chết.’ Vua đáp rằng: ‘Khanh chẳng thấy được những gì trong bụng trẫm, làm sao nói rằng trẫm có bệnh phải chết?’ Lương y đáp: ‘Như ngài không tin, vậy nên uống thuốc xổ. Sau khi xổ ra rồi, tự ngài sẽ thấy biết.’ Vua không chịu uống thuốc xổ. Lúc ấy, vị lương y dùng sức chú thuật, khiến hậu môn của vua lở lói, lại có cả trùng và máu lẫn theo ra khi vua đi tiêu. Thấy vậy rồi, vua lấy làm khiếp sợ, khen ngợi vị lương y ấy rằng: ‘Giỏi thay, giỏi thay! Trước khanh đã nói, nhưng trẫm không tin. Nay mới biết khanh làm

chuyện lợi ích lớn cho thân trầm đây vậy.” Vua liền cung kính vị lương y dường như cha mẹ.

“Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, đối với các chúng sanh, dù có tham dục hay không tham dục, kinh này có thể làm cho phiền não của họ đều rơi rụng. Các chúng sanh ấy, cho đến trong giấc mộng được thấy kinh này, thấy đều cung kính cúng dường, cũng như vị vua kia cung kính vị lương y. Vị đại lương y ấy, khi biết người bệnh nhất định phải chết thì không điều trị. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, không trị được những kẻ nhất-xiển-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như lương y thông thạo tám phương pháp dùng thuốc ắt có thể liệu trị hết thảy các bệnh, chỉ không thể trị cho kẻ nhất định phải chết. Chư Phật và chư Bồ Tát cũng vậy, có thể cứu độ cho hết thảy những người có tội, chỉ không cứu được những kẻ nhất định phải chết là nhất-xiển-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vị lương y thông thạo tám phương pháp mâu nhiệm trong sách thuốc, lại còn hiểu biết rộng hơn cả tám phương pháp ấy nữa. Trước hết, ông đem sự hiểu biết của mình mà dạy cho con, khiến con biết rõ tất cả mọi thứ cây thuốc trên cạn, dưới nước hoặc ở nơi núi rừng. Cứ như vậy, ông dần dần dạy cho con đủ tám phép trị bệnh, sau đó lại dạy đến những phương thuật khác mâu nhiệm và cao trổi hơn hết.

“Đức Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri cũng vậy, trước hết ngài dạy cho con là các vị tỳ-kheo về phương tiện dứt trừ tất cả phiền não, tu học quán tưởng toàn thân vốn không bền vững, đó là ví như dưới nước, trên cạn, hoặc ở nơi núi rừng. Dưới nước là ví thân chịu khổ

[mong manh] như bọt nước. Trên cạn là ví thân không bền vững, như thân cây chuối. Ở nơi núi rừng là ví như ở trong phiền não mà tu tập phép tướng vô ngã. Vì nghĩa ấy, thân được gọi là vô ngã. Như vậy, Như Lai dần dần dạy cho các đệ tử giáo pháp chín bộ kinh, khiến cho thông thuộc rõ biết. Kế đó, ngài mới dạy về tạng Như Lai sâu kín. Ngài thuyết cho các đệ tử nghe: ‘Như Lai là thường tồn.’ Như vậy, Như Lai thuyết Kinh Đại thừa Điển Đại Niết-bàn, ngài tạo nhân Bồ-đề cho các chúng sanh đã phát tâm hoặc chưa phát tâm, chỉ trừ bọn nhất-xiển-đề.

“Thiện nam tử! Kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này là vô lượng vô số như vậy, không thể nghĩ bàn, chưa từng có! Nên biết rằng kinh này là vị lương y cao trổi hơn hết, đáng tôn trọng nhất, đứng đầu trong tất cả kinh điển.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một chiếc thuyền lớn từ bờ biển bên này lướt sang bờ biển bên kia, lại từ bờ biển bên kia trở về bờ biển bên này. Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri lại cũng như vậy, ngài nương chiếc thuyền quý Đại thừa Đại Niết-bàn, đi qua lại mà cứu độ chúng sanh. Bất kỳ ở đâu, hễ có những chúng sanh có thể cứu độ, ngài đều khiến cho họ được thấy thân Như Lai. Vì nghĩa ấy, Như Lai được xưng là vị thuyền sư<sup>(23)</sup> cao trổi hơn hết. Cũng giống như khi có thuyền tất phải có thuyền sư, đã có thuyền sư tất phải có những chúng sanh vượt biển. Như Lai thường trụ, hóa độ chúng sanh lại cũng như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có người ở giữa biển cả, dùng thuyền [buồm] vượt biển. Nếu được gió thuận, trong chốc lát có thể đi được vô số do-tuần. Nếu không có gió, dù bao nhiêu năm cũng chẳng rời khỏi vị trí ban đầu. Đến lúc thuyền hư hoại, sẽ bị chìm xuống nước mà

chết. Chúng sanh cũng vậy, ở giữa biển lớn sanh tử ngu si, nương theo thuyền “các hành”. Nếu gặp được luồng gió Đại Bát Niết-bàn mạnh mẽ, ắt sẽ mau tới bờ đạo pháp Vô thượng. Nếu không gặp gió, ắt sẽ lưu chuyển lâu dài trong vô lượng sanh tử. Rồi khi thuyền “các hành” tan rã, sẽ đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có những người không gặp được gió lớn, phải ở lâu giữa biển cả, bèn tự nghĩ rằng: ‘Nay chúng ta chắc phải chết tại đây.’ Đang khi nghĩ như vậy thì bỗng gặp luồng gió thuận, liền theo đó mà vượt biển. Họ lại nói rằng: ‘Vui thích thay, ngọn gió này thật chưa từng có! Giúp chúng ta yên ổn qua khỏi được tai nạn giữa biển cả.’ Chúng sanh cũng vậy, ở lâu trong biển cả sanh tử ngu si, khốn khổ cùng lụy. Trong khi chưa gặp cơn gió Đại Niết-bàn này, hẳn phải nghĩ rằng: ‘Chúng ta chắc chắn sẽ phải đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.’ Đang khi nghĩ như vậy thì bỗng gặp luồng gió Đại thừa Đại Niết-bàn, liền thuận theo gió mà đi, vào được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, mới biết là chân thật, phát sanh ý tưởng cho là kỳ lạ, khen ngợi rằng: ‘Vui thích thay! Chúng ta từ xưa nay chưa từng nghe thấy tạng sâu kín như thế này của Như Lai.’ Lúc ấy họ liền phát sanh lòng tin trong sạch đối với kinh Đại Niết-bàn này.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như con rắn lột da, có chết mất chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, ngài dùng phương tiện thị hiện xả bỏ thân độc dữ. Có thể nói rằng Như Lai là vô thường, diệt mất chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, không thế.”

“Trong cõi Diêm-phù-đề này, Như Lai dùng phương tiện mà xả bỏ xác thân, cũng như con rắn kia lột bỏ bộ da cũ. Cho nên Như Lai gọi là thường trụ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người thợ vàng gặp được loại vàng ròng tốt, tùy ý làm ra đủ món đồ dùng. Như Lai cũng vậy, ở trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu, ngài có thể thị hiện mọi thứ sắc thân, vì muốn giáo hóa chúng sanh vượt thoát khỏi sanh tử. Cho nên Như Lai gọi là thân không giới hạn. Tuy ngài thị hiện đủ mọi thân hình, nhưng vẫn gọi là thường trụ, không biến đổi.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây am-la và cây diêm phù, mỗi năm thay đổi ba lần: trong khi nở hoa màu sắc sáng lên rực rỡ, lúc đâm chồi lá xanh um rậm rạp, vào mùa rụng lá lại trông giống như khô chết.

“Thiện nam tử! Ý ông thế nào? Cây ấy có thật là khô chết hay chẳng?”

“Bạch Thế Tôn! Không phải.”

“Thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, ở trong Ba cõi ngài thị hiện ba loại thân: có khi sơ sinh, có lúc trưởng thành, đến lúc lại vào Niết-bàn. Nhưng thân Như Lai thật chẳng phải là vô thường.”

Bồ Tát Ca-diếp khen rằng: “Lành thay! Đúng như lời Phật dạy, Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi.”

Thiện nam tử! Lời sâu kín của Như Lai rất sâu xa, khó hiểu. Ví như vị đại vương bảo quần thân: ‘Đem tiên-đà-bà<sup>(24)</sup> đến đây.’ Chỉ một tiếng tiên-đà-bà mà có bốn nghĩa: một là muối, hai là cái bát, ba là nước, bốn là ngựa. Bốn món ấy đều gọi cùng một tên. Vị quan có trí

tuệ khéo hiểu được tiếng ấy. Như khi vua tắm rửa, gọi tiên-đà-bà thì dâng nước. Như khi vua dùng cơm, gọi tiên-đà-bà thì dâng muối. Khi vua ăn xong muốn uống nước, gọi tiên-đà-bà thì dâng bát. Khi vua muốn dạo chơi, gọi tiên-đà-bà thì dâng ngựa. Như vậy, vị quan có trí tuệ khéo hiểu được bốn cách nói sâu kín của đại vương.

“Kinh Đại thừa này cũng vậy, có đủ bốn lẽ vô thường...<sup>(25)</sup> Vị quan Đại thừa có trí tuệ phải khéo hiểu được bốn lẽ ấy. Như khi Phật ra đời, vì chúng sanh thuyết giảng Niết-bàn của Như Lai, người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai vì những kẻ chấp lẽ thường còn nên mới thuyết dạy tư tưởng vô thường, khiến các vị tỳ-kheo tu tập phép quán tưởng vô thường.

“Hoặc khi Phật lại dạy: ‘Chánh pháp sắp diệt.’ Người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai vì những kẻ chấp lẽ vui thú nên thuyết dạy tư tưởng khổ, khiến các vị tỳ-kheo thường tu phép quán khổ.

“Hoặc khi Phật lại dạy: ‘Nay ta bệnh khổ, Chúng tăng bị phá hoại.’ Người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai vì những kẻ chấp ngã nên thuyết dạy tư tưởng vô ngã, khiến các vị tỳ-kheo tu tập phép quán vô ngã.

“Hoặc khi Phật lại dạy: ‘Cái gọi là không đó chính là giải thoát chân chánh. Người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai nói giải thoát chân chánh không có Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu, khiến các vị tỳ-kheo tu học phép quán không. Vì nghĩa ấy, giải thoát chân chánh gọi là không, cũng gọi là chẳng động. Gọi là chẳng động, đó là trong giải thoát không có khổ não. Cho nên chẳng động tức là giải thoát chân chánh, không có hình tướng. Gọi là không có hình tướng, nghĩa là không có các loại hình

sắc, âm thanh, hương vị, xúc cảm. Cho nên gọi là không hình tướng. Giải thoát chân chánh thường tồn không biến đổi. Trong giải thoát ấy không có sự vô thường, nóng bức, biến đổi. Cho nên giải thoát chân chánh gọi là thường trụ, không biến đổi, trong mát.

“Có khi Phật lại dạy: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Như Lai.’ Người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai thuyết dạy pháp thường tồn, khiến các vị tỳ-kheo tu pháp thường chân chánh. Nếu các vị tỳ-kheo có thể thuận theo đó mà tu học, nên biết rằng những người ấy thật là đệ tử của ta, khéo biết rõ tạng sâu kín của Như Lai, như vị quan có trí tuệ của đại vương kia hiểu rõ được ý vua.

“Thiện nam tử! Như vị vua kia còn có lời sâu kín, huống chi Như Lai lại chẳng có sao? Thiện nam tử! Cho nên giáo pháp sâu kín của Như Lai thật khó rõ biết được. Chỉ những người có trí tuệ mới có thể hiểu được pháp Phật rất thâm sâu, chẳng phải hạng phàm phu ở thế gian có thể đủ sức tin nhận.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây ba-la-xa, cây ca-ni-ca, cây a-thúc-ca, gặp khi nắng hạn chẳng sanh hoa trái. Cho đến các loài vật khác trên cạn dưới nước cũng đều khô héo, xác xơ, không được thấm nhuần ướt át, không thể tăng trưởng. Tất cả các loại cây thuốc đều không còn hiệu nghiệm.

“Thiện nam tử! Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy. Sau khi ta diệt độ, nếu có những chúng sanh không chịu cung kính thì kinh này không có oai đức. Vì sao vậy? Vì các chúng sanh ấy không biết được tạng sâu kín của Như Lai. Vì sao vậy? Vì các chúng sanh ấy kém phước đức.

“Lại nữa, thiện nam tử! Khi Chánh pháp Như Lai sắp diệt mất, bấy giờ sẽ có nhiều tỳ-kheo làm điều xấu ác, không rõ biết tạng sâu kín của Như Lai, lưỡi nhác chậm chạp, không thể đọc tụng, tuyên dương, phân biệt Chánh pháp của Như Lai. Ví như kẻ trộm cướp ngu si, vất bỏ những món quý báu, lại đi gánh vác cỏ rơm! Vì họ chẳng hiểu tạng sâu kín của Như Lai, cho nên đối với kinh này lưỡi nhác chẳng siêng năng. Thật nguy hiểm đáng thương thay! Đời vị lai đáng lo sợ thay! Khổ thay cho chúng sanh, không siêng năng nghe và thọ trì kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này. Chỉ có các vị Đại Bồ Tát mới có thể đối với kinh này nắm được nghĩa lý chân thật, không trói buộc nơi văn tự, tùy thuận không trái nghịch, vì chúng sanh mà thuyết giảng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cô gái chăn bò kia muốn bán sữa, vì tham lợi nên thêm vào hai phần nước, rồi bán cho cô gái khác. Cô này mua được sữa rồi lại thêm vào hai phần nước nữa, đem bán cho một cô gái ở gần thành. Mua sữa rồi, cô gái ở gần thành lại thêm vào hai phần nước, rồi đem bán cho cô gái ở trong thành. Cô gái ở trong thành mua sữa rồi lại thêm vào hai phần nước, kể đem ra chợ bán. Lúc ấy, có một người cưới vợ cho con, cần loại sữa tốt để đãi khách liền đến chợ để mua, nhưng cô gái bán sữa ấy đòi giá đắt hơn gấp nhiều lần. Người ấy nói rằng: ‘Sữa của cô pha nhiều nước, chẳng đúng như lời hứa của cô. Nhưng ngay hôm nay tôi cần đãi khách nên mới mua.’ Người ấy nhận lấy sữa, về nhà nấu thành món cháo sữa nhưng nếm chẳng có vị sữa. Tuy chẳng có vị sữa, nhưng so với vị đắng thì vẫn hơn cả nghìn lần. Vì sao vậy? Vì vị sữa là hơn hết trong tất cả các mùi vị.

“Thiện nam tử! Sau khi ta vào Niết-bàn, lúc Chánh Pháp chưa dứt, còn khoảng tám mươi năm, bấy giờ ở cõi Diêm-phù-đề kinh này sẽ được lưu truyền khắp nơi. Lúc ấy có những tỳ-kheo xấu ác cướp lấy kinh này rồi chia ra nhiều phần, có thể làm mất đi màu sắc, hương thơm và vị ngon của Chánh pháp. Những kẻ xấu ác ấy, tuy cũng đọc tụng kinh điển này, nhưng làm mất đi nghĩa lý cốt yếu sâu kín của Như Lai, đưa vào những lời lẽ hoa mỹ vô nghĩa của thế gian. Họ chép đoạn trước ra sau, đoạn sau ra trước, rồi lại chép đoạn trước và đoạn sau vào giữa, chép đoạn giữa vào nơi đoạn trước và đoạn sau. Nên biết rằng các tỳ-kheo xấu ác ấy là bạn hữu của ma. Họ thâm nhận và chứa trữ mọi vật bất tịnh, nói rằng: ‘Như Lai có cho phép tôi chứa trữ tất cả.’ Như cô gái chăn bò kia pha thêm nhiều nước vào sữa, các tỳ-kheo xấu ác cũng vậy, họ pha lẫn những lời thế tục làm sai lầm [ý nghĩa] kinh này, khiến nhiều chúng sanh chẳng nhận được sự thuyết dạy chân chánh, chẳng có được bản chép kinh chân chánh, cũng chẳng được nhận giữ kinh này một cách chân chánh để tôn trọng, ngợi khen, cúng dường cung kính. Các tỳ-kheo xấu ác ấy vì lợi dưỡng nên không thể truyền bá, lưu hành kinh này một cách rộng rãi. Chỗ truyền bá lưu hành của họ thật quá ít ỏi, không đáng kể.

“Như cô gái chăn bò nghèo khổ kia bán sữa qua nhiều người, cho đến khi nấu thành cháo thì chẳng còn mùi vị của sữa. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, lưu chuyển nhiều nơi mà trở nên mỏng manh, nhạt nhẽo, chẳng còn khí vị. Tuy chẳng còn khí vị, nhưng vẫn còn hơn các kinh khác cả ngàn lần. Cũng như mùi vị sữa kia so với vị đắng vẫn còn hơn cả ngàn lần. Vì sao



vậy? Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này, so với kinh điển của Thanh văn là bậc cao trội, cũng như sữa bò là vị ngon hơn hết trong tất cả các mùi vị. Vì nghĩa ấy nên gọi kinh này là Đại Niết-bàn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Tất cả mọi người, ai cũng cầu được làm thân nam tử. Vì sao vậy? Vì tất cả người nữ đều phải chịu mọi sự xấu kém.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như nước tiểu của con muỗi thì không thể làm cho khắp cõi đất này thấm ướt. Lòng dục khó thỏa của người nữ cũng giống như vậy. Ví như mang hết thảy cõi đất này vo lại thành những viên nhỏ như hạt cải, với số đàn ông nhiều như số hạt cải ấy cùng ăn nằm với một người đàn bà cũng không thể đủ! Giả sử đàn ông nhiều đến như số cát sông Hằng cùng làm việc dâm dục với một người đàn bà, cũng không thể đủ!

“Thiện nam tử! Ví như biển cả, hết thảy nước mưa trên trời đổ xuống và nước ở trăm sông đều chảy dồn về, nhưng biển vẫn chưa từng đầy tràn. Người đàn bà cũng thế, ví như tất cả [loài người] đều là đàn ông, cùng ăn nằm với một người đàn bà cũng vẫn không đủ!<sup>(26)</sup>

“Lại nữa, thiện nam tử! Như cây a-thúc-ca, cây ba-trá-la, cây ca-ni-ca, đến mùa xuân trở hoa, loài ong đến hút lấy hết vị tinh tế trong sắc đẹp và hương thơm của các hoa ấy, nhưng vẫn không biết chán. Người đàn bà ham muốn đàn ông cũng như thế, chẳng hề biết chán.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên những kẻ nam người nữ được nghe kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này thường nên chê bỏ thân tướng nữ nhân và cầu được thân nam tử. Vì sao vậy? Vì kinh điển Đại thừa này có tướng tượng phư, ấy là tánh Phật. Nếu ai không biết tánh

Phật ắt không có tướng nam tử. Vì sao vậy? Vì chẳng tự biết mình có tánh Phật.

“Như ai không biết được tánh Phật, ta gọi những người ấy là nữ nhân. Như ai tự biết mình có tánh Phật, ta nói rằng người ấy có tướng tượng phư.<sup>(27)</sup>

“Như có những người nữ nào có thể biết rằng tự thân mình quyết có tánh Phật, nên biết rằng những người ấy tức là nam tử.

“Thiện nam tử! Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này gồm thâu các công đức vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì thuyết giảng được tạng sâu kín của Như Lai. Cho nên những kẻ nam người nữ nào muốn mau chóng biết được tạng sâu kín của Như Lai thì nên tùy phương tiện mà siêng năng tu tập kinh này.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, như vậy! Đúng như lời Phật dạy, nay con nhờ có tướng tượng phư nên được vào tạng sâu kín của Như Lai. Hôm nay đức Như Lai vừa khai ngộ cho con, nhân đó con chắc chắn sẽ được thông đạt.”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông tùy thuận pháp thế gian mà nói như vậy.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa: “Con chẳng tùy thuận pháp thế gian.”

Phật khen Ca-diếp rằng: “Lành thay, lành thay! Nay ông đã biết được mùi vị của pháp cao trội hơn hết, rất thâm sâu khó biết, thế mà ông được biết. Như loài ong hút lấy mùi vị tinh tế nhất, ông cũng như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như nước tiểu của con muỗi chẳng thể thấm ướt khắp cõi đất này. Sự lưu hành phân

bố của kinh này trong tương lai cũng vậy, [không thể nào đủ khắp]. Cũng như nước tiểu của loài muỗi, kinh này về thuở Chánh pháp sắp diệt sẽ bị mất đi ở cõi đất này trước hết. Nên biết rằng đó tức là tướng suy của Chánh pháp.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vừa qua hết mùa hạ, tháng đầu mùa thu trời mưa liên miên nhiều ngày. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, vì các vị Bồ Tát ở phương Nam mà sẽ tuôn mưa pháp thấm đẫm khắp nơi. Khi Chánh pháp sắp dứt mất, kinh này sẽ đến xứ Kế Tân,<sup>(28)</sup> đầy đủ không thiếu, được chôn giấu trong lòng đất. Hoặc có người tin, hoặc có người không tin, pháp vị cam lộ của kinh điển Phương đẳng Đại thừa này cũng sẽ nằm sâu trong lòng đất. Kinh này mất đi rồi, tất cả các kinh điển Đại thừa cũng đều sẽ dứt mất. Nếu như ai có được kinh này, đầy đủ không thiếu, đó là bậc cao quý vượt trội giữa loài người. Các vị Bồ Tát nên biết rằng Chánh pháp vô thượng của Như Lai còn chẳng bao lâu nữa sẽ dứt mất.”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN CHÍN

## CHÚ GIẢI

1. Trong Nam bản là phẩm Nguyệt dụ thứ 15, theo bản dịch kinh Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiền thì đây cũng là phẩm Nguyệt dụ, nhưng là phẩm thứ 16.
2. Chúng ta không thể không lấy làm ngạc nhiên với sự giải thích này vào thời đức Phật! Mãi cho đến nhiều thế kỷ về sau phương Tây vẫn chưa hiểu đúng được về hiện tượng mọc lặn của mặt trời, mặt trăng, vẫn không thể hình dung đúng rằng trái đất là một quả cầu lơ lửng giữa không trung, nhưng từ thời đức Phật đã mô tả hiện tượng mọc lặn, tròn khuyết của mặt trăng không khác gì chúng ta ngày nay!
3. Năm tội nghịch (Ngũ nghịch tội): 1. Giết cha, 2. Giết mẹ, 3. Giết A-la-hán, 4. Phá Hòa hiệp Tăng, 5. Làm thân Phật chảy máu. Kể phạm Năm tội nghịch này, sau khi chết堕 vào Địa ngục Vô gián, nên cũng gọi năm tội ấy là Ngũ Vô gián tội.
4. Nhất-xiển-đề (icchantika): từ dịch âm tiếng Phạn, chỉ người hoàn toàn không có lòng tin nơi Phật pháp, nên cũng dịch nghĩa là đoạn thiện căn hay tín bất cụ túc.
5. Phiên âm từ Phạn ngữ Abhidharma, tức Luận tạng, cũng đọc là A-tì-đạt-ma.
6. Ma phiền-não, Ma ám, Ma chết, Thiên ma: đó là bốn loại Ma. 1. Phiền não ma: Do tham, sân, si sanh khởi, làm não hại thân và tâm. 2. Ám ma (năm ám, hay năm uẩn): bao gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hợp lại thành thân tâm chúng sanh, là nguyên nhân của vô số khổ não. 3. Tử ma: Sự chết làm dứt mạng căn chúng sanh, là trở ngại không ai vượt qua được. 4. Thiên ma: do vị Tha hóa tự tại thiên (Ma vương) làm chủ, tìm mọi cách để ngăn cản, gây trở ngại cho sự tu tập, hành trì.
7. Thời tiết ở Ấn Độ chỉ có 3 mùa như được trình bày ở đây.
8. Tuần trăng tối (hắc nguyệt): Từ ngày mười sáu đến cuối tháng, trăng ngày càng tối hơn. Ngược lại, tuần trăng sáng (bạch nguyệt) là từ mồng một đến ngày rằm, trăng ngày càng sáng hơn.
9. Phật Bích-chi (Pratyekabuddha), cũng đọc là Bích-chi-ca, dịch nghĩa là Duyên giác, Độc giác. Phật Bích-chi là vị sanh ra nhằm lúc không có Phật ra đời, nhờ quán xét 12 nhân duyên mà được giác ngộ, nên gọi là Duyên giác. Vì tự mình tu học vào thời không có Phật, đạt được giải thoát và nhập Niết-bàn nên gọi là Độc giác.
10. Nghiệp ác vô gián: những nghiệp ác rất nặng nề, phải堕 vào địa ngục Vô gián, nghĩa là phải chịu đựng những hình phạt khổ não không lúc nào gián đoạn.

11. Lấy ý trong ví dụ trước đây, ngày mùa hạ rất dài, ví như đời sống vô lượng của chư Phật.
12. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu phẩm Bồ Tát thứ 16 (Bồ Tát phẩm đệ thập lục). Bản Đại Bát Nê-hoàn kinh đến đây dứt phẩm thứ 16 (quyển 5), bắt đầu quyển 6, phẩm Vấn Bồ Tát thứ 17 nhưng có một đoạn ngắn nội dung không thấy trong bản dịch của ngài Đàm-vô-sấm.
13. Tứ y: Xem lại quyển 6, phẩm 4, phần 3. Đó là: 1. Y theo pháp, chẳng y theo người. 2. Y theo nghĩa, chẳng y theo lời. 3. Y theo trí, chẳng y theo thức. 4. Y theo kinh liễu nghĩa, chẳng y theo kinh bất liễu nghĩa.
14. Ba đường dữ (Tam ác đạo, hay Tam ác thú): Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Đó là ba cảnh giới mà những chúng sanh tạo nhiều nghiệp ác phải thọ sanh vào, chịu nhiều khổ não.
15. Các mối trói buộc (chư kết): Vì các phiền não trói buộc thân tâm cho nên gọi là các mối trói buộc.
16. A-lan-nhã, a-luyện-nhã (Sanskrit: *aranya*), dịch nghĩa: không nhà, nhàn cư. Tiếng dùng để chỉ đến những nơi trống vắng như mồ mã, đồng hoang, rừng vắng, núi cao... nơi mà những bậc xuất gia tu hành quyết chí đi đến để tập trung tu tập thiền định tịch tĩnh, tránh xa mọi sự tranh chấp. Ngoài cách dùng a-lan-nhã xứ để chỉ những nơi như thế, còn dùng pháp a-lan-nhã và hạnh a-lan-nhã để chỉ pháp tu và công hạnh của những vị này.
17. Ma-ni (Mani), dịch nghĩa là ly cấu (lìa khỏi sự dơ nhớp), là như ý (theo đúng như ý muốn). Hạt châu ma-ni là loại châu báu quý nhất, được tin là có thể làm cho người chủ sở hữu nó muốn gì cũng được như ý, nên gọi là như ý châu.
18. Ưu-bát-la, bát-đầu-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-lỵ: Bốn loại hoa sen màu sắc khác nhau. Ưu-bát-la là hoa sen xanh, bát-đầu-ma là hoa sen hồng, câu-vật-đầu là hoa sen vàng, phân đà lỵ là hoa sen trắng.
19. Pháp khí: Căn khí của người có thể chấn hưng đạo Phật, nhận lấy pháp tạng để truyền bá cho đời, ví như cái bát (khí) đựng cơm của vị tỳ-kheo. Bậc pháp khí là người có khả năng thọ nhận và rộng truyền các pháp môn của Phật.
20. Nguyên bản dùng “tất tử” (nhất định phải chết). Theo Nam bản thì chỗ này dùng cách phiên âm Phạn ngữ là a-tát-xà (*asādhya*). Huyền ứng âm nghĩa quyển 3 giải thích rằng từ này chỉ những bệnh không thể trị được (bất khả trị bệnh).
21. Tám thứ bệnh nhiệt tức là tám nỗi khổ của chúng sanh (Bát khổ), bao gồm: sanh, lão, bệnh, tử, xa người yêu mến, gần kẻ oán thù, mong cầu chẳng được, năm ấm chẳng điều hòa.
22. Phi nhân: Chẳng phải người, loài chúng sanh không có thân xác như người.
23. Thuyền sư: người chỉ huy con tàu trên biển, như thuyền trưởng ngày nay.
24. Tiên-đà-bà: phiên âm từ Phạn ngữ saindhava, nghĩa thường dùng là thạch diêm

(muối), nhưng theo đoạn này thì gồm đủ bốn nghĩa là diêm, khí, thủy, mã (muối, bát đựng, nước, ngựa). Các bản luận giải thường trích dẫn ví dụ này với tên là “nhất danh tứ thật” (một tên bốn nghĩa).

25. Đó là các lẽ vô thường, khổ, vô ngã và không.
26. Ở đây muốn nhấn mạnh ý nghĩa là tính dục không bao giờ có thể thỏa mãn hoàn toàn. Bởi vì sự thỏa mãn tính dục cũng chính là nguyên nhân làm sanh khởi tính dục ở mức độ cao hơn, và vòng lẩn quẩn như thế sẽ mãi mãi tồn tại, phát triển, trừ khi người tu có thể đoạn trừ tận gốc rễ của tính dục. Trong nhiều kinh điển khác, đức Phật thường đưa ra ví dụ người khát uống nước muối, càng uống lại càng khát nhiều hơn nữa.
27. Theo cách phân biệt như nêu trong đoạn này thì sự khác biệt giữa hình tướng nam nữ không còn quan trọng nữa, cũng không có ý nghĩa gì trong sự xác định năng lực giải thoát của một người.
28. Nước Kế Tân, tiếng Phạn là *Gāndhāra*, cũng phiên âm là Kiên-đà-la, là một nước thuộc Ấn Độ thời cổ, nằm ở phía bắc lưu vực Ngũ Hà, vùng hạ du sông Kabul, thuộc tây bắc Ấn Độ ngày nay.

# 大般涅槃經

## 卷第十如來性品第四之七

爾時文殊師利白佛言。世尊。今此純陀猶有疑心。唯願如來重為分別令得除斷。

佛言。善男子。云何疑心汝當說之當為斷除。

文殊師利言。純陀心疑如來常住以得知見佛性力故。若見佛性而為常者。本未見時應是無常。若本無常後亦應爾。何以故。如世間物本無今有已有還無。如是等物悉是無常。以是義故諸佛菩薩聲聞緣覺無有差別。

爾時世尊。即說偈曰。

本有今無  
本無今有  
三世有法  
無有是處。

善男子。以是義故。諸佛菩薩聲聞緣覺。亦有差別亦無差別。

文殊師利讚言。善哉誠如聖教。我今始解諸佛菩薩聲聞緣覺亦有差別亦無差別。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ THẬP - NHƯ LAI TÁNH PHẨM - *Đệ tứ chi thất*

Nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Kim thủ Thuần-đà du hữu nghi tâm. Duy nguyện Như Lai trùng vi phân biệt linh đặc trừ đoạn.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Văn hà nghi tâm? Nhữ đương thuyết chi đương vị đoạn trừ.

Văn-thù-sư-lợi ngôn: Thuần-đà tâm nghi: Như Lai thường trụ dĩ đặc tri kiến Phật tánh lực cố. Nhược kiến Phật tánh nhi vi thường giả bản vị kiến thời ưng thị vô thường. Nhược bản vô thường hậu diệc ưng nhĩ. Hà dĩ cố? Như thế gian vật bản vô kim hữu, dĩ hữu hoàn vô. Như thị đẳng vật tất thị vô thường. Dĩ thị nghĩa cố chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác vô hữu sai biệt.

Nhĩ thời, Thế Tôn tức thuyết kệ viết:

Bổn hữu kim vô,  
Bổn vô kim hữu.  
Tam thế hữu pháp,  
Vô hữu thị xứ.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác diệc hữu sai biệt, diệc vô sai biệt.

Văn-thù-sư-lợi tán ngôn: Thiện tai! Thành như thánh giáo. Ngã kim thủy giải chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác diệc hữu sai biệt, diệc vô sai biệt.

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來所說諸佛菩薩聲聞緣覺性無差別。唯願如來分別廣說利益安樂一切衆生。

佛言。善男子。諦聽諦聽當爲汝說。

善男子。譬如長者子。多畜乳牛有種種色。常令一人守護將養。是人有時爲祠祀故盡穀諸牛著一器中。見其乳色同一白色尋便驚怪。牛色各異。其乳云何皆同一色。是人思惟如此一切皆是衆生業報因緣令乳色一。

善男子。聲聞緣覺菩薩亦爾。同一佛性猶如彼乳。所以者何。同盡漏故而諸衆生言。佛菩薩聲聞緣覺而有差別。有諸聲聞凡夫之人疑於三乘云何無別。是諸衆生久後自解一切三乘同一佛性。猶如彼人悟解乳相由業因緣。

復次善男子。譬如金鑛陶鍊滓穢然後消融成金之後價值無量。

善男子。聲聞緣覺菩薩亦爾。皆得成就同一佛性。何以故。除煩惱故如彼金鑛除諸滓穢。以是義故。一切衆生同一佛性無有差別。以其先聞如來密藏後成佛時自然得知。如彼長者知乳一相。何以故。以斷無量億煩惱故。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác tánh vô sai biệt. Duy nguyện Như Lai phân biệt quảng thuyết, lợi ích an lạc nhất thiết chúng sanh.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Đế thính, đế thính! Đương vị nữ thuyết.

Thiện nam tử! Như trưởng giả tử đa súc nữ ngu hữu chủng chủng sắc. Thường linh nhất nhân thủ hộ tương dưỡng. Thị nhân hữu thời vị từ tự cố, tận cấu chư ngu trước nhất khí trung. Kiến kỳ nữ sắc đồng nhất bạch sắc, tâm tiện kinh quái: “Ngu sắc các dị kỳ nữ vân hà giai đồng nhất sắc?” Thị nhân tư duy: “Như thủ nhất thiết giai thị chúng sanh nghiệp báo nhân duyên linh nữ sắc nhất.”

Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát diệt nhị, đồng nhất Phật tánh do như bỉ nữ. Sở dĩ giả hà? Đồng tận lậu cố. Nhi chư chúng sanh ngôn Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác nhi hữu sai biệt. Hữu chư Thanh văn, phạm phu chi nhân nghi ư tam thừa: vân hà vô biệt? Thị chư chúng sanh cứu hậu tự giải nhất thiết tam thừa đồng nhất Phật tánh, do như bỉ nhân ngộ giải nữ tướng do nghiệp nhân duyên.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như kim khoáng đào luyện chỉ uest, nhiên hậu tiêu dung. Thành kim chi hậu giá trị vô lượng.

Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát diệt nhị giai đắc thành tựu đồng nhất Phật tánh. Hà dĩ cố? Trừ phiền não cố như bỉ kim khoáng trừ chư chỉ uest. Dĩ thị nghĩa cố nhất thiết chúng sanh đồng nhất Phật tánh vô hữu sai biệt. Dĩ kỳ tiên văn Như Lai mật tạng hậu thành Phật thời, tự nhiên đắc tri như bỉ trưởng giả tri nữ nhất tướng. Hà dĩ cố? Dĩ đoạn vô lượng ức phiền não cố.

迦葉菩薩白佛言。世尊。若一切衆生有佛性者。佛與衆生有何差別。如是說者多有過咎。若諸衆生皆有佛性。何因緣故舍利弗等以小涅槃而般涅槃。緣覺之人於中涅槃而般涅槃。菩薩之人於大涅槃而般涅槃。如是等人若同佛性。何故不同如來涅槃而般涅槃。

善男子。諸佛世尊所得涅槃。非諸聲聞緣覺所得。以是義故大般涅槃名爲善有。世若無佛非無二乘得二涅槃。

迦葉復言。是義云何。

佛言。無量無邊阿僧祇劫乃有一佛出現於世開示三乘。

善男子。如汝所言菩薩二乘無差別者。我先於此如來密藏大涅槃中已說其義。諸阿羅漢無有善有。何以故。諸阿羅漢悉當得是大涅槃故。以是義故大般涅槃有畢竟樂。是故名爲大般涅槃。

迦葉言。如佛說者我今始知差別之義無差別義。何以故。一切菩薩聲聞緣覺未來之世皆當歸於大般涅槃。譬如衆流歸於大海。是故聲聞緣覺之人悉名爲常非是無常。以是義故亦有差別亦無差別。

迦葉言。云何性差別。

佛言善男子。聲聞如乳緣覺如酪。菩薩之人如

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược nhất thiết chúng sanh hữu Phật tánh giả, Phật dĩ chúng sanh hữu hà sai biệt? Như thị thuyết giả đa hữu quá cứu. Nhược chư chúng sanh giai hữu Phật tánh hà nhân duyên cố, Xá-lợi-phát đẳng dĩ tiểu Niết-bàn nhi bát Niết-bàn? Duyên giác chi nhân ư trung Niết-bàn nhi bát Niết-bàn? Bồ Tát chi nhân ư Đại Niết-bàn nhi bát Niết-bàn? Như thị đẳng nhân nhược đồng Phật tánh, hà cố bất đồng Như Lai Niết-bàn nhi bát Niết-bàn?

Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn sở đắc Niết-bàn, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở đắc. Dĩ thị nghĩa cố Đại Bát Niết-bàn danh vi thiện hữu. Thế nhược vô Phật, phi vô nhị thừa đắc nhị Niết-bàn.

Ca-diếp phục ngôn: Thị nghĩa vân hà?

Phật ngôn: Vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nãi hữu nhất Phật xuất hiện ư thế khai thị tam thừa.

Thiện nam tử! Như nhữ sở ngôn, Bồ Tát nhị thừa vô sai biệt giả. Ngã tiên ư thủ Như Lai mật tạng Đại Niết-bàn trung dĩ thuyết kỳ nghĩa. Chư A-la-hán vô hữu thiện hữu. Hà dĩ cố? Chư A-la-hán tất đương đắc thị Đại Niết-bàn cố. Dĩ thị nghĩa cố Đại Bát Niết-bàn hữu tất cánh lạc. Thị cố danh vi Đại Bát Niết-bàn.

Ca-diếp ngôn: Như Phật thuyết giả ngã kim thủy tri sai biệt chi nghĩa vô sai biệt nghĩa. Hà dĩ cố? Nhất thiết Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác vị lai chi thế giai đương qui ư Đại Bát Niết-bàn, thí như chúng lưu qui ư đại hải. Thị cố Thanh văn, Duyên giác chi nhân tất danh vi thường, phi thị vô thường. Dĩ thị nghĩa cố diệc hữu sai biệt, diệc vô sai biệt.

Ca-diếp ngôn: Vân hà tánh sai biệt?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thanh văn như nhữ, Duyên giác như lạc, Bồ Tát chi nhân như sanh, thực tô, chư Phật Thế Tôn

生熟酥。諸佛世尊猶如醍醐。以是義故大涅槃中說四種性而有差別。

迦葉復言。一切衆生性相云何。

佛言。善男子。如牛新生乳血未別。凡夫之性雜諸煩惱亦復如是。

迦葉復言。拘尸那城有旃陀羅名曰歡喜。佛記是人由一發心。當於此界千佛數中速成無上正真之道。以何等故如來不記尊者舍利弗目犍連等速成佛道。

佛言。善男子。或有聲聞緣覺菩薩作誓願言。我當久久護持正法然後乃成無上佛道。以發速願故與速記。

復次善男子。譬如商人有無價寶詣市賣之。愚人見已不識輕笑。寶主唱言我此寶珠價值無數。聞已復笑各各相謂。此非真寶是頗梨珠。

善男子。聲聞緣覺亦復如是。若聞速記則便懈怠輕笑薄賤。如彼愚人不識真寶。於未來世有諸比丘。不能翹勤修習善法。貧窮困苦饑餓所逼。因是出家長養其身。心志輕燥邪命諂曲。若聞如來授諸聲聞速疾記者。便當大笑輕慢毀訾。當知是等即是破戒。自言已得過人之法。以是義故隨發速願故與速記。護正法者為授遠記。

do như đề hồ. Dĩ thị nghĩa cố Đại Niết-bàn trung thuyết tứ chủng tánh nhi hữu sai biệt.

Ca-diếp phục ngôn: Nhất thiết chúng sanh tánh tướng vân hà?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như ngu nhân sanh, nhũ, huyết vị biệt. Phạm phu chi tánh tạp chư phiền não diệc phục như thị.

Ca-diếp phục ngôn: Câu-thi-na thành hữu chiên-đà-la danh viết Hoan Hỷ. Phật ký thị nhân do nhất phát tâm đương ư thủ giới thiên Phật số trung tốc thành vô thượng chánh chân chi đạo. Dĩ hà đẳng cố Như Lai bất ký tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đẳng tốc thành Phật đạo?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Hoặc hữu Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát tác thệ nguyện ngôn: “Ngã đương cứu cứu hộ trì chánh pháp, nhiên hậu nãi thành vô thượng Phật đạo.” Dĩ phát tốc nguyện cố dĩ tốc ký.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như thương nhân hữu vô giá bảo nghệ thị mại chi. Ngu nhân kiến dĩ bất thức khinh tiếu. Bảo chủ xướng ngôn: “Ngã thủ bảo châu giá trị vô số.” Văn dĩ, phục tiếu, các các tương vị: “Thủ phi chân bảo thị pha lê châu.”

Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác diệc phục như thị. Nhược văn tốc ký tác tiện giải đãi, khinh tiếu bạc tiện như bỉ ngu nhân bất thức chân bảo. Ư vị lai thế hữu chư tà-kheo bất năng kiêu cần tu tập thiện pháp, bản cùng khốn khổ cơ ngã sở bức, nhân thị xuất gia trưởng dưỡng kỳ thân, tâm chí khinh tháo tà mạng siểm khúc. Nhược văn Như Lai thọ chư Thanh văn tốc tạt ký giả, tiện đương đại tiếu khinh mạng hủy tử. Đương tri thị đẳng tức thị phá giới, tự ngôn dĩ đắc quá nhân chi pháp. Dĩ thị nghĩa cố tùy phát tốc nguyện, cố dĩ tốc ký. Hộ chánh pháp giả vị thọ viễn ký.

迦葉菩薩復白佛言。世尊。菩薩摩訶薩云何當得不壞眷屬。

佛告迦葉。若諸菩薩勤加精進欲護正法。以是因緣所得眷屬不可沮壞。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。何因緣故衆生得此脣口乾焦。

佛告迦葉。若有不識三寶常存。以是因緣脣口乾焦。如人口爽不知甜苦辛酢鹹淡六味差別。一切衆生愚癡無智不識三寶是常存法。是故名爲脣口乾焦。

復次善男子。若有衆生不知如來是常住者。當知是人則爲生盲。若知如來是常住者。如是之人雖是肉眼我說是等名爲天眼。

復次善男子。若有能知如來是常。當知是人久已修習如是經典。我說是等亦名天眼。雖有天眼而不能知如來是常。我說斯等名爲肉眼。是人乃至不識自身手脚肢節。亦復不能令他識知。以是義故名爲肉眼。

復次善男子。如來常爲一切衆生而作父母。所以者何。一切衆生種種形類二足四足多足無足。佛以一音而爲說法。彼彼異類各自得解各各歎言。如來今日爲我說法。以是義故名爲父母。

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát vân hà đương đắc bất hoại quyến thuộc?

Phật cáo Ca-diếp: Nhược chư Bồ Tát cần gia tinh tấn, dục hộ chánh pháp dĩ thị nhân duyên sở đắc quyến thuộc bất khả tư hoại.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Hà nhân duyên cố chúng sanh đắc thủ thân khẩu càn tiêu?

Phật cáo Ca-diếp: Nhược hữu bất thức Tam bảo thường tồn dĩ thị nhân duyên thân khẩu càn tiêu. Như nhân khẩu sảng bất tri điềm, khổ, tân, thố, hàm, đạm lục vị sai biệt. Nhất thiết chúng sanh ngu si vô trí bất thức Tam bảo thị thường tồn pháp, thị cố danh vi thân khẩu càn tiêu.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh bất tri Như Lai thị thường trụ giả, đương tri thị nhân tác vi sanh manh. Nhược tri Như Lai thị thường trụ giả, như thị chi nhân tuy thị nhục nhãn ngã thuyết thị đẳng danh vi thiên nhãn.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược hữu năng tri Như Lai thị thường đương tri thị nhân cửu dĩ tu tập như thị kinh điển. Ngã thuyết thị đẳng diệc danh thiên nhãn. Tuy hữu thiên nhãn nhi bất năng tri Như Lai thị thường ngã thuyết tư đẳng danh vi nhục nhãn. Thị nhân nãi chí bất thức tự thân thủ cước chi tiết diệc phục bất năng linh tha thức tri. Dĩ thị nghĩa cố danh vi nhục nhãn.

Phục thứ, thiện nam tử! Như Lai thường vị nhất thiết chúng sanh nhi tác phụ mẫu. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết chúng sanh chủng chủng hình loại nhị túc, tứ túc, đa túc, vô túc, Phật dĩ nhất âm nhi vị thuyết pháp. Bỉ bỉ dị loại các tự đắc giải các các thân ngôn: “Như Lai kim nhật vị ngã thuyết pháp.” Dĩ thị nghĩa cố danh vi phụ mẫu.



復次善男子。如人生子始十六月。雖復語言未可解了。而彼父母欲教其語先同其音漸漸教之。是父母語可不正耶。

不也世尊。

善男子。諸佛如來亦復如是。隨諸衆生種種音聲而爲說法。爲令安住於正法故。隨所應見而爲示現種種形像。如來如是同彼語言可不正耶。

不也世尊。

何以故。如來所說如師子吼。隨順世間種種音聲而爲衆生演說妙法。

## 一切大眾所問品 第五之一

爾時世尊。從其面門放種種色青黃赤白紅紫光明。照純陀身純陀遇已。與諸眷屬持諸餽饌皆往佛所。欲奉如來及比丘僧最後供養。種種器物充滿具足持至佛前。

爾時有大威德天人而遮其前周帀圍繞謂純陀言。且住純陀勿便奉施。

當爾之時如來復放無量無邊種種光明。諸天大眾遇斯光已。尋聽純陀前至佛所奉其所施。

Phục thứ, thiện nam tử! Như nhân sanh tử thủy thập lục nguyệt. Tuy phục ngữ ngôn vị khả giải liễu. Nhi bỉ phụ mẫu dục giáo kỳ ngữ, tiên đồng kỳ âm tiệm tiệm giáo chi. Thị phụ mẫu ngữ khả bất chánh da?

Phát dã Thế Tôn!

Thiện nam tử! Chư Phật Như Lai diệt phục như thị. Tùy chư chúng sanh chủng chủng âm thanh nhi vị thuyết pháp, vị linh an trụ ư chánh pháp cố. Tùy sở ứng kiến nhi vị thị hiện chủng chủng hình tượng. Như Lai như thị đồng bỉ ngữ ngôn khả bất chánh da?

Phát dã Thế Tôn!

Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết như sư tử hống. Tùy thuận thế gian chủng chủng âm thanh, nhi vị chúng sanh diễn thuyết diệu pháp.

## NHẤT THIẾT ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN PHẨM Đệ ngũ chi nhất

Nhĩ thời Thế Tôn tòng kỳ diện môn phóng chủng chủng sắc: thanh, hoàng, xích, bạch, hồng, tử quang minh chiếu Thuần-đà thân. Thuần-đà ngộ dĩ dĩ chư quyển thuộc, trì chư hào soạn giai vãng Phật sở, dục phụng Như Lai cập tỳ-kheo tăng tối hậu cúng dường. Chủng chủng khí vật sung mãn cụ túc trì chí Phật tiền.

Nhĩ thời hữu đại oai đức thiên nhân nhi già kỳ tiên, châu táp vi nhiều, vị Thuần-đà ngôn: Thả trụ Thuần-đà! Vật tiện phụng thí.

Đương nhĩ chi thời Như Lai phục phóng vô lượng vô biên chủng chủng quang minh. Chư thiên đại chúng ngộ tư quang dĩ tâm thính Thuần-đà tiên chí Phật sở phụng kỳ sở thí.

爾時天人及諸衆生。各各自取所持供養至於佛前長跪白佛。唯願如來。聽諸比丘受此飲食。

時諸比丘知是時故執持衣鉢一心安祥。爾時純陀爲佛及僧布置種種師子寶座。懸繒幡蓋香華瓔珞。爾時三千大千世界莊嚴微妙。猶如西方安樂國土。

爾時純陀住於佛前憂悲悵快重白佛言。唯願如來。猶見哀愍住壽一切若減一劫。

佛告純陀。汝欲令我久住世者。宜當速奉最後具足檀波羅密。

爾時一切菩薩摩訶薩。天人雜類異口同音唱如是言。奇哉純陀。成大福德能令如來受取最後無上供養。而我等輩無福所致。所設供具則爲唐捐。

爾時世尊欲令一切衆望滿足於自身上一一毛孔化無量佛。一一諸佛各有無量諸比丘僧。是諸世尊及無量衆皆悉示現受其供養。釋迦如來自受純陀所奉設者。爾時純陀所持粳糧成熟之食。摩伽陀國滿足八斛。以佛神力皆悉充足一切大會。

爾時純陀見是事已心生歡喜踊躍無量。一切大衆亦復如是。爾時大衆承佛聖旨各作是念。如來今已受我等施不久便當入於涅槃。作是念已心生悲喜。

Nhĩ thời thiên nhân cập chư chúng sanh, các các tự thủ sở trì cúng dường chí ư Phật tiên, trường qui bạch Phật: Duy nguyện Như Lai thỉnh chư tỳ-kheo thọ thủ ẩm thực.

Thời chư tỳ-kheo tri thị thời cố chấp trì y bát nhất tâm an tường. Nhĩ thời Thuần-đà vị Phật cập Tăng bố trí chúng chúng sư tử bảo tòa, huyền tăng phan cái, hương hoa anh lạc. Nhĩ thời tam thiên đại thiên thế giới, trang nghiêm vi diệu do như Tây phương An Lạc quốc độ.

Nhĩ thời Thuần-đà trụ ư Phật tiên ưu bi trưởng ưởng, trùng bạch Phật ngôn: Duy nguyện Như Lai du kiến ai mãn trụ thọ nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp.

Phật cáo Thuần-đà: Nhữ dục linh ngã cửu trụ thế giả, nghi đương tốc phụng tối hậu cụ túc Đản Ba-la-mật.

Nhĩ thời nhất thiết Bồ Tát ma-ha-tát, thiên nhân tạp loại dị khẩu đồng âm xưng như thị ngôn: Kỳ tai Thuần-đà! Thành đại phước đức năng linh Như Lai thọ thủ tối hậu vô thượng cúng dường. Nhi ngã đẳng bối vô phước sở trí sở thiết cúng cụ tác vi đường quyên.

Nhĩ thời Thế Tôn dục linh nhất thiết chúng vọng mãn túc ư tự thân thượng, nhất nhất mao khổng hoá vô lượng Phật, nhất nhất chư Phật các hữu vô lượng chư tỳ-kheo tăng. Thị chư Thế Tôn cập vô lượng chúng giai tất thị hiện thọ kỳ cúng dường. Thích-ca Như Lai tự thọ Thuần-đà sở phụng thiết giả. Nhĩ thời Thuần-đà sở trì canh lương thành thực chi thực, Magià-đà quốc mãn túc bát斛. Dĩ Phật thần lực giai tất sung túc nhất thiết đại hội.

Nhĩ thời Thuần-đà kiến thị sự dĩ, tâm sanh hoan hỷ dũng dượ vô lượng. Nhất thiết đại chúng diệc phục như thị. Nhĩ thời đại chúng thừa Phật thánh chỉ các tác thị niệm: Như Lai kim dĩ thọ ngã đẳng thí, bất cửu tiện đương nhập ư Niết-bàn. Tác thị niệm dĩ tâm sanh bi hỷ.

爾時樹林其地狹小。以佛神力如針鋒處皆有無量諸佛世尊及其眷屬等坐而食。所食之物亦無差別。

是時天人阿修羅等啼泣悲歎而作是言。如來今日已受我等最後供養。受供養已當般涅槃。我等當復更供養誰。我今永離無上調御盲無眼目。

爾時世尊為欲慰喻一切大眾。而說偈言。

汝等莫悲歎  
諸佛法應爾  
我入於涅槃  
已經無量劫  
常受最勝樂  
永處安隱處  
汝今至心聽  
我當說涅槃  
我已離食想  
終無饑渴患  
我今當為汝  
說其隨順願  
令諸一切眾  
咸得安隱樂  
汝聞應修行  
諸佛法常住  
假使烏角鴟  
同共一樹棲

Nhĩ thời thọ lâm kỳ địa hiệp tiểu, dĩ Phật thần lực như châm phong xú, giai hữu vô lượng chư Phật Thế Tôn cập kỳ quyến thuộc đẳng tọa nhi thực. Sở thực chi vật diệc vô sai biệt.

Thị thời thiên, nhân, a-tu-la đẳng đề khắp bi thán, nhi tác thị ngôn: Như Lai kim nhật dĩ thọ ngã đẳng tối hậu cúng dường. Thọ cúng dường dĩ đương bát Niết-bàn. Ngã đẳng đương phục cánh cúng dường thù? Ngã kim vĩnh ly vô thượng Điều Ngự manh vô nhãn mục.

Nhĩ thời Thế Tôn vị dục ỷ dụ nhất thiết đại chúng nhi thuyết kệ ngôn:

Nhữ đẳng mạc bi thán,  
Chư Phật pháp ưng nhĩ.  
Ngã nhập ư Niết-bàn,  
Dĩ kinh vô lượng kiếp.  
Thường thọ tối thắng lạc,  
Vĩnh xử an ổn xú.  
Nhữ kim chí tâm thính,  
Ngã đương thuyết Niết-bàn.  
Ngã dĩ ly thực tưởng,  
Chung vô cơ khát hoạn.  
Ngã kim đương vị nhữ,  
Thuyết kỳ tùy thuận nguyện.  
Linh chư nhất thiết chúng,  
Hàm đắc an ổn lạc.  
Nhữ văn ưng tu hành,  
Chư Phật pháp thường trụ.  
Giả sử ô, giác si,  
Đồng cộng nhất thọ thê,

猶如親兄弟  
 爾乃永涅槃  
 如來視一切  
 猶如羅睺羅  
 常為衆生尊  
 云何永涅槃  
 假使蛇鼠狼  
 同處一穴遊  
 相愛如兄弟  
 爾乃永涅槃  
 如來視一切  
 猶如羅睺羅  
 常為衆生尊  
 云何永涅槃  
 假使七葉華  
 轉為婆師香  
 迦留迦果樹  
 轉為鎮頭果  
 爾乃入涅槃  
 如來視一切  
 猶如羅睺羅  
 云何捨慈悲  
 永入於涅槃  
 假使一闍提  
 現身成佛道  
 永處第一樂  
 爾乃入涅槃

Do như thân huynh đệ  
 Nhĩ nãi vĩnh Niết-bàn  
 Như Lai thị nhất thiết,  
 Do như La-hầu-la,  
 Thường vi chúng sanh tôn,  
 Vân hà vĩnh Niết-bàn?  
 Giả sử xà, thú, lang,  
 Đồng xử nhất huyết du,  
 Tương ái như huynh đệ,  
 Nhĩ nãi vĩnh Niết-bàn.  
 Như Lai thị nhất thiết,  
 Do như La-hầu-la.  
 Thường vi chúng sanh tôn,  
 Vân hà vĩnh Niết-bàn?  
 Giả sử thất diệp hoa,  
 Chuyển vi bà-sư hương,  
 Ca-lưu-ca quả thụ,  
 Chuyển vi trấn-đầu quả,  
 Nhĩ nãi nhập Niết-bàn.  
 Như Lai thị nhất thiết,  
 Do như La-hầu-la.  
 Vân hà xả từ bi,  
 Vĩnh nhập ư Niết-bàn.  
 Giả sử nhất-xiển-đề,  
 Hiện thân thành Phật đạo.  
 Vĩnh xử đệ nhất lạc,  
 Nhĩ nãi nhập Niết-bàn.

如來視一切  
 皆如羅睺羅  
 云何捨慈悲  
 永入於涅槃  
 假使一切衆  
 一時成佛道  
 遠離諸過患  
 爾乃入涅槃  
 如來視一切  
 皆如羅睺羅  
 云何捨慈悲  
 永入於涅槃  
 假使蚊子尿  
 浸壞於大地  
 諸山及百川  
 大海悉盈滿  
 若有如是事  
 爾乃入涅槃  
 悲心視一切  
 皆如羅睺羅  
 常爲衆生尊  
 云何永涅槃  
 以是故汝等  
 應深樂正法  
 不應生憂惱  
 號泣而啼哭  
 若欲自正行

Như Lai thị nhất thiết,  
 Giai như La-hâu-la.  
 Vân hà xả từ bi,  
 Vĩnh nhập ư Niết-bàn?  
 Giả sử nhất thiết chúng,  
 Nhất thời thành Phật đạo.  
 Viễn ly chư quá hoạn,  
 Nhĩ nãi nhập Niết-bàn.  
 Như Lai thị nhất thiết,  
 Giai như La-hâu-la.  
 Vân hà xả từ bi,  
 Vĩnh nhập ư Niết-bàn?  
 Giả sử mên tử niệu,  
 Tả hoại ư đại địa.  
 Chư sơn cập bá xuyên,  
 Đại hải tất doanh mãn,  
 Nhược hữu như thị sự,  
 Nhĩ nãi nhập Niết-bàn.  
 Bi tâm thị nhất thiết,  
 Giai như La-hâu-la.  
 Thường vi chúng sanh tôn,  
 Vân hà vĩnh Niết-bàn?  
 Dĩ thị cố nhữ đẳng,  
 Ứng thâm nhạo chánh pháp.  
 Bất ưng sanh ưu não,  
 Hào khắp nhi đề khốc.  
 Nhược dục tự chánh hạnh,

應修如來常  
當觀如是法  
長存不變易  
復應生是念  
三寶皆常住  
是則獲大護  
如呪枯生菓  
是名為三寶  
四眾應善聽  
聞已應歡喜  
即發菩提心  
若能計三寶  
常住同真諦  
此則是諸佛  
最上之誓願

若有比丘比丘尼優婆塞優婆夷。能以如來最上誓願而發願者。當知是人無有愚癡堪受供養。以此願力功德果報於世最勝如阿羅漢。若有不能如是觀于三寶常者是旃陀羅。若有能知三寶常住實法因緣。離苦安樂無有燒害能留難者。

爾時人天大眾阿修羅等。聞是法已心生歡喜踊躍無量。其心調柔善滅諸蓋心無高下。威德清淨顏貌怡悅知佛常住。是故施設諸天供養。散種種華末香塗香。鼓天伎樂以供養佛。

Ứng tu Như Lai thường.  
Đương quán như thị pháp:  
Trường tồn bất biến dị.  
Phục ứng sanh thị niệm:  
Tam bảo giai thường trụ.  
Thị tác hoạch đại hộ,  
Như chú khô sanh quả.  
Thị danh vi Tam bảo.  
Tứ chúng ứng thiện thính,  
Văn dĩ ưng hoan hỷ,  
Túc phát Bồ-đề tâm.  
Nhược năng kế Tam bảo,  
Thường trụ đồng chân đế.  
Thử tác thị chư Phật,  
Tối thượng chi thệ nguyện.

Nhược hữu tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di năng dĩ Như Lai tối thượng thệ nguyện nhi phát nguyện giả, đương tri thị nhân vô hữu ngu si kham thọ cúng dường. Dĩ thử nguyện lực, công đức, quả báo ư thế tối thắng như A-la-hán. Nhược hữu bất năng như thị quán vu Tam bảo thường giả, thị chiêm-đà-la. Nhược hữu năng tri Tam bảo thường trụ, thật pháp nhân duyên, ly khổ, an lạc, vô hữu nhiều hại năng lưu nạn giả.

Nhĩ thời nhân, thiên đại chúng, a-tu-la đảnh văn thị pháp dĩ tâm sanh hoan hỷ, dũng dục vô lượng. Kỳ tâm điều nhu thiện diệt chư cái, tâm vô cao hạ, oai đức thanh tịnh nhan mạo dĩ duyệt, tri Phật thường trụ. Thị cố thí thiết chư thiên cúng dường, tán chủng chủng hoa, mật hương, đồ hương, cỏ thiên kỹ nhạc dĩ cúng dường Phật.

爾時佛告迦葉菩薩言。善男子汝見是衆希有事不。

迦葉答言。已見世尊。見諸如來無量無邊不可稱計。受諸大衆人天所奉飯食供養。又見諸佛其身殊大。所坐之處如一針鋒。多衆圍遶不相障礙。復見大衆悉發誓願說十三偈。亦知大衆各心念言。如來今者獨受我供。

假使純陀所奉飯食碎如微塵一塵一佛猶不周徧。以佛神力悉皆充足一切大衆。唯諸菩薩摩訶薩及文殊師利法王子等。能知如是希有事耳。悉是如來方便示現。聲聞大衆及阿修羅等。皆知如來是常住法。

爾時世尊告純陀言。汝今所見爲是希有奇特事不。

實爾世尊。我先所見無量諸佛三十二相八十種好莊嚴其身。今悉見爲菩薩摩訶薩體貌瓌異殊大殊妙。唯見佛身喻如藥樹爲諸菩薩摩訶薩等之所圍遶。

佛告純陀。汝先所見無量佛者是我所化。爲欲利益一切衆生令得歡喜。如是菩薩摩訶薩等所可修行不可思議。能作無量諸佛之事。

純陀。汝今皆已成就菩薩摩訶薩行得住十地。菩薩所行具足成辦。

Nhĩ thời Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thiện nam tử! Nhũ kiến thị chúng hy hữu sự phủ?

Ca-diếp đáp ngôn: Dĩ kiến Thế Tôn! Kiến chư Như Lai vô lượng vô biên bất khả xưng kể, thọ chư đại chúng nhân thiên sở phụng ẩm thực cúng dường. Hựu kiến chư Phật kỳ thân xu đại sở tọa chi xứ, như nhất châm phong đa chúng vi nhiều bất tương chướng ngại. Phục kiến đại chúng tất phát thệ nguyện thuyết thập tam kệ. Diệc tri đại chúng các tâm niệm ngôn: “Như Lai kim giả độc thọ ngã cúng.”

Giả sử Thuần-đà sở phụng ẩm thực, toái như vi trần nhất trần nhất Phật du bát châu biển. Dĩ Phật thần lực tất giai sung túc nhất thiết đại chúng. Duy chư Bồ Tát ma-ha-tát cập Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử đẳng năng tri như thị hy hữu sự nhĩ. Tất thị Như Lai phương tiện thị hiện. Thanh văn đại chúng cập a-tu-la đẳng giai tri Như Lai thị thường trụ pháp.

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Thuần-đà ngôn: Nhũ kim sở kiến vi thị hy hữu kỳ đặc sự phủ?

Thật nhĩ Thế Tôn! Ngã tiên sở kiến vô lượng chư Phật, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo trang nghiêm kỳ thân. Kim tất kiến vi Bồ Tát ma-ha-tát thể mạo khôi dị xu đại thù diệu. Duy kiến Phật thân dụ như dược thọ, vi chư Bồ Tát ma-ha-tát đẳng chi sở vi nhiều.

Phật cáo Thuần-đà: Nhũ tiên sở kiến vô lượng Phật giả, thị ngã sở hoá vị dục lợi ích, nhất thiết chúng sanh linh đắc hoan hỷ. Như thị Bồ Tát ma-ha-tát đẳng, sở khả tu hành bất khả tư nghị, năng tác vô lượng chư Phật chi sự.

Thuần-đà! Nhũ kim giai dĩ thành tựu Bồ Tát ma-ha-tát hạnh, đắc trụ thập địa Bồ Tát sở hành cụ túc thành biện.

迦葉菩薩白佛言。世尊。如是如是如佛所說。純陀所修成菩薩行。我亦隨喜。今者如來欲為未來無量衆生作大明故。說是大乘大涅槃經。

世尊。一切契經說有餘義無餘義耶。善男子。我所說者亦有餘義亦無餘義。純陀白佛言。世尊。如佛所說。

所有之物  
布施一切  
唯可讚歎  
無可虧損

世尊。是義云何。持戒毀戒有何差別。佛言。唯除一人。餘一切施皆可讚歎。純陀問言。云何名為唯除一人。

佛言。如此經中所說破戒。

純陀復言。我今未解。唯願說之。

佛語純陀。言破戒者謂一闍提。其餘在所一切布施皆可讚歎獲大果報。

純陀復問。一闍提者其義云何。

佛言。純陀。若有比丘及比丘尼優婆塞優婆夷。發麤惡語誹謗正法。造是重業永不改悔心無慚愧。如是等人名為趣向一闍提道。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thị, như thị! Như Phật sở thuyết, Thuần-đà sở tu thành Bồ Tát hạnh. Ngã diệc tùy hỷ. Kim giả Như Lai dục vị vị lai vô lượng chúng sanh, tác đại minh cố, thuyết thị Đại thừa Đại Niết-bàn kinh.

Thế Tôn! Nhất thiết khế kinh thuyết hữu dư nghĩa, vô dư nghĩa da?

Thiện nam tử! Ngã sở thuyết giả diệc hữu dư nghĩa, diệc vô dư nghĩa.

Thuần-đà bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết:

“Sở hữu chi vật,  
Bố thí nhất thiết,  
Duy khả tán thán  
Vô khả khuy tổn.”

Thế Tôn! Thị nghĩa vân hà? Trì giới, hủy giới hữu hà sai biệt?

Phật ngôn: Duy trừ nhất nhân dư nhất thiết thí, giai khả tán thán.

Thuần-đà vấn ngôn: Vân hà danh vi duy trừ nhất nhân?

Phật ngôn: Như thủ kinh trung sở thuyết phá giới.

Thuần-đà phục ngôn: Ngã kim vị giải, duy nguyện thuyết chi.

Phật ngữ Thuần-đà: Ngôn phá giới giả vị nhất-xiển-đề. Kỳ dư tại sở nhất thiết bố thí giai khả tán thán hoạch đại quả báo.

Thuần-đà phục vấn: Nhất-xiển-đề giả, kỳ nghĩa vân hà?

Phật ngôn: Thuần-đà! Nhược hữu tỳ-kheo cập tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di phát thô ác ngữ, phỉ báng Chánh pháp, tạo thị trọng nghiệp, vĩn bát cải hối, tâm vô tầm quý. Như thị đẳng nhân danh vi thú hưởng nhất-xiển-đề đạo.



若犯四重作五逆罪自知定犯。如是重事而心初無怖畏慚愧不肯發露。於彼正法永無護惜建立之心。毀些輕賤言多過咎。如是等人亦名趣向一闍提道。

若復說言無佛法僧。如是等人亦名趣向一闍提道。唯除如此一闍提輩。施其餘者一切讚歎。

爾時純陀復白佛言。世尊。所言破戒其義云何。

佛言。純陀。若犯四重及五逆罪誹謗正法。如是等人名為破戒。

純陀復問。如是破戒可拔濟不。

佛言。純陀。有因緣故則可拔濟。若被法服猶未捨遠。其心常懷慚愧恐怖而自考責。咄哉何為犯斯重罪。何其怪哉造斯苦業。其心改悔生護法心欲建正法。有護法者我當供養。若有讀誦大乘典者我當諮問。受持讀誦既通利已。復當為他分別廣說。我說是人不為破戒。何以故。

善男子。譬如日出能除一切塵翳闇冥。是大涅槃微妙經典出興於世亦復如是。能除衆生無量劫中所作衆罪。是故此經說護正法得大果報拔濟破戒。若有毀謗是正法者。能自改悔還歸於法。自念所作一切不善。如人自害心生恐怖驚懼慚愧。除此正法

Nhược phạm tứ trọng, tác ngũ nghịch tội, tự tri định phạm như thị trọng sự, nhi tâm sơ vô bố úy tầm quý, bất khảng phát lộ, ư bỉ Chánh pháp vĩnh vô hộ tích kiến lập chi tâm, hủy tử khinh tiện, ngôn đa quá cữ. Như thị đẳng nhân diệc danh thú hướng nhất-xiển-đề đạo.

Nhược phục thuyết ngôn: vô Phật, Pháp, Tăng. Như thị đẳng nhân diệc danh thú hướng nhất-xiển-đề đạo. Duy trừ như thử nhất-xiển-đề bối, thí kỳ dư giả, nhất thiết tán thán.

Nhĩ thời Thuần-đà bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Sở ngôn phá giới, kỳ nghĩa vân hà?

Phật ngôn: Thuần-đà! Nhược phạm tứ trọng cập ngũ nghịch tội, phỉ báng chánh pháp, như thị đẳng nhân, danh vi phá giới.

Thuần-đà phục vấn: Như thị phá giới, khả bạt tế phủ?

Phật ngôn: Thuần-đà! Hữu nhân duyên cố, tác khả bạt tế. Nhược bị pháp phục, du vị xả diễn, kỳ tâm thường hoài tầm quý khủng bố, nhi tự khảo trách: “Đốt tai! Hà vi phạm tứ trọng tội? Hà kỳ quái tai tạo tư khổ nghiệp?” Kỳ tâm cải hối, sanh hộ pháp tâm, dục kiến chánh pháp: “Hữu hộ pháp giả, ngã đương cúng dường. Nhược hữu độc tụng Đại thừa điển giả, ngã đương tư vấn, thọ trì, độc tụng. Ký thông lợi dĩ, phục đương vị tha, phân biệt quảng thuyết.” Ngã thuyết thị nhân bất vi phá giới. Hà dĩ cố?

Thiện nam tử! Thí như nhật xuất, năng trừ nhất thiết trần ế ám minh. Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển xuất hưng ư thế, diệc phục như thị, năng trừ chúng sanh vô lượng kiếp trung sở tác chúng tội. Thị cố thử kinh thuyết hộ chánh pháp, đắc đại quả báo, bạt tế phá giới. Nhược hữu hủy báng thị Chánh pháp giả, năng tự cải hối, hoàn qui ư pháp, tự niệm sở tác nhất thiết bất thiện, như nhân tự hại, tâm sanh khủng bố, kinh cụ, tầm

更無救護。是故應當還歸正法。若能如是如說歸依布施是人得福無量。亦名世間應受供養。若犯如上惡業之罪。若經一月或十五日。不生歸依發露之心。若施是人果報甚少。

犯五逆者亦復如是。能生悔心內懷慚愧。今我所作不善之業甚為大苦。我當建立護持正法。是則不名五逆罪也。若施是人得福無量。犯逆罪已不生護法歸依之心。有施是者福不足言。

又善男子。犯重罪者。汝今諦聽。我當為汝分別廣說。應生是心。謂正法者。即是如來微密之藏。是故我當護持建立。施是人者得勝果報。

善男子。譬如女人懷妊垂產值國荒亂逃至他土。在一天廟即便產生。聞其舊邦安隱豐熟。携將其子欲還本土。中路值河水漲瀑急荷負是兒不能得渡。即自念言。我今寧與一處併命。終不捨棄而獨渡也。念已母子俱共沒命。命終之後尋生天中。以愛念子欲令得渡。而是女人本性弊惡。以愛子故得生天中。犯四重禁五無間罪。生護法心亦復如是。雖復先為不善之業。以護法故得為世間無上福田。是護法者有如是等無量果報。

quí. Trừ thủ chánh pháp, cánh vô cứu hộ. Thị cố ứng đương hoàn qui chánh pháp. Nhược năng như thị như thuyết qui y, bố thí thị nhân, đắc phước vô lượng. Diệt danh thế gian ứng thọ cúng dường. Nhược phạm như thượng ác nghiệp chi tội, nhược kinh nhất nguyệt hoặc thập ngũ nhật, bất sanh qui y phát lộ chi tâm, nhược thí thị nhân, quả báo thậm thiếu.

Phạm ngũ nghịch giả, diệt phục như thị, năng sanh hồi tâm, nội hoài tâm quý: “Kim ngã sở tác, bất thiện chi nghiệp, thậm vi đại khổ! Ngã đương kiến lập hộ trì chánh pháp.” Thị tác bất danh Ngũ nghịch tội dã. Nhược thí thị nhân, đắc phước vô lượng. Phạm nghịch tội dĩ, bất sanh hộ pháp qui y chi tâm, hữu thí thị giả, phước bất túc ngôn.

Hựu thiện nam tử! Phạm trọng tội giả, nữ kim đế thánh. Ngã đương vị nữ phân biệt quảng thuyết. Ứng sanh thị tâm, vị chánh pháp giả, tức thị Như Lai vi mật chi tạng. Thị cố ngã đương hộ trì kiến lập. Thí thị nhân giả, đắc thắng quả báo.

Thiện nam tử! Thí như nữ nhân, hoài tâm thù oán, trị quốc hoang loạn, đào chí tha thổ, tại nhất thiên miếu, tức tiện sản sanh. Văn kỳ cựu bang an ổn phong thực, huê tương kỳ tử, dục hoàn bản độ. Trung lộ trị hà, thủy trưởng bộc cấp, hà phụ thị nhi, bất năng đắc độ, tức tự niệm ngôn: “Ngã kim ninh dữ nhất xứ tính mạng, chung bất xả khí nhi độc độ giả.” Niệm dĩ, mẫu tử câu cộng một mạng. Mạng chung chi hậu, tâm sanh thiên trung. Dĩ ái niệm tử, dục linh đắc độ, nhi thị nữ nhân bản tánh tệ ác. Dĩ ái tử cố, đắc sanh Thiên trung. Phạm Tứ trọng cấm, Ngũ vô gián tội, sanh hộ Pháp tâm, diệt phục như thị. Tuy phục tiên vi bất thiện chi nghiệp, dĩ hộ pháp cố, đắc vi thế gian Vô thượng phước điền. Thị hộ pháp giả hữu như thị đẳng vô lượng quả báo.

純陀復言。世尊。若一闍提能自改悔。恭敬供養讚歎三寶。施如是人得大果報不。

佛言。善男子。汝今不應作如是說。

善男子。譬如有人食菴羅果吐核置地。而復念言。是果核中應有甘味。即復還取破而嘗之。其味極苦。心生悔恨。恐失果種即還收拾。種之於地勤加修治。以酥油乳隨時澆灌。於意云何。寧可生不。

不也世尊。假使天降無上甘雨，猶亦不生。

善男子。彼一闍提，亦復如是，燒然善根，當於何處而得除罪。善男子。若生善心，是則不名一闍提也。

善男子。以是義故。一切所施所得果報非無差別。何以故。施諸聲聞所得報異。施辟支佛得報亦異。唯施如來獲無上果。是故說言一切所施非無差別。

純陀復言。何故如來而說是偈。

佛言。純陀。有因緣故我說此偈。

王舍城中有優婆塞。心無淨信奉事尼乾。而來問我布施之義。以是因緣故說斯偈。亦為菩薩摩訶薩等說秘藏義。

如斯偈者其義云何。

Thuần-đà phục ngôn: Thế Tôn! Nhược nhất-xiển-đề năng tự cải hối, cung kính, cúng dường, tán thán Tam Bảo. Thí như thị nhân, đắc đại quả báo phủ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ kim bất ưng tác như thị thuyết.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân thực am-la quả, thổ hạch trí địa. Nhi phục niệm ngôn: “Thị quả hạch trung, ưng hữu cam vị.” Tức phục hoàn thủ, phá nhi thường chi. Kỳ vị cực khổ, tâm sanh hối hận. Khủng thất quả chủng, tức hoàn thu thập, chủng chi ư địa, cần gia tu trị, dĩ tô, du, nhũ, tùy thời khái quán. Ư ý vân hà? Ninh khả sanh phủ?

Phất dã, Thế Tôn. Giả sử thiên giáng vô thượng cam vũ, du diệc bất sanh!

Thiện nam tử! Bỉ nhất-xiển-đề, diệc phục như thị, thiêu nhiên thiện căn, đương ư hà xứ nhi đắc trừ tội? Thiện nam tử! Nhược sanh thiện tâm, thị tắc bất danh nhất-xiển-đề dã.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết sở thí sở đắc quả báo, phi vô sai biệt. Hà dĩ cố? Thí chư Thanh văn, sở đắc báo dị. Thí Bích chi Phật, đắc báo diệc dị. Duy thí Như Lai, hoạch vô thượng quả. Thị cố thuyết ngôn: Nhất thiết sở thí, phi vô sai biệt.

Thuần-đà phục ngôn: Hà cố Như Lai nhi thuyết thị kệ?

Phật ngôn: Thuần-đà! Hữu nhân duyên cố, ngã thuyết thử kệ.

Vương Xá thành trung, hữu ưu-bà-tắc, tâm vô tịnh tín, phụng sự Ni-kiền. Nhi lai vấn ngã bố thí chi nghĩa. Dĩ thị nhân duyên, cố thuyết tứ kệ. Diệc vị Bồ Tát ma-ha-tát đẳng, thuyết bí tạng nghĩa.

Như tứ kệ giả, kỳ nghĩa vân hà?

一切者少分一切。當知菩薩摩訶薩人中之雄。  
攝取持戒施其所須。捨棄破戒如除稊稗。

復次善男子。如我昔日所說偈言。

一切江河  
必有迴曲  
一切叢林  
必名樹木  
一切女人  
必懷諂曲  
一切自在  
必受安樂

爾時文殊師利菩薩摩訶薩。即從座起。偏袒右  
肩右膝著地。前禮佛足而說偈言。

非一切河  
必有迴曲  
非一切林  
悉名樹木  
非一切女  
必懷諂曲  
一切自在  
不必受樂

佛所說偈其義有餘。唯垂哀愍說其因緣。何以故。

Nhất thiết giả, thiếu phần nhất thiết. Đương tri Bồ Tát  
ma-ha-tát, nhân trung chi hùng, nhiếp thủ trì giới, thí kỳ sở  
tu, xả khí phá giới, như trừ đề bái.

Phục thứ, thiện nam tử! Như ngã tích nhật, sở thuyết Kệ  
ngôn:

Nhất thiết giang hà,  
Tất hữu hồi khúc.  
Nhất thiết tông lâm,  
Tất danh thọ mộc.  
Nhất thiết nữ nhân,  
Tất hoài siểm khúc.  
Nhất thiết tự tại,  
Tất thọ an lạc.

Nhĩ thời, Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát ma-ha-tát tức tùng tòa  
khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, tiền lễ Phật túc,  
nhi thuyết kệ ngôn:

Phi nhất thiết hà,  
Tất hữu hồi khúc,  
Phi nhất thiết lâm,  
Tất danh thọ mộc.  
Phi nhất thiết nữ,  
Tất hoài siểm khúc,  
Nhất thiết tự tại,  
Bất tất thọ lạc.

Phật sở thuyết kệ, kỳ nghĩa hữu dư. Duy thù ai mẫn,  
thuyết kỳ nhân duyên. Hà dĩ cố?

世尊。於此三千大千世界有渚名拘耶尼。其渚有河端直不曲名娑婆耶。喻如繩墨直入西海。如是河相於餘經中佛未曾說。唯願如來。因此方等阿含經中說有餘義。令諸菩薩深解是義。

世尊。譬如有人先識金鑛後不識金。如來亦爾。盡知法已而所演說有餘不盡。如來雖作如是餘說應當方便解其意趣。

一切叢林必是樹木。是亦有餘。何以故。種種金銀瑠璃寶樹。是亦名林。

一切女人必懷諂曲。是亦有餘。何以故。亦有女人善持禁戒。功德成就有大慈悲。

一切自在必受安樂。是亦有餘。何以故。有法育者釋迦聖帝,<sup>1</sup>如來法王不屬死魔不可滅盡。梵釋諸天雖得自在悉是無常。若得常住無變易者乃名自在。所謂大乘大般涅槃。

佛言。善男子。汝今善得樂說之辯。且止諦聽。

文殊師利。譬如長者身嬰病苦。良醫診之為合膏藥。是時病者貪欲多服。醫語之言。若能消者則可多服。汝今體羸不應多服。當知是膏亦名甘露亦名毒藥。若多服不消則名為毒。

<sup>1</sup> Các bản khác đều chép là 有自在者轉輪聖帝, nhưng xét về nghĩa thì cách dùng ở đây là 有法育者釋迦聖帝 hợp nghĩa hơn.

Thế Tôn! Ở chỗ Tam thiên Đại thiên thế giới, hữu chủ, danh Câu-da-ni. Kỳ chủ hữu hà, đoan trực bất khúc, danh Ta-bà-da, dụ như thẳng mặc, trực nhập Tây hải. Như thị hà tướng, ư dư kinh trung, Phật vị tăng thuyết. Duy nguyện Như Lai, nhân thử Phương đẳng, A-hàm Kinh trung, thuyết hữu dư nghĩa, linh chư Bồ Tát thâm giải thị nghĩa.

Thế Tôn! Thí như hữu nhân, tiên thức kim khoáng, hậu bất thức kim. Như Lai diệt nhĩ, tận tri pháp dĩ, nhi sở diễn thuyết, hữu dư bất tận. Như Lai tuy tác như thị dư thuyết, ưng đương phương tiện giải kỳ ý thú.

Nhất thiết tông lâm, tất thị thọ mộc. Diệt thị hữu dư. Hà dĩ cố? Chúng chúng kim, ngân, lưu ly bảo thọ, thị diệt danh lâm.

Nhất thiết nữ nhân, tất hoài siểm khúc. Thị diệt hữu dư. Hà dĩ cố? Diệt hữu nữ nhân, thiện trì cấm giới, công đức thành tựu, hữu đại từ bi.

Nhất thiết tự tại, tất thọ an lạc. Thị diệt hữu dư. Hà dĩ cố? Hữu pháp dục giả, Thích-ca Thánh đế, Như Lai Pháp vương, bất thuộc tử ma, bất khả diệt tận. Phạm, Thích, chư Thiên tuy đắc tự tại, tất thị vô thường. Nhược đắc Thường trụ, vô biến dị giả, nãi danh tự tại, sở vị Đại thừa Đại Bát Niết-bàn.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ kim thiện đắc lạc thuyết chi biện. Thả chí. Đế thính.

Văn-thù-sư-lợi! Thí như trưởng giả, thân anh bệnh khổ. Lương y chẩn chi, vị hiệp cao dược. Thị thời bệnh giả, tham dục đa phục. Y ngữ chi ngôn: “Nhược năng tiêu giả, tắc khả đa phục. Nhữ kim thể luy, bất ưng đa phục. Đương tri thị cao, diệt danh cam lộ, diệt danh độc dược. Nhược đa phục bất tiêu, tắc danh vi độc.”

善男子。汝今勿謂是醫所說違失義理喪膏力勢。善男子。如來亦爾。為諸國王后妃太子王子大臣。因波斯匿王王子后妃憍慢心故。為欲調伏示現恐怖如彼良醫。故說偈言。

一切江河  
必有迴曲  
一切叢林  
必名樹木  
一切女人  
必懷諂曲  
一切自在  
必受安樂

文殊師利。汝今當知。如來所說無有漏失。如此大地可令反覆。如來之言終無漏失。以是義故如來所說一切有餘。

爾時佛讚文殊師利。善哉善哉。善男子。汝已久知如是之義。愍哀一切欲令衆生得智慧故。廣問如來如是偈義。

爾時文殊師利法王之子。復於佛前而說偈言。

於他語言  
隨順不逆  
亦不觀他  
作以不作  
但自觀身  
善不善行

Thiện nam tử! Nhữ kim vật vị thị y sở thuyết vi thất nghĩa lý, táng cao lực thế. Thiện nam tử! Như Lai diệc nhĩ, vị chư quốc vương, hậu phi, thái tử, vương tử, đại thần, nhân Ba-tư-nặc vương, vương tử, hậu phi kiêu mạn tâm cố, vị dục điều phục, thị hiện khủng bố, như bỉ lương y. Cố thuyết kệ ngôn:

“Nhất thiết giang hà,  
Tất hữu hồi khúc,  
Nhất thiết tông lâm,  
Tất danh thọ mộc.  
“Nhất thiết nữ nhân,  
Tất hoài siểm khúc,  
Nhất thiết tự tại,  
Tất thọ an lạc.

Văn-thù-sư-lợi! Nhữ kim đương tri, Như Lai sở thuyết, vô hữu lậu thất. Như thủ đại địa, khả linh phản phúc, Như Lai chi ngôn, chung vô lậu thất. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai sở thuyết, nhất thiết hữu dư.

Nhĩ thời, Phật tán Văn-thù-sư-lợi: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ dĩ cửu tri như thị chi nghĩa, ai mãn nhất thiết, dục linh chúng sanh đắc Trí huệ cố, quảng vấn Như Lai như thị kệ nghĩa.

Nhĩ thời, Văn-thù-sư-lợi, Pháp vương chi tử, phục ư Phật tiền, nhi thuyết kệ ngôn:

Ư tha ngữ ngôn,  
Tùy thuận bất nghịch.  
Diệc bất quán tha:  
Tác dĩ bất tác.  
Đãn tự quán thân:  
Thiện bất thiện hành.

世尊。如是說此法藥非爲正說。於他語言隨順不逆者。唯願如來垂哀正說。何以故。世尊。常說一切外學九十五種皆趣惡道。聲聞弟子皆向正路。若護禁戒攝持威儀守護諸根。如是等人深樂大法趣向善道。如來何故於九部中見有毀他則便呵責。如是偈義爲何所趣。

佛告文殊師利。善男子。我說此偈亦不盡爲一切衆生。爾時唯爲阿闍世王。諸佛世尊。若無因緣終不逆說。有因緣故乃說之耳。

善男子。阿闍世王害其父已來至我所。欲折伏我作如是問。云何世尊。有一切智非一切智耶。若一切智。調達往昔無量世中常懷惡心隨逐如來欲爲殺害。云何如來聽其出家。

善男子。以是因緣。我爲是王。而說此偈。

於他語言  
隨順不逆  
亦不觀他  
作以不作  
但自觀身  
善不善行

佛告大王。汝今害父已作逆罪。最重無間應當發露以求清淨。何緣乃更見他過咎。

善男子。以是義故。我爲彼王而說是偈。

Thế Tôn! Như thị thuyết thủ pháp dược, phi vi chánh thuyết. “Ư tha ngữ ngôn, tùy thuận bất nghịch” giả, duy nguyện Như Lai thù ai chánh thuyết. Hà dĩ cố? Thế Tôn thường thuyết: “Nhất thiết ngoại học, cửu thập ngũ chủng, giai thú ác đạo.” Thanh văn đệ tử giai hướng chánh lộ, thiện hộ cấm giới, nhiếp trì oai nghi, thủ hộ chư căn. Như thị đẳng nhân thâm nhạo Đại pháp, thú hướng thiện đạo. Như Lai hà cố, ư cửu bộ trung, kiến hữu hủy tha, tác tiện ha trách? Như thị kệ nghĩa, vi hà sở thú?

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi: Thiện nam tử! Ngã thuyết thủ kệ, diệc bất tận vị nhất thiết chúng sanh. Nhĩ thời duy vị A-xà-thế vương. Chư Phật Thế Tôn, nhược vô nhân duyên, chung bất nghịch thuyết. Hữu nhân duyên cố, nãi thuyết chi nhĩ.

Thiện nam tử! A-xà-thế vương, hại kỳ phụ dĩ, lai chí ngã sở, dục chiết phục ngã, tác như thị vấn: “Vân hà Thế Tôn, hữu nhất thiết trí, phi nhất thiết trí da? Nhược nhất thiết trí, Điều-đạt vãng tích vô lượng thế trung, thường hoài ác tâm, tùy trục Như Lai, dục vi sát hại, vân hà Như Lai thính kỳ xuất gia?”

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, ngã vị thị vương, nhi thuyết thủ kệ:

“Ư tha ngữ ngôn,  
Tùy thuận bất nghịch.  
Diệc bất quán tha:  
Tác dĩ bất tác.  
Đãn tự quán thân:  
Thiện bất thiện hành.”

Phật cáo Đại vương: “Nhữ kim hại phụ, dĩ tác nghịch tội, tối trọng vô gián, ưng đương phát lộ dĩ cầu thanh tịnh. Hà duyên nãi cánh kiến tha quá cũu?”

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, ngã vị bỉ vương, nhi thuyết thị kệ.

復次善男子。亦為護持不毀禁戒成就威儀。見他過者而說是偈。若復有人受他教誨遠離眾惡。復教他人令離眾惡如是之人則我弟子。

爾時世尊。為文殊師利。而說偈言。

一切畏刀杖  
無不愛壽命  
恕己可為喻  
勿殺勿行杖

爾時文殊師利。復於佛前而說偈言。

非一切畏杖  
非一切愛命  
恕己可為喻  
勤作善方便

如來說是法句之義亦是未盡。何以故。如阿羅漢。轉輪聖王玉女象馬主藏大臣。若諸天人及阿修羅執持利劍能害之者。無有是處。勇士烈女馬王獸王。持戒比丘雖復對至而不恐怖。以是義故。如來說偈亦是有餘。若言恕己可為喻者是亦有餘。何以故。若使羅漢以己喻彼。則有我想及以命想。若有我想及以命想則應擁護。凡夫亦應見阿羅漢悉是行人。若如是者即是邪見。若有邪見命終之時即應生於阿鼻地獄。又復羅漢設於眾生生害心者。無有是處。無量眾生亦復無能害羅漢者。

Phục thứ, thiện nam tử! Diệt vị hộ trì, bất hủy cấm giới, thành tựu oai nghi, kiến tha quá giả, nhi thuyết thị kệ. Nhược phục hữu nhân, thọ tha giáo hối, viễn ly chúng ác, phục giáo tha nhân, linh ly chúng ác. Như thị chi nhân, tắc ngã đệ tử.

Nhĩ thời, Thế Tôn vị Văn-thù-sư-lợi, nhi thuyết kệ ngôn:

Nhất thiết úy đao trượng,  
Vô bất ái thọ mạng,  
Thứ kỷ khả vi dụ,  
Vật sát vật hành trượng.

Nhĩ thời, Văn-thù-sư-lợi, phục ư Phật tiền, nhi thuyết kệ ngôn:

Phi nhất thiết úy trượng,  
Phi nhất thiết ái mạng,  
Thứ kỷ khả vi dụ,  
Cần tác thiện phương tiện.

Như Lai thuyết thị pháp cú chi nghĩa, diệt thị vị tận. Hà dĩ cố? Như A-la-hán, Chuyển luân Thánh vương, ngọc nữ, tượng, mã, chủ tạng đại thân, nhược chư thiên nhân cập a-tu-la, chấp trì lợi kiếm, năng hại chi giả, vô hữu thị xứ. Dũng sĩ, liệt nữ, mã vương, thú vương, trì giới tỳ-kheo, tuy phục đối chí, nhi bất khủng bố. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thuyết kệ, diệt thị hữu dư. Nhược ngôn Thứ kỷ khả vi dụ giả, thị diệt hữu dư. Hà dĩ cố? Nhược sử La-hán dĩ kỷ dụ bỉ, tắc hữu ngã tướng cập dĩ mạng tướng. Nhược hữu ngã tướng cập dĩ mạng tướng, tắc ưng ủng hộ. Phạm phu diệt ưng kiến A-la-hán, tất thị hành nhân. Nhược như thị giả, tức thị tà kiến. Nhược hữu tà kiến, mạng chung chi thời, tức ưng sanh ư A-tỳ địa ngục. Hựu phục La-hán thiết ư chúng sanh, sanh hại tâm giả, vô hữu thị xứ. Vô lượng chúng sanh, diệt phục vô năng hại La-hán giả.



佛言。善男子。言我想者。謂於衆生生大悲心無殺害想。謂阿羅漢平等之心。勿謂世尊無有因緣而逆說也。

昔日於此王舍城中有大獵師。多殺羣鹿請我食肉。我於是時雖受彼請。於諸衆生生慈悲心。如羅睺羅。而說偈言。

當令汝長壽  
久久住於世  
受持不害法  
猶如諸佛壽

是故我說此偈。

一切畏刀杖  
無不愛壽命  
恕己可爲喻  
勿殺勿行杖

佛言。善哉善哉。文殊師利。爲諸菩薩摩訶薩故。諮問如來如是密教。

爾時文殊師利。復說是偈。

云何敬父母  
隨順而尊重  
云何修此法  
墮於無間獄

於是如來。復以偈答文殊師利。

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngôn ngã tưởng giả, vị ư chúng sanh, sanh đại bi tâm, vô sát hại tưởng, vị A-la-hán bình đẳng chi tâm, vật vị Thế Tôn vô hữu nhân duyên nhi nghịch thuyết dã.

Tích nhật, ư thủ Vương Xá thành trung, hữu đại liệt sư, đa sát quần lộc, thỉnh ngã thực nhục. Ngã ư thị thời, tuy thọ bỉ thỉnh, ư chư chúng sanh, sanh từ bi tâm, như La-hầu-la, nhi thuyết kệ ngôn:

“Đương linh nữ trường thọ,  
Cửu cửu trụ ư thế,  
Thọ trì bất hại pháp,  
Do như chư Phật thọ.”

Thị cố ngã thuyết thủ kệ:

“Nhất thiết úy đao trượng,  
Vô bất ái thọ mạng.  
Thứ kỷ khả vi dụ,  
Vật sát vật hành trượng.

Phật ngôn: Thiện tai, thiện tai! Văn-thù-sư-lợi! Vị chư Bồ Tát ma-ha-tát cố, tư vấn Như Lai như thị Mật giáo.

Nhĩ thời, Văn-thù-sư-lợi phục thuyết thị kệ:

Vân hà kính phụ mẫu,  
Tùy thuận nhi tôn trọng,  
Vân hà tu thủ pháp,  
Đọa ư Vô gián ngục?

Ư thị Như Lai phục dĩ kệ đáp Văn-thù-sư-lợi:

若以貪愛母  
無明以為父  
隨順尊重者  
則墮無間獄

爾時如來。復為文殊師利菩薩。重說偈言。

一切屬他  
則名為苦  
一切由己  
自在安樂  
一切憍慢  
勢極暴惡  
賢善之人  
一切愛念

爾時文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。如來所說是亦不盡。唯願如來復垂哀愍說其因緣。何以故。

如長者子從師學時為屬師不。若屬師者義不成就。若不屬者亦不成就。若得自在亦不成就。是故如來所說有餘。

復次世尊。譬如王子無所綜習觸事不成。是亦自在愚闇常苦。如是王子若言自在義亦不成。若言屬他義亦不成。以是義故。佛所說義名為有餘。是故一切屬他不必受苦。一切由己不必受樂。

Nhược dĩ tham ái mẫu,  
Vô minh dĩ vi phụ,  
Tùy thuận tôn trọng giả,  
Tắc đọa Vô gián ngục.

Nhĩ thời, Như Lai phục vị Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát, trùng thuyết kệ ngôn:

Nhất thiết thuộc tha,  
Tắc danh vi khổ.  
Nhất thiết do kỷ,  
Tự tại an lạc.  
Nhất thiết kiêu mạn,  
Thế cực bạo ác.  
Hiền thiện chi nhân,  
Nhất thiết ái niệm.

Nhĩ thời, Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai sở thuyết, thị diệc bất tận. Duy nguyện Như Lai phục thù ai mãn, thuyết kỳ nhân duyên. Hà dĩ cố?

Như trưởng giả tử, tòng sư học thời, vi thuộc sư phủ? Nhược thuộc sư giả, nghĩa bất thành tự. Nhược bất thuộc giả, diệc bất thành tự. Nhược đắc tự tại, diệc bất thành tự. Thị cố Như Lai sở thuyết hữu dư.

Phục thứ, Thế Tôn! Thí như vương tử, vô sở tổng tập, xúc sự bất thành. Thị diệc tự tại, ngu ám thường khổ. Như thị vương tử, nhược ngôn tự tại, nghĩa diệc bất thành, nhược ngôn thuộc tha, nghĩa diệc bất thành. Dĩ thị nghĩa cố, Phật sở thuyết nghĩa, danh vi hữu dư. Thị cố “nhất thiết thuộc tha”, bất tất thọ khổ, “nhất thiết do kỷ”, bất tất thọ lạc.

一切憍慢勢極暴惡是亦有餘。世尊。如諸烈女憍慢心故出家學道。護持禁戒威儀成就。取攝諸根不令馳散。是故一切憍慢之結不必暴惡。

賢善之人一切愛念是亦有餘。如人內犯四重禁已。不捨法服堅持威儀。護持法者見已不愛。是人命終必墮地獄。若有賢人犯重禁已。護法見之即驅令出罷道還俗。以是義故。一切賢善何必悉愛。

爾時佛告文殊師利。有因緣故如來於此說有餘義。又有因緣諸佛如來而說是法。

時王舍城有一女人。名曰善賢。還父母家因至我所。歸依於我及法眾僧。而作是言。

一切女人，  
勢不自由。  
一切男子，  
自在無礙。

我於爾時知是女心。即為宣說如是偈頌。

文殊師利。善哉善哉。汝今能為一切眾生。問於如來如是密語。

文殊師利復說偈言。

一切諸眾生  
皆依飲食存

“Nhất thiết kiêu mạn, thế cực bạo ác”, thị diệc hữu dư. Thế Tôn! Như chư liệt nữ, kiêu mạn tâm cố, xuất gia học đạo, hộ trì cấm giới, oai nghi thành tựu, thủ nhiếp chư căn, bất linh trì tán. Thị cố nhất thiết kiêu mạn chi kết, bất tất bạo ác.

“Hiền thiện chi nhân, nhất thiết ái niệm”, thị diệc hữu dư. Như nhân nội phạm tứ trọng cấm dĩ, bất xả pháp phục, kiên trì oai nghi, hộ trì pháp giả, kiến dĩ bất ái. Thị nhân mạng chung, tất đọa địa ngục. Nhược hữu hiền nhân phạm trọng cấm dĩ, hộ pháp kiến chi, tức khu linh xuất, bãi đạo hoàn tục. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết hiền thiện, hà tất tất ái?

Nhĩ thời, Phật cáo Văn-thù-sư-lợi: Hữu nhân duyên cố, Như Lai ư thủ, thuyết hữu dư nghĩa. Hựu hữu nhân duyên, chư Phật Như Lai nhi thuyết thị pháp.

Thời, Vương Xá thành, hữu nhất nữ nhân, danh viết Thiện Hiền. Hoàn phụ mẫu gia, nhân chí ngã sở, quy y ư ngã cập Pháp, chúng Tăng. Nhi tác thị ngôn:

“Nhất thiết nữ nhân,  
Thế bất tự do,  
Nhất thiết nam tử,  
Tự tại vô ngại.

“Ngã ư nhĩ thời, tri thị nữ tâm, tức vị tuyên thuyết như thị kệ tụng.

Văn-thù-sư-lợi! Thiện tai, thiện tai! Nhữ kim năng vị nhất thiết chúng sanh, vấn ư Như Lai như thị mật ngữ.

Văn-thù-sư-lợi phục thuyết kệ ngôn:

Nhất thiết chư chúng sanh,  
Giai y ẩm thực tồn,

一切有大力  
其心無嫉妬  
一切因飲食  
而多得病苦  
一切修淨行  
而得受安樂。

如是世尊。今受純陀飲食供養。將無如來有恐怖耶。

爾時世尊。復為文殊。而說偈言。

非一切衆生  
盡依飲食存  
非一切大力  
心皆無嫉妬。  
非一切因食  
而致病苦患  
非一切淨行  
悉得受安樂。

文殊師利。汝若得病我亦如是應得病苦。何以故。諸阿羅漢及辟支佛菩薩如來實無所食。但欲化彼示現受用無量衆生所施之物。令其具足檀波羅密。拔濟地獄畜生餓鬼。若言如來六年苦行身羸瘦者。無有是處。諸佛世尊獨拔諸有不同凡夫。云何而得身羸劣耶。諸佛世尊精勤修習獲金剛身。不同世人危脆之身。我諸弟子亦復如是。不可思議不依於食。

Nhất thiết hữu đại lực,  
Kỳ tâm vô tật đố.  
Nhất thiết nhân ẩm thực,  
Nhi đa đắc bệnh khổ,  
Nhất thiết tu tịnh hạnh,  
Nhi đắc thọ an lạc.

Như thị, Thế Tôn, kim thọ Thuần-đà ẩm thực cúng dường, tương vô Như Lai hữu khủng bố da?

Nhĩ thời, Thế Tôn phục vị Văn Thù nhi thuyết kệ ngôn:

Phi nhất thiết chúng sanh,  
Tận y ẩm thực tồn,  
Phi nhất thiết đại lực,  
Tâm giai vô tật đố.  
Phi nhất thiết nhân thực,  
Nhi trí bệnh khổ hoạn,  
Phi nhất thiết tịnh hạnh,  
Tất đắc thọ an lạc.

Văn-thù-sư-lợi! Nhữ nhược đắc bệnh, ngã diệc như thị, ưng đắc bệnh khổ. Hà dĩ cố? Chư A-la-hán cập Bích chi Phật, Bồ Tát, Như Lai, thật vô sở thực. Dẫn dục hóa bỉ, thị hiện thọ dụng vô lượng chúng sanh sở thí chi vật, linh kỳ cụ túc Đản Ba-la-mật, bạt tế địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Nhược ngôn Như Lai, lục niên khổ hạnh, thân luy sáu giả, vô hữu thị xứ. Chư Phật Thế Tôn, độc bạt chư hữu, bất đồng phạm phu. Vân hà nhi đắc thân luy liệt da? Chư Phật Thế Tôn tinh cần tu tập, hoạch kim cang thân, bất đồng thế nhân nguy thúy chi thân. Ngã chư đệ tử diệc phục như thị, bất khả tư nghị, bất y ư thực.

一切大力無嫉妬者亦有餘義。如世間人終身永無嫉妬之心而亦無力。

一切病苦因食得者亦有餘義。亦見有人得客病者。所謂刺刺刀劍矛稍。

一切淨行受安樂者是亦有餘。世間亦有外道之人。修於梵行多受苦惱。以是義故。如來所說一切有餘。是名如來非無因緣而說此偈。有因緣故說。

昔日於此優禪尼國。有婆羅門名殺羝德。來至我所欲受第四八戒齋法。我於爾時為說是偈。

爾時迦葉菩薩白佛言。世尊。何等名為無餘義耶。云何復名一切義乎。

善男子。一切者唯除助道常樂善法是名一切亦名無餘。其餘諸法亦名有餘亦名無餘。欲令樂法諸善男子知此有餘及無餘義。

迦葉菩薩心大歡喜踊躍無量。前白佛言。甚奇世尊。等視衆生如羅睺羅。

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。汝今所見微妙甚深。

迦葉菩薩白佛言。世尊。唯願如來說是大乘大涅槃經所得功德。

佛告迦葉。善男子。若有得聞是經名字所得功德。

Nhất thiết đại lực vô tật đố giả diệt hữu dư nghĩa. Như thế gian nhân, chung thân vĩnh vô tật đố chi tâm, nhi diệt vô lực.

Nhất thiết bệnh khổ nhân thực đắc giả diệt hữu dư nghĩa. Diệt kiến hữu nhân, đắc khách bệnh giả, sở vị thích thích, đao kiếm, mâu sóc.

Nhất thiết tịnh hạnh thọ an lạc giả thị diệt hữu dư. Thế gian diệt hữu ngoại đạo chi nhân, tu ư phạm hạnh, đa thọ khổ não. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai sở thuyết nhất thiết hữu dư. Thị danh Như Lai phi vô nhân duyên nhi thuyết thủ kệ. Hữu nhân duyên cố thuyết.

Tích nhật, ư thủ Ưu-thiên-ni quốc, hữu bà-la-môn, danh Cổ-đê-đức, lai chí ngã sở, dục thọ đệ tứ Bát giới trai pháp. Ngã ư nhĩ thời, vị thuyết thị kệ.

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Hà đẳng danh vi vô dư nghĩa da? Vân hà phục danh nhất thiết nghĩa hô?

Thiện nam tử! Nhất thiết giả, duy trừ trợ đạo, thường nhạo thiện pháp. Thị danh nhất thiết, diệt danh vô dư. Kỳ dư chư pháp, diệt danh hữu dư, diệt danh vô dư. Dục linh nhạo pháp chư thiện nam tử, tri thủ hữu dư cập vô dư nghĩa.

Ca-diếp Bồ Tát, tâm đại hoan hỷ, dũng dục vô lượng, tiền bạch Phật ngôn: Thâm kỳ Thế Tôn! Đẳng thị chúng sanh như La-hầu-la.

Nhĩ thời, Phật tán Ca-diếp Bồ Tát: Thiện tai, thiện tai! Nhữ kim sở kiến vi diệu thậm thâm!

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn Thế Tôn! Duy nguyện Như Lai thuyết thị Đại thừa Đại Niết-bàn kinh sở đắc công đức.

Phật cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Nhược hữu đắc văn thị kinh danh tự, sở đắc công đức, phi chư Thanh văn, Bích Chi

非諸聲聞辟支佛等所能宣說。唯佛能知。何以故。不可思議是佛境界。何況受持讀誦通利書寫經卷。

爾時諸天世人及阿修羅。即於佛前異口同音。而說偈言。

諸佛難思議  
法僧亦復然  
是故今勸請  
唯願小停住。  
尊者大迦葉  
及以阿難等  
二衆之眷屬  
且待須臾至。  
并及摩伽主  
阿闍世大王  
至心敬信佛  
猶故未來此。  
唯願於如來  
少垂哀愍住  
於此大衆中  
斷我諸疑網。

爾時如來爲諸大衆。而說偈言。

我法最長子  
是名大迦葉  
阿難勤精進  
能斷一切疑。  
汝等當諦觀

Phật đấng sở năng tuyên thuyết. Duy Phật năng tri. Hà dĩ cố? Bất khả tư nghị thị Phật cảnh giới. Hà hướng thọ trì, độc tụng thông lợi, thơ tả kinh quyển?

Nhĩ thời, chư thiên, thế nhân, cập a-tu-la tức ư Phật tiền, dị khẩu đồng âm nhi thuyết kệ ngôn:

Chư Phật nan tư nghị,  
Pháp, Tăng diệc phục nhiên.  
Thị cố kim khuyến thỉnh,  
Duy nguyện tiểu đình trụ.  
Tôn giả Đại Ca-diếp,  
Cập dĩ A-nan đấng,  
Nhị chúng chi quyển thuộc,  
Thả đãi tu du chí.  
Tinh cập Ma-già chủ,  
A-xà-thế Đại vương.  
Chí tâm kính tín Phật  
Du cố vị lai tử.  
Duy nguyện ư Như Lai,  
Thiểu thù ai mẫn trụ,  
Ư tử Đại chúng trung,  
Đoạn ngã chư nghi vãng.

Nhĩ thời Như Lai vị chư Đại chúng nhi thuyết kệ ngôn:

Ngã pháp tối trưởng tử,  
Thị danh Đại Ca-diếp.  
A-nan cần tinh tấn,  
Năng đoạn nhất thiết nghi.  
Nhữ đấng đương đế quán,

阿難多聞士  
自然能解了  
是常及無常  
以是故不應  
心懷於憂惱。

爾時大眾以種種物供養如來。供養佛已即發阿耨多羅三藐三菩提心。無量無邊恆河沙等諸菩薩輩得住初地。

爾時世尊與文殊師利迦葉菩薩及以純陀。而受記莚。受記莚已說如是言。諸善男子。自修其心慎莫放逸。我今背疾舉體皆痛。我今欲卧。如彼小兒及常患者。汝等文殊。當為四部廣說大法。今以此法付囑於汝。乃至迦葉阿難等來。復當付囑如是正法。

爾時如來說是語已。為欲調伏諸眾生故現身有疾。右脅而卧如彼病人。

## 大般涅槃經卷第十

終

A-nan đa văn sĩ,  
Tự nhiên năng giải liễu,  
Thị thường cập vô thường.  
Dĩ thị cố bất ưng,  
Tâm hoài ư ưu não.

Nhĩ thời Đại chúng dĩ chủng chủng vật, cúng dường Như Lai. Cúng dường Phật dĩ, tức phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Vô lượng vô biên Hằng hà sa đẳng chư Bồ Tát bối, đắc trụ Sơ địa.

Nhĩ thời, Thế Tôn dữ Văn-thù-sư-lợi, Ca-diếp Bồ Tát, cập dĩ Thuần-đà, nhi thọ ký biệt. Thọ ký biệt dĩ, thuyết như thị ngôn: Chư Thiện nam tử! Tự tu kỳ tâm, thận mạt phóng dật. Ngã kim bối tật, cử thể giai thống. Ngã kim dục ngoạ, như bỉ tiểu nhi, cập thường hoạn giả. Nhữ đẳng Văn-thù! Đương vị tứ bộ, quảng thuyết Đại pháp. Kim dĩ thủ pháp, phó chúc ư nhữ. Nãi chí Ca-diếp, A-nan đẳng lai, phục đương phó chúc như thị Chánh pháp.

Nhĩ thời, Như Lai thuyết thị ngữ dĩ, vị dục điều phục chư chúng sanh cố, hiện thân hữu tật, hữu hiếp nhi ngoạ, như bỉ bệnh nhân.

Đại Bát Niết-bàn Kinh - Quyển đệ thập

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN MƯỜI

### PHẨM TÁNH NHƯ LAI

Phẩm thứ tư - Phần bảy

Lúc ấy, Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: “Thế Tôn! Nay Thuần-đà còn có lòng nghi, xin Như Lai phân biệt [giảng nói] lần nữa để dứt trừ lòng nghi của ông ấy.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông ấy có lòng nghi như thế nào hãy nói ra đi, ta sẽ dứt trừ cho.”

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: “Thuần-đà có lòng nghi rằng: ‘Như Lai thường trụ là nhờ sức thấy biết được tánh Phật. Nếu thấy tánh Phật rồi là thường, thì lúc chưa thấy đáng lẽ phải là vô thường. Nhưng nếu trước đã vô thường, về sau đáng lẽ cũng như thế. Vì sao vậy? Như những vật ở thế gian trước vốn là không, nay lại thành có, rồi từ có trở lại thành không. Những vật như vậy đều là vô thường. Theo nghĩa ấy thì chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác chẳng khác gì nhau.’”

Lúc ấy, Thế Tôn liền thuyết kệ rằng:

Vốn là có mà nay thành không,  
Vốn là không mà nay thành có,  
Nếu nói trong Ba đời có pháp,<sup>(1)</sup>  
Thật không thể có nghĩa như thế!

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác có chỗ khác nhau mà cũng không khác nhau.”

Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi ngợi khen rằng: “Lành thay! Đúng như lời dạy của Thế Tôn. Nay con mới hiểu rằng chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác có chỗ khác nhau mà cũng không khác nhau.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có dạy rằng tánh của chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác vốn không khác biệt. Xin Như Lai phân biệt giảng rộng để làm lợi ích an vui cho hết chúng sanh.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ. Ta sẽ vì các ông mà giảng nói.

“Thiện nam tử! Ví như một người con nhà trưởng giả kia, nuôi rất nhiều bò sữa, có đủ các sắc lông, thường giao cho một người chăn giữ, chăm sóc. Một hôm, người ấy muốn cúng tế nơi đền thờ nên vắt hết sữa của các con bò, cho vào một cái thùng. Người ấy thấy sữa toàn một màu trắng, lấy làm kinh quái, nghĩ rằng: ‘Bò có màu lông khác nhau, vì sao sữa lại chỉ có một màu?’ Người ấy liền suy nghĩ rằng: ‘Như vậy, tất cả đều do nhân duyên nghiệp báo của chúng sanh nên khiến cho sữa chỉ có một màu.’”

“Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát cũng vậy, thấy đều đồng một tánh Phật, cũng như chất sữa kia [cùng một màu] vậy. Vì sao thế? Vì thấy đều dứt sạch phiền não. Nhưng chúng sanh vẫn nói rằng Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác đều có khác biệt. Có những vị Thanh văn và người phàm phu có lòng nghi đối với Ba thừa: ‘Tại sao không khác nhau?’ Các chúng sanh ấy



lâu về sau mới tự hiểu ra rằng tất cả Ba thừa đều đồng một tánh Phật, cũng như người chủ bò kia tỉnh ngộ mà hiểu rằng màu sắc của sữa là do nhân duyên nghiệp báo của chúng sanh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như chất khoáng vàng được nung luyện sạch hết cặn bẩn thành vàng ròng, từ đó mới có giá trị vô cùng. Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát cũng thế, đều được thành tựu cùng một tánh Phật. Vì sao vậy? Vì dứt trừ phiền não, cũng như khoáng vàng kia lọc bỏ những chất cặn bẩn. Vì nghĩa ấy nên tất cả chúng sanh đều cùng một tánh Phật chẳng khác gì nhau. Vì trước được nghe tạng sâu kín của Như Lai nên sau mới thành Phật, tự nhiên được rõ biết, cũng như ông trưởng giả kia biết được sữa chỉ có một màu. Vì sao vậy? Vì đã dứt sạch vô số phiền não.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, thì Phật với chúng sanh có khác gì nhau? Thuyết giảng như vậy thật quá sai lầm! Nếu như chúng sanh đều có tánh Phật, vì nhân duyên gì mà những người như ông Xá-lợi-phất đều vào Niết-bàn bậc hạ? Hàng Duyên giác đều vào Niết-bàn bậc trung? Hàng Bồ Tát lại vào Niết-bàn bậc thượng? Tất cả mọi người nếu cùng một tánh Phật, vì sao chẳng cùng vào Niết-bàn của Như Lai?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Niết-bàn mà chư Phật Thế Tôn chứng đắc không phải chỗ chứng đắc của hàng Thanh văn, Duyên giác. Vì nghĩa ấy, Đại Bát Niết-bàn gọi là sự hiện hữu tốt đẹp. Thế gian dù không có Phật vẫn có những người trong Hai thừa chứng đắc hai bậc Niết-bàn.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Nghĩa ấy như thế nào?”

Phật dạy: “Trải qua vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp mới có một đức Phật ra đời chỉ bày giảng rõ Ba thừa.

“Thiện nam tử! Như ông vừa nói đó, Bồ Tát với hàng Nhị thừa chẳng khác biệt nhau. Trước đây, ở tạng sâu kín của Như Lai trong kinh Đại Niết-bàn này đã có thuyết giảng nghĩa đó. Các vị A-la-hán chưa phải [đạt đến] sự hiện hữu tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì tất cả các vị A-la-hán [cuối cùng] đều sẽ đạt đến Đại Niết-bàn này. Vì nghĩa ấy nên Đại Bát Niết-bàn mới có được niềm vui hoàn toàn, rốt ráo. Vì thế nên gọi là Đại Bát Niết-bàn.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Như Phật vừa dạy, nay con mới biết được nghĩa khác nhau và chẳng khác nhau. Vì sao vậy? Vì tất cả Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác, [cuối cùng rồi] trong đời vị lai đều sẽ về nơi Đại Bát Niết-bàn, cũng như các dòng nước đều về nơi biển cả. Cho nên hàng Thanh văn, Duyên giác thấy đều gọi là thường, chẳng phải vô thường. Vì nghĩa ấy nên có chỗ khác nhau mà cũng không khác nhau.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là tánh khác nhau?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hàng Thanh văn ví như sữa, hàng Duyên giác ví như kem sữa, hàng Bồ Tát ví như bơ sữa, chư Phật Thế Tôn ví như đề-hồ.<sup>(2)</sup> Vì nghĩa ấy, trong kinh Đại Niết-bàn này ta nói bốn loại tánh khác biệt nhau.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch: “Tánh tướng của tất cả chúng sanh là như thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như con bò cái mới sanh

con, sữa và máu chưa phân biệt. Tánh phàm phu lẫn lộn các phiền não cũng giống như vậy.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch: “Trong thành Câu-thi-na có người dòng chiên-đà-la tên là Hoan Hỷ. Phật có thọ ký cho người ấy rằng, nhờ một lần phát tâm mà sẽ mau chóng được thành đạo Vô thượng Chánh giác trong thế giới này, nằm trong số một ngàn đức Phật sẽ ra đời. Vì sao Như Lai chẳng thọ ký cho những người như tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... được sớm thành Phật đạo?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có những Thanh văn, Duyên giác hoặc Bồ Tát phát thệ nguyện rằng: ‘Tôi sẽ hộ trì Chánh pháp rất lâu, rồi sau mới thành Phật đạo vô thượng.’ Vì [những người] phát nguyện nhanh chóng mới thọ ký [cho họ] nhanh chóng [thành Phật].

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như nhà buôn kia có một vật báu vô giá, mang đến chợ bán. Những kẻ ngu nhìn thấy không biết, chê cười. Người chủ vật báu nói to rằng: ‘Hạt châu báu của tôi đây giá trị vô cùng.’ Họ nghe rồi lại cười nữa, thấy đều bảo nhau rằng: ‘Đây chẳng phải hạt châu thật, chỉ là pha lê thôi.’

“Thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng vậy. Nếu nghe việc mau chóng thọ ký, ắt sẽ biếng nhác, chê cười, khinh dể, như những kẻ ngu kia chẳng biết vật báu thật.

“Trong đời vị lai sẽ có những tỳ-kheo không chịu chuyên cần tu tập thiện pháp; họ bần cùng khốn khổ, bức thiết vì nổi đói khát, vì thế mới xuất gia để được no ấm tấm thân. Tâm ý họ dễ duôi, đời sống gian tà, bợ đỡ nịnh hót. Nếu họ nghe hàng Thanh văn được Như Lai

thọ ký sớm thành Phật, ắt họ sẽ cười to, khinh mạn, chế nhạo. Nên biết rằng đó là bọn phá giới, họ tự nói rằng chúng đắc quả thánh.

“Vì lẽ ấy nên tùy theo sự phát nguyện nhanh chóng mà được thọ ký nhanh chóng. Người [phát tâm] hộ trì Chánh pháp [dài lâu] thì thọ ký lâu xa mới thành Phật.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát làm thế nào để quyến thuộc khỏi bị hư hoại?”

Phật bảo Ca-diếp rằng: “Như những Bồ Tát nào chuyên cần tinh tấn, dốc lòng hộ trì Chánh pháp, nhờ nhân duyên ấy, quyến thuộc khỏi bị hư hoại.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà môi miệng của chúng sanh khô khan, nóng phỏng?”

Phật dạy Ca-diếp rằng: “Như ai không biết rằng Tam bảo là thường tồn, do nhân duyên ấy môi miệng họ bị khô khan, nóng phỏng. Ví như người trong miệng khó chịu, chẳng phân biệt được sáu vị: ngọt, đắng, cay, chua, mặn và nhạt. Tất cả chúng sanh ngu si không trí tuệ, chẳng biết Tam bảo là pháp thường tồn, nên gọi là môi miệng khô khan, nóng phỏng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có chúng sanh chẳng biết Như Lai là thường trụ, nên biết rằng họ là những kẻ đui mù bầm sanh. Những ai biết rằng Như Lai là thường trụ, dù chỉ có mắt thịt nhưng ta cũng gọi họ là có thiên nhãn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như ai có thể biết rằng Như Lai là thường, nên biết rằng những người ấy tu tập kinh điển này đã lâu. Ta nói rằng những người ấy có thiên

nhân. Dù ai có thiên nhân mà không biết rằng Như Lai thường tôn thì ta gọi những kẻ ấy là người mang mắt thịt. Hạng người ấy thậm chí không biết được thân thể tay chân của chính họ, cũng không thể làm cho kẻ khác biết được. Vì nghĩa ấy nên gọi là người mang mắt thịt.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như Lai thường vì tất cả chúng sanh mà làm cha mẹ. Vì sao vậy? Tất cả chúng sanh, đủ mọi hình tướng, chủng loại, như loài có hai chân, bốn chân, nhiều chân, hoặc không có chân, Phật chỉ dùng một giọng nói mà thuyết pháp với họ, nhưng chúng sanh loài nào cũng hiểu được, thấy đều ngợi khen rằng: ‘Hôm nay Như Lai vì tôi mà thuyết pháp.’ Bởi nghĩa ấy nên gọi Như Lai là cha mẹ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như người kia sanh một đứa con mới được mười sáu tháng. Tuy có nói chuyện, nhưng trẻ chưa thể hiểu được. Cha mẹ muốn dạy trẻ nói, trước hết phải nói một giọng theo nó, rồi dần dần mới dạy nó. Vậy giọng nói theo như trẻ của cha mẹ có gọi là không đúng hay chẳng?”

“Bạch Thế Tôn! Không phải vậy.”

“Thiện nam tử! Chư Phật Như Lai cũng vậy, tùy theo đủ loại tiếng nói của chúng sanh mà thuyết pháp, vì muốn giúp cho họ trụ yên nơi Chánh pháp. Tùy theo ý muốn của chúng sanh mà thị hiện đủ mọi hình tướng. Như Lai nói theo đồng một giọng nói với chúng sanh, vậy có gọi là không đúng hay chẳng?”

“Bạch Thế Tôn! Không phải vậy. Vì sao? Vì chỗ thuyết dạy của Như Lai dường như tiếng sư tử rống, tùy theo đủ mọi âm thanh của thế gian mà diễn giải, thuyết giảng giáo pháp mâu nhiệm.”

## PHẨM ĐẠI CHÚNG THƯA HỎI

Phẩm thứ năm<sup>(3)</sup>

Lúc ấy, từ nơi khoảng giữa hai chân mày trên trán, Thế Tôn phóng ra hào quang đủ các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, chiếu đến thân Thuần-đà. Thuần-đà chạm hào quang ấy rồi liền cùng với quyến thuộc mang những thức ăn ngon đến chỗ Phật, muốn được cúng dường Như Lai và các vị tỳ-kheo tăng lần sau cùng. Những bát đĩa đủ loại chứa đầy thức ăn được đưa đến phía trước đức Phật.

Lúc ấy có những vị thiên nhân oai đức lớn đến ngăn phía trước mặt và vây quanh bảo Thuần-đà rằng: “Thuần-đà! Hãy đứng lại đó, chớ vội cúng dường.”

Đang lúc ấy, Như Lai lại phóng ra vô lượng vô biên đủ loại hào quang. Đại chúng chư thiên chạm phải hào quang này rồi liền để cho Thuần-đà đi đến chỗ Phật mà dâng hiến lễ cúng.

Lúc ấy, chư thiên và tất cả chúng sanh thấy đều tự mang những vật thực cúng dường của mình đến phía trước Phật, quỳ mọp xuống bạch Phật rằng: “Nguyện đức Như Lai cho phép chư tỳ-kheo thọ nhận các món ăn này.”

Lúc ấy, chư tỳ-kheo biết là đã đúng giờ, bèn đắp y, ôm bát, định tâm an ổn. Lúc ấy, Thuần-đà vì Phật và chư Tăng mà sắp xếp các tòa sư tử quý báu, treo các phướn, lọng bằng lụa, chuỗi ngọc hương hoa... Lúc ấy, cõi Tam thiên đại thiên được trang nghiêm vi diệu, dường như cõi nước An Lạc ở phương tây.<sup>(4)</sup>

Bấy giờ Thuần-đà đứng trước Phật, ưu bi thăm đạm, bạch Phật một lần nữa: “Nguyện được Như Lai đem

lòng thương xót, trụ lại cõi thế này một kiếp hoặc một kiếp giảm.”

Phật bảo Thuần-đà: “Như ông muốn ta trụ lâu cõi thế, vậy hãy mau cúng dường lần cuối cùng để cho trọn vẹn hạnh Bố thí Ba-la-mật<sup>(5)</sup> của ông.”

Bấy giờ, tất cả các vị Đại Bồ Tát và chư thiên, loài người, tuy khác miệng mà đồng âm, thảy đều nói lên những lời này: “Lạ thay, Thuần-đà! Người được phước đức lớn, có thể khiến Như Lai thọ nhận bữa cúng dường cuối cùng cao trội hơn hết. Chúng ta đây không có phước nên mọi lễ vật bày ra phải bị dẹp bỏ.”

Bấy giờ, muốn làm cho tất cả đại chúng đều được thỏa lòng, từ mỗi lỗ chân lông nơi thân của Thế Tôn liền hóa ra vô lượng chư Phật, mỗi đức Phật có vô lượng chư tỷ-kheo tăng [vây quanh]. Chư Thế Tôn ấy và vô lượng đại chúng thảy đều thị hiện thọ nhận các món cúng dường của chư thiên và loài người. Đức Thích-ca Như Lai tự ngài thọ nhận bữa cơm mà Thuần-đà cúng dường.

Lúc ấy, món cơm vừa nấu chín mà Thuần-đà dâng lên được lấy ở nước Ma-kiệt-đà,<sup>(6)</sup> chứa đầy tám斛.<sup>(7)</sup> Nhờ sức thần của Phật mà có thể làm cho tất cả chúng hội đều no đủ.

Bấy giờ, Thuần-đà nhìn thấy như vậy rồi, trong lòng lấy làm vui vẻ, phấn khởi vô cùng. Tất cả đại chúng cũng vậy. Lại nương theo ý Phật, tất cả đại chúng đều nghĩ rằng: “Nay Như Lai đã thọ nhận đồ dâng cúng của chúng ta, ắt không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn.” Nghĩ như vậy rồi, ai lấy đều cảm thấy buồn vui lẫn lộn.

Khi ấy, đất đai ở rừng cây tuy nhỏ hẹp nhưng nhờ sức thần của Phật nên mỗi khoảng đất như đầu kim cũng

đều có vô lượng chư Phật Thế Tôn cùng quyền thuộc ngồi thọ thực. Món ăn của tất cả các vị đều không khác biệt nhau.

Lúc ấy, chư thiên, loài người, a-tu-la đều than khóc sâu thẳm, cùng nói ra lời này: “Hôm nay Như Lai đã thọ nhận bữa cúng dường cuối cùng do chúng ta dâng hiến. Thọ cúng dường rồi ngài sẽ vào Niết-bàn. Rồi đây chúng ta còn biết cúng dường cho ai? Chúng ta sắp vĩnh biệt đức Điều ngự vô thượng, sẽ trở nên tối tăm như những kẻ mù lòa.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn an ủi tất cả đại chúng liền nói kệ rằng:

“Các ông đừng sầu thảm,  
 Pháp Phật đều như vậy.  
 Ta vào cõi Niết-bàn,  
 Đã qua vô lượng kiếp.  
 Thường hưởng vui tột bậc,  
 Vĩnh viễn nơi yên ổn.  
 Nay phải hết lòng nghe,  
 Ta dạy pháp Niết-bàn.  
 Ta đã lia ăn uống,  
 Không có sự đói khát.  
 Nay ta vì các ông,  
 Thuyết giảng nguyện tùy thuận,  
 Khiến cho toàn đại chúng,  
 Đều được vui an ổn.  
 Nghe xong, nên tu hành,  
 Phật và Pháp thường trụ.

Ví như quạ, chim cú<sup>(8)</sup>  
 Cùng đậu chung một cây,  
 Như anh em thân thiết,  
 Mới Niết-bàn vĩnh viễn.

Như Lai thương tất cả,  
 Đồng như La-hầu-la,  
 Chúng sanh thường tôn kính,  
 Sao dứt vào Niết-bàn?

Giả sử rắn, chuột, sói,  
 Cùng ở chung một hang,  
 Thương nhau như anh em,  
 Mới Niết-bàn vĩnh viễn.

Như Lai thương tất cả,  
 Đồng như La-hầu-la,  
 Chúng sanh thường tôn kính,  
 Sao dứt vào Niết-bàn?

Giả sử hoa thất diệp,  
 Tỏa hương hoa bà-sư;  
 Trái cây ca-lưu-ca,  
 Biến thành trái trăn-đầu,<sup>(9)</sup>  
 Ta mới vào Niết-bàn.

Như Lai thương tất cả,  
 Đồng như La-hầu-la,  
 Sao lại bỏ từ bi,  
 Vào mãi nơi Niết-bàn?

Giả sử nhất-xiên-đê,  
 Ngay đời này thành Phật,  
 Thọ hưởng vui bậc nhất,  
 Ta mới vào Niết-bàn.

Như Lai thương tất cả,  
 Đồng như La-hầu-la,  
 Sao lại bỏ từ bi,  
 Vào mãi nơi Niết-bàn?

Giả sử toàn đại chúng,  
 Cùng lúc đều thành Phật,  
 Lìa hẳn mọi lỗi lầm,  
 Ta mới vào Niết-bàn.

Như Lai thương tất cả,  
 Đồng như La-hầu-la,  
 Sao lại bỏ từ bi,  
 Vào mãi nơi Niết-bàn?

Như nước tiểu loài muỗi,  
 Ướt đầm khắp mặt đất,  
 Núi non, trăm sông suối,  
 Ngập tràn cả biển lớn.  
 Nếu có chuyện như vậy,  
 Ta mới vào Niết-bàn.

Lòng bi thương tất cả,  
 Đồng như La-hầu-la,  
 Chúng sanh thường tôn kính,  
 Sao dứt vào Niết-bàn?

Các ông vì lẽ ấy,  
Nên hâm mộ Chánh pháp.  
Chẳng nên sanh sầu não,  
Than khóc và kể lể.

Muốn thành hạnh chân chánh,  
Nên tu Như Lai thường,  
Nên quán pháp thế này:  
Lâu dài, không biến đổi.

Lại nên nghĩ thế này:  
Tam bảo đều thường trụ.  
Liên được che chở lớn,  
Như cây khô sanh quả.<sup>(10)</sup>

Đó gọi là Tam bảo.  
Bốn chúng<sup>(11)</sup> nên nghe kỹ.  
Nghe rồi nên vui vẻ,  
Liên phát tâm Bồ-đề.

Có thể biết Tam bảo  
Là thường trụ, chân thật,  
Đó là nguyện cao nhất,  
Của tất cả chư Phật.

“Như có những tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di có thể nương theo lời nguyện cao nhất của Như Lai mà phát nguyện, nên biết rằng những người ấy không hề ngu si, đủ sức thọ lãnh sự cúng dường. Nhờ sức nguyện ấy, quả báo công đức là cao trời nhất trong thế gian, cũng như bậc A-la-hán. Nếu có những ai

không thể quán tưởng lễ Tam bảo thường tồn, thì đó là hạng chiêm-đà-la.<sup>(12)</sup> Những ai có thể biết lễ Tam bảo thường trụ, nhân duyên thật pháp thì lia được khổ não, đạt được an vui, không phải chịu những sự nhiều hại hoặc tai nạn.”

Lúc ấy, đại chúng gồm chư thiên, loài người và a-tu-la nghe pháp ấy rồi, sanh lòng vui vẻ, phấn khởi vô cùng. Tâm họ trở nên thuần thực hiện hòa, khéo trừ được những thứ che chướng,<sup>(13)</sup> không còn có tâm phân biệt cao thấp, oai đức thanh tịnh, vẻ mặt vui tươi, biết rằng Phật là thường trụ. Cho nên họ bày ra những món cúng dường của chư thiên, rải các thứ hoa, hương bột, hương thoa, và trỗi lên những khúc nhạc trời để cúng dường Phật.

Bấy giờ, Phật bảo Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Ông có thấy việc ít có trong đại chúng này chăng?”

Ca-diếp thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy! Con thấy các đức Như Lai nhiều vô lượng vô biên không thể kể xiết, thọ nhận thức ăn uống của đại chúng chư thiên và loài người cúng dường. Con lại thấy chư Phật thân tướng cao lớn đẹp đẽ ngồi nơi chỗ ngồi chỉ bằng đầu cây kim, lại có rất nhiều người vây quanh mà vẫn không đụng chạm, chướng ngại. Con lại thấy đại chúng thấy đều phát lời thệ nguyện nói ra mười ba bài kệ. Con cũng biết trong đại chúng ai nấy đều tự nghĩ rằng: ‘Hôm nay đức Như Lai riêng thọ nhận sự cúng dường của tôi.’”

“Giả sử thức ăn uống mà Thuần-đà phụng hiến đó nghiền nát thành những hạt bụi rất nhỏ, rồi cúng dường cho mỗi vị Phật chỉ một hạt bụi đó thôi cũng không đủ số, nhưng nhờ sức thần của Phật mà được đầy đủ cho

đến hết thầy đại chúng. Chỉ có chư Đại Bồ Tát và những vị như Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi mới có thể biết được việc ít có như vậy. Đó là chỗ phương tiện thị hiện của Như Lai. Đại chúng Thanh văn và hàng a-tu-la thầy đều biết rằng Như Lai là pháp thường trụ.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Thuần-đà rằng: “Sự việc ông thấy hôm nay có phải là kỳ lạ ít có hay chăng?”

Thuần-đà thưa: “Quả thật vậy, Thế Tôn! Trước con đã thấy vô lượng chư Phật đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân, bây giờ còn được thấy các vị Đại Bồ Tát tướng mạo quý lạ, cao lớn đẹp đẽ, lại chỉ thấy riêng thân Phật [uy nghiêm] như cây thuốc chúa<sup>(14)</sup> có các vị Đại Bồ Tát vây quanh.”

Phật bảo Thuần-đà: “Lúc này ông nhìn thấy vô lượng chư Phật đều là do ta hóa hiện để làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, khiến họ được vui vẻ; còn các vị Đại Bồ Tát ấy thì chỗ tu hành đạt đến đều không thể nghĩ bàn, có thể làm được vô số Phật sự.

“Thuần-đà! Nay ông đã thành tựu hạnh Bồ Tát ma-ha-tát, được trụ ở hàng Thập địa, đã làm xong những việc cần làm.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Quả như lời Phật dạy, chỗ tu tập của Thuần-đà đã thành tựu hạnh Bồ Tát, con cũng mừng cho ông ấy. Nay đức Như Lai vì muốn chiếu ánh sáng lớn cho vô lượng chúng sanh đời vị lai nên thuyết giảng kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này.

“Bạch Thế Tôn! Ý nghĩa giảng thuyết trong tất cả Khế kinh là hữu dư hay vô dư?<sup>(15)</sup>

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ý nghĩa trong các pháp ta thuyết giảng là hữu dư, cũng là vô dư.”

Thuần-đà bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Như Phật có nói kệ:

“Những gì mình có,  
Bố thí hết thầy,  
Chỉ được khen ngợi,  
Không hề thiệt mất.

“Bạch Thế Tôn! Nghĩa ấy là thế nào? Trì giới và phá giới có gì khác nhau?”

Phật dạy: “Chỉ trừ [việc bố thí cho] một người, còn ngoài ra hết thầy sự bố thí đều đáng khen ngợi.”

Thuần-đà hỏi rằng: “Tại sao gọi là chỉ trừ một người?”

Phật dạy: “Đó là người phá giới như đã thuyết giảng trong kinh này.”

Thuần-đà lại bạch Phật: “Nay con chưa hiểu, xin Phật dạy rõ.”

Phật bảo Thuần-đà: “Nói phá giới đó là hạng nhất-xiển-đề. Ngoài ra, hết thầy những chỗ bố thí đều đáng khen ngợi, được quả báo lớn.”

Thuần-đà lại thưa hỏi: “Nói nhất-xiển-đề nghĩa là thế nào?”

Phật dạy: “Thuần-đà! Như có tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nói ra những lời thô ác, phỉ báng Chánh pháp, tạo nghiệp nặng như vậy mà vĩnh viễn không hối cải, lòng không chút hổ thẹn. Những người như vậy gọi là hướng theo con đường nhất-xiển-đề.

“Như có những kẻ phạm Bốn tội trọng, làm Năm tội nghịch, tự biết chắc rằng mình đã phạm tội nặng như

vậy, nhưng trong lòng không hề sợ sệt, hổ thẹn, không chịu bực lộ, đối với Chánh pháp không hề có lòng mến tiếc, ủng hộ, xây dựng, lại chê bai khinh rẻ, nói ra nhiều điều sai trái. Những người như vậy, cũng gọi là hướng theo con đường nhất-xiên-đề.

“Lại như có kẻ nói rằng: ‘Không có Phật, Pháp, Tăng’, đó cũng gọi là hướng theo con đường nhất-xiên-đề.

“Chỉ trừ những kẻ nhất-xiên-đề như thế, ngoài ra bố thí cho tất cả đều đáng khen ngợi.”

Lúc ấy, Thuần-đà lại bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nói phá giới là nghĩa như thế nào?”

Phật dạy: “Thuần-đà! Nếu phạm Bốn giới cấm nặng cùng Năm tội nghịch, phỉ báng Chánh pháp, những người như vậy gọi là phá giới.”

Thuần-đà lại hỏi: “Phá giới như vậy, còn có thể cứu vớt được chăng?”

Phật dạy: “Thuần-đà! Nếu có nhân duyên thì có thể cứu vớt được. Chẳng hạn như vẫn chưa cởi bỏ pháp phục, trong tâm thường tự biết hổ thẹn, sợ sệt, luôn tự trách mình rằng: ‘Chao ôi! Sao ta phạm tội nặng như thế? Quái lạ thay! Sao ta tạo nghiệp khổ như thế?’ Trong lòng liên cái hối, sanh tâm hộ pháp, muốn tạo lập Chánh pháp, nghĩ rằng: ‘Nếu có ai hộ pháp, tôi sẽ cúng dường. Nếu có ai đọc tụng kinh điển Đại thừa, tôi sẽ đến thưa hỏi [người ấy] và thọ trì, đọc tụng. Khi đọc tụng thông suốt rồi, tôi lại sẽ vì người khác phân biệt giảng rộng.’ Ta dạy rằng người như vậy chẳng phải là phá giới.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Ví như mặt trời hiện ra có thể trừ được tất cả những sự mờ mịt, tối tăm. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này xuất hiện hưng thịnh ở thế

gian cũng vậy, có thể trừ được các tội mà chúng sanh đã làm trong vô lượng kiếp. Cho nên kinh này dạy rằng: ‘Ủng hộ Chánh pháp được quả báo lớn, cứu vớt những kẻ phá giới.’

“Như có ai hủy báng Chánh pháp mà có thể tự cải hối, trở về với pháp, tự xét rằng tất cả những điều bất thiện mà mình đã làm đó như tự hại chính mình, bèn sanh lòng lo sợ, kinh hãi, hổ thẹn, [nghĩ rằng:] ‘Trừ Chánh pháp này ra, không còn chỗ cứu hộ nào khác. Vậy nên phải trở về với Chánh pháp.’ Nếu [ai] có thể quay về nương tựa [Chánh pháp] theo lời ta dạy như thế, thì bố thí cho người ấy sẽ được phước vô lượng. Người ấy cũng được xưng là xứng đáng thọ nhận sự cúng dường. Nếu ai đã phạm những tội ác kể trên mà trải qua một tháng hoặc mười lăm ngày không khởi tâm quay về nương tựa [Chánh pháp], bực lộ [lỗi lầm], thì việc bố thí cho người ấy được quả báo rất ít ỏi.

“Người phạm Năm tội nghịch cũng vậy, nếu có thể sanh tâm hối lỗi, trong lòng luôn biết hổ thẹn: ‘Nay tôi đã làm nên nghiệp bất thiện, thật là khổ lớn! Tôi nên tạo lập và hộ trì Chánh pháp.’ Người như vậy không gọi là phạm Năm tội nghịch, nếu bố thí cho người ấy sẽ được phước vô lượng. Như ai phạm tội nghịch rồi chẳng sanh lòng quay lại nương tựa [Chánh pháp], hộ pháp, nếu bố thí cho người ấy thì phước đức không đáng kể.

“Lại nữa, thiện nam tử! Về kẻ phạm tội nặng, ông nay hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng rộng. Nên sanh tâm như thế này: ‘Chánh pháp là kho tàng sâu kín của Như Lai, cho nên tôi sẽ hộ trì, xây dựng.’ Bố thí cho người như vậy sẽ được quả báo tốt đẹp.



“Thiện nam tử! Ví như có người đàn bà mang thai gần sanh, gặp khi trong nước loạn lạc, liền trốn sang nước khác, ở trong một cái miếu thờ thần rồi sanh con tại đó. Khi nghe nước cũ của mình đã được yên ổn sung túc, liền dắt con định trở về. Giữa đường gặp một con sông nước ngập tràn chảy xiết. Cô vì bé con nên không đủ sức lội qua sông, nhưng tự nghĩ rằng: ‘Ta thà cùng chết với con chứ quyết không bỏ con để lội qua sông một mình.’ Trong lúc suy nghĩ như vậy thì [đuối sức nên] cả hai mẹ con đều phải chết chìm. Sau khi chết, cô được sanh lên cõi trời. Đó là nhờ lòng thương con [nên khởi lòng lành] quyết đưa con qua sông, chứ cô ấy vốn tánh xấu ác. Nhờ thương con mà [khởi lòng lành nên] được sanh lên cõi trời.”<sup>(16)</sup>

“Kẻ phạm bốn giới cấm nặng, năm tội vô gián, nếu sanh lòng hộ pháp thì cũng như vậy. Tuy trước đã tạo nghiệp bất thiện nhưng nhờ hộ pháp nên được trở thành ruộng phước cao trổ nhất ở thế gian. Người hộ pháp ấy có quả báo vô lượng như vậy.”

Thuần-đà lại bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu kẻ nhất-xiển-đề có thể tự cải hối, cung kính cúng dường, ngợi khen Tam bảo. Bồ thí cho kẻ ấy có được quả báo lớn hay chẳng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông chớ nên nói ra lời ấy. Thiện nam tử! Ví như có người kia ăn trái am-la rồi nhả hạt xuống đất. Nhưng người ấy lại nghĩ rằng: ‘Trong cái hạt này chắc có vị ngọt.’ Liền nhặt hạt lên, đập ra mà nếm. Thấy vị rất đắng, liền sanh lòng hối tiếc. Lại vì sợ mất giống, người ấy liền nhặt hết những mảnh hạt ấy rồi trông xuống đất, siêng năng chăm sóc, tùy theo lúc thích hợp mà tưới bằng bơ, dầu, sữa. Ý ông thế nào? Hạt ấy có thể mọc lên chẳng?”

Thuần-đà thưa: “Bạch Thế Tôn, không thể được! Ví như có được cơn mưa tốt lành nhất cũng không thể mọc mầm lên được!”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Kẻ nhất-xiển-đề kia lại cũng như vậy, căn lành đã bị cháy mất cả rồi, còn do đâu mà được trừ tội? Thiện nam tử! Nếu còn có thể phát sanh lòng lành thì không gọi là nhất-xiển-đề.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên quả báo của hết thảy mọi việc bố thí chẳng phải là không khác nhau. Vì sao vậy? Bồ thí cho hàng Thanh văn thì được quả báo khác. Bồ thí cho Bích-chi Phật lại được quả báo khác nữa. Chỉ có sự bố thí [cúng dường] đức Như Lai là được quả báo cao nhất. Cho nên ta dạy rằng: ‘Tất cả các việc bố thí chẳng phải là không có khác biệt.’”

Thuần-đà thưa hỏi: “Vì sao Như Lai thuyết bài kệ ấy?”

Phật dạy: “Thuần-đà! Vì có nhân duyên ta mới thuyết bài kệ ấy. Trong thành Vương Xá có một ưu-bà-tắc lòng tin không trong sạch, phụng sự bọn ngoại đạo Ni-kiền.<sup>(17)</sup> Người ưu-bà-tắc ấy có đến hỏi ta về nghĩa bồ thí. Vì nhân duyên đó ta mới thuyết bài kệ ấy. Ta cũng vì chư Đại Bồ Tát nên thuyết giảng nghĩa của kho tàng [Chánh pháp] sâu kín.”

Thuần-đà lại hỏi: “Thế Tôn! Như bài kệ ấy, ý nghĩa như thế nào?”

Phật dạy: “Nói ‘hết thảy’ là [muốn chỉ đến một] ít phần trong tất cả. Nên biết rằng Đại Bồ Tát là bậc anh hùng trong nhân loại, thâm nhiếp những kẻ nghiêm trì giới luật, bồ thí cho đủ mọi sự cần dùng; lại trừ bỏ kẻ phá giới như trừ bỏ loài cỏ dại.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như trước đây ta có thuyết bài kệ rằng:

“Hết thủy các sông,  
Đều có khúc quanh.  
Hết thủy rừng rậm,  
Đều là cây cối.

Hết thủy người nữ,  
Lòng không ngay thẳng,  
Hết thủy tự tại,  
Đều được an vui.”

Lúc ấy, Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén tay áo bên vai phải, quỳ gối phải sát đất, kính lễ dưới chân Phật rồi nói kệ rằng:

“Chẳng phải hết thủy sông,  
Đều là chảy uốn khúc,  
Chẳng phải hết thủy rừng,  
Đều là cây cối hợp.

Chẳng phải mọi người nữ,  
Lòng đều không ngay thẳng,  
Hết thủy người tự tại,  
Chưa hẳn được an vui.

“Thế Tôn! Phật giảng thuyết kệ ấy chắc hẳn còn chưa hết nghĩa. Xin Phật rủ lòng thương xót giảng giải nhân duyên ấy.

“Vì sao vậy? Trong cõi Tam thiên đại thiên này có một cái bãi tên là Câu-da-ni. Dưới bãi có một con sông ngay thẳng không uốn khúc, tên là Ta-bà-da, thẳng như đường dây mực, chảy vào Tây hải. Trong các kinh

khác Phật chưa từng nói đến tướng trạng sông này. Nguyện đức Như Lai nhân kinh Phương đẳng này và kinh A-hàm mà nói nghĩa còn lại, để cho các vị Bồ Tát hiểu sâu nghĩa ấy.

“Thế Tôn! Ví như có người trước đã biết khoáng vàng, nhưng sau chẳng biết vàng ròng. Như Lai cũng thế, ngài hiểu biết tường tận các pháp, nhưng chỗ diễn thuyết chưa trọn hết nghĩa. Tuy Như Lai giảng nghĩa chưa trọn hết, nhưng nên tùy phương tiện để hiểu được ý thú.

“Hết thủy rừng rậm đều là cây cối, câu ấy cũng chưa trọn nghĩa. Vì sao vậy? Vì có rất nhiều cây quý bằng vàng, bạc, lưu ly mà người ta cũng gọi là rừng!

“Hết thủy người nữ lòng không ngay thẳng, câu này cũng chưa trọn nghĩa. Vì sao vậy? Vì có những phụ nữ khéo giữ gìn giới cấm, thành tựu công đức, có lòng đại từ bi.

“Hết thủy tự tại đều được an vui, câu này cũng chưa trọn nghĩa. Vì sao vậy? Vì chỉ có bậc Thánh đế Thích-ca được nuôi dưỡng trong Chánh pháp, là đấng Pháp vương Như Lai, không tùy thuộc ma chết, không thể dứt mất, [mới thật là tự tại an vui]. Còn những vị Phạm vương, Đế-thích, chư thiên... tuy có được tự tại nhưng đều là vô thường. Nếu là thường trụ, không biến đổi mới đáng gọi là tự tại. Như thế tức là Đại thừa Đại Bát Niết-bàn.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông khéo được tài biện thuyết không ngăn ngại.<sup>(18)</sup> Hãy ngừng lại, lắng nghe đây!

“Văn-thù-sư-lợi! Ví như vị trưởng giả, thân thường có bệnh khổ. Lương y chẩn mạch, làm cho món thuốc cao. Bấy giờ người bệnh vì lòng tham nên muốn uống

nhiều thuốc ấy. Lương y liền bảo rằng: ‘Nếu có thể tiêu hóa được mới nên uống nhiều, còn ông thân thể suy yếu, chớ nên uống nhiều. Nên biết rằng thuốc cao ấy là cam lộ mà cũng là độc dược. Nếu uống nhiều mà không tiêu hóa tức là độc dược.’

“Thiện nam tử! Nay ông chớ nên cho rằng lời của lương y ấy là trái nghĩa lý, làm mất sự hiệu nghiệm của món thuốc cao. Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, ngài vì [muốn giáo hóa] các vị quốc vương, hậu phi, thái tử, vương tử, đại thần nên nhân lúc vua Ba-tư-nặc cùng vương tử và các hậu phi của vua ấy có lòng kiêu mạn, liền điều phục họ bằng cách thị hiện cho họ hoảng sợ, cũng như vị lương y kia. Cho nên mới thuyết kệ rằng:

“Hết thủy các sông,  
Đều có khúc quanh.  
Hết thủy rừng rậm,  
Đều là cây cối.  
Hết thủy người nữ,  
Lòng không ngay thẳng.  
Hết thủy tự tại,  
Đều được an vui.”

“Văn-thù-sư-lợi! Nay ông nên biết, những điều Như Lai thuyết dạy không hề sai sót. Như cõi đất này có thể bị đảo ngược, nhưng lời nói của Như Lai không hề có chỗ sai sót. Vì nghĩa ấy, hết thủy những điều Như Lai thuyết giảng đều còn có nghĩa khác.”

Lúc ấy Phật khen ngợi Văn-thù-sư-lợi rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông biết nghĩa ấy đã lâu, nhưng vì lòng thương xót tất cả, muốn cho chúng

sanh được trí huệ nên ông mới hỏi rộng Như Lai về nghĩa của bài kệ ấy.”

Lúc ấy, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi liền đối trước Phật đọc kệ rằng:

Với lời người khác,  
Tùy thuận chẳng nghịch.  
Đừng xét kẻ khác,  
Làm hoặc chẳng làm.  
Chỉ tự xét mình:  
Thiện hay bất thiện.

“Thế Tôn! Ngài thuyết giảng về món thuốc pháp đó, chẳng phải là thuyết chánh. ‘Với lời người khác tùy thuận chẳng nghịch’, nguyện xin Như Lai rủ lòng thương, thuyết giảng lẽ chân chánh. Vì sao vậy? Thế Tôn thường nói: ‘Tất cả các môn học của ngoại đạo, chín mươi lăm thứ, đều hướng theo nẻo ác.’ Các đệ tử Thanh văn đều noi theo đường chân chánh, khéo hộ trì cấm giới, gìn giữ oai nghi, thủ hộ các căn. Những người như vậy rất hâm mộ đại pháp, đi theo đường lành. Tại sao trong chín bộ kinh, Như Lai chê bai họ, quở trách họ? Như nghĩa của bài kệ ấy là hướng về đâu?”

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: “Thiện nam tử! Ta nói bài kệ ấy chẳng phải vì hết thủy chúng sanh, chỉ vì vua A-xà-thế lúc đó mà thôi. Nếu chẳng có nhân duyên, chư Phật Thế Tôn không hề nói lẽ trái ngược. Vì có nhân duyên nên ta mới thuyết như vậy.

“Thiện nam tử! Vua A-xà-thế giết cha rồi liền đến chỗ ta, muốn khuất phục ta nên cất vấn rằng: ‘Này Thế

Tôn, thế nào là ngài thật có trí hiểu biết tất cả, hay ngài không phải hiểu biết tất cả? Nếu là hiểu biết tất cả, thì Điều-đạt trong vô số kiếp trước thường ôm lòng ác theo đuổi Như Lai để giết hại, vì sao Như Lai còn cho phép ông ấy xuất gia?”

“Thiện nam tử! Do nhân duyên ấy, ta vì vua A-xà-thế mà nói kệ rằng:

Với lời người khác,  
Tùy thuận chẳng nghịch,  
Đừng xét kẻ khác,  
Làm hoặc chẳng làm,  
Chỉ tự xét mình:  
Thiện hay bất thiện.

“Ta lại bảo vua ấy rằng: ‘Đại vương! Nay ông đã giết cha, làm nên tội nghịch, là tội vô gián nặng nhất,<sup>(19)</sup> lẽ ra nên bộc lộ [sám hối] để cầu sự trong sạch. Vì có gì lại chỉ thấy lỗi lầm của người khác?’

“Thiện nam tử! Vì nghĩa đó, ta vì vua ấy mà thuyết bài kệ này.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ta cũng vì những kẻ nghiêm giữ cấm giới, [tự mình] thành tựu oai nghi nhưng [thường lưu ý] thấy những lỗi lầm của người khác nên mới thuyết bài kệ này. Lại nữa, nếu ai biết tiếp nhận lời khuyên dạy của người khác mà lìa xa mọi việc ác, lại khuyên dạy người khác khiến cho lìa bỏ mọi việc ác, những người ấy đúng là đệ tử Phật.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn vì Văn-thù-sư-lợi mà thuyết kệ rằng:

“Ai cũng sợ đao trượng,  
Không ai không tham sống,  
Suy mình ra người khác,  
Đừng giết hại, đánh đập.”

Liên đó, Văn-thù-sư-lợi liền đối trước Phật nói kệ rằng:

“Không phải ai cũng sợ trượng,  
Không phải ai cũng tham sống,  
Suy mình hiểu được người khác,  
Siêng năng khéo làm phương tiện.

“Bạch Thế Tôn! Như Lai thuyết bài kệ nói pháp như trên cũng chưa trọn nghĩa. Vì sao vậy? Ví như các vị A-la-hán hoặc [các món báu như] ngọc nữ, voi quý, ngựa quý, vị thần chủ kho tàng của vị Chuyển luân Thánh vương, dù cho hàng chư thiên, loài người cùng a-tu-la có cầm gươm bén mà hại cũng không thể được.<sup>(20)</sup> Những bậc dũng sĩ, liệt nữ, ngựa chúa, thú chúa hay vị tỳ-kheo trì giới, dù có đối mặt với điều gì cũng không bao giờ sợ sệt. Vì nghĩa ấy, Như Lai thuyết bài kệ trên cũng chưa trọn nghĩa. Như nói “suy mình ra người khác” cũng là chưa trọn nghĩa. Vì sao vậy? Nếu vị A-la-hán lấy mình mà so với kẻ khác, ắt là có những tư tưởng chấp ngã và thọ mạng. Nếu vị ấy có tư tưởng chấp ngã và thọ mạng, hẳn phải lo giữ gìn, bảo vệ. Người phạm phũ ắt phải xem hết thấy A-la-hán đều là những kẻ còn tu hành. Nếu như vậy thì là tà kiến. Nếu có tà kiến, sau khi chết lẽ ra phải sanh vào địa ngục A-tỳ. Lại nữa, không thể có việc vị A-la-hán đối với chúng sanh lại khởi tâm gây hại; và vô số chúng sanh cũng không thể làm hại được vị A-la-hán.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nói tư tưởng chấp ngã đó, là nói đối với chúng sanh khởi lòng đại bi, không có tư tưởng giết hại, là nói A-la-hán có tâm bình đẳng. Đừng cho rằng đức Thế Tôn không có nhân duyên mà nói ra lẽ trái ngược.

“Ngày trước, trong thành Vương Xá có một người thợ săn giỏi, giết được nhiều con hươu, thỉnh ta đến ăn thịt. Lúc ấy, tuy ta có nhận lời mời thỉnh ấy nhưng đối với chúng sanh luôn khởi lòng đại bi xem như [con mình là] La-hầu-la, nên mới thuyết kệ rằng:

“Nếu người muốn trường thọ,  
Sống mãi ở thế gian,  
Theo pháp không gây hại,  
Thọ mạng đồng chư Phật.”

Và cũng vì thế ta mới thuyết bài kệ này:

Ai cũng sợ đao trượng,  
Không ai không tham sống,  
Suy mình ra người khác,  
Đừng giết hại, đánh đập.

Phật lại dạy: “Lành thay, lành thay! Văn-thù-sư-lợi! Ông đã vì các vị Đại Bồ Tát mà thưa hỏi Như Lai về nghĩa lý sâu kín như vậy.”

Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi lại đọc kệ thưa hỏi rằng:

“Kính cha mẹ thế nào,  
Thuận theo và tôn trọng,  
Vì sao tu pháp ấy,  
Đọa vào ngục Vô gián?”

Đức Như Lai liền đọc kệ đáp lời Văn-thù-sư-lợi:

“Nếu xem tham ái là mẹ,  
Vô minh lại lấy làm cha,  
Tùy thuận tôn trọng như thế,  
Chắc chắn đọa ngục Vô gián.”

Lúc ấy, Như Lai vì Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi mà thuyết lại bài kệ này:

“Mọi việc phụ thuộc người khác,  
Tất phải gọi đó là khổ.  
Mọi việc do mình tự quyết,  
Đó là tự tại an vui.  
Những ai kiêu căng khinh mạn,  
Thế lực hết sức bạo ác.  
Những người hiền lành lương thiện,  
Ai ai cũng mến cũng thương.”

Liên đó, Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Bài kệ mà Như Lai thuyết đó cũng chưa trọn nghĩa. Nguyện Như Lai rủ lòng thương xót nói rõ nhân duyên. Vì sao vậy?”

“Như người con của vị trưởng giả, trong khi theo học với thầy, có tùy thuộc ông thầy hay chẳng? Nếu nói tùy thuộc ông thầy thì nghĩa ấy không hợp [với bài kệ trên].<sup>(21)</sup> Nếu nói không tùy thuộc, nghĩa cũng không hợp [với bài kệ trên]. Nếu nói được tự tại, nghĩa cũng không hợp [với bài kệ trên]. Cho nên chỗ thuyết của Như Lai còn chưa trọn nghĩa.

“Lại nữa, Thế Tôn! Ví như vị vương tử kia không có sự học hỏi luyện tập mọi thứ, đến khi làm việc chẳng được thành công. Như vậy cũng là [tự quyết] tự tại, nhưng thường phải khổ vì ngu si, tối tăm. Vị vương tử như vậy mà nói là tự tại [an vui] thì cũng không hợp nghĩa, còn như nói phụ thuộc người khác [đều là khổ] thì nghĩa ấy cũng không thích hợp. Vì những nghĩa ấy nên chỗ Phật thuyết như trên vẫn còn chưa trọn nghĩa. Cho nên, hết thảy phụ thuộc người khác chưa hẳn đã là khổ, hết thảy do mình tự quyết chưa hẳn đã được vui.

“Những ai kiêu căng khinh mạn, thế lực hết sức bạo ác, điều này cũng là chưa trọn nghĩa.

“Bạch Thế Tôn! Có những nữ nhân tánh khí mạnh mẽ, vì lòng kiêu mạn mà xuất gia học đạo, nghiêm giữ cấm giới, thành tựu oai nghi, gìn giữ các căn chẳng cho vọng động. Như vậy thì ‘hết thảy kiêu căng khinh mạn’ chưa hẳn đã là bạo ác.

“Những người hiền lành lương thiện, ai ai cũng mến cũng thương, câu ấy cũng chưa trọn nghĩa. Ví như có người trong lòng phạm Bốn cấm giới nặng, nhưng không xả bỏ y phục người tu, kiên trì giữ theo oai nghi, những người hộ trì Chánh pháp thấy vậy đều chẳng ưa thích. Người ấy đến lúc mạng chung, ắt đọa địa ngục. Như có người hiền lành đã lỡ phạm cấm giới nặng, những người hộ pháp thấy vậy liền đuổi ra khỏi Tăng đoàn, khiến phải bỏ đạo mà trở lại thế tục. Vì nghĩa ấy nên những người hiền lành lương thiện chưa hẳn đã được tất cả mọi người thương mến.”

Lúc ấy, Phật bảo Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi rằng: “Vì có nhân duyên nên trong bài kệ ấy Như Lai mới thuyết

giảng không trọn nghĩa. Lại cũng có nhân duyên nên chư Phật Như Lai mới thuyết giảng pháp này.

“Thuở ấy, thành Vương Xá có một cô gái tên là Thiện Hiền. Nhân khi về thăm nhà cha mẹ, cô có đến chỗ ta mà quy y Tam bảo, rồi nói ra lời này:

“Hết thảy phụ nữ,  
Đều chẳng tự do,  
Hết thảy đàn ông,  
Tự tại không ngại.”

“Lúc ấy, ta biết được trong lòng cô gái ấy, mới vì cô mà thuyết giảng bài kệ như vậy.<sup>(22)</sup>

“Văn-thù-sư-lợi! Lành thay, lành thay! Nay ông có thể vì tất cả chúng sanh mà hỏi Như Lai về nghĩa sâu kín như vậy.”

Văn-thù-sư-lợi lại đọc kệ rằng:

“Hết thảy mọi chúng sanh,  
Đều sống nhờ ăn uống.  
Hết thảy người sức mạnh,  
Trong lòng không tật đố.  
Hết thảy do ăn uống,  
Nên mắc nhiều bệnh khổ,  
Hết thảy do tu tịnh,  
Nên được hưởng an vui.

“Như vậy, bạch Thế Tôn, hôm nay thọ nhận Thuần-đà cúng dường món ăn thức uống, Như Lai há không có điều lo sợ hay sao?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn lại vì Bồ Tát Văn-thù mà đọc kệ rằng:

Chẳng phải mọi chúng sanh,  
 Đều sống nhờ ăn uống,  
 Chẳng phải người sức mạnh,  
 Đều không lòng tạt đổ.  
 Chẳng phải đều do ăn,  
 Nên mắc phải bệnh hoạn,  
 Chẳng phải ai tịnh hạnh,  
 Cũng đều được an vui.

“Văn-thù-sư-lợi! Nếu ông có bệnh thì ta cũng vậy, ắt cũng phải có bệnh khổ. Vì sao vậy? Các vị A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ Tát, Như Lai, thật không có việc ăn uống. Chỉ vì muốn giáo hóa chúng sanh nên thị hiện thọ dụng vật thực mà vô lượng chúng sanh dưng hiến, khiến họ được trọn vẹn hạnh bố thí, để cứu giúp những cõi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Nếu nói rằng Như Lai sáu năm khổ hạnh nên thân thể gầy yếu, thật không thể có. Chư Phật Thế Tôn tự mình đã vượt khỏi các cảnh giới hiện hữu, không giống như kẻ phàm phu, làm sao thân thể lại phải gầy yếu? Chư Phật Thế Tôn đã tinh cần tu tập, được thân kim cang [kiên cố], chẳng giống như thân mong manh dễ hư hoại của người đời. Các đệ tử của ta cũng vậy, không thể nghĩ bàn, không phụ thuộc vào sự ăn uống.

“Hết thầy người sức mạnh, trong lòng không tạt đổ, câu ấy cũng chưa trọn nghĩa. Như người thế gian có khi trọn đời chẳng hề sanh lòng tạt đổ, nhưng cũng chẳng có sức mạnh gì!

“Hết thầy do ăn uống, nên mắc nhiều bệnh khổ, câu ấy cũng chưa trọn nghĩa. Cũng có những người mắc bệnh do các điều kiện bên ngoài, chẳng hạn như bị thương do mũi nhọn, gươm, đao, giáo, kích...

“Hết thầy do tu tịnh, nên được hưởng an vui, câu ấy cũng chưa trọn nghĩa. Thế gian cũng có những kẻ ngoại đạo, mặc dù tu hạnh thanh tịnh nhưng chịu nhiều khổ não.

“Vì nghĩa ấy, chỗ thuyết giảng của Như Lai hết thầy đều chưa trọn nghĩa. Đó gọi là Như Lai chẳng phải không có nhân duyên mà thuyết ra kệ ấy. Thật có nhân duyên nên mới thuyết giảng.

“Ngày trước, ở nước Ưu-thiên-ni có một người bà-la-môn tên là Cổ-đê-đức, đến chỗ ta ở, muốn thọ pháp Bát quan trai.<sup>(23)</sup> Lúc đó ta bèn thuyết với ông ấy bài kệ này.”<sup>(24)</sup>

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Những gì gọi là nghĩa trọn vẹn? Thế nào gọi là nghĩa bao gồm hết thầy?”

“Thiện nam tử! Trừ ra các pháp trợ đạo,<sup>(25)</sup> còn các thiện pháp an vui thường tồn đều gọi là bao gồm hết thầy. Các pháp này gọi là bao gồm hết thầy, cũng gọi là nghĩa trọn vẹn. Ngoài ra các pháp khác đều có nghĩa trọn vẹn, cũng có nghĩa chưa trọn vẹn. [Hôm nay] ta muốn khiến cho những thiện nam tử ưa chuộng Chánh pháp được rõ biết những ý nghĩa trọn vẹn và chưa trọn vẹn như thế.”<sup>(26)</sup>

Bồ Tát Ca-diếp trong lòng hết sức vui sướng, vô cùng phấn khích, liền đối trước Phật bạch rằng: “Kỳ lạ thay, Thế Tôn! Ngài xem chúng sanh đều bình đẳng, [hết lòng thương yêu] như La-hầu-la!”

Lúc ấy, Phật khen ngợi Bồ Tát Ca-diếp: “Lành thay, lành thay! Chỗ thấy của ông nay rất sâu xa, mâu nhiệm!”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nguyện Như Lai thuyết giảng chỗ được công đức của kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này.”

Phật bảo Ca-diếp: “Thiện nam tử! Như có ai được nghe tên kinh này thì các vị Thanh văn, Bích chi Phật không đủ sức tuyên thuyết chỗ được công đức của người đó; chỉ có chư Phật mới có thể biết. Vì sao vậy? Cảnh giới của chư Phật là không thể nghĩ bàn. [Chỉ nghe tên kinh mà còn được công đức như thế], huống chi là những người thọ trì, đọc tụng thông suốt, sao chép trọn quyển kinh này?

Bấy giờ, chư thiên, loài người và a-tu-la liền đối trước Phật, khác miệng đồng lời mà tụng kệ rằng:

Chư Phật khó nghĩ bàn,  
Pháp, Tăng cũng như thế.  
Cho nên nay khuyến thỉnh,  
Xin Phật tạm nán lại.  
Tôn giả Đại Ca-diếp,  
Cùng với ngài A-nan,  
Và đồ chúng hai vị,  
Giây lát sẽ đến đây.  
Lại vua nước Ma-già,  
Đại vương A-xà-thế,  
Hết lòng kính tín Phật,  
Cũng chưa đến nơi đây.

Thỉnh nguyện đức Như Lai,  
Thương xót trụ giây lát,  
Ở giữa đại chúng này,  
Dứt lưới nghi chúng con.

Lúc ấy, Như Lai vì đại chúng mà nói bài kệ này:

Trưởng tử trong pháp ta,  
Ấy là Đại Ca-diếp,  
A-nan siêng, tinh tấn,  
Dứt được các mối nghi.

Các ông nên xét kỹ  
A-nan bậc nghe nhiều,  
Tự nhìn được hiểu rõ,  
Lẽ thường và vô thường.

Vậy các ông chớ nên,  
Ôm lòng lo buồn quá.

Lúc ấy, đại chúng đem mọi phẩm vật mà cúng dường Như Lai. Cúng dường Phật rồi, ai nấy đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Các vị Bồ Tát số nhiều vô lượng vô biên như cát sông Hằng đều được chúng đấng địa vị Sơ địa.<sup>(27)</sup>

Bấy giờ, đức Thế Tôn thọ ký riêng cho Văn-thù-sư-lợi, Bồ Tát Ca-diếp và Thuần-đà. Thọ ký riêng rồi, Phật dạy rằng:

“Các vị thiện nam tử! Mỗi người nên tự tu hành trong tâm, cẩn thận đừng phóng dật. Nay ta thấy đau ở lưng, khắp thân thể cũng đều đau. Vậy ta muốn nằm như đứa trẻ thơ, cũng như kẻ thường đau yếu.



“Văn-thù và các ông nên vì Bốn bộ chúng<sup>(28)</sup> mà thuyết rộng Đại pháp. Nay ta đem pháp này giao phó lại cho các ông. Khi nào Ca-diếp và A-nan đến đây, các ông lại sẽ giao phó Chánh pháp này cho hai người ấy.”

Lúc ấy, Như Lai nói xong mấy lời này rồi, vì muốn điều phục chúng sanh nên hiện thân có bệnh, nằm nghiêng về bên mặt, giống như người bệnh.<sup>(29)</sup>

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN HẾT QUYỂN MƯỜI

## CHÚ GIẢI

1. Ba đời (Tam thế), tức là quá khứ, hiện tại và vị lai.
2. Sữa, kem sữa, bơ, đề-hồ... là các món ăn lần lượt được chế biến từ sữa bò, trong đó đề-hồ là món tinh khiết nhất, ngon và quý nhất.
3. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 10, phẩm Đại chúng thừa hồi thứ 17 (Nhất thiết đại chúng sở vấn đệ thập thất). Theo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiền thì từ đây bắt đầu phẩm Tùy hỷ thứ 18, thuộc quyển 6.
4. Cõi nước An Lạc ở phương tây: Tức là Cực Lạc thế giới của đức Phật A-di-đà.
5. Đàn Ba-la-mật hay Đàn-na Ba-la-mật (dānapāramitā), dịch nghĩa: Bồ thí độ hay Thí độ, một hạnh trong sáu hạnh lớn của hàng Bồ Tát.
6. Ma-kiệt-đà (Magadha), cũng đọc là Ma-già-đà hay Ma-kiệt-đề, hoặc Ma-yết-đà, là một trong 16 nước lớn ở Ấn Độ vào thời đức Phật. Có thời Ma-kiệt-đà đã từng là quốc gia lớn nhất, kinh đô là thành Vương Xá (Rjagraha). Vào thời đức Phật, vua Tần-bà-sa-la trị vì nước Ma-kiệt-đà, bị con là thái tử A-xà-thế soán ngôi và giam vào ngục cho đến chết. Vị trí hiện nay của Ma-kiệt-đà là thuộc về Nam Bihar, miền Bắc Ấn Độ.
7. Hộc: đơn vị đo lường ngày xưa, mỗi hộc bằng 10 đấu.
8. Quạ và chim cú: Chim quạ đi ăn ban ngày, chim cú đi ăn ban đêm, hai loài trái ngược nhau không thể cùng chung sống. Đoạn này ý nói vì đây là điều không thể có nên việc Như Lai dứt tất cả mà vào Niết-bàn vĩnh viễn cũng là không thể có, nên biết rằng Như Lai là thường trụ, chỉ thị hiện Niết-bàn mà thôi. Các đoạn tiếp theo đưa ra những điều không thể có cũng đều đồng một ý tương tự như đoạn này.
9. Ca-lưu-ca (cũng đọc là ca-lu-ca hay ca-la-ca) và trăn đầu (hay trăn-đầu-ca) là hai thứ trái rất giống nhau, rất khó phân biệt, nhưng trái ca-lưu-ca có độc, ăn vào phải chết, còn trái trăn-đầu là loại trái ăn được. (Xem lại quyển sáu).
10. Nguyên lực có thể làm cho cây khô sanh ra hoa trái, ý nói sức gia hộ không thể nghĩ bàn của Tam bảo.
11. Bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni là hai chúng đệ tử xuất gia của Phật, nam và nữ. Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di là hai chúng đệ tử tại gia của Phật, nam và nữ.
12. Chiên-đà-la (Candala): Trong xã hội Ấn Độ xưa, theo quan điểm của đạo Bà-la-môn, chiên-đà-la là hạng người hèn hạ hơn hết, ở dưới cả bốn giai cấp trong xã hội: Sát-ly, Bà-la-môn, Phệ-xà, Thủ-đà-la.
13. Tức là phiền não, vì phiền não che chướng trí tuệ, làm cho những gì chân chánh không thể hiển lộ.
14. Nguyên bản dùng dược thụ (藥樹), trong các kinh văn khác thường dùng dược thọ vương (藥樹王) hay dược vương thọ (藥王樹), đều để chỉ thân ứng hiện độ

sanh của chư Phật, Bồ Tát, vì các ngài thị hiện cứu thoát mọi khổ nạn cho chúng sanh, ví như cây thuốc chúa là quý nhất trong các loại cây thuốc, có khả năng trị liệu tất cả các loại bệnh tật.

15. Nghĩa hữu dư, nghĩa vô dư: Nghĩa hữu dư là nghĩa còn có thể bỏ khuyết cho đầy đủ. Nghĩa vô dư là nghĩa trọn vẹn, tuyệt đối, không thể thêm bớt, thay đổi.
16. Một ví dụ tương tự đã được ông Thuần-đà nêu ra khi đối đáp với ngài Văn-thù-sư-lợi. Xin xem lại trang 229, Tập 1. Các ví dụ này là những minh họa rõ nét cho giáo lý về “cận tử nghiệp”, cũng là một cơ sở quan trọng trong giáo pháp Tịnh độ. Theo đó, người đã tạo nhiều nghiệp ác nhưng nếu chí thành sám hối, tu tập pháp niệm Phật thường xuyên cho đến lúc lâm chung thì sẽ được Phật A-di-đà và Thánh chúng tiếp dẫn. Những ai còn hoài nghi về pháp môn Tịnh độ có thể xem đây như một dẫn chứng về sự thuyết dạy của Phật trong kinh điển Đại thừa cũng hoàn toàn phù hợp với giáo nghĩa về Tịnh độ.
17. Ni-kiền, hay Ni-kiền-đà (Nigaṇṭha), Hán dịch nghĩa là Ly hệ giả, là phái tu ngoại đạo không mặc quần áo (lỏa thể), vì cho rằng y phục là sự ràng buộc.
18. Nguyên bản dùng “nhạo thuyết chi biện”, tức một trong Bốn biện tài không ngăn ngại (Tứ vô ngại biện), còn gọi là Nhạo thuyết vô ngại biện, chỉ tài biện luận khéo tùy theo căn cơ chúng sanh để giúp người nghe nắm hiểu được Chánh pháp.
19. Vô gián: không gián đoạn. Những kẻ phạm vào 5 tội nghịch (giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hiệp tăng, làm thân Phật chảy máu) sau khi chết phải đọa vào địa ngục Vô gián (còn gọi là địa ngục A-tỳ), chịu sự hành hạ, đau đớn mãi mãi không gián đoạn.
20. Ngọc nữ, voi quý, ngựa quý, vị thần chủ kho tàng là bốn món quý do oai đức của vị Chuyển luân Thánh vương mà hóa hiện ra, nên không thể làm hư hoại mất.
21. Vì bài kệ trên nói rằng “phụ thuộc người khác là khổ” nên không hợp nghĩa trong trường hợp này, vì theo thầy học thì sự phụ thuộc đó không thể gọi là khổ. Tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh nói ý này rõ hơn: 俯仰進止悉由於師。道藝既成永得安樂。” Phủ ngưỡng tấn chỉ tất do ư sư, đạo nghệ ký thành vĩnh đắc an lạc. ([Kẻ đi học nghệ thì] mọi sinh hoạt, hành vi đều phụ thuộc ông thầy, nhưng khi đã thành nghệ thì được an vui mãi mãi.)
22. Tức là bài kệ vừa nói ở cuối quyển 10: “Hết thầy phụ thuộc người khác, tất phải gọi đó là khổ. Hết thầy do mình tự quyết, đó là tự tại an vui. Những ai kiêu căng khinh mạn, thế lực hết sức bạo ác. Những người hiền lành lương thiện, ai ai cũng mến cũng thương.
23. Nguyên bản dùng “đệ tử Bát giới trai pháp”, chỉ pháp tu Bát quan trai, hay Bát trai giới: tức là Tám giới, bao gồm: 1. Không giết hại sinh mạng. 2. Không trộm cướp, lường gạt, chiếm đoạt những thứ thuộc về người khác không tự ý đưa cho mình. 3. Giữ hạnh thanh tịnh, không phạm vào việc dâm dục. 4. Không nói dối, không nói lời không chân thật. 5. Không uống các thứ rượu, chất men gây say.

6. Không thoa phết các loại dầu thơm, phấn sáp lên thân thể. 7. Không đi xem, nghe các trò ca múa, đàn hát. 8. Không ngồi nằm trên giường ghế cao rộng. Ngoài ra, người thọ giới còn phải giữ không ăn quá giờ Ngọ, nghĩa là chỉ ăn một lần trong ngày vào trước giờ Ngọ (giữa trưa). Người thọ Bát quan trai giữ giới trong một ngày một đêm, được truyền giới vào sáng sớm và giữ giới cho đến lúc xả giới vào sáng ngày hôm sau. Sở dĩ gọi là “đệ tử” vì giới luật có hai hình thức là tận hình thọ (thọ giới suốt đời) và nhật dạ thọ (thọ giới trong thời gian một ngày một đêm); giới tận hình thọ có Ngũ giới, Thập giới và Cụ túc giới là 3 loại, nên giới nhật dạ thọ là Bát giới được xem là thứ tư. Bát quan trai giới cũng được gọi là gia hạnh giới, vì người được truyền thọ các giới khác đều có thể phát nguyện thọ thêm giới này để hỗ trợ cho sự tu tập.

24. Đoạn tương ứng trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển có nội dung khác biệt và có vẻ như hợp lý hơn, xin trích để độc giả tiện tham khảo: 時有半頭梵志與諸同止修天祠齋法來詣佛所，為降伏彼令捨異見而說此偈。 - Thời hữu Bán Đầu Phạm chí dữ chư đồng chỉ tu thiên từ trai pháp lai nghê Phật sở, vị hàng phục bỉ linh xả dị kiến nhi thuyết thử kệ. (Bấy giờ có Phạm chí Bán Đầu cùng những người đồng đạo giữ gìn trai pháp tu theo đạo thờ thiên thần, [ta] vì muốn hàng phục bọn họ, muốn làm cho họ từ bỏ kiến giải sai lầm nên mới thuyết bài kệ này.) Phạm chí Bán Đầu cũng là Bà-la-môn Cổ-đê-đức, chỉ là tên dịch nghĩa thay vì phiên âm. Bài kệ trên nói rằng “Chẳng phải ai tịnh hạnh cũng đều được an vui” là chỉ đến việc các ông này tin theo tà kiến, tuy giữ trai pháp thờ phụng thiên thần nhưng vẫn không được an vui.
25. Tức 37 pháp trợ đạo, hay Tam thập thất đạo phẩm.
26. Câu tương đương trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển có vẻ như hợp lý hơn: 諸餘眾生樂聞法者，如來為彼或有餘說，或無餘說。 - Chư dư chúng sanh nhạo văn pháp giả, Như Lai vị bỉ hoặc hữu dư thuyết, hoặc vô dư thuyết. (Đối với các chúng sanh khác ưa thích được nghe Chánh pháp, Như Lai vì những người ấy mà thuyết nghĩa chưa trọn vẹn, hoặc thuyết nghĩa trọn vẹn.)
27. Sơ địa: địa vị đầu tiên trong Thập địa, là mười địa vị tu chứng của hàng Bồ Tát.
28. Bốn bộ chúng, cũng như Bốn chúng, bao gồm hai chúng xuất gia là tỳ-kheo và tỳ-kheo ni; hai chúng tại gia là ưu-bà-tắc (nam cư sĩ) và ưu-bà-di (nữ cư sĩ).
29. Bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển đến đây là chấm dứt, hết quyển 6. Nam bản từ phần này cũng bắt đầu phẩm Hiện bệnh thứ 18 (Hiện bệnh phẩm đệ thập bát.)

# 大般涅槃經

## 卷第十一

### 現病品

#### 第六

爾時迦葉菩薩白佛言。世尊。如來已免一切疾病。患苦悉除無復怖畏。

世尊。一切衆生有四毒箭則爲病因。何等爲四。貪欲瞋恚愚癡憍慢。若有病因則有病生。所謂愛熱肺病上氣吐逆。膚體癩癩其心悶亂。下痢噦噎小便麻癢。眼耳疼痛背滿腹脹。癲狂乾癆鬼魅所著。如是種種身心諸病。諸佛世尊悉無復有。今日如來何緣顧命文殊師利而作是言。我今背痛。汝等當爲大衆說法。有二因緣則無病苦。何等爲二。一者憐愍一切衆生。二者給施病者醫藥。

如來往昔已於無量萬億劫中修菩薩道。常行愛語利益衆生不令苦惱。施疾病者種種醫藥。何緣於今自言有病。

世尊。世有病人或坐或卧不安處所。或索飲食勅誡家屬修治產業。何故如來默然而卧。不教弟子

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ THẬP NHẤT

### HIỆN BỆNH PHẨM

#### Đệ lục

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai dĩ miễn nhất thiết tật bệnh, hoạn khổ tất trừ, vô phục bố úy.

Thế Tôn! Nhất thiết chúng sanh, hữu tứ độc tiền, tác vi bệnh nhân. Hà đẳng vi tứ? Tham dục, sân khuể, ngu si, kiêu mạn. Nhược hữu bệnh nhân, tác hữu bệnh sanh, sở vi: ái nhiệt phế bệnh, thượng khí thổ nghịch, phu thể tập tập, kỳ tâm muộn loạn, hạ lý uyết ế, tiểu tiện lâm lịch, nhãn nhĩ đông thống, bối mãn phúc trướng, điên cuồng càn tiêu, quý mỵ sở trước. Như thị chúng chủng thân tâm chư bệnh, chư Phật Thế Tôn, tất vô phục hữu. Kim nhật Như Lai hà duyên cố mạng Văn-thù-sư-lợi nhi tác thị ngôn: “Ngã kim bối thống. Nhữ đẳng đương vi Đại chúng thuyết Pháp?” Hữu nhị nhân duyên, tác vô bệnh khổ. Hà đẳng vi nhị? Nhất giả lân mẫn nhất thiết chúng sanh, nhị giả cấp thí bệnh giả y dược.

Như Lai vãng tích, dĩ ư vô lượng vạn ức kiếp trung, tu Bồ Tát đạo, thường hành ái ngữ, lợi ích chúng sanh, bất linh khổ não, thí tật bệnh giả chúng chủng y dược. Hà duyên ư kim tự ngôn hữu bệnh?

Thế Tôn! Thế hữu bệnh nhân hoặc tọa, hoặc ngọa, bất an xứ sở. Hoặc sách ẩm thực, sắc giới gia thuộc tu trị sản nghiệp. Hà cố Như Lai mặc nhiên nhi ngọa, bất giáo đệ tử Thanh văn nhân đẳng Thi Ba-la-mật, chư thiên Giải thoát, Tam-

聲聞人等。尸波羅密諸禪解脫三摩跋提修諸正勤。何緣不說如是甚深大乘經典。如來何故不以無量方便教大迦葉人中象王諸大人等。令不退於阿耨多羅三藐三菩提。何故不治諸惡比丘受畜一切不淨物者。世尊。實無有病。云何默然右脅而卧。

諸菩薩等凡所給施病者醫藥所得善根。悉施衆生而共迴向一切種智。爲除衆生諸煩惱障業障報障。

煩惱障者。貪欲瞋恚愚癡。忿怒纏蓋集惱嫉妒慳慳姦詐諛諂無慚無愧。慢慢慢大慢不如慢增上慢我慢邪慢憍慢。放逸貢高忿恨諍訟邪命諂媚。詐現異相以利求利惡求多求。無有恭敬不隨教誨。親近惡友貪利無厭纏縛難解。欲於惡欲。貪於惡貪。身見有見及以無見。頻伸喜睡欠呿不樂。貪嗜飲食，其心麤瞽。心緣異想不善思惟。身口多惡好喜多語。諸根闇鈍發言多虛。常爲欲覺恚覺害覺之所覆蓋。是名煩惱障。

業障者，五無間罪，重惡之病。

報障者，生在地獄，畜生，餓鬼，誹謗正法，及一闍提。是名報障。

如是三障名爲大病。而諸菩薩於無量劫修菩提

ma-bạt-đê, tu chư chánh cần? Hà duyên bất thuyết như thị thậm thâm Đại thừa kinh điển? Như Lai hà cố bất dĩ vô lượng phương tiện, giáo Đại Ca-diếp, Nhân trung Tượng vương, chư Đại nhân đẳng, linh bát thối ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đê? Hà cố bất trị chư ác tỳ-kheo, thọ súc nhất thiết bất tịnh vật giả? Thế Tôn thật vô hữu bệnh. Vân hà mặc nhiên, hữu hiếp nhi ngoạ?

Chư Bồ Tát đẳng, phạm sở cấp thí bệnh giả y dược, sở đắc thiện căn, tất thí chúng sanh nhi cộng hồi hướng nhất thiết chủng trí, vị trừ chúng sanh chư phiền não chướng, nghiệp chướng, báo chướng.

Phiền não chướng giả, tham dục, sân khuể, ngu si. Phẫn nộ, triền cái tập não, tật đố khan lận, gian trá du siểm, vô tầm vô quý, mạn, mạn mạn, đại mạn, bất như mạn, tăng thượng mạn, ngã mạn, tà mạn, kiêu mạn, phóng dật cống cao, phẫn hận tranh tụng, tà mạng siểm my, trá hiện dị tướng, dĩ lợi cầu lợi, ác cầu đa cầu, vô hữu cung kính, bất tùy giáo hối, thân cận ác hữu, tham lợi vô yếm, triền phược nan giải, dục ư ác dục, tham ư ác tham, thân kiến, hữu kiến, cập dĩ vô kiến, tân thân hỷ thụ, khiếm khư bất lạc, tham thị ảm thực, kỳ tâm đàng mông, tâm duyên dị tướng, bất thiện tư duy, thân khẩu đa ác, háo hỷ đa ngữ, chư căn ám độn, phát ngôn đa hư, thường vi dục giác, nhuế giác, hại giác chi sở phú cái. Thị danh phiền não chướng.

Nghiệp chướng giả, Ngũ vô gián tội, trọng ác chi bệnh.

Báo chướng giả, sanh tại địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, phỉ báng Chánh pháp, cập nhất-xiển-đê. Thị danh báo chướng.

Như thị tam chướng, danh vi đại bệnh. Nhi chư Bồ Tát, ư vô lượng kiếp, tu Bồ-đê thời, cấp thí nhất thiết tật bệnh y

時。給施一切疾病醫藥常作是願。令諸衆生永斷如是三障重病。

復次世尊。菩薩摩訶薩修菩提時。給施一切病者醫藥常作是願。願令衆生永斷諸病得成如來金剛之身。又願一切無量衆生作妙藥王。斷除一切諸惡重病。願諸衆生得阿伽陀藥。以是藥力能除一切無量惡毒。又願衆生於阿耨多羅三藐三菩提無有退轉。速得成就無上佛藥。消除一切煩惱毒箭。又願衆生勤修精進成就如來金剛之身。作微妙藥療治衆病。不令有人生諍訟想。亦願衆生作大藥樹療治一切諸惡重病。又願衆生拔出毒箭得成如來無上光明。又願衆生得入如來智慧大藥微密法藏。

世尊。菩薩如是已於無量百千萬億那由他劫。發是誓願令諸衆生悉無復病。何緣如來乃於今日唱言有病。

復次世尊。世有病人不能坐起俯仰進止。飲食不御漿水不下。亦復不能教戒諸子修治家業。爾時父母妻子兄弟親屬知識。各於是人生必死想。

世尊。如來今日亦復如是。右脅而卧無所論說。此閻浮提有諸愚人當作是念。如來正覺必當涅槃生

dược, Thường tác thị nguyện: Linh chú chúng sanh vĩnh đoạn như thị tam chướng trọng bệnh.

Phục thứ, Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát, tu Bồ-đề thời, cấp thí nhất thiết bệnh giả y dược, thường tác thị nguyện: Nguyện linh chúng sanh vĩnh đoạn chú bệnh, đắc thành Như Lai kim cang chi thân. Hựu nguyện: Nhất thiết vô lượng chúng sanh, tác diệu dược vương, đoạn trừ nhất thiết chú ác trọng bệnh. Nguyện chú chúng sanh đắc A-già-đà dược, dĩ thị dược lực, năng trừ nhất thiết vô lượng ác độc. Hựu nguyện: Chúng sanh, ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vô hữu thối chuyển, tốc đắc thành tựu vô lượng Phật dược, tiêu trừ nhất thiết phiền não độc tiễn. Hựu nguyện: Chúng sanh cần tu tinh tấn, thành tựu Như Lai Kim cang chi thân, tác vi diệu dược, liệu trị chúng bệnh, bất linh hữu nhân sanh tranh tụng tưởng. Diệc nguyện: Chúng sanh tác đại dược thọ, liệu trị nhất thiết chú ác trọng bệnh. Hựu nguyện: Chúng sanh bạt xuất độc tiễn, đắc thành Như Lai vô thượng quang minh. Hựu nguyện: Chúng sanh đắc nhập Như Lai trí huệ đại dược, vi mật Pháp tạng.

Thế Tôn! Bồ Tát như thị, dĩ ư vô lượng bá thiên vạn ức na-do-tha kiếp, phát thị thệ nguyện, linh chú chúng sanh tất vô phục bệnh. Hà duyên Như Lai nãi ư kim nhật, xướng ngôn hữu bệnh?

Phục thứ, Thế Tôn! Thế hữu bệnh nhân bất năng tọa, khởi, phủ, ngưỡng, tấn, chỉ, ẩm thực bất nự, tương thủy bất há, diệc phục bất năng giáo giới chú tử tu trị gia nghiệp. Nhĩ thời phụ mẫu, thê tử, huynh đệ, thân thuộc, tri thức, các ư thị nhân, sanh tất tử tưởng.

Thế Tôn! Như Lai kim nhật, diệc phục như thị, hữu hiệp nhi ngọa, vô sở luận thuyết. Thủ Diêm-phù-đề, hữu chú ngu nhân, đương tác thị niệm: “Như Lai Chánh giác tất đương Niết-bàn”, sanh diệt tận tưởng. Nhi Như Lai tánh, thật bất

滅盡想。而如來性實不畢竟入於涅槃。何以故。如來常住無變易故。以是因緣不應說言我今背痛。

復次世尊。世有病者身體羸損若偃若側卧著牀褥。爾時家室心生惡賤起必死想。

如來今者亦復如是。當為外道九十五種之所輕慢生無常想。彼諸外道當作是言。不如我等以我性常自在時節微塵等法而為常住無有變易。沙門瞿曇無常所遷。是變易法。以是義故。世尊今日不應默然右脅而卧。

復次世尊。世有病者四大增損互不調適羸瘦乏極。是故不能隨意坐起卧著牀褥。

如來四大無不和適。身力具足亦無羸損。

世尊。如十小牛力不如一大牛力。十大牛力不如一青牛力。十青牛力不如一凡象力。十凡象力不如一野象力。十野象力不如一二牙象力。十二牙象力不如一四牙象力。十四牙象力不如雪山一白象力。十雪山白象力不如一香象力。十香象力不如一青象力。十青象力不如一黃象力。十黃象力不如一赤象力。十赤象力不如一白象力。十白象力不如一山象力。十山象力不如一優鉢羅象力。十優鉢羅象

tất cánh nhập ư Niết-bàn. Hà dĩ cố? Như Lai thường trụ, vô biến dị cố. Dĩ thị nhân duyên, bất ưng thuyết ngôn: “Ngã kim bối thống.”

Phục thứ, Thế Tôn! Thế hữu bệnh giả, thân thể luy tổn, nhược yển, nhược trắc, ngoạ trước sàng nhục. Nhĩ thời, gia thất tâm sanh ố tiện, khởi tất tử tưởng.

Như Lai kim giả, diệc phục như thị, đương vi ngoại đạo cửu thập ngũ chủng chi sở khinh mạn, sanh vô thường tưởng. Bỉ chư ngoại đạo đương tác thị ngôn: “Bất như ngã đẳng. Dĩ ngã tánh thường, tự tại thời tiết, vi trần đẳng pháp, nhi vi thường trụ, vô hữu biến dị. Sa-môn Cồ-đàm vô thường sở thiên thị biến dịch pháp.” Dĩ thị nghĩa cố, Thế Tôn kim nhật, bất ưng mặc nhiên, hữu hiếp nhi ngoạ.

Phục thứ, Thế Tôn! Thế hữu bệnh giả, tứ đại tăng tổn, hõ bất điều thích, luy sáu pháp cực. Thị cố bất năng tùy ý tọa, khởi, ngoạ trước sàng nhục.

Như Lai tứ đại, vô bất hòa thích, thân lực cụ túc, diệc vô luy tổn.

Thế Tôn! Như thập tiểu ngư lực, bất như nhất đại ngư lực. Thập đại ngư lực, bất như nhất thanh ngư lực. Thập thanh ngư lực, bất như nhất phạm tượng lực. Thập phạm tượng lực, bất như nhất dã tượng lực. Thập dã tượng lực, bất như nhất nhị nha tượng lực. Thập nhị nha tượng lực, bất như nhất tứ nha tượng lực. Thập tứ nha tượng lực, bất như Tuyết sơn nhất bạch tượng lực. Thập Tuyết sơn bạch tượng lực, bất như nhất hương tượng lực. Thập hương tượng lực, bất như nhất thanh tượng lực. Thập thanh tượng lực, bất như nhất hoàng tượng lực. Thập hoàng tượng lực, bất như nhất xích tượng lực. Thập xích tượng lực, bất như nhất bạch tượng lực. Thập bạch tượng lực, bất như nhất sơn tượng lực. Thập sơn tượng lực,

力不如一波頭摩象力。十波頭摩象力不如一拘物頭象力。十拘物頭象力不如一分陀利象力。十分陀利象力不如人中一力士力。十人中力士力不如一鉢提力。十鉢提力不如一八臂那羅延力。十那羅延力不如一十住菩薩一節之力。

一切凡夫身中諸節節不相到。人中力士節頭相到。鉢提身諸節相接。那羅延身節頭相拘。十住菩薩諸節骨解蟠龍相結。是故菩薩其力最大。世界成時從金剛際起金剛座。上至道場菩提樹下。菩薩坐已其心即時逮得十力。

如來今者不應如彼嬰孩小兒。嬰孩小兒愚癡無智無所能說。以是義故。隨意偃側無人譏呵。如來世尊有大智慧照明一切。人中之龍具大威德。成就神通無上仙人。永斷疑網已拔毒箭。進止安祥威儀具足得無所畏。今者何故右脅而卧。令諸人天憂愁苦惱。

爾時迦葉菩薩。即於佛前而說偈言。

瞿曇大聖德  
願起演妙法  
不應如小兒  
病者卧牀褥。

bất như nhất ưu-bát-la tượng lực. Thập ưu-bát-la tượng lực, bất như nhất ba-đâu-ma tượng lực. Thập ba-đâu-ma tượng lực, bất như nhất câu-vật-đầu tượng lực. Thập câu-vật-đầu tượng lực, bất như nhất phân-đà-ly tượng lực. Thập phân-đà-ly tượng lực, bất như nhân trung nhất lực sĩ lực. Thập nhân trung lực sĩ lực, bất như nhất bát-kiền-đê lực. Thập bát-kiền-đê lực, bất như nhất bát tý na-la-diên lực. Thập na-la-diên lực, bất như nhất Thập trụ Bồ Tát nhất tiết chi lực.

Nhất thiết phàm phu thân trung chư tiết, tiết bất tương đáo. Nhân trung lực sĩ, tiết đầu tương đáo. bát-kiền-đê thân, chư tiết tương tiếp. Na-la-diên thân, tiết đầu tương câu. Thập trụ Bồ Tát, chư tiết cốt giải, bàn long tương kết. Thị cố Bồ Tát, kỳ lực tối đại. Thế giới thành thời, tùng Kim cang tế, khởi Kim cang tòa, thượng chí Đạo tràng Bồ-đề thọ hạ. Bồ Tát tọa dĩ, kỳ tâm tức thời đăi đắc Thập lực.

Như Lai kim giả, bất ưng như bỉ anh hài tiểu nhi. Anh hài tiểu nhi, ngu si vô trí, vô sở năng thuyết. Dĩ thị nghĩa cố, tùy ý yển trác, vô nhân cơ ha. Như Lai Thế Tôn hữu đại trí huệ, chiếu minh nhất thiết. Nhân trung chi long, cụ đại oai đức, thành tựu thân thông, vô thượng tiên nhân, vĩnh đoạn nghi võng, dĩ bạt độc tiến, tấn chỉ an tường, oai nghi cụ túc, đắc vô sở úy. Kim giả hà cố hữu hiệp nhi ngọa, linh chư nhân, thiên ưu sâu khổ não?

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát, tức ư Phật tiên, nhi thuyết kệ ngôn:

Cồ-dàm Đại thánh đức!  
Nguyện khởi diễn diệu pháp.  
Bất ưng như tiểu nhi,  
Bệnh giả ngọa sàng nhục.

調御天人師  
 倚卧雙樹間  
 下愚凡夫見  
 當言必涅槃。  
 不知方等典  
 甚深佛所行  
 不見微密藏  
 猶盲不見道。  
 唯有諸菩薩  
 文殊師利等  
 能解是甚深  
 譬如善射者。  
 三世諸世尊  
 大悲為根本  
 如是大慈悲  
 今為何所在。  
 若無大悲者  
 是則不名佛  
 佛若必涅槃  
 是則不名常。  
 唯願無上尊  
 哀受我等請  
 利益於衆生  
 摧伏諸外道。

爾時世尊。大悲熏心知諸衆生各各所念。將欲隨順畢竟利益。即從卧起結跏趺坐。顏貌熙怡如融

Điều ngự Thiên nhân sư,  
 Ỡngọa song thọ gian,  
 Hạ ngu phàm phu kiến,  
 Đương ngôn tất Niết-bàn,  
 Bất tri phương đẳng điển,  
 Thâm thâm Phật sở hành,  
 Bất kiến vi mật tạng,  
 Du manh bất kiến đạo.  
 Duy hữu chư Bồ Tát,  
 Văn-thù-sư-lợi đẳng,  
 Năng giải thị thâm thâm,  
 Thí như thiện xạ giả.  
 Tam thế chư Thế Tôn,  
 Đại bi vi căn bản,  
 Như thị đại từ bi,  
 Kim vi hà sở tại?  
 Nhược vô Đại bi giả,  
 Thị tắc bất danh Phật.  
 Phật nhược tất Niết-bàn,  
 Thị tắc bất danh thường.  
 Duy nguyện Vô thượng tôn,  
 Ai thọ ngã đẳng thỉnh,  
 Lợi ích ư chúng sanh,  
 Tồi phục chư ngoại đạo.

Nhĩ thời, Thế Tôn đại bi huân tâm, tri chư chúng sanh, các sở niệm, tương dục tùy thuận, tất cánh lợi ích, tức tùng ngọa khởi, kết già phu tọa, nhan mạo hy di, như dung kim



金聚。面目端嚴猶月盛滿。形容清淨無諸垢穢。放大光明充徧虛空。其光大盛過百千日。照于東方南西北方四維上下諸佛世界。惠施衆生大智之炬。悉令得滅無明黑闇。令百千億那由他衆生安止不退菩提之心。

爾時世尊。心無疑慮如師子王。以三十二大人之相八十種好莊嚴其身。於其身上一切毛孔。一一毛孔出一蓮華。其華微妙各具千葉。純真金色。瑠璃爲莖。金剛爲鬚。玫瑰爲臺。形大團圓猶如車輪。是諸蓮華各出種種雜色光明。青黃赤白紫玻瓈色。是諸光明皆悉徧至阿鼻地獄想地獄黑繩地獄衆合地獄叫喚地獄大叫喚地獄集熱地獄大集熱地獄。是八地獄其中衆生常爲諸苦之所逼切。所謂燒煮火灸斫刺剝。遇斯光已如是衆苦悉滅無餘。安隱清涼快樂無極。是光明中宣說如來秘密之藏。言諸衆生皆有佛性。衆生聞已即便命終生人天中。

乃至八種寒冰地獄。所謂阿波波地獄阿吒吒地獄阿羅羅地獄阿婆婆地獄優鉢羅地獄波頭摩地獄拘物頭地獄分陀利地獄。是中衆生常爲寒苦之所逼惱。所謂劈裂身體碎壞互相殘害。遇斯光已如是等

tụ. Diện mục đoan nghiêm, du nguyệt thanh mãn, hình dung thanh tịnh, vô chư cấu uế. Phóng đại quang minh, sung biền hư không. Kỳ quang đại thanh, quá bá thiên nhật, chiếu vu đông phương, nam, tây, bắc phương, tứ duy thượng, hạ chư Phật thế giới. Huệ thí chúng sanh đại trí chi cự, tất linh đắc diệt vô minh hắc ám, linh bá thiên ức na-do-tha chúng sanh an chỉ bất thoái Bồ-đề chi tâm.

Nhĩ thời, Thế Tôn tâm vô nghi lự, như Sư tử vương. Dĩ tam thập nhị đại nhân chi tướng, bát thập chủng hảo, trang nghiêm kỳ thân. Ư kỳ thân thượng, nhất thiết mao khổng, nhất nhất mao khổng, xuất nhất liên hoa. Kỳ hoa vi diệu, các cụ thiên diệp, thuần chân kim sắc, lưu ly vi hành, kim cang vi tu, mãn khôi vi đài, hình đại đoàn viên, do như xa luân. Thị chư liên hoa, các xuất chủng chủng tạp sắc quang minh, thanh, hoàng, xích bạch, tử, pha lê sắc. Thị chư quang minh, giai tất biến chí A-tỳ địa ngục, Tưởng địa ngục, Hắc thăng địa ngục, chúng hiệp địa ngục, khiêu hoán địa ngục, Đại khiêu hoán địa ngục, Tập nhiệt địa ngục, Đại tập nhiệt địa ngục. Thị Bát địa ngục. Kỳ trung chúng sanh thường vi chư khổ chi sở bức thiết, sở vị: thiêu, chủ, hỏa chá, chúc, thích, pha, bác. Ngô tư quang dĩ, như thị chúng khổ, tất diệt vô dư, an ổn thanh lương, khoái lạc vô cực. Thị quang minh trung, tuyên thuyết Như Lai bí mật chi tạng, ngôn: Chư chúng sanh giai hữu Phật tánh. Chúng sanh văn dĩ, tức tiện mạng chung, sanh nhân thiên trung.

Nãi chí bát chủng hàn băng địa ngục, sở vị: A-ba-ba địa ngục, A-tra-tra địa ngục, A-la-la địa ngục, A-bà-bà địa ngục, ưu-bát-la địa ngục, ba-đầu-ma địa ngục, câu-vật-dầu địa ngục, phân-đà-lỵ địa ngục. Thị trung chúng sanh thường vi hàn khổ chi sở bức não, sở vị: phách liệt, thân thể toái hoại, hổ tương tàn hại. Ngô tư quang dĩ, như thị đẳng khổ diệt diệt

苦亦滅無餘。即得調和溫暖適身。是光明中亦復宣說如來秘密之藏。言諸衆生皆有佛性。衆生聞已即便命終生人天中。

爾時於此閻浮提界及餘世界。所有地獄皆悉空虛無受罪者。除一闍提。

餓鬼衆生饑渴所逼以髮纏身。於百千歲未曾得聞漿水之名。遇斯光已饑渴即除。是光明中亦說如來微密秘藏。言諸衆生皆有佛性。衆生聞已即便命終生人天中。

令諸餓鬼亦悉空虛。除謗大乘方等正典。

畜生衆生互相殺害共相殘食。遇斯光已恚心悉滅。是光明中亦說如來秘密之藏。言諸衆生皆有佛性。衆生聞已即便命終生人天中。

當爾之時畜生亦盡除謗正法。

是一一華各有一佛。圓光一尋金色晃耀。微妙端嚴最上無比。三十二相八十種好莊嚴其身。是諸世尊。或有坐者。或有行者。或有卧者。或有住者。或震雷音者。或霆雨者。或放電光。或復放風。或出煙燄身如火聚。

vô dư, tức đắc điều hòa, ôn noãn thích thân. Thị quang minh trung, diệt phục tuyên thuyết Như Lai bí mật chi tạng ngôn: Chư chúng sanh giai hữu Phật tánh. Chúng sanh văn dĩ, tức tiện mạng chung, sanh nhân, thiên trung.

Nhĩ thời, ư thủ Diêm-phù-đề giới cập dư thế giới, sở hữu địa ngục, giai tất không hư, vô thọ tội giả, trừ nhất-xiển-đề.

Nga quý chúng sanh, cơ khát sở bức, dĩ phát triển thân, ư bá thiên tuế, vị tầng đắc văn tương thủy chi danh. Ngô tư quang dĩ, cơ khát tức trừ. Thị quang minh trung, diệt thuyết Như Lai vi mật bí tạng ngôn: Chư chúng sanh giai hữu Phật tánh. Chúng sanh văn dĩ, tức tiện mạng chung, sanh nhân, thiên trung.

Linh chư nga quý, diệt tất không hư, trừ báng Đại thừa phương đẳng chánh điển.

Súc sanh chúng sanh, hổ tương sát hại, cộng tương tàn thực, ngô tư quang dĩ, nhuế tâm tất diệt. Thị quang minh trung, diệt thuyết Như Lai bí mật chi tạng ngôn: Chư chúng sanh giai hữu Phật tánh. Chúng sanh văn dĩ, tức tiện mạng chung, sanh nhân thiên trung.

Đương nhĩ chi thời, súc sanh diệt tận, trừ báng Chánh pháp.

Thị nhất nhất hoa, các hữu nhất Phật, viên quang nhất tâm, kim sắc hoảng diệu, vi diệu đoan nghiêm, tối thượng vô tỷ. Tam thập nhị tướng, Bát thập chủng hảo trang nghiêm kỳ thân. Thị chư Thế Tôn, hoặc hữu tọa giả, hoặc hữu hành giả, hoặc hữu ngọa giả, hoặc hữu trụ giả, hoặc chân lô âm giả, hoặc chú vũ giả, hoặc phóng điện quang, hoặc phục phóng phong, hoặc xuất yên diệm, thân như hỏa tụ.

或復示現七寶諸山。池泉河水山林樹木。或復示現七寶國土城邑聚落宮殿屋宅。或復示現象馬師子虎狼孔雀鳳凰諸鳥。或復示現今閻浮提所有衆生悉見地獄畜生餓鬼。或復示現欲界六天。復有世尊。或說陰界諸入多諸過患。或復有說四聖諦法。或復有說諸法因緣。或復有說諸業煩惱皆因緣生。或復有說我與無我。或復有說苦樂二法。或復有說常無常等。或復有說淨與不淨。

復有世尊爲諸菩薩演說所行六波羅密。或復有說諸大菩薩所得功德。或復有說諸佛世尊所得功德。或復有說聲聞之人所得功德。或復有說隨順一乘。或復有說三乘成道。或有世尊左脅出水右脅出火。或有示現初生出家坐於道場菩提樹下轉妙法輪入于涅槃。或有世尊作師子吼。令此會中有得一果二果三果至第四果。或復有說出離生死無量因緣。

爾時於此閻浮提中。所有衆生遇斯光已。盲者見色。聾者聽聲。瘖者能言。拘躄能行。貧者得財。慳者能施。恚者慈心。不信者信。如是世界無一衆生修行惡法。除一闍提。

爾時一切天龍鬼神乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅

Hoặc phục thị hiện thất bảo chư sơn, trì tuyên hà thủy, sơn lâm thọ mộc. Hoặc phục thị hiện thất bảo quốc độ, thành ấp tụ lạc, cung điện ốc trạch. Hoặc phục thị hiện tượng, mã, sư tử, hổ, lang, khổng tước, phụng hoàn chư điều. Hoặc phục thị hiện, linh Diêm-phù-đề sở hữu chúng sanh, tất kiến địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Hoặc phục thị hiện dục giới lục thiên. Phục hữu Thế Tôn, hoặc thuyết âm, giới, chư nhập, đa chư quá hoạn. Hoặc phục hữu thuyết tứ thánh đế pháp. Hoặc phục hữu thuyết chư pháp nhân duyên. Hoặc phục hữu thuyết chư nghiệp phiền não, giai nhân duyên sanh. Hoặc phục hữu thuyết ngã dữ vô ngã. Hoặc phục hữu thuyết khổ, lạc nhị pháp. Hoặc phục hữu thuyết thường, vô thường đẳng. Hoặc phục hữu thuyết tịnh dữ bất tịnh.

Phục hữu Thế Tôn, vị chư Bồ Tát, diễn thuyết sở hành lục Ba-la-mật. Hoặc phục hữu thuyết chư Đại Bồ Tát sở đắc công đức. Hoặc phục hữu thuyết chư Phật Thế Tôn sở đắc công đức. Hoặc phục hữu thuyết Thanh văn chi nhân sở đắc công đức. Hoặc phục hữu thuyết tùy thuận nhất thừa. Hoặc phục hữu thuyết Tam thừa thành đạo. Hoặc hữu Thế Tôn, tả hiệp xuất thủy, hữu hiệp xuất hỏa. Hoặc hữu thị hiện sơ sanh, xuất gia, tọa ư đạo tràng, Bồ-đề thọ hạ, chuyển diệu pháp luân, nhập vu Niết-bàn. Hoặc hữu Thế Tôn, tác sư tử hống, linh thủ Hội trung, hữu đắc nhất quả, nhị quả, tam quả chí đệ tử quả. Hoặc phục hữu thuyết xuất ly sanh tử vô lượng nhân duyên.

Nhĩ thời, ư thủ Diêm-phù-đề trung, sở hữu chúng sanh, ngộ tư quang dĩ, manh giả kiến sắc, lung giả thính thanh, á giả năng ngôn, câu tích năng hành, bản giả đắc tài, khan giả năng thí, nhuế giả từ tâm, bất tín giả tín. Như thị thế giới, vô nhất chúng sanh tu hành ác pháp, trừ nhất-xiển-đề.

Nhĩ thời, nhất thiết thiên, long, quỷ thần, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, la-sát, kiền-

摩睺羅伽羅剌犍陀憂摩陀阿婆魔羅人非人等。悉共同聲唱如是言。善哉善哉。無上天尊。多所利益。

說是語已踊躍歡喜。或歌或舞。或身動轉。以種種華散佛及僧。所謂天優鉢羅華。拘物頭華。波頭摩華。分陀利華。曼陀羅華。摩訶曼陀羅華。曼殊沙華。摩訶曼殊沙華。散陀那華。摩訶散陀那華。盧脂那華。摩訶盧脂那華。香華。大香華。適意華。大適意華。愛見華。大愛見華。端嚴華。第一端嚴華。復散諸香。所謂沈水多伽樓香旃檀鬱金和合雜香海岸聚香。復以天上寶幢幡蓋。諸天伎樂箏笛笙瑟。箜篌鼓吹。供養於佛。而說偈言。

我今稽首大精進  
無上正覺兩足尊  
天人大眾所不知  
惟有瞿曇乃能了。  
世尊往昔為我故  
於無量劫修苦行  
如何一旦放本誓  
而便捨命欲涅槃。  
一切眾生不能見  
諸佛世尊秘密藏  
以是因緣難得出  
輪轉生死墜惡道。

đà, ưu-ma-đà, a-bà-ma-la, nhân, phi nhân đấng, tất cộng đồng thỉnh xướng như thị ngôn: Thiện tai, thiện tai! Vô thượng Thiên tôn, đa sở lợi ích.

Thuyết thị ngũ dĩ, dũng dục hoan hỷ, hoặc ca, hoặc vũ, hoặc thân động chuyển, dĩ chủng chủng hoa, tán Phật cập Tăng, sở vị: Thiên ưu-bát-la hoa, câu-vật-đầu hoa, ba-dầu-ma hoa, phân-đà-ly hoa, mạn-đà-la hoa, ma-ha mạn-đà-la hoa, mạn-thù-sa hoa, ma-ha mạn-thù-sa hoa, tán-đà-na hoa, ma-ha tán-đà-na hoa, lô-chi-na hoa, ma-ha lô-chi-na hoa, hương hoa, đại hương hoa, thích ý hoa, đại thích ý hoa, ái kiến hoa, đại ái kiến hoa, đoan nghiêm hoa, đệ nhất đoan nghiêm hoa. Phục tán chư hương, sở vị: trầm thủy, đa già-lâu hương, chiêm đàn, uất kim, hòa hiệp tạp hương, Hải ngọc tụ hương. Phục dĩ thiên thượng bảo tràng, phan, cái, chư thiên kỹ nhạc: tranh, địch, sênh, sất, không hầu cổ xúy, cúng dường ư Phật, nhi thuyết kệ ngôn:

Ngã kim khê thủ Đại tinh tấn,  
Vô thượng Chánh giác Lương túc tôn.  
Thiên, nhân Đại chúng sở bất tri,  
Duy hữu Cô-đàm nãi năng liễu.  
Thế Tôn vãng tích vị ngã cố,  
Ư vô lượng kiếp tu khổ hạnh.  
Như hà nhất đán phóng bản thệ,  
Nhi tiện xả mạng dục Niết-bàn?  
Nhất thiết chúng sanh bất năng kiến,  
Chư Phật Thế Tôn bí mật tạng.  
Dĩ thị nhân duyên nan đắc xuất  
Luân chuyển sanh tử, trụ ác đạo.

如佛所說阿羅漢  
一切皆當至涅槃  
如是甚深佛行處  
凡夫下愚誰能知。  
施諸衆生甘露法  
爲欲斷除諸煩惱  
若有服此甘露已  
不復受生老病死。  
如來世尊以療治  
百千無量諸衆生  
令其所有諸重病  
一切消滅無遺餘。  
世尊久已捨病苦  
故得名爲第七佛  
唯願今日雨法雨  
潤漬我等功德種。

是諸大衆及人天，如是請已默然住。

說是偈時。蓮華臺中一切諸佛。從閻浮提徧至淨居悉皆聞之。

爾時佛告迦葉菩薩。善哉善哉。善男子。汝已具足如是甚深微妙智慧。不爲一切諸魔外道之所破壞。

善男子。汝已安住不爲一切諸邪惡風之所傾動。善男子。汝已成就樂說辯才。已曾供養過去無量恆河沙等諸佛世尊。是故能問如來正覺如是之義。

Như Phật sở thuyết A-la-hán,  
Nhất thiết giai đương chí Niết-bàn.  
Như thị thậm thâm Phật hạnh xứ,  
Phàm phu hạ ngu thùy năng tri?  
Thí chư chúng sanh cam lộ Pháp,  
Vi dục đoạn trừ chư phiền não.  
Nhuộc hữu phục thủ cam lộ dĩ,  
Bất phục thọ sanh, lão, bệnh, tử.  
Như Lai Thế Tôn dĩ liệu trị,  
Bá thiên vô lượng chư chúng sanh,  
Linh kỳ sở hữu chư trọng bệnh,  
Nhất thiết tiêu diệt vô di dư.  
Thế Tôn cứu dĩ xả bệnh khổ,  
Cố đắc danh vi đệ thất Phật.  
Duy nguyện kim nhật vũ Pháp vũ,  
Nhuận tích ngã đẳng công đức chủng.

Thị chư Đại chúng cập nhân, Thiên, như thị thỉnh dĩ mặc nhiên trụ.

Thuyết thị kệ thời, liên hoa đài trung nhất thiết chư Phật, tòng Diêm-phù-đề, biến chí Tịnh cư, tất giai văn chi.

Nhĩ thời, Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ dĩ cụ túc như thị thậm thâm vi diệu trí huệ, bất vi nhất thiết chư ma ngoại đạo chi sở phá hoại.

Thiện nam tử! Nhữ dĩ an trụ, bất vi nhất thiết chư tà ác phong chi sở khuynh động. Thiện nam tử! Nhữ kim thành tựu lạc thuyết biện tài, dĩ tăng cúng dường quá khứ vô lượng Hằng hà sa đẳng chư Phật Thế Tôn. Thị cố năng vấn Như Lai Chánh giác như thị chi nghĩa.

善男子。我於往昔無量無邊億那由他百千萬劫。已除病根永離倚卧。

迦葉。過去無量阿僧祇劫有佛出世，號無上勝如來，應供，正徧知，明行足，善逝，世間解，無上士調御丈夫，天人師，佛，世尊。為諸聲聞說是大乘大涅槃經。開示分別顯發其義。我於爾時亦為彼佛而作聲聞。受持如是大涅槃典。讀誦通利書寫經卷。廣為他人開示分別解說其義。以是善根迴向阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。我從是來未曾有惡煩惱業緣墮於惡道。誹謗正法作一闍提。受黃門身無根二根。反逆父母殺阿羅漢破塔壞僧出佛身血犯四重禁。從是已來身心安隱無諸苦惱。

迦葉。我今實無一切疾病。所以者何。諸佛世尊久已遠離一切病故。

迦葉。是諸衆生不知大乘方等密教。便謂如來真實有疾。

迦葉。如言如來人中師子。而如來者實非師子。如是之言即是如來秘密之教。迦葉。如言如來人中大龍。而我已於無量劫中捨離是業。迦葉。如言如來是人是天。而我真實非人非天。亦非鬼神乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽。非我非命非可養育

Thiện nam tử! Ngã ư往昔 tích, vô lượng vô biên ức na-do-tha bá thiên vạn kiếp, dĩ trừ bệnh căn, vĩnh ly ỷ卧。

Ca-diếp! Quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, hữu Phật xuất thế, hiệu Vô Thượng Thắng, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Vị chư Thanh văn, thuyết thị Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh, khai thị phân biệt, hiển phát kỳ nghĩa. Ngã ư nhĩ thời, diệc vị bỉ Phật, nhi tác Thanh văn, thọ trì như thị Đại Niết-bàn điển, độc tụng thông lợi, thơ tả kinh quyển, quảng vị tha nhân, khai thị phân biệt, giải thuyết kỳ nghĩa. Dĩ thị thiện căn, hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Ngã từng thị lai, vị tăng hữu ác phiền não nghiệp duyên, đọa ư ác đạo: phỉ báng Chánh pháp, tác nhất-xiển-đề, thọ hoàng môn thân, vô căn, nhị căn, phản nghịch phụ mẫu, sát A-la-hán, phá Tháp hoại Tăng, xuất Phật thân huyết, phạm tứ trọng cấm. Từng thị dĩ lai, thân tâm an ổn, vô chư khổ não.

Ca-diếp! Ngã kim thật vô nhất thiết tật bệnh. Sở dĩ giả hà? Chư Phật Thế Tôn cửu dĩ viễn ly nhất thiết bệnh cố.

Ca-diếp! Thị chư chúng sanh bất tri Đại thừa phương đẳng Mật giáo, tiện vị Như Lai chân thật hữu tật.

Ca-diếp! Như ngôn: Như Lai nhân trung Sư tử, nhi Như Lai giả, thật phi sư tử. Như thị chi ngôn, tức thị Như Lai bí mật chi giáo. Ca-diếp! Như ngôn: Như Lai nhân trung Đại long. Nhi ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung, xả ly thị nghiệp. Ca-diếp! Như ngôn: Như Lai thị nhân, thị thiên, nhi ngã chân thật phi nhân, phi thiên, diệc phi quý thân, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hâu-la-già, phi ngã, phi mạng, phi khả dưỡng dục, phi nhân sĩ phu, phi tác, phi bất tác, phi

非人士夫。非作非不作。非受非不受。非世尊非聲聞。非說非不說。如是等語。皆是如來秘密之教。

迦葉。如言如來猶如大海須彌山王。而如來者實非鹹味同於石山。當知是語亦是如來秘密之教。

迦葉。如言如來如分陀利。而我實非分陀利也。如是之言即是如來秘密之教。

迦葉。如言如來猶如父母。而如來者實非父母。如是之言亦是如來秘密之教。

迦葉。如言如來是大船師。而如來者實非船師。如是之言亦是如來秘密之教。

迦葉。如言如來猶如商主。而如來者實非商主。如是之言亦是如來秘密之教。

迦葉。如言如來能摧伏魔。而如來者實無惡心欲令他伏。如是之言皆是如來秘密之教。

迦葉。如言如來能治癰瘡。而我實非治癰師也。如是之言亦是如來秘密之教。

迦葉。如我先說。若有善男子善女人。善能修治身口意業。捨命之時雖有親族取其屍骸。或以火燒。或投大水。或棄塚間。狐狼禽獸競共食噉。然心意識即生善道。而是心法實無去來亦無所至。直

thọ, phi bất thọ, phi Thế Tôn, phi Thanh văn, phi thuyết, phi bất thuyết. Như thị đẳng ngữ, giai thị Như Lai bí mật chi giáo.

Ca-diếp! Như ngôn: Như Lai do như đại hải, Tu-di sơn vương, nhi Như Lai giả, thật phi hàm vị, đồng ư thạch sơn. Đương tri thị ngữ, diệc thị Như Lai bí mật chi giáo.

Ca-diếp! Như ngôn: Như Lai như phân-đà-ly, nhi ngã thật phi phân-đà-ly dã. Như thị chi ngôn, tức thị Như Lai bí mật chi giáo.

Ca-diếp! Như ngôn: Như Lai do như phụ mẫu, nhi Như Lai giả, thật phi phụ mẫu. Như thị chi ngôn, diệc thị Như Lai bí mật chi giáo.

Ca-diếp! Như ngôn: Như Lai thị đại thuyền sư, nhi Như Lai giả, thật phi thuyền sư. Như thị chi ngôn, diệc thị Như Lai bí mật chi giáo.

Ca-diếp! Như ngôn: Như Lai do như thương chủ, nhi Như Lai giả, thật phi thương chủ. Như thị chi ngôn, diệc thị Như Lai bí mật chi giáo.

Ca-diếp! Như ngôn: Như Lai năng tội phục ma, nhi Như Lai giả, thực vô ác tâm, dục linh tha phục. Như thị chi ngôn, giai thị Như Lai bí mật chi giáo.

Ca-diếp! Như ngôn: Như Lai năng trị ung sang, nhi ngã thật phi trị ung sư dã. Như thị chi ngôn, diệc thị Như Lai bí mật chi giáo.

Ca-diếp! Như ngã tiên thuyết: nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân thiện năng tu trị thân, khẩu, ý nghiệp, xả mạng chi thời, tuy hữu thân tộc thủ kỳ thi hài, hoặc dĩ hỏa thiêu, hoặc đầu đại thủy, hoặc khí trủng gian, hồ lang, cầm thú cạnh cộng thực hám. Nhiên tâm, ý, thức tức sanh Thiện đạo. Nhi thị tâm pháp, thật vô khứ lai, diệc vô sở chí. Trục thị tiên hậu

是前後相似相續相貌不異。如是之言即是如來秘密之教。

迦葉。我今言病亦復如是。亦是如來秘密之教。是故顧命文殊師利。吾今背痛。汝等當為四眾說法。迦葉。如來正覺實無有病右脅而卧。亦不畢竟入於涅槃。

迦葉。是大涅槃即是諸佛甚深禪定。如是禪定非是聲聞緣覺行處。迦葉。汝先所問如來何故倚卧不起不索飲食。戒勅家屬修治產業。

迦葉。虛空之性亦無起坐求索飲食。勅戒家屬修治產業。亦無去來生滅老壯出沒傷碎解脫繫縛。亦不自說亦不說他。亦不自解亦不解他。非安非病。善男子。諸佛世尊亦復如是。猶如虛空。云何當有諸病苦耶。

迦葉。世有三人其病難治。一謗大乘。二五逆罪。三一闡提。如是三病世中極重。悉非聲聞緣覺菩薩之所能治。善男子。譬如有病必死難治。若有瞻病隨意醫藥。若無瞻病隨意醫藥。如是之病定不可治。當知是人必死不疑。善男子。是三種人亦復如是。若有聲聞緣覺菩薩。或有說法或不說法。不能令發阿耨多羅三藐三菩提心。

迦葉。譬如病人若有瞻病隨意醫藥則可令瘥。若無此三則不可瘥。聲聞緣覺亦復如是。從佛菩薩

tương tự, tương tục, tướng mạo bất dị. Như thị chi ngôn, tức thị Như Lai bí mật chi giáo.

Ca-diếp! Ngã kim ngôn bệnh, diệc phục như thị, diệc thị Như Lai bí mật chi giáo. Thị cố cố mạng Văn-thù-sư-lợi: “Ngô kim bối thống. Nhữ đặng đương vị tứ chúng thuyết pháp.” Ca-diếp! Như Lai Chánh giác, thật vô hữu bệnh, hữu hiếp nhi ngọa, diệc bất tất cánh nhập ư Niết-bàn.

Ca-diếp! Thị Đại Niết-bàn, tức thị chư Phật thậm thâm thiên định. Như thị thiên định, phi thị Thanh văn, Duyên giác hạnh xứ. Ca-diếp! Nhữ tiên sở vấn: Như Lai hà cố ỷ ngọa bất khởi, bất sách ẩm thực, giới sắc gia thuộc tu trị sản nghiệp?

Ca-diếp! Hư không chi tánh diệc vô khởi tọa, cầu sách ẩm thực, sắc giới gia thuộc tu trị sản nghiệp. Diệc vô khứ lai, sanh diệt, lão tráng, xuất một thương toái, giải thoát hệ phục. Diệc bất tự thuyết, diệc bất thuyết tha. Diệc bất tự giải, diệc bất giải tha, phi an, phi bệnh. Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn diệc phục như thị, do như hư không. Văn hà đương hữu chư bệnh khổ da?

Ca-diếp! Thế hữu tam nhân, kỳ bệnh nan trị: nhất báng Đại thừa, nhị Ngũ nghịch tội, tam nhất-xiển-đề. Như thị tam bệnh, thế trung cực trọng, tất phi Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát chi sở năng trị. Thiện nam tử! Thí như hữu bệnh, tất tử nan trị. Nhược hữu chiêm bệnh, tùy ý, y dược, nhược vô chiêm bệnh, tùy ý, y dược, như thị chi bệnh, định bất khả trị. Đương tri thị nhân tất tử bất nghi. Thiện nam tử! Thị tam chủng nhân diệc phục như thị, nhược hữu Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, hoặc hữu thuyết pháp, hoặc bất thuyết pháp, bất năng linh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Ca-diếp! Thí như bệnh nhân, nhược hữu chiêm bệnh, tùy ý, y dược, tắc khả linh sái. Nhược vô thủ tam, tắc bất khả sái. Thanh văn, Duyên giác diệc phục như thị, tùng Phật, Bồ



得聞法已。即能發於阿耨多羅三藐三菩提心。非不聞法能發心也。

迦葉。譬如病人若有瞻病隨意醫藥。若無瞻病隨意醫藥皆悉可瘥。有一種人亦復如是。或值聲聞不值聲聞。或值緣覺不值緣覺。或值菩薩不值菩薩。或值如來不值如來。或得聞法或不聞法。自然得成阿耨多羅三藐三菩提。所謂有人。或為自身。或為他身。或為怖畏。或為利養。或為諛諂。或為誑他。書寫如是大涅槃經。受持讀誦供養恭敬為他說者。

迦葉。有五種人於是大乘大涅槃典。有病行處非如來也。

何等為五。一斷三結得須陀洹果。不墮地獄畜生餓鬼。人天七返永斷諸苦入於涅槃。迦葉。是名第一人有病行處。是人未來過八萬劫。便當得成阿耨多羅三藐三菩提。

迦葉。第二人者。斷三結縛薄貪恚癡。得斯陀含果名一往來。永斷諸苦入於涅槃。迦葉。是名第二人有病行處。是人未來過六萬劫。便當得成阿耨多羅三藐三菩提。

迦葉。第三人者。斷五下結得阿那含果。更不來此。永斷諸苦入於涅槃。是名第三人有病行處。是人未來過四萬劫。便當得成阿耨多羅三藐三菩提。

Tát, đắc văn pháp dĩ, tức năng phát ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Phi bát văn pháp năng phát tâm dã.

Ca-diếp! Thí như bệnh nhân, nhược hữu chiêm bệnh, tùy ý, y dược, nhược vô chiêm bệnh, tùy ý, y dược, giai tất khả sai. Hữu nhất chủng nhân diệc phục như thị, hoặc trị Thanh văn, bất trị Thanh văn, hoặc trị Duyên giác, bất trị Duyên giác, hoặc trị Bồ Tát, bất trị Bồ Tát, hoặc trị Như Lai, bất trị Như Lai, hoặc đắc văn Pháp, hoặc bất văn Pháp, tự nhiên đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Sở vị hữu nhân, hoặc vị tự thân, hoặc vị tha thân, hoặc vị bố úy, hoặc vị lợi dưỡng, hoặc vị du siểm, hoặc vị cưỡng tha, thử tả như thị Đại Niết-bàn Kinh, thọ trì, độc tụng, cúng dường cung kính, vị tha thuyết giả.

Ca-diếp! Hữu ngũ chủng nhân, ư thị Đại thừa Đại Niết-bàn điển, hữu bệnh hạnh xứ, phi Như Lai dã.

Hà đẳng vi ngũ? Nhất đoạn tam kết, đắc Tu-đà-hoàn quả, bất đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, nhân thiên thất phẩm, vĩnh đoạn chư khổ, nhập ư Niết-bàn. Ca-diếp! Thị danh đệ nhất nhân hữu bệnh hạnh xứ. Thị nhân vị lai, quá bát vạn kiếp, tiện đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Ca-diếp! Đệ nhị nhân giả, đoạn tam kết phược, bạc tham, nhuế, si, đắc Tư-đà-hàm quả, danh Nhất vãng lai, vĩnh đoạn chư khổ, nhập ư Niết-bàn. Ca-diếp! Thị danh đệ nhị nhân hữu bệnh hạnh xứ. Thị nhân vị lai, quá lục vạn kiếp, tiện đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Ca-diếp! Đệ tam nhân giả, đoạn ngũ hạ kết, đắc A-na-hàm quả, cánh bát lai thử, vĩnh đoạn chư khổ, nhập ư Niết-bàn. Thị danh đệ tam nhân hữu bệnh hạnh xứ. Thị nhân vị lai, quá tứ vạn kiếp, tiện đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

迦葉。第四人者。永斷貪欲瞋恚愚癡得阿羅漢果。煩惱無餘入於涅槃。亦非麒麟獨一之行。是名第四人有病行處。是人未來過二萬劫。便當得成阿耨多羅三藐三菩提。

迦葉。第五人者。永斷貪欲瞋恚愚癡得辟支佛道。煩惱無餘入於涅槃。真是麒麟獨一之行。是名第五人有病行處。是人未來過十千劫。便當得成阿耨多羅三藐三菩提。

迦葉。是名第五人有病行處。非如來也。

## 聖行品

### 第七之一

爾時佛告迦葉菩薩。善男子。菩薩摩訶薩應當於是大般涅槃經。專心思惟五種之行。何等為五。一者聖行。二者梵行。三者天行。四者嬰兒行。五者病行。

善男子。菩薩摩訶薩常當修習是五種行。復有一行是如來行。所謂大乘大涅槃經。

迦葉。云何菩薩摩訶薩所修聖行。菩薩摩訶薩若從聲聞若從如來。得聞如是大涅槃經。聞已生信。信已應作如是思惟。諸佛世尊有無上道。有大正法大眾正行。復有方等大乘經典。我今當為愛樂

Ca-diếp! Đệ tứ nhân giả, vĩnh đoạn tham dục, sân khuể, ngu si, đắc A-la-hán quả, phiền não vô dư, nhập ư Niết-bàn. Diệc phi kỳ lân, độc nhất chi hạnh. Thị danh đệ tứ nhân hữu bệnh hạnh xứ. Thị nhân vị lai, quá nhị vạn kiếp, tiện đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Ca-diếp! Đệ ngũ nhân giả, vĩnh đoạn tham dục, sân khuể, ngu si, đắc Bích chi Phật đạo, phiền não vô dư, nhập ư Niết-bàn, chân thị kỳ lân, độc nhất chi hạnh. Thị danh đệ ngũ nhân hữu bệnh hạnh xứ. Thị nhân vị lai, quá thập thiên kiếp, tiện đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Ca-diếp! Thị danh đệ ngũ nhân hữu bệnh hạnh xứ, phi Như Lai dã.

## THÁNH HẠNH PHẨM

### Đệ thất chi nhất

Nhĩ thời, Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát : Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát ưng đương ư thị Đại Niết-bàn Kinh, chuyên tâm tư duy ngũ chủng chi hạnh. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả Thánh hạnh, nhị giả Phạm hạnh, tam giả Thiên hạnh, tứ giả Anh nhi hạnh, ngũ giả Bệnh hạnh.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thường đương tu tập thị ngũ chủng hạnh. Phục hữu nhất hạnh, thị Như Lai hạnh, sở vị Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh.

Ca-diếp! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát sở tu Thánh hạnh? Bồ Tát ma-ha-tát, nhược tùng Thanh văn, nhược tùng Như Lai, đắc văn như thị Đại Niết-bàn Kinh. Văn dĩ, sanh tín, tín dĩ, ưng tác như thị tư duy: “Chư Phật Thế Tôn hữu vô thượng Đạo, hữu Đại Chánh pháp, Đại chúng Chánh hạnh, phục hữu phương đẳng Đại thừa Kinh điển. Ngã kim đương vi ái nhạo tham cầu Đại thừa kinh cổ, xả ly sở ái thê tử quyền thuộc, sở

貪求大乘經故。捨離所愛妻子眷屬所居舍宅。金銀珍寶微妙瓔珞香華妓樂。奴婢僕使男女大小。象馬車乘牛羊鷄犬猪豕之屬。

復作是念。居家迫窄猶如牢獄。一切煩惱由之而生。出家寬曠猶如虛空。一切善法因之增長。若在家居不得盡壽淨修梵行。我今應當剃除鬚髮出家學道。作是念已。我今定當出家修學無上正真菩提之道。

菩薩如是欲出家時。天魔波旬生大苦惱。言是菩薩復當與我興大戰爭。善男子。如是菩薩何處當復與人戰爭。

是時菩薩即至僧坊。若見如來及佛弟子。威儀具足諸根寂靜。其心柔和清淨寂滅。即至其所而求出家。剃除鬚髮服三法衣。既出家已奉持禁戒威儀不缺進止安祥。無所觸犯。乃至小罪心生怖畏。護戒之心猶如金剛。

善男子。譬如有人帶持浮囊欲渡大海。爾時海中有一羅刹。即從其人乞索浮囊。其人聞已即作是念。我今若與必定沒死。答言。羅刹。汝寧殺我浮囊叵得。

羅刹復言。汝若不能全與我者。見惠其半。是人猶故不肯與之。

羅刹復言。汝若不能惠我半者。幸願與我三分之一。是人不肯。

cư xá trách, kim ngân trân bảo, vi diệu anh lạc, hương hoa, kỹ nhạc, nô tỳ bộc sử, nam nữ đại tiểu, tượng mã xa thặng, ngư, dương, kê, khuyến, trư, thỉ chi thuộc.”

Phục tác thị niệm: “Cư gia bách trách, do như lao ngục, nhất thiết phiền não do chi nhi sanh. Xuất gia khoan khoáng, do như hư không, nhất thiết thiện pháp, nhân chi tăng trưởng. Nhược tại gia cư, bất đắc tận thọ tịnh tu Phạm hạnh. Ngã kim ưng đương thế trừ tu phát, xuất gia học Đạo. Tác thị niệm dĩ, ngã kim định đương xuất gia tu học vô thượng Chánh chân Bồ-đề chi đạo.”

Bồ Tát như thị dục xuất gia thời, thiên ma Ba-tuần sanh đại khổ não, ngôn: “Thị Bồ Tát phục đương dĩ ngã hưng đại chiến tranh.” Thiện nam tử! Như thị Bồ Tát, hà xứ đương phục dĩ nhân chiến tranh?

Thị thời, Bồ Tát tức chí Tăng phường. Nhược kiến Như Lai cập Phật đệ tử, oai nghi cụ túc, chư căn tịch tĩnh, kỳ tâm nhu hòa, thanh tịnh tịch diệt, tức chí kỳ sở, nhi cầu xuất gia, thế trừ tu phát, phục tam pháp y. Kỳ xuất gia dĩ, phụng trì cấm giới, oai nghi bất khuyết, tấn chỉ an tường, vô sở xúc phạm. Nãi chí tiểu tội, tâm sanh bố úy. Hộ giới chi tâm, do như kim cang.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, đãi trì phù nang, dục độ đại hải. Nhĩ thời hải trung, hữu nhất la-sát, tức tùng kỳ nhân, khát sách phù nang. Kỳ nhân văn dĩ, tức tác thị niệm: “Ngã kim nhược dĩ, tất định một tử.” Đáp ngôn: “La-sát! Nhữ ninh sát ngã, phù nang phả đắc.”

La-sát phục ngôn: “Nhữ nhược bất năng toàn dĩ ngã giả, kiến huệ kỳ bán.” Thị nhân du cố bất khảng dĩ chi.

La-sát phục ngôn: “Nhữ nhược bất năng huệ ngã bán giả, hạnh nguyện dĩ ngã tam phần chi nhất.” Thị nhân bất khảng.

羅刹復言。若不能者當施手許。是人不肯。

羅刹復言。汝今若復不能與我如手許者。我今饑窮衆苦所逼。願當濟我如微塵許。是人復言。汝今所索誠復不多。然我今日方當渡海。不知前途近遠如何。若與汝者氣當漸出。大海之難何由得過。脫能中道沒水而死。

善男子。菩薩摩訶薩護持禁戒亦復如是。如彼渡人護惜浮囊。菩薩如是護戒之時。常有煩惱諸惡羅刹語菩薩言。汝當信我終不相欺。但破四禁護持餘戒。以是因緣令汝安隱得入涅槃。菩薩爾時應作是言。我今寧持如是禁戒墮阿鼻獄。終不毀犯而生天上。

煩惱羅刹復作是言。卿若不能破四禁者可破僧殘。以是因緣令汝安隱得入涅槃。菩薩亦應不隨其語。

羅刹復言。卿若不能犯僧殘者。亦可故犯偷蘭遮罪。以是因緣令汝安隱得入涅槃。菩薩爾時亦復不隨。

羅刹復言。卿若不能犯偷蘭遮者可犯捨墮。以是因緣可得安隱入於涅槃。菩薩爾時亦不隨之。

羅刹復言。卿若不能犯捨墮者可犯波逸提。以是因緣令汝安隱得入涅槃。菩薩爾時亦不隨之。

La-sát phục ngôn: “Nhược bất năng giả, đương thí thủ hứa.” Thị nhân bất khăng.

La-sát phục ngôn: “Nhữ kim nhược phục bất năng dữ ngã như thủ hứa giả, ngã kim cơ cùng, chúng khổ sở bức. Nguyên đương tế ngã như vi trần hứa.” Thị nhân phục ngôn: “Nhữ kim sở sách, thành phục bất đa. Nhiên ngã kim nhật phương đương độ hải, bất tri tiên đồ cận viễn như hà. Nhược dữ nhữ giả, khí đương tiệm xuất. Đại hải chi nạn, hà do đắc quá? Thoát năng trung đạo, một thủy nhi tử!”

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát hộ trì cấm giới, diệc phục như thị. Như bỉ độ nhân hộ tích phù nang, Bồ Tát như thị hộ giới chi thời, thường hữu phiền não chư ác la-sát ngữ Bồ Tát ngôn: “Nhữ đương tín ngã, chung bất tương khi. Đãn phá Tứ cấm, hộ trì dư giới. Dĩ thị nhân duyên, linh nhữ an ổn, đắc nhập Niết-bàn.” Bồ Tát nhĩ thời, ưng tác thị ngôn: “Ngã kim ninh trì như thị cấm giới, đọa A-tỳ ngục, chung bất hủy phạm, nhi sanh thiên thượng.”

Phiền não la-sát phục tác thị ngôn: “Khanh nhược bất năng phá Tứ cấm giả, khả phá tăng-tàn. Dĩ thị nhân duyên, linh nhữ an ổn, đắc nhập Niết-bàn.” Bồ Tát diệc ưng bất tùy kỳ ngữ.

La-sát phục ngôn: “Khanh nhược bất năng phạm Tăng-tàn giả, diệc khả cố phạm thâm-lan-già tội. Dĩ thị nhân duyên, linh nhữ an ổn, đắc nhập Niết-bàn.” Bồ Tát nhĩ thời, diệc phục bất tùy.

La-sát phục ngôn: “Khanh nhược bất năng phạm thâm-lan-già giả, khả phạm xả-đọa. Dĩ thị nhân duyên, khả đắc an ổn, nhập ư Niết-bàn. Bồ Tát nhĩ thời diệc bất tùy chi.

La-sát phục ngôn: “Khanh nhược bất năng phạm xả-đọa giả, khả phạm ba-dật-đề. Dĩ thị nhân duyên, linh nhữ an ổn, đắc nhập Niết-bàn.” Bồ Tát nhĩ thời, diệc bất tùy chi.

羅刹復言。卿若不能犯波逸提者。幸可毀破突吉羅戒。以是因緣可得安隱入於涅槃。菩薩爾時心自念言。我今若犯突吉羅罪不發露者。則不能渡生死彼岸而得涅槃。菩薩摩訶薩於是微小諸戒律中。護持堅固心如金剛。

菩薩摩訶薩持四重禁及突吉羅。敬重堅固等無差別。菩薩若能如是堅持則為具足五支諸戒。所謂具足菩薩根本業清淨戒。前後眷屬餘清淨戒。非諸惡覺。覺清淨戒。護持正念念清淨戒。迴向阿耨多羅三藐三菩提戒。

迦葉。是菩薩摩訶薩復有二種戒。一者受世教戒。二者得正法戒。菩薩若受正法戒者終不為惡。受世教戒者白四羯磨然後乃得。

復次善男子。有二種戒。一者性重戒。二者息世譏嫌戒。性重戒者。謂四禁也。息世譏嫌戒者。不作販賣輕秤小斗欺誑於人。因他形勢取人財物。害心繫縛破壞成功。然明而卧。田宅種植家業坐肆。不畜象馬車乘牛羊駝驢鷄犬獼猴孔雀鸚鵡共命及拘柘羅。豺狼虎豹貓狸猪豕及餘惡獸。童男童女大男大女奴婢僮僕。金銀琉璃玻瓈真珠碑磬瑪瑙珊瑚璧玉珂貝諸寶。赤銅白鐵鍤鉏鋤器毘毘毘拘執鞞衣。一切穀米大小麥豆黍粟稻麻生熟食具。

La-sát phục ngôn: “Khanh nhược bất năng phạm ba-dật-đề giả, hạnh khả hủy phá đột-kiết-la giới. Dĩ thị nhân duyên, khả đắc an ổn, nhập ư Niết-bàn.” Bồ Tát nhĩ thời, tâm tự niệm ngôn: “Ngã kim nhược phạm đột-kiết-la tội, bất phát lộ giả, tác bất năng độ sanh tử bỉ ngạn, nhi đắc Niết-bàn.” Bồ Tát ma-ha-tát, ư thị vi tiểu chư giới luật trung, hộ trì kiên cố, tâm như kim cang.

Bồ Tát ma-ha-tát, trì Tứ trọng cấm cập đột-kiết-la, kính trọng kiên cố, đẳng vô sai biệt. Bồ Tát nhược năng như thị kiên trì, tác vi cụ túc ngũ chi chư giới. Sở vị cụ túc Bồ Tát căn bản, nghiệp thanh tịnh giới, tiền hậu quyền thuộc, dư thanh tịnh giới, phi chư ác giác, giác thanh tịnh giới, hộ trì chánh niệm, niệm thanh tịnh giới, hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giới.

Ca-diếp! Thị Bồ Tát ma-ha-tát phục hữu nhị chủng giới: nhất giả thọ Thế giáo giới, nhị giả đắc Chánh pháp giới. Bồ Tát nhược thọ Chánh pháp giới giả, chung bất vi ác. Thọ thế giáo giới giả, bạch tứ Yết-ma, nhiên hậu nãi đắc.

Phục thứ, thiện nam tử! Hữu nhị chủng giới: nhất giả Tánh trọng giới, nhị giả Túc thế cơ hiem giới. Tánh trọng giới giả, vị Tứ cấm dã. Túc thế cơ hiem giới giả, bất tác phán mại, khinh xưng tiểu đẩu, khi cưỡng ư nhân, nhân tha hình thế, thủ nhân tài vật, hại tâm hệ phục, phá hoại thành công, nhiên minh nhi ngọa, điền trạch chủng thực, gia nghiệp tọa tứ. Bất súc tượng, mã, xa thặng, ngư, dương, đà, lư, kê, khuyển, di hâu, khổng tước, anh vũ, cộng mạng, cập câu-chỉ-la, sài lang, hổ, báo, miêu ly, trư thỉ, cập dư ác thú, đồng nam, đồng nữ, đại nam, đại nữ, nô tỳ đồng bộc, kim, ngân, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, san hô, bích ngọc, khoa bối chư bảo, xích đồng, bạch lạp, thân thạch vu khí, cô du thập đẳng, câu chấp nhũng y, nhất thiết cốt mẽ, đại tiểu mạch đậu, thủ túc đạo ma, sanh thực thực cụ.

常受一食不曾再食。若行乞食及僧中食。常知止足不受別請。不食肉不飲酒。五辛能葷悉不食之。是故其身無有臭處。常為諸天一切世人恭敬供養尊重讚歎。趣足而食終不長受。所受衣服纔足覆身。進止常與三衣鉢具。終不捨離如鳥二翼。不畜根子莖子節子接子子子。不畜寶藏若金若銀飲食廚庫衣裳服飾。高廣大牀象牙金牀雜色編織悉不用坐。不畜一切細軟諸席。不坐象羈馬羈。不以細軟上妙衣裳用敷牀卧。其牀兩頭不置二枕。亦不受畜妙好丹枕安黃木枕。

終不觀看象鬪馬鬪車鬪兵鬪男鬪女鬪牛鬪羊鬪水牛鷄雉鸚鵡等鬪。亦不故往觀看軍陣。

不應故聽吹貝鼓角琴瑟箏笛篳篥歌叫妓樂之聲。除供養佛。擣菹圍碁波羅塞戲師子象鬪。彈碁六博拍毬擲石投壺牽道八道行成。一切戲笑悉不觀作。終不占相手腳面目。不以爪鏡著草楊枝鉢盂罽毼而作卜筮。亦不仰觀虛空星宿。除欲解睡。不作王家往返使命以此語彼以彼語此。終不諛諂邪命自活。亦不宣說王臣盜賊鬪爭飲食國土饑饉恐怖豐樂安隱之事。

善男子。是名菩薩摩訶薩息世譏嫌戒。善男子。菩薩摩訶薩堅持如是遮制之戒。與性重戒等無差別。

Thường thọ nhất thực, bát tăng tái thực. Nhược hành khát thực cập Tăng trung thực, thường tri chỉ túc, bất thọ biệt thỉnh. Bất thực nhục, bất ẩm tửu, ngũ tân năng huân, tất bất thực chi. Thị cố kỳ thân, vô hữu xú xú, thường vi chư thiên, nhất thiết thế nhân cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán. Xúc túc nhi thực, chung bát trường thọ. Sở thọ y phục, tài túc phú thân. Tấn chỉ thường dĩ tam y bát cụ, chung bát xả ly, như điều nhị dục. Bất súc căn tử, hành tử, tiết tử, tiếp tử, tử tử. Bất súc bảo tạng, nhược kim, nhược ngân, ẩm thực trừ khố, y thường phục súc, cao quảng đại sàng, tượng nha kim sàng, tạp sắc biên chúc, tất bất dụng tọa. Bất súc nhất thiết tế nhuỷ chư tịch, bất tọa tượng tiên, mã tiên, bất dĩ tế nhuỷ thượng diệu y thường dụng phu sàng ngoạ. Kỳ sàng lưỡng đầu bát trí nhị chẩm. Diệc bất thọ súc diệu hảo đơn chẩm, an hoàng mộc chẩm.

Chung bát quan khán tượng đấu, mã đấu, xa đấu, binh đấu, nam đấu, nữ đấu, ngư đấu, dương đấu, thủy ngư, kê, trĩ, anh vũ đẳng đấu. Diệc bất cố vãng quan khán quân trận.

Bất ưng cố thỉnh xuy bồi, cổ, giác, cầm, sắt, tranh, địch, không hầu, ca khiêu kỹ nhạc chi thanh, trừ cúng dường Phật. Vu bồ, vi kỳ, ba-la-tắc hý, sư tử tượng đấu, đàn kỳ, lục bác, phách súc, trích thạch, đầu hồ, khiên đạo, bát đạo hành thành, nhất thiết hý tiểu, tất bất quan tác. Chung bát chiêm tướng thủ cước diện mục. Bất dĩ thảo, kính, thi thảo, dương chi, bát vu, độc lâu nhi tác bốc phệ, diệc bất ngưỡng quan hư không tinh tú, trừ dục giải thụ. Bất tác vương gia vãng phản sứ mạng, dĩ thử ngư bỉ, dĩ bỉ ngư thử. Chung bát du siểm, tà mạng tự hoạt. Diệt bất tuyên thuyết vương thân đạo tặc, đấu tranh, ẩm thực, quốc thổ cơ căn, khủng bố, phong lạc, an ổn chi sự.

Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát túc thế cơ hiem giới. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát kiên trì như thị già chế chi giới dĩ Tánh trọng giới, đẳng vô sai biệt.

善男子。菩薩摩訶薩受持如是諸禁戒已。作是願言。寧以此身投於熾然猛火深坑。終不毀犯過去未來現在諸佛所制禁戒。與刹利女婆羅門女居士等女而行不淨。

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。寧以熱鐵羅網千重周匝纏身。終不敢以破戒之身受於信心檀越衣服。

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。寧以此口吞熱鐵丸。終不敢以毀戒之口食於信心檀越飲食。

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。寧以此身卧熱鐵上。終不敢以破戒之身受於信心檀越牀敷卧具。

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。我寧以身受三百鉞。終不敢以毀戒之身受於信心檀越醫藥。

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。寧以此身投熱鐵鑊。不以破戒之身受於信心檀越房舍屋宅。

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。寧以鐵鎚打碎此身從頭至足令如微塵。不以破戒之身受諸刹利婆羅門居士恭敬禮拜。

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。寧以熱鐵刀鉞挑其兩目。不以染心視他好色。

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。寧以鐵錐徧耳撓刺。不以染心聽好音聲。

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, thọ trì như thị chư cấm giới dĩ, tác thị nguyện ngôn: “Ninh dĩ thử thân đầu ư xí nhiên mãnh hỏa, thâm khanh, chung bát hủy phạm quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật sở chế cấm giới, dĩ sát-ly nữ, bà-la-môn nữ, cư sĩ đẳng nữ, nhi hành bất tịnh.”

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục tác thị nguyện: “Ninh dĩ nhiệt thiết la võng thiên trùng châu táp triền thân, chung bát cảm dĩ phá giới chi thân thọ ư tín tâm đàn việt y phục.”

Phục thứ thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục tác thị nguyện: “Ninh dĩ thử khẩu thôn nhiệt thiết hoàn, chung bát cảm dĩ hủy giới chi khẩu, thực ư tín tâm đàn việt ẩm thực.”

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục tác thị nguyện: “Ninh dĩ thử thân ngọa nhiệt thiết thượng, chung bát cảm dĩ phá giới chi thân thọ ư tín tâm đàn việt sàng phu ngọa cụ.”

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục tác thị nguyện: “Ngã ninh dĩ thân thọ tam bá mâu, chung bát cảm dĩ hủy giới chi thân thọ ư tín tâm đàn việt y dược.”

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục tác thị nguyện: “Ninh dĩ thử thân đầu nhiệt thiết hoạch, bát dĩ phá giới chi thân thọ ư tín tâm đàn việt phòng xá ốc trạch.”

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục tác thị nguyện: “Ninh dĩ thiết chùy đả toái thử thân, tùng đầu chí túc, linh như vi trần, bát dĩ phá giới chi thân thọ chư sát-ly, bà-la-môn, cư sĩ cung kính lễ bái.”

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục tác thị nguyện: “Ninh dĩ nhiệt thiết đao mâu khiêu kỳ lưỡng mục, bát dĩ nhiễm tâm thị tha hảo sắc.”

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục tác thị nguyện: “Ninh dĩ thiết chùy biến nhĩ sàm thích, bát dĩ nhiễm tâm, thỉnh hảo âm thanh.”

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。寧以利刀割去其鼻。不以染心貪嗅諸香。

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。寧以利刀割裂其舌。不以染心貪著美味。

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。寧以利斧斬斫其身。不以染心貪著諸觸。

何以故。以是因緣能令行者墮於地獄畜生餓鬼。

迦葉。是名菩薩摩訶薩護持禁戒。菩薩摩訶薩護持如是諸禁戒已。悉以施於一切衆生。以是因緣願令衆生護持禁戒。得清淨戒善戒不缺戒不析戒大乘戒不退戒隨順戒畢竟戒。具足成就波羅密戒。

善男子。菩薩摩訶薩修持如是清淨戒時。即得住於初不動地。云何名為不動地也。菩薩住是不動地中，不動，不墮，不退，不散。

善男子。譬如須彌山，旋嵐猛風不能令動墮落退散。菩薩摩訶薩住是地中亦復如是。不為色聲香味觸所動。不墮地獄畜生餓鬼。不退聲聞辟支佛地。不為異見邪風所散而作邪命。

復次善男子。又不動者不為貪欲恚癡所動。又不墮者不墮四重。又不退者不退戒還家。又不散者不為違逆大乘經者之所散壞。

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục tác thị nguyện: “Ninh dĩ lợi đao cát khứ kỳ ty, bất dĩ nhiễm tâm tham khứu chư hương.”

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục tác thị nguyện: “Ninh dĩ lợi đao cát liệt kỳ thiệt, bất dĩ nhiễm tâm tham trước mỹ vị.”

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục tác thị nguyện: “Ninh dĩ lợi phủ trảm cước kỳ thân, bất dĩ nhiễm tâm tham trước chư xúc.”

Hà dĩ cô? Dĩ thị nhân duyên, năng linh hành giả đọa ư địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Ca-diếp! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát hộ trì cấm giới. Bồ Tát ma-ha-tát hộ trì như thị chư cấm giới dĩ, tất dĩ thí ư nhất thiết chúng sanh. Dĩ thị nhân duyên, nguyện linh chúng sanh hộ trì cấm giới, đắc thanh tịnh giới, thiện giới, bất khuyết giới, bất tích giới, Đại thừa giới, bất thối giới, tùy thuận giới, tất cánh giới, cụ túc thành tựu Ba-la-mật giới.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tu trì như thị thanh tịnh giới thời, tức đắc trụ ư sơ Bất động địa. Vân hà danh vi Bất động địa dã? Bồ Tát trụ thị Bất động địa trung, bất động, bất đọa, bất thối, bất tán.

Thiện nam tử! Thí như Tu-di sơn, thiên lam mãnh phong bất năng linh động, đọa lạc, thối, tán. Bồ Tát ma-ha-tát trụ thị địa trung, diệc phục như thị, bất vi sắc, thính, hương, vị, xúc sở động, bất đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, bất thối Thanh văn, Bích chi Phật địa, bất vi dị kiến, tà phong sở tán nhi tác tà mạng.

Phục thứ, thiện nam tử! Hựu bất động giả, bất vi tham dục, nhuế, si sở động, hựu bất đọa giả, bất đọa Tứ trọng, hựu bất thối giả, bất thối giới hoàn gia, hựu bất tán giả, bất vi vi nghịch Đại thừa kinh giả chi sở tán hoại.



復次善男子。菩薩摩訶薩亦復不為諸煩惱魔之所傾動。不為陰魔所墮。乃至坐於道場菩提樹下。雖有天魔不能令其退於阿耨多羅三藐三菩提。亦復不為死魔所散。

善男子。是名菩薩摩訶薩修習聖行。善男子。云何名為聖行。聖行者佛及菩薩之所行故。故名聖行。

以何等故。名佛菩薩為聖人也。如是等人有聖法故。常觀諸法性空寂故。以是義故故名聖人。有聖戒故復名聖人。有聖定慧故故名聖人。有七聖財。所謂信戒慚愧多聞智慧捨離故。故名聖人。有七聖覺故。故名聖人。以是義故，復名聖行。

## 大般涅槃經卷第十一

終

Phục thú, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát diệt phục bất vi chư phiên não ma chi sở khuynh động, bất vi âm ma sở đọa. Nãi chí tọa ư đạo trường, Bồ-đề thọ hạ, tuy hữu thiên ma, bất năng linh kỳ thối ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Diệt phục bất vi tử ma sở tán.

Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát tu tập Thánh hạnh. Thiện nam tử! Vân hà danh vi Thánh hạnh? Thánh hạnh giả, Phật cập Bồ Tát chi sở hành cố, cố danh Thánh hạnh.

Dĩ hà đẳng cố, danh Phật, Bồ Tát vi thánh nhân dã? Như thị đẳng nhân hữu Thánh pháp cố, thường quán chư pháp, tánh không tịch cố. Dĩ thị nghĩa cố, cố danh Thánh nhân. Hữu Thánh giới cố, phục danh Thánh nhân. Hữu Thánh định huệ cố, cố danh Thánh nhân. Hữu thất Thánh tài, sở vị: tín, giới, tà, quý, đa văn, trí huệ, xả ly cố, cố danh Thánh nhân. Hữu thất Thánh giác cố, cố danh Thánh nhân. Dĩ thị nghĩa cố, phục danh Thánh hạnh.

Đại Bát Niết-bàn Kinh - Quyển đệ thập nhất

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN MƯỜI MỘT

## PHẨM THỊ HIỆN BỆNH

### Phẩm thứ sáu

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai đã lìa khỏi tất cả tật bệnh, mọi sự đau đớn khổ não đều đã dứt hết, không còn sợ sệt chi cả.

“Bạch Thế Tôn! Trong tất cả chúng sanh, có bốn mũi tên độc là nguyên nhân của bệnh. Những gì là bốn? Đó là tham dục, sân khuể, ngu si và kiêu mạn. Nếu có nguyên nhân gây bệnh, ắt phải có bệnh sinh ra; như các thứ bệnh phổi do tham ái, nóng nảy, khí uất lên làm nôn mửa, da thịt ngứa ngáy, mình mẩy nhức mỏi, lòng dạ bồn chồn tán loạn; bệnh kiết lỵ đại tiện khó khăn, tiểu tiện từng giọt, mắt xốn tai nhức, lưng đau bụng trướng, điên cuồng nóng bức, hoặc mắc phải quỷ my... Đủ các thứ bệnh tật của thân tâm như vậy, chư Phật Thế Tôn đều không bao giờ còn mắc phải. Hôm nay vì duyên cố gì Như Lai lại sai bảo Văn-thù-sư-lợi rằng: ‘Nay ta đau lưng, các ông nên vì Bốn bộ chúng mà thuyết pháp’?”

“Có hai nhân duyên không có mọi bệnh khổ. Những gì là hai? Một là thương xót hết thảy chúng sanh, hai là cung cấp, bố thí thuốc thang cho người có bệnh.

“Từ thuở xa xưa, trong vô số vạn ức kiếp, Như Lai trong khi tu đạo Bồ Tát thường nói lời thân ái, lợi ích cho chúng sanh, không làm cho họ khổ não, bố thí đủ

món thuốc thang cho những người bệnh tật. Vậy duyên cố gì nay lại tự nói rằng có bệnh?

“Bạch Thế Tôn! Thế gian có những người bệnh dù nằm hay ngồi đều không yên chỗ, hoặc đòi ăn uống, sai khiến người nhà chăm sóc sản nghiệp. Vì sao Như Lai nằm đó lặng thinh, chẳng dạy các đệ tử Thanh văn về Giới độ,<sup>(1)</sup> về các pháp thiên giải thoát, Tam-ma-bạt-đề,<sup>(2)</sup> các pháp tu chánh cần?<sup>(3)</sup> Vì sao ngài chẳng thuyết kinh điển Đại thừa thâm sâu như vậy? Vì sao Như Lai chẳng dùng vô lượng phương tiện dạy bảo Đại Ca-diếp, bậc Voi chúa trong loài người<sup>(4)</sup> và các vị đại nhân, khiến cho ai nấy đều chẳng còn thối lui đối với quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề? Vì sao chẳng trừ những tỳ-kheo xấu ác, chứa trữ hết thảy những vật bất tịnh? Đức Thế Tôn thật không có bệnh, vì sao lặng thinh nằm nghiêng bên mặt?

“Chư Bồ Tát thường khi cấp thí thuốc thang cho người bệnh, được bao nhiêu căn lành đều thí hết cho chúng sanh, cùng nhau hồi hướng về địa vị của bậc có trí tuệ biết hết tất cả, là vì dứt trừ những phiền não chướng, nghiệp chướng và báo chướng cho chúng sanh.

“Phiền não chướng, đó là tham dục, sân khuể, ngu si, phần nộ, buồn phiền trói buộc che chướng, ganh ghét keo lặn, gian trá, siểm nịnh, không biết hổ thẹn, ngạo mạn khinh người, tự cao tự đại, kiêu căng, phóng dật, oán hận tranh tụng, tà vạy dối trá, giả hiện hình tướng, dùng lợi câu lợi, mong cầu việc xấu ác, tham cầu thật nhiều, không biết cung kính, không theo lời khuyên dạy, gằn gỏi bạn xấu, tham lợi không chán, các mối chằng chịt trói buộc khó gỡ, tham muốn việc xấu, chấp thân, chấp hữu, cho đến chấp không, ưa nằm ham ngủ, thiếu thốn chẳng vui, ham mê ăn uống, lòng dạ ngu tối, tán tâm

vọng tưởng, nghĩ điều bất thiện, miệng nói lời ác, thân làm việc ác, ham vui nói nhiều, các căn tối tăm, nói lời vô nghĩa, thường bị những cảm xúc tham dục, sân khuể, độc hại che lấp... Như vậy gọi là phiền não chướng.

“Nghiệp chướng, đó là năm tội đọa địa ngục Vô gián, bệnh nặng nguy kịch.

“Báo chướng, đó là sanh vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, những kẻ phỉ báng Chánh pháp cùng những kẻ nhất-xiển-đề. Như vậy gọi là báo chướng.

“Ba loại che chướng ấy gọi là bệnh nặng. Các vị Bồ Tát trong vô số kiếp, đang khi tu đạo Bồ-đề cấp thí thuốc thang cho tất cả những người bệnh tật thường phát nguyện rằng: ‘Nguyện cho chúng sanh mãi mãi dứt trừ ba loại bệnh chướng ấy.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát, đang khi tu đạo Bồ-đề, cấp thí thuốc thang cho tất cả những người bệnh, thường phát nguyện rằng: ‘Nguyện cho chúng sanh mãi mãi dứt trừ bệnh tật, được thành tựu thân kim cang Như Lai.’ Lại phát nguyện rằng: ‘Nguyện cho hết thảy vô lượng chúng sanh đều thành bậc Dục vương mẫu nhiệm, dứt trừ hết thảy các bệnh nguy kịch. Nguyện cho chúng sanh được món thuốc a-già-đà,<sup>(5)</sup> dùng sức thuốc ấy có thể trừ được hết thảy vô số loại chất độc.’ Lại phát nguyện rằng: ‘Nguyện cho chúng sanh không còn thối chuyển đối với quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, sớm được thành tựu liêu thuốc Phật cao quý nhất, tiêu trừ hết thảy những mũi tên độc phiền não.’ Lại phát nguyện: “Nguyện cho chúng sanh siêng tu tinh tấn, thành tựu thân kim cang Như Lai, làm loại thuốc mẫu nhiệm điều trị các thứ bệnh, không còn để bất cứ ai sanh

khởi ý tưởng gây gỗ kiện tụng.’ Lại cũng phát nguyện: “Nguyện cho chúng sanh thành cây thuốc lớn, liêu trị tất cả các bệnh nguy kịch là những điều tà ác.’ Lại nguyện rằng: ‘Nguyện cho chúng sanh nhổ bỏ được những mũi tên độc, thành tựu hào quang Như Lai cao quý nhất.’ Lại nguyện rằng: ‘Nguyện cho chúng sanh được vào kho tàng Chánh pháp sâu kín của Như Lai, được liêu thuốc quý trí huệ trừ dứt mọi bệnh khổ.’

“Thế Tôn! Như vậy, trải qua vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha<sup>(6)</sup> kiếp, [Như Lai khi còn là] Bồ Tát đã phát khởi các thệ nguyện ấy, khiến chúng sanh đều không có bệnh hoạn. Duyên có gì mà hôm nay Như Lai lại nói rằng có bệnh?

“Lại nữa, Thế Tôn! Thế gian có những người bệnh không thể ngồi dậy, cúi xuống, ngẩng lên, đi đứng, ăn uống chẳng được, nước đổ vào miệng chẳng nuốt xuống được, không còn có thể dạy bảo con cái chăm sóc nghiệp nhà. Lúc đó, cha mẹ, vợ con, anh em, thân thuộc, những người quen biết... thấy đều nghĩ rằng bệnh nhân ấy nhất định phải chết.

“Bạch Thế Tôn! Ngày nay Như Lai cũng thế, nghiêng về bên mặt mà nằm, không bàn luận giảng thuyết chi cả. Có những kẻ ngu trong cõi Diêm-phù-đề này sẽ nghĩ rằng: ‘Như Lai Chánh giác sắp vào Niết-bàn’, liền nảy sanh ý nghĩ cho là [mọi thứ] đều dứt hết. Nhưng tánh Như Lai thật rốt ráo chẳng vào Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi. Vì nhân duyên ấy, Thế Tôn chẳng nên nói rằng: ‘Nay ta đau nhức lưng’.

“Lại nữa, Thế Tôn! Thế gian có những người bệnh thân thể gây yếu, nằm ngửa, nằm nghiêng, hoặc nằm

luôn trên giường bệnh. Lúc ấy, người nhà sanh lòng chán ghét, nghĩ rằng bệnh nhân ấy nhất định phải chết.

“Nay Như Lai cũng thế, ngài đang bị chín mươi lăm nhóm ngoại đạo<sup>(7)</sup> khinh ngạo, họ sanh ra tư tưởng [cho rằng Như Lai là] vô thường. Những kẻ ngoại đạo ấy nói rằng: ‘Ông ấy chẳng bằng chúng ta, [vì chúng ta] dựa vào các pháp ngã, tánh, nhân, tự tại, thời tiết, vi trần... nên là thường trụ, không có biến đổi. Sa-môn Cô-đàm bị chuyển dời vì sự vô thường, ông ấy là pháp chịu sự biến đổi.’ Vì nghĩa ấy, hôm nay Thế Tôn chẳng nên lặng yên, nghiêng về bên mặt mà nằm.

“Lại nữa, Thế Tôn! Thế gian có những người bệnh, do bốn đại tăng giảm không hòa hợp nhau, khiến cho mệt mỏi, suy nhược; vì thế không thể tùy ý ngồi hoặc đứng, phải nằm luôn trên giường bệnh. Bốn đại của Như Lai không phải là không hòa hợp, sức lực nơi thân ngài vẫn đầy đủ, không hề suy yếu!

“Bạch Thế Tôn! Như sức lực của mười con bò nhỏ cũng không bằng một con bò lớn; mười con bò lớn cũng không bằng một con bò xanh; mười con bò xanh cũng không bằng một con voi nhà; mười con voi nhà cũng không bằng một con voi rừng; mười con voi rừng cũng không bằng một con voi hai ngà; mười con voi hai ngà cũng không bằng một con voi bốn ngà; mười con voi bốn ngà cũng không bằng một con voi trắng ở Tuyết sơn; mười con voi trắng ở Tuyết sơn cũng không bằng một con hương tượng; mười con hương tượng cũng không bằng một con voi xanh; mười con voi xanh cũng không bằng một con voi vàng; mười con voi vàng cũng không bằng một con voi đỏ; mười con voi đỏ cũng không bằng một con voi trắng; mười con voi trắng cũng không bằng

một con voi núi; mười con voi núi cũng không bằng một con voi ưu-bát-la; mười con voi ưu-bát-la cũng không bằng một con voi ba-đầu-ma; mười con voi ba-đầu-ma cũng không bằng một con voi câu-vật-đầu; mười con voi câu-vật-đầu cũng không bằng một con voi phân-đà-ly. [Nhưng] sức lực của mười con voi phân-đà-ly cũng không bằng chỉ một vị lực sĩ trong loài người; mười vị lực sĩ trong loài người cũng không bằng một vị bát-kiên-đê; mười vị bát-kiên-đê cũng không bằng một vị na-la-diên có tám cánh tay; mười vị na-la-diên cũng không bằng chỉ một khớp xương của vị Bồ Tát Thập trụ.

“Thế Tôn! Các khớp xương trong thân người phàm, khớp này chẳng chạm khớp kia. Các khớp xương của những vị lực sĩ trong loài người, đầu khớp xương này vừa đụng đầu khớp xương kia. Trong thân của những vị bát-kiên-đê, các khớp xương tiếp nối nhau. Trong thân của những vị na-la-diên, các khớp xương móc lại với nhau. Trong thân của vị Bồ Tát Thập trụ, các khớp của bộ xương liên kết liên lạc với nhau, dường như rồng uốn khúc. Cho nên sức lực của vị Bồ Tát [Thập trụ] là mạnh nhất. Vào lúc thế giới hình thành, Bồ Tát từ nơi bờ cõi Kim cang, đứng dậy khỏi tòa Kim cang, đi lên Đạo tràng nơi cội cây Bồ-đề. Bồ Tát ngồi nơi đó rồi, trong tâm liền được Mười sức.<sup>(8)</sup>

“Nay Như Lai chớ nên như đứa trẻ sơ sinh kia! Trẻ sơ sinh ngu dại, không có trí tuệ, không biết nói năng. Vì lẽ ấy, tùy ý nằm ngửa, nằm nghiêng đều không ai chê cười. Như Lai Thế Tôn có trí huệ lớn, soi sáng tất cả. Ngài là tinh hoa trong nhân loại, có đủ oai đức lớn, thành tựu thân thông, là bậc tiên nhân cao quý nhất, mãi mãi dứt tuyệt mọi sự nghi hoặc, đã nhổ xong tên

độc, đi đứng yên lành, oai nghi trọn vẹn, không có chỗ sợ sệt. Nay vì sao ngài lại nghiêng bên mặt mà nằm, khiến người ta và chư thiên phải ưu sầu khổ não?”

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp liền đối trước Phật đọc kệ rằng:

Đức Đại thánh Cồ-đàm!  
Xin khởi diễn diệu pháp.  
Chẳng nên như trẻ thơ,  
Như người bệnh liệt giường.

Bậc thầy cõi trời, người,  
Nằm dựa giữa đôi cây,  
Kẻ ngu, phàm phu thấy,  
Sẽ bảo là Niết-bàn.

Chẳng biết kinh Phương đẳng,  
Chỗ Phật hành sâu xa,  
Chẳng thấy tạng sâu kín,  
Như người mù nhìn đường.

Chỉ có chư Bồ Tát,  
Như Văn-thù-sư-lợi,  
Mới hiểu chỗ sâu xa,  
Ví như bậc thiện xạ.

Chư Thế Tôn ba đời,  
Căn bản là đại bi,  
Đại từ bi như vậy,  
Nay đang ở nơi nào?

Nếu không có đại bi,  
Thì chẳng gọi là Phật.

Nếu Phật vào Niết-bàn,  
Thì chẳng gọi là thường.

Xin nguyện đấng Vô thượng,  
Nghe lời chúng con thỉnh,  
Vì lợi ích chúng sanh.  
Hàng phục hết ngoại đạo.

Lúc ấy, đức Thế Tôn với lòng đại bi tràn ngập trong tâm, biết được hết thảy niệm tưởng của mỗi một chúng sanh. Ngài muốn tùy thuận cho họ được sự lợi ích rốt ráo, liền từ chỗ nằm ngồi dậy, ngồi theo kiểu kết già,<sup>(9)</sup> sắc mặt vui tươi sáng chói như sắc vàng ròng, đoan nghiêm như vàng trắng tròn, hình dung trong sạch chẳng chút bợn nhơ. Ngài phóng hào quang chói sáng, tràn khắp hư không. Hào quang ấy sáng hơn cả ánh sáng của trăm ngàn mặt trời, chiếu khắp các cõi Phật ở mười phương: đông, nam, tây, bắc và bốn phương kế cận, cùng phương trên và phương dưới. Ngài rộng lòng ban phát đức sáng đại trí tuệ cho khắp chúng sanh, khiến họ dứt trừ vô minh đen tối, khiến trăm ngàn ức na-do-tha chúng sanh đều được trụ yên nơi tâm Bồ-đề, không còn thối chuyển.

Bấy giờ, đức Thế Tôn trong lòng không chút nghi lự, như bậc sư tử chúa. Ngài dùng ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân<sup>(10)</sup> và tám mươi vẻ đẹp mà trang nghiêm thân mình. Hết thảy những lỗ chân lông trên thân ngài, mỗi một lỗ chân lông đều hiện ra một đóa hoa sen. Các hoa sen ấy rất đẹp, mỗi hoa có cả ngàn cánh, đều là màu vàng ròng, cuống hoa bằng lưu ly, nhụy hoa bằng kim cương, đài hoa bằng ngọc mân khô, hình lớn và tròn như bánh xe. Từ nơi các hoa sen ấy phóng ra hào quang đủ

màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, tía và màu pha lê. Các hào quang ấy đều tỏa chiếu ra khắp nơi, đến tận địa ngục A-tỳ, địa ngục Tưởng,<sup>(11)</sup> địa ngục Hắc thành, địa ngục Chúng hiệp, địa ngục Khiếu hoán, địa ngục Đại khiếu hoán, địa ngục Tập nhiệt, địa ngục Đại tập nhiệt. Đó là tám cõi địa ngục mà chúng sanh thường bị bức thiết bởi mọi nỗi khổ, như bị đốt, bị nấu, bị nướng, chém, đâm, xẻ, lột... Khi chúng sanh trong các cõi địa ngục gặp được hào quang ấy rồi, các nỗi khổ như trên liền tiêu diệt hết, trở nên an ổn, mát mẻ, khoái lạc vô cùng. Trong ánh hào quang ấy lại nghe có tiếng thuyết pháp về kho tàng Chánh pháp sâu kín của Như Lai, rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’ Chúng sanh ở địa ngục nghe như vậy rồi liền mạng chung, sanh lên các cõi người, cõi trời.

Hào quang ấy lại chiếu tới tám thứ địa ngục lạnh: địa ngục A-ba-ba, địa ngục A-tra-tra, địa ngục A-la-la, địa ngục A-bà-bà, địa ngục Ưu-bát-la, địa ngục Ba-đâu-ma, địa ngục Câu-vật-đâu, địa ngục Phân-đà-ly. Trong các cõi địa ngục này, chúng sanh thường bị bức nã bởi những nỗi khổ vì lạnh, như da thịt nứt nẻ, thân thể hư nát... tàn hại lẫn nhau. Gặp được hào quang ấy rồi, mọi nỗi khổ như vậy đều dứt tuyệt, họ được điều hòa, ấm áp, thích thú. Trong ánh hào quang ấy, lại cũng nghe có tiếng thuyết pháp về kho tàng Chánh pháp sâu kín của Như Lai, rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’ Các chúng sanh ở địa ngục nghe như vậy rồi liền mạng chung, sanh lên các cõi người, cõi trời.

Lúc ấy, ở cõi Diêm-phù-đề này cùng ở các thế giới khác, có bao nhiêu địa ngục thấy đều trống rỗng, không còn người chịu tội, chỉ trừ những kẻ nhất-xiển-đề.

Trong cõi nạ quý, chúng sanh bị bức thiết vì đói khát, tóc dài phủ xuống quấn quanh thân hình, trải qua trăm ngàn năm chưa từng được nghe đến tên gọi của nước, [huống gì là việc được ăn uống]! Khi gặp được hào quang ấy, sự đói khát của họ liền dứt ngay. Trong ánh hào quang ấy, lại cũng có tiếng thuyết pháp về kho tàng Chánh pháp sâu kín của Như Lai, rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’ Chúng sanh cõi nạ quý nghe như vậy rồi liền mạng chung, sanh lên các cõi người, cõi trời.

Lúc ấy, bao nhiêu cõi nạ quý đều trở nên trống rỗng, không còn người chịu tội, chỉ trừ những kẻ phỉ báng kinh điển Phương đẳng Đại thừa.

Trong cõi súc sanh, chúng sanh giết hại lẫn nhau, ăn thịt lẫn nhau. Những chúng sanh đó gặp được hào quang [từ các hoa sen của Phật chiếu ra] rồi, lòng oán hận liền dứt hết. Trong hào quang ấy cũng có tiếng thuyết pháp về kho tàng Chánh pháp sâu kín của Như Lai, rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’ Chúng sanh cõi súc sanh nghe rồi liền mạng chung, sanh lên cõi người, cõi trời.

Lúc ấy, cõi súc sanh cũng trở nên trống rỗng, chỉ còn lại những kẻ phỉ báng Chánh pháp.

Trên mỗi hoa sen đều [hóa hiện] có một đức Phật, có vàng hào quang tròn đường kính một tầm,<sup>(12)</sup> màu vàng sáng rực, đoan nghiêm vi diệu, cao trỗi không gì sánh bằng. Mỗi đức Phật đều có đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân mình. Trong các đức Thế Tôn ấy, có vị ngồi, có vị đi, có vị nằm, có vị đứng, có vị làm sấm sét, có vị tuôn mưa, có vị phóng ra chớp điện,

có vị làm nổi gió, cũng có vị làm xuất hiện khói lửa, thân như một đám lửa... Lại có vị hiện ra núi cao, ao suối, sông rạch, rừng núi cây cối thấy đều bằng bảy món báu. Cũng có vị thị hiện cõi nước bằng bảy món báu, có đủ thành ấp, làng xóm, cung điện, nhà cửa... Lại có vị thị hiện voi, ngựa, sư tử, cọp sói, chim sẻ, phụng hoàng... Cũng có vị thị hiện khiến cho chúng sanh ở Diêm-phù-đề thấy đều trông thấy các cõi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Lại có vị thị hiện sáu cảnh trời thuộc Dục giới.<sup>(13)</sup>

Lại có vị Thế Tôn giảng về âm, giới, nhập,<sup>(14)</sup> các yếu tố ấy có nhiều sự tai hại. Cũng có vị nói pháp Bốn thánh đế.<sup>(15)</sup> Hoặc có vị giảng về nhân duyên các pháp. Có vị lại dạy rằng các nghiệp phiền não đều do nhân duyên mà sanh. Cũng có vị nói về giáo lý ngã và vô ngã. Hoặc có vị giảng thuyết về hai pháp khổ và lạc. Cũng có vị nói về thường và vô thường. Lại có vị thuyết tịnh và bất tịnh. Lại có vị Thế Tôn vì chư Bồ Tát mà diễn thuyết sáu pháp Ba-la-mật mà mình đã tu hành. Cũng có vị nói chỗ được công đức của chư Đại Bồ Tát. Lại có vị nói chỗ được công đức của chư Phật Thế Tôn. Cũng có vị nói chỗ được công đức của người trong hàng Thanh văn. Lại có vị nói lẽ tùy thuận Nhất thừa. Cũng có vị nói Ba thừa thành đạo. Hoặc có vị Thế Tôn thị hiện phun nước ra từ hông bên tả, tuôn lửa ra từ hông bên hữu. Cũng có vị thị hiện dẫn sanh, xuất gia, ngồi nơi Đạo tràng tại gốc cây Bồ-đề, chuyển bánh xe diệu pháp, nhập Đại Niết-bàn. Lại có vị Thế Tôn phát ra tiếng [thuyết pháp] hùng hồn như sấm rống, khiến ai nấy trong hội của ngài đều đắc quả, như các quả thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, cho đến quả thứ tư.<sup>(16)</sup> Hoặc có vị giảng thuyết vô lượng nhân duyên lìa khỏi sanh tử.

Lúc ấy, trong cõi Diêm-phù-đề có những chúng sanh gặp được hào quang ấy rồi, kẻ mù liền được thấy, kẻ điếc được nghe, kẻ câm có thể nói, kẻ què có thể đi, kẻ nghèo được của cải, kẻ keo lặn sanh lòng bố thí, kẻ giận hờn sanh lòng từ hòa, kẻ bất tín lại sanh lòng tin... Như vậy, khắp thế giới không còn một chúng sanh nào làm việc ác, chỉ trừ những kẻ nhất-xiển-đề.

Lúc ấy, hết thấy các loài chúng sanh, từ chư thiên, loài rồng, quỷ thần, càn-thát-bà, a-tu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, la-sát, kiện-đà, ưu-ma-đà, a-bà-ma-la, loài người, loài phi nhân, đều cùng nhau xưng lên lời này: “Lành thay, lành thay! Bạc tôn quý cao trời nhất mang lại nhiều lợi ích.”

Nói ra lời ấy rồi, ai nấy đều lấy làm vui vẻ phấn khích, hoặc ca hoặc múa, hoặc chuyển động thân thể, rồi mang đủ các loại hoa đến rải cúng Phật và chư tăng, như hoa ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa ba-đầu-ma, hoa phân-đà-ly, hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la, hoa mạn-thù-sa, hoa ma-ha mạn-thù-sa, hoa tán-đà-na, hoa ma-ha tán-đà-na, hoa lô-chi-na, hoa ma-ha lô-chi-na, hoa hương, hoa đại hương, hoa thích ý, hoa đại thích ý, hoa ái kiến, hoa đại ái kiến, hoa đoan nghiêm, hoa đệ nhất đoan nghiêm... Ai nấy lại rải các thứ hương như hương trầm thủy, hương da-già-lâu, hương chiên-đàn, hương uất kim, hương được trộn lẫn nhiều loại, hương được tìm về từ các vùng ven biển... Lại còn đem các loại cờ báu, phướn, lọng và các loại nhạc khí cõi trời như đàn tranh, ống địch, sênh, sắt, không hầu... cùng trời lên để cúng dường Phật. Kế đó, họ đồng tụng kệ rằng:

Nay chúng con sẽ đại tinh tấn,

Vô thượng Chánh giác Lương túc tôn!<sup>(17)</sup>

Đại chúng: chư thiên, người chẳng rõ,  
Chỉ có Cồ-đàm<sup>(18)</sup> mới thấu đáo.

Thuở xưa Thế Tôn vì chúng con,  
Tu khổ hạnh trong vô lượng kiếp.  
Tại sao một ngày bỏ nguyện xưa,  
Buông xả thân mạng, vào Niết-bàn?

Tất cả chúng sanh không thể thấy  
Tạng sâu kín của Phật Thế Tôn.  
Vì nhân duyên ấy, khó ra khỏi,  
Luân hồi sanh tử, đọa ác đạo.

Như Phật có dạy: A-la-hán,  
Tất cả đều sẽ đến Niết-bàn.  
Chỗ Phật hạnh thâm sâu như vậy,  
Phàm phu ngu hèn sao biết được?  
Thí pháp cam lộ cho chúng sanh,  
Để giúp dứt trừ phiền não vậy.  
Nếu ai uống cam lộ đó rồi,  
Chẳng còn chịu sanh, già, bệnh, chết.

Như Lai dùng đó mà liệu trị,  
Trăm ngàn vô lượng các chúng sanh,  
Khiến ai mắc phải các bệnh nặng,  
Tất cả đều khỏi, không còn bệnh.

Thế Tôn từ lâu dứt bệnh khổ,  
Nên được xưng là Phật thứ bảy.<sup>(19)</sup>  
Hôm nay xin Phật rưới mưa pháp,  
Thấm nhuần mầm công đức chúng con.

Đại chúng, chư thiên và loài người đọc kệ thỉnh Phật  
như vậy rồi liền đứng yên.

Trong khi đại chúng tụng kệ ấy, tất cả chư Phật ngự  
trên các tòa sen từ cõi Diêm-phù-đề lên tới trời Tịnh  
cư,<sup>(20)</sup> thảy đều nghe rõ.

Lúc ấy, Phật bảo Ca-diếp: “Lành thay, lành thay!  
Thiện nam tử! Ông đã có đủ trí huệ thâm sâu và vi diệu  
như vậy, trí huệ ấy không thể bị tất cả chúng ma và  
ngoại đạo phá hoại.

“Thiện nam tử! Ông đã trụ yên, tất cả các luồng gió tà  
ác sẽ không làm cho ông nghiêng ngã được.

“Thiện nam tử! Ông nay đã thành tựu biện tài nhạo  
thuyết. Ông đã từng cúng dường chư Phật Thế Tôn đời  
quá khứ nhiều như số cát vô lượng sông Hằng, cho nên  
mới có thể thưa hỏi Như Lai Chánh giác về nghĩa như vậy.

“Thiện nam tử! Thuở xưa, cách nay vô lượng vô biên  
ức na-do-tha trăm ngàn vạn kiếp, ta đã dứt trừ gốc  
bệnh, lia hẳn những sự nằm, dựa...

“Ca-diếp! Về thuở quá khứ, cách nay vô lượng a-tăng-  
kỳ kiếp, có một đức Phật ra đời, hiệu là Vô Thượng Thắng  
Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc,  
Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng  
phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Ngài có thuyết  
kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này với hàng Thanh văn,  
mở bày chỉ bảo, phân biệt, hiển phát nghĩa lý. Thuở ấy,  
ta cũng làm một vị Thanh văn trong đồ chúng của đức  
Phật ấy, thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn này, đọc tụng  
thông suốt, sao chép trọn quyển kinh, lại vì người khác  
mà mở bày chỉ bảo, phân biệt, thuyết giảng nghĩa lý. Ta



lại đem căn lành ấy hồi hướng đến quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Từ thuở đó cho đến nay, ta chưa từng có những nghiệp duyên khổ não hoặc nghiệp dữ khiến đọa ác đạo như: phỉ báng Chánh pháp, làm kẻ nhất-xiển-đề, mang thân hoàng môn,<sup>(21)</sup> thân không căn, thân hai căn,<sup>(22)</sup> phản nghịch với cha mẹ, giết A-la-hán, phá chùa tháp, hủy hoại Chúng tăng, làm thân Phật chảy máu, phạm Bốn cấm giới nặng. Từ đó đến nay, thân tâm ta luôn được an ổn, không có các khổ não.

“Ca-diếp! Nay ta thật không có bất kỳ bệnh tật gì. Vì sao vậy? Vì chư Phật Thế Tôn từ lâu đã lìa xa hết thầy bệnh tật.

“Ca-diếp! Chúng sanh chẳng biết giáo pháp sâu kín của kinh Phương đẳng Đại thừa, cho nên nói rằng Như Lai thật có bệnh.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘Như Lai là sư tử trong loài người’, nhưng Như Lai thật chẳng phải sư tử! Lời nói như vậy tức là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘Như Lai là rồng lớn trong loài người’, nhưng trải qua vô lượng kiếp ta đã lìa bỏ nghiệp [súc sanh] ấy rồi.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘Như Lai là người, là trời’, nhưng ta thật chẳng phải người, chẳng phải trời, cũng chẳng phải quỷ thần, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la già, chẳng phải ngã, chẳng phải [có thọ] mạng, chẳng phải nhờ dưỡng dục mà thành, chẳng phải linh hồn, chẳng phải làm, chẳng phải không làm, chẳng phải thọ, chẳng phải không thọ, chẳng phải Thế

Tôn, chẳng phải Thanh văn, chẳng phải thuyết, chẳng phải không thuyết. Những lời nói như vậy đều là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Này Ca-diếp! Ví như nói ‘Như Lai như biển cả, như núi chúa Tu-di’, nhưng Như Lai thật chẳng phải vị mặn [của biển], cũng chẳng phải [vô tri] như núi đá. Nên biết rằng những lời nói như vậy cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘Như Lai như hoa phân-đà-ly’, nhưng ta thật chẳng phải hoa phân-đà-ly. Lời nói như vậy tức là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘Như Lai như cha mẹ’, nhưng Như Lai thật không phải cha mẹ. Lời nói như vậy cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘Như Lai là đại thuyên sư’, nhưng Như Lai thật chẳng phải là thuyên sư. Lời nói như vậy cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘Như Lai như vị thương chủ’,<sup>(23)</sup> nhưng Như Lai thật chẳng phải là thương chủ. Lời nói như vậy cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘Như Lai có thể hàng phục ma’, nhưng Như Lai thật không có lòng ác, muốn cho kẻ khác phải khuất phục mình. Lời nói như vậy thầy đều là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘Như Lai có thể trị ghê độc’, nhưng ta thật chẳng phải là thầy thuốc trị bệnh ghê. Lời nói như vậy cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Như trước đây ta có nói: ‘Như có kẻ nam, người nữ lòng lành biết tu chỉnh, sửa trị ba nghiệp của thân, khẩu và ý, khi người ấy bỏ thân mạng, dù thân

quyển có đem thi hài thiêu trong lửa, hoặc thả xuống nước, hoặc để nơi nghĩa địa, bấy giờ chôn, sỏi, cầm thú tranh nhau mà ăn thân xác ấy, còn tâm thức người ấy liền sanh về cõi lành. Nhưng thật ra tâm thức ấy không có đi lại, cũng không có chỗ đến, chỉ là trước sau có chỗ giống nhau, nối tiếp nhau, tướng mạo chẳng khác. Lời nói như vậy cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Nay ta nói rằng ta có bệnh, cũng là như vậy, cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai. Cho nên ta sai bảo Văn-thù-sư-lợi rằng: ‘Nay ta đau nhức lưng. Các ông nên vì Bốn chúng mà thuyết pháp.’

“Ca-diếp! Như Lai Chánh giác thật không có bệnh mà phải nằm nghiêng bên mặt, ngài cũng không buông hết tất cả mà vào Niết-bàn.

“Ca-diếp! Đại Niết-bàn ấy tức là thiên định thâm sâu của chư Phật. Thiên định như vậy chẳng phải là chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể làm được.

“Ca-diếp! Trước ông có hỏi: ‘Vì sao Như Lai nằm tựa chẳng dậy, chẳng đòi ăn uống, chẳng dạy bảo người nhà việc xây dựng sự nghiệp?’

“Ca-diếp! Tánh của hư không vốn không có ngòi dậy, đòi hỏi ăn uống, dạy bảo người nhà việc xây dựng sự nghiệp. Cũng không có sự đi lại, sanh diệt, già trẻ, hiện ra hay mất đi, thương tổn, bẻ nát, giải thoát, trói buộc. Cũng chẳng tự nói, chẳng nói kẻ khác. Cũng chẳng tự hiểu, chẳng hiểu kẻ khác, chẳng phải yên lành, chẳng phải bệnh hoạn...

“Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn cũng vậy, dường như hư không. Làm sao có các loại bệnh khổ?

“Ca-diếp! Thế gian có ba loại bệnh nặng khó trị: một là phỉ báng Đại thừa, hai là phạm Năm tội nghịch, ba là nhất-xiển-đề. Ba loại bệnh ấy là nặng nhất trong đời, chẳng phải sức của Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát có thể liệu trị nổi.

“Thiện nam tử! Ví như người có bệnh nhất định phải chết thì khó mà trị được. Dù có khám bệnh, chăm sóc tử tế, cho dùng thuốc thang; hoặc không khám bệnh, không chăm sóc, không cho dùng thuốc thang, bệnh ấy vẫn chắc chắn là không thể liệu trị. Nên biết rằng người bệnh ấy nhất định phải chết, không nghi ngờ gì nữa!

“Thiện nam tử! Ba loại người nói trên cũng vậy, dù cho các vị Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát có thuyết pháp hay không thuyết pháp [cho họ nghe] cũng không thể khiến họ phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Ca-diếp! Ví như người bệnh, nếu được khám bệnh, chăm sóc tử tế, cho dùng thuốc thang, ắt có thể khỏi bệnh. Nếu không có ba việc ấy thì không thể khỏi bệnh. Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng vậy, nhờ nương theo Phật, Bồ Tát, được nghe Chánh pháp rồi liền có thể phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; không thể không nhờ nghe Chánh pháp mà có thể phát tâm.

“Ca-diếp! Ví như có loại bệnh, dù có xem bệnh, chiều thuận theo ý, dùng thuốc thang, hoặc không xem bệnh, chiều thuận theo ý, dùng thuốc thang, cũng vẫn được khỏi bệnh. Có một hạng người cũng giống như vậy, dù gặp Thanh văn hay chẳng gặp Thanh văn, dù gặp Duyên giác hay chẳng gặp Duyên giác, dù gặp Bồ Tát hay chẳng gặp Bồ Tát, dù gặp Như Lai hay chẳng gặp

Như Lai, dù được nghe Chánh pháp hay chẳng được nghe Chánh pháp, vẫn tự nhiên được thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó là những người hoặc vì thân mình, hoặc vì thân người, hoặc vì sợ sệt, hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì nịnh bợ, hoặc vì dối gạt người khác mà sao chép kinh Đại Niết-bàn này, [lại hết lòng] thọ trì, đọc tụng, cung kính cúng dường, vì người khác mà giảng giải kinh này.

“Ca-diếp! Có năm hạng người tu tập kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này còn có chỗ sai lầm, chưa phải là Như Lai. Đó là năm hạng người nào?”

“Một là những người cắt đứt ba mối trói buộc,<sup>(24)</sup> đạt được quả Tu-đà-hoàn, không đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, còn tái sanh bảy lần trong cõi trời người, vĩnh viễn dứt trừ các nỗi khổ, vào nơi Niết-bàn. Ca-diếp! Đó gọi là hạng người thứ nhất còn có chỗ sai lầm. Hạng người ấy trong tương lai, trải qua tám vạn kiếp sẽ được thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Hai là những người cắt đứt ba mối trói buộc, giảm dần tham, sân, si, đạt được quả Tư-đà-hàm, gọi là Nhất vĩng lai,<sup>(25)</sup> vĩnh viễn dứt trừ các nỗi khổ, vào nơi Niết-bàn. Ca-diếp! Đó gọi là hạng người thứ nhì còn có chỗ sai lầm. Hạng người ấy trong tương lai, trải qua sáu vạn kiếp sẽ được thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Ba là những người cắt đứt năm mối trói buộc,<sup>(26)</sup> đạt được quả A-na-hàm, chẳng còn trở lại cõi này, vĩnh viễn dứt trừ các nỗi khổ, vào nơi Niết-bàn. Đó gọi là hạng người thứ ba còn có chỗ sai lầm. Hạng người ấy trong tương lai, trải qua bốn vạn kiếp sẽ được thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Bốn là những người dứt tuyệt tham dục, sân khuể, ngu si, đạt được quả A-la-hán, không còn phiền não, vào nơi Niết-bàn, nhưng chưa thành tựu hạnh kỳ lân đứng riêng một mình. Đó gọi là hạng người thứ tư còn có chỗ sai lầm. Hạng người ấy trong tương lai, trải qua hai vạn kiếp sẽ được thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Năm là những người dứt tuyệt tham dục, sân khuể, ngu si, thành tựu quả Phật Bích-chi, không còn phiền não, vào nơi Niết-bàn. Người ấy thật đã thành tựu hạnh kỳ lân đứng riêng một mình. Đó gọi là hạng người thứ năm còn có chỗ sai lầm. Hạng người ấy trong tương lai, trải qua một vạn kiếp sẽ được thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Ca-diếp! Đó gọi là năm hạng người còn có chỗ sai lầm, chẳng phải là Như Lai.”

## PHẨM THÁNH HẠNH

### Phẩm thứ bảy - Phân một<sup>(27)</sup>

Lúc ấy, đức Phật dạy Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát nên đối với kinh Đại Niết-bàn này, chuyên tâm suy xét về năm hạnh. Những gì là năm hạnh? Một là Thánh hạnh, hai là Phạm hạnh, ba là Thiên hạnh, bốn là Anh nhi hạnh và năm là Bệnh hạnh.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thường nên tu tập năm công hạnh ấy. Lại còn một hạnh nữa gọi là hạnh Như Lai, đó là nói kinh Đại thừa Đại Niết-bàn.

“Ca-diếp! Bồ Tát ma-ha-tát tu tập Thánh hạnh như thế nào? Bồ Tát ma-ha-tát hoặc theo Thanh văn, hoặc theo Như Lai, được nghe kinh Đại Niết-bàn này; nghe rồi liền sanh lòng tin. Tin rồi nên suy xét rằng: ‘Chư Phật Thế Tôn có đạo cao trời hơn hết, có Chánh pháp lớn lao, có Đại chúng tu hành chân chánh, lại có kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Nay ta nên vì lòng ái mộ và ham muốn kinh Đại thừa mà lìa bỏ vợ con, quyến thuộc thân ái, nơi ăn chốn ở, vàng bạc trân bảo, chuỗi ngọc tốt đẹp, hương hoa kỹ nhạc, tôi tớ hầu hạ gái trai lớn nhỏ, voi ngựa xe cộ, bò dê gà chó... mọi thứ.’

“Lại suy xét rằng: ‘Đời sống gia đình chật hẹp tù túng, dường như lao ngục, hết thấy phiền não đều do đó mà sanh ra. Xuất gia thì rộng rãi thoáng đãng, dường như hư không, tất cả pháp lành do đó mà nảy nở, tăng trưởng. Nếu ở nhà thì chẳng được suốt đời tu tập hạnh thanh tịnh. Nay ta nên cạo râu xuống tóc, xuất gia học đạo.’ Suy xét như vậy rồi, tự thấy nhất định phải xuất gia tu học đạo Bồ-đề vô thượng chân chánh.

“Khi Bồ Tát muốn xuất gia như vậy, thiên ma Ba-tuần hết sức khổ não, tự nói rằng: ‘Bồ Tát ấy rồi sẽ cùng ta khởi cuộc chiến tranh.’ Thiện nam tử! Nhưng vị Bồ Tát như vậy có lý nào lại gây sự chiến tranh với kẻ khác?

“Lúc ấy, Bồ Tát liền đến Tăng phò (28) Nếu gặp được Như Lai và đệ tử Phật, oai nghi đầy đủ, các căn an tịnh, trong lòng liền được nhu hòa, trong sạch, tịch diệt, liền cầu xin xuất gia, cạo râu xuống tóc, mặc ba tấm pháp y. (29) Khi xuất gia rồi, nghiêm giữ mọi giới cấm, oai nghi trọn đủ, đi đứng an tịnh, không xúc phạm bất cứ ai; cho đến đối với tội nhỏ cũng sanh lòng sợ sệt. Tâm giữ giới của Bồ Tát ấy bền chắc như kim cương.

“Thiện nam tử! Ví như có người dùng một cái phao để bơi qua biển cả. Bấy giờ, giữa biển có một quỷ la-sát bám theo người ấy hỏi xin cái phao. Nghe xong, người ấy liền suy nghĩ rằng: ‘Nay nếu ta cho cái phao, ắt phải bị chết chìm.’ Bèn đáp rằng: ‘La-sát! Thà người giết ta đi, chứ người không thể lấy cái phao này.’

“La-sát lại nói rằng: ‘Nếu ông không thể cho tôi cái phao, thì xin thương tình cho tôi phân nửa.’ Người ấy cũng không chịu.

“La-sát lại nói: ‘Nếu không thể cho tôi phân nửa, mong ông rủ lòng cho tôi một phần ba.’ Người ấy cũng chẳng thuận.

“La-sát lại năn nỉ: ‘Nếu chẳng được vậy, cũng nên thí cho tôi một miếng chỉ bằng bàn tay.’ Người ấy cũng nhất định không chịu.

“La-sát lại nói: ‘Nay nếu ông không thể cho tôi một miếng bằng bàn tay, tôi đây phải chịu đói khổ bức bách. Cầu xin ông giúp cho tôi một mảnh nhỏ bằng hạt bụi cũng được.’

“Người ấy đáp rằng: ‘Chỗ đòi hỏi của ông thật cũng không nhiều. Nhưng nay tôi phải vượt biển, không biết gần xa như thế nào. Nếu tôi cho ông dù một mảnh nhỏ, không khí trong phao sẽ theo đó mà thoát dần ra hết. Như vậy tôi biết nhờ vào đâu để vượt qua biển cả? Giữa đường ắt phải chìm xuống nước mà chết!’

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát giữ gìn giới cấm cũng vậy, như người vượt biển khéo giữ gìn cái phao. Bồ Tát trong khi giữ gìn giới cấm như vậy, thường có bọn la-sát hung dữ là các phiền não đến nói rằng: ‘Ông nên tin tôi, tôi chẳng bao giờ lại lừa dối ông. Nếu chỉ phá Bốn giới cấm nặng thôi, còn giữ đủ các giới khác; nhờ nhân duyên

ấy sẽ vẫn được yên ổn, vào Niết-bàn.’ Lúc ấy, Bồ Tát nên đáp rằng: ‘Thà ta giữ giới cấm ấy mà vào địa ngục A-tỳ chứ quyết không hủy phạm để sanh lên cõi trời.’

“La-sát phiến não lại nói rằng: ‘Như ông không thể phá Bốn giới cấm nặng, vậy nên phá các giới tăng tàn. Nhờ nhân duyên ấy, ông sẽ được yên ổn, được vào Niết-bàn.’ Bồ Tát cũng không nên nghe theo lời xúi giục ấy.

“La-sát lại nói rằng: ‘Như ông không thể phạm các giới tăng tàn, cũng nên phạm tội thâm-lan-già. Nhờ nhân duyên ấy, ông sẽ được yên ổn và được vào Niết-bàn.’” Lúc ấy, Bồ Tát cũng chẳng nghe theo.

“La-sát lại xúi giục rằng: ‘Như ông không thể phạm thâm-lan-già, vậy ông có thể phạm xả đọa. Nhờ nhân duyên ấy, ông sẽ được yên ổn, được vào Niết-bàn.’ Lúc ấy Bồ Tát cũng chẳng nghe theo.

“La-sát lại nói rằng: ‘Như ông không thể phạm xả đọa, nên phạm ba-dật-đề. Nhờ nhân duyên ấy, ông sẽ được yên ổn, được vào Niết-bàn.’ Lúc ấy, Bồ Tát cũng chẳng nghe theo.

“La-sát nói tiếp rằng: ‘Như ông không thể phạm ba-dật-đề, tôi xin ông hãy hủy phá giới đột-kiết-la. Nhờ nhân duyên ấy, ông sẽ được yên ổn, được vào Niết-bàn.’

“Lúc ấy, Bồ Tát tự suy nghĩ rằng: ‘Ngày nay, nếu ta phạm tội đột-kiết-la và không tự bộc lộ, ắt ta không thể sang đến bờ bên kia của biển sanh tử mà được Niết-bàn.’ Bồ Tát ma-ha-tát đối với các giới nhỏ nhất trong giới luật cũng giữ gìn một cách kiên cố, tâm bền chắc như kim cương.

“Bồ Tát ma-ha-tát giữ gìn Bốn giới cấm nặng cho đến các giới đột-kiết-la,<sup>(30)</sup> kiên trì cẩn trọng như nhau,

không có sai khác. Nếu Bồ Tát giữ gìn được kiên trì như vậy tức là thành tựu đủ năm phần của giới. Đó là thành tựu giới làm thanh tịnh các nghiệp căn bản của Bồ Tát; giới làm thanh tịnh các hành vi liên quan khác trước đây và sau này; giới làm thanh tịnh sự nhận thức, thấy biết, xa lìa những nhận thức sai lầm, xấu ác; giới làm thanh tịnh mọi ý niệm, luôn duy trì, giữ gìn chánh niệm; và giới hồi hướng [mọi công đức] về quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Ca-diếp! Vị Bồ Tát ma-ha-tát này lại có đủ hai thứ giới. Một là giới nhận lãnh thọ học những kiến thức thế tục, hai là giới thành tựu Chánh pháp. Nếu Bồ Tát giữ giới thành tựu Chánh pháp thì không bao giờ làm việc xấu ác. Nếu muốn giữ giới nhận lãnh thọ học những kiến thức thế tục thì trước phải theo đúng pháp tác bạch tứ Yết-ma rồi sau mới được thọ nhận.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có hai thứ giới: một là giới có tính chất quan trọng, hai là giới nhằm ngăn ngừa sự ganh ghét của thế gian. Giới có tính chất quan trọng là nói Bốn giới cấm nặng. Giới ngăn ngừa sự ganh ghét của thế gian là không làm [những điều như] buôn bán, cân non, đong thiếu, dối gạt người khác, cậy thế lực kẻ khác, chiếm đoạt tài vật người khác, cố ý hại người, phá hoại sự thành công của người khác, [lười nhác] ngủ ngày, làm ruộng, trồng cây, khuếch trương sự nghiệp riêng; không [vì lợi mà] nuôi voi, ngựa, bò, dê, lạc đà, lừa, gà, chó, khỉ, chim sẻ, chim két, chim cộng-mạng, câu-chỉ-la, chó sói, cọp, beo, mèo, chồn... hoặc các thú dữ khác; không tích lũy, chứa giữ những thứ như xe cộ, kẻ hầu hạ trai, gái, lớn, nhỏ... hoặc vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, san hô, ngọc bích, các thứ ngọc thạch, chén

bát bằng đồng đỏ, thiếc trắng và bằng thau, y phục dệt bằng lông thú hoặc ghép bằng lông chim, tất cả các giống lúa, gạo, lúa mạch lớn, lúa mạch nhỏ, đậu, mè, bắp, nếp, đồ ăn còn sống hoặc nấu chín...

“[Người giữ giới] chỉ ăn mỗi ngày một bữa, đã ăn rồi thì không ăn nữa. Nếu đi khát thực hoặc khi ăn chung với Chúng tăng thường tự biết no bụng thì dừng, không nhận sự mời thỉnh đặc biệt. Không ăn thịt, không uống rượu, không ăn năm món cay nồng.<sup>(31)</sup> Nhờ vậy trong thân không có mùi hôi, thường được chư thiên và tất cả người đời cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen. [Những kẻ] nhanh chân bước vội vì miếng ăn, rốt cùng không thể được sống lâu. [Người giữ giới chỉ] nhận lãnh y phục vừa đủ che thân; dù đi tới đâu cũng luôn có đủ ba tấm pháp y và bình bát, không lìa hai món ấy, như con chim không lìa đôi cánh.

“[Người giữ giới] không tích lũy chứa giữ các loại củ rễ, thân, mắt ghép, nhánh ghép, hạt giống của cây. Không tích lũy chứa giữ kho báu như vàng, bạc, đồ ăn uống chất chứa nơi nhà bếp và trong kho hầm, áo quần, đồ trang sức, giường cao rộng lớn, giường bằng ngà voi và bằng vàng, những món thêu dệt sắc sỡ chẳng nên dùng làm nệm ngồi. Không chứa trữ những chiếu dệt bằng các nguyên liệu nhỏ mịn. Không ngồi trên bành voi, yên ngựa... Không được dùng loại vải nhỏ mịn và đẹp mà trải giường nằm. Ở đầu giường không được để hai cái gối, cũng không được nhận giữ gối rất đẹp màu đỏ hoặc gối bằng cây sơn thếp màu vàng. Không khi nào xem những cuộc đấu nhau giữa voi, ngựa, chiến xa, quân đội, [cho đến] đàn ông, đàn bà, bò, dê, trâu, gà, trĩ, kết... cũng không được cố ý đến xem chiến trận.

“[Người giữ giới cũng] không được lắng nghe những tiếng sáo, địch, ốc tù và, tiếng trống, tiếng đàn cầm, đàn sắt, đàn tranh, đàn không hầu... cùng mọi tiếng ca nhạc múa hát, chỉ trừ [những âm thanh để dâng lên] cúng dường Phật. Không tham gia các trò vui đánh cờ, bài bạc, trò ba-la-tắc.<sup>(32)</sup> Không xem các loài sư tử, voi đấu nhau, không chơi đánh cờ, sáu môn cờ bạc ăn thua, đánh cầu, ném đá, thả hồ, dắt đường, chơi cờ tám đường quanh thành,<sup>(33)</sup> [nói chung] hết thấy mọi trò vui đùa bốn cột đều không nên tham dự hoặc đến xem...

“[Người giữ giới cũng] không được xem tướng tay, chân, mặt, mắt... Không được dùng móng chân, móng tay, gương soi, cỏ thi, nhành dương, bát thủ, sọ người mà làm quẻ bói. Cũng không được ngược nhìn các vì sao trên trời, trừ phi để phá tan cơn buồn ngủ. Không được nhận những sứ mạng đi lại do kẻ có quyền chức giao phó, không đem việc người này nói với người kia, đem việc người kia nói với người này... Không bỏ dỡ nịnh hót, sống bằng tà mạng.<sup>(34)</sup> Cũng không được nói việc vua quan, trộm cướp, đấu tranh, ăn uống, cùng những việc thất mùa đói kém, lo âu sợ sệt, no đủ, vui sướng, an ổn trong cõi nước.

“Thiện nam tử! Đó gọi là giới mà vị Bồ Tát giữ theo để ngăn ngừa sự ganh ghét của thế gian. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát giữ trọn những giới ngăn che, chế ngự như vậy, cũng không hề xem nhẹ hơn các giới có tính chất quan trọng.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát sau khi thọ trì các giới cấm như vậy rồi, liền phát nguyện rằng: ‘Thà [tôi] đem thân này lao vào hầm sâu lửa dữ chứ quyết không bao giờ hủy phạm các giới cấm mà chư Phật quá khứ, vị

lai và hiện tại đã chế định, [chẳng hạn như] làm những việc không trong sạch với người nữ thuộc dòng sát-ly, bà-la-môn, trưởng giả hay cư sĩ..’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại phát nguyện rằng: ‘Thà ta dùng sắt nóng đập quanh thân hình chứ quyết không bao giờ dám nhận y phục của người đàn việt có tín tâm khi tự mình đã phá giới.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại phát nguyện rằng: ‘Thà ta bỏ hòn sắt nóng vào miệng nuốt chứ quyết không bao giờ dám dùng đến những thức ăn uống của người đàn việt có tín tâm khi tự mình đã phá giới.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà nằm trên sắt nóng chứ quyết không bao giờ dám thọ nhận giường nằm, nệm gối của người đàn việt có tín tâm khi tự mình đã phá giới.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại phát nguyện rằng: ‘Thà thân ta phải chịu đựng ba trăm mũi giáo chứ quyết không bao giờ dám nhận thuốc men của người đàn việt có tín tâm khi tự mình đã phá giới.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà nhảy vào nồi sắt nóng chứ quyết không bao giờ dám thọ nhận phòng ốc, nhà cửa của người đàn việt có tín tâm khi tự mình đã phá giới.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà tự dùng chùy sắt đập nát toàn thân này thành bụi nhỏ chứ quyết không bao giờ dám thọ nhận sự cung kính lễ bái của các hàng sát-ly, bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ... khi tự mình đã phá giới.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà dùng lưỡi đao, giáo bằng sắt nóng

mà tự khoét hai mắt ra chứ quyết không bao giờ đem tâm nhiễm ô nhìn những hình sắc đẹp bên ngoài.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà lấy dùi sắt tự đâm thủng lỗ tai chứ quyết không bao giờ đem tâm nhiễm ô mà lắng nghe những âm thanh hay lạ [của thế tục].’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà lấy dao bén tự cắt bỏ mũi mình chứ quyết không bao giờ đem tâm nhiễm ô mà tham ngửi các mùi thơm.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà lấy dao bén tự cắt đứt lưỡi mình chứ quyết không bao giờ đem tâm nhiễm ô mà tham đắm những vị ngon.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà dùng lưỡi búa sắc bén tự chặt đứt thân mình, chứ quyết không bao giờ đem tâm nhiễm ô mà tham đắm những sự xúc chạm êm ái.’

“Vì sao vậy? Vì những nhân duyên ấy có thể làm cho người tu hành đọa vào nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

“Ca-diếp! Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát giữ gìn giới cấm. Bồ Tát ma-ha-tát giữ gìn các giới cấm như vậy rồi, liền bố thí [mọi công đức thành tựu] cho hết thảy chúng sanh. Vì nhân duyên ấy, nguyện cho tất cả chúng sanh đều giữ gìn giới cấm, được giới thanh tịnh, giới tốt lành, giới không thiếu sót, giới không bị hủy phá, giới Đại thừa, giới không thoái chuyển, giới tùy thuận, giới rốt ráo, giới thành tựu đầy đủ các pháp ba-la-mật.

“Thiện nam tử! Khi Bồ Tát ma-ha-tát tu trì giới thanh tịnh như vậy, liền được bắt đầu trụ vào địa vị Bất động.<sup>(35)</sup> Sao gọi là địa vị Bất động? Bồ Tát trụ vào địa vị

Bất động thì không còn có những sự dao động, sa đọa, thoái chuyển hay tán thất.

“Thiện nam tử! Ví như núi Tu-di, lốc xoáy và những cơn gió mạnh không thể làm cho núi ấy lay động, sụp đổ, đẩy lùi hay vỡ nát. Vị Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở địa vị Bất động cũng vậy, không hề bị dao động vì hình sắc, âm thanh, hương vị, xúc cảm... không còn bị sa đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, không thể thoái lui trở lại địa vị Thanh văn, Phật Bích chi, không bị những luồng gió tà kiến làm cho tán loạn mà rơi vào nếp sống tà vạy không chân chánh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bất động còn có nghĩa là không bị dao động bởi tham dục, sân khuê, ngu si; không sa đọa còn có nghĩa là không rơi vào Bốn cấm giới nặng; không thoái chuyển còn có nghĩa là không thoái lui, buông bỏ giới luật mà quay về đời sống thế tục; không tán thất còn có nghĩa là không vì trái nghịch với kinh điển Đại thừa mà phải bị tán loạn, hư hoại mất.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát cũng không bị các ma phiến não làm khuynh động, không bị ma năm ấm làm sa đọa. Cho đến khi [sắp thành đạo] ngồi nơi đạo tràng dưới cội cây Bồ-đề, tuy có chúng ma từ cõi trời đến quấy phá cũng không thể làm cho Bồ Tát thoái lui đối với quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bồ Tát cũng không còn bị ma chết làm tán hoại.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát tu tập Thánh hạnh.

“Thiện nam tử! Sao gọi là Thánh hạnh? Thánh hạnh, đó là chỗ hành trì của Phật và Bồ Tát. Vì thế nên gọi là Thánh hạnh.

“Vì sao gọi chư Phật, Bồ Tát là thánh nhân? Vì các vị

ấy có pháp của bậc thánh, thường quán xét tánh rỗng không vắng lặng của các pháp. Vì nghĩa ấy, nên gọi là thánh nhân. Vì có giới của bậc thánh nên gọi là thánh nhân. Vì có định, huệ của bậc thánh nên gọi là thánh nhân. Vì có Bảy món báu của bậc Thánh là: tín, giới, tàm, quý,<sup>(36)</sup> đa văn, trí huệ, xả ly, cho nên gọi là Thánh nhân. Lại có bảy Thánh giác<sup>(37)</sup> nên gọi là Thánh nhân. Vì nghĩa ấy, nên lại gọi là Thánh hạnh.”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN MƯỜI MỘT



## CHÚ GIẢI

1. Giới độ: tức Thi ba-la-mật (*śīla-pāramitā*), hay Thi-la ba-la-mật, tức Giới ba-la-mật, hay Trì giới ba-la-mật, cũng gọi là Giới độ.
2. Tam-ma-bạt-đề (*samādhi*), tức là Tam-muội, cũng đọc là Tam-ma-đề hay Tam-ma-địa, Hán dịch nghĩa là Thiền định hay Đại định, chỉ pháp tu đạt đến chỗ thân và tâm không còn xao động, dứt hết vọng tưởng, tà kiến, thể nhập Pháp thân của chư Phật.
3. Các pháp tu chánh cần, tức Tứ chánh cần (*samyak-prahāṇāni*), cũng gọi là Bốn tinh tấn, bao gồm: 1. Tinh tấn trừ bỏ các điều ác chưa sanh khởi (Sanskrit: *anuttannapāpakākūśaladharmā*); 2. Tinh tấn vượt qua những điều ác đã sanh khởi (Sanskrit: *utpanna-pāpakākūśala-dharma*); 3. Tinh tấn phát huy các điều thiện đã có (Sanskrit: *utpannakūśala-dharma*); 4. Tinh tấn làm cho các điều thiện phát sanh (Sanskrit: *anuttannakūśala-dharma*). Tu tập Bốn chánh cần cũng chính là Chánh tinh tấn trong Bát chánh đạo.
4. Bậc Voi chúa trong loài người: chỉ các vị Đại Bồ Tát, đều là những vị kiệt xuất nhất trong loài người.
5. A-già-đà, dịch nghĩa là phổ khứ, là loại thuốc có công hiệu phòng ngừa và điều trị được mọi thứ bệnh, mọi thứ chất độc.
6. Na-do-tha, con số đo lường rất lớn, có người nói là vạn ức, có người nói là ngàn ức, hoặc ngàn vạn ức. Đây nên hiểu là một con số tượng trưng rất lớn.
7. Chín mươi lăm nhóm ngoại đạo: chỉ tất cả các giáo phái ngoại đạo vào thời đức Phật. Nhiều bản luận giải về sau cũng căn cứ vào đây khi nói về chúng ngoại đạo thời đức Phật.
8. Mười sức: Ở đây chỉ Thập lực của Phật.
9. Kết già: nói đủ là kết già phu tọa, Phạn ngữ là *nyaṣīdat-paryāṅkam ābhujya*, là cách ngồi theo tư thế tỳ lê, vững chãi như hoa sen, nên cũng gọi là dũng kiên tọa hay liên hoa tọa. Dân gian quen gọi là ngồi xếp bằng. Đây là cách ngồi được áp dụng trong tất cả các pháp môn của đạo Phật, dù là Tiểu thừa hay Đại thừa, Tịnh độ hay Thiền tông, khi hạ thủ công phu trước hết đều phải dùng đến cách ngồi an ổn này. Nếu cả hai chân đều giao nhau thì là toàn già tọa; nếu chân này gác trên chân kia thì gọi là bán già tọa. Có hai cách áp dụng phổ biến: 1. Trước hết đặt chân phải trên đùi trái, sau đó đặt chân trái trên đùi phải, hai lòng bàn chân ngửa lên, nằm trên hai bắp vế, lòng bàn tay cũng ngửa lên, tay trái đặt trên tay phải. Cách ngồi này gọi là Hàng ma tọa. Các tông Thiên Thai, Thiền tông... và đa số các tông Hiển giáo đều theo cách ngồi này. 2. Trước hết đặt chân trái trên đùi phải, sau đó đặt chân phải trên đùi trái, lòng bàn tay phải đặt trên lòng

bàn tay trái, tất cả bàn tay và bàn chân đều ngửa lên. Cách ngồi này gọi là Cát tường tọa. Mặt tông gọi là Liên hoa tọa.

10. Theo tướng pháp của Ấn Độ thời cổ thì tất cả các bậc thánh nhân (đại nhân) đều có đủ 32 tướng tốt, không chỉ riêng đức Phật. Trong kinh Kim cang đức Phật cũng từng dạy rằng, không thể dùng 32 tướng tốt để xác định đó là Phật hay không phải Phật.
11. Tướng địa ngục, còn gọi là Đẳng hoạt địa ngục, là cõi địa ngục mà tội nhân bị khổ sở đến mức tưởng như mình đã chết, rồi nhờ có gió lạnh thổi đến mà sống lại.
12. Theo đơn vị đo lường thời cổ thì mỗi tầm có thể vào khoảng 2,64 mét.
13. Sáu cảnh trời thuộc Dục giới (Dục giới Lục thiên): 1. Tứ thiên vương thiên, 2. Đao-lợi thiên (Tam thập tam thiên), 3. Dạ ma thiên, 4. Đâu-suất thiên 5. Hóa lạc thiên 6. Tha hóa tự tại thiên.
14. Ấm, giới, nhập: Ba yếu tố hiện hữu ở mọi chúng sanh. Ấm là năm ấm (hay năm uẩn): sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhập là mười hai nhập: sáu căn nhập với sáu trần, sáu trần nhập với sáu căn. Giới là mười tám giới: sáu căn bên trong, sáu trần bên ngoài và sáu thức ở giữa nhận biết. Ấm, nhập, giới tức là tất cả những thành tố tạo thành thân tâm của chúng sanh.
15. Bốn thánh đế, hay Tứ thánh đế, Tứ đế, là giáo pháp Bốn chân lý về đời sống do Phật thuyết dạy, bao gồm Khổ đế, Tập khổ đế, Diệt khổ đế và Đạo đế.
16. Tứ quả, hay Tứ thánh quả: 1. Tu-đà-hoàn, 2. Tư-đà-hàm, 3. A-na-hàm, 4. A-la-hán. Thanh văn thừa xem quả vị thứ tư, quả A-la-hán là cao nhất, là cảnh giới giải thoát cuối cùng, Niết-bàn của người tu tập.
17. Vô thượng Chánh giác Lương túc Tôn: danh hiệu tôn xưng đức Phật. Vô thượng: cao trội hơn hết. Chánh giác: bậc giác ngộ chân chánh. Lương túc tôn: bậc đáng tôn trọng vì có đủ hai mặt phước và trí.
18. Cồ-đàm (*Gautama*): Một tên gọi khác của đức Phật Thích-ca, đặc biệt những người ngoại đạo thời ấy thường gọi ngài là sa-môn Cồ-đàm.
19. Phật thứ bảy: Trước đức Phật Thích-ca đã có sáu đức Phật ra đời, nên ngài là vị thứ bảy: 1. Phật Tỳ-bà-thi (Sanskrit: *Vipaśyin*), 2. Phật Thi-khí (Sanskrit: *Śikhī*), 3. Phật Tỳ-xá-phù (Sanskrit: *Viśvabhū*), 4. Phật Ca-la-ca-tôn-đại (Sanskrit: *Krakucchanda*), 5. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni (Sanskrit: *Kanakamuni*), 6. Phật Ca-Điếp (Sanskrit: *Kāśyāpa*), 7. Phật Thích-Ca Mâu-Ni (Sanskrit: *Sākyamuni*).
20. Trời Tịnh cư: gồm năm cảnh trời là Vô tưởng thiên, Vô phiến thiên, Vô nhiệt thiên, Thiện kiến thiên và Sắc cứu cánh thiên. Những vị đắc quả thứ ba, quả A-na-hàm, sau khi xả bỏ thân mạng thì thần thức sanh lên cảnh trời Tịnh-cư, ở đó cho đến khi nhập Niết-bàn.
21. Thân hoàng môn: Hoàng môn là những quan hoạn mặc áo vàng trong cung cấm của vua, là những người đã tự thiên mất dương vật. Thân hoàng môn là thân người nam nhưng chẳng phải nam giới, vì không có dương vật.

22. Không căn, hai căn: Những người có bộ phận sanh dục bất thường, hoặc không có dương vật, hoặc dương vật rất nhỏ, hoặc có cả dương vật lẫn âm vật nhưng cả hai đều nhỏ khác thường.
23. Thương chủ: Người dẫn đầu một đoàn người đi buôn bán bằng đường bộ hoặc đường thủy.
24. Ba kết (Tam kết), hoặc Ba kết phược (Tam kết phược), ba mối trói buộc: 1. Kiến kết, hay Thân kiến: trói buộc bởi cái thân, bản ngã, chấp có mình dựa trên thân thể (ngã kiến); 2. Giới thủ kết hay Giới cấm thủ kiến: trói buộc do giữ theo tà giới, hoặc quá cố chấp vì hiểu sai giới luật; 3. Nghi kết, hay Nghi kiến: trói buộc do nghi ngờ Chánh pháp, chân lý.
25. Nhất vãng lai, hay Nhất lai, nghĩa là còn một lần tái sanh.
26. Ngũ hạ kết: Năm mối trói buộc chúng sanh, khiến họ ở nơi Dục giới. Đó là: Ba trói buộc đã nói trên: Thân kết, Giới cấm thủ kết và Nghi kết, thêm hai điều nữa là: 1. Tham kết: trói buộc do lòng tham lam; 2. Sân kết: trói buộc do lòng sân hận.
27. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 11, phẩm Thánh hạnh thứ 19, phần một.
28. Tăng phường: Nơi tu tập của chư tăng, như chùa chiền, tịnh xá... nói chung.
29. Ba tấm pháp y: Bộ pháp phục của vị tỳ-kheo gồm ba tấm y là y an-đà-hội, y uất-đa-la-tăng và y tăng-già-lê. Người đã xuất gia chỉ được mặc các y này, không được sử dụng y phục của người thế tục.
30. Đột-kiết-la (Duṣkṛta) hay Bách chúng học pháp (100 điều cần phải học) là những giới nhỏ nhặt nhất trong giới luật của vị tỳ-kheo, quy định chi tiết cách ứng xử hàng ngày, tạo nên oai nghi tế hạnh của người xuất gia. Những pháp này rất chi li, nhỏ nhặt và không nhất thiết mỗi khi phạm vào đều phải bị xử phạt, nhưng lại là khuôn mẫu rất quan trọng để vị tỳ-kheo có thể sống tốt đời sống tu tập.
31. Năm món cay (ngũ vị tân): 1. tỏi (đại toán), 2. hành (cách thông), 3. hẹ (tử thông), 4. kiệu (lan thông), 5. nén (hung cừ). Năm món này có vị cay nồng, kích thích sự ham muốn nhục dục, người xuất gia không nên ăn.
32. Trò ba-la-tắc: Phạn ngữ *prāsaka*, một trò chơi đặc biệt ở Ấn Độ thời cổ, gồm 2 người chia ra hai phe, cưỡi trên voi hoặc ngựa, xông vào đấu trường để tranh nhau một vị trí định trước, ai được là thắng. Trong kinh văn Hán tạng đôi khi cũng gọi trò chơi này là tượng mã đấu, nhưng thật ra chỉ là trò chơi cưỡi trên lưng voi, ngựa chứ voi và ngựa thật không đấu nhau.
33. Cờ tám đường quanh thành: Nguyên bản là “bát đạo hành thành”. Theo Thụy ứng bản khởi kinh thì đây là một trò chơi giống như đánh cờ, dùng tám bức vẽ làm đường đi cho các quân cờ, mô phỏng sự kiện thái tử ra khỏi thành xuất gia có bốn vị thiên vương theo chân ngựa thái tử... Tuy không hiểu cụ thể nhưng có thể biết đây là một trò giải trí thời đó.

34. Tà mạng: Trái với chánh mạng, nghĩa là sinh sống bằng những hành vi, nghề nghiệp tà vạy, không chân chánh. Tà mạng của người cư sĩ là những nghề nghiệp gây tổn hại đến người khác, nhưng đối với vị tỳ-kheo thì chánh mạng là phải dùng việc khát thực đúng pháp để nuôi sống, nên nếu làm bất cứ việc gì không đúng Chánh pháp để kiếm sống đều gọi là tà mạng, chẳng hạn như tất cả các nghề nghiệp của thế gian.
35. Bất động địa (*Acalā-bhūmi*), là địa vị tu chứng thứ 8 trong Thập địa của hàng Bồ Tát. Đạt đến địa vị này, Bồ Tát không còn bị dao động bởi bất kỳ một cảnh ngộ nào, và đã biết chắc mình sẽ thành tựu quả vị Phật.
36. Tàm và quý: Tàm có nghĩa là tự hổ thẹn với chính mình về những việc sai trái đã mắc phải. Quý có nghĩa là xấu hổ với người khác vì đã làm chuyện sai trái. Như vậy, người có đủ hai đức tàm và quý thì dầu có hay không có sự chứng kiến của người khác cũng chẳng hề phạm vào những điều xấu ác.
37. Bảy Thánh giác (*bodhipākṣikadharmā*), hay Thất Thánh giác, cũng gọi là Thất giác chi, Thất giác ý, bao gồm: 1. Trạch pháp giác chi (*dharmapracaya*) 2. Tinh tấn giác chi (*vīrya*) 3. Hỷ giác chi (*prīti*) 4. Khinh an giác chi (*prasābdhi*) 5. Niệm giác chi (*smṛti*) 6. Định giác chi (*samādhi*) và 7. Xả giác chi (*upekṣā*).

# 大般涅槃經

## 卷第十二 聖行品第七之二

復次善男子。菩薩摩訶薩聖行者。觀察是身從頭至足。其中唯有髮毛爪齒不淨垢穢。皮肉筋骨脾腎心肺肝膽腸胃生熟二藏大小便利涕唾目淚。肪膏腦膜骨髓膿血腦脈諸脉。

菩薩如是專念觀時。誰有是我。我為屬誰。住在何處。誰屬於我。復作是念。骨是我耶。離骨是耶。

菩薩爾時除去皮肉唯觀白骨。復作是念。骨色相異。所謂青黃赤白及以鴿色。如是骨相亦復非我。何以故。我者亦非青黃赤白及以鴿色。

菩薩繫心作是觀時即得斷除一切色欲。

復作是念。如是骨者從因緣生。依因足骨以拄踝骨。依因踝骨以拄膊骨。依因膊骨以拄膝骨。依因膝骨以拄脛骨。依因脛骨以拄髁骨。依因髁骨以拄腰骨。依因腰骨以拄脊骨。依因脊骨以拄筋骨。復因脊骨上拄項骨。依因項骨以拄頷骨。依因頷骨以拄牙齒。上有鬪髑。復因頂骨以拄膊骨。依因膊骨以拄臂骨。依因臂骨以拄腕骨。依因腕骨以拄掌骨。依因掌骨以拄指骨。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ THẬP NHỊ - THÁNH HẠNH PHẨM - *Đệ thất chi nhị*

Phục thứ thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát Thánh hạnh giả, quán sát thị thân từng đầu chí túc, kỳ trung duy hữu phát, mao, thảo, xỉ, bất tịnh cấu uế, bì, nhục, cân, cốt, tỳ, thận, tâm, phế, can, đả, trường, vị, sanh thực nhị tạng, đại tiểu tiện lợi, thể, thóa, mục lệ, phương cao, não mật, cốt tủy, nung, huyết, não cai chư mạch.

Bồ Tát như thị chuyên niệm quán thời, thù hữu thị ngã? Ngã vi thuộc thù? Trụ tại hà xứ? Thù thuộc ư ngã? Phục tác thị niệm: “Cốt thị ngã da? Ly cốt thị da?”

Bồ Tát nhĩ thời trừ khứ bì, nhục, duy quán bạch cốt. Phục tác thị niệm: “Cốt sắc tướng dị, sở vị: thanh, hoàng, xích, bạch, cập dĩ linh sắc. Như thị cốt tướng diệc phục phi ngã. Hà dĩ cố? Ngã giả, diệc phi thanh, hoàng, xích, bạch, cập dĩ linh sắc.”

Bồ Tát hệ tâm tác thị quán thời tức đắc đoạn trừ nhất thiết sắc dục.

Phục tác thị niệm: “Như thị cốt giả, từng nhân duyên sanh. Y nhân túc cốt, dĩ trụ khớp cốt. Y nhân khớp cốt, dĩ trụ thuần cốt. Y nhân thuần cốt, dĩ trụ tất cốt. Y nhân tất cốt, dĩ trụ bề cốt. Y nhân bề cốt, dĩ trụ khoan cốt. Y nhân khoan cốt, dĩ trụ yêu cốt. Y nhân yêu cốt, dĩ trụ tích cốt. Y nhân tích cốt, dĩ trụ cân cốt. Phục nhân tích cốt, thượng trụ hạng cốt. Y nhân hạng cốt, dĩ trụ hàm cốt. Y nhân hàm cốt, dĩ trụ nha xỉ, thượng hữu độ lâu. Phục nhân đánh cốt, dĩ trụ bác cốt. Y nhân bác cốt, dĩ trụ tý cốt. Y nhân tý cốt, dĩ trụ uyển cốt. Y nhân uyển cốt, dĩ trụ chưởng cốt. Y nhân chưởng cốt, dĩ trụ chỉ cốt.

菩薩摩訶薩如是觀時身所有骨一切分離。得是觀已即斷三欲。一形貌欲。二姿態欲。三細觸欲。

菩薩摩訶薩觀青骨時。見此大地東西南北四維上下悉皆青相猶如青色。觀黃赤白鴿色亦復如是。

菩薩摩訶薩作是觀時。眉間即出青黃赤白鴿色等光。是菩薩於是一一諸光明中見有佛像。見已即問。如此身者不淨因緣和合共成。云何而得坐起行住屈伸俯仰。視瞬喘息悲泣喜笑。此中無主。誰使之然。作是問已。光中諸佛忽然不現。

復作是念或識是我。故使諸佛不為我說。復觀此識次第生滅猶如流水亦復非我。復作是念。若識非我出息入息或能是我。復作是念。是出入息直是風性。而是風性乃是四大。四大之中何者是我。地性非我水火風性亦復非我。

復作是念。此身一切悉無有我。唯有心風因緣和合示現種種所作事業。譬如咒力幻術所作。亦如瑩篴隨意出聲。是故此身如是不淨假眾因緣和合共成。當於何處而生貪欲。若被罵辱復於何處而生瞋恚。而我此身三十六物不淨臭穢。何處當有受罵辱者。若聞其罵即便思惟。以何音聲而見罵耶。一一音聲不能見罵。若一不能多亦不能。以是義故不應生瞋。

Bồ Tát ma-ha-tát như thị quán thời thân sở hữu cốt, nhất thiết phân ly. Đắc thị quán dĩ tức đoạn tam dục: nhất hình mạo dục, nhị tư thái dục, tam tế xúc dục.

Bồ Tát ma-ha-tát quán thanh cốt thời kiến thủ đại địa đông tây nam bắc, tứ duy thượng hạ, tất giai thanh tướng. Do như thanh sắc, quán huỳnh, xích, bạch, linh sắc, diệp phục như thị.

Bồ Tát ma-ha-tát tác thị quán thời, my gian tức xuất thanh, huỳnh, xích, bạch, linh sắc đẳng quang. Thị Bồ Tát ư thị nhất nhất chư quang minh trung, kiến hữu Phật tượng. Kiến dĩ tức vấn: “Như thủ thân giả bất tịnh, nhân duyên hòa hiệp cộng thành. Vân hà nhi đắc tọa, khởi, hành, trụ, khuất thân, phủ, ngưỡng, thị, thuận, suyển tức, bi khóc, hỷ tiếu? Thủ trung vô chủ thùy sử chi nhiên?” Tác thị vấn dĩ, quang trung chư Phật hốt nhiên bất hiện.

Phục tác thị niệm: “Hoặc thức thị ngã, cố sử chư Phật bất vị ngã thuyết.” Phục quán thủ thức thứ đệ sanh diệt, do như lưu thủy diệp phục phi ngã. Phục tác thị niệm: “Nhược thức phi ngã, xuất tức nhập tức hoặc năng thị ngã?” Phục tác thị niệm: “Thị xuất nhập tức, trực thị phong tánh. Nhi thị phong tánh nãi thị tứ đại. Tứ đại chi trung hà giả thị ngã? Địa tánh phi ngã, thủy, hỏa, phong, tánh diệp phục phi ngã?”

Phục tác thị niệm: “Thủ thân nhất thiết tất vô hữu ngã. Duy hữu tâm phong, nhân duyên hòa hiệp, thị hiện chủng chủng sở tác sự nghiệp. Thí như chú lực ảo thuật sở tác, diệp như không hầu, tùy ý xuất thanh. Thị cố thủ thân như thị bất tịnh, giả chúng nhân duyên hòa hiệp cộng thành. Đương ư hà xứ nhi sanh tham dục? Nhược bị mạ nhục, phục ư hà xứ nhi sanh sân khuể? Nhi ngã thủ thân tam thập lục vật, bất tịnh xứ uế. Hà xứ đương hữu thọ mạ nhục giả? Nhược văn kỳ mạ tức tiện tư duy: Dĩ hà âm thanh nhi kiến mạ da? Nhất nhất âm thanh bất năng kiến mạ. Nhược nhất bất năng, đa diệp bất năng. Dĩ thị nghĩa cố, bất ưng sanh sân.”

若他來打亦應思惟。如是打者從何而生。復作是念。因手刀杖及以我身故得名打。我今何緣橫瞋於他。乃是我身自招此咎。以我受是五陰身故。譬如因的則有箭中。我身亦爾有身有打。我若不忍心則散亂。心若散亂則失正念。若失正念則不能觀善不善義。若不能觀善不善義則行惡法。惡法因緣則墮地獄畜生餓鬼。

菩薩爾時作是觀已得四念處。得四念處已則得住於堪忍地中。菩薩摩訶薩住是地已。則能堪忍貪欲恚癡。亦能堪忍寒熱飢渴蚊虻蚤蟲。暴風惡觸種種疾疫。惡口罵詈搥打楚撻。身心苦惱一切能忍。是故名為住堪忍地。

迦葉菩薩摩訶薩白佛言。世尊。菩薩未得住不動地淨持戒時。頗有因緣得破戒不。

善男子。菩薩未得住不動地。有因緣故可得破戒。

迦葉言唯然世尊。何者是耶。

佛告迦葉。若有菩薩知以破戒因緣。則能令人受持愛樂大乘經典。又能令其讀誦通利書寫經卷廣為人說。不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。為如是故故得破戒。菩薩爾時應作是念。我寧一劫若減一劫

Nhuộc tha lai đả, diệc ưng tư duy: “Nhu thị đả giả tùng hà nhi sanh?” Phục tác thị niệm: “Nhân thủ, đao trượng, cập dĩ ngã thân cố đắc danh đả. Ngã kim hà duyên hoạnh sân ư tha? Nãi thị ngã thân tự chiêu thủ cứu. Dĩ ngã thọ thị ngũ ấm thân cố, thí như nhân đích tặc hữu tiền trúng. Ngã thân diệc nhĩ, hữu thân hữu đả. Ngã nhuộc bất nhẫn, tâm tặc tán loạn. Tâm nhuộc tán loạn, tặc thất chánh niệm. Nhuộc thất chánh niệm, tặc bất năng quán thiện, bất thiện nghĩa. Nhuộc bất năng quán thiện, bất thiện nghĩa, tặc hành ác pháp. Ác pháp nhân duyên tặc đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.”

Bồ Tát nhĩ thời tác thị quán dĩ, đắc Tứ niệm xứ. Đắc Tứ niệm xứ dĩ, tặc đắc trụ ư Kham nhẫn địa trung. Bồ Tát ma-ha-tát trụ thị địa dĩ, tặc năng kham nhẫn tham dục, nhuế, si. Diệc năng kham nhẫn hàn nhiệt, cơ khát, mân manh, táo sất, bạo phong, ác xúc, chủng chủng tật dịch, ác khẩu mạ lỵ, qua đả sở thác. Thân tâm khổ não nhất thiết năng nhẫn. Thị cố danh vi trụ Kham nhẫn địa.

Ca-diếp Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Bồ Tát vị đắc trụ bất động địa, tịnh trì giới thời, phả hữu nhân duyên đắc phá giới phủ?

Thiện nam tử! Bồ Tát vị đắc trụ bất động địa, hữu nhân duyên cố khả đắc phá giới.

Ca-diếp ngôn: Duy nhiên Thế Tôn! Hà giả thị da?

Phật cáo Ca-diếp: Nhuộc hữu Bồ Tát, tri dĩ phá giới nhân duyên, tặc năng linh nhân thọ trì ái nhạo Đại thừa kinh điển, hựu năng linh kỳ độc tụng thông lợi, thơ tả kinh quyển, quảng vị nhân thuyết, bất thối chuyển ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vị như thị cố, cố đắc phá giới. Bồ Tát nhĩ thời ưng tác thị niệm: “Ngã ninh nhất kiếp, nhuộc giảm nhất kiếp, đọa

墮於阿鼻地獄受罪。要必當令如是之人不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

迦葉。以是因緣菩薩摩訶薩得毀淨戒。

爾時文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。若有菩薩攝取護持如是之人令不退轉菩提之心。為是毀戒。若墮阿鼻無有是處。

爾時佛讚文殊師利言。善哉善哉。如汝所說。我念往昔於此閻浮提作大國王。名曰仙預。愛念敬重大乘經典。其心純善無有麤惡嫉妒慳悋。口常宣說愛語善語。身常攝護貧窮孤獨。布施精進無有休廢。

時世無佛聲聞緣覺。我於爾時愛樂大乘方等經典。十二年中事婆羅門供給所須。過十二年施安已訖。即作是言。師等今應發阿耨多羅三藐三菩提心。

婆羅門言。大王。菩提之性是無所有。大乘經典亦復如是。大王。云何乃令人物同於虛空。

善男子。我於爾時心重大乘。聞婆羅門誹謗方等。聞已即時斷其命根。

善男子。以是因緣從是已來不墮地獄。

善男子。擁護攝持大乘經典。乃有如是無量勢力。

ư A-tỳ địa ngục thọ tội, yếu tất đương linh như thị chư nhân bất thối chuyển ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.”

Ca-diếp! Dĩ thị nhân duyên, Bồ Tát ma-ha-tát đắc hủy tịnh giới.

Nhĩ thời, Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược hữu Bồ Tát nhiếp thủ hộ trì như thị chi nhân, linh bất thối chuyển Bồ-đề chi tâm, vi thị hủy giới, nhược đọa A-tỳ, vô hữu thị xứ.

Nhĩ thời Phật tán Văn-thù-sư-lợi ngôn: Thiện tai, thiện tai! Như nhữ sở thuyết. Ngã niệm vãng tích, ư thủ Diêm-phù-đề tác Đại quốc vương, danh viết Tiên Dự, ái niệm kính trọng Đại thừa kinh điển. Kỳ tâm thuần thiện vô hữu thô ác, tật đố, khan lận. Khẩu thường tuyên thuyết ái ngữ, thiện ngữ. Thân thường nhiếp hộ bản cùng, cô độc, bố thí, tinh tấn, vô hữu hưu phế.

Thời thế vô Phật, Thanh văn, Duyên giác. Ngã ư nhĩ thời, ái nhạo Đại thừa phương đẳng kinh điển, thập nhị niên trung sự bà-la-môn, cung cấp sở tu. Quá thập nhị niên, thi an dĩ ngật, tức tác thị ngôn: “Sư đẳng kim ưng phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.”

Bà-la-môn ngôn: “Đại vương! Bồ-đề chi tánh thị vô sở hữu. Đại thừa kinh điển diệc phục như thị. Đại vương vân hà nãi linh nhân vật đồng ư hư không?”

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời tâm trọng Đại thừa, văn bà-la-môn phỉ báng phương đẳng. Văn dĩ, tức thời đoạn kỳ mạng căn.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, từng thị dĩ lai, bất đọa địa ngục.

Thiện nam tử! Ưng hộ nhiếp trì Đại thừa kinh điển, nãi hữu như thị vô lượng thế lực.

復次迦葉。又有聖行所謂四聖諦。苦集滅道是名四聖諦。

迦葉。苦者逼迫相。集者能生長相。滅者寂滅相。道者大乘相。

復次善男子。苦者現相。集者轉相。滅者除相。道者能除相。

復次善男子。苦者有三相。苦苦相行苦相壞苦相。集者二十五有。滅者滅二十五有。道者修戒定慧。

復次善男子。有漏法者有二種。有因有果。無漏法者亦有二種。有因有果。有漏果者是則名苦。有漏因者則名為集。無漏果者則名為滅。無漏因者則名為道。

復次善男子。八相名苦。所謂生苦老苦病苦死苦愛別離苦怨憎會苦求不得苦五盛陰苦。能生如是八苦法者。是名為集。無有如是八法之處。是名為滅。十力四無所畏三念處大悲。是名為道。

善男子。生者出相。所謂五種。一者初出。二者至終。三者增長。四者出胎。五者種類生。

何等為老。老有二種。一念念老。二終身老。復有二種。一增長老。二滅壞老。是名為老。

云何為病。謂四大毒蛇互不調適。亦有二種。一者身病。二者心病。身病有五。一者因水。二者

Phục thứ Ca-diếp! Hựu hữu Thánh hạnh, sở vị Tú thánh đế. Khổ, tập, diệt, đạo thị danh Tú thánh đế.

Ca-diếp! Khổ giả, bức bách tướng. Tập giả, năng sanh trưởng tướng. Diệt giả, tịch diệt tướng. Đạo giả, Đại thừa tướng.

Phục thứ, thiện nam tử! Khổ giả, hiện tướng. Tập giả, chuyển tướng. Diệt giả, trừ tướng. Đạo giả, năng trừ tướng.

Phục thứ, thiện nam tử! Khổ giả hữu tam tướng: Khổ khổ tướng, Hành khổ tướng, Hoại khổ tướng. Tập giả, nhị thập ngũ hữu. Diệt giả, diệt nhị thập ngũ hữu. Đạo giả, tu giới định huệ.

Phục thứ, thiện nam tử! Hữu lậu pháp giả hữu nhị chủng: hữu nhân, hữu quả. Vô lậu pháp giả, diệt hữu nhị chủng: hữu nhân, hữu quả. Hữu lậu quả giả thị tác danh khổ. Hữu lậu nhân giả tác danh vi tập. Vô lậu quả giả tác danh vi diệt. Vô lậu nhân giả tác danh vi đạo.

Phục thứ, thiện nam tử! Bát tướng danh khổ. Sở vị: sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ thạnh ấm khổ. Năng sanh như thị bát khổ pháp giả, thị danh vi tập. Vô hữu như thị bát pháp chi xứ, thị danh vi diệt. Thập lực, Tứ vô sở úy, Tam niệm xứ, Đại bi, thị danh vi đạo.

Thiện nam tử! Sanh giả xuất tướng sở vị ngũ chủng: nhất giả sơ xuất, nhị giả chí chung, tam giả tăng trưởng, tứ giả xuất thai, ngũ giả chủng loại sanh.

Hà đẳng vi lão? Lão hữu nhị chủng: nhất niệm niệm lão, nhị chung thân lão. Phục hữu nhị chủng: nhất tăng trưởng lão, nhị diệt hoại lão. Thị danh vi lão.

Vân hà vi bệnh? Vị tứ đại độc xà hổ bất điều thích. Diệt hữu nhị chủng: nhất giả thân bệnh, nhị giả tâm bệnh. Thân bệnh hữu ngũ: nhất giả nhân thủy, nhị giả nhân phong, tam

因風。三者因熱。四者雜病。五者客病。客病有四。一者非分彊作。二者忘誤墮落。三者刀杖瓦石。四者鬼魅所著。心病亦有四種。一者踊躍。二者恐怖。三者憂愁。四者愚癡。

復次善男子。身心之病凡有三種。何等為三。一者業報。二者不得遠離惡對。三者時節代謝。

生如是等因緣名字受分別病。因緣者。風等諸病。名字者。心悶肺脹上氣欬逆心驚下痢。受分別者。頭痛目痛手足等痛。是名為病。

何等為死。死者捨所受身。捨所受身亦有二種。一者命盡死。二者外緣死。命盡死者亦有二種。一者命盡非是福盡。二者福盡非是命盡。三者福命俱盡。外緣死者復有三種。一者非分自害死。二者橫為他死。三者俱死。又有三種死。一者放逸死。二者破戒死。三者壞命根死。何等名為放逸死。若有誹謗大乘方等般若波羅密。是名放逸死。何等名為破戒死。毀犯去來現在諸佛所制禁戒。是名破戒死。何等名為壞命根死。捨五陰身。是名壞命根死。如是名曰死為大苦。

何等名為愛別離苦。所愛之物破壞離散。所愛之物破壞離散亦有二種。一者人中五陰壞。二者天中五陰壞。如是人天所愛五陰。分別按計有無量種。是名愛別離苦。

giả nhân nhiệt, tứ giả tạp bệnh, ngũ giả khách bệnh. Khách bệnh hữu tứ: nhất giả phi phạm cương tác, nhị giả vong ngộ dọa lạc, tam giả đao trượng, ngũ giả thạch, tứ giả quỷ mỵ sở trước. Tâm bệnh diệc hữu tứ chủng: nhất giả dưng dục, nhị giả khủng bố, tam giả ưu sầu, tứ giả ngu si.

Phục thứ, thiện nam tử! Thân tâm chi bệnh phạm hữu tam chủng. Hà đẳng vi tam? Nhất giả nghiệp báo, nhị giả bất đắc viễn ly ác đối, tam giả thời tiết đại tạ.

Sanh như thị đẳng nhân duyên, danh tự, thọ phân biệt bệnh. Nhân duyên giả, phong đẳng chư bệnh. Danh tự giả, tâm muộn, phế trướng, thượng khí khái nghịch, tâm kinh hạ lý. Thọ phân biệt giả, đầu thống, mục thống, thủ túc đẳng thống. Thị danh vi bệnh.

Hà đẳng vi tử. Tử giả, xả sở thọ thân. Xả sở thọ thân diệc hữu nhị chủng: nhất giả mạng tận tử, nhị giả ngoại duyên tử. Mạng tận tử giả, diệc hữu tam chủng: nhất giả mạng tận, phi thị phước tận, nhị giả phước tận, phi thị mạng tận, tam giả phước mạng câu tận. Ngoại duyên tử giả, diệc hữu tam chủng: nhất giả phi phạm tự hại tử, nhị giả hoạnh vị tha tử, tam giả câu tử. Hựu hữu tam chủng tử: nhất giả phóng dật tử, nhị giả phá giới tử, tam giả hoại mạng căn tử. Hà đẳng danh vi phóng dật tử? Nhược hữu phỉ báng Đại thừa phương đẳng, Bát nhã Ba-la-mật. Thị danh phóng dật tử. Hà đẳng danh vi phá giới tử? Hủy phạm khứ lai hiện tại chư Phật sở chế cấm giới. Thị danh phá giới tử. Hà đẳng danh vi hoại mạng căn tử? Xả ngũ ấm thân. Thị danh hoại mạng căn tử. Như thị danh viết tử vi đại khổ.

Hà đẳng danh vi ái biệt ly khổ? Sở ái chi vật, phá hoại, ly tán. Sở ái chi vật, phá hoại, ly tán diệc hữu nhị chủng: nhất giả nhân trung ngũ ấm hoại, nhị giả thiên trung ngũ ấm hoại. Như thị nhân thiên sở ái ngũ ấm, phân biệt giáo kế, hữu vô lượng chủng. Thị danh ái biệt ly khổ.



何等名為怨憎會苦。所不愛者而共聚集。所不愛者而共聚集復有三種。所謂地獄餓鬼畜生。如是三趣分別按計有無量種。如是則名怨憎會苦。

何等名為求不得苦。求不得苦復有二種。一者所希望處求不能得。二者多役功力不得果報。如是則名求不得苦。

何等名為五盛陰苦。五盛陰苦者。生苦，老苦，病苦，死苦，愛別離苦，怨憎會苦，求不得苦。是故名為五盛陰苦。

迦葉。生之根本凡有如是七種之苦。老苦乃至五盛陰苦。

迦葉。夫衰老者非一切有。佛及諸天一向定無。人中不定或有或無。

迦葉。三界受身無不有生老不必定。是故一切生為根本。迦葉。世間眾生顛倒覆心。貪著生相厭患老死。迦葉。菩薩不爾。觀其初生已見過患。

迦葉。如有女人入於他舍。是女端正顏貌瑰麗。以好瓔珞莊嚴其身。主人見已即便問言。汝字何等繫屬於誰。女人答言。我身即是功德大天。主人問言。汝所至處為何所作。女人答言。我所至處能與種種金銀琉璃頗梨真珠珊瑚琥珀磈磈瑪瑙象馬車乘奴婢僕使。主人聞已心生歡喜踴躍無量。我今福德故令汝來至我舍宅。即便燒香散花供養恭敬禮拜。

Hà đẳng danh vi oán tắng hội khổ? Sở bất ái giả nhi cộng tụ tập. Sở bất ái giả nhi cộng tụ tập diệc hữu tam chủng. Sở vị địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như thị tam thú phân biệt giáo kế, hữu vô lượng chủng. Như thị tác danh oán tắng hội khổ.

Hà đẳng danh vi cầu bất đắc khổ? Cầu bất đắc khổ diệc hữu nhị chủng: nhất giả sở hy vọng xú, cầu bất năng đắc, nhị giả đa dịch công lực, bất đắc quả báo. Như thị tác danh cầu bất đắc khổ.

Hà đẳng danh vi ngũ thạnh âm khổ? Ngũ thạnh âm khổ giả, sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ. Thị cố danh vi ngũ thạnh âm khổ.

Ca-diếp! Sanh chi căn bản, phàm hữu như thị thất chủng chi khổ, lão khổ, nãi chí ngũ thạnh âm khổ.

Ca-diếp! Phù suy lão giả, phi nhất thiết hữu: Phật cập chư Thiên nhất hướng định vô. Nhân trung bất định hoặc hữu hoặc vô.

Ca-diếp! Tam giới thọ thân vô bất hữu sanh, lão, bất tất định. Thị cố nhất thiết, sanh chi căn bản. Thế gian chúng sanh, điên đảo phú tâm, tham trước sanh tướng, yểm hoạn lão, tử. Ca-diếp! Bồ Tát bất nãi, quán kỳ sơ sanh dĩ kiến quá hoạn.

Ca-diếp! Như hữu nữ nhân, nhập ư tha xá. Thị nữ đoan chánh nhan mạo khô lê, dĩ hảo anh lạc trang nghiêm kỳ thân. Chủ nhân kiến dĩ tức tiện vấn ngôn: “Nhữ tự hà đẳng? Hệ thuộc ư thù?” Nữ nhân đáp ngôn: “Ngã thân tức thị Công Đức Đại Thiên.” Chủ nhân vấn ngôn: “Nhữ sở chí xú, vi hà sở tác?” Nữ nhân đáp ngôn: “Ngã sở chí xú, năng dĩ chủng chủng kim, ngân, lưu ly, pha lê, chân châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, tượng, mã, xa thặng, nô tỳ, bộc sử.” Chủ nhân văn dĩ, tâm sanh hoan hỷ, dưng dưng vô lượng: “Ngã kim phước đức, cố linh nhữ lai chí ngã xá trạch.” Tức tiện thiêu hương, tán hoa, cúng dường, cung kính lễ bái.

復於門外更見一女，其形醜陋，衣裳弊壞，多諸垢膩，皮膚皴裂，其色艾白。見已問言。汝字何等繫屬誰家。女人答言。我字黑闇。復問。何故名為黑闇。女人答言。我所行處能令其家所有財寶一切衰耗。主人聞已即持利刀作如是言。汝若不去當斷汝命。女人答言。汝甚愚癡無有智慧。主人問言。云何名為癡無智慧。女人答言。汝舍中者即是我姊。我常與姊進止共俱。汝若驅我亦當驅彼。

主人還入問功德天。外有一女云是汝妹實為是不。功德天言。實是我妹。我與此妹行住共俱未曾相離。隨所住處我常作好彼常作惡。我常利益彼作衰耗。若愛我者亦應愛彼。若見恭敬亦應敬彼。

主人即言。若有如是好惡事者。我俱不用各隨意去。是時二女俱共相將還其所止。爾時主人見其還去。心生歡喜踊躍無量。

是時二女復共相隨至一貧家。貧人見已心生歡喜即請之言。從今已去願汝二人常住我家。功德天言。我等先以為他所驅。汝復何緣俱請我住貧人答言。汝今念我。我以汝故復當敬彼。是故俱請令住我家。

迦葉。菩薩摩訶薩亦復如是。不願生天。以生當有老病死故。是以俱棄曾無愛心。凡夫愚人不知老病死等過患。是故貪受生死二法。

Phục ư môn ngoại cánh kiến nhất nữ, kỳ hình xú lậu, y thường tệt hoại, đa ư cấu nhị, bì phu thuân liệt, kỳ sắc ngãi bạch. Kiến dĩ vấn ngôn: “Nhữ tự hà đẳng? Hệ thuộc thù gia?” Nữ nhân đáp ngôn: “Ngã tự Hắc Âm.” Phục vấn: “Hà cố danh vi hắc âm?” Nữ nhân đáp ngôn: “Ngã sở hành xứ, năng linh kỳ gia, sở hữu tài bảo nhất thiết suy hao.” Chủ nhân văn dĩ tức trì lợi đao tác như thị ngôn: “Nhữ nhược bất khứ đương đoạn nhữ mạng.” Nữ nhân đáp ngôn: “Nhữ thậm ngu si, vô hữu trí huệ.” Chủ nhân vấn ngôn: “Vân hà danh vi si, vô trí huệ?” Nữ nhân đáp ngôn: “Nhữ xá trung giả, tức thị ngã tỷ. Ngã thường dĩ tỷ tẩn chỉ cộng câu. Nhữ nhược khu ngã, diệc đương khu bỉ.”

Chủ nhân hoàn nhập, vấn Công Đức Thiên: “Ngoại hữu nhất nữ, vân thị nhữ muội. Thật vi thị phủ?” Công Đức Thiên ngôn: “Thật thị ngã muội. Ngã dĩ thử muội, hành trụ cộng câu, vị tăng tương ly. Tùy sở trụ xứ, ngã thường tác hảo, bỉ thường tác ác, ngã thường lợi ích, bỉ tác suy hao. Nhược ái ngã giả, diệc ưng ái bỉ. Nhược kiến cung kính, diệc ưng kính bỉ.”

Chủ nhân tức ngôn: “Nhược hữu như thị hảo ác sự giả, ngã câu bất dụng, các tùy ý khứ.” Thị thời nhị nữ câu cộng tương tương, hoàn kỳ sở chỉ. Nhĩ thời chủ nhân kiến kỳ hoàn khứ tâm sanh hoan hỷ, dũng được vô lượng.

Thị thời nhị nữ phục cộng tương tùy, chí nhất bản gia. Bản nhân kiến dĩ, tâm sanh hoan hỷ, tức thỉnh chi ngôn: “Tùng kim dĩ khứ, nguyện nhữ nhị nhân thường trú ngã gia.” Công Đức Thiên ngôn: “Ngã đẳng tiên dĩ vi tha sở khu. Nhữ phục hà duyên, câu thỉnh ngã trụ?” Bản nhân đáp ngôn: “Nhữ kim niệm ngã, ngã dĩ nhữ cố phục đương kính bỉ. Thị cố câu thỉnh, linh trụ ngã gia.”

Ca-diếp! Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị, bất nguyện sanh thiên, dĩ sanh đương hữu lão, bệnh, tử cố. Thị dĩ câu khí, tăng vô ái tâm. Phàm phu ngu nhân bất trí lão bệnh tử đẳng quá hoạn, thị cố tham ái sanh tử nhị pháp.

復次迦葉。如婆羅門幼稚童子為飢所逼。見人糞中有菴羅果即便取之。有智見已呵責之言。汝婆羅門種姓清淨。何故取是糞中穢果。童子聞已赧然有愧。即答之言。我實不食為欲洗淨還棄捨之。智者語言。汝大愚癡若還棄者本不應取。

善男子菩薩摩訶薩亦復如是。於此生分不受不捨。如彼智者呵責童子。凡夫之人欣生惡死。如彼童子取果還棄。

復次迦葉。譬如四衢道頭有人。器盛滿食色香味具而欲賣之。有人遠來飢虛羸乏。見其飯食色香味具即指問言。此是何物。食主答言。此是上食色香味具。若食此食得色得力。能除飢渴得見諸天。唯有一患。所謂命終。是人聞已即作是念。我今不用色力見天。亦不用死即作是言。食是食已若命終者。汝今何用於此賣之。食主答言。有智之人終不肯買。唯有愚人不知是事。多與我價貪而食之。

善男子。菩薩摩訶薩亦復如是。不願生天得色得力見於諸天。何以故。以其不免諸苦惱故。凡夫愚癡隨有生處皆悉貪愛。以其不見老病死故。

復次善男子。譬如毒樹。根亦能殺。莖亦能殺。皮花果實悉亦能殺。善男子。二十五有受生之處所受五陰亦復如是，一切能殺。

Phục thứ Ca-diếp! Như bà-la-môn ấu trĩ đồng tử, vì cơ sở bức, kiến nhân phẩn trung, hữu am-la quả, tức tiện thủ chi. Hữu trí kiến dĩ, ha trách chi ngôn: “Nhữ bà-la-môn, chủng tánh thanh tịnh, hà cố thủ thị phẩn trung uest quả?” Đồng tử văn dĩ, noãn nhiên hữu quý, tức đáp chi ngôn: “Ngã thật bất thực, vì dục tẩy tịnh, hoàn khí xả chi. Trí giả ngữ ngôn: “Nhữ đại ngu si, nhược hoàn khí giả, bổn bất ưng thủ.”

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát diệt phục như thị, ư thủ sanh phẩn, bất thọ bất xả, như bỉ trí giả, ha trách đồng tử. Phàm phu chi nhân hân sanh ố tử, như bỉ đồng tử thủ quả hoàn khí.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như tứ cù đạo đầu, hữu nhân khí thành mãn thực, sắc hương vị cụ, nhi dục mại chi. Hữu nhân viễn lai, cơ hư luy pháp, kiến kỳ phạn thực, sắc hương vị cụ, tức chỉ vấn ngôn: “Thủ thị hà vật?” Thực chủ đáp ngôn: “Thủ thị thượng tự, sắc hương vị cụ. Nhược thực thủ thực, đắc sắc đắc lực, năng trừ cơ khát, đắc kiến chư thiên. Duy hữu nhất hoạn, sở vị mạng chung.” Thị nhân văn dĩ tức tác thị niệm: “Ngã kim bất dụng sắc lực, kiến thiên, diệt bất dụng tử.” Tức tác thị ngôn: “Thực thị thực dĩ, nhược mạng chung giả, nhữ kim hà dụng ư thủ mại chi?” Thực chủ đáp ngôn: “Hữu trí chi nhân chung bất khảng mãi. Duy hữu ngu nhân bất tri thị sự, đa dĩ ngã giá, tham nhi thực chi.”

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát diệt phục như thị, bất nguyện sanh thiên, đắc sắc đắc lực, kiến ư chư Thiên. Hà dĩ cố? Dĩ kỳ bất miễn chư khổ não cố. Phàm phu ngu si, tùy hữu sanh xứ, giai tất tham ái. Dĩ kỳ bất kiến lão, bệnh, tử cố.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như độc thọ, căn diệt năng sát, hành diệt năng sát, bì, hoa, quả, thật, tất diệt năng sát. Thiện nam tử! Nhị thập ngũ hữu, thọ sanh chi xứ, sở thọ ngũ ấm, diệt phục như thị, nhất thiết năng sát.

復次迦葉。譬如糞穢多少俱臭。善男子。生亦如是。設壽八萬下至十歲俱亦受苦。

復次迦葉。譬如險坑上有草覆。於彼岸邊多有甘露。若有食者壽命千年永除諸病安隱快樂。凡夫愚人貪其味故不知其下有大深坑。即前欲取不覺腳踏墮坑而死。智者知已捨離遠去。

善男子。菩薩摩訶薩亦復如是。尚不欲受天上妙食。況復人中凡夫之人乃於地獄吞噉鐵丸。況復人天上妙餽饌而能不食。

迦葉。以如是喻及餘無量無邊譬喻。當知是生實為大苦。迦葉。是名菩薩摩訶薩住於大乘大涅槃經觀於生苦。

迦葉。云何菩薩摩訶薩。於是大乘大涅槃經觀於老苦。老者能為效逆上氣，能壞勇力，憶念進持，盛年快樂憍慢貢高。安隱自恣能作背僂。懈怠懶惰為他所輕。

迦葉。譬如池水蓮花滿中開敷鮮榮甚可愛樂。值天降雹。悉皆破壞。善男子。老亦如是悉能破壞盛壯好色。

復次迦葉。譬如國王有一智臣善知兵法。有敵國王拒逆不順。王遣此臣往討伐之。即便擒獲將來詣王。老亦如是擒獲壯色將付死王。

復次迦葉。譬如折軸無所復用。老亦如是無所復用。

Phục thứ Ca-diếp! Thí như phân uest, đat thiếu cđu xú. Thiện nam tử! Sanh diệc như thị, thiết thọ bát vạn, hạ chí thập tuế, cđu diệc thọ khổ.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như hiểm khanh, thượng hữu thảo phú, ư bỉ ngạn biên, đat hữu cam lộ. Nhược hữu thực giả, thọ mạng thiên niên, vĩnh trừ chư bệnh, an ổn khoái lạc. Phàm phu ngu nhân tham kỳ vị cố, bất tri kỳ hạ hữu đại thâm khanh! Tức tiên dục thủ bất giác cước điệt, đọa khanh nhi tử. Trí giả tri dĩ, xả ly viễn khứ.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị. Thượng bát dục thọ thiên thượng diệu thực, hưởng phục nhân trung? Phàm phu chi nhân nãi ư địa ngục, thôn hám thiết hoàn, hưởng phục nhân thiên thượng diệu hào soạn, nhi năng bất thực.

Ca-diếp! Dĩ như thị dụ, cập dư vô lượng vô biên thí dụ, đương tri thị sanh thật vi đại khổ. Ca-diếp! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát trụ ư Đại thừa Niết-bàn kinh, quán ư sanh khổ.

Ca-diếp! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát ư thị Đại thừa Đại Niết-bàn kinh, quán ư lão khổ? Lão giả, năng vi khái nghịch thượng khí, năng hoại dũng lực, ức niệm tấn trì thanh niên khoái lạc, kiêu mạn cống cao, an ổn tự tử. Năng tác bối lữ, giải đái lại nạn vi tha sở khinh.

Ca-diếp! Thí như trì thủy, liên hoa mãn trung, khai phu tiên vinh, thậm khả ái nạo. Trục thiên giáng bạc tất giai phá hoại. Thiện nam tử! Lão diệc như thị, tất năng phá hoại thanh tráng hảo sắc.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như quốc vương hữu nhất trí thân, thiện tri binh pháp. Hữu địch quốc vương, cự nghịch bất thuận. Vương khiển thủ thân vãng thảo phạt chi. Tức tiện cầm hoạch tương lai nghệ vương. Lão diệc như thị, cầm hoạch tráng sắc, tương phó Tử vương.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như chiết trục, vô sở phục dụng. Lão diệc như thị, vô sở phục dụng.

復次迦葉。如大富家多有財寶金銀琉璃珊瑚琥珀  
碑磔瑪瑙。有諸怨賊若入其家即能劫奪悉令空盡。  
善男子。盛年壯色亦復如是。常為老賊之所劫奪。

復次迦葉。譬如貧人貪著上膳細軟衣裳。雖復  
希望而不能得。善男子。老亦如是雖有貪心欲受富  
樂五欲自恣而不能得。

復次迦葉。如陸地龜心常念水。善男子。人亦  
如是。既為衰老之所乾枯。心常憶念壯時所受五欲  
之樂。

復次迦葉。猶如秋月所有蓮花皆為一切之所樂  
見。及其萎黃人所惡賤。善男子。盛年壯色亦復如  
是。悉為一切之所愛樂。及其老至眾所惡賤。

復次迦葉。譬如甘蔗既被壓已滓無復味。善男  
子。壯年盛色亦復如是。既被老壓無三種味。一出  
家味。二讀誦味。三坐禪味。

復次迦葉。譬如滿月，夜多光明，晝則不爾。善  
男子。人亦如是，壯則端嚴，形貌瑰偉，老則衰羸，形  
神枯悴。

復次迦葉。譬如有王常以正法治國理民真實無  
曲慈悲好施。時為敵國之所破壞。流離逃迸遂至他  
土。他土人民見已生於憐愍之心。咸作是言。大  
王。往日正法治國不枉萬姓。如何一旦流離至此。  
善男子。人亦如是既為衰老所壞敗已。常讚壯時所  
行事業。

復次迦葉。譬如燈炷唯賴膏油。膏油既盡勢不

Phục thứ Ca-diếp! Như đại phú gia, đa hữu tài bảo, kim  
ngân, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não. Hữu chư oán  
tặc nhược nhập kỳ gia tức năng kiếp đoạt, tất linh không tận.  
Thiện nam tử! Thanh niên tráng sắc diệc phục như thị, thường  
vi lão tặc chi sở kiếp đoạt.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như bần nhân tham trước thượng  
thiện, tế duyên y thường. Tuy phục hy vọng nhi bất năng đắc.  
Thiện nam tử! Lão diệc như thị, tuy hữu tham tâm, dục thọ  
phú lạc, ngũ dục tự tứ nhi bất năng đắc.

Phục thứ Ca-diếp! Như lục địa quy, tâm thường niệm thủy.  
Thiện nam tử! Nhân diệc như thị, ký vi suy lão chi sở càn khô,  
tâm thường ức niệm tráng thời sở thọ ngũ dục chi lạc.

Phục thứ Ca-diếp! Do như thu nguyệt, sở hữu liên hoa,  
giai vi nhất thiết chi sở nhạo kiến. Cập kỳ ủy hoàng, nhân sở  
ố tiện. Thiện nam tử! Thanh niên tráng sắc diệc phục như thị,  
tất vi nhất thiết chi sở ái nhạo. Cập kỳ lão chí chúng sở ố tiện.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như cam giá, ký bị áp dĩ, chỉ vô phục  
vị. Thiện nam tử! Tráng niên thanh sắc diệc phục như thị, ký  
bị lão áp, vô tam chủng vị: nhất xuất gia vị, nhị độc tụng vị,  
tam tọa thiên vị.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như mãn nguyệt, dạ đa quang minh,  
trú tắc bất nhĩ. Thiện nam tử! Nhân diệc như thị, tráng tắc đoan  
nghiêm, hình mạo khô vĩ, lão tắc suy lý, hình thần khô tụy.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như hữu vương, thường dĩ chánh  
pháp trị quốc lý dân, chân thật vô khúc, từ bi hảo thí. Thời  
vị địch quốc chi sở phá hoại, lưu ly đào bính, toại chí tha thổ.  
Tha thổ nhân dân kiến dĩ sanh ư lân mẫn chi tâm, hàm tác  
thị ngôn: “Đại vương vãng nhật, chánh pháp trị quốc, bất uổng  
vạn tánh, như hà nhất đán, lưu ly chí thử?” Thiện nam tử!  
Nhân diệc như thị, ký vi suy lão sở hoại bại dĩ, thường tán  
tráng thời sở hành sự nghiệp.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như đăng chú, duy lại cao du. Cao  
du ký tận, thế bất cứu đình. Thiện nam tử! Nhân diệc như thị,

久停。善男子。人亦如是唯賴壯膏。壯膏既盡衰老之炷何得久停。

復次迦葉。譬如枯河不能利益人及非人飛鳥走獸。善男子。人亦如是為老所枯不能利益一切作業。

復次迦葉。譬如河岸臨峻之樹。若遇暴風必當顛墜。善男子。人亦如是臨老險岸死風既至勢不得住。

復次迦葉。如車軸折不任重載。善男子。老亦如是不能諮受一切善法。

復次迦葉。譬如嬰兒為人所輕。善男子。老亦如是常為一切之所輕毀。

迦葉。以是等喻及餘無量無邊譬喻。當知是老實為大苦。

迦葉。是名菩薩摩訶薩修行大乘大涅槃經觀於老苦。

迦葉。云何菩薩摩訶薩修行大乘大涅槃經觀於病苦。所謂病者。能壞一切安隱樂事。譬如雷雨傷壞穀苗。

復次迦葉。如人有怨心常憂愁而懷恐怖。善男子。一切眾生亦復如是。常畏病苦心懷愁憂。

復次迦葉。譬如有人形貌端正。為王夫人欲心所愛。遣使逼喚與共交通。時王捕得即便使人挑其一目截其一耳斷一手足。是人爾時形容改異。人所惡賤。善男子。人亦如是。先貌端嚴耳目具足。既為病苦所纏逼已。則為眾人之所惡賤。

duy lại tráng cao. Tráng cao ký tận, suy lão chi chú, hà đắc cửu đình?

Phục thứ Ca-diếp! Thí như khô hà bất năng lợi ích nhân cập phi nhân, phi diểu, tẩu thú. Thiện nam tử! Nhân diệc như thị, vi lão sở khô bất năng lợi ích nhất thiết tác nghiệp.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như hà ngạn lâm tuấn chi thọ, nhược ngộ bạo phong, tất đương diên trụ. Thiện nam tử! Nhân diệc như thị, lâm lão hiểm ngạn, tử phong ký chí, thế bất đắc trụ.

Phục thứ Ca-diếp! Như xa trục chiếc, bất nhậm trọng tải. Thiện nam tử! Lão diệc như thị, bất năng tư thọ nhất thiết thiện pháp.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như anh nhi, vi nhân sở khinh. Thiện nam tử! Lão diệc như thị, thường vi nhất thiết chi sở khinh hủy.

Ca-diếp! Dĩ thị đẳng dụ, cập dư vô lượng vô biên thí dụ, đương tri thị lão thật vi đại khổ!

Ca-diếp! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát tu hành Đại thừa Đại Niết-bàn kinh quán ư lão khổ.

Ca-diếp! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát tu hành Đại thừa Đại Niết-bàn kinh quán ư bệnh khổ? Sở vị bệnh giả, năng hoại nhất thiết an ổn lạc sự. Thí như bạc vũ thương hoại cốc miêu.

Phục thứ Ca-diếp! Như nhân hữu oán, tâm thường ưu sầu, nhi hoài khủng bố. Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị, thường úy bệnh khổ, tâm hoài sầu ưu.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như hữu nhân hình mạo đoan chánh, vi vương phu nhân dục tâm sở ái, khiến sứ bức hoán, dữ cộng giao thông. Thời vương bổ đắc, tức tiện sử nhân khiêu kỳ nhất mục, tiết kỳ nhất nhĩ, đoạn nhất thủ túc. Thị nhân nhĩ thời hình dung cải dị, nhân sở ố tiện. Thiện nam tử! Nhân diệc như thị, tiên mạo đoan nghiêm, nhĩ mục cụ túc, ký vi bệnh khổ, sở triển bức dĩ tác vi chúng nhân chi sở ố tiện.

復次迦葉。如芭蕉樹竹葦蘆騾有子則死。善男子。人亦如有病則死。

復次迦葉。如轉輪王主兵大臣常在前導王隨後行。亦如魚王蟻王螺王牛王。商主在前行時如是諸眾悉皆隨從無捨離者。善男子。死轉輪王亦復如是。常隨病臣不相捨離。魚蟻螺牛商主病王亦復如是。常為死眾之所隨逐。

迦葉。病因緣者。所謂苦惱愁憂悲嘆身心不安。或為怨賊之所逼害。破壞浮囊撥撤橋梁。亦能劫奪正念根本。復能破壞盛壯好色力勢安樂。除捨慚愧能為身心焦熱熾然。

以是等喻及餘無量無邊譬喻。當知病苦是為大苦。迦葉。是名菩薩摩訶薩修行大乘大涅槃經觀於病苦。

迦葉。云何菩薩摩訶薩修行大乘大涅槃經觀於死苦。所謂死者。能燒滅故。

迦葉。如火災起能燒一切。唯除二禪。力不至故。善男子。死火亦爾能燒一切。唯除菩薩住於大乘大般涅槃。勢不及故。

復次迦葉。如水災起一切漂沒。唯除三禪。力不至故。善男子。死水亦爾漂沒一切。唯除菩薩住於大乘大般涅槃。

復次迦葉。如風災起能吹一切悉令散滅。唯除

Phục thứ Ca-diếp! Như ba tiêu thọ, trúc, vĩ, lô, loa hữu tử tắc tử. Thiện nam tử! Nhân diệt như thị, hữu bệnh tắc tử.

Phục thứ Ca-diếp! Như Chuyển luân Vương, chủ binh đại thần thường tại tiền đạo, vương tùy hậu hành. Diệt như ngư vương, nghị vương, loa vương, ngư vương, thương chủ tại tiền hành thời, như thị chư chúng tất giai tùy tùng, vô xả ly giả. Thiện nam tử! Tử Chuyển luân Vương, diệt phục như thị, thường tùy bệnh thân bất tương xả ly. Ngư, nghị, loa, ngư thương chủ bệnh vương, diệt phục như thị, thường vi tử chúng chi sở tùy trực.

Ca-diếp! Bệnh nhân duyên giả, sở vị: khổ não, sâu ưu, bi thán, thân tâm bất an. Hoặc vi oán tặc chi sở bức hại, phá hoại phù nang, bát triệt kiêu lương, diệt năng kiếp đoạt chánh niệm căn bản, phục năng phá hoại thanh tráng hảo sắc, lực thế, an lạc, trừ xả tầm quý, năng vi thân tâm tiêu nhiệt xí nhiên.

Dĩ thị đẳng dụ, cập dư vô lượng vô biên thí dụ, đương tri bệnh khổ thị vi đại khổ. Ca-diếp! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát tu hành Đại thừa Đại Niết-bàn kinh quán ư bệnh khổ.

Ca-diếp! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát tu hành Đại thừa Đại Niết-bàn kinh quán ư tử khổ? Sở vị tử giả năng tiêu diệt cố.

Ca-diếp! Như hỏa tai khởi năng tiêu nhất thiết, duy trừ Nhị thiên lực bất chí cố. Thiện nam tử! Tử hỏa diệt nhĩ, năng tiêu nhất thiết, duy trừ Bồ Tát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, thế bất cập cố.

Phục thứ Ca-diếp! Như thủy tai khởi nhất thiết phiêu một, duy trừ Tam thiên lực bất chí cố. Thiện nam tử! Tử thủy diệt nhĩ, phiêu một nhất thiết, duy trừ Bồ Tát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn.

Phục thứ Ca-diếp! Như phong tai khởi, năng xuy nhất thiết, tất linh tán diệt, duy trừ Tứ thiên lực bất chí cố. Thiện

四禪。力不至故。善男子。死風亦爾悉能吹滅一切所有。唯除菩薩住於大乘大般涅槃。

迦葉菩薩白佛言。世尊。彼第四禪以何因緣。風不能吹水不能漂火不能燒。

佛告迦葉。善男子。彼第四禪內外過患一切無故。善男子。初禪過患內有覺觀外有火災。二禪過患內有歡喜外有水災。三禪過患內有喘息外有風災。

善男子。彼第四禪內外過患一切俱無。是故諸災不能及之。善男子。菩薩摩訶薩亦復如是。安住大乘大般涅槃。內外過患一切皆盡。是故死王不能及之。

復次善男子。如金翅鳥能噉能消一切龍魚金銀等寶。唯除金剛不能令消。善男子。死金翅鳥亦復如是。能噉能消一切眾生。唯不能消住於大乘大般涅槃菩薩摩訶薩。

復次迦葉。譬如河岸所有草木大水瀑漲悉隨漂流入於大海。唯除楊柳以其軟故。善男子。一切眾生亦復如是。悉皆隨流入于死海。唯除菩薩住於大乘大般涅槃。

復次迦葉。如那羅延悉能摧伏一切力士。唯除大風。何以故。以無礙故。善男子。死那羅延亦復如是。悉能摧伏一切眾生。唯除菩薩住於大乘大般涅槃。何以故。以無礙故。

nam tử! Tử phong diệt nĩ, tất năng xuy diệt nhất thiết sở hữu, duy trừ Bồ Tát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Bỉ đệ tứ thiên, dĩ hà nhân duyên phong bất năng xuy, thủy bất năng phiêu, hỏa bất năng thiêu?

Phật cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Bỉ đệ tứ thiên, nội ngoại quá hoạn, nhất thiết vô cố. Thiện nam tử! Sơ thiên quá hoạn, nội hữu giác quan, ngoại hữu hỏa tai. Nhị thiên quá hoạn, nội hữu hoan hỷ, ngoại hữu thủy tai. Tam thiên quá hoạn, nội hữu suyễn tức, ngoại hữu phong tai.

Thiện nam tử! Bỉ đệ tứ thiên, nội ngoại quá hoạn, nhất thiết câu vô. Thị cố chư tai bất năng cập chi. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát diệt phục như thị, an trụ Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, nội ngoại quá hoạn nhất thiết giai tận. Thị cố Tử vương bất năng cập chi.

Phục thứ, thiện nam tử! Như kim sí điểu, năng hám, năng tiêu nhất thiết long, ngư, kim ngân, đặng bảo, duy trừ kim cang bất năng linh tiêu. Thiện nam tử! Tử kim sí điểu diệt phục như thị, năng hám năng tiêu nhất thiết chúng sanh, duy bất năng tiêu trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn Bồ Tát ma-ha-tát.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như hà ngạn, sở hữu thảo mộc, đại thủy bạo trướng, tất tùy phiêu lưu, nhập ư đại hải, duy trừ dương liễu, dĩ kỳ nhuãn cố. Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh diệt phục như thị, tất giai tùy lưu, nhập vu tử hải, duy trừ Bồ Tát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn.

Phục thứ Ca-diếp! Như na-la-diên, tất năng tồ phục nhất thiết lực sĩ, duy trừ đại phong. Hà dĩ cố? Dĩ vô ngại cố. Thiện nam tử! Tử na-la-diên, diệt phục như thị, tất năng tồ phục nhất thiết chúng sanh, duy trừ Bồ Tát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Hà dĩ cố? Dĩ vô ngại cố.



復次迦葉。譬如有人於怨憎中詐現親善。常相追逐如影隨形。伺求其便而欲殺之。彼怨謹慎堅牢自備故。使是人不能得殺。善男子。死怨亦爾。常伺眾生而欲殺之。唯不能殺住於大乘大般涅槃菩薩摩訶薩。何以故。以是菩薩不放逸故。

復次迦葉。譬如卒降金剛暴雨。悉壞藥木諸樹山林土沙瓦石金銀琉璃一切之物。唯不能壞金剛真寶。善男子。金剛死雨亦復如是。悉能破壞一切眾生。唯除金剛菩薩住於大乘大般涅槃。

復次迦葉。如金翅鳥能噉諸龍。唯不能噉受三歸者。善男子。死金翅鳥亦復如是。能噉一切無量眾生。唯除菩薩住三定者。何謂三定。空無相無願。

復次迦葉。如摩羅毒蛇凡所蠍螫。雖有良咒上妙好藥無如之何。唯阿竭多星咒能令除愈。善男子。死毒所螫亦復如是。一切醫方無如之何。唯除菩薩住於大乘大般涅槃咒。

復次迦葉。譬如有人為王所瞋。其人若能以軟善語貢上財寶便可得脫。善男子。死王不爾。雖以軟語錢財珍寶而貢上之亦不得脫。

善男子。夫死者於險難處無有資糧。去處懸遠而無伴侶。晝夜常行不知邊際。深邃幽闇無有燈

Phục thứ Ca-diếp! Thí như hữu nhân, ư oán tăng trung, trá hiện thân thiện, thường tương truy trục, như ảnh tùy hình, tứ câu kỳ tiện nhi dục sát chi. Bĩ oán cẩn thận, kiên lao tự bị cố sử thị nhân bất năng đắc sát. Thiện nam tử! Tử oán diệt nhĩ, thường tứ chúng sanh, nhi dục sát chi, duy bất năng sát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn Bồ Tát ma-ha-tát. Hà dĩ cố? Dĩ thị Bồ Tát bất phóng dật cố.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như thốt giáng kim cang bộc vũ, tất hoại dục mộc, chư thọ sơn lâm, thổ, sa, ngõa, thạch, kim, ngân, lưu ly, nhất thiết chi vật, duy bất năng hoại Kim cang chân bảo. Thiện nam tử! Kim cang tử vũ diệt phục như thị, tất năng phá hoại nhất thiết chúng sanh, duy trừ Kim cang Bồ Tát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn.

Phục thứ Ca-diếp! Như kim sí điều, năng đạm chư long, duy bất năng đạm thọ Tam quy giả. Thiện nam tử! Tử kim sí điều diệt phục như thị, năng đạm nhất thiết vô lượng chúng sanh, duy trừ Bồ Tát trụ tam định giả. Hà vị tam định? Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Phục thứ Ca-diếp! Như ma-la độc xà, phạm sở yết thích, tuy hữu lương chú, thượng diệu hảo dục, vô như chi hà! Duy A-kiệt-đa tinh chú năng linh trừ dữ. Thiện nam tử! Tử độc sở thích diệt phục như thị, nhất thiết y phương vô như chi hà! Duy trừ Bồ Tát trụ ư Đại thừa Đại Niết-bàn chú.

Phục thứ Ca-diếp! Thí như hữu nhân vi vương sở sân. Kỳ nhân nhược năng dĩ nhuễn thiện ngữ, cống thượng tài bảo, tiện khả đắc thoát. Thiện nam tử! Tử vương bất nhĩ, tuy dĩ nhuễn ngữ, tiền tài, trân bảo nhi cống thượng chi, diệt bất đắc thoát.

Thiện nam tử! Phù tử giả, ư hiểm nạn xứ, vô hữu tư lương, khứ xứ huyền viễn, nhi vô bạn lữ, trú dạ thường hành, bất tri

明。入無門戶而有處所。雖無痛處不可療治。往無遮止到不得脫。無所破壞見者愁毒。非是惡色而令人怖。敷在身邊不可覺知。

迦葉。以是等喻及餘無量無邊譬喻。當知是死真為大苦。迦葉。是名菩薩摩訶薩修行大乘大涅槃經觀於死苦。

迦葉。云何菩薩摩訶薩住於大乘大涅槃經觀愛別離苦。愛別離苦能為一切眾苦根本。如說偈言。

因愛生憂  
因愛生怖  
若離於愛  
何憂何怖。

愛因緣故則生憂苦。以憂苦故則令眾生於衰老。愛別離苦所謂命終。善男子。以別離故能生種種微細諸苦。今當為汝分別顯示。

善男子。過去之世人壽無量。時世有王名為善住。其王爾時為童子身，太子治事，及登王位，各八萬四千歲。時王頂上生一肉皰。其皰柔軟如兜羅綿。細軟劫貝漸漸增長。不以為患足滿十月。皰即開剖生一童子。其形端正奇異少雙。色像分明人中第一。父王歡喜字之頂生。

biên tế, thâm thúy u ám, vô hữu đấng minh, nhập vô môn hộ, nhi hữu xứ sở. Tuy vô thống xú, bất khả liệu trị. Vãng vô già chỉ, đao bất đắc thoát. Vô sở phá hoại, kiến giả sâu độc. Phi thị ác sắc, nhi linh nhân bố. Phu tại thân biên, bất khả giác tri.

Ca-diếp! Dĩ thị đẳng dụ, cập dư vô lượng vô biên thí dụ, đương tri thị tử chân vi đại khổ. Ca-diếp! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát tu hành Đại thừa Đại Niết-bàn kinh quán ư tử khổ.

Ca-diếp! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát trụ ư Đại thừa Đại Niết-bàn kinh quán ái biệt ly khổ? Ái biệt ly khổ năng vi nhất thiết chúng khổ căn bản. Như thuyết kệ ngôn:

“Nhân ái sanh ưu,  
Nhân ái sanh bố  
Nhược ly ư ái,  
Hà ưu hà bố?”

Ái nhân duyên cố, tác sanh ưu khổ. Dĩ ưu khổ cố, tác linh chúng sanh, sanh ư suy lão. Ái biệt ly khổ, sở vị mạng chung. Thiện nam tử! Dĩ biệt ly cố, năng sanh chủng chủng vi tế chư khổ. Kim đương vị nữ phân biệt hiển thị.

Thiện nam tử! Quá khứ chi thế, nhân thọ vô lượng. Thời, thế hữu vương danh vi Thiện Trụ. Kỳ vương nhĩ thời vi đồng tử thân, Thái Tử trị sự, cập đấng vương vị, các bát vạn tứ thiên tuế. Thời, vương đĩnh thượng sanh nhất nhục báo. Kỳ báo nhu nhuyễn, như châu-la-miên, tế nhuyễn kiếp bối. Tiệm tiệm tăng trưởng, bất dĩ vi họa. Túc mãn thập nguyệt, báo tức khai phẫu, sanh nhất đồng tử, kỳ hình đoan chính, kỳ di thiếu song, sắc tượng phân minh, nhân trung đệ nhất. Phụ vương hoan hỷ, tự chi Đỉnh Sanh.

時善住王。即以國事委付頂生。棄捨宮殿妻子眷屬。入山學道滿八萬四千歲。

爾時頂生於十五日處在高樓沐浴受齋。即時東方有金輪寶。其輪千輻轂輞具足。非工匠造自然成就而來應之。頂生大王即作是念。我昔曾聞五通仙說。若刹利王於十五日處在高樓沐浴受齋。若有金輪千輻不減轂輞具足。非工匠造自然成就而來應者。當知是王即當得作轉輪聖帝。復作是念。我今當試。即以左手擎此輪寶。右執香爐右膝著地而發誓言。是金輪寶若實不虛。應如過去轉輪聖王所行道去。作是誓已。是金輪寶飛昇虛空遍十方已。還來住在頂生左手。爾時頂生心生歡喜踊躍無量。復作是言。我今定當作轉輪王。

其後不久復有象寶。狀貌端嚴如白蓮花七支拄地。頂生見已復作是念。我昔曾聞五通仙說。若轉輪王於十五日處在高樓沐浴受齋。若有象寶狀貌端嚴如白蓮花七支拄地而來應者。當知是王即是聖王。復作是念。我今當試。即擎香爐右膝著地而發誓言。是白象寶若實不虛。應如過去轉輪聖王所行道去。作是誓已是白象寶。從旦至夕。周遍八方盡

Thời Thiện Trụ Vương tức dĩ quốc sự ủy phó Đỉnh Sanh, khí xả cung điện, thê tử, quyến thuộc, nhập sơn học đạo, mãn bát vạn tứ thiên tuế.

Nhĩ thời Đỉnh Sanh ư thập ngũ nhật, xử tại cao lâu, mộc dục thọ trai. Tức thời Đông phương, hữu kim luân bảo, kỳ luân thiên phúc, cốt võng cụ túc, phi công tượng tạo, tự nhiên thành tựu, nhi lai ứng chi. Đỉnh Sanh Đại vương tức tác thị niệm: “Ngã tích tăng văn, ngũ thông tiên thuyết: Nhược sát-ly vương ư thập ngũ nhật, xử tại cao lâu, mộc dục thọ trai, nhược hữu kim luân, thiên phúc bất giảm, cốt võng cụ túc, phi công tượng tạo, tự nhiên thành tựu, nhi lai ứng giả, đương tri thị vương tức đương đắc tác Chuyển luân thánh đế.” Phục tác thị niệm: “Ngã kim đương thí.” Tức dĩ tả thủ kinh thủ luân bảo, hữu chấp hương lư, hữu tất trước địa nhi phát thệ ngôn: “Thị kim luân bảo nhược thật bất hư, ứng như quá khứ Chuyển luân Thánh vương sở hành đạo khứ.” Tác thị thệ dĩ, thị kim luân bảo phi thăng hư không, biến thập phương dĩ, hoàn lai trụ tại Đỉnh Sanh tả thủ. Nhĩ thời, Đỉnh Sanh tâm sanh hoan hỷ, dũng dục vô lượng. Phục tác thị ngôn: “Ngã kim định đương tác Chuyển luân Vương.”

Kỳ hậu bất cử, phục hữu tượng bảo, trạng mạo đoan nghiêm, như bạch liên hoa, thất chi trụ địa. Đỉnh Sanh kiến dĩ, phục tác thị niệm: “Ngã tích tăng văn ngũ thông tiên thuyết: Nhược Chuyển luân Vương, ư thập ngũ nhật, xử tại cao lâu, mộc dục thọ trai, nhược hữu tượng bảo, trạng mạo đoan nghiêm, như bạch liên hoa, thất chi trụ địa, nhi lai ứng giả, đương tri thị vương tức thị Thánh vương.” Phục tác thị niệm: “Ngã kim đương thí.” Tức kinh hương lư, hữu tất trước địa, nhi phát thệ ngôn: “Thị bạch tượng bảo nhược thật bất hư, ứng như quá khứ Chuyển luân Thánh vương sở hành đạo khứ.” Tác thị thệ dĩ, thị bạch tượng bảo, tùng đán chí tịch, châu biến bát phương, tận đại hải tế, hoàn trụ bốn xứ. Nhĩ

大海際還住本處。爾時頂生心大歡喜踊躍無量。復作是言。我今定是轉輪聖王。

其後不久次有馬寶。其色紺燄髦尾金色。頂生見已復作是念。我昔曾聞五通仙說。若轉輪王於十五日處在高樓沐浴受齋。若有馬寶其色紺燄髦尾金色而來應者。當知是王即是聖王。復作是念。我今當試。即執香爐右膝著地而發誓言。是紺馬寶若實不虛。應如過去轉輪聖王所行道去。作是誓已。是紺馬寶從旦至夕。周遍八方盡大海際還住本處。爾時頂生心大歡喜踊躍無量。復作是言。我今定是轉輪聖王。

其後不久復有女寶形容端正微妙第一。不長不短不白不黑。身諸毛孔出栴檀香。口氣香潔如青蓮花。其目遠視見一由旬。耳聞鼻嗅亦復如是。其舌廣大出能覆面。形色細薄如赤銅葉。心聰叡哲有大智慧。於諸眾生常有軟語。是女以手觸王衣時。即知王身安樂病患。亦知王心所緣之處。爾時頂生復作是念。若有女人能知王心即是女寶。

其後不久於王宮內自然而有寶摩尼珠。純青瑠璃大如人脰。能於闇中照一由旬。若天降雨滂如車軸。

thời, Đỉnh Sanh tâm đại hoan hỷ, dũng dực vô lượng. Phục tác thị ngôn: “Ngã kim định thị Chuyển luân Thánh vương.”

Kỳ hậu bất cứu, thứ hữu mã bảo, kỳ sắc cam diễm, mao vĩ kim sắc. Đỉnh Sanh kiến dĩ, phục tác thị niệm: “Ngã tích tăng văn ngũ thông tiên thuyết: Nhược Chuyển luân Vương, ư thập ngũ nhật, xử tại cao lâu, mộc dục thọ trai, nhược hữu mã bảo, kỳ sắc hám diễm, mao vĩ kim sắc, nhi lai ứng giả, đương tri thị vương tức thị Thánh vương.” Phục tác thị niệm: “Ngã kim đương thí.” Tức chấp hương lư, hữu tất trước địa, nhi phát thệ ngôn: “Thị hám mã bảo nhược thật bất hư, ưng như quá khứ Chuyển luân Thánh vương sở hành đạo khứ.” Tác thị thệ dĩ, thị hám mã bảo, tùng đán chí tịch, châu biến bát phương, tận đại hải tế, hoàn trụ bốn xứ. Nhĩ thời, Đỉnh Sanh tâm đại hoan hỷ, dũng dực vô lượng. Phục tác thị ngôn: “Ngã kim định thị Chuyển luân Thánh vương.”

Kỳ hậu bất cứu, phục hữu nữ bảo, hình dung đoan chính, vi diệu đệ nhất, bất trường bất đoản, bất bạch bất hắc. Thân chư mao khổng, xuất chiêm-đàn hương. Khẩu khí hương khiết, như thanh liên hoa. Kỳ mục viễn thị kiến nhất do-tuần. Nhĩ văn, tử khứu diệc phục như thị. Kỳ thiệt quảng đại, xuất năng phú diện, hình sắc tế bạc, như xích đồng diệp. Tâm thông duệ triết, hữu đại trí huệ. Ư chư chúng sanh thường hữu nhuyển ngữ. Thị nữ dĩ thủ xúc vương y thời tức tri vương thân an lạc, bệnh hoạn, diệc tri vương tâm sở duyên chi xứ. Nhĩ thời Đỉnh Sanh, phục tác thị niệm: “Nhược hữu nữ nhân năng tri vương tâm, tức thị nữ bảo.”

Kỳ hậu bất cứu, ư vương cung nội, tự nhiên nhi hữu bảo Ma-ni châu, thuần thanh lưu ly, đại như nhân bệ, năng ư ám trung, chiếu nhất do-tuần. Nhược thiên giáng vũ, đế như xa trục, thị châu lực năng tác cái biến phú tức nhất do-tuần, già

是珠力能作蓋遍覆足一由旬。遮此大雨不令下過。爾時頂生復作是念。若轉輪王得是寶珠必是聖王。

其後不久有主藏臣自然而出。多饒財寶巨富無量庫藏盈溢無所乏少。報得眼根力能徹見一切地中所有伏藏。隨王所念皆能辦之。爾時頂生復欲試之。即共乘船入於大海告藏臣言。我今欲得珍異之寶。藏臣聞已即以兩手撓大海水。時十指頭出十寶藏。以奉聖王而白王言。大王。所須隨意用之。其餘在者當投大海。爾時頂生心大歡喜踊躍無量。復作念言。我今定是轉輪聖王。

其後不久有主兵臣自然而出。勇健猛略策謀第一善知四兵。若任鬥者則現聖王。若不任者退不令現。未摧伏者能令摧伏。已摧伏者力能守護。爾時頂生復作是念。若轉輪王得是兵寶。當知定是轉輪聖王。

爾時頂生轉輪聖帝告諸大臣。汝等當知此閻浮提安隱豐樂。然我今已七寶成就千子具足更何所為。

諸臣答言。唯然。大王。東弗婆提猶未歸德王應往討。爾時聖王與其七寶一切營從。飛空而往東弗婆提。彼土人民歡喜歸化。

thủ đại vũ bất linh há quá. Nhĩ thời Đỉnh Sanh phục tác thị niệ: “Nhược Chuyển luân Vương đắc thị bảo châu, tất thị Thánh vương.”

Kỳ hậu bất cứu, hữu Chủ tạng thân, tự nhiên nhi xuất. Đa nhiều tài bảo, cự phú vô lượng, khổ tạng doanh dật, vô sở pháp thiếu. Báo đắc nhãn căn, lực năng triệt kiến nhất thiết địa trung, sở hữu phục tạng, tùy vương sở niệ, giai năng biện chi. Nhĩ thời Đỉnh Sanh phục dục thí chi. Tức cộng thừa thuyền nhập ư đại hải, cáo Tạng thân ngôn: “Ngã kim dục đắc trân dị chi bảo.” Tạng thân văn dĩ, tức dĩ lưỡng thủ não đại hải thủy. Thời thập chỉ đầu xuất thập bảo tạng, dĩ phụng Thánh vương, nhi bạch vương ngôn: “Đại vương sở tu, tùy ý dụng chi. Kỳ dư tại giả, đương đầu đại hải.” Nhĩ thời Đỉnh Sanh tâm đại hoan hỷ, dũng dục vô lượng. Phục tác thị ngôn: “Ngã kim định thị Chuyển luân Thánh vương.”

Kỳ hậu bất cứu, hữu Chủ binh thân, tự nhiên nhi xuất. Dũng kiện mãnh lược, sách mưu đệ nhất, thiện tri tứ binh. Nhược nhiệm đấu giả, tác hiện Thánh vương, nhược bất nhiệm giả, thối bất linh hiện. Vị tội phục giả, năng linh tội phục, dĩ tội phục giả, lực năng thủ hộ. Nhĩ thời Đỉnh Sanh phục tác thị niệ: “Nhược Chuyển luân Vương đắc thị binh bảo, đương tri định thị Chuyển luân Thánh vương.”

Nhĩ thời, Đỉnh Sanh Chuyển luân thánh đế cáo chư đại thân: “Nhĩ đẳng đương tri thủ Diêm-phù-đề an ổn phong lạc. Nhiên ngã kim dĩ thất bảo thành tựu, thiên tử cụ túc. Cánh hà sở vi?”

Chư thân đáp ngôn: “Duy nhiên, Đại vương! Đông Phát-bà-đề du vị quy đức. Vương ưng vãng thảo.” Nhĩ thời Thánh vương dĩ kỳ thất bảo, nhất thiết dinh tũng, phi không nhi vãng Đông Phát-bà-đề. Bĩ độ nhân dân hoan hỷ quy hóa.

復告大臣。我閻浮提及弗婆提安隱豐樂人民熾盛悉來歸化。七寶成就千子具足復何所為。

諸臣答言。唯然。大王。西瞿陀尼猶未歸德。爾時聖王復與七寶一切營從飛空而往西瞿陀尼。王既至彼。彼土人民亦復歸伏。

復告大臣。我閻浮提及弗婆提此瞿陀尼安隱豐樂人民熾盛。咸以歸化。七寶成就千子具足復何所為。

諸臣答言。唯然。大王。北鬱單越猶未歸化。爾時聖王復與七寶一切營從。飛空而往北鬱單越。王既至彼。彼土人民歡喜歸德。

復告大臣。我四天下安隱豐樂人民熾盛咸已歸德。七寶成就千子具足更何所為。

諸臣答言。唯然。聖王。三十三天壽命極長安隱快樂。彼天身形端嚴無比。所居宮殿床榻臥具悉是七寶。自恃天福未來歸化。今可往討令其摧伏。

爾時聖王復與七寶一切營從。飛騰虛空上忉利天。見有一樹其色青綠。聖王見已即問大臣。此是何色。大臣答言。此是波利質多羅樹。忉利諸天夏三月日常於其下娛樂受樂。復見白色猶如白雲。復問大臣。彼是何色。大臣答言。是善法堂忉利諸天

Phục cáo đại thần: “Ngã Diêm-phù-đê, cập Phát-bà-đê an ổn phong lạc, nhân dân xí thanh, tất lai quy hóa. Thất bảo thành tựu, thiên tử cụ túc. Phục hà sở vi?”

Chư thần đáp ngôn: “Duy nhiên, Đại vương! Tây Cồ-đà-ni du vị quy đức.” Nhĩ thời Thánh vương phục dĩ thất bảo, nhất thiết dinh tòng, phi không nhi vãng Tây Cồ-đà-ni. Vương ký chí bỉ, bỉ độ nhân dân diệc phục quy phục.

Phục cáo đại thần: “Ngã Diêm-phù-đê, cập Phát-bà-đê, thử Cồ-đà-ni, an ổn phong lạc, nhân dân xí thanh, hàm dĩ quy hóa. Thất bảo thành tựu, thiên tử cụ túc. Phục hà sở vi?”

Chư thần đáp ngôn: “Duy nhiên, Đại vương! Bắc Uất-đan-việt, du vị quy hóa.” Nhĩ thời Thánh vương phục dĩ thất bảo, nhất thiết dinh tòng, phi không nhi vãng Bắc Uất-đan-việt. Vương ký chí bỉ, bỉ độ nhân dân hoan hỷ quy đức.

Phục cáo đại thần: “Ngã Tứ thiên hạ, an ổn phong lạc, nhân dân xí thanh, hàm dĩ quy đức. Thất bảo thành tựu, thiên tử cụ túc. Cánh hà sở vi?”

Chư thần đáp ngôn: “Duy nhiên, Thánh vương! Tam thập tam Thiên, thọ mạng cực trường, an ổn khoái lạc. Bỉ thiên thân hình đoan nghiêm vô tỷ. Sở cư cung điện, sàng, tháp, ngọc cụ, tất thị thất bảo. Tự thị thiên phước, vị lai qui hóa. Kim khả vãng thảo, linh kỳ tồi phục.”

Nhĩ thời, Thánh vương phục dĩ thất bảo, nhất thiết dinh tòng, phi đằng hư không, thượng Đạo-lợi Thiên, kiến hữu nhất thọ, kỳ sắc thanh lục. Thánh vương kiến dĩ, tức vấn đại thần: “Thử thị hà sắc?” Đại thần đáp ngôn: “Thử thị ba-ly-chất-đa-la thọ. Đạo lợi chư thiên, hạ tam nguyệt nhật, thường ư kỳ hạ, ngu lạc thọ lạc.” Phục kiến bạch sắc, do như bạch vân. Phục vấn đại thần: “Bỉ thị hà sắc?” Đại thần đáp ngôn: “Thị Thiện pháp đường. Đạo-lợi chư Thiên thường tập kỳ trung,

常集其中論人天事。於是天主釋提桓因。知頂生王已來在外即出迎逆。見已執手陞善法堂分座而坐。

彼時二王形容相貌等無差別。唯有視眴為別異耳。是時聖王即生念言。我今寧可退彼王位。即住其中為天王不。

善男子。爾時帝釋受持讀誦大乘經典。開示分別為他演說。唯於深義未盡通達。以是讀誦受持分別為他廣說因緣力故有大威德。

善男子。而是頂生於此帝釋生惡心已。即便墮落還閻浮提。與所愛念人天離別生大苦惱。復遇惡病即便命終。爾時帝釋迦葉佛是。轉輪聖王則我身是。

善男子。當知如是愛別離者極為大苦。善男子。菩薩摩訶薩尚憶過去如是等輩愛別離苦。何況菩薩住於大乘大涅槃經。而當不觀現在之世愛別離苦。

善男子。云何菩薩摩訶薩修行大乘大涅槃經觀怨憎會苦。善男子。是菩薩摩訶薩觀於地獄畜生餓鬼人中天上。皆有如是怨憎會苦。

譬如人觀牢獄繫閉枷鎖杻械以為大苦。菩薩摩訶薩亦復如是。觀於五道一切受生。悉是怨憎會大苦。

復次善男子。譬如有人常畏怨家枷鎖杻械。捨離

luận nhân thiên sự.” Ư thị, Thiên chủ Thích-đề-hoàn-nhân tri Đỉnh Sanh Vương dĩ lai tại ngoại, tức xuất nghinh nghinh. Kiến dĩ, chấp thủ, thăng Thiện pháp đường, phân tòa nhi tọa.

Bỉ thời nhị vương, hình dung tướng mạo, đẳng vô sai biệt. Duy hữu thị huyễn vi biệt dị nhĩ. Thị thời Thánh vương tức sanh niệm ngôn: “Ngã kim ninh khả thối bỉ vương vị, tức trụ kỳ trung, vi Thiên vương phủ?”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Đế-thích thọ trì, độc tụng đại thừa kinh điển, khai thị phân biệt, vị tha diễn thuyết. Duy ư thâm nghĩa, vị tận thông đạt. Dĩ thị độc tụng, thọ trì, phân biệt, vị tha quảng thuyết, nhân duyên lực cố, hữu đại oai đức.

Thiện nam tử! Nhi thị Đỉnh Sanh, ư thủ Đế-thích, sanh ác tâm dĩ, tức tiện đọa lạc, hoàn Diêm-phù-đề, dữ sở ái niệm nhân thiên ly biệt, sanh đại khổ não. Phục ngộ ác bệnh, tức tiện mạng chung. Nhĩ thời Đế-thích, Ca-diếp Phật thị, Chuyển luân Thánh vương tác ngã thân thị.

Thiện nam tử! Đương tri như thị ái biệt ly giả, cực vi đại khổ. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thượng úc quá khứ như thị đẳng bối, ái biệt ly khổ. Hà hướng Bồ Tát trụ ư Đại thừa Đại Niết-bàn kinh, nhi đương bất quán hiện tại chi thế ái biệt ly khổ?

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát tu hành Đại thừa Đại Niết-bàn kinh quán oán tắng hội khổ? Thiện nam tử! Thị Bồ Tát ma-ha-tát, quán ư địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, nhân trung, thiên thượng, giai hữu như thị oán tắng hội khổ.

Thí như nhân quán lao ngục hệ bế, già tỏa sửu giới, dĩ vi đại khổ. Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị, quán ư ngũ đạo, nhất thiết thọ sanh, tất thị oán tắng hiệp hội đại khổ.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như hữu nhân, thường úc oán gia, già tỏa sửu giới, xả ly phụ mẫu, thê tử, quyến thuộc, trân bảo sản nghiệp, nhi viễn đào ty. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-

父母妻子眷屬珍寶產業而遠逃避。善男子。菩薩摩訶薩亦復如是。怖畏生死具足修行六波羅密入於涅槃。

迦葉。是名菩薩摩訶薩修行大乘大般涅槃觀怨憎會苦。

善男子。云何菩薩修行大乘大般涅槃觀求不得苦。求者一切盡求。盡求者有二種。一求善法。二求不善法。善法未得苦惡法未離苦。

是則略說五盛陰苦。迦葉。是名苦諦。

爾時迦葉菩薩摩訶薩白佛言。世尊。如佛所說五盛陰苦是義不然。何以故。如佛往昔告釋摩男。若色苦者一切眾生不應求色。若有求者則不名苦。如佛告諸比丘。有三種受。苦受樂受不苦不樂受。如佛先為諸比丘說。若有人能修行善法則得受樂。又如佛說於善道中六觸受樂。眼見好色是則為樂。耳鼻舌身意思好法亦復如是。如佛說偈。

持戒則為樂  
身不受眾苦  
睡眠得安隱  
寤則心歡喜。  
若受衣食時  
誦習而經行

tát diệt phục như thị, bố úy sanh tử, cụ túc tu hành lục Ba-la-mật, nhập ư Niết-bàn.

Ca-diếp! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát tu hành Đại thừa Đại Bát Niết-bàn quán oán tăng hội khổ.

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát tu hành Đại thừa Đại Bát Niết-bàn quán cầu bất đắc khổ? Cầu giả, nhất thiết tận cầu. Tận cầu giả, hữu nhị chủng: nhất cầu thiện pháp, nhị cầu bất thiện pháp. Thiện pháp vị đắc khổ, ác pháp vị ly khổ.

Thị tác lược thuyết ngũ thanh ấm khổ. Ca-diếp! Thị danh Khổ đế.

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết ngũ thanh ấm khổ, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Như Phật vãng tích, cáo Thích-ma-nam: “Nhuộc sắc khổ giả, nhất thiết chúng sanh bất ưng cầu sắc. Nhuộc hữu cầu giả, tác bất danh khổ.” Như Phật cáo chư tỳ-kheo: “Hữu tam chủng thọ: Khổ thọ, Lạc thọ, Bất khổ bất lạc thọ.” Như Phật tiên vị chư tỳ-kheo thuyết: Nhuộc hữu nhân năng tu hành thiện pháp, tác đắc thọ lạc.” Hựu như Phật thuyết: “Ư thiện đạo trung, lục xúc thọ lạc: nhãn kiến hảo sắc, thị tác vi lạc. Nhĩ, tử, thiết, thân, ý tư hảo pháp, diệt phục như thị.” Như Phật thuyết kệ:

Trì giới tác vi lạc,  
Thân bất thọ chúng khổ,  
Thụy miên đắc an ổn,  
Ngộ tác tâm hoan hỷ.  
Nhuộc thọ y thực thời,  
Tụng tập nhi kinh hành,



獨處於山林  
如是為最樂。  
若能於眾生  
晝夜常修慈  
因是得常樂  
以不惱他故。  
少欲知足樂  
多聞分別樂  
無著阿羅漢  
亦名為受樂。  
菩薩摩訶薩  
畢竟到彼岸  
所作眾事辦  
是名為最樂。

世尊。如諸經中所說樂相其義如是。如佛今說云何當與此義相應。

佛告迦葉。善哉善哉。善男子。善能諮問如來是義。善男子。一切眾生於下苦中橫生樂想。是故我今所說苦相與本不異。

爾時迦葉菩薩白佛言。如佛所說於下苦中生樂想者。下生下老下病下死。下愛別離下求不得下怨憎會下五盛陰。如是等苦亦應有樂。

世尊。下生者。所謂三惡趣中生者所謂人中。上生者所謂天上。若復有人作如是問。若於下樂生

Độc xử ư sơn lâm,  
Như thị vi tối lạc.  
Nhược năng ư chúng sanh,  
Trú dạ thường tu từ,  
Nhân thị đắc thường lạc,  
Dĩ bất nảo tha cố.  
Thiểu dục tri túc lạc,  
Đa văn phân biệt lạc,  
Vô-trước A-la-hán,  
Diệc danh vi thọ lạc.  
Bồ Tát ma-ha-tát,  
Tất cánh đáo bỉ ngạn,  
Sở tác chúng sự biện,  
Thị danh vi tối lạc.

Thế Tôn! Như chư kinh trung sở thuyết lạc tướng kỳ nghĩa như thị. Như Phật kim thuyết, vân hà đương dĩ thử nghĩa tương ưng?

Phật cáo Ca-diếp: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Thiện năng tư vấn Như Lai thị nghĩa. Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh ư hạ khổ trung hoành sanh lạc tướng. Thị cố ngã kim sở thuyết khổ tướng, dĩ bổn bất dị.

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Như Phật sở thuyết, ư hạ khổ trung sanh lạc tướng giả. Hạ lão, hạ bệnh, hạ tử, hạ ái biệt ly, hạ cầu bất đắc, hạ oán tăng hội; hạ ngũ thanh ám, như thị đẳng khổ, diệc ưng hữu lạc.

Thế Tôn, hạ sanh giả, sở vị tam ác thú; trung sanh giả, sở vị nhân trung; thượng sanh giả, sở vị thiên thượng. Nhược phục hữu nhân tác như thị vấn: Nhược ư hạ lạc, sanh ư khổ

於苦想。於中樂中生無苦樂想。於上樂中生於樂想。當云何答。

世尊。若下苦中生樂想者。未見有人當受千罰初一下時已生樂想。若不生者。云何說言於下苦中而生樂想。

佛告迦葉。如是如是如汝所說。以是義故無有樂想。何以故。猶如彼人當受千罰受一下已即得脫者。是人爾時便生樂想。是故當知於無樂中妄生樂想。

迦葉言。世尊。彼人不以一下生於樂想。以得脫故而生樂想。

迦葉是故我昔為釋摩男說。五陰中樂實不虛也。

迦葉。有三受三苦。三受者。所謂樂受苦受不苦不樂受。三苦者。所謂苦苦行苦壞苦。

善男子。苦受者名為三苦。所謂苦苦行苦壞苦。餘二受者。所謂行苦壞苦。

善男子。以是因緣生死之中實有樂受。菩薩摩訶薩以苦樂性不相捨離。是故說言一切皆苦。

善男子。生死之中實無有樂。但諸佛菩薩隨順世間說言有樂。

迦葉菩薩白佛言。世尊。諸佛菩薩若隨俗說是虛妄不。如佛所說修行善者則受樂報。持戒安樂身不受苦。乃至眾事已辦是為最樂。如是等經所說樂受是虛

tưởng; ư trung lạc trung, sanh vô khổ lạc tưởng; ư thượng lạc trung, sanh ư lạc tưởng? Đương vân hà đáp?

Thế Tôn! Nhược hạ khổ trung, sanh lạc tưởng giả; vị kiến hữu nhân đương thọ thiên phạt, sơ nhất hạ thời, dĩ sanh lạc tưởng! Nhược bất sanh giả, vân hà thuyết ngôn: Ư hạ khổ trung, nhi sanh lạc tưởng?

Phật cáo Ca-diếp. Như thị! Như thị! Như nữ sở thuyết. Dĩ thị nghĩa cố, vô hữu lạc tưởng. Hà dĩ cố? Do như bỉ nhân, đương thọ thiên phạt, thọ nhất hạ dĩ, tức đắc thoát giả. Thị nhân nhĩ thời tiện sanh lạc tưởng. Thị cố đương tri, ư vô lạc trung, vọng sanh lạc tưởng.

Ca-diếp ngôn: Thế Tôn! Bỉ nhân bất dĩ nhất hạ, sanh ư lạc tưởng, dĩ đắc thoát cố, nhi sanh lạc tưởng.

Ca-diếp, thị cố ngã tích vị Thích-ma-nam thuyết ngũ ấm trung lạc, thật bất hư dã.

Ca-diếp! Hữu tam thọ, tam khổ. Tam thọ giả, sở vi: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Tam khổ giả, sở vi, khổ khổ, hành khổ, hoại khổ.

Thiện nam tử! Khổ thọ giả, danh vi tam khổ, sở vi: khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Dư nhị thọ giả, sở vi: hành khổ, hoại khổ.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, sanh tử chi trung, thật hữu lạc thọ. Bồ Tát ma-ha-tát, dĩ khổ lạc tánh bất tương xả ly, thị cố thuyết ngôn: nhất thiết giai khổ.

Thiện nam tử! Sanh tử chi trung, thật vô hữu lạc. Đãn chư Phật, Bồ Tát, tùy thuận thế gian, thuyết ngôn hữu lạc.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Chư Phật Bồ Tát, nhược tùy tục thuyết, thị hư vọng phủ? Như Phật sở thuyết: Tu hành thiện giả, tác thọ lạc báo; trì giới an lạc, thân bất thọ khổ; nãi chí chúng sự dĩ biện, thị vi tối lạc. Như thị đẳng kinh

妄不。若是虛妄諸佛世尊。久於無量百千萬億阿僧祇劫。修菩提道已離妄語。今作是說其義云何。

佛言。善男子。如上所說諸受樂偈即是菩提道之根本。亦能長養阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。先於經中說是樂相。

善男子。譬如世間所須資生能為樂因故名為樂。所謂女色耽酒飲酒上饌甘味。渴時得水寒時遇火。衣服瓔珞象馬車乘奴婢僮僕。金銀琉璃珊瑚真珠倉庫穀米。如是等物世間所須能為樂因是名為樂。

善男子。如是等物亦能生苦。因於女人生男子苦。憂愁悲泣乃至斷命。因酒甘味乃至倉穀。亦能令人生大憂惱。以是義故一切皆苦無有樂相。

善男子。菩薩摩訶薩於是八苦解苦無苦。

善男子。一切聲聞辟支佛等不知樂因。為如是人於下苦中說有樂相。唯有菩薩住於大乘大般涅槃。乃能知是苦因樂因。

## 大般涅槃經卷第十二

終

sở thuyết lạc thọ, thị hư vọng phủ? Nhược thị hư vọng, chư Phật Thế Tôn cứu ư vô lượng bá thiên vạn ức a-tăng-kỳ kiếp, tu Bồ-đề đạo, dĩ ly vọng ngữ, kim tác thị thuyết, kỳ nghĩa vân hà?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như thượng sở thuyết, chư thọ lạc kệ, túc thị Bồ-đề đạo chi căn bản, diệc năng trưởng dưỡng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố, tiên ư kinh trung, thuyết thị lạc tướng.

Thiện nam tử! Thí như thế gian, sở tu tư sanh, năng vi lạc nhân, cố danh vi lạc. Sở vị: nữ sắc, đam miện ẩm tửu, thượng soạn cam vị, khát thời đắc thủy, hàn thời ngộ hỏa, y phục, anh lạc, tượng mã xa thặng, nô tỳ đồng bộc, kim ngân, lưu ly, san hô, chân châu thương khố cốc mẽ. Như thị đẳng vật, thế gian sở tu, năng vi lạc nhân thị danh vi lạc.

Thiện nam tử! Như thị đẳng vật diệc năng sanh khổ. Nhân ư nữ nhân, sanh nam tử khổ, ưu sầu bi khát, nãi chí đoạn mạng. Nhân tửu cam vị; nãi chí thương cốc diệc năng linh nhân sanh đại ưu não. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết giai khổ, vô hữu lạc tướng.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư thị bát khổ, giải khổ, vô khổ.

Thiện nam tử! Nhất thiết Thanh văn, Bích chi Phật đẳng, bất tri lạc nhân, vị như thị nhân, ư hạ khổ trung, thuyết hữu lạc tướng. Duy hữu Bồ Tát, trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, nãi năng tri thị khổ nhân, lạc nhân.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập nhị

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN MƯỜI HAI

### PHẨM THÁNH HẠNH

#### Phẩm thứ bảy - Phần hai

**L**ại nữa, thiện nam tử! Thánh hạnh của Đại Bồ Tát là quán sát thân này từ đầu đến chân, trong đó duy chỉ toàn là những thứ như tóc, lông, móng tay, móng chân, răng, các thứ dơ nhớp, da, thịt, gân, xương, tỳ, thận, tim, phổi, gan, mật, ruột, dạ dày, hai tạng sanh và thực, các cơ quan đại, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng, nước mắt, những lớp mỡ, da mỏng bọc ở ngoài mỡ, tủy xương, mủ, máu, não, các mạch từ não cho đến ngón chân cái...

“Trong khi Bồ Tát chuyên tâm quán sát như vậy, liền suy xét rằng: ‘Trong những thứ đó có gì là ngã? Cái ngã thuộc về ai? Nó nằm ở chỗ nào? Cái gì thuộc về ngã?’

“Bồ Tát lại suy nghĩ rằng: ‘Bộ xương là ta chăng? Là bộ xương là ta chăng?’

“Lúc bấy giờ, Bồ Tát liền loại bỏ da và thịt, chỉ quán xét riêng bộ xương trắng. Lại suy xét rằng: ‘Màu sắc của xương có khác nhau như xanh, vàng, trắng<sup>(1)</sup>... cho đến [xám tro] như màu lông chim câu. Tướng trạng của xương như vậy cũng chẳng phải là cái ngã. Vì sao vậy? Cái ngã đó chẳng phải xanh, vàng, trắng cho đến [xám tro] như màu lông chim câu.’

“Khi Bồ Tát chú tâm quán tưởng như vậy liền dứt trừ được sự ham muốn đối với hình sắc.

“Bồ Tát lại xét nghĩ rằng: ‘Bộ xương này do nhân duyên mà sanh. Nhân nơi xương bàn chân mà chống chịu xương mắt cá; nhân nơi xương mắt cá mà chống chịu xương ống chân; nhân nơi xương ống chân mà chống chịu xương đầu gối; nhân nơi xương đầu gối mà chống chịu xương đùi; nhân nơi xương đùi mà chống chịu xương mu; nhân nơi xương mu mà chống chịu xương chậu; nhân nơi xương chậu mà chống chịu xương sống; nhân nơi xương sống mà chống chịu gân cốt; lại nhân nơi xương sống mà phía trên có xương cổ; nhân nơi xương cổ mà chống chịu xương hàm; nhân nơi xương hàm mà chống chịu bộ răng, trên hết lại có xương sọ; lại nhân nơi xương sọ mà chống chịu xương vai; nhân nơi xương vai mà chống chịu xương cánh tay; nhân nơi xương cánh tay mà chống chịu xương cổ tay; nhân nơi xương cổ tay mà chống chịu xương bàn tay; nhân nơi xương bàn tay mà chống chịu xương ngón tay.’

“Khi Đại Bồ Tát quán xét như vậy, thấy hết thấy những xương hiện có trong thân đều [là những phần] tách rời riêng biệt [kết hợp trong sự phụ thuộc lẫn nhau]. Quán xét được như vậy rồi liền dứt trừ ba thứ ham muốn: một là ham muốn nhan sắc, hai là ham muốn dáng vẻ, ba là ham muốn xúc chạm.<sup>(2)</sup>

“Khi Đại Bồ Tát quán xương màu xanh, liền thấy cõi đất này về bốn phương đông, tây, nam, bắc và bốn phương kế cận,<sup>(3)</sup> hai phương trên, dưới, thấy đều có tướng màu xanh.

“Cũng như màu xanh, khi quán những màu vàng, trắng, xám cũng đều như vậy.

“Khi Đại Bồ Tát thực hiện phép quán như vậy, từ khoảng giữa hai chân mày liền phóng ra những hào quang xanh, vàng, trắng, xám... Trong mỗi loại hào quang ấy, Bồ Tát đều nhìn thấy có hình Phật. Thấy như vậy rồi, liền tự hỏi rằng: ‘Như thân này là do những nhân duyên bất tịnh hòa hiệp mà thành, sao lại có thể ngồi, dậy, đi, đứng, co lại, duỗi ra, cúi xuống, ngẩng lên, nhìn xem, nháy mắt, ho hen, khóc lóc, vui cười...? Ở trong thân ấy không có chủ, vậy ai sai khiến như vậy?’ Tự hỏi như vậy rồi, hình tượng chư Phật trong hào quang kia bỗng nhiên không còn nữa.

“Bồ Tát lại nghĩ rằng: ‘Hoặc giả thức là ngã chẳng, cho nên khiến chư Phật chẳng vì ta mà thuyết dạy?’ Lại quán thức này lần lượt sanh diệt, dường như dòng nước chảy, cũng không phải ngã.

“Bồ Tát lại xét nghĩ rằng: ‘Nếu thức không phải ngã thì hơi thở ra vào có lẽ là ngã chẳng?’ Lại xét rằng: ‘Hơi thở ra vào đó chính là tánh gió, mà tánh gió ấy cũng nằm trong bốn đại.<sup>(4)</sup> Trong bốn đại ấy, cái nào là ngã? Đất chẳng phải ngã, nước, lửa, gió lại cũng chẳng phải ngã.’

“Bồ Tát lại nghĩ rằng: ‘Trong thân này hết thấy đều không có cái ngã. Chỉ có tâm như cơn gió hòa hiệp với các nhân duyên mà hiện ra đủ mọi thứ hành vi, sự việc. Cũng ví như những thứ do sức thần chú, ảo thuật tạo thành, lại cũng ví như cái đàn không hầu,<sup>(5)</sup> tùy theo ý người chơi mà phát ra âm thanh. Cho nên thân này là không trong sạch như vậy, do các nhân duyên giả hợp mà thành.

“Vậy do nơi đâu mà sanh ra tham dục? Nếu bị người khác nhục mạ, lại do nơi đâu mà sanh sân khuể? Thân này của ta chứa 36 thứ,<sup>(6)</sup> thấy đều là hôi thối, không trong sạch, vậy do nơi đâu có người bị mạ nhục?’ Nếu nghe tiếng mạ nhục, liền suy xét rằng: ‘Do nơi tiếng nào thấy được sự mạ nhục?’ Liền xét trong mỗi tiếng riêng rẽ không tiếng nào có thể thấy được sự mạ nhục. Nếu mỗi tiếng không thể thấy sự mạ nhục, thì nhiều tiếng hợp lại cũng không thể thấy sự mạ nhục. Vì nghĩa ấy mà không nên sanh tâm sân hận.’

“Nếu người khác đánh đập mình, cũng nên xét rằng: ‘Sự đánh đập đó, do đâu mà sanh?’ Lại xét rằng: “Do có tay người, dao gậy, và thân ta nên mới có cái gọi là đánh đập. Nay vì duyên có gì ta lại nổi giận với người khác? Chính do cái thân này của ta tự chuốc lấy tai hại ấy. Do cái thân năm ấm mà ta thọ lãnh, cũng ví như nhân cái đích mới có mũi tên bắn trúng. Thân ta cũng thế, bởi có thân nên mới có sự đánh đập. Nếu ta không nhẫn chịu, tâm ắt phải tán loạn. Nếu tâm tán loạn, ắt phải mất chánh niệm. Nếu mất chánh niệm, ắt không thể quán xét ý nghĩa thiện và bất thiện. Nếu không thể quán xét ý nghĩa thiện và bất thiện, ắt sẽ làm việc ác. Do tạo nhân duyên ác, ắt phải đọa vào những cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Bấy giờ, Bồ Tát đã quán xét như vậy rồi liền được Bốn niệm xứ.<sup>(7)</sup> Đạt được Bốn niệm xứ rồi, ắt sẽ được trụ ở địa vị Kham nhẫn.<sup>(8)</sup> Đại Bồ Tát trụ ở địa vị ấy rồi, ắt có thể nhẫn chịu đối với sự tham dục, sân khuể, ngu si, cũng có thể nhẫn chịu đối với những sự lạnh nóng, đói khát, muỗi mòng, chí rận, gió mạnh, sự xúc chạm hung dữ, mọi thứ dịch bệnh, người ác khẩu chửi mắng hay

đánh đập, hành hạ... Mọi khổ não về thân tâm đều có thể nhẫn chịu được tất cả. Vì thế nên gọi là trụ ở địa vị Kham nhẫn.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Bồ Tát chưa được trụ ở địa vị Bất động, trong khi giữ giới thanh tịnh, có nhân duyên gì có thể phá giới chăng?”

“Thiện nam tử! Bồ Tát chưa được trụ ở địa vị Bất động, khi có nhân duyên có thể phá giới.”

Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn, đó là những nhân duyên gì?”

Phật bảo Ca-diếp: “Nếu Bồ Tát biết là dùng nhân duyên phá giới thì có thể khiến người khác thọ trì và ưa chuộng, ngưỡng mộ kinh điển Đại thừa, lại có thể khiến người khác đọc tụng thông suốt, sao chép trọn quyển kinh, vì người khác mà thuyết giảng rộng, không còn thối lui đối với quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thì vì những việc [lợi lạc] như vậy, vị Bồ Tát có thể phá giới. Lúc ấy, Bồ Tát nên nghĩ rằng: ‘Ta thà đọa vào địa ngục A-tỳ để chịu tội trong một kiếp hoặc một kiếp giảm, nhưng nhất thiết phải [dùng phương tiện] khiến cho những người như vậy không còn thối chuyển đối với quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’

“Ca-diếp! Vì nhân duyên ấy, vị Bồ Tát ma-ha-tát có thể hủy phạm giới thanh tịnh.”

Lúc ấy, Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát giữ gìn, bảo vệ những người như vậy, khiến họ không còn thối chuyển đối với tâm Bồ-đề, thì không có lý nào vì sự [phương tiện] hủy phạm giới hạnh thanh tịnh như vậy mà phải đọa vào địa ngục A-tỳ.”

Bấy giờ, Phật ngợi khen Văn-thù-sư-lợi rằng: “Lành thay, lành thay, đúng như ông vừa nói đó! Ta nhớ lại thuở xưa, ở cõi Diêm-phù-đề này ta làm một vị Đại quốc vương tên là Tiên Dự, thường ái mộ, tưởng nhớ, kính trọng kinh điển Đại thừa. Lòng vua thuần thiện, không có những điều thô ác, tật đố, tham lam keo kiệt; miệng vua thường nói ra những lời thân ái, hiền lành, thường đem thân bảo vệ che chở những kẻ bần cùng, cô độc, thường làm việc bố thí, tinh tấn, không hề lười nhác.

“Thuở ấy không có Phật, Thanh văn, Duyên giác ra đời. Ta vì ái mộ kinh điển Phương đẳng Đại thừa nên trong 12 năm lo phụng sự các thầy bà-la-môn, cung cấp mọi sự cần dùng. Qua 12 năm, việc cúng dường đã xong, ta bèn nói rằng: ‘Nay các thầy nên phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’

“Có thầy bà-la-môn nói: ‘Đại vương! Tánh Bồ-đề ấy vốn là không có, kinh điển Đại thừa cũng vậy. Sao đại vương lại khiến cho con người và vạn vật đồng như hư không?’

“Thiện nam tử! Thuở ấy, trong lòng ta tôn trọng Đại thừa nên vừa nghe thầy bà-la-môn ấy phỉ báng kinh Phương đẳng như vậy, ta liền giết chết ngay.

“Thiện nam tử! Nhân duyên là như vậy, mà từ ấy đến nay ta không hề đọa vào địa ngục.

“Thiện nam tử! Nhờ sự ủng hộ, giữ gìn kinh điển Đại thừa mới có được thế lực vô lượng như vậy.”

Đức Phật lại bảo Bồ Tát Ca-diếp: “Ca-diếp! Còn có Thánh hạnh gọi là Tứ thánh đế. Khổ, Tập, Diệt, Đạo gọi là Tứ thánh đế.

“Ca-diếp! Khổ là tướng bức bách. Tập là tướng có sức sanh trưởng. Diệt là tướng tịch diệt. Đạo là tướng Đại thừa.

“Lại nữa, thiện nam tử! Khổ là tướng hiện ra. Tập là tướng chuyển đổi. Diệt là tướng dứt trừ. Đạo là tướng có năng lực dứt trừ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Khổ đó, có ba tướng khổ là tướng khổ vì sự khổ, tướng khổ vì các hành và tướng khổ vì hoại diệt.<sup>(9)</sup> Tập, là hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Diệt, là dứt trừ hết thảy hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Đạo là tu tập giới, định, huệ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Pháp hữu lậu có hai loại: pháp có nhân và pháp có quả. Pháp vô lậu cũng có hai loại: pháp có nhân và pháp có quả. Quả của pháp hữu lậu gọi là khổ. Nhân của pháp hữu lậu gọi là tập. Quả của pháp vô lậu gọi là diệt. Nhân của pháp vô lậu gọi là đạo.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có tám tướng gọi là khổ. Đó là: sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, yêu mến phải lìa xa là khổ, oán ghét phải gặp nhau là khổ, mong cầu không được là khổ, năm ấm bạo phát là khổ.<sup>(10)</sup>

“Vì phát sanh tám tướng khổ nên gọi là tập. Chỗ không có tám pháp khổ ấy gọi là diệt. Mười sức,<sup>(11)</sup> Bốn đức chẳng sợ,<sup>(12)</sup> Ba chỗ niệm,<sup>(13)</sup> tâm đại bi, đó gọi là đạo.

“Thiện nam tử! Sanh là tướng xuất hiện. Có năm loại: một là vừa mới xuất hiện, hai là đã thành hình, ba là ngày càng phát triển lớn lên, bốn là ra khỏi thai, năm là sanh ra thành chủng loại.

“Những gì là già? Già có hai loại: một là già đi trong từng giây phút, hai là già lúc cuối đời. Lại có hai loại: một

là già trong khi tăng trưởng, lớn lên; hai là già trong khi hoại diệt. [Những trạng thái] như vậy đều gọi là già.

“Thế nào là bệnh? Đó là nói bốn đại như bốn con rắn độc không hòa hợp nhau. Lại có hai loại bệnh: một là bệnh nơi thân, hai là bệnh nơi tâm. Thân bệnh có năm loại: một là do nước, hai là do gió, ba là do sức nóng, bốn là do nhiều nguyên nhân lẫn lộn, năm là do nguyên nhân từ bên ngoài.

“Bệnh do nguyên nhân từ bên ngoài có bốn loại: một là do gắng gượng làm những việc vượt quá sức mình, hai là do sơ ý té ngã, ba là do dao gậy, gạch đá, bốn là do các loài quỷ mỵ vướng mắc.

“Tâm bệnh cũng có bốn loại: một là phẫn khích, hai là khiếp sợ, ba là lo buồn, bốn là ngu si.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bệnh của thân tâm thường có ba loại. Những gì là ba? Một là do nghiệp báo, hai là do không lìa xa được những [tác động] đối nghịch xấu ác, ba là do thời tiết thay đổi.

“[Từ đó] sanh ra sự phân biệt [các bệnh] theo nhân duyên, tên gọi, cảm thọ. [Phân biệt bệnh theo] nhân duyên là như các thứ bệnh [trúng] phong, [bệnh nhiễm nước] v.v... [Phân biệt bệnh theo] tên gọi là như bệnh tâm muộn (trong lòng buồn bực) bệnh sưng phổi, bệnh thượng khí (hơi đưa lên), bệnh ho nghịch, bệnh khiếp nhược, bệnh kiết lỵ... [Phân biệt bệnh theo] cảm thọ là như bệnh nhức đầu, bệnh đau mắt, bệnh tay chân nhức mỏi... Như thế đều gọi chung là bệnh.

“Những gì gọi là chết? Chết nghĩa là xả bỏ cái thân đang có. Xả bỏ cái thân đang có, cũng có hai trường

hợp: một là do thọ mạng đã hết mà chết, hai là do nhân duyên bên ngoài mà chết.

“Thọ mạng đã hết mà chết lại có ba loại: một là thọ mạng đã dứt nhưng phước đức chưa dứt, hai là phước đức đã dứt nhưng thọ mạng chưa dứt, ba là cả phước đức và thọ mạng đều dứt hết.

“Do nhân duyên bên ngoài mà chết cũng có ba trường hợp: một là chẳng phải số phần của mình nhưng tự hại mà chết, hai là bị kẻ khác hại chết, ba là cùng chết với kẻ khác.

“Lại có ba loại chết: một là chết phóng dật, hai là chết phá giới, ba là chết mạng căn hư hoại.

“Sao gọi là chết phóng dật? Nếu có người phỉ báng [các kinh] Phương đẳng Đại thừa, Bát-nhã ba-la-mật, đó gọi là chết phóng dật.<sup>(14)</sup>

“Sao gọi là chết phá giới? Hủy phạm những giới cấm mà chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chế định. Đó gọi là chết phá giới.<sup>(15)</sup>

“Sao gọi là chết mạng căn hư hoại? Xả bỏ thân năm ấm.<sup>(16)</sup> Đó gọi là chết mạng căn hư hoại.

“Như vậy gọi rằng chết là nỗi khổ lớn lao!

“Những gì gọi rằng yêu mến phải lìa xa là khổ? Những vật mình yêu mến bị phá hoại, lìa tan. Những vật mình yêu mến bị hư hoại, lìa tan cũng có hai trường hợp: một là ở cõi người, năm ấm bị hư hoại, hai là ở cõi trời năm ấm bị hư hoại. Năm ấm mà người ta và chư thiên yêu mến, phân biệt, kể đếm ra có vô số chủng loại. Như vậy gọi rằng yêu mến phải lìa xa là khổ.

“Sao gọi rằng oán ghét phải gặp nhau là khổ? [Đó là khi] những gì mình không yêu mến lại phải cùng tụ họp một nơi.

“Những gì mình không yêu mến lại phải cùng tụ họp một nơi cũng có ba trường hợp. Đó là: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Ba cảnh khổ ấy, phân biệt kể đếm ra có đến vô số chủng loại. Như vậy gọi rằng oán ghét phải gặp nhau là khổ.

“Sao gọi rằng mong cầu không được là khổ? Mong cầu không được là khổ cũng có hai trường hợp: một là đặt niềm hy vọng, mong cầu mà không thể được; hai là tốn công gắng sức rất nhiều nhưng chẳng được kết quả. Như vậy đều gọi rằng mong cầu không được là khổ.

“Sao gọi rằng năm ấm bạo phát là khổ? Cái khổ năm ấm bạo phát ấy là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ yêu mến phải lìa xa, khổ oán ghét phải gặp nhau, khổ mong cầu mà chẳng được. [Những nỗi khổ này đều có căn bản phát sanh từ sự tụ họp, xung khắc và tan rã của năm ấm nên] như vậy gọi rằng năm ấm bạo phát là khổ.

“Ca-diếp! Do nơi sanh là căn bản mà có bảy thứ khổ kia, từ khổ già cho đến khổ năm ấm bạo phát.

“Ca-diếp! Sự già yếu không phải tất cả đều có. Như Phật và chư thiên nhất định không có sự già yếu. Còn trong nhân loại thì không nhất định: kẻ có, người không.

“Ca-diếp! Trong Ba cõi, có thọ thân thì không ai là không có sanh, nhưng tướng già thì không nhất định. Cho nên sanh là căn bản của tất cả. Chúng sanh ở thế gian vì sự điên đảo che lấp trong tâm nên tham đắm tướng sanh, ghê sợ những tướng già, chết. Ca-diếp! Bồ



Tát không phải như thế, quán xét từ tướng sanh ra ban đầu đã thấy chỗ tai hại rồi!

“Ca-diếp! Như có một cô gái kia vào nhà kẻ khác. Cô gái ấy đoan chánh, vẻ mặt và hình tướng đều rất đẹp, lại còn dùng chuỗi ngọc tốt để trang điểm trên thân. Chủ nhà nhìn thấy cô liền hỏi rằng: ‘Cô tên họ gì? Là người của ai?’ Cô gái đáp rằng: ‘Tôi đây chính là Công Đức Đại Thiên.’ Chủ nhân lại hỏi: ‘Cô đến đây để làm gì?’ Cô gái đáp: ‘Những nơi tôi đến đều có thể được ban cho đủ các loại vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ, tôi trai, tớ gái, kẻ hầu người hạ...’ Chủ nhà nghe xong sanh lòng vui mừng, phấn khích vô cùng, liền nói rằng: ‘Nay tôi có phước đức nên khiến cô đến nhà tôi.’ Người ấy liền đốt hương, rảy hoa cúng dường, cung kính lễ bái.

“Lúc ấy, ngoài cửa lại có một cô gái khác hình dạng xấu xí, áo quần rách nát, dơ bẩn, da thịt nứt nẻ, sắc diện già nua, nhợt nhạt... Chủ nhà thấy vậy lại hỏi rằng: ‘Cô tên họ gì? Là người của ai?’ Cô gái đáp rằng: ‘Tôi tên là Hắc Ám.’ Lại hỏi: ‘Vì sao cô có tên là Hắc Ám?’ Cô gái đáp: ‘Những nơi tôi đi đến, có thể làm cho mọi thứ của cải, đồ quý trong nhà ấy đều hao tổn, suy giảm.’ Nghe xong, chủ nhà liền cầm dao bén nói rằng: ‘Nếu cô không đi ngay ta sẽ giết chết cô.’ Cô gái đáp rằng: ‘Ông thật quá ngu si, chẳng có chút trí huệ.’ Chủ nhà hỏi: ‘Sao lại gọi là ngu si, không có trí huệ?’ Cô gái đáp: ‘Người ở trong nhà ông đó là chị của ta. Chị ấy với ta thường cùng đi với nhau. Nếu ông đuổi ta, cũng là đuổi chị ấy.’

“Chủ nhân trở vào nhà hỏi Công Đức Thiên rằng: ‘Bên ngoài có một cô gái nói là em của cô, có thật vậy

chăng?’ Công Đức Thiên nói: ‘Thật là em tôi. Tôi với cô em đó thường đi chung với nhau, chưa từng xa lìa. Đến ở nơi nào thì tôi thường làm việc tốt, em tôi thường làm việc xấu, tôi thường làm lợi ích, em tôi thường gây suy giảm, tổn hao. Nếu yêu mến tôi, cũng phải yêu mến em tôi. Như cung kính tôi, cũng phải cung kính em tôi.’

“Chủ nhà liền nói: ‘Nếu có việc tốt lẫn xấu như vậy thì tôi đây không cần cả hai, các cô cứ tùy ý mà đi đi.’ Bấy giờ, hai cô gái cùng đưa nhau đi, định trở về chỗ cũ. Chủ nhà thấy họ đi rồi, trong lòng vui vẻ, phấn khích vô cùng.

“Lúc ấy, hai cô gái cùng đi với nhau, đến một nhà nghèo kia. Người nhà nghèo ấy nhìn thấy hai cô rồi, trong lòng vui vẻ, liền thỉnh mời rằng: ‘Từ nay trở đi xin hai cô cứ ở lại nhà tôi.’ Công Đức Thiên nói: ‘Trước đây chúng tôi vừa bị người khác đuổi đi. Có sao ông lại thỉnh mời cả hai chúng tôi ở lại?’ Người nhà nghèo đáp rằng: ‘Nay cô nghĩ đến tôi, tôi vì cô mà cũng cung kính cô kia. Cho nên tôi thỉnh mời cả hai cô cùng ở lại nhà tôi.’

“Ca-diếp! Bồ Tát ma-ha-tát cũng như thế, chẳng nguyện sanh lên cảnh trời, vì có sanh tất phải có già, bệnh, chết. Vì vậy nên dứt hết, chưa từng khởi lòng yêu mến. Những kẻ phàm ngu chẳng biết chỗ tai hại của già, bệnh, chết nên ham thích cả hai pháp sống và chết.

“Lại nữa, Ca-diếp! Như có đứa trẻ dòng bà-la-môn, đang lúc quá đói, thấy ở trong đồng phân người có một trái am-la liền đưa tay nhặt lấy. Người có trí thấy vậy, quở trách rằng: ‘Cậu là người dòng bà-la-môn thanh tịnh, sao lại nhặt trái dơ trong đồng phân?’ Đứa trẻ ấy nghe xong, thẹn đỏ mặt, đáp rằng: ‘Tôi thật không ăn, chỉ muốn lấy rửa cho sạch rồi ném bỏ.’ Người có trí kia

liên bảo nó rằng: ‘Mày thật quá ngu si, nếu định ném bỏ thì trước đó chẳng nên nhặt lấy.’

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát cũng vậy, đối với cái sanh, chẳng thọ cũng chẳng bỏ, như người có trí kia quả trách đứa trẻ. Những kẻ phàm phu ưa sống ghét chết, như đứa trẻ kia nhặt trái rồi lại vứt đi.

“Lại nữa Ca-diếp! Ví như có người mang nhiều thức ăn đủ các màu sắc, hương vị, đến chỗ ngã tư đường để bán. Có người từ xa đến, đói kém suy nhược, thấy cơm và thức ăn có đủ các màu sắc, hương vị liền dừng lại, hỏi rằng: ‘Đây là những món gì?’ Người chủ nói: ‘Đây là những thức ăn ngon nhất, có đủ màu sắc, hương vị. Như ai ăn vào thì được hình sắc tốt đẹp, có sức mạnh, trừ được đói khát, được gặp chư thiên. Chỉ có một điều tai hại là phải chết.’ Người ấy nghe rồi liền nghĩ rằng: ‘Nay tôi chẳng cần hình sắc, sức mạnh, gặp chư thiên, cũng chẳng muốn chết.’ Liền hỏi rằng: ‘Nếu ăn vào phải chết, vậy nay ông mang bán những thức ăn này làm gì?’ Người chủ thức ăn đáp rằng: ‘Người có trí chẳng bao giờ chịu mua, duy có những kẻ ngu không hiểu việc ấy, trả cho tôi nhiều tiền, vì tham mà ăn.’

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát cũng như thế, chẳng nguyện sanh lên cõi trời, được hình sắc tốt, sức mạnh, gặp chư thiên. Vì sao vậy? Vì những việc ấy cũng chẳng khỏi các sự khổ não. Những kẻ phàm ngu, tùy chỗ sanh ra đều đem lòng tham mến. Là vì không thấy được những sự [khổ là] già, bệnh, chết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây có độc, rễ nó có thể làm chết người, thân nó cũng có thể làm chết người, cho đến vỏ cây, hoa, trái, hạt... thấy đều có thể làm chết

người. Thiện nam tử! Trong 25 cảnh giới hiện hữu, tùy chỗ thọ sanh mà thọ nhận năm ấm cũng vậy, hết thấy đều có thể làm chết người.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như phần dơ, dù nhiều hay ít cũng đều hôi thối. Thiện nam tử! Sự sanh ra cũng vậy, dù cho sống lâu đến tám vạn năm, hoặc chỉ được mười tuổi cũng đều là chịu khổ.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như cái hầm nguy hiểm, bên trên có cỏ che phủ, bên cạnh mép hầm lại có nhiều cam lộ. Như ai ăn được chất cam lộ ấy thì sống đến ngàn năm, trừ tuyệt các bệnh, an ổn khoái lạc. Những kẻ phàm ngu vì tham ăn món ấy, không biết là phía dưới có cái hầm rất sâu, liền đi tới để lấy, bất ngờ trượt chân, sa xuống hầm mà chết. Người trí đã biết nên lia bỏ, lánh xa.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát cũng vậy, cho đến những món ăn ngon nhất ở cõi trời còn chẳng tham muốn, huống gì món ăn ở cõi người? Kẻ phàm tục cho đến ở nơi địa ngục còn nuốt lấy những hòn sắt nóng, huống chi những món ăn ngon thịnh soạn ở cõi trời, cõi người, làm sao có thể không [tham] ăn?

“Ca-diếp! Bởi những thí dụ ấy, và còn vô số thí dụ khác nữa, nên biết rằng sự sanh ra thật là nỗi khổ rất lớn.

“Ca-diếp! Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở kinh Đại thừa Đại Niết-bàn quán xét sự sanh ra là khổ.

“Ca-diếp! Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở kinh Đại thừa Đại Niết-bàn quán xét già là khổ? Sự già nua có thể khiến cho người ta phải bị ho hen, khí nghịch đưa lên; có thể làm tiêu mất sức mạnh, trí nhớ; làm mất đi tuổi thanh niên tráng kiện, sự khoái lạc, ngạo mạn tự

cao, an ổn thỏa chí; làm cho lưng còng, chậm chạp biếng nhác, bị người khác khinh chê.

“Ca-diếp! Ví như trong hồ nước có đầy hoa sen nở ra đẹp đẽ, tươi tắn, trông rất đáng ưa thích. Bỗng gặp khi trời đổ cơn mưa đá xuống, phá hoại tất cả. Thiện nam tử! Cái già cũng thế, có thể phá hoại sắc đẹp tuổi thanh xuân!

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như vua kia có một vị quan trí tuệ, khéo biết cách dùng binh. Có một vua khác đối địch, chống lại. Vua liền sai vị quan có trí tuệ ấy đi đánh phạt. Vị quan bắt được vua kia đem về nộp lên. Cảnh già cũng như thế, bắt lấy cái sắc đẹp tráng kiện đem nộp cho vua chết.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như cái trục xe gãy không thể dùng vào việc gì. Cái già cũng vậy, không thể dùng vào việc gì được nữa.

“Lại nữa, Ca-diếp! Như một nhà rất giàu, có nhiều của cải, vật quý, vàng bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não... Nếu giặc cướp vào nhà ấy có thể cướp giết làm cho mất sạch. Thiện nam tử! Sắc đẹp và tuổi thanh xuân tráng kiện cũng vậy, thường bị giặc cướp là cái già cướp mất.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như người nghèo tham ăn món ngon, tham mặc vải lụa tốt, tuy hy vọng như vậy nhưng không có được. Thiện nam tử! Cái già cũng vậy, tuy có lòng tham muốn thọ hưởng giàu có, vui sướng, thỏa thích trong năm món dục,<sup>(17)</sup> nhưng không thể được.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như con rùa ở trên cạn, thường nhớ nghĩ đến nước. Thiện nam tử! Người ta cũng thế, đã

bị khô héo vì già yếu thì lòng thường nhớ nghĩ đến năm món dục đã thọ hưởng thời trai trẻ.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như mùa thu có hoa sen, ai cũng muốn nhìn ngắm, đến khi héo tàn, ai cũng chán chê. Thiện nam tử! Sắc đẹp tuổi xuân cũng vậy, ai nấy đều ưa thích. Đến khi già yếu thì ai cũng chán chê.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như cây mía ép lấy nước rồi thì không còn vị ngọt. Thiện nam tử! Sắc đẹp tuổi xuân cũng vậy, khi bị cái già ép đến rồi thì không còn [thực hiện được] ba việc: một là xuất gia, hai là đọc tụng [kinh điển], ba là ngồi thiền.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như mặt trăng tròn, ban đêm sáng nhiều, còn ban ngày không được vậy. Thiện nam tử! Người ta cũng như vậy, lúc tuổi thanh xuân dáng vẻ nghiêm trang, hình mạo to khỏe; đến lúc già thì suy yếu, hình dung khô héo, tiêu tụy.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như một vị vua thường dùng chánh pháp trị nước chần dân, lòng dạ chân thật, không tà vạy, giàu đức từ bi, thường thực hành bố thí. Bấy giờ bị nước địch phá hoại, vua trôi dạt trốn tránh, cuối cùng đến một nước khác. Nhân dân nước ấy thấy vua liền sanh lòng thương xót, thấy đều nói rằng: ‘Đại vương thuở xưa trị nước theo chánh pháp, muôn dân khỏi sự oan uổng, vì sao trong sớm chiều đã trôi dạt tới đây?’ Thiện nam tử! Người ta cũng thế, khi bị sự già yếu làm cho bại hoại rồi, thường ca ngợi những việc đã làm vào thuở tráng niên.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như cây đèn cháy được nhờ nơi dầu thấp. Khi dầu sắp hết thì đèn không thể cháy được

lâu. Thiện nam tử! Người ta cũng như thế, chỉ nhờ nơi loại dầu trắng niên. Khi dầu trắng niên đã hết, ngọn đèn già yếu làm sao còn cháy được lâu?

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như con sông khô cạn không thể làm lợi ích cho loài người, loài phi nhân, cho đến các loài chim, thú... Thiện nam tử! Người ta cũng vậy, bị cái khô cạn của tuổi già rồi thì không thể làm lợi ích bất cứ công việc nào cả.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như cây cao đứng cạnh mé sông, nếu gặp gió lớn ắt phải ngã nhào. Thiện nam tử! Người ta cũng như vậy, đứng ven bờ nguy hiểm là cảnh già, khi gió chết thổi tới, tất không đứng vững nữa được.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như chiếc xe bị gãy trục, không thể chở đồ. Thiện nam tử! Kẻ già rồi cũng vậy, không thể học hỏi bất cứ pháp lành nào.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như đứa trẻ con, bị mọi người xem thường. Thiện nam tử! Kẻ già cũng vậy, thường bị hết thảy mọi người khinh chê, xem thường.

“Ca-diếp! Vì những thí dụ ấy và vô số thí dụ khác, nên biết rằng sự già nua thật là nỗi khổ rất lớn.

“Ca-diếp! Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, quán sự già là khổ.

“Ca-diếp! Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết-bàn quán xét bệnh là khổ? Gọi là bệnh đó, có thể làm mất hết mọi sự an ổn, vui sướng, ví như mưa đá làm tổn hại lúa mạ.

“Lại nữa, Ca-diếp! Như người có kẻ thù, trong lòng thường lo buồn mà ôm lấy sự sợ sệt. Thiện nam tử! Tất

cả chúng sanh lại cũng như vậy, vì sợ bệnh khổ nên trong lòng thường lo buồn.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như có người [thanh niên] tướng mạo đẹp đẽ tuấn tú, hoàng hậu [trông thấy] động lòng yêu thương, sai người ép buộc gọi đến để cùng làm việc mây mưa. Bấy giờ vua bắt được liền sai người khoét một con mắt, cắt một lỗ tai, chặt đứt một tay và một chân. Lúc ấy, người này hình dung đổi lạ, ai nấy đều chê ghét. Thiện nam tử! Người ta cũng như thế, trước thời dung mạo đoan nghiêm, tai mắt đầy đủ, đến khi đã bị bệnh khổ vây quanh bức bách thì mọi người đều ghét bỏ, chê bai.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như những loại cây chuối, cây tre, cây lau, cây sậy, con la, khi có trái hoặc có con thì phải chết. Thiện nam tử! Người ta cũng thế, có bệnh thì phải chết.

“Lại nữa, Ca-diếp! Như vua Chuyển luân, vị đại thần cầm quân thường ở phía trước, còn vua đi phía sau. Lại như vua cá, vua kiến, vua ốc, vua trâu cùng vị thương chủ thì đi phía trước, trong khi cả đoàn đều theo sau, không hề rời bỏ. Thiện nam tử! Vua chết cũng thế, thường theo sau vị đại thần là bệnh, chẳng hề rời bỏ. Cũng như các vị vua cá, vua kiến, vua ốc, vua trâu cùng vị thương chủ, vua bệnh thường đi trước và đoàn chết luôn theo sau.

“Ca-diếp! Nhân duyên của bệnh là khổ não, lo rầu, buồn nản, thân tâm chẳng yên, hoặc bị kẻ oán thù, giặc cướp bức bách, làm hại, phá hoại phao nổi, rút bỏ cầu cống, cũng có thể cướp mất căn bản chánh niệm, lại có thể phá hoại sắc đẹp, sức mạnh, sự yên vui của tuổi

trắng niên, trừ bỏ lòng hổ thẹn, có thể làm cho thân tâm trở nên nóng nảy, bứt rứt.

“Bởi những thí dụ ấy và vô số những thí dụ khác, nên biết rằng bệnh khổ là nỗi khổ rất lớn.

“Ca-diếp! Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết-bàn quán xét bệnh là khổ.

“Ca-diếp! Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết-bàn quán xét sự chết là khổ? Gọi là chết đó, là có thể đốt cháy, tiêu diệt.

“Ca-diếp! Như nạn lửa nổi lên có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ cảnh trời Nhị thiên sức lửa chẳng tới. Thiện nam tử! Lửa chết cũng vậy, có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ Bồ Tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, thế lực nó chẳng tới.

“Lại nữa, Ca-diếp! Như nạn lụt nổi lên, tất cả đều bị cuốn trôi, nhấn chìm, chỉ trừ cảnh trời Tam thiên, sức nước chẳng tới. Thiện nam tử! Trận lụt chết cũng thế, nó cuốn trôi, nhấn chìm tất cả, chỉ trừ Bồ Tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn.

“Lại nữa, Ca-diếp! Như nạn gió bão nổi lên, có thể thổi bay tất cả, làm cho tiêu tan, diệt mất, chỉ trừ cảnh trời Tứ thiên, sức gió chẳng tới. Thiện nam tử! Con bão chết cũng thế, nó thổi bay mất hết thảy mọi vật đang có, chỉ trừ Bồ Tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Cảnh trời Tứ thiên đó, do nhân duyên gì mà gió không thể thổi, nước không thể trôi, lửa không thể cháy?”

Phật dạy Ca-diếp: “Thiện nam tử! Cảnh trời Tứ thiên đó, trong ngoài đều dứt sạch hết thảy mọi lỗi lầm, tai họa. Thiện nam tử! Chỗ lỗi lầm tai họa ở cảnh trời Sơ

thiên là bên trong có giác quan, bên ngoài có nạn lửa. Chỗ lỗi lầm tai họa ở cảnh trời Nhị thiên là bên trong có sự vui mừng, bên ngoài có nạn lụt. Chỗ lỗi lầm tai họa ở cảnh trời Tam thiên là bên trong có hơi thở gấp, bên ngoài có nạn gió bão.

“Thiện nam tử! Cảnh trời Tứ thiên đó, trong ngoài đều dứt sạch hết thảy mọi lỗi lầm, tai họa. Cho nên các nạn [gió, nước, lửa đều] không thể tới. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại cũng như thế, nhờ trụ yên ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn cho nên mọi lỗi lầm, tai họa trong ngoài đều dứt sạch. Vì vậy nên vua chết chẳng tới được.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như chim kim sí<sup>(18)</sup> có thể nuốt vào và tiêu hóa hết thảy những loài rồng, cá, vàng, bạc cùng mọi vật báu khác, chỉ trừ chất kim cương là không thể tiêu hóa. Thiện nam tử! Cái chết cũng như chim kim sí kia, có thể nuốt vào và tiêu hóa tất cả chúng sanh, nhưng không thể tiêu được vị Bồ Tát ma-ha-tát trụ yên nơi Đại thừa Đại Bát Niết-bàn.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như ven bờ sông có các loại cây cỏ, gặp trận nước lụt tràn qua, thảy đều trôi dạt, bị cuốn vào biển cả, chỉ trừ cây dương liễu, nhờ cây ấy mềm dẻo. Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh lại cũng như thế, thảy đều cuốn theo dòng nước trôi vào biển chết, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Bát Niết-bàn.

“Lại nữa, Ca-diếp! Như [vị lực sĩ cõi trời là] na-la-diên có thể khuất phục hết thảy các lực sĩ khác, chỉ trừ cơn gió lớn mà thôi. Vì sao vậy? Vì không có chướng ngại. Thiện nam tử! Cái chết cũng như vị na-la-diên kia, có thể khuất phục hết thảy chúng sanh, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì không có chướng ngại.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như có người kia đối với kẻ mình oán thù căm ghét lại giả làm ra vẻ thân thiện, thường theo đuổi như bóng với hình, rình rập chờ lúc thuận tiện để giết. Nhưng kẻ oán thù ấy thật cẩn thận, phòng bị chắc chắn, nghiêm ngặt, làm cho người kia không thể nào giết được. Thiện nam tử! Cái chết cũng như người có oán thù kia, thường rình rập chúng sanh, chờ dịp để giết, chỉ không giết được vị Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì vị Bồ Tát này không bao giờ lười nhác, buông thả phóng túng.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như [khi trời] thành linh đổ xuống trận mưa lớn bằng chất kim cương, ắt sẽ làm hư hoại mọi loài cây thuốc, cây cối nơi rừng núi, đất, cát, ngói gạch, sỏi đá, vàng, bạc, lưu ly, hết thảy mọi vật, chỉ không thể làm hư hoại chất kim cương thật. Thiện nam tử! Cái chết cũng như trận mưa kim cương kia, có thể phá hoại tất cả chúng sanh, chỉ trừ bậc Bồ Tát kim cương trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như chim kim sí, có thể ăn thịt cả loài rồng, chỉ không thể ăn thịt những chúng sanh nào đã thọ Tam quy y. Thiện nam tử! Cái chết cũng như chim kim sí kia, có thể ăn được hết thảy vô lượng chúng sanh, chỉ trừ vị Bồ Tát trụ ở ba phép định. Những gì là ba phép định? Đó là [các pháp]: không, vô tướng và vô nguyện.<sup>(19)</sup>

“Lại nữa, Ca-diếp! Như con rắn độc ma-la, những ai đã bị nó cắn thì dù có thần chú, thuốc hay mầu nhiệm nhất cũng không cứu chữa được! Chỉ có tinh chú A-kiệt-đa mới có thể chữa khỏi. Nọc độc của cái chết cũng vậy, hết thảy mọi phương thuốc đều vô hiệu! Chỉ trừ sức chú thuật của Bồ Tát trụ ở Đại thừa Đại Niết-bàn.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như có người bị vua giận, nếu biết dùng lời dịu ngọt, hiền hòa cùng với của cải, vật quý mà dâng lên vua thì có thể thoát tội. Thiện nam tử! Cái chết chẳng giống như vua kia, cho dù có đem lời dịu ngọt, cùng với tiền tài, trân bảo mà dâng lên, cũng chẳng thoát được.

“Thiện nam tử! Người nhận lấy cái chết tức là đang ở nơi tai nạn nguy hiểm mà không có chút tiền của, lương thực nào; phải đi đến chỗ xa xôi diệu vợi mà không có bạn đồng hành, đi suốt ngày đêm mà chẳng biết đâu là bờ bến, sâu thẳm, u ám, chẳng có ánh đèn, không có cửa vào nhưng thật có xứ sở; tuy không có chỗ đau nhưng không thể điều trị, đi lại không ai ngăn cản nhưng rốt cùng không thể thoát; không có chỗ phá hoại nhưng ai thấy cũng buồn lo, căm giận; chẳng phải là hình sắc dữ tợn nhưng khiến người sợ sệt; lộ rõ bên mình mà không thể hay biết.

“Ca-diếp! Vì những thí dụ ấy và vô số thí dụ khác, nên biết rằng sự chết thật là nỗi khổ rất lớn. Ca-diếp! Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết-bàn quán xét sự chết là khổ.

“Ca-diếp! Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở kinh Đại thừa Đại Niết-bàn quán xét sự yêu mến phải lìa xa là khổ? Nỗi khổ phải lìa xa chỗ yêu mến đó có thể là căn bản của mọi nỗi khổ, như bài kệ ta thuyết đây:

“Yêu mến sanh lo buồn,  
Yêu mến sanh sợ hãi,  
Nếu lìa bỏ yêu mến,  
Còn lo gì, sợ gì?”<sup>(20)</sup>

“Do nhân duyên ái luyến, ắt phải sanh ra lo rầu, khổ não. Do lo rầu, khổ não, ắt phải khiến cho chúng sanh trở nên già yếu. Khổ vì phải lìa xa chỗ yêu mến là nói khi mạng sống đã hết. Thiện nam tử! Do nơi sự biệt ly mà có thể phát sanh đủ mọi khổ não nhỏ nhặt khác. Nay ta sẽ vì ông mà phân biệt nói rõ.

“Thiện nam tử! Vào thời quá khứ, người ta sống lâu vô lượng. Bấy giờ, ở thế gian có một vị vua tên là Thiện Trụ. Vua ấy từ lúc còn thơ ấu, lớn lên làm thái tử lo việc cai trị, cho đến lúc lên ngôi vua, cả thấy là tám vạn bốn ngàn năm. Bấy giờ, trên đỉnh đầu vua bỗng mọc lên một búi tóc. Búi tóc ấy mềm nhuyễn như bông dâu-la-miên, loại bông mềm nhuyễn nhất thế gian. Búi tóc dần dần lớn lên nhưng không đau nhức chi cả. Khi đủ mười tháng, búi tóc ấy tự vỡ, sanh ra một bé trai hình dung kỳ lạ, đoan chánh chẳng ai sánh bằng, hình sắc dáng vẻ phân biệt rõ ràng, bậc nhất trong nhân loại. Vua cha lấy làm vui sướng, đặt tên [cho đứa con kỳ lạ ấy] là Đỉnh Sanh.

“Về sau, vua Thiện Trụ đem việc nước mà giao phó cho Đỉnh Sanh, rồi lìa bỏ cung điện, vợ con, quyến thuộc, vào núi học đạo tu hành trọn tám vạn bốn ngàn năm.

“Một hôm, nhằm ngày rằm, Đỉnh Sanh ở trên lầu cao, tắm gội thọ trai. Bỗng đâu từ phương đông có một bánh xe báu bằng vàng hiện ra. Bánh xe ấy có một ngàn cây nan hoa và có đủ các bộ phận, tự nhiên hình thành mà không phải do bàn tay thợ làm ra. Bánh xe ấy hiện ra rồi lại tự nhiên bay đến trước mặt vua Đỉnh Sanh.

“Đại vương Đỉnh Sanh liền nghĩ rằng: ‘Từ trước, ta từng nghe những vị tiên nhân đạt được Ngũ thông<sup>(21)</sup> nói rằng: Nếu vị vua dòng sát-đế-lợi, nhằm ngày rằm ở

trên lầu cao tắm gội thọ trai, có bánh xe báu bằng vàng có một ngàn cây nan hoa và có đủ các bộ phận, tự nhiên hình thành mà không phải do tay thợ làm ra, tự nhiên bay đến ứng hầu, nên biết rằng vua ấy sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương.’

“Vua lại nghĩ rằng: ‘Nay ta nên thử xem.’ Vua liền lấy tay trái nâng bánh xe vàng ấy lên. Kế đó, tay mặt cầm lư hương, quỳ xuống phát lời nguyện rằng: ‘Nếu bánh xe vàng này là thật, chẳng phải hư dối, thì xin hãy tự đi một đường như những bánh xe của các vị Chuyển luân Thánh vương trong quá khứ đã đi.’

“Vua phát nguyện xong, bánh xe bằng vàng ấy liền bay lên hư không, đi khắp mười phương và trở về trụ nơi bàn tay trái của vua. Lúc ấy, vua Đỉnh Sanh lấy làm vui mừng phấn khích, liền nói rằng: ‘Nay ta chắc rằng sẽ làm được Chuyển luân Thánh vương.’

“Sau đó chẳng lâu, lại có con bạch tượng quý báu hiện ra, hình dung đoan nghiêm như hoa sen trắng, chân, ngà và vòi voi đều chấm đất. Vua Đỉnh Sanh liền nghĩ rằng: ‘Từ trước, ta từng nghe những vị tiên nhân đạt được Ngũ thông nói rằng: Nếu vị vua dòng sát-đế-lợi, nhằm ngày rằm ở trên lầu cao tắm gội thọ trai, có bạch tượng quý báu hình dung đoan nghiêm như hoa sen trắng, chân, ngà và vòi voi đều chấm đất, hiện ra ứng hầu, nên biết rằng vua ấy sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương.’

Vua lại nghĩ rằng: ‘Nay ta nên thử xem.’ Vua liền nâng lư hương, quỳ xuống phát lời nguyện rằng: ‘Nếu bạch tượng quý báu này là thật, chẳng phải hư dối, hãy đi một đường như những bạch tượng của các vị Chuyển luân Thánh vương trong quá khứ đã đi.’

“Vua phát nguyện xong, bạch tượng ấy liền ra đi từ sáng đến chiều, đủ khắp tám phương, đến tận bờ biển cả, rồi trở về đứng ở chỗ cũ. Lúc ấy, vua Đĩnh Sanh lấy làm vui mừng thích ý, liền nghĩ rằng: ‘Nay ta chắc sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương.’

“Sau đó chẳng lâu, lại có con ngựa báu màu xanh biếc tuyệt đẹp, lông đuôi màu vàng ròng [hiện đến]. Đĩnh Sanh thấy vậy rồi, lại nghĩ rằng: ‘Từ trước ta từng nghe những vị tiên nhân đạt được Ngũ thông nói rằng: Nếu có vua Chuyển luân, vào ngày rằm ở trên lầu cao tám gôị thọ trai, bỗng có con ngựa quý màu xanh biếc tuyệt đẹp, lông đuôi màu vàng ròng, hiện đến ứng hầu, nên biết rằng vua ấy tức là Thánh vương.’

“Vua lại nghĩ rằng: ‘Nay ta nên thử xem.’ Vua liền nâng lư hương, quỳ xuống phát nguyện rằng: ‘Nếu ngựa quý màu xanh biếc này là thật, chẳng phải hư dối, hãy đi một đường như những ngựa quý của các vị Chuyển luân Thánh vương trong quá khứ đã đi.’ Vua phát lời nguyện ấy rồi, ngựa quý liền ra đi từ sáng tới chiều, đi khắp tám phương, đến tận bờ biển cả, rồi trở về đứng chỗ cũ. Lúc ấy, Đĩnh Sanh lấy làm vui mừng phấn khích, liền nói rằng: ‘Nay ta chắc rằng sẽ được làm bậc Chuyển luân Thánh vương.’

“Sau đó chẳng bao lâu, lại có một mỹ nhân hình dung đoan chính, xinh đẹp bậc nhất, không cao không thấp, chẳng trắng chẳng đen. Từ các lỗ chân lông trên thân cô lại tỏa ra mùi hương chiên-đàn, trong miệng bay ra mùi thơm như hoa sen xanh. Mắt cô có thể nhìn xa đến một do-tuần,<sup>(22)</sup> tai cũng có thể nghe xa, mũi cũng có thể ngửi xa đến như vậy. Lưỡi cô lớn rộng, khi thè ra có thể che trùm cả khuôn mặt, hình thể da dẻ mịn màng xinh

đẹp, có màu như đồng đỏ. Mỹ nhân ấy lại thông minh sáng suốt, đối với chúng sanh thường nói lời êm dịu. Khi cô dùng tay sờ vào áo vua, liền có thể biết được thân vua đang an vui hay có bệnh, lại có thể biết được trong lòng vua đang nghĩ đến những điều gì. Lúc ấy, vua Đĩnh Sanh lại nghĩ rằng: ‘Nếu có người mỹ nhân khéo biết được trong lòng vua, ấy là báu vật vô giá.’

“Rồi sau đó chẳng bao lâu, trong cung vua tự nhiên xuất hiện hạt châu ma-ni quý báu, có màu xanh thuần như lưu ly, lớn bằng bắp đùi người, có thể ở trong chỗ tối chiếu ra ánh sáng xa đến một do-tuần. Nếu khi trời đổ mưa, hạt mưa lớn như trục bánh xe, hạt châu ấy có thể hóa ra cây lọng quý che khắp một do-tuần, chẳng để cho hạt mưa nào có thể rơi xuống trong khoảng ấy. Bấy giờ, Đĩnh Sanh lại nghĩ rằng: ‘Như vua Chuyển luân mà được hạt châu này, ắt phải là Thánh vương.’

“Sau đó chẳng bao lâu, lại có vị quan Chủ tạng thần tự nhiên xuất hiện. Vị ấy có nhiều cửa cải trân bảo, giàu có vô lượng, kho báu đầy tràn, không thiếu món chi. Vị ấy có cặp mắt nhìn thấu suốt bên dưới lòng đất, thấy được kho tàng ẩn khuất ở mọi nơi, tùy ý vua cần dùng bao nhiêu, vị ấy đều có thể liệu kiếm được đủ cho vua dùng.

“Lúc ấy, Đĩnh Sanh lại muốn thử xem. Vua liền cùng ngòi thuyền với vị Chủ tạng thần ấy đi ra biển cả, bảo rằng: ‘Nay ta muốn có những món trân bảo lạ.’ Nghe xong, vị Chủ tạng thần liền lấy hai bàn tay mà khuấy nước biển. Lúc ấy, nơi mười đầu ngón tay của vị ấy bỗng xuất hiện mười kho báu, người dâng lên Thánh vương và tâu rằng: ‘Đại vương cần những thứ chi, xin tùy ý dùng. Còn dư bao nhiêu, xin trả lại biển cả.’ Lúc ấy, Đĩnh Sanh lấy làm vui mừng phấn khích vô cùng, lại



nói rằng: ‘Nay ta chắc chắn rằng ta sẽ là Chuyển luân Thánh vương.’

“Sau đó chẳng bao lâu, lại có vị quan Chủ binh thần tự nhiên xuất hiện. Vị này dũng mãnh thao lược, mưu trí bậc nhất, khéo biết sử dụng cả bốn loại quân.<sup>(23)</sup> Khi nhận trách nhiệm chiến đấu, ắt Thánh vương xuất hiện. Nếu không nhận trách nhiệm chiến đấu, liền rút lui chẳng hiện. Đối với những người chưa khuất phục, có thể làm cho khuất phục, đối với những người đã khuất phục, có thể đủ sức bảo vệ, giữ gìn.

“Bấy giờ, vua Đỉnh Sanh nghĩ rằng: ‘Nếu vua Chuyển luân được quân đội quý báu này, chắc chắn phải là Chuyển luân Thánh vương.’

“Một hôm, Chuyển luân Thánh vương Đỉnh Sanh hỏi các đại thần rằng: ‘Các khanh nên biết là cõi Diêm-phù-đề này đã được an ổn, phồn thịnh. Nay trẫm có đủ bảy món báu và một ngàn đứa con trai, vậy nên làm việc gì nữa?’

“Các quan tâu lên rằng: ‘Đại vương, Phát-bà-đề ở phương đông chưa qui thuận uy đức của ngài, nên đến đó thảo phạt.’

“Lúc ấy, Thánh vương cùng với bảy báu của ngài và tất cả quân binh đều bay lên hư không mà đến cõi Phát-bà-đề ở phương đông. Ở châu ấy, nhân dân thấy đều vui lòng qui thuận.

“Vua lại hỏi các đại thần rằng: ‘Châu Diêm-phù-đề và châu Phát-bà-đề đã được an ổn, phồn thịnh, nhân dân thấy đều qui thuận. Trẫm có đủ bảy báu và một ngàn đứa con trai, vậy nên làm việc gì nữa?’

“Các quan lại tâu rằng: ‘Đại vương, Cồ-đà-ni ở phương tây hãy còn chưa quy thuận đức lớn của ngài.’ Lúc ấy, Thánh vương với bảy báu của ngài và tất cả quân binh đều bay trên hư không mà đến Cồ-đà-ni ở phương tây. Khi vua ngự tới đó rồi, nhân dân cõi ấy cũng quy phục đức lớn của ngài.

“Vua lại hỏi các đại thần rằng: ‘Châu Diêm-phù-đề, châu Phát-bà-đề và châu Cồ-đà-ni nay đều được an ổn, phồn thịnh, nhân dân thấy đều qui thuận. Trẫm có đủ bảy báu và một ngàn đứa con trai, vậy nên làm việc gì nữa?’

“Các quan tâu rằng: ‘Đại vương! Uất-đan-việt ở phương bắc hãy còn chưa qui thuận.’

“Lúc ấy, Thánh vương với bảy báu của ngài và tất cả quân binh đều bay lên hư không mà đến châu Uất-đan-việt ở phương bắc. Khi vua ngự tới đó rồi, nhân dân ở cõi ấy đều vui lòng qui thuận đức lớn của ngài.

“Vua lại phán với các đại thần rằng: ‘Bốn cõi thiên hạ đều được an ổn, phồn thịnh, nhân dân thấy đều qui thuận đức lớn của ta. Ta có đủ bảy báu và một ngàn đứa con trai, vậy nên làm việc gì nữa?’

“Các quan đáp rằng: ‘Thánh vương! Ở cõi trời Ba mươi ba<sup>(24)</sup> mạng sống của chư thiên rất lâu dài, an ổn, khoái lạc. Chư thiên ở đó thân hình đoan nghiêm không chi sánh bằng. Cung điện mà họ ở, giường ngủ, ghế ngồi đều toàn bằng bảy món báu. Họ dựa vào phước lực cõi trời nên chưa chịu đến quy hóa. Nay có thể đến đó mà làm cho họ khuất phục.’

“Lúc ấy, Thánh vương lại cùng với bảy báu của ngài và tất cả quân binh đều bay lên hư không, lên tới cung trời Đao-lợi, nhìn thấy một cái cây màu xanh lục. Thánh

vương liền hỏi các đại thần rằng: ‘Đó là màu sắc gì vậy?’ Đại thần đáp rằng: ‘Đó là màu sắc của cây ba-lợi-chất-đa-la. Chư thiên ở cõi trời Đao-lợi này, trong ba tháng mùa hạ thường vui chơi dưới cội cây ấy.’

‘Lại thấy màu trắng dường như mây bạc, vua hỏi đại thần rằng: ‘Đó là màu sắc gì vậy?’ Đại thần đáp: ‘Là màu sắc của Thiện pháp đường. Chư thiên ở Đao-lợi thường họp nhau trong đó, luận bàn việc ở cõi trời và cõi người.’

‘Lúc ấy vị Thiên chủ Thích-đề-hoàn-nhân biết rằng vua Đỉnh Sanh đã đến ở bên ngoài, bèn ra nghinh tiếp. Gặp nhau rồi, nắm tay cùng lên Thiện pháp đường, phân chỗ mà ngồi.

‘Lúc ấy, hai vua hình dung tướng mạo y hệt như nhau, duy chỉ cặp mắt có phần hơi khác nhau thôi. Ngay lúc ấy, Thánh vương khởi ý nghĩ rằng: ‘Nay ta có nên từ bỏ ngôi vua kia mà ở lại đây làm Thiên vương chăng?’

‘Thiện nam tử! Lúc bấy giờ Đế-thích thọ trì, đọc tụng kinh điển Đại thừa, lại vì người khác mà mở mang, chỉ bảo, phân biệt giảng nói, chỉ đối với nghĩa lý sâu xa chưa thông đạt đến mức cùng tột mà thôi. Nhờ sức nhân duyên của việc thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà phân biệt giảng rộng [kinh điển Đại thừa] nên có oai đức rất lớn.

‘Thiện nam tử! Vì Đỉnh Sanh đối với Đế-thích sanh khởi lòng xấu ác nên liền bị đọa lạc, [lập tức] rơi trở lại cõi Diêm-phù-đề, ôm lòng nhớ tưởng sự chia lìa giữa cõi người và cõi trời mà phát sanh khổ não rất lớn. Sau lại mắc bệnh nặng, liền phải bỏ mạng.

‘Đế-thích lúc bấy giờ tức là Phật Ca-diếp sau này,

còn Chuyển luân Thánh vương thuở ấy tức là tiên thân của ta.

‘Thiện nam tử! Nên biết rằng cái khổ yếu mền phải chia lìa đó thật là khổ lớn. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát còn nhớ tới những nỗi khổ vì chia lìa ấy trong các đời quá khứ của mình, hướng chi Bồ Tát trụ ở kinh Đại thừa Đại Niết-bàn mà chẳng quán xét nỗi khổ yếu mền phải chia lìa trong đời hiện tại này sao?

‘Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết-bàn quán xét sự khổ vì oán ghét phải gặp nhau? Thiện nam tử! Vị Bồ Tát ma-ha-tát ấy nhìn thấy ở các cõi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, cõi người, cõi trời, thấy đều có sự khổ vì oán ghét phải gặp nhau.

‘Ví như người ta xét thấy những cảnh trói giam, gông cùm nơi lao ngục là khổ lớn, Bồ Tát ma-ha-tát lại cũng như vậy, xét thấy tất cả muôn loài thọ sanh trong năm đường<sup>(25)</sup> đều là nỗi khổ lớn vì phải gặp gỡ người mình oán ghét.

‘Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có một người kia thường sợ sự gông cùm, xiềng khóa của kẻ oán thù, bèn lìa bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, trân bảo, sản nghiệp mà trốn đi xa. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại cũng như vậy, vì sợ sệt sanh tử bèn tu hành trọn vẹn sáu pháp ba-la-mật,<sup>(26)</sup> vào nơi Niết-bàn.

‘Ca-diếp! Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn quán xét việc oán ghét phải gặp nhau là khổ.

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát tu hành kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn quán xét việc mong cầu không được là khổ? Nói mong cầu đó là mọi thứ đều dốc lòng cầu. Dốc lòng cầu có hai trường hợp: một là cầu pháp lành, hai là cầu pháp chẳng lành. Pháp lành chưa đạt được là khổ, pháp chẳng lành chưa dứt bỏ được là khổ.

“Đó là lược nói qua về năm ấm bạo phát là khổ. Ca-diếp! Đó gọi là Khổ đế.”

Lúc ấy Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa nói về cái khổ năm ấm bạo phát, nghĩa ấy không thích hợp. Vì sao vậy? Trước đây Phật có nói với Thích-ma-nam rằng: ‘Nếu hình sắc là khổ thì hết thảy chúng sanh chẳng nên cầu hình sắc. Nếu có người cầu, tức không gọi là khổ.’

“Lại như Phật có dạy chư tỳ-kheo rằng: ‘Có ba loại cảm thọ: cảm thọ khổ, cảm thọ vui, và cảm thọ không vui không khổ.’

“Lại như trước đây Phật có dạy chư tỳ-kheo rằng: ‘Nếu có người biết tu hành theo pháp lành, ắt được hưởng sự vui thích.’

“Lại như Phật có dạy: ‘Trong thiện đạo có sáu sự xúc chạm tạo ra vui thích, như mắt thấy hình sắc đẹp liền sinh lòng vui thích. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý đối với các pháp tốt đẹp tương ứng cũng vậy.’

“Như Phật có thuyết kệ rằng:

“Giữ giới ắt được vui,  
Thân không chịu các khổ,  
Giấc ngủ được yên ổn,  
Khi thức lòng vui vẻ.

Như lúc lãnh áo cơm,  
Tụng tập rồi kinh hành,<sup>(27)</sup>  
Cô độc nơi rừng núi,  
Như vậy là vui nhất!

Nếu đối với chúng sanh,  
Ngày đêm thường tu từ,  
Nhân đó thường được vui,  
Vì không tổn hại ai.

Ít muốn, biết đủ, vui,  
Nghe nhiều rõ biết, vui,  
La-hán không đấm chấp,<sup>(28)</sup>  
Cũng gọi là được vui.

Bồ Tát ma-ha-tát,  
Rốt cùng đến bờ kia,<sup>(29)</sup>  
Mọi việc đã làm xong,  
Gọi là vui bậc nhất.

“Bạch Thế Tôn! Như trong các kinh nói về tướng vui thích, ý nghĩa là như vậy. Nay như Phật vừa nói đó, làm sao phù hợp với nghĩa ấy?”

Phật dạy Ca-diếp: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông thật khéo hỏi Như Lai nghĩa ấy! Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh khi chịu ít khổ hơn liền sanh ra tư tưởng trái ngược cho là vui sướng. Cho nên tướng khổ mà hôm nay ta thuyết dạy so về căn bản cũng không khác biệt.”

Lúc ấy Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Như Phật dạy rằng chúng sanh khi chịu ít khổ hơn liền sanh ra tư tưởng cho là vui sướng, vậy thì những sự ít khổ khác như già, bệnh, chết, yêu mến phải lìa xa, mong cầu không được,

oán ghét phải gặp nhau, năm ấm bạo phát, lẽ ra cũng đều có chỗ vui sướng.

“Bạch Thế Tôn! Sanh nơi thấp kém, đó là nói Ba cảnh dữ.<sup>(30)</sup> Sanh nơi trung bình, đó là nói cõi người. Sanh nơi cao quý, đó là nói cõi trời. Như có người lại hỏi: ‘Nếu khi được ít vui lại sanh ra tư tưởng cho là khổ, được vui sướng trung bình sanh ra tư tưởng cho là không khổ không vui, được vui sướng nhiều liền sanh ra tư tưởng cho là vui sướng.’ Vậy phải trả lời như thế nào?”

“Bạch Thế Tôn! Như nói khi chịu ít khổ hơn mà sanh ra tư tưởng cho là vui sướng, con chưa từng thấy có người nào sắp phải chịu đánh ngàn lần mà khi bị đánh một lần đầu lại sanh ra tư tưởng vui sướng! Nếu chẳng sanh tư tưởng ấy, sao nói rằng khi chịu ít khổ hơn liền sanh ra tư tưởng vui sướng?”

Phật bảo Ca-diếp: “Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Vì nghĩa ấy nên không có cái tư tưởng vui sướng. Vì sao vậy? Cũng như người kia, sắp phải chịu đánh một ngàn lần, nhưng vừa chịu đánh xong một lần liền được giải thoát. Lúc đó, người ấy liền sanh tư tưởng vui sướng. Cho nên biết rằng, [người ấy] đối với việc không vui sướng mà sai lầm sanh ra tư tưởng vui sướng.”

Ca-diếp nói: “Bạch Thế Tôn! Người ấy không phải vì chịu đánh một lần mà phát sanh tư tưởng vui sướng, chính là vì được thoát [khỏi những lần còn lại] nên sanh ra tư tưởng vui sướng.”

Phật dạy: “Ca-diếp! Cho nên ngày xưa ta vì Thích-ma-nam<sup>(31)</sup> mà dạy về sự vui sướng trong năm ấm,<sup>(32)</sup> chẳng phải lời hư dối.

“Ca-diếp! Có ba sự cảm thọ và ba sự khổ. Ba sự cảm thọ là: cảm thọ vui sướng, cảm thọ đau khổ, cảm thọ không vui không khổ. Ba sự khổ là: khổ vì sự khổ, khổ vì các hành và khổ vì sự hư hoại.

“Thiện nam tử! Cảm thọ đau khổ đó là [chịu đựng đủ] ba sự khổ: khổ vì sự khổ, khổ vì các hành và khổ vì sự hư hoại. Còn hai cảm thọ kia là khổ vì các hành và khổ vì sự hư hoại.

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên ấy nên giữa chốn sanh tử thật có cảm thọ vui sướng. Bạc Đại Bồ Tát thấy rõ tánh thật của khổ đau và vui sướng chẳng hề lìa nhau nên mới dạy rằng: ‘Tất cả đều là khổ.’

“Thiện nam tử! Giữa chốn sanh tử thật không có gì là vui sướng. Chỉ vì chư Phật, Bồ Tát tùy thuận thế gian nên dạy rằng có vui sướng.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu chư Phật và Bồ Tát tùy thuận thế tục mà nói thì đó có phải là hư vọng chẳng? Như Phật có dạy: ‘Tu hành điều thiện, ắt hưởng quả báo vui sướng; giữ giới thì được an vui, thân không chịu khổ; cho đến làm xong mọi việc thì đó là sự vui sướng tốt bậc. Những kinh như vậy nói về sự cảm thọ vui sướng, có phải là hư dối chẳng? Nếu là hư dối, thì chư Phật Thế Tôn tu đạo Bồ-đề trong vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp lâu xa, đã lìa bỏ sự nói dối, nay lại nói ra như vậy là ý nghĩa gì?’”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như trên đã nói, bài kệ giảng về những cảm thọ vui sướng tức là căn bản của đạo Bồ-đề, lại cũng có thể nuôi lớn quả vị Chánh đẳng chánh giác. Bởi nghĩa ấy nên trước đây trong kinh ta có nói về tướng vui sướng như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như ở thế gian, những thứ cần đến trong đời sống có thể là nguyên nhân của vui sướng, nên gọi đó là vui sướng. Những thứ ấy là: sắc đẹp phụ nữ, rượu ngon, món ăn thịnh soạn, vị ngọt, lúc khát gặp nước uống, lúc lạnh gặp lửa ấm, áo quần, vòng chuỗi, voi ngựa, xe cộ, tôi trai tớ gái, vàng bạc, lưu ly, san hô, chân châu, kho lẫm lúa thóc... Những thứ như vậy là chỗ cần đến của thế gian, có thể là nguyên nhân của vui sướng, cho nên gọi là vui sướng.

“Thiện nam tử! Những thứ như vậy lại cũng có thể sanh ra đau khổ. Do người phụ nữ mà làm cho người đàn ông sanh ra những sự đau khổ, lo buồn, than khóc, cho đến bỏ mạng. Do nơi rượu ngon, món ăn thịnh soạn... hết thấy các thứ cho đến kho lẫm lúa thóc... mà làm cho người ta sanh mối lo lắng buồn phiền lớn. Vì nghĩa ấy, hết thấy đều là khổ, thật không có tướng vui sướng.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát đối với tám nỗi khổ, biết rõ là khổ nên không có khổ.

“Thiện nam tử! Hết thấy hàng Thanh văn, Bích-chi Phật chẳng biết nguyên nhân của vui sướng. Vì những người như vậy nên ở trong chỗ ít khổ mà nói là có tướng vui sướng. Chỉ có Bồ Tát trụ ở kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn mới có thể rõ biết nguyên nhân của đau khổ và nguyên nhân của vui sướng như vậy.<sup>(33)</sup>

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN MƯỜI HAI

## CHÚ GIẢI

1. Nguyên bản dùng “thanh hoàng xích bạch...”, Nam bản bỏ chữ “xích”, chúng tôi theo vì thấy hợp lý: không thấy xương có màu đỏ bao giờ. Có lẽ cụm từ “thanh hoàng xích bạch” được dùng theo thói quen. Hơn nữa, ngay trong một đoạn sau cũng thấy viết là: “như thanh sắc, quán hoàng, bạch, cấp sắc diệc phục như thị...” nghĩa là không có chữ “xích” (màu đỏ).
2. Ba sự ham muốn (Tam dục): 1. Hình mạo dục: ham muốn nhan sắc, thân hình đẹp đẽ của kẻ khác; 2. Tư thái dục: Ham muốn dáng vẻ, cung cách đi đứng của kẻ khác; 3. Tế xúc dục: Ham muốn sự xúc chạm mềm mại, êm dịu với kẻ khác.
3. Bốn phương kế cận (tứ duy): là các phương đông nam, đông bắc, tây nam và tây bắc. Khái niệm mười phương (thập phương) thường dùng trong đạo Phật là xuất phát từ đây, bao gồm các phương đông, tây, nam, bắc, đông nam, đông bắc, tây nam, tây bắc, cùng với hai phương trên, dưới.
4. Bốn đại (tứ đại): bốn yếu tố cấu thành vật chất theo quan điểm xưa, gồm có đất, nước, lửa, gió (địa, thủy, hỏa, phong). Hiểu theo ý nghĩa tượng trưng thì đây là bốn tính chất phổ biến của vật chất: đất tượng trưng cho độ rắn chắc, kết cấu của vật chất; nước tượng trưng cho độ ẩm, sự hiện diện của nước trong vật chất; lửa tượng trưng cho nhiệt năng hay năng lượng, hàm chứa trong mọi vật chất; và gió tượng trưng cho sự chuyển động, thay đổi của các phân tử cấu thành vật chất.
5. Đàn không hầu: một loại nhạc cụ ngày xưa, giống đàn sắt nhưng nhỏ hơn, có 23 dây.
6. Ba mươi sáu thứ (Tam thập lục vật): Một cách liệt kê tượng trưng các chi tiết hợp thành thân người, bao gồm: 12 thứ ngoài thân: tóc, lông, móng, răng, dử ghèn, nước mắt, nước miếng, đàm dãi, phân, nước tiểu, cáu ghét, mồ hôi; 12 thứ trong thân: da, da non, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ trong, mỡ ngoài, não, mạc; 12 cơ quan nội tạng: gan, mật, ruột, dạ dày, lách, cật, tim, phổi, sanh tạng (tam tiêu), thực tạng (bàng quang), đờm trắng, đờm đỏ. Cũng có thể hiểu 36 thứ là cách nói tượng trưng chỉ cho sự kết hợp của rất nhiều bộ phận, cơ quan chi tiết khác nhau tạo thành cơ thể.
7. Tứ niệm xứ (Bốn chỗ niệm tưởng): 1. Niệm tâm vô thường (Tâm niệm xứ): luôn thấy biết rằng tâm niệm vô thường, nối tiếp sanh diệt, không có gì bền chắc, đáng cố chấp. 2. Niệm thọ thị khổ (Thọ mạng xứ): luôn thấy biết rằng mọi cảm thọ đều là khổ, không có gì để mê đắm, tham tiếc. 3. Niệm pháp vô ngã (Pháp niệm xứ): luôn thấy biết rằng hết thấy các pháp đều do nhân duyên mà sanh, giả hợp thành tướng, trong đó không có pháp nào có thể gọi là ngã. 4. Niệm thân bất tịnh (Thân niệm xứ): luôn thấy biết rằng thân này do nhân duyên giả hợp, gồm những vật chất bất tịnh, như nhớp, không bền chắc, không có gì để tham đắm, chấp giữ. Bồ Tát do nơi bốn niệm xứ này mà luôn thấy được tánh thật của các pháp.
8. Kham nhẫn địa: Địa vị ban sơ trong mười địa vị (Thập địa) của hàng Bồ Tát, cũng gọi là Hoan hỷ địa.
9. Ba tướng khổ (khổ khổ, hành khổ và hoại khổ). Tướng khổ vì sự khổ: các nỗi khổ như tật bệnh, đói khát, nóng lạnh... nối nhau không dứt. Cái khổ này vừa dứt thì cái khổ khác tiếp theo, làm cho chúng sanh đau khổ. Tướng khổ vì các hành: do

- các hành là vô thường nên vạn vật trong thế gian đều là thường, liên tục biến đổi. Sự vô thường thay đổi của chúng làm cho người ta phải khổ. Tướng khổ vì hoại diệt: Vạn vật trong thế gian đều phải hư hoại, bản thân mỗi người cũng như hết thảy những con người và sự vật mình yêu thích đều phải hoại diệt. Điều ấy làm cho chúng sanh phải khổ.
10. Tám nỗi khổ này thường được gọi chung là Bát khổ.
11. Mười sức của Phật (Thập lực), cũng gọi là Mười trí lực (Thập trí lực), bao gồm: 1. Tri thị xứ phi xứ trí lực, 2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực, 3. Tri chư thiên giải thoát tam-muội trí lực, 4. Tri chúng sanh tâm tánh trí lực, 5. Tri chủng chủng giải trí lực, 6. Tri chủng chủng giới trí lực, 7. Tri nhất thiết sở đạo trí lực, 8. Tri thiên nhân vô ngại trí lực, 9. Tri túc mạng vô lậu trí lực, 10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực.
12. Bốn đức chẳng sợ (Tứ vô sở úy), cũng gọi là Tứ vô úy. Bao gồm: a. Nhất thiết trí vô sở úy; b. Lậu tận vô sở úy; c. Thuyết chương đạo vô sở úy; d. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy. Đó là bốn đức chẳng sợ của Phật. Lại có bốn đức chẳng sợ của hàng Bồ Tát: a. Tổng trì bất vong thuyết pháp vô úy; b. Tận tri pháp được, cập tri chúng sanh căn dục tánh tâm, thuyết pháp vô úy; c. Thiện năng vấn đáp, thuyết pháp vô úy; d. Năng đoạn vật nghi, thuyết pháp vô úy.
13. Ba chỗ niệm (Tam niệm xứ): cũng gọi là Tam niệm trụ hay Tam chánh niệm xứ. 1. Đệ nhất niệm xứ: Đức Phật khi thuyết pháp niệm tướng pháp giới bình đẳng, rốt cùng không có tướng suy giảm, nên dù chúng sanh không hết lòng nghe pháp cũng chẳng sanh tâm lo lắng. 2. Đệ nhị niệm xứ: Đức Phật khi thuyết pháp niệm tướng pháp giới bình đẳng, rốt cùng các tướng sanh tử, Niết-bàn đều không thể nắm bắt, vì thế thường sanh tâm buông xả, thường làm lợi ích cho tất cả chúng sanh nhưng không hề có ý niệm làm lợi ích chúng sanh.
14. Người này tuy mạng căn chưa dứt nhưng phạm vào tội hủy báng kinh điển Đại thừa nên xem như đã chết, không thể cứu vãn.
15. Tuy mạng căn chưa dứt nhưng hủy phạm cấm giới nên xem như đã chết, không thể cứu vãn.
16. Năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.
17. Năm món dục (Ngũ dục): Năm sự ưa thích, vui thỏa với trần cảnh, bao gồm sự đắm vui với hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị giác và xúc giác. Sự đam mê của chúng sanh tuy rất nhiều nhưng không ra ngoài 5 món dục này.
18. Chim kim sí (Kim sí điểu): Chim cánh vàng, cũng gọi là chim đại bàng, là loài chim có hình thể lớn nhất.
19. Cũng gọi là Tam giải thoát môn (vimokṣa), là ba phép quán tưởng, thiền định giúp người tu tập đạt đến sự giải thoát. Không (śūnyatā) là nhận biết ngã và pháp đều trống không; vô tướng (ānimitta) là nhận biết hết thảy các pháp đều bình đẳng, vô tướng; vô nguyện (apraṇihita) là nhận biết sanh tử là khổ, dứt hết mọi ham muốn, có thể đạt đến Niết-bàn.
20. Nội dung bài kệ này được ghi lại trong kệ số 212 của kinh Pháp cú như sau: 從喜愛生憂，從喜愛生怖；離喜愛無憂，何處有恐怖。(Tùng hỷ ái

sanh ưu, tùng hỷ ái sanh bố, ly hỷ ái vô ưu, hà xứ hữu khủng bố. - Từ hỷ ái sanh ra lo lắng, từ hỷ ái sanh sợ sệt. Xa lìa hỷ ái thì chẳng còn lo lắng, còn có gì phải khiếp sợ?)

21. Tiên Ngũ thông (Ngũ thông tiên): là những vị ẩn cư trên núi cao, giữ hạnh thanh tịnh, được phép thần thông và thọ mạng lâu dài. Năm phép thần thông của các vị này (Ngũ Thông) là: 1. Thiên nhãn thông: mắt thấy các cõi chúng sanh. 2. Thiên nhĩ thông: tai nghe các thanh âm ở các nơi. 3. Tha tâm thông: biết được tư tưởng của chúng sanh. 4. Thần túc thông: biến hóa nhiều phép thuật linh nghiệm phi thường. 5. Túc mạng thông: biết các đời trước của chúng sanh, nhớ được các đời trước của mình.
22. Một do-tuần (yojana), cũng đọc là do-diên hay du-thiện-na, tương đương khoảng 9.216 mét.
23. Bốn loại quân trong quân đội ngày xưa, bao gồm: 1. Tượng binh: quân sử dụng voi chiến. 2. Mã binh: quân sử dụng ngựa chiến. 3. Xe binh: quân sử dụng các loại chiến xa. 4. Bộ binh: quân chỉ thuần đánh bộ.
24. Cảnh trời Ba mươi Ba: (Tam thập tam thiên, 三十三天) cũng gọi là Đao-lợi thiên (兜利天, Phạn ngữ: Trayastrimsa) vì Đao-lợi thiên gồm 33 cõi trời. Bốn phương, mỗi phương có 8 cõi trời, với 1 cõi trời ở trung tâm là 33. Mỗi cõi trời có một vị Thiên Đế cai quản, ở trung tâm có thành gọi là Hỷ Kiến, có đức Đế Thích ngự tại Thiện Pháp Đường là vị chủ quản cao nhất.
25. Năm đường (Ngũ đạo): Năm cảnh giới thọ sanh của chúng sanh do tạo nghiệp, bao gồm: 1. Địa ngục. 2. Súc sanh. 3. Ngạ quỷ. 4. Cõi người. 5. Cõi trời.
26. Sáu pháp Ba-la-mật (Lục ba-la-mật), cũng gọi là Lục độ, bao gồm: 1. Bố thí Ba-la-mật. 2. Trì giới Ba-la-mật. 3. Nhẫn nhục Ba-la-mật. 4. Tinh tấn Ba-la-mật. 5. Thiền định Ba-la-mật. 6. Trí huệ Ba-la-mật.
27. Kinh hành: đi chậm rãi và nhiếp tâm, chung quanh điện Phật hoặc sân chùa, am, tịnh thất, thường là vào những giờ nhất định trong ngày.
28. La-hán không đấm chấp (Vô trước A-la-hán): Vị A-la-hán là người đã trừ sạch phiền não, không còn vướng mắc, đấm chấp nơi trần cảnh.
29. Túc là đạt được sự giải thoát, vì kinh Phật ví sự mê lầm của chúng sanh là bờ bên này (thử ngạn), cảnh giới giải thoát của chư Phật là bờ bên kia (bỉ ngạn).
30. Ba cảnh dữ (Tam ác thú) là những cảnh: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Cũng gọi là Ba đường ác (Tam ác đạo).
31. Thích-ma-nam: Một trong năm vị tỳ-kheo thuộc nhóm ông Kiều-trần-như, quy y trước nhất với Phật tại Lộc Uyển, gần thành Ba-la-nại.
32. Năm ấm (Ngũ ấm, cũng gọi là Ngũ uẩn): là những yếu tố cấu thành hết thảy mọi chúng sanh, được kể ra như sau: 1. Sắc ấm: Năm căn, năm trần và những vật hữu hình; 2. Thọ ấm: Đối cảnh sanh cảm thọ vui sướng, buồn khổ hoặc không vui không khổ; 3. Tưởng ấm: Đối cảnh nhận ra sự đen, trắng, nhỏ, to, dài, ngắn, đàn ông, đàn bà.v.v... 4. Hành ấm: Đối cảnh sanh lòng ham muốn hoặc ghét giận; 5. Thức ấm: Đối cảnh liền nhận biết, phân biệt.
33. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 12, phẩm Thánh hạnh phần thứ 2.

## MỤC LỤC

### PHẦN HÁN VĂN & CHÚ ÂM

卷第七	
如來性品第四之四.....	6-7
卷第八	
如來性品第四之五.....	94-95
卷第九	
如來性品第四之六.....	196-197
卷第十	
如來性品第四之七.....	282-283
一切大眾所問品第五之一	292-293
卷第十一	
現病品第六.....	376-377
聖行品第七之一.....	406-407
卷第十二	
聖行品第七之二.....	456-457

### PHẦN DỊCH NGHĨA

#### QUYỂN BẢY

PHẨM TÁNH NHƯ LAI

Phẩm thứ tư - Phần bốn..... 54

#### QUYỂN TÁM

PHẨM TÁNH NHƯ LAI

Phẩm thứ tư - Phần năm..... 154

#### QUYỂN CHÍN

PHẨM TÁNH NHƯ LAI

Phẩm thứ tư - Phần sáu..... 246

#### QUYỂN MƯỜI

PHẨM TÁNH NHƯ LAI

Phẩm thứ tư - Phần bảy..... 338

PHẨM ĐẠI CHÚNG THƯA HỎI

Phẩm thứ năm..... 345

#### QUYỂN MƯỜI MỘT

PHẨM THỊ HIỆN BỆNH

Phẩm thứ sáu..... 422

PHẨM THÁNH HẠNH

Phẩm thứ bảy - Phần một..... 441

#### QUYỂN MƯỜI HAI

PHẨM THÁNH HẠNH

Phẩm thứ bảy - Phần hai..... 506